PHAN TỨ

Mãn và tội

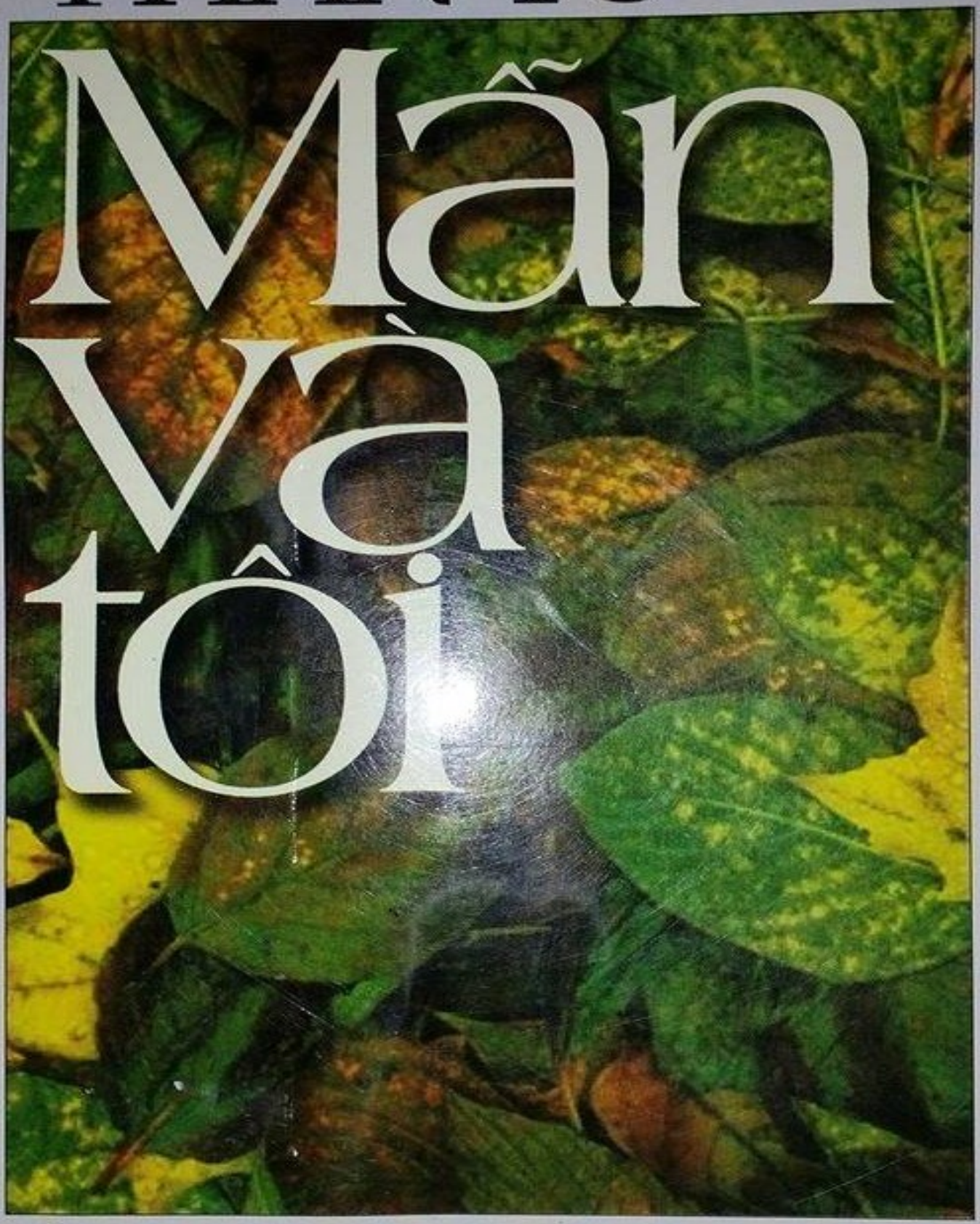

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Mẫn và Tôi

Tác giả: Phan Tứ
Nhà xuất bản văn học
Năm xuất bản: 2001
Nguồn: avsnonline.net
Epub: @lamtam, tve-4u.org

Chương 1

– Rồi chưa anh Thiêm làm?

– Chút xíu nữa.

Tôi khom lưng, hết lên gân tay, vặn cổ sợi mây song to bằng ngón chân cái. Sợi dây đánh vật với tôi như trăn với cọp. Nó vùng quẫy, trườn, nẩy ngược, quất vào sườn tôi đau điếng, rồi xoắn tròn và giẫy đành đạch. Tôi đạp chân trên lưng nó, lại vặn.

Chú Dé đến bên tôi, nói khàn khàn:

– Có du kích hai người, hỏi chỉ huy xê mình, gấp quá.

– Khoan, đợi đã.

Tôi mỏi rã hai tay rồi. Sợi mây chỉ cong lại một ít, không chịu nẻ dọc. Dé bật kêu:

– May lé ik đớp![(1)]

– Cái gì?

– Không làm được, để tui!

Hai tiếng đại bác ngạt mũi trong mưa. Cặp đạn rít vo vo trên cao, biến mất, nổ xa. Mấy hôm nay địch bắn thưa thớt, chúng sợ hết đạn.

Tôi vừa ngừng vặn để thở phì một hơi. Dé đã giằng lấy sợi mây, kê nó trên một rễ cây, lượm hòn đá đập mươi cái cho thớ mây giập ra, xoắn cổ nó lại rất nhanh. Tôi đã từng làm kiểu ấy, nhưng vừa rồi ỷ sức quá hoá lẫn, kể cũng ngượng.

Dé buộc đầu dây vào gốc cây gạo. Tôi vành tay lên miệng, gào cho át tiếng nước đổ ầm ầm như mấy chục chiếc ô tô nổ máy tại chỗ:

– Căng dây ra! Căng dâây!

Chúng tôi hồi hộp nhìn tổ đầu tiên níu sợi mây lội qua thác. Hình như nó réo to hơn ban nãy. Anh em đã thu ngắn dây súng, treo ngang súng thật cao trên ngực. Áo quần đồ đạc gói cả vào tấm

nhựa choàng, buộc túm vác một bên vai, lỡ tuột tay rơi gói xuống nước thì có thể chạy đón đầu vớt lại.

Đi đường núi, mỗi ngày năm mười lần băng suối lũ là chuyện thường. Nhưng cáu nhất là chúng tôi đang hành quân giữa đồng bằng Quảng Nam, song song với quốc lộ số Một, chỉ cách hơn mười cây số đường chim bay, mà phải mất nửa buổi để vượt một dải ruộng bậc thang kẹp giữa hai sườn đồi, cách nửa tháng chúng tôi cõng gạo qua đây còn thấy khô trắng, nẻ chân chim! Trận lụt quái quỉ đã biến quãng ruộng hẹp thành thác bùn đỏ bầm. Ban nãy tôi với chú Dé phải trút hết súng đạn, ba-lô, buộc dây dù vào bụng - mười khúc dây võng nối nhau - bơi nhào qua thác ở chỗ hẹp nhất, sau đó hì hụi kéo một đầu sợi mây song qua theo.

Tôi nhẹ người hẳn khi anh em lần lượt níu bụi mua sát mé nước, nhún chân bước lên gò. Việc đầu tiên là đặt gói xuống đất, rút ngay cái quần đùi quấn cổ mặc vào. Về đồng bằng, quân ta giữ tư thế cẩn thận lắm.

Dé trỏ ngón tay lên đầu dốc:

– Anh Thiêm đi gặp du kích. Tui qua nước, lấy đồ anh đồ tui. Du kích hai người, kia!

Tôi vuốt nước mưa tràn vào mắt, nhận ra hai cái bóng mờ mờ trong mưa, đứng im dưới cây dừa thấp. Tôi thấy lạ. Anh Năm Cẩn, chính trị viên, đã đem một tổ đi trước chúng tôi nửa ngày. Chắc hẳn anh qua đây lúc nước còn yếu nên để lại ám hiệu an toàn và đi thẳng vào xóm, tìm gặp xã đội. Nếu hai cậu đứng đấy là du kích Tam Trân được phái ra đón chúng tôi, sao họ cứ thập thò đằng xa? Cũng chẳng phải biệt kích, chúng nó sức mấy mà dám vuốt râu hùm? Coi điệu bộ kỳ lắm.

Tôi rút súng ngắn cầm tay - một đồng chí vừa đem cái nịt súng sang giùm- cho tiểu đội Một tản rộng, luồn giữa các bụi sim và mua, đi lên đồi. Nhiều trái pháo 105 liên tiếp xoáy mưa trên đầu, nổ phía đường ô-tô. Hai bóng kia vẫn đợi. Họ đội nón lá, trùm tấm nhựa xuống quá gối. Một người mang súng chúc nòng xuống đất. Tôi vạch lá, bước ra trước mặt họ, suýt kêu một tiếng “à”. Hèn gì không dám xuống!

Họ là hai cô gái rất trẻ, lạ mặt, đang luống cuống gí ngón chân trên bùn, nhìn cắm xuống đất. Chú em trinh sát của tôi nói tiếng Kinh chưa sõi, đàn ông hay đàn bà đều gọi "người du kích" cho gọn. Tôi cười xí xoá:

– Xin lỗi nghen, tụi tôi dầm mưa ướt hết. Nhờ các đồng chí về báo xã đội anh em đang qua sông, à quên qua ruộng, chừng mười lăm phút nữa đi tiếp được.

Cô mang các-bin ngửng đầu, rụt rè:

– Chúng tôi... đội công tác Tam Sa, dưới kia...

Tôi không để ý, chỉ gọi tiểu đội Một dàn ra giữ mặt trước, rồi chào vội, bỏ đi. Cô kia bước theo mấy bước, nói hấp tấp:

– Báo cáo đồng chí, tụi tui ở Tam Sa, vùng bị chiếm...

– Đây là Tam Trân chớ?

– Nguy lắm anh à. Xã em... xã chúng tôi lụt ba thước nước, địch còn bắn ngày bắn đêm, bà con chết quá đi... Các anh làm sao xuống cứu giùm... tụi nó nhốt đồng bào trong ấp...

Tôi quay lại. Cô du kích Tam Sa nhìn tôi bằng cặp mắt đỏ, mí sưng dày. Đôi lông mày rậm đen giương cao, đợi câu trả lời. Hai cánh mũi phập phồng thở mạnh. Biết nói sao để cô hiểu bây giờ? Tôi gạt nước mưa trên mặt, lặp lại những câu đã nói nhiều lần khi qua các vùng bị ngập:

– Đồng chí hiểu cho tụi tôi phải đi xa lắm, gấp lắm. Phải như khi khác, tụi tôi nhào xuống cứu liền không đợi nhắc.

– Dạ, tôi cũng biết bộ đội phải lo đánh giặc, nhưng mà...

Một ánh chớp màu cam chợt loé trong màn mưa đục, bên phải tôi. Một tiếng "inh" rất sâu, rền dài, như trái bom tấn vừa nổ dưới mười thước đất. Đất quẫy rùng rùng. Cái gì vậy? Tôi sửng sốt ngó quanh, chợt thấy hòn Chò bên kia dải ruộng ngập có cái gì khác thường. Trái núi đang cựa mình. Đấy, rõ ràng nó cựa. Mấy thân cây cao in sọc trắng trên núi bắt đầu rung nhòe nét trên nền lá sẫm. Một đường ngoằn ngoèo màu đỏ tươi đang chạy từ đỉnh núi xuống chân, nở to rất nhanh, như luồng sét nào vừa đánh xuống và dính luôn vào sườn dốc. Một đường nứt nẻ. Núi đổ!

Bị nước lụt xói mãi vào chân, cả một mảng núi đang sụt xuống.

Sau tiếng nổ lớn, hòn Chò phát tiếp ra tiếng sấm đất, ban đầu nghe xa và bí hiểm, dần dần dội lên, rất to. Các thứ tiếng tách rời nhau mỗi lúc một rõ: lách cách, òng ọc, rắc rắc, rào rào, và từng loạt tiếng nổ râm ran như một tiểu đoàn đang bắn máy bay. Những khối đá to bằng cái nhà bắt đầu lăn, xô đẩy nhau, càng xuống thấp càng lao nhanh, chồm lên nhau như bầy trâu điên nhảy loạn. Một chùm tảng đá cỡ cái chum bị húc văng tốc lên trời, xoay tít, vẽ những đường cong đen trên mưa trắng, rơi bịch bịch; một hòn gieo xuống cách tôi chỉ một tầm ném lựu đạn, quẫy ào ào giữa các bụi mưa như heo rừng bị bắn gãy chân. Đá nhào trước, tiếp tới những cây to của mảng rừng cấm. Cây lăn ngang lông lốc một quãng, cành và rễ biến thành những bánh xe răng cưa lắp hai đầu thân, rồi lần lượt chuyển sang chuồi dọc theo dốc, chân xuống dưới. Tiếp đó, từ vết thương đỏ hỏn của núi, một dòng máu bầm lừ lừ tuôn ra, rất đặc, lan rộng, lổn nhổn những cây đá ngào trong đất lầy, với những hòn đá nhô màu trắng như bọt sủi. Trái núi bị quấy lỏng thành thác bùn mênh mông đang chảy xuống!

Tôi đứng ngó trân trân, chợt thấy đầu nóng bỏng và chân tay lạnh sởn da gà. Rất may, mảng núi kia lở hướng khác. Nếu nó đổ xuống chỗ C.215 của tôi đang qua thác... Chúng tôi không thể nổ súng đánh bật lùi trung đoàn đá. Dù tìm được hố rãnh núp, chúng tôi cũng sẽ bị chôn dưới mấy thước bùn, cả đại đội biến mất không còn dấu vết, chao ôi! Núi còn sụt nữa. Phải vượt gấp quãng này. Tôi đâm đầu chạy xuống chỗ lội. Đằng sau tôi ai đó kêu to.

* * *

Anh em đã qua thác gần hết, đại đội trưởng Ba Tơ thắt nịt súng ngắn, hỏi:

– Gì như động đất vậy Thiêm?

Thì ra quả đồi này che khuất cảnh núi sụt. Tôi kể hối hả. Ba Tơ quay lại, hét gọi mấy tổ bên kia qua gấp. Nước lũ đang ngả dần sang màu đỏ tươi pha vàng - màu của lớp đất sâu mới bị quật lên - chảy nhanh vọt, chậm lại, rồi kêu ùng ục như nồi cháo sôi. Chúng tôi

túm tay kéo hai đồng chí sang cuối cùng, họ không rút chân được nữa trong chất hồ đỏ sền sệt. Hú vía!

Ba Tơ cau mày, mặt còn tái:

– Hết sông ngăn tới núi cản. Đi như rùa bò, đây rồi xê mình mang tiếng gỡ không ra đó Thiêm... Đằng trước mau lên, rửa cái gì, lên đỉnh gò tập hợp!

Tôi mặc áo, choàng cái quần dài qua cổ, xốc ba-lô. Hai đầu gối còn hơi run, có lẽ vì cơn hoảng vừa rồi. Một cái tình huống chưa hề gặp, cũng chẳng nghe nói bao giờ. Anh Ba vẫn lắc đầu:

– Trễ hẹn mất Thiêm à. Tới ngày N, chắc tụi mình còn lội nước tận đâu đâu, tiếng bộc phá không tới lỗ tai.

– Mấy xê kia không chừng cũng mắc kẹt...

– Tụi thằng Long giữa mùa lụt cứ đi mỗi ngày hai trạm, không nhớ à?

Nhớ chứ, nhưng tôi không muốn anh sốt ruột thêm. Tôi buộc tấm choàng trùm trên mũ tai bèo, thắt múi sau gáy, khom lưng leo dốc lần nữa. Hai cô gái trên đầu dốc đã biến mất. Hình như ban nãy cô đeo các-bin gọi với theo tôi mấy tiếng thất thanh, rất tội, nhưng giờ thì đâu mà phân bua. Cái lý do đang nằm to tướng sau lưng tôi kia: dòng thác biến thành thung lũng lầy đang nở nhanh, cây gạo đứng chỗ mé nước hồi nãy đã ngập tới nửa thân, còn chưa hết ngập.

* * *

Chỉ có ba chúng tôi trong ban chỉ huy được biết ngày và nơi hội quân, nhưng mối lo trễ hẹn cứ day dứt từ đại đội trưởng Ba Tơ đến chú Dé em cưng mới nhập ngũ. Lính xê mình rất tài coi tướng cán bộ.

Sau bốn trận thắng khá ngon ở Quảng - Đà, tiểu đoàn chúng tôi được điều vào Quảng Ngãi theo trung đoàn đã vào trước. Sắp làm ăn to đây. Năm Cẩn đi nhận lệnh, về cười khà:

– Trung đoàn cưng lính thiệt chớ. Các ảnh cử phái viên ra, sắp đặt cho tụi mình vừa đi vừa nghỉ xả hơi, ăn uống bảnh, tới đất Sơn Tịnh là choảng được liền.

Đời lính mang nặng đi dài, chẳng mấy khi được đi một chuyến hành quân thoải mái như kỳ này. Chúng tôi sẽ đi mỗi ngày một trạm ngắn, nhiều nhất chỉ năm tiếng đồng hồ, toàn ban ngày, ngoài tầm pháo địch. Ba ngày đi, một ngày nghỉ. Hậu cần làm ăn rất cừ, đã đặt ở mỗi trạm nghỉ một chú trâu hay bò đang vỗ béo bên cạnh một rẫy sắn cỡ sư đoàn. Gạo tăng vọt lên "lon quan ba"[(2)]. Cậu Châu, phái viên hậu cần, mọi khi tới đơn vị thường méo mặt kể khó khăn, nay rung đùi thả cửa. Cậu ta khoe tài xoay sở mãi đến nỗi anh Ba Tơ phải chặn: "Thôi được, mày cứ đi với tụi tao làm con tin. Hễ thiếu trâu, tao xẻ mày tao nướng". Tay Châu này tính cởi mở, xốc vác, rủi bị mấy lần hứa hão nên bị gọi là "ông trâu giấy". Bị trám miệng, cậu không bực, chỉ rút dao xếp ra liếc trên bàn tay: "Keo này được ăn trâu mập, đứa nào còn nhắc tới trâu giấy là tao xin khúc lưỡi!"

Quân đi được vài ngày, ông trời bắt đầu phá đám. Mây kéo lên, căng trên đầu chúng tôi một lớp bong bóng heo đều màu. Mưa tuôn xuống, mới đầu là thứ mưa phùn rây bột làm mát người mát đất. Lính ta rất khoái. Mưa vuốt dịu đợt nắng cuối mùa. Mưa làm tàu bay mù mắt, tới trạm mặc sức đốt lửa ban ngày mà lùi sắn, nướng thịt trâu, pha chè rừng nhấm nháp.

Giọt nước qua mỗi ngày đêm lại nở ra một chút, dày thêm một chút. Những đợt tạnh rút ngắn lại, biến hẳn, mưa chiếm hết trời đất. Mỗi lần sốt ruột ngửng lên nhìn trời, chúng tôi chỉ thấy những chấm bụi li ti từ nền mây đục kia tuôn xuống, chen chúc như trẻ con vừa chạy vừa nghịch huých nhau, to dần, khi rơi bộp trên mặt thì bằng hạt đậu đen. Vất vả rồi. Vắt kéo ra đón đường như tằm ăn rỗi. Quàng nhựa leo dốc, mồ hôi tuôn đầm đìa khắp người, hơi nóng bốc lên mặt hầm hập. Áo quần chịu để thối hoắc, không giặt phơi được. Củi ướt, đất ướt, cơm hết sống lại nhão. Chân bị nước ăn, ban đầu chỉ ngứa rát ở các kẽ ngón, sau cả bàn chân bị nẻ da rỉ máu, nhúng xuống nước đau nhói tận óc.

Rồi những cái phiền vặt đó không đáng kể nữa, khi trước mặt chúng tôi mọi chỗ trũng đều biến thành suối, suối thành sông, sông thành cửa biển. Cầu lớn cầu nhỏ kéo nhau về biển Đông hết sạch. Chúng tôi đi bằng cặp chân lội bùn, sau thêm cây gậy, rồi ghép thêm hai tay níu hoặc bò, thêm phao ni-lông độn áo quần và nhồi lá cho

phình to đủ sức cõng trung liên. Mỗi ngày năm bảy lần chúng tôi lặn mò súng chìm, chạy dọc thác vớt ba-lô, có khi phải nhào theo các cậu trượt chân bị nước cuốn. Những luồng "nước cống", mà chỉ khe suối trên núi mới có, hay gầm rống thốc xuống như máy bay chúi, trong chớp mắt biến chỗ lội cạn thành cái thác dữ cắt nghiến đơn vị làm đôi, và chúng tôi đành đứng hai bên bờ nhìn nhau, đợi vài giờ cho nước vợi bớt.

Cán bộ cũng ngấm nước mưa bợt người và uống đầy bụng nước lũ như anh em, nhưng cứ bị lửa đốt trong ngực: chậm nhất ngày 14-11-1964 phải có mặt tại Sơn Tịnh, sẵn sàng nổ súng. Bộ đội đi từ mờ đất đến nhọ mặt người. Chưa đủ. Năm đội mở đường được phóng lên trước, gồm các "chuyên gia cầu treo", "chuyên gia cắt rừng", "chuyên gia dò thác". Vẫn mất hai ngày đêm để vượt một trạm ngắn.

Tiểu đoàn đành bỏ đường núi. Từng đại đội tách ra, toả xuống đồng bằng, chia nhiều ngả vào Quảng Ngãi. Anh tiểu đoàn trưởng cười cười, vạch cho C.125 của tôi một nét bút chì trên bản đồ:

– Các cậu đánh tao ngộ khá, cho ăn nhậu vùng thấp nhứt, tươi không?

Nét bút, vẽ rất nhạt để sau dễ tẩy, lách qua gần chợ Cẩm Khê, chợ Cây Sanh. Phải đi sát hông sáu đồn to bót nhỏ, cả chục ấp chiến lược, dễ đụng giặc lắm, mà đụng ắt ngứa tay muốn choảng. Anh tiểu đoàn trưởng lấy cuốn sổ trên tay tôi, viết luôn mấy chữ thật to: "Nhớ ba yêu cầu: bí mật, đúng hẹn, đủ quân số võ khí". Anh trả tôi cuốn sổ, vẫn cười:

– Mình gửi mấy chữ cho Ba Tơ. Ông bạn cố tri của mình nóng mũi một cây, cậu phải can không cho hắn đánh ẩu dọc đường, nhớ chưa?

Đại đội tôi đi nhanh hẳn lên sau khi rẽ cương. Chính trị viên Cẩn là cán bộ lâu năm của Quảng Nam, tới xóm nào cũng "đụng đầu người quen cộp cộp", nên chúng tôi có sẵn đò chực bến sông, du kích dẫn đường, các mẹ lo giùm cơm ăn cơm gói. Địch mắc mưa nằm co trong đồn, bắn pháo hà tiện, máy bay chỉ quần đảo mé trên lớp kính đục che trời. Chúng tôi dấn tới, bù được mấy ngày chậm

trên núi, mừng rơn. Rồi nước lại dâng. Con lũ xuống núi đuổi theo chúng tôi, dai và ác như đỉa voi. Đất Tiên Phước lùi về phía sau. Đồng bằng Tam Kỳ đón chúng tôi bằng tiếng trống mõ báo động dội râm ran trên vùng nước trắng băng. Chúng tôi đổ xô vào cứu lụt một, hai, ba lần, đã trễ càng trễ thêm, vừa đi vừa chạy cũng không kịp. Nhiều anh em gục lả. Cơn lũ đã đến trước, chặn đầu những người lính sốt rét đến lập cập lảo đảo, mắt sâu và má hóp, tay rớt da, bàn chân rỉ máu, nhưng vẫn khiêng theo tất cả các đồng chí ốm, lội nước thâu đêm về hướng chiến dịch.

Ba Tơ phà một luồng khói rất đặc, nhắm mắt, nói lúng búng: “Chà, đã thèm...”. Bộ mặt to ngang và sần sùi biến trong khói. Theo thói quen, anh hoa hoa điếu thuốc trước mặt, ai cần thì đón lấy rít vài khói, nếu không anh lại hút tiếp. Nhưng chúng tôi có đủ mỗi người một điếu thuốc rê cỡ bự trên tay.

Năm Cẩn đón anh em lúc sẩm tối ở thôn Sáu xã Tam Trân, gọi tắt là Sáu Trân nghe hệt tên người. Anh mua nửa con bò chết đuối và gạ vay được lúa đảm phụ giải phóng, nhờ bà con sấy và xay giã gấp, đất cũ người quen có khác. Chúng tôi đánh một chầu cháo bò nhiều hành, nêm nước mắm nhứt, ăn vào tới đâu biết tới đó. Nước mưa ngấm da bị đẩy ra từng giọt to, tôi trút được tới vài ca mồ hôi, người nhẹ thênh. Lập tức nửa đại đội được chọn đi cứu lụt ở hai thôn gần, hẹn bốn tiếng phải về để kịp lên đường lúc gà gáy đầu. Chi ủy họp gấp trong căn nhà tranh của chị xã đội trưởng Tam Trân, ngồi trên những bó lúa can sớm gặt dưới mưa còn xếp đống to giữa nhà, chảy nước ra nền lênh láng. Vùng này kịp gặt xong cả, rất may.

Hồi chiều anh Bảy quai nón, bí thư huyện Tam Kỳ, đã tìm gặp Năm Cẩn, nhờ bộ đội góp sức cứu lụt vài hôm, nhất là cứu đồng bào bị giam trong các ấp chiến lược dọc đường Một. Số người chết đến sáng nay đã ngót bốn trăm, còn tăng nữa, nước cứ lên không ngừng. Trong chuỗi tên của các ấp bị nặng nhất, tôi nghe có làng Cá thuộc Tam Sa. Cô du kích Tam Sa có đôi mắt sưng, chỉ kịp nói vài câu ấp úng...

Ba Tơ hơi gắt:

– Kéo xuống tận đường Một... Mình ăn cơm Tam Kỳ mòn răng đây nè. Mỗi lần đi gấp qua đây, cứ phải úp mũ giấu mặt, không thì bà con túm áo níu lại, bắt ghé ăn gà uống rượu suốt ngày. Năm Cẩn cũng vậy, phải chưa? Thử hỏi xê mình đứa nào mấy bữa nay khỏi sốt ruột sốt gan?

Không ai cãi, nhưng anh sừng sộ to hơn:

– Các cha nhớ đó, hồi nào trực thăng nó chụp xuống đầu làng, cả xê mình xách súng chạy ra rừng, bị bà con chửi cho rát mặt. Tới khi hốt được cái Gò Sậy, dắt tù binh về một xâu, các mẹ mới nấu cơm cho ăn. Bây giờ cũng vậy. Cứ đậy mo lên mặt mà đi, nhồi đất sét vô lỗ tai mà đi...

Các đồng chí đưa mắt cho nhau qua ánh đèn dầu lù mù, thở dài, chép miệng. Mỗi người đang bị giằng xé rất đau, và hơn cả vẫn là Ba Tơ, tôi biết. Những tin xóm trôi người chết xóc mãi vào anh cán bộ huyện đội Tam Kỳ năm xưa, gãy trong thịt như gai xương rồng. Anh cáu kỉnh giục bộ đội đi gấp nữa, anh cãi nhau với mình, tự thúc mình đấy thôi. Những lời oán trách của cán bộ và đồng bào sẽ trút xuống đầu anh trước hết. “Thằng Ba Tơ dẫn đại đội nó đi thẳng một hơi, bà con chết lụt nó không thèm ngó. Thà rằng ai đâu xa lạ, chớ nó ăn dầm nằm dề đất Tam Kỳ...”

Chúng tôi lật đi lật lại các công thức gỡ bí, nhưng chính người đưa kế ra cũng biết rõ mình đang tự dối mình. Gãy hết. Một cuộc họp bị tắc tị, buốt ruột.

– Đại đội ở lại một ngày hai đêm, sau đó đi hoả tốc; anh em đã đuối càng kiệt sức hơn, số lên cơn sốt rét tăng vọt, đến nơi làm sao đủ sức đánh dài ngày?

– Chọn để lại một trung đội khoẻ mạnh, cứu lụt vài ngày, xong đuổi theo đơn vị?

Ý này của tôi, và tôi muốn lãnh trung đội ấy. Tôi còn khỏe, bơi khá. Nhưng ai sẽ vác súng cối, khiêng người ốm, gánh đạn và gạo đi trước?

– Cho người chạy hoả tốc tìm gặp ban chỉ huy tiểu đoàn xin ở lại cả đại đội? Tiểu đoàn đi trước khá xa. Chúng tôi không có tàu bay, máy điện tín. Đường bộ ngập lênh láng, xe đạp tắc. Đường sông

không có. Vài người chạy bộ vào tới địa đầu Quảng Ngãi rồi trở ra, nước lụt đủ thì giờ về biển hết. Vả lại ngày hẹn là do trung đoàn hay cấp trên nữa qui định...

Chi ủy tính nát nước. Mỗi lúc chúng tôi lặng im, tiếng trống mõ từ phía Đông lại bay tới lao xao, chen những loạt cối to cối nhỏ, những tràng súng máy từ các đồn trên cao xả xuống chỗ nào có đốm sáng. Chạy lụt trong đêm mưa phải có đèn. Tôi nhìn cái đèn pin nhựa Vasa thò đầu ra khỏi túi dết của Năm Cẩn, thoáng rùng mình. Thứ đèn này bán khắp nơi, đầu bằng nhựa trong, rọi xuống đất vẫn lộ một cục sáng trắng to sù...Địch đã bắn nhào bao nhiêu bà con soi đèn chạy lụt đêm nay?

Năm Cẩn thì thào một điều chúng tôi đã biết:

– Vùng giải phóng ở mé trên này, cao hơn, ngập lác đác từng chỗ còn dễ cứu. Dưới kia khó, anh Bảy mới năn nỉ nhờ tụi mình...

Câu nói đông lại trong cổ anh. Anh rướn cổ, nuốt mạnh hai lần, nín luôn. Rõ quá rồi. Tiếng mõ và tiếng súng thay anh kể tiếp. Địch nhốt đồng bào vào các ấp chiến lược quanh chân đồn, chỗ thấp, sát họng súng, rào thép gai và mìn vây kín, cổng ấp khoá cứng. Sẽ còn ai sống sót không để tả lại cảnh địa ngục đang hiện hình dưới kia: nước dâng réo ầm ào trong đêm đen kịt, hàng ngàn con người rú thét chạy loạn, mìn nổ tới tấp dưới chân đạp, đạn giặc quét vung vãi xuống đầu, trời đất ơi! Một đồng chí bước vội ra hè, không kịp nén tiếng nấc. Anh Ba Tơ nhìn tôi trừng trừng, bàn tay anh đang nắm lặng lẽ bật lên một ngón, hai ngón. Anh hất hàm. Tôi lắc đầu. Năm Cẩn thở dài. Ba chúng tôi đều biết không thể trễ hẹn, dù chỉ vài ngày. Đến trễ là phạm kỷ luật chiến trường, là trốn chiến đấu, là đào ngũ, là làm cho trung đoàn bị què cụt, là phá vỡ cuộc tiến công rập ràng. Chúng tôi có vô khối lý do để khỏi bị trách phạt. Nhưng người đảng viên trong mỗi chúng tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho mình, chưa nói đến cả chi bộ, chi đoàn, cả xê mình sẽ cảm thấy lần đầu mang nhục...

– Thôi giải tán. Còn ba tiếng nữa, rán ngủ.

Ba Tơ nói khẽ như báo tin thất trận.

Chúng tôi treo võng dồn vào một đầu nhà. Bên kia đống lúa chưa đập, ba đứa con chị Bỉnh chủ nhà ôm nhau ngáy trên bộ ván kê sát đất, mẹ chúng đang chạy góp người góp gạo cứu lụt. Năm Cẩn viết vội mấy chữ gửi anh Bảy quai nón - lại phải phân trần. Thêm một mớ đạn 105 chừng mười hai trái nữa hú dài, chớp lửa gần, rung đất dưới chân tôi. Ba Tơ đang ngồi, co chân lên bôi thuốc đỏ vào các kẽ ngón, ngửng đầu. Mắt anh có đốm lửa.

– Thiêm à, tao muốn ăn non một cú quá, mày!

– Cú sao đó?

– Pháo kích. Sơ sơ một chục trái cối sáu mươi, thả vô chỗ hai trăm lẻ năm của tụi Chóp Chài. Cũng nhẹ vai anh em chút đỉnh. Tụi nó nghi bộ đội huyện, biết sao được chủ lực đánh lẻ...

Tôi rút cuốn sổ tay, giơ cho anh xem lại mấy chữ của tiểu đoàn trưởng ghi. Đây là lần thứ ba anh nóng mũi. Anh "hự" trong mũi, thả phịch đôi vai to bè bè xuống võng, kéo tấm đắp lên trùm đầu, không cựa quậy nữa. Tôi khoác tấm nhựa, lê chân đau nhức đi gặp các trung đội. Anh em cứu lụt đã lục đục về gần đủ. Quay lại nhà chị Bỉnh, tôi chỉ còn đủ sức nhấc hai chân đầy bùn đặt lên võng.

* * *

Khi lịm nhanh như hòn đá rớt xuống ao, trong tai tôi vẫn xoáy tròn tiếng trống mõ của vùng dưới. Tôi giật mình thức giấc có lẽ vì cái tiếng nhoi nhói ấy biến mất. Đúng, nó dứt rồi. Chỉ còn mưa tuôn sùi sụt, chuột kêu trên mái, vài loạt súng lạc lõng. Nước rút, hết báo động. May quá... Tôi nghĩ chập chờn bấy nhiêu, đã thấy cái đầu đặc sệt lại buồn ngủ đến nhũn người. Giọng phụ nữ nói khẽ, nói to, nói khẽ. Giọng quen quen. Của ai? Đến giờ báo thức chưa nhỉ? Lỡ cậu gác ngủ quên... Tôi cố mở cặp mi mắt đè nặng như chì, xoay cổ tay xem mặt đồng hồ lân tinh dưới tấm đắp. Mới gần hai giờ sáng. Hai rưỡi dậy, ba giờ ra đi. Vẫn cái giọng quen quen bên kia đống lúa, cạnh bếp. Tôi hé tấm dù nhìn sang.

Chị Bỉnh xã đội trưởng Tam Trân đang chất thêm củi vào bếp. Hai cô gái nữa ngồi sưởi. Cả ba đều ướt sũng, quần vo quá gối. Một cô nói rụt rè:

– Thôi chị, ngập lụt khó đi củi...

Cô rút bớt mấy thanh đang cháy. Ngọn lửa soi một khuôn mặt hơi hóp, có đôi lông mày rậm đen như mày đàn ông, nhưng uốn cong đều nên trông vẫn dịu. Người cũng gầy, cái nịt đạn Mỹ bó ngang eo lưng mảnh dẻ trông to bản hẳn ra. Cô du kích Tam Sa ban chiều đây rồi.

– Em về, chị.

Chị Bỉnh gạt phắt:

– Tầm bậy! Đạn chê thì nước cũng nuốt mày, đợi sáng đã!

– Em về. Mai chị cứ cho số anh em đó xuống thẳng gò Trúc, em đón...

– Mày điên hả Mẫn? Bộ cả chi ủy có một mình mày biết lo thôi à? Đưa súng đây!

Chị giằng cây các-bin băng cong trên tay Mẫn, dựng trái vào góc phên, nhắc cái đòn kê đến ngồi bên Mẫn, quàng tay ngang vai Mẫn. Chị to gấp đôi Mẫn, trông như mẹ bên con. Mẫn úp mặt trên đầu gối. Chị Bỉnh ghé tai Mẫn thì thào hồi lâu, tôi không nghe được. Cũng chẳng đẹp đẽ gì cái lối nghe trộm, nhưng tôi biết họ chỉ nói chuyện cứu lụt nên cứ lắng tai. Chợt Mẫn thổn thức hơi to:

– Không phải đâu chị!

– Còn ngập thì còn đánh mõ la làng chớ, đây im xo hết...

– Chết sạch trơn rồi, lấy ai nữa mà báo động!

Một luồng lạnh buốt giội từ đầu xuống chân tôi. Tại sao tôi không đoán ra cái điều dữ dội mà rất đơn giản ấy? Nước rút sao được dưới trời mưa không dứt hạt? Tôi run tay bíu vào mép võng, muốn chồm dậy, muốn kêu to rằng bộ đội sẽ đi ngay bây giờ. Nhưng tôi không hất nổi tảng đá đè trên ngực. Tôi phải ỳ ra như cái bị thịt. Áo quần biến thành tôn lạnh bó cứng chân tay, và dọc lưng tôi luồng lạnh ban đầu cứ đọng lại mãi, như nước chảy theo dây võng đã ngấm ướt nửa người bên dưới. Nằm im đấy, bịt tai, nhắm mắt, rồi cuốn gói đi trước sáng. Nhắc lại với cô du kích kia những lời phân trần xoắn xuýt để làm gì, trong khi bà con mắc lụt cần tay giúp hơn cần mồm mép!

Chị Bỉnh hất hàm về phía bốn cái võng của chúng tôi:

– Hồi chiều mày gặp ai?

– Anh gì còn trẻ, trắng trắng, cao, bộ tướng như học trò thành phố, nói giọng tỉnh trong...

– À, anh Thiêm, Tư Thiêm đại đội phó. Sao?

– Ảnh mới nghe thấy tiếng đã phủi như phủi tàn lửa. Em nghe nói có chú Ba Tơ, chú Năm Cẩn, tính hỏi thăm mà ảnh đâm đầu chạy mất. Coi người như rác!

Tôi điếng người. Rất may chị Bỉnh nói giúp:

– Tay Thiêm đó tao biết, cũng tốt nết lắm. Cả đại đội bị bết xà lết mà phải đi thí xác, coi thiệt thương. Hồi tối chi ủy họp ở đây, tính chuyện cứu lụt, bàn riết rồi chịu bó tay, anh Cẩn nói vậy. Gà gáy đầu họ đi rồi. Đừng oán, tội anh em.

– Oán ai đâu. Chỉ ghét cái người làm bộ làm tịch. Thôi em về, dứt khoát. Dậy, Liềm!

Mẫn lay cô gái thứ hai nãy giờ ngồi dựa phên, ngoẹo đầu ngủ say. Liềm mới trạc mười lăm, gầy nhom, da nâu. Chị Bỉnh thở dài, nhấc thử cái bao bột mì to đặt trên ghế đẩu, chép miệng không nói. Dưới vải gồ lên những quả gì tròn, bằng trái cam, có lẽ là cơm cứu đói. Mẫn luồn hai tay ra sau, gạt rất gọn những thứ đeo trên thắt lưng ra trước bụng: mấy băng các-bin ngắn, hai lựu đạn mỏ vịt, một cái võng xi-ta xếp nhỏ. Xem cái dáng quen thạo của Mẫn, tôi biết cô này đã đeo súng nhiều năm, không phải mượn súng người khác đem theo giữ mình. Mẫn khoác hai quai bao cơm vào vai, chống tay trên gối, mím môi cố đứng dậy. Liềm đưa súng, choàng cho Mẫn tấm nhựa rách mấy chỗ. Vừa nhích vào bước, Mẫn lảo đảo vịn cây cột, tay run. Chị Bỉnh vội đỡ cái bao to gấp bốn vòng bụng Mẫn, gắt:

– Bỏ ra, mày bôn[(3)] thì đi trước, lát nữa tụi tao đem cơm xuống!

Mẫn hít mấy hơi dài, ngửng lên, gạt tay chị:

– Em ngồi lâu, đứng dậy... hoa mắt chút thôi.

Mẫn cười nhợt nhạt, trao các-bin cho Liềm, níu cửa bước ra chầm chậm. Chị Bỉnh lắc đầu, cầm đèn ra thềm. Bên ngoài tấm rèm mưa buông từ mái tranh, chỉ có một khối đen đặc của trời và đất nối liền nhau bằng những cuộn chỉ trắng tuôn hoài không dứt đoạn.

Quãng ruộng ngập trước nhà, hồi mới tối còn chảy im lặng, giờ đã réo lên tiếng thác ồ ồ trong đêm, đầy đe doạ.

* * *

Từ mé trên, một lệnh ngắn chạy dọc hàng quân:

– Dừng lại, nghỉ chỗ khuất. Mời anh Thiêm lên.

Lại gặp một con sông nào đó mới ra đời trong lụt! Tôi đưa trả cây trung liên cho cậu Kỷ, vòng lên, lội lõm bõm dọc các bờ ruộng bậc thang đã biến thành vô số đập nước tràn, tránh một chỗ bờ bị xói sâu hoắm, chợt thấy một người đang hoa tay nói gì giữa trung đội Hai. À "ông trâu giấy". Có tin mới đây rồi!

Tay Châu nhác thấy tôi, vội kêu:

– Giật gân, gay cấn, ai yếu tim bịt tai đừng nghe!

– Trâu bứt mũi chạy ra rừng hả?

– Tào lao, Bác Hưng đánh rồi. Hốt trụi một dê lính dù chánh hiệu rằn ri, cha chả, đang vây đồn mần nữa. Cắt tiểu đoàn cậu ở lại Quảng Nam cứu lụt mươi ngày. Gởi tặng mỗi xê một đài chiến lợi phẩm mới tinh hảo, xê cậu được một Xô-ni. Đã đời chưa? Hơn ăn trâu mập chưa?

Anh em cười rộ. Vui thắng trận có, mà mừng được cứu lụt chắc là phần nhiều. Những đôi mắt hõm vụt tươi lên. Tôi cười theo. Hình như tôi vừa hất khỏi vai một khúc gỗ sém nặng ghê gớm trong những ngày khiêng cây dọn rẫy. Riêng anh Ba Tơ không cười. Anh lẳng lặng kéo tôi đi lách lên trước. Chính trị viên tiểu đoàn đón chúng tôi giao việc mới. Ba Tơ liếm một giọt mưa đậu trên mép, dặng hắng, hỏi ngập ngừng:

– Diệt tụi dù... gọn không?

– Cũng khá. Sẩy đâu bốn chục thằng đuôi.

– Mình bị bao nhiêu?

– Mất ba, bị thương tám. Đánh dưới mưa đỡ bớt cái tàu bay. Tù binh một trăm hai, chạy gạo cho nó ăn mệt đừ.

Đến lúc này những nét đăm chiêu trên mặt Ba Tơ mới giãn ra. Anh gật gật, cười, những giọt nước đọng trong râu rớt xuống. Trung

đoàn không vì chúng tôi vắng mặt mà gặp khó, vẫn đánh ngon. Tôi thầm ngượng vì trót vui quá sớm và ồn ào khi được lệnh mới. Thân này ví xẻ làm đôi được...

Chính trị viên ngồi xổm, cầm que vạch sơ đồ trên mặt bùn, nói vội:

– Sáng nay nước lên non một thước nữa, nguy to, tràn lan hết. Mình đi trên sườn núi, ngó xuống phía Tam Sa, Tam Lộc, thấy lút ngọn tre mất rồi. Ba Tơ à, cậu là thổ công hà bá đất này, lãnh luôn cánh nam Tam Kỳ đi. Vùng giải phóng bị nhẹ, tự lực thôi, cậu đem quân nhào xuống mé đường Một mà cứu. Địch bắn thì kêu loa cảnh báo gắt, cực chẳng đã mới nổ súng. Có điều nhứt thiết phải để dành một trung đội nắm trong tay, phòng càn. Hễ ngớt mưa là trực thăng chụp xuống lập tức, nó tuyên bố mượn sư đoàn nước diệt hết Việt cộng rồi đó, mẹ nội nó chớ diệt!

Năm phút sau, C.215 quay ngược chiều, sải chân trở lại Sáu Trân. Ban chỉ huy vừa đi vừa bàn. Năm Cẩn bị buộc phải nắm trung đội "ứng viên" vì đau dạ dày. Tôi giành đi Tam Sa. Cái tên ấy được nhắc đi nhắc lại mãi, thôi thúc quá. Tôi còn mắc nợ riêng cô du kích Tam Sa có đôi mắt đàn ông. Những bà con đang chới với trên mái nhà sắp bị nước cuốn, nếu nghe Mẫn nói tới anh bộ đội nào đó "coi người như rác"... Tôi sởn gai trên mặt. Một phút vô ý, không, chỉ vài giây thôi, nhưng vô ý đối với một người đang khổ đến cùng cực...

Tôi treo cái máy thu thanh Nhật mới nhận trên cổ, vặn nút. Chưa tới giờ đài Giải phóng. Tôi tìm Hà Nội, khoảng một ngàn ki-lô-xích. Đây rồi. Một cô gái Bắc đang đọc tin chậm, tiếng cô chao đi chao lại theo nhịp chân.

... Theo tin nước ngoài, phẩy, đã có ít nhất năm nghìn người chết, phẩy, hai triệu người không còn nhà ở, chấm. Nhiều làng đã biến mất không còn dấu vết, chấm...

Một tiếng cộc lốc bật đằng sau tôi:

–Mở to nữa!

Riêng tỉnh Quảng Tín, phẩy, tức Nam Quảng Nam, phẩy, đã có tám mươi phần trăm số nhà cửa bị sập và trôi, chấm. Trong khi ấy, phẩy, bè lũ Mỹ-ngụy vẫn đẩy mạnh càn quét bắn phá vùng giải

phóng cũng như vùng chúng tạm kiểm soát, chấm. Hãng thông tin Mỹ A.P thú nhận, hai chấm, mở ngoặc kép, quân đội chính phủ, mở ngoặc đơn, tức Mỹ-ngụy, đóng ngoặc đơn, đang ráo riết hành quân để tiêu diệt những toán du kích Việt cộng....

Một cặp tàu rà bay chéo qua trước mặt chúng tôi, hằn hai bóng cá chuối bơi trong nước gạo. Trung đội đi đầu lên đạn róc róc. Tôi không mở miệng. Anh em lên đạn rồi sẽ xuống đạn. Lúc này ai cũng muốn nghe sắt thép cựa mình. Tôi cắm cúi đi theo cái ba-lô lết bùn của Năm Cẩn, thoáng thấy anh đưa tay lên mặt. Nước mắt tôi đã chảy nóng cầm từ nãy rồi, anh ơi. Có tiếng gì như sịt mũi rất nhẹ trong máy thu thanh, rồi giọng người đọc tin bỗng khản đi, hơi hấp tấp:

Tôi đọc lại, Nạn lụt lớn chưa từng thấy vẫn tiếp tục tàn phá các tỉnh ven biển từ Thừa-thiên đến Bình Định...

Sau lưng tôi, anh Ba Tơ bỗng nấc dồn. Những tiếng nấc dội từ đáy ngực, nặng và sâu, những tiếng kêu của một người bị thương ở phổi. Tôi không quay lại, vẫn thấy đôi vai rộng của anh rung giật trong cơn đau. Năm ngoái, khi nghe tin đứa con trai bảy tuổi bị địch chặt đầu, anh chỉ tái mặt và run nhè nhẹ.

Chúng tôi kéo hàng dọc đi gấp trong mưa, không ai nhìn ai, từng người lặng lẽ vuốt mặt.

Chú thích

(1)Anh không làm được! (tiếng dân tộc Co)

(2)Mỗi ngày ăn ba lon (ống sữa bò)

(3)Vội, gấp

Chương 2

Năm Ri nhào sấp xuống. Tôi nhào theo.

Chuỗi đạn mười hai ly bảy xóc vào sườn đồi bên trái, nổ pục pục, bùn toé trên cổ tôi. Chuỗi sau dài và quét thấp hơn, xẹt qua gáy nóng rát. Tôi quát:

– Lăn xuống! Lăn!

Anh em ôm súng vào ngực, kẹp chân giữa háng, dựng cùi tay đỡ nóng, lăn lông lốc theo sườn đồi trơn nhẫy. Chú Dé rơi lõm xuống nước, hối hả bò lên, chửi một hồi tiếng Co. Khuất rồi. Đạn vẫn réo réo qua đầu chúng tôi. Nhưng lại có nhiều phát súng trường lốp bốp, nòng quay hướng khác, không nghe tiếng đạn vỗ không khí. Chắc là du kích kìm địch, tỉa vài thằng cho chúng câm họng. Trên gò Mù U có một đại đội biệt động quân với bốn thằng Mỹ, suốt mấy ngày này bắn vào bất cứ cái gì còn cựa quậy trên mặt nước.

Năm Ri - cậu du kích Tam Sa dẫn chúng tôi về xã -nằm im trên mặt đường. Chắc bị rồi. Địch ngớt bắn, tôi định vọt lên, vừa lúc Ri nhỏm dậy chạy ào ào xuống dốc, tràng trọng liên đuổi theo không kịp. Ri cười rất rộng, hấp háy con mắt vảy cá:

– Tôi lỡ mắc kẹt trên cao, ón[(1)]quá mà không biết lăn...

Lao xao nhiều tiếng phụ nữ gọi, cách chừng năm chục thước:

– Lại đây núp, mau! Nó kêu pháo chụp bắn bây giờ! Kìa anh Ri! Ngó coi thằng Năm!

Không đùa với thứ pháo úp nơm ấy được. Chúng tôi chạy léo nhép trên bùn về phía người gọi. Một quả 105 bay xẹt xẹt, nổ gần chỗ chúng tôi gặp họng cây trọng liên, phì khói trắng. Chắc pháo nó chĩa sẵn vào đây mới bắn nhanh vậy. Mấy cô du kích đứng nép vào sườn đồi lở, vẫy rối rít: “Lấy đích rồi, bôn lên chớ!” Chúng tôi đâm bổ vào chỗ núp, vừa lúc tiếng “pình” của trái đạn bùng trên đầu. Mảnh băm xuống rào rào bịch bịch. Đồng chí chạy vào sau cùng bật kêu khẽ, đưa cánh tay bết bùn lên: Một mảnh thép kịp cứa bắp tay, vết

sắc như dao chém, may không sâu. Các cô xúm lại rửa và băng, hỏi lấy được. Địch bắn dồn dập mươi quả rồi im.

Trong đám đông tôi nhận ra em Liềm đã đi với cô Hai Mẫn. Liềm ngó tôi, chớp chớp mắt, lảng. Còn tức mà.

Đây là một cái hàm ếch rộng, lõm vào sườn đất đỏ. Nước xoáy kéo đất sụt xuống, để lại cái hang cho người trú, chưa biết khi nào sẽ lở tiếp. Đội công tác Tam Sa đặt " hậu cứ " tại đây, bón cháo tiêm thuốc cho đồng bào bị nạn, để xuồng bè của các xã giải phóng xuống chở đi.

Năm Ri còn hổn hển nhưng cái kiêu hãnh bên trong vẫn xì qua giọng nói:

– Bộ đội chủ lực về đánh giặc cứu lụt đây. Im bớt coi! Chú Luân, chị Mẫn đâu? Chị Tám đâu?

Một chị bước tới, đập tay Ri:

– Thì để các ảnh thở chút đã chớ. Mới xuống đã lấm lem như trâu lăn, chẳng ai cực như bộ đội. Uống nước đã các anh, ăn sơ chén cháo thịt bò đỡ đói, thiệt tội...

Nghe kiểu than thở của chị, tôi đoán ngay chị có chồng đi bộ đội. Thấy mọi người mừng xôn xao, tôi không nỡ nói ngay rằng chỉ có mười bốn anh em về giúp Tam Sa. Ưu tiên số một rồi đấy. Chúng tôi không ăn, chỉ gửi gói áo quần và bao gạo lại đây. Mỗi người mặc quần đùi áo lót, mang súng đạn và tất cả các thứ ni-lông đi mưa, tấm tăng ba thước, pông-sô lấy của địch, dây mây, dây dù đã vét được khi rời đại đội. Ra trận ngay. Chị Tám cứ túm mười bốn nắm cơm vào tấm choàng bắt Năm Ri xách theo cho chúng tôi ăn trưa.

Vừa đi vừa chạy vòng vèo qua các chân đồi khuất, bơi giữa cau, chè, sắn từng quãng, chúng tôi đến gò Trúc. Bãi sắn rộng, ngập một nửa. Nước, gió và pháo địch đã xô sắn trốc gốc nằm nghiêng ngửa: những củ sắn gãy điểm lác đác những chấm tròn, trắng tinh lạ mắt trên màu bùn tãi khắp nơi. Mấy người đang đóng bè chuối. Một áo đen ngước lên, lật nón lá. Cô Mẫn, chi ủy viên Tam Sa.

Mẫn nói ngay:

– Các anh có việc gì...

Vừa nhận ra tôi, Mẫn ngừng lại mím môi. Tôi nghĩ nhanh: “Tự ái dai khiếp!”. Tôi bước tới để chặn những hờn dỗi mất thì giờ:

– Chúng tôi về giúp cứu lụt. Chỉ có mười bốn anh em tất cả, mang theo võ khí. Đề nghị đồng chí giao việc.

Mẫn mở to mắt vài giây nữa, rồi không hiểu sao lại bật cười nhẹ, ấp úng:

– Chao, may quá...

Chúng tôi ghé vai khiêng luôn cái bè chuối. Đội công tác Tam Sa và mấy thanh niên nữa đang chèo hai chiếc xuồng nan với sáu cái bè chuối, qua lại trên cánh đồng chưa gặt ngập dưới ba thước nước. Tụi biệt động trên gò Mù U không nhìn thấy quãng này, nhưng vẫn gọi pháo chụp bắn lên cầu may.

Trước mặt tôi cách chừng trăm thước là thôn Nhơn Ái, tức làng Cá, tức Một Sa “ấp tân sanh điển hình của quận Lý Tín”, có đủ hai sông ba núi vây quanh. Cái lò giết mòn nay biến thành lò giết gấp.

Đài Giải phóng và đài Hà Nội tới tấp báo lụt trước mấy ngày. Tụi ác ôn bắt tin đài ta, giữ kín, lén chôn thêm mìn chung quanh các cổng ấp khoá cứng, kéo quân cắm lều trên gò Mù U. Nước lũ đổ dồn về ban đêm cuốn đi chừng ba chục nóc nhà, ngót chục bà con chết mất xác. Mười mấy người nữa trúng mìn khi cố phá cổng ấp hay trèo qua kẽm gai. Nước dâng tiếp. Bà con chạy dồn lên chỗ cao giữa làng, trèo lên giường phản, rồi lên bàn thờ, rồi lên giàn gỗ kê dưới mái nhà, rồi phá mái trên nóc, rồi chuyền qua cành cây. Nước lên nữa. Nước khoả các xóm thấp, xoáy sập các nhà vách đất, lừ lừ đuổi mãi theo người. Cái chết từ dưới lên, đến đây thêm cái chết từ trên đổ xuống. Những người ôm ván bơi hoặc leo cây chỗ trống trải đều bị quân “đầu cọp” xối đạn giết. Thứ cọp này không bao giờ no thịt người. Cọp Mỹ nuôi, có chủ dắt dây. Lắm người lặn tránh đạn, không ngoi lên nữa. Một tiếng “ục” nhỏ, ngột hơi, đặc sệt dưới đáy. Một luồng nước đầy bong bóng đùn lên, cuộn tròn. Người trên cây ngó xuống chỉ kịp thấy mớ tóc đen xõa như rong, thấy mảng trắng của gan bàn chân hiện thoáng trong bọt nước, chìm ngay.

Đội công tác lao vào cứu dân trong ấp, mất liền hai đồng chí trong buổi đầu. Ngày thứ hai khá hơn, chỉ bị thương một. Các xã giải

phóng chia bớt du kích đến giúp, một số ém địch trên gò Mù U, số khác chống bè, chèo xuồng, ôm ván bơi, đi vớt từng người. Đến lúc này, bên xóm còn ngót một trăm bà con chưa thoát được.

Năm Ri đã kể những chuyện ấy dọc đường. Bây giờ tôi đang đứng trước trận địa chống lụt. Nước, mênh mông nước màu canh hến trải ngút tầm mắt, lều bều các thứ giường chõng bàn ghế trôi lẫn với củi rều, đây đó nhô lên một mái nhà ngói sắp ngập, vài ngọn cây lắc lư chực trốc gốc thụp xuống. Từng chùm người đang bám vào những chỗ sống cuối cùng ấy. Nước xuống tới đây không còn chảy xiết như vùng trên, nhưng lại dồn ứ nhiều hơn, dâng cao và rút chậm hơn. Nó cứ thong thả nhích từng đốt ngón tay như đã nắm chắc mồi ngon, không cần vội.

Mẫn hỏi run run bên tai tôi:

– Làm sao anh? Người ít, xuồng bè thiếu… Hay là nhờ các anh cản địch phía gò...

Tôi không đáp, cũng không để ý tới những lời giục rối chung quanh. Đầu tôi hết nóng. Những xúc động quẫy lên nén xuống mấy hôm nay tan biến. Tôi tỉnh, lì, gần như lạnh lùng. Tôi đã tập cho mình biết tỉnh khô tỉnh rụi trong cuộc giao chiến, khi xóc lê cũng như khi bị đạn xóc.

Làm thêm bè chuối không lợi. Chuối chặt từ xa, cả buổi mới xong bè, mà mỗi cái chỉ chở được một người chèo và một người nằm, rất chậm và dễ lật. Kìm tụi biệt động đã có hơn hai chục du kích các xã bạn, đủ rồi. Từng đồng chí ôm phao bơi đi cứu, cũng quá chậm. Coi chừng pháo bắn, trực thăng chụp…

Một kế hoạch hiện dần trong óc. Có thể được lắm. Tôi quay lại, gặp mười mấy cặp mắt đang chờ, đăm đăm cùng nghĩ với tôi.

– Làm kiểu kéo phà sông Tranh. Sao?

Anh em reo ồn:

– Biết mà!

– Vớt lẻ sao cho kịp, kéo phà thôi!

– Căng dây ra đo, mau! Nối dài luôn đi!

Mẫn nhìn anh em chạy ùa đi bẻ lá sắn nhồi vào ni lông, lại nhìn tôi, ngẩn ra. Tôi phải nói cặn kẽ hơn. Anh em sẽ nối số dây hiện có cho đủ một trăm ba chục sải, gấp đôi khoảng cách từ đây sang mái đình cao nhất bên kia. Quãng giữa sợi dây ấy buộc vài chục cái phao to bằng ni-lông túm. Một tổ bơi sang xóm, số đông lại ở bên gò, sẽ kéo chùm phao ấy qua lại như kéo phà, mỗi lần vớt được vài chục bà con ôm phao. Nước đủ sâu để chân người không chạm kẽm gai và mìn nằm dưới đáy. Xuồng bè sẽ dành cho những người ôm con nhỏ hay sắp ngất. Mẫn mừng cuống lên:

– Tôi qua bên xóm, nghe anh?

– Đừng, đồng chí ở lại đây đón bà con, đưa vô chỗ chị Tám.

Tôi túm một đầu dây định buộc ngang bụng. Chú Dé giật lại, gắt:

– Lé ik!

– Sao nữa?

– Để tui làm, anh chỉ huy...nhiều nhiều...

Chú khoát rộng bàn tay, ra ý chỉ huy chung, rồi buộc luôn dây vào mình. Các đồng chí khác cũng quyết không cho tôi sang xóm: “Lỡ pháo chụp bắn, anh núp đâu? Đừng để tụi tui bị kiểm thảo!”. Trong câu nói lẫy ấy, trong mắt anh em, tôi đọc thấy một mệnh lệnh và một tình thương thật lớn, buộc tôi phải nghe lời.

Hơn nửa giờ qua. Dây không đứt, phao không chìm, ổn cả. Chuyến phà đầu tiên trút lên gò hai mươi ba người xanh nhợt. Mẫn reo nho nhỏ, dìu từng người bước lên bằng đôi chân tê cứng. Một ông cụ tóc trắng râu đen quấn thuốc rê mời tôi hút, cụ ướt sũng mà sao thuốc vẫn khô. Cụ ngồi bóp chân, cà rà kể một hồi. Tôi chỉ vâng dạ, mắt dán vào anh em cứu lụt bên kia, tìm cách nâng năng suất. Tôi gọi hai đồng chí đến, dặn chuyển đầu dây đến những chỗ bà con bám đông cho đỡ mất công góp người. Họ bám phao qua xóm. Tuy đang bận, tôi cũng nghe loáng thoáng rằng cụ này là ông Mười nổi tiếng chữa đau lưng giỏi, rằng làng Cá chết nhiều vì bị địch cướp hết số xuồng nan, rằng cái lụt này còn to gấp mấy lần trận lụt “bất quá” năm Dần. Bất quá nước vô vườn là cùng, bất quá tới thềm, dân làng cứ bất quá mãi đến khi nửa làng bị lút mái mới thất kinh, nhưng năm ấy chỉ trôi đồ đạc chứ không ai chết. Tôi bơi ra vớt một phao bị cái tủ

trôi húc sổ dây, cách bờ mươi thước, có một bà mẹ bám. Mẫn gọi bà là bác Sáu.

Chuyến thứ hai chỉ mất mười tám phút, rất khá. Chuyến thứ ba chậm vì các nhóm đông đã vợi bớt, anh em phải chèo xuồng đi đón từng người, chở tới bến phà. Đó là ngôi đình làng Cá còn nhô hai nửa mái, bên tán lá xõa rộng của cây đa to. Các đồng chí đã thạo hơn, buộc tay cho hai anh em nhỏ ôm chung một phao, sang được tới hai mươi tám người. Mẫn bồng hai tay hai em, cõng một đứa nữa, chạy hì hụi trên gò, vừa thở vừa cười. Mừng quá mà.

Trong khi chuỗi phao nhẹ rẽ nước róc rách chạy sang xóm. Mẫn buột miệng:

– Chắc tới lượt mẹ tôi.

– Đâu, mẹ đồng chí chỗ nào?

– Trên nóc nhà ngói thằng xã Chinh, chỗ xa nhứt...Mẹ bồng thằng cháu Hoàn đó. Hai em tôi qua được rồi, thằng Tâm đang chèo bè kia.

Mẫn nói ấp úng, không nhìn tôi, như xấu hổ vì trót tính cái gì đó cho riêng mình. Tôi thoáng hối hận. Mẫn lo chung cho bà con là đúng, cán bộ phải vậy, nhưng tôi lại không nhớ rằng Mẫn cũng có mẹ và con như người khác.

– Đồng chí mấy cháu rồi?

Không hiểu sao Mẫn ngoảnh mặt, lúng túng:

– Một.

– Ảnh đâu?

Mẫn chợt ửng má, lắc đầu. Tôi chỉ hỏi để biết Mẫn còn bao nhiêu người nhà phải cứu, không tò mò. Các cô có chồng đi lính ngụy hay thua kém anh em thường lắc đầu thay câu trả lời. Và Mẫn hấp tấp nói lảng:

– Hồi nãy các anh mới tới, tôi cứ tưởng…Mọi ngày, bộ đội xuống Tam Hải hay lấy đội công tác dẫn đường..

Đến lượt Mẫn phân bua. Thôi được, cô hết tự ái là đủ, tôi không mong gì hơn.

Mưa dứt từ ban nãy. Mây bốc dần lên cao, báo hiệu chẳng lành. Bây giờ, thứ tiếng động mà tôi gờm nhất bắt đầu dội từ xa: máy bay. Một cặp L.19 bay rất thấp từ thị xã Tam Kỳ lên phía quận Tiên Phước, chệch hướng chúng tôi. Chúng lên tìm chỗ đánh phá vùng ta. Bên xóm anh em hối hả góp người. Mối nguy mới tăng dần khi nền trời bắt đầu hiện những mảng xanh. Rồi tiếng phành phạch của trực thăng nổi lên. Ba chấm đen đứng yên một chỗ trên chân trời, nở to dần: Chúng bay thẳng hướng Tam Sa. Lôi thôi đây.

Tôi vành tay làm loa, gọi anh em giấu phao. Những cái bóng vẫy kêu trên mặt nước đều ngừng động đậy, núp vào một chòm lá hay nằm ép trên mái nhà. Trên gò chúng tôi tản ra từng tổ, kéo những bụi sắn để che mình, đơm súng đợi.

Ba chiếc trực thăng đã chém nắng ầm ầm trên làng Cá. Hai chiếc óc nóc rẽ bên trái, đảo một vòng, sà sà đáp xuống gò Mù U. Các tổ du kích ém gò vẫn nín thinh, anh em đã gọi loa báo cho lính địch biết ta không bắn máy bay tiếp tế hay chở thương.

Chiếc đờn cò không xuống đất. Nó quần một lần, hai lần. Bóng đen của nó lướt qua loáng loáng. Tôi thoáng nhớ những bóng cá mập lượn qua đáy cát của biển Qui Nhơn, một buổi trưa gió lặng nước trong. Nó bay chậm dần, dừng hẳn. Cánh cửa tò vò bên trong bật ra, cắt ngang chữ MARINNES[(2)] nét vuông, sơn trắng trên thân màu lá sẫm. Một thằng cao lớn đứng vịn mép cửa, dòm xuống, nhô cái mũ bay tròn bóng. Đến khi nó đẩy cặp kính to lên khỏi mắt, tôi nhận ra một thằng Mỹ. Mặt nó gầy và đỏ, mũi gồ râu xanh cằm. Tôi nhìn dán vào mặt nó, hồi hộp đợi. Chung quanh tôi, trên các cồn đất biến thành đảo, hàng trăm con mắt dưới lá cũng đang nhìn nó.

Thằng Mỹ xem khá lâu cái "ấp tân sanh" có tên trên các bản đồ quân sự Mỹ-ngụy. Mảnh đất này cùng với hơn ngàn dân bị giam trong rào, từ lâu đã được coi là của "quốc gia", tức của Mỹ, của thằng lái trực thăng đang ngó xuống. Trời rất sáng. Ánh nắng chiếu xiên làm nổi rõ các đường nét bên dưới. Nó thấy tách bạch từng người đàn bà đang ôm con rũ rượi, sắp lăn xuống nước. Nó cũng thấy gió cánh quạt thốc xuống đang xô lắc lư mấy ngọn cây còn người đang bám. Chùm phao ni-lông đã được thu kín dưới tán lá cây đa, sợi dây chìm sâu dưới nước đục, nó không biết có ai đó

đang cứu lụt. Đứng trên cái máy có sức giết người và cứu người ấy, ngắm cảnh đau khổ trải tràn lan, nó sẽ làm gì?

Thằng Mỹ sẽ làm gì đây?

Chỉ cần trong thân nó còn một chấm sáng của con người, chỉ cần nó nhớ thoảng một chút lời mẹ nó khuyên nó sống lương thiện. Nếu tên cướp biển đã biến hẳn thành thú dữ, đã nghiện máu, tôi chỉ mong nó ngấy máu no mồi lấy một phút thôi. Nó giở trò gì cũng được. Thả thang dây xuống kéo vài người lên để chụp ảnh, khoe quân đội Hoa Kỳ nhân đạo, được. Bĩu môi, nhổ nước bọt quay đuôi bay về Đà Nẵng mà uống rượu sờ gái, được hết. Miễn là…

Hai chiếc H.34 đã bay xa. Tên Mỹ bước lùi, sập cửa. Chiếc UH.1A rồ máy gắt hơn, bắt đầu lên chênh chếch. Tôi thở nhẹ được vài hơi. Hỏng rồi, nó vòng lại. Tôi hét trong tiếng máy:

– Đợi tôi phát hoả!

Nó lừ lừ chúc mũi về mái đình. Tôi nâng cây trường Mát của chú Dé, rê đường ngắm theo cái mõm tròn của nó.

Chưa bắn. Thân thể tôi rung lên đòi bắn, nhưng đầu tôi vẫn kìm được ngón tay ngoắc trên cò: cố tránh một trận đấu súng trong khi ngót ba chục đồng bào bị kẹp giữa hai làn đạn. Đợi chút nữa. Cố đợi.

Chiếc trực thăng phản lực sà thấp qua xóm, không đánh. Hai cây đỡ dưới bụng nó như trượt trên một tấm kính. Tôi quệt vội mồ hôi chảy thành dòng trên mặt, lại ngắm. Nó muốn chơi trò mèo vờn chuột? Nó chùn tay, nhờm tay khi sắp giết dân? Một lần nữa nó vòng lại, cao hơn trước nhiều. À, nó chỉ sợ đạn bắn trả. Tôi đẩy thước ngắm lên ba trăm. Chắc tụi biệt động đã gọi bộ đàm báo tin có du kích quanh đây. Tôi co ngón tay, bóp cò nấc thứ nhất, vẫn đợi...

Khoảng cách chừng nửa giây. Hai luồng khói của nó vừa phụt, súng của tôi cũng phì khói. Cặp rốc-két rít ra tiếng giữa cọ lưỡi cưa, chìm ngay trong tiếng nổ túi bụi dưới đất. Mẫn bắn cây Các-bin M.2 ngay bên tôi, từng loạt năm viên rất giòn. Cậu Kỷ chưa bình tĩnh mấy, một băng trung liên chỉ sổ một hơi. Ngọn đòn trả thù quá đột ngột và quá dữ. Chiếc “xe tăng bay” lạng đi, gượng ngóc đầu, lạng

nữa. Chúng tôi bắn mãi đến khi nó rơi tõm xuống đồng nước lụt. Một cái phễu trắng vọt lên, rã vụn, tưới xuống rào rào. Sóng cồn to. Những con sóng cuốn chiếu chạy xa chỗ máy bay rơi, đập vào gò bóc bách. Cánh quạt lưng quẫy sùng sục mấy giây nữa mới ngừng. Tôi che mắt tìm hai thằng lái, không thấy, chúng mắc luôn trong cái xác trực thăng còn nhô khúc đuôi. Sướng không thể tả. Nhưng tôi không dám ngó lâu hơn. Mạng bà con đang treo sợi tóc.

Tụi biệt động vừa được tiếp thêm đạn, bắn tơi bời. Khói đạn cối bốc dày ở quãng đồi chúng tôi bị trọng liên quét ban nãy. Xuyên qua lớp mù trắng toả ngang, một luồng khói màu lam từ từ bốc đứng lên. Mẫn chỉ về phía ấy, ngón tay hơi rung:

– Có cây rơm to trôi lấp ló đó. Chắc chị Tám cho đốt nhử pháo, nhử tàu bay. Cha con thằng Chinh biết rõ làng mình lắm anh à, nó kêu pháo bắn trúng y từng liên gia.

Bên xóm chú Dé đã khoát tay ra hiệu kéo phà. Chúng tôi ùa cả xuống mé nước, túm sợi mây. Pháo chụp nã vào chỗ chị Tám rất gấp. Địch sẽ mắc mưu trong bao nhiêu phút? Chuỗi phao vào tới bờ, chỉ được mười bảy người cho sang trước, anh em đang vét nốt mười một người đang bám rãi rác.

Hai cây 105 ngừng bắn. Cối 81 giã gạo thưa dần rồi nghỉ. Cần như im lặng. Cái im lặng nặng trĩu những đe doạ, khi pháo địch đang xoay họng mà ta không đoán được chúng sẽ bắn vào đâu. Cột khói rơm bốc lên to hơn, du kích bắn râm ran, cố chọc tức giặc. Chỉ cần mười lăm phút nữa, mười hai phút cũng đủ. Thôi thì sáu bảy phút để phao và người kịp tách khỏi xóm một quãng..

Tôi sực nhớ, hỏi Mẫn:

– Mẹ Mẫn đâu không thấy?

– Đang ẵm thằng Hoàn. Các ảnh đưa qua mái đình kìa.

Mẫn nói hổn hển trong khi đỡ một chị bụng chửa lên dốc. Bà mẹ Mẫn buộc cái gì như cái thúng vào mái ngói. Tiếng loa binh vận bắt đầu nổi phía gò Mù U. Phải cứu cho được mẹ và con Mẫn. Không được bỏ quên những người biết hy sinh lặng lẽ.

Thôi rồi, pháo bắn!

Hai cục lửa xòe thấp trên xóm ngập, biến thành hai búng muội đen. Tiếng nổ chập đôi dội to trên nước kèm tiếng rung kim loại. Mẫn bóp mạnh bắp tay tôi, kêu rú. Tấm lưới chài rơi xoà xuống nhưng vãi vào chỗ hết người. Nhanh lên bà con ơi, gấp nữa! Cha con thằng Chinh nào đó sắp gọi bộ đàm lái họng pháo… Thêm hai quả, cao hơn. Hai quả hơi nhích sang phải. Một bóng áo trắng rời cành cây rơi ngửa, tiếng hét bị nước bịt nửa chừng. Tôi gào đến rách họng:

– Kiếm ván che mảnh! Lặn xuống nước, lựa chỗ không mìn, níu cây hụp xuống nước!

Những bọt khói đen phình to, kết thành đám mây xám, khi tãi rộng ra nó loãng màu hoá trắng đục. Lửa bầm loe loé trong ruột nó. Khói đùn ra, phòi ra, lộn ngửa cuồn cuộn và cứ lấn qua bên phải. Trúng chỗ rồi. Tôi ngã ngồi xuống, gượng đứng dậy để nhìn. Mảnh xối chủm chủm như mưa đá. Ông già khoác tay nải nằm nghiêng trên nóc nhà, mảnh xăm mứt gừng vào hông. Một chị mặc áo quần đen đang ngồi bỗng gục xuống, chống tay nhỏm lên, vòi máu phì ngang cổ. Em nhỏ níu tay mẹ, cố ghì lại. Cả hai lăn xuống nước. Trên chạc cành đa có một cô gái nằm sấp, tay chân thõng, tóc rủ, cả chục chấm máu loang nhanh trên áo hoa cà. Cạnh đấy một bàn tay nhô lên chới với, khoắng mặt nước, chụp vào không khí vài lần, biến mất.

* * *

– Ăn đi mấy anh! Đắng cơm nghẹn nước cũng rán ăn, lấy sức giúp đồng bào chớ, nhịn đói cả ngày rồi. Dé, hết chưa em? Cơm chớ thứ gì mà ngó hoài vậy anh Thiêm? Liềm, múc thêm canh, ớt đâu hết rồi...

Chị Tám Giàu bắt chúng tôi ăn. Thì ăn vậy. Chén ơm ghế sắn non phả mùi thơm nóng vào mặt. Tôi và một miếng thấy mình đang nhai rơm khô. Tức thật. Ăn thịt bò hơn. Một chậu nhôm đầy thịt bò nấu với lá lốt, tôi biết ngon lắm. Tôi cầm mảnh tre dùng làm thìa, xúc thịt vào chén, chợt nhớ những miếng thịt người vung vãi trên mái đình, đỏ, nhầy nhụa. Dạ dầy tôi thốc ngược một cái. Tôi cắn răng, nuốt cơn buồn nôn trở xuống, thấy đau buốt chỗ mỏ ác. Êm rồi, tôi yếu

đuối quá, thật không ngờ. Đánh dư sáu chục trận, không kể hàng ngàn xác giặc nằm đủ các kiểu kỳ quặc tôi đã thấy, riêng số đồng chí mà tôi cõng, băng bó, đỡ xuống huyệt cũng khá nhiều. Chưa lần nào tôi bủn rủn như hôm nay. Có lẽ toàn người già, phụ nữ, trẻ em, nhất là trẻ em. Những xác trẻ em bị vằm nát...Nhưng thôi, hãy nghe lời chị Tám. Má tôi hồi xưa cũng vững như chị. Khổ quá thì khóc kể ồn ào một lát, rồi bầy con vẫn ăn no tắm sạch, mạ vẫn xép đầy gánh để mai cấy sớm, trã cá vẫn đậy kỹ tránh mèo. Tôi cố nuốt nắm trấu ngậm trong miệng. Nhai cả thịt bò nữa

Trâu chết ít nhờ bơi bầy quen, con này kê mõm trên mông con kia, kết dần thành những bè trâu trôi mãi vẫn sống, sau này đồng bào sẽ đi tìm chuộc lại. Bò chìm rất nhanh. Khắp các bờ bãi đều lù lù những xác bò trương phình tấp vào. Nhiều gia đình sau khi mất trụi của cải, cố cứu lấy con bò cày đất thổ không kém gì trâu. Kéo trước đẩy sau mãi rồi con bò cũng lên được chỗ ráo. Nó đứng run mãi bốn chân, ngạt giọng kêu nhỏ dần, rồi quị. Chủ nó chỉ còn một quần đùi trên mình, tìm loạng choạng trên bãi bùn không gặp một thứ gì để xẻ thịt hay đốt ra lửa được. Vài hôm sau, cả nhà phải hè hụi đẩy chút vốn cuối cùng xuống nước cho đỡ thối khi đò cứu lụt chưa đến kịp ...

Đội võ trang công tác Tam Sa kéo về hang ăn cơm. Chị Tám và Út liềm trải ni-lông giữa đất, bưng dọn, phát những mảnh lá chuối dùng thay chén. Anh em hỏi nhau, kể chuyện mới. Họ đón xuồng từ thị trấn An Tân lên, từ các xã giải phóng xuống, biết nhiều tin lắm.

– Chao suốt vùng dưới đồng bào đồn rum: Giải phóng tới đâu dân sống tới đó, cứu bằng xuồng cao-su có máy mà.

– Đồn Dốc Leo tiêu rồi. Núi sụp, chôn cả đại đội bảo an. Chỗ cầu Bà Bầu mũ sắt trôi dồn đống. Thằng thiếu uý Hinh đứng trên chòi, thì thằng Hinh bót Dương-mít-nài chớ Hinh nào, nó cầm loa điện kêu om: “Giải phóng có xuồng đò gì cứu giùm với, tụi tôi hàng rồi, chết hết!”. Mình mới đón hai tiểu, vừa trực thăng tới, lính không ra được nữa.

– Mười bảy lính cộng hoà lên với Tam Trân rồi, mang cả trung liên, đói rệu nước miếng trong...

Tôi nuốt từng câu họ nói, như uống thuốc bổ. Dù sao chúng tôi cũng cứu được ngót trăm bà con, chỉ mất bảy người trong trận mưa mảnh, vậy là khá. Bây giờ pháo cối đã im. Máy bay vắng. Chỉ còn tụi rằn ri trên gò đôi lúc ặc ặc một tràng, lối cười sặc trong họng khi bụng quá no. Cứ cười đi. Tới khi tao bóp cổ sắp chết, chúng mày sẽ kêu những tiếng ặc giống hệt!

Ban nãy, trong khi chiếc UH.1B đến câu cái xác trực thăng chết đuối – câu mãi không lên nổi, sau nó bỏ, hai chiếc AD.6 quần ném bom các cù lao. Chúng tôi hưởng lần nữa cái sướng được bắn trả địch, cho lửa trong bụng phun ra thành luồng qua miệng súng.

Tôi kê cây trung liên Brao-ninh, quì trong một hố đất nẻ sâu đến ngực. Mẫn nhảy xuống sau, lập cập tháo băng rỗng trên các-bin, lắp băng mới, tay giật từng hồi. Chúng tôi đều thấy mẹ Mẫn chết nằm sấp trên cái thúng, đứa nhỏ rớt đâu mất. Tôi ghé tai Mẫn nói qua tiếng bom:

– Bình tĩnh nghe Mẫn, bắn cho trúng.

Mẫn quay ngoắt lại.

Đôi mắt!

Một đôi mắt tôi chưa từng thấy, toàn tròng trắng nổi gân máu đỏ. Đốm đen ở giữa co lại nhỏ xíu. Cặp mày rậm đâm vào nhau, nổi rất gắt trên da xanh nhợt màu đọt chuối, môi không còn nét. Mẫn há miệng định nói lại gì, lại ngửng nhìn chiếc AD.6 bắt đầu lao xuống, lần này thẳng hướng chúng tôi. Tôi ngắm giữa mũi thằng giặc, lúc này giống một quả trứng với đũa và tăm xóc vào.

Ba loạt cac-bin nổ hấp tấp trên đầu tôi. Không cần nhìn, tôi cũng biết trượt: Mẫn đứng bắn không bệ tì, loạt đầu nổ khi máy bay còn ngoài tầm, các loạt sau chưa kịp ngắm lại. Tôi nín thở đợi ba giây nữa, biết chắc ăn. Cây trung liên rẹt hai hơi hết băng. Tôi buông nó ngay, chụp đôi chân Mẫn giật mạnh. Mẫn nhào nghiêng xuống hố. Trái rốc-két xẹt qua đầu, rít tiếng xoảng dài như đá lăn xuôi mái tôn, quạt luồng hơi nóng hực, nổ choáng óc. Đất vách hố sập xuống lấp nửa người Mẫn. Tôi ló cổ lên nhìn. Chiếc AD.6 lắc lư, lắc lư, nghiêng cánh bay về Tam Kỳ. Nó bị thương nhưng không rớt, tiếc ghê.

Mẫn ngồi dựa vách hố, đập tay vào các-bin cho đất rơi, thở dốc. Mắt Mẫn đã bớt dữ nhưng còn dài dại. Chiếc máy bay thứ hai ngoi lên rất cao, quần, phóng rốc-két hú hoạ trước khi chuồn. Tôi bắc lại trung liên, nghiêng báng cho cậu Kỷ thay băng, đợi dịp bắn nữa. Bỗng nhiên tôi rất muốn Mẫn là trai, hoặc tôi biến thành chị Bỉnh to lớn của Tam Trân để quàng tay ôm vai Mẫn mà dỗ một đứa em mất mẹ đang đau khổ đến quẫn trí.

– Mẫn nè...

Tôi chưa biết an ủi sao cho phải. Mẫn không giống những cô du kích tôi quen.

– À...bây giờ nó bắn lung tung...bà con núp chỗ chị Tám có yên không hè? Rốc-két rung đất mạnh lắm, cái hang coi bộ dễ sụp...

Mẫn buông một tiếng "dạ" lơ lửng, lượm cái lá rụng lên, lật xem hai mặt. Rồi như chợt hiểu, Mẫn lắp bắp: "dễ sụp thiệt anh à", Mẫn chống súng trèo lên miệng hố, chạy về phía "hậu cứ" của đội. Đồng bào dồn tránh pháo trong chỗ hàm ếch ấy khá đông, chẳng biết xuồng Tam Trân chở đi hết chưa. Tôi nhìn theo thấy hai bắp chân Mẫn đầy những vết gai rạch, máu loang trên bàn chân không dép. Lóng ngóng vậy mà tôi lại nhắc trúng cái điều cần nhắc nhất. Chỉ có trách nhiệm mới kéo Mẫn ra khỏi cơn tê dại. Con trai Mẫn biến đi đằng nào?

Thằng tàu bay cút. Không đợi xuồng, tôi bơi ào qua đầu dây bên kia. Các đồng chí cứu lụt sống cả nhờ vớt được hai tấm phản đội đầu, che thêm cho ba em nhỏ, một chị, cùng nép dưới tán cây đa. Mẹ Mẫn nằm sấp, cạn máu. Mẹ lượm được cái thúng trôi, dỡ ngói, xé khăn buộc chắc thúng vào cây mè, đặt thằng bé Hoàn nằm gọn trong ấy. Bây giờ mẹ vẫn ôm ghì cái thúng dưới ngực. Tôi gỡ tay mẹ, bồng lên một đứa bé nhuộm đỏ lòm từ đầu đến chân, ngất mà không bị thương.

Đến khi cùng với Năm Ri đào huyệt trên gò, tôi mới biết Mẫn chưa có chồng con. Một chiến sĩ Quân giải phóng ở Tiên Phước đi xa, để thai trong bụng vợ. Chị vợ bị giặc bắt, đẻ và chết trong nhà tù thị xã, gửi con mới lọt lòng cho mẹ. Mẹ ra tù, bồng theo đứa cháu không ruột rà, nuôi giùm cho ba nó. Hôm nay, mẹ truyền sự sống

cho cháu lần cuối cùng, mẹ nghỉ. Tôi ngậm dầu lửa, phun mãi mới kéo được hai cánh tay mẹ duỗi thẳng ra trước khi chôn. Chúng con lớn lên bao nhiêu cũng vẫn nằm trong vòng tay mẹ, mẹ ơi, mẹ nghỉ được rồi...

Đội công tác vẫn nói lao xao quanh mâm cơm:

– Đó, đó, trận lụt này dân chửi nát mặt ba thằng Mỹ. Cả mấy phố ngập lút tầng dưới, tụi Mỹ lái ca-nô chạy thẳng tới ba Thiên Hương, hốt riêng mấy con đĩ đem về sở Mỹ, lại còn nhảy tuýt thình thình trên ca-nô cho ấm. Mấy thằng quan ngụy tháo lon ra giơ, vẫy, nó không thèm ghé.

– Sao nghe đồn tụi ngụy cho xuồng với trực thăng đi cứu?

– Trực thăng của Mỹ hết, bay sụp nhà rớt người chớ cứu ai. Còn tụi sư đoàn Hai lo ăn cướp. Biết nó làm sao chưa? Chở người, không chịu chở đồ đạc. Đem đồng bào về trại nhốt kỹ, rồi thả xuồng ghe đi từng nhà hốt của sạch bong, đem giấu nơi khác. Có bà dại quá, hở cho nó thấy cái xách đầy vàng, nó chở ra chỗ vắng đạp nhào xuống nước, bắn chìm luôn, lấy được cả mấy ký vàng. Thằng nào chó vừa vừa cũng đợi giơ lên một xấp giấy năm trăm mới chịu quay lái..

– Mẹ cố tổ cha thằng nó chớ, người mình với nhau..

– Thì cha con xã Chinh đó, người mình, dân làng Cá chánh chi cố cựu đó…” A-lô, a-lô, nhích tới chút nữa..dạ, biết chớ, dân chỗ tôi mắc lụt thì dồn cục vô xóm Đình chớ chạy đâu...dạ, trúng y rồi đó, xin cho đủ năm chục trái… dạ, bắn nữa đại úy à, cộng sản đỏ lòm hết mà, nữa, nữa...”

Một anh đếm từng tiếng lạnh ngắt:

– Cặp đó bây đừng chửi, cũng đừng bắn, rán bắt sống cho tao. Tao viết giấy ký tên, xin hai tay bóp cổ hai đứa, hễ năm phút không chết thì chịu chặt tay đền... Chín Cang đâu ta?

– Đi với chị Mẫn lên Tam Trân, lo chạy thuốc men cơm cháo cho bà con bị nặng.

– Bồng thằng nhỏ theo chớ?

– Út Hoà ẵm đi trước rồi. Nó chết giấc lâu lắm, giựt mình nổi khóc ré một lát, lại nằm lịm. Chắc sợ quá...

– Sống được là được. Thôi uống nước rồi lo bố trí chống càn. Bà Bỉnh mập mới chở xuống thêm hai xuồng cơm gạo áo quần nữa, cuốc xẻng cũng có. Tam Sa khởi xong rồi, phải lo dựng bia cho Tam Trân là một, bộ đội là hai đó các cha!

Người vừa nói là anh Tư Luân, bí thư cho bộ Tam Sa. Một người gầy nhom, mắt sâu, da đen sắt, râu nhổ trơn bóng và tóc hớt trọc, rất khó đoán tuổi. Anh nắm bộ phận bắn tỉa gò Mù U suốt ngày nay. Chẳng hiểu họ hàng dòng dõi ra sao mà Út Liềm gọi anh bằng ông, xưng cháu, nghe rất lạ tai.

Tôi đón ca nước trên tay em Liềm - hết lẫy rồi - nhắc anh em tháo súng ra lau, nhớ chùi kĩ từng viên đạn. Không biết từ lúc nào, bộ máy trong đầu tôi đã xoay sang hướng mới. Hãy vĩnh biệt bà con đã khuất và đi tới, mang theo mối thù thiêng liêng ngấm vào máu. Hãy lo tiếp cho những người còn sống và sẽ sống những ngàn năm nữa trên đất này. Đợt tấn công mới bắt đầu rồi, nó mở màn đêm bằng chén cơm cố nuốt và bàn tay lau sạch cây súng, bằng những con toán mới đang lũ lượt kéo đến với tôi... Phải đào ngay hầm hố để mai chống càn. Nước rút, phải trục bọn “đầu cọp” kia đi Tam Sa mới nổi dậy được. Chưa đủ sức tiêu diệt thì bao vây bức rút. Một trận cối 60 nện xuống thình lình, sau đó bắn tỉa. Chỉ cần vài chục tay súng giỏi, mỗi ngày gạch tên mươi đứa, quân nó chạy loạn ngay... Ý định mới hiện dần từng nét, từng mảnh, như tấm giấy ảnh ngâm trong thuốc hiện. Cái nghề chụp ảnh năm xưa, ở Đà Nẵng...

Giá còn cái máy ảnh hồi ấy - ừ nhỉ, máy Ca-nông chụp ảnh bắn pháo là hợp - tôi sẽ ghi được bao nhiêu bộ mặt khác nhau của con quỉ Mỹ trong ngày nắng hôm nay. Phim hạt mịn, ống kính thu lại f.8 tha hồ lấy chiều sâu. Không, ánh sáng trời và nước đều gắt, dùng phim nhậy để giảm độ trắng đen, tráng giê-nôn nữa, thu kỳ hết chi tiết. Tôi mỉm cười. Chụp ảnh chưa cần bằng chụp đạn xuống đầu giặc. Tiếng Anh, bắn và chụp đều là sút, cũng phải...

Những ý nhỏ ấy níu tay nhau đến với tôi như trẻ em đến chơi với anh bộ đội. Bỗng dưng tôi bắt gặp một bông hoa vui đang nở ngập

ngừng trong tôi, toả hương quen xông đầu tôi dịu dần. Tôi nhận ra rồi. Nó là niềm vui được đánh giặc. Nó hay đến bất chợt khi tôi sửa soạn ra trận, vào lúc chân tay bận rối cả lên nhưng nó cuốn người say người hơn mọi thứ vui khác trên đời. Nó chỉ kém cái vui thắng trận một chút thôi, có lẽ.

Chú thích:

(1) Bí

(2) Lính thủy đánh bộ

Chương 3

Nước rút.

Những con sông không tên màu nâu, đỏ bầm, vàng đất sét lần lượt thu hình, chảy chậm dần, tan trong biển nước gạo đang cạn, đứt thành nhiều vũng bùn sền sệt, để lại từng bãi đá duỗi về phía Đông. Làng Cá từ đáy nước nhô lên từng tí một, thưa đi như hàm răng rụng dở, chết lặng. Ngôi đình còn đứng, mang trên hai mái toác lỗ chỗ vì pháo một ngấn bọt vàng xỉn, và nhuộm bùn từ đấy trở xuống. Cây đa to đổi màu lạ, trên xanh dưới nâu. Trên lớp cành rậm của nó đeo vô số bàn ghế, bè, chõng, nia, rế, cả xác người xác thú nằm chìm trong tán lá, bị nước tấp lại che kín. Mãi về sau khá lâu vẫn thỉnh thoảng có một thứ nào đó đột ngột rơi xuống, trở về với đất. Hiện ra cuối cùng là những khoảnh đồng cao ruộng thấp, bờ biến hết, bồi một lớp sỏi cát từ núi lở xuống đáy hàng thước mộc[(1)]. Bên dưới lần vỏ ấy có một mùa lúa gieo bị vùi không sót một hạt, có những trái mìn địch gài sẽ nổ dưới lưỡi cuốc, có nhiều xác đàn bà trẻ em tìm mãi không thấy, một lúc nào đó sẽ hiện ra, lặng lẽ nhắc lại cho loài người hiểu thế nào là tội ác diệt chủng.

Dân làng Cá lần lượt trở về làng. Không thể bỏ quê bỏ đất. Họ cào bùn bằng hai tay, tìm gấp lưỡi cuốc hay con gao, moi lại cái hầm chống pháo trước hết rồi mới kiếm các thứ khác.

Bộ đội và bà con vùng giải phóng vẫn bớt ăn mặc đem xuống giúp mọi thứ. Theo mực nước vợi dần, các nhóm xuồng chèo, xuồng chống, rồi xuồng đẩy lướt bùn, tiếp tới người cõng hàng lội qua vũng qua cồn, cuối cùng tới những đoàn dân công gánh trĩu vai, cứ không ngớt tuôn tuôn về vùng bị nạn. Quân địch cũng mon men kéo đến, bị du kích đẩy lùi. Sự sống mọc mầm trở lại từng bước chập chững trên bãi bùn trải từ tỉnh này qua tỉnh khác, bị phi pháo giặc cắn xé từng hồi, trong khi cơn bão số 16 đang quay thông thốc ngoài khơi, đi dần vào bờ biển miền Trung chưa ráo lụt. Nó không dữ dội bằng cơn bão trong lòng người dân làng Cá, người dân bị

nhốt trong những ấp chiến lược như làng Cá. Thù giặc hết chỗ nói. Thù đến tắc họng, cháy mắt, chỉ hả được khi nhào vào chúng nó mà chém, cào, đâm, nện, cắn, bóp cổ. Cả những ai trước đây run vì sợ giặc, nay chỉ run vì phải cố nén căm giận, đợi ngày N.

Tam Sa sắp nổi dậy.

Tôi về C.215 bàn đánh phối hợp.

Chẳng hiểu vì sao tôi còn đứng nổi. Lắm lúc tôi xây xẩm sắp ngã, dạ dày lộn trái lên họng, các đốt xương mỏi rã như mọt đục thủng chi chít. Tôi cố gượng, gượng được, lại nhấc súng lên "bia" một phát vào cái mũ bê-rê đỏ bầm màu máu đông trên gò Mù U, hay bổ tiếp những nhát cuốc moi hầm cho bà con. Dầm nước suốt từ đầu mùa lụt, đại đội có nửa số quân đang lên cơn sốt rét, vừa run vừa cười: "Kệ cha nó, sốt rét coi như khỏe, thương hàn trở lên mới là bệnh". Nghỉ lúc này là nằm trên đống gai. Nghe lệnh ra trận, anh em tung chăn chồm dậy hết, nói mình đã qua cơn, đánh một lát tháo mồ hôi sẽ lành. Và họ lành thật.

Cô Hai Mẫn cùng lên Tam Trân với tôi.

Mẫn đi sau lưng tôi như cái bóng. Không nói một tiếng. Khi dừng trên gò tránh chiếc tàu rà, Mẫn ngồi bó gối nhìn mãi vào khoảng trống, đôi mắt đàn ông cứ lặng đờ dưới khăn trắng. Cha Mẫn bị tù Côn Đảo đã tám năm không một tin nhắn về. Đến nay, nỗi đau mất mẹ và cái khổ chung của làng xóm ập đến, có lẽ quá sức chịu đựng của cô gái mới chẵn hai mươi. Trong công tác Mẫn cứ tỉnh và sắc, nhưng tôi gờm cái dáng cứng lạnh kéo dài ấy. Chị Tám Giàu dỗ mãi, Mẫn nói ráo hoảnh: "Khóc làm gì? Tụi nó sợ đạn, có sợ nước mắt đâu!"

Hết quãng đồi hoang, tôi xắn quần lội suối. Hôm bơi qua chỗ này, Năm Ri gọi nó là sông Rù Rì, ranh giới giữa Tam Sa và Tam Trân. Lúc ấy nó rộng hơn trăm thước, gầm gào tuôn dòng thác màu gạch non qua cánh đồng lớn phủ nước mưa trắng đục. Bây giờ nó trở lại là con suối hiền, rất trong, chẳng họ hàng gì với lớp bùn khô đóng dày trên cây lá viền rậm hai bên bờ.

Không có tiếng chân lội theo. Tôi ngoái lại. Mẫn đứng dựa thân cây, ép bàn tay trên ngực, thở nặng nhọc. Mấy hôm nay Mẫn hay

tức ngực như thế. Tôi vội đến đỡ súng và bao lưng cho Mẫn, bảo ngồi nghỉ. Mẫn hít một hơi dài, nói khẽ:

– Chỗ này… pháo giập luôn.

Mẫn đi ven suối ngược lên một quãng, đến bên con mương lấy nước bị lấp một nửa. Cái đập đầu mương trôi mất, chỉ còn mấy khối đá chồng nhau nằm giữa dòng. Chúng tôi bẻ lá lót ngồi bên mương cho dễ nhảy xuống tránh pháo. Tôi vét cái túi ni-lông, bứt lá cánh bướm quấn một điếu thuốc rê, lim dim thả khói. Mẫn ngồi dựa gốc cây, nhắm mắt.

Khi gặp các cô Tam Kỳ, anh Ba Tơ ưa đóng vai ông chú, trêu rất ác: “Lính tao thà cắt tóc đi tu còn hơn lấy con gái Tam Kỳ. Tiền đâu mua thuốc cho tụi bây hút? Mười đứa, đếm đi đếm lại thấy đeo bọc thuốc bên hông đủ một tá. Tam Kỳ nằm giữa Hà Nội với Sài Gòn, là chỗ rốn đường sắt, đẻ ra con gái đứa nào cũng giống y cái đầu máy xe lửa: đen thui, đi ục ịch ục ịch, miệng phun khói phèo phèo, ai động đến thì ré nhức tai như còi!”. Bị các cô xúm lại đấm bịch bịch, anh còn kêu: “Xe lửa qua cầu đó, nghe chưa?”

Tôi cười một mình. Cô gái Tam Kỳ trước mặt tôi không có chút gì là “xe lửa”.

Mẫn có khuôn mặt trái xoan trắng xanh, thân hình dẻo và thon, hơi mảnh khảnh. Ai chỉ quen nhìn các cô nông dân mình tròn má phính, ắt dễ lầm Mẫn là “nông dân cày đường nhựa”, tuy từ nhỏ tới nay Mẫn mới ra thị xã có vài lần, chưa tới Đà Nẵng bao giờ. Nói theo kiểu má tôi bàn với các bà chọn dâu, cô này “ốm như cây sậy, gió thổi bay, nước da như đờn bà đẻ dậy, thứ đó rước về mà thờ chớ làm ăn gì!”. Trước khi tôi về Tam Sa, chị Bỉnh đã cho biết Mẫn là chi ủy viên chính thức phụ trách quân sự, kiêm bí thư xã đoàn thanh niên. “Coi bộ yểu điệu như tiểu thơ mà đánh giặc lì lợm nhứt đó”. Dọc đường Năm Ri gọi Mẫn là chị Hai và khen Mẫn “ăn no vác nặng”. Về cây các-bin liên thanh của hiếm, chị Tám Giàu kể rằng Mẫn đã mượn áo dài quần trắng đi dò mãi trên đường Một, ném lựu đạn hạ được hai tên công an quận, tước một súng ngắn một các-bin. Thì ra cái mẽ ngoài lắm lúc thật trái ngược.

Tôi ngồi im, đợi Mẫn đỡ mệt. Mấy ngày nay tôi chỉ chợp mắt mỗi đêm được ba bốn tiếng, còn Mẫn hình như không hề ngủ, trăm việc đều đến tay, chôn mẹ xong lại tất tưởi chạy chân không bén đất. Về họp với C.215, tôi sẽ thu xếp cho Mẫn nghỉ một chút, khuây khoả một chút.

Những quầng sáng lạ chợt hiện trên mặt cô gái, chạy rập rờn. Hàng mi và một mảng tóc của Mẫn nổi màu vàng kim nhũ từng lúc, tuy Mẫn ngồi dưới bóng cây rậm. Tôi đưa mắt tìm quanh, nhận ra con suối đang đón ánh nắng vừa vén mây, mặt nước đầy những tia rắc ngang như kim, ở giữa chan một mảng thủy ngân loá mắt. Tôi ngắm Mẫn ngồi im giữa những sóng nắng toả từ suối rung rinh rờn trên lá trên người, mỉm cười một mình: đẹp đấy, nếu Mẫn là người yêu của tôi thì đây là cảnh rất nên thơ. Tiếc rằng tôi không yêu Mẫn, chỉ thương và trọng thôi.

Tôi đi xuống suối rửa mặt, chợt thấy những chấm trắng nhấp nhô gần bờ,chỗ nước chảy mé bên dưới. À, bông bạc. Gặp lại bạn cũ rồi.

Cây bông bạc nằm chìm dưới nước, rễ xoà bám đá, duỗi những lá mỏng và dài quẫy mãi theo dòng như một chùm dải lụa xanh. Chỉ có bông hoa nhô khỏi mặt nước. Trên đầu cái cuống xanh mềm, hai ngón tay tháp bút xòe ra trắng muốt, nhè nhẹ vẫy mãi, nhắc mãi một lời hứa nào đó, rất xưa trong tiếng suối thầm thì.

Tôi luồn tay nâng mấy bông hoa gần bờ. Con sông ở quê má tôi cũng nhiều hoa này. Lâu lâu, dọc đường dài từ trận này đến trận khác, thứ hoa kỷ niệm của tuổi nhỏ lại đón tôi ở một nơi có nước trong và bóng mát, vẫy tôi, kín đáo và dễ thương như đôi ngón tay của ai đó đặt gánh gạo bên đường, vừa gặp “anh ấy” trong hàng bộ đội kéo qua… Có tiếng chân nhẹ của Mẫn xuống theo. Tôi ngắt một bông, quay lại đưa cho Mẫn. Mẫn chớp mắt, khẽ nói:

– Đừng hái, anh.

– Mẫn không thích à?

– Thích chớ. Mà để vậy coi xinh hơn.

Ừ nhỉ. Bông bạc đứt cuống nằm trên lòng bàn tay tôi cứ thẳng đờ như hai con tằm chết cứng. Nó là thứ hoa không ngắt cắm bình

được. Nó chỉ đẹp khi đang sống, đang uốn quẫy giữa dòng suối biết đi biết nói. Tôi mến nó đã lâu, sao không nhớ cái nét riêng ấy nhỉ… Tôi thả bông hoa vừa ngắt xuống suối, nhìn nó trôi nhún nhảy như đùa với nước lần cuối trước khi héo rã, tan vào nước, chợt thấy ân hận. Cái chết mới tràn qua đất này xong, sao tôi lại đi cắt ngang sự sống, dù chỉ là cuộc sống của ngọn cỏ?

Một loạt pháo từ An Tân bắn lên, nổ gần chỗ lội ban nãy. Đợi mươi phút nữa, chúng tôi đi tiếp về Tam Trân sau khi pháo địch chuyển làn.

* * *

Cái kế hoạch bao vây bức rút của tôi bị loại ngay vòng đầu.

Đại đội trưởng Ba Tơ gặp Mẫn, hỏi chuyện làng chuyện nhà, nhăn trán nghĩ mãi rồi lắc đầu: hồi anh ở Tam Kỳ, Mẫn mới theo đội công tác và chỉ được giao nấu cơm vá áo. Anh lại đi cánh Bắc nhiều hơn, ít quen Tam Sa. Nghe kể việc cứu lụt, anh ừ ừ trong mũi, cầm nhíp nhổ mãi một cái cằm đã trụi râu. Rồi anh "hự" một tiếng, gắt tôi trước mặt Mẫn, rất ngang:

– Cái tụi ăn gan uống máu đó mà để cho thoát? Bức rút... hừ, bức rút... Mày hay trách tao nóng mũi, lần này tao nóng hết đầu mình chân tay rồi đó. Đừng nói anh em mình đòi đánh, dân đòi đánh, ngay mấy chục thằng quân địch mới chạy về ta cũng năn nỉ làm sao diệt tụi đầu cọp kia nè! Xưa nay tụi nó hiếp người cướp của chẳng có chừa vợ lính nhà lính đâu! Lại còn bốn thằng Mỹ, cha con thằng gì mà ác ôn đó nữa, cho rút hết à?

Hai gò má sần sùi của anh đỏ rựng.

Chính trị viên Cẩn vừa ghi vừa xoa bụng bằng tay trái- vẫn cái dạ dày. Trung đoàn đang giục đưa tin thêm về tội ác Mỹ - nguỵ. Anh gập sổ, buông gọn:

– Hễ trên không cho thêm quân, xê mình dám lãnh một diệt một không?

Tôi tưởng Ba Tơ sắp nói ngay: "Dám!". Nhưng ngay giữa những cơn nóng ồn ào, anh vẫn tính rất kỹ sức ta sức địch, vẫn "khôn róc mấu" khi xương máu anh em cần được cân nhắc. Anh dịu giọng:

– Tao nói phải diệt, còn ai diệt, diệt cách sao thì đợi bàn cho thấu lý đã chớ.

Chúng tôi đi gặp luôn ban chỉ huy tiểu đoàn đóng cách vài cây số. Tôi nhường Mẫn báo cáo, để dành tiếng nói của mình cho phần cuối: xin đánh. Tiểu đoàn trưởng hỏi rất kỹ, chống cằm ngồi nghĩ, điếu thuốc rơi xuống quần cháy một lỗ tròn không hay. Chính trị viên ra vườn xì mũi, trở vào với cặp mắt đỏ, nói khẽ:

– Đồng chí Mẫn ăn cơm rồi ngủ một giấc, chiều nay họp tiếp. Cậu Thiêm nhớ uống thuốc phòng nghen.

Thì ra ở đời vẫn còn những việc mất thì giờ như vậy: ăn, ngủ, uống thuốc. Chúng tôi đang chăm chăm đợi một tiếng "đánh" thôi mà. Mẫn đưa mắt hỏi tôi:, vẻ tuyệt vọng rõ đến nỗi anh tiểu đoàn trưởng phải lèo thêm:

– Tư Thiêm vẽ giùm cho cái sơ đồ làng Cá với gò Mù U, được chớ?

Xế chiều, Đảng ủy tiểu đoàn họp mở rộng, và tiểu đoàn trưởng mới nói hết ý mình:

– Chẳng những vây diệt đại biệt động của thằng Quỳnh, còn phải khoá họng pháo An Tân, đánh sứt mẻ các cứ điểm đã gây nhiều tội ác trong khu vực Nam Tam Kỳ. Huyện hứa cho bộ đội phối hợp. Đặc công của tỉnh đang sửa soạn làm ăn. Huyện ủy vừa cho biết kế hoạch đồng khởi của vùng dưới, tám đến mười xã, anh Bảy còn muốn làm mạnh hơn...

Mẫn quay nhìn tôi, mỉm cười, mắt vui lóng lánh. Tôi nở mày nở mặt. Chúng tôi nằn nèo xin một cắc, đang sợ bị từ chối, bỗng được tới một đồng, nhiều đồng, hoá ra giàu sụ.

– Riêng cái gò Mù U, đề nghị giao cho xê Ba Tơ chủ công. Cho thêm một xê nữa mở hai mũi phụ vá đường, chặn hết các ngả. Phải băm nát, hốt gọn, diệt cho sạch, xoá phiên hiệu cái đơn vị ác ôn đó, nhất là số Mỹ và cha con thằng Chinh càng không được để sẩy. Các đồng chí thấy sao?

Ngón đòn trả thù lớn hơn mơ ước của chúng tôi nhiều quá. Nó còn lớn lên nữa sau khi Đảng ủy tiểu đoàn đi họp với tỉnh ủy, huyện ủy, có anh phó chính ủy trung đoàn vừa đi vừa chạy từ Quảng Ngãi

ra kịp dự. Mẫn cùng đắp bàn cát với tôi ở nhà chị Bỉnh, cười luôn miệng, đôi lúc lại thừ người ra hỏi khẽ: “Cắn cưa rồi chớ, anh Thiêm?”. Mẫn cứ sợ mừng hụt. Đối với Mẫn, trận này không chỉ là trừng phạt giặc và giải phóng xã mình, nó còn lấy lại cho Mẫn tiếng cười và tâm hồn thanh thản. Thiếu nó, máu trong người Mẫn cứ mãi là dầu sôi. Hạnh phúc đến trước một ít rồi, toả ngời ngời trên khuôn mặt gầy đang hồng lại như ngấm trầu thuốc.

Nhưng kế hoạch không cắn cưa bấy nhiêu. Liên tiếp có tin mới: trung đoàn điện cho hai xê trợ chiến mới xây dựng được đi thực tập luôn trong dịp này, nện cối 81 và ĐK vào các đồn gần Tam Sa; tỉnh đội Quảng Nam báo tin sẽ đánh vào thị xã Tam Kỳ; một cậu đại đội trưởng đặc công của khu mà tôi quen chợt đến, kéo Mẫn ra góc vườn hỏi về con đường xuống cửa biển An Hoà.... Vẫn chưa hết. Cái máy thu thanh đặt bên chỗ chúng tôi làm việc từng giờ nhắc rằng trả thù cho làng Cá còn có đồng bào Sài Gòn, Đà Nẵng đang đánh lại cảnh sát dã chiến trên đường phố để đòi cứu vùng bị nạn, còn miền Bắc đang dồn gạo, vải, thuốc men gửi vào, còn những người ngay thật trên cả trái đất đang quyên góp và xuống đường. Giặc vừa úp những cái nơm thép xuống làng, thì đây, một tấm lưới trời đang dang rộng ra mãi, dày thêm mãi, sắp chụp xuống rồi.

Bàn cát đã xong. Gọi là bàn đất sét đúng hơn. Tôi cắm lá cờ giấy trên gò Mù U - cờ vẽ một cái đầu cọp nhe răng, miệng tô đỏ lòm bằng thuốc đỏ - vừa nghe chị Bỉnh hỏi mấy giờ. Tôi liếc xuống cổ tay, phải nghĩ một chút mới biết là bốn giờ sáng chứ không phải bốn giờ chiều. Một tiếng rưỡi nữa cán bộ các xê đánh gò Mù U sẽ lên bàn cát. Chưa bào giờ tôi thấy Mẫn tươi khoẻ như lúc này, sau một đêm thức trắng.

* * *

Chiều hôm ấy, khi Mẫn và tôi sắp trở về Tam Sa để sửa soạn đón quân, một cậu du kích đến tìm tôi, đưa một lá thư có phong bì giấy trắng hẳn hoi. Anh Liệp, đội trưởng đội võ trang công tác Tam Sa, trân trọng mời tôi đến “dự bữa cơm thân mật với đội, nhằm cảm tạ sự đoàn kết giữa Quân đội giải phóng và địa phương”. Tôi đưa thư cho Mẫn, cười:

– Cô này ghê thiệt, ngồi một bên mà nhứt định gởi giấy cho oai. Tụi tôi đi hết chớ?

Mẫn không giấu được bối rối khi đọc thư. Tôi bắt đầu thấy lạ. Đội Tam Sa mời liên hoan, Mẫn không biết. Mà lại mời riêng tôi, tại Tam Trân. Người cầm giấy đúng là du kích Tam Sa thật, nói ăn cơm ở quán thím Liệp. Mẫn bảo tôi nên đi, cách nửa cây số thôi. Mẫn còn mấy việc linh tinh, không dự, sẽ đợi tôi đúng tám giờ tối tại nhà chị Bỉnh để cùng về xã. Cuối cùng là mấy tiếng hấp tấp và cặp mắt nhìn lảng: “Chỗ quán xá có hơi phức tạp, anh giữ ý một chút...”. Thế nghĩa là gì?

Tôi theo cậu du kích ra đường ô tô lúc lên đèn.

Rải rác trong vùng giải phóng có những phố chợ nho nhỏ với mươi quán bán tạp hoá, mắm muối, bia cam, bánh xèo và mì Quảng, cùng với các tiệm may, cắt tóc, sửa xe đạp chia chỗ nhau dọc một khúc đường. Nơi họp chợ là một khu vườn mít hay cau gần đấy, có hầm hào tránh tàu bay đại bác càng hay, phiên chợ chỉ kéo dài vài tiếng. Phố chợ Ngọc Lợi này khá nhộn nhịp, lắm hàng. Hàng thành phố có xe khách chở lên hằng ngày, hàng vùng giải phóng được xe thồ và thuyền đưa xuống. Chợ nhỏ buôn lớn, cần mua máy thu thanh Nhật hay đồng hồ Thụy Sĩ đều có sẵn, phải cái giá khá đắt sau nhiều lớp ăn lời. Mậu dịch công doanh cũng vừa đặt một cửa hàng ở đây. Ta chưa chặt cầu phá đường, chỉ soát xe, thu thuế, chỉ đạo giá cả, bắt gián điệp. Địch chưa ném bom đốt dãy quán vì sợ thị xã bị giam đói. Bọn lính địch mỗi khi càn lên đây thường hỏi mua giây dù, vải dù hoa, bi-đông Mỹ, giá rẻ hơn chợ buôn lậu Tam Kỳ.

Quán thím Liệp là một nhà tranh khá rộng nằm bên đường cái, ghép thêm một nhà nữa theo thế chữ đinh ở phía sau. Thím Liệp đón tôi niềm nở, nhắc các con “chào chú” - ba đứa bé rất xinh, lễ phép, mặc vải hoa cùng màu. Thím còn trẻ lắm. Cũng may câu chào đầu tiên của tôi rất là chung chung nên tôi kịp gọi tiếp bằng chị, tưởng đắc sách rồi, ai dè lát sau lại biết con gái đầu của chị đã lấy chồng, chị sắp có cháu ngoại. Chao ôi, cách xưng hô tiếng Việt sao mà rắc rối!

Cơm đã dọn sẵn ở nhà trong. Ba người ngồi uống trà đợi khách, đứng dậy bắt tay tôi hồ hởi. Cả ba đều lạ mặt, sao vậy? Những đồng chí cứu lụt tôi quen đi đâu hết? Tôi không thể nghĩ đây là một pha xi-nê trinh thám, bởi du kích Tam Trân đeo súng ra vào nườm nượp ngoài kia, cười ầm, chị Liệp chia cho mỗi người một nắm thuốc rê và gắt: “Nhỏ nhỏ cái miệng chớ, chú Tám đang có khách!”

Một anh tóc lốm đốm bạc, người cao lớn, mặc bộ ka-ki Mỹ may kiểu bộ đội còn mới, trịnh trọng giới thiệu hai đồng chí Ba Thấn và Sáu Quỳ trong đội Tam Sa, rồi chỉ vào mình: “Tôi là Tám Liệp, đội trưởng”. Anh rót rượu a-nít và bia 33, mời tôi nâng cốc với dáng điệu của một sư trưởng đón khách nước ngoài. Tôi đã ăn no và không biết uống rượu, chỉ cầm đũa cho phải phép, nhấp bia và ngắm họ, nghe họ.

Anh Liệp luôn luôn đường hoàng đĩnh đạc, men lên đỏ mặt vẫn không ngớt gọi tôi là “đồng chí đại đội phó”. Tôi nhớ ngay anh Tư Luân bí thư Tam Sa, đội phó, gầy chỉ còn toàn xương, lảo đảo ngồi xuống bên tôi, vừa nắn chỗ đầu gối sưng đỏ vừa hỏi: “Còn điếu nào không, Thiêm?”. Anh Quỳ trạc tuổi tôi, chỉ ăn không nói. Anh Thấn có vẻ cởi mở nhất, hết lời khen bộ đội “thương đám dân lành”, tôi nghe rất chối tai tuy biết một số đồng chí ta còn nhiễm lối ăn nói vùng địch. Có một cái gì lắt léo đằng sau bữa tiệc gà quay cá hấp rất sang này. Phải chăng các vị cần tôi có mặt để tiện chi mấy trăm bạc quỹ công vào bữa chén? Nếu vậy lý do đã đủ, tôi sẽ rút lui sớm để các vị ăn nhậu với nhau, tôi phải lo đánh giặc để giải phóng quê các vị đây. Bà con dưới kia đang xẻ tư mỗi nắm cơm cứu đói dưới hầm, pháo giặc tưới đất bột trên miếng sắn ghế...

Tôi cố giữ bình tĩnh một lát nữa rồi xin kiếu trước. Tôi bị níu lại. Thì ra họ còn muốn căn dặn mấy lời. Anh Liệp nhắc rằng tư tưởng trong đội đang phức tạp, tôi nghe điều gì trái tai thì chớ tin ngay, nên hỏi lại đội trưởng. Ba Thấn đỡ lời, nói cô Mẫn đánh giặc thiệt tới gan nhưng “sanh hoạt có phần bừa bãi”. Anh cười tủm, nháy nháy để tôi hiểu “sanh hoạt” nghĩa là gì. Chị Liệp đi qua cũng ghé vào, tố con Hai Mực là đứa ăn cháo đá bát, theo đuôi ông Luân mà coi trời bằng vung, lau mũi chưa sạch mà đòi hỉnh mũi. Anh Liệp ra vẻ khoan dung: “Thôi, chấp chi con nít mới lớn”. Mất một lát tôi mới hiểu

“Mực” là tên “móc nối” của Mẫn. Sáu Quỳ bận gặm cái đùi gà, chỉ lắc đầu thở dài, chẳng biết rầu về ông Luân, cô Mẫn hay cái đùi gà dai.

Nửa giờ sau tôi mới đi thoát, mồ hôi vã ướt lưng.

Bộ đội tới đâu phải tìm gặp cán bộ địa phương trước hết, tôi đã làm việc với mấy chục uỷ ban xã và đội công tác, chưa bao giờ thấy khó chịu như hôm nay. Tôi có nghe loáng thoáng về anh Tám Liệp, còn làm đội trưởng nhưng vừa rớt chức bí thư trong đại hội chi bộ hồi đầu năm vì quá nhát gan. Dù chẳng biết mô tê nào, tôi vẫn không muốn tin lời họ. Đây đó tôi cũng gặp trong hàng ngũ ta một số người lưỡi dài hơn tay, nhờ khéo trốn việc nên rảnh thân rỗi mồm, hễ tụ lại đủ cặp là bắt đầu nói xấu sau lưng một người thứ ba, và cái tật ngồi lê đôi mách ấy có khi được đặt tên chữ là “hội ý hội báo”, là “nhận định tình hình nội bộ”. Cuộc bôi nhọ vừa rồi còn nặng hơn thế. Cái bộ ba kia - bộ tứ thì đúng hơn, vì chị Liệp chủ quán hiểu hết người và việc trong đội, chi bộ - vừa cơm gà cá gỏi vừa đánh vào lưng những đồng chí đang vào sống ra chết. Nhưng họ ranh quá hoá dại. Họ tưởng tôi cũng tham vặt như họ và ngốc hơn họ. Những người tồi thường hay lấy mình làm thước đo để đánh giá kẻ khác. Trong khi nịnh anh A, đả chị B, trung lập bác C, doạ ngầm chú D, họ không biết rằng họ đang hứng lấy sự khinh ghét của những đồng chí đáng gọi là đồng chí... Tôi không muốn nhúng vào việc nội bộ của đội Tam Sa, nhưng trách nhiệm buộc tôi phải nói hết với huyện ủy khi có dịp. Ý định ấy giúp tôi nhẹ người dần trên đường về.

Chưa đến bảy giờ rưỡi tôi đã bước vào nhà chị Bỉnh. Mẫn không đi đâu cả, ngồi ru con chị Bỉnh đợi tôi. Thoáng một ánh gì như lo sợ trong đôi mắt đen ngửng lên, có thể là xót xa. Tôi chỉ nói sơ rằng chỉ đến cho biết người biết nhà anh Liệp thôi, giục Mẫn đi xuống Tam Sa.

Địch chừng đã đánh hơi có chủ lực về, cho tàu rà và C.47 quần mãi trên cánh đồng lớn của Sáu Trân, ném đèn dù dày như nấm mọc sau mưa. Ruộng sau lụt không còn bờ bụi gì nữa, chúng tôi phải quàng dù hoa kín người, ngồi thụp khi máy bay vòng lại, có khi phải đóng vai hòn đá suốt hai mươi phút. Tới một lúc đèn tắt hết, chỉ còn chùm đốm xanh đỏ của chiếc C.47 vẽ mãi số 8 trên cao, Mẫn phóng lên rất nhanh. Tôi không ngờ cô gái mới ôm ngực thở dốc

hôm kia có thể đi vèo vèo như vậy, như xem đường bằng bốn mắt cá chân. Nhanh quá mất. Đi đêm đã nhiều mà tôi theo Mẫn không kịp. Pin không bấm được, trời đen, một cơn mưa nhỏ lại nhuộm sẫm các lối mòn vừa khô xong, khi mới tối còn trắng mờ. Cái khăn tang trên tóc Mẫn bị tấm dù trùm kín. Tôi chỉ còn biết căng mắt nhìn hai bắp chân trắng thấp thoáng đằng trước, một thứ lộ tiêu trời cho, và sấp ngửa đuổi theo. Được một lát thì cặp lộ tiêu ấy biến mất, sau khi Mẫn lội qua một vũng bùn đặc. Tôi bước xuống ruộng một lần, hai lần, buộc lòng phải bảo Mẫn chậm lại. Mẫn nói như xin lỗi:

– Ở đội công tác phải mò đêm quanh năm, tôi quen mắt quen chân...

Chân tôi không kém ai, nhưng mắt thì chịu thua cô này hẳn rồi. Đến sông Rù Rì chúng tôi dừng lại nghỉ. Tôi rất mừng khi Mẫn rửa chân thật sạch và vo quần cao đến vế, rồi bỗng bật cười thành tiếng, thầm giễu mình con nít. Mẫn cười theo:

– Thích quá anh hè. Tôi cứ sợ chiêm bao, thức dậy không còn chi hết, chao!

Lần đầu tôi nghe Mẫn cười. Một tiếng cười dè dặt như chưa dám vui quá sớm.

Chú thích

(1) Thước cũ, độ 4 dm

Chương 4

Tôi nhè nhẹ co hai bàn tay lên xoa mặt và cổ, phủi mấy con kiến đen chân ngắn mình đẫy. Giống này cũng lạ, đốt không đau nhưng nếu tôi giết một con thì cả bầy từ đâu ùa tới bò kín người, sẽ trị tôi bằng cái ngứa ngáy.

Bọn lính gác đứng nép im xo dưới bóng cây. Tôi rình khá lâu không thấy chúng hút thuốc, đập muỗi, bấm pin xem giờ. Chỉ một trung đội mà chúng gác tới bốn vọng ở bốn góc vườn, thêm nửa giờ một cặp đi tuần không rọi đèn. Lính rằn ri con cưng của Mỹ có khác. Tôi thu thú khi nghĩ đến cái phút thằng chỉ huy hứng đạn vào ngực, giãy lên tức tối: "Gác vậy mà Việt cộng cứ đánh được!". Tiếc rằng trận này chỉ là tí hon.

Trước mặt tôi, khối đen của ngôi đình làng Cá hằn trên nền trời rậm sao. Thằng Chinh con với ba chục tên biệt động ngủ trong ấy. Hồi chiều chúng tôi đụng cái trắc trở mới này: "Thêm một đại lính đầu cọp nữa kéo tới gò Mù U, sau đó hai trung tách ra đóng trong hai ấp chiến lược Nhơn Ái và Nhơn Phước, giữ sườn cho cụm quân trên gò. Cái nhóm mười bốn anh em cứu lụt chúng tôi lại được giao đánh vào làng Cá, tất nhiên. Còn những hai mươi phút nữa mới đến giờ G, tôi cứ cho tất cả bò vào nằm dọc hàng rào, theo dõi địch luôn thể. Lính cũ đã qua nhiều trận, anh em đủ sức bám lâu bên hông giặc mà không mất bình tĩnh.

Hồi mới thử lửa, cái khoảng thời gian nằm đợi nổ súng là một cực hình đối với tôi. Mệt và căng lắm. Tôi dán mắt vào lớp kẽm gai hình cũi heo ở ngoài cùng, cố nhớ lại cái đồn đã xem trên bàn cát với các lô-cốt mẹ, con, hầm chìm hào lộ, rào và mương đầy những chông mìn. Tôi nhẩm mãi những lời dặn từ các anh từ tiểu đoàn đến tiểu đội, những mánh lới nhỏ của các đồng chí cũ mách cho, thấp thỏm lo không thuộc. Người tôi hết nóng lại lạnh, một sợi gân nào đó giật từng hồi dọc xương sống, bụng thót lại rất mót đái, kiến bò mãi trong các bắp thịt chân tay, tệ nhất là cái họng cứ trở chứng đòi ho

rất dữ. Y hệt một cậu học trò sắp vào buồng thi, cuống quýt lo trượt, cố học "gạo" thêm đến mụ cả óc. Nếu ai nghi tôi sợ chết thì oan lắm. Tôi rất ham giết giặc nhưng còn thiếu bình tĩnh, vậy thôi.

Qua vài trận, tôi mới tập được cái ung dung đầy tự chủ của người lính cũ. Những ý nghĩ rối tinh biến dần. Cái lối ngọ nguậy lăng xăng và cứng như gỗ của người mới tập đi xe đạp nhường chỗ cho những động tác gọn, dẻo, nhanh, mạnh nhưng không phí sức. Nhích lên một ít nữa, tôi được anh em khen: "Thằng Thiêm đánh nghề đấy". Một tiếng tôi chưa gặp trên báo trên đài, có lẽ vì ngại lẫn với lính nhà nghề của địch, nhưng hay nghe trên cửa miệng bộ đội. Thành ra người thợ hay người dân cày cần phải thạo nghề, còn anh chiến sĩ thì phải "tinh thông chiến thuật kỹ thuật", nghe khá dài... Kể từ lúc tôi tàm tạm thạo nghề trở đi, thời gian nằm im sát địch không còn hành hạ tôi nữa mà biến thành những phút nghỉ dễ chịu, để cho sợi gân thớ thịt giãn ra, mọi thứ lo toan khi chuẩn bị và đi đường lùi về phía sau, những cảm xúc dồn dập kịp lắng xuống và kết tinh. Dứt quãng nghỉ bắt buộc ấy, tôi nhào lên đánh rất khỏe.

Năm ngoái ở xê mình xảy ra chuyện buồn cười. Một anh nhà báo đến gặp Mười Cảnh, chiến sĩ thi đua trung đoàn, hỏi và ghi suốt hai ngày. Chúng tôi khoái lắm, lo cháo sớm chè khuya để anh lấy sức làm việc. Hơn tháng sau chúng tôi nhận được số báo có một bài dài về cậu Cảnh. Đại đội họp lại nghe đọc chung, trịnh trọng như làm lễ mừng công. Bài báo viết đủ các mặt nổi nhất của Cảnh. Khen hơi quá một chút, nhưng không sao, sức cậu Cảnh có thể bù vào chỗ chưa kịp làm mà đã được nêu. Ác một nỗi anh em càng nghe càng xì xào, cười, đến cuối cứ ngớ ra quên vỗ tay. Lặng đi một lát rồi quân ta mới góp ý, ban đầu còn ngập ngừng lựa lời, sau mới túi bụi. Mười Cảnh được tả đang đánh giặc say sưa với đôi mắt nảy lửa, máu sôi trong đầu, miệng thét những câu khích lệ đồng đội. Anh em bàn rằng chớ nên toé lửa con mắt, khó bắn trúng địch mà lại dễ đạp mìn ba râu của nó. Rằng bốc máu lên đầu không có lợi, phải tỉnh để đoán mẹo thằng địch và nghĩ cách giết nó. Rằng khi đâm lê cần thét dữ, lúc khác phải để dành tai nghe lệnh chỉ huy và nghe cả giặc nữa. Đến cái đoạn gay cấn nhất, tả cậu bạn bị thương: Cảnh chạy đến, thổn thức lay gọi người đồng chí thân yêu, rồi ghé vai cõng bạn

quay về phía sau băng bó. Anh em kêu ầm: ra trận mà khóc lóc, bỏ chiến đấu, mượn cớ bạn bị thương để rút dù! Chính cậu bạn được cứu phải phân trần giùm. Thì ra Cảnh chạy lại rút băng quấn cầm máu rất nhanh, miệng gọi cáng thương, rồi xốc tiểu liên chồm tới đánh tiếp, diệt xong hai chiếc M.113 mới quay lại. Cậu kia nhường cáng cho đồng chí khác, chống súng đi tập tễnh, Cảnh cõng bạn và đeo hai súng hai bao suốt đường rút quân.

Mười Cảnh vốn là tay làm nhiều nói ít, cứ nhìn cắm xuống đất như tìm hầm ngầm mà trốn. May phước không ai hiểu lầm cậu ta, một con người chánh hiệu vàng ròng. Năm Cẩn gãi đầu khi nghe đọc chỗ Mười Cảnh gặp trọng liên địch bắn rát quá, đã nhớ lại một câu động viên của bí thư chi bộ, nhờ đó thêm quyết tâm giết giặc. Anh rỉ tai tôi: “Công tác chính trị vậy là chưa ngấm”. Cuối buổi, Ba Tơ nghĩ ra một lời giải thích rất hay:

– Thì phải viết vậy mới ra văn chương chớ, cứ tả cái kiểu tụi mình đánh tỉnh khô như phát rẫy, hấp dẫn sao được.

Anh em đều thấy đại đội trưởng nói có lý, thôi cho qua.

Quả thật những ngày đêm trước khi ra trận là căng hết mức. Mỗi chúng tôi đều phải làm nhiều, nghĩ nhiều, cảm nhiều. Thằng giặc chẳng phải hùm beo, ma quỉ gì, nhưng không thể coi nó là cục thịt thừa nằm ỳ chịu đấm. Phải lường cho hết các ngón tam khoanh tứ đốm, tìm cách phá hết các bửu bối của nó. Chúng tôi còn thành kính lật lại cuốn sổ căm thù của đời mình. Các khoản nợ máu còn dễ đếm, nợ bóc lột tính mãi cũng ra, còn những mối nhục khía vào tim như cật nứa thì chúng tôi nói ít mà cảm nhiều - một cái tát có khi để giấu trong tim sâu hơn trái bom tấn. Chúng tôi sửa soạn một cuộc thanh toán, và biết rằng nỗi đau ngàn đời của con người không được sống ra người còn đòi rất nhiều cuộc thanh toán nữa. Chen vào mọi chỗ hở của hăm bốn giờ là trăm thứ việc không tên, từ viên đạn long đầu phải thay đến cái bao gạo chuột khoét chưa vá.

Đến cái phút sắp giao chiến.

Lúc ấy tất cả đã ngấm, đã tiêu hoá hết, biến thành sức mạnh mới trong mỗi tế bào của người lính rồi. Anh chiến sĩ hẹn với mình: “Phải xoá sổ cái đơn vị ác ôn này”, và ngạc nhiên nếu có ai nhắc đấy là

câu nói của chính trị viên. Giết giặc đã là đòi hỏi riêng tư của anh, cái đòi hỏi gấp rút nhất, cứng và nhọn như mũi lê phóng về phía trước. Anh biết rõ những gì sắp làm để giết được giặc. Anh nhẹ nhõm đến mức kỳ lạ. Phải có kỷ luật chiến trường mới kìm anh được, không cho tếu. Kẻ thù không hiểu nổi anh đã đành, cả một số bạn bè đứng bên lề nhìn vào cũng khó đoán vì sao anh thanh thản đến vậy trước cái chết. Họ tưởng anh phải say máu như gà chọi mới đánh được, trong khi anh cứ bông lơn pha trò dưới bom rải thảm, xung phong hét dữ nhưng vẫn nhớ băng đạn còn bao nhiêu lượt bóp cò, và kìm được đà tay đâm khi thằng địch thả súng...

Trung đội rần ri trong đình cho lính ra thay gác, vẫn không đèn lửa. Ranh lắm. Tôi xem đồng hồ: còn tám phút. Tôi bóp tay chú Dé, rỉ nhỏ:

– Mệt không?

– Không. Bằng nhau mới ngủ dậy.

Dé cười. Hàm răng loé trắng và biến.

Bên phải tôi, cô Hai Mẫn nằm sấp, chống một tay lên cằm, từng lúc nhìn tôi bằng cặp mắt lóng lánh đọng sao. Mẫn nắm một tiểu đội du kích đánh chung với bộ đội, nhưng chia nhiều nhóm chặn các ngả, phòng thằng Chinh sẩy chạy lẫn trong dân.

Sau khởi nghĩa Mẫn sẽ làm xã đội trưởng. Anh Bảy quai nón nói vậy và cười: “Đàn ông xưng anh với vợ miết rồi cứ bắt đàn bà làm phó!”. Tôi không kể với Mẫn câu chuyện trong quán chị Liệp, chỉ hỏi về bộ ba đã gặp, về anh đội trưởng mới thấy đảo về xã có một buổi lại trở lên Tam Trân. Mẫn nói lảng, giữ miệng như có thư ký ghi biên bản bên cạnh. Rõ ràng Mẫn xem tôi là người ngõ ngoài đến giúp, chỉ cho biết những sụ bụp xẹt đùng choàng, không thích tôi xen vào việc riêng của Tam Sa. Cũng được thôi. Tuy trong khi phối hợp tôi vẫn có quyền chất vấn về anh đội trưởng, và Mẫn phải trả lời, nhưng tôi không muốn vặn lý Mẫn làm gì.

Cây kim phút nhích dần đên cái đốm xanh của số 6. Tôi bấm vào tay Mẫn ba lần, báo hiệu tiến tới sát địch, nhân đấy nắm cổ tay Mẫn thêm mươi giây, ấn đầu ngón tay chỗ mạch máu. Mẫn không run, tim đập vừa phải: vững đấy. Mẫn và chú Dé bấm nối dây chuyền ra

mé sau. Chúng tôi trườn rất chậm đến cách chân tường năm bước, lại dừng đợi. Một bắp thịt trên gò má tôi rút mạnh, đau. Tôi đặt bàn tay trái lên, day day mấy cái, nó nằm im. Đằng sau đã lên đủ, báo cáo bằng hai lần bấm vào chân tôi. Êm cả. Chắc ăn rồi.

Phía gò Mù U bỗng loé chớp trắng. Không đợi tiếng nổ đến tai, tôi vọt lên, giật nụ xoè, tống trái thủ pháo một cân qua cửa đình, lùi lại nép bên tường, đơm cây súng ngắn P38. Nổ này, nổ đi, phải nổ chứ... Chú Dé thả hai lựu đạn Mỹ qua cửa sổ. Mẫn kịp xả một loạt, hất nhào một cái bóng vừa nhảy ra hiên, chắc là thằng đốc gác. Sân đình bật sáng chói mắt, đất xóc dưới chân tôi. Ngon rồi. Chung quanh vườn, nhiều bụi cây phun lửa đỏ. Một bóng lính gác chạy mấy bước, ngã. Tôi hét xung phong. Trong đình có tiếng gào, rên, ằng ặc, chen tiếng ngói rơi vỡ. Hai tổ đánh lê lao qua cửa. Tôi vòng đón mé sau đình. Các cậu đánh rất cừ, không mở miệng, chỉ hự trong mũi khi xóc lê. Một thân thể to nặng húc vào tôi, hai đốm mắt trắng dã, miệng ú ớ. Tôi gạt chân hắn ngã sấp, vuốt nhanh cánh tay trái hắn một lượt cho chắc. Không có khăn trắng, tôi gí súng vào cái đầu cố ngóc, bóp cò hai lượt. Thằng thứ hai trèo qua cửa sổ, gục luôn, chắc đã bị đâm. Một thằng nữa nhảy ra, quạt một tràng tom-xơn hú hoạ, chạy. Tôi kịp vẩy theo ba phát vào lưng, nó lăn ra giãy. Chú Dé giữ cửa sổ đầu kia quật ngang súng vào một cặp chân vừa chạm đất, chắc lưỡi lê gãy, lê trường Mát tồi lắm. Tôi vòng ra sân. Mấy đống thịt nằm lù lù trên mặt bùn khô trắng mờ. Anh em trong đình đã thét gọi hàng.

Mẫn kêu lanh lảnh ngoài ngõ:

– Bà con thắp đuốc bắt lính sẩy! Trói tù binh, cô bác ơi! Mẫn đây, Hai Mẫn đây, nổi lửa mau lên.

Nhiều giọng phụ nữ kêu tiếp, lan ra khắp xóm. Phía gò Mù U đã hết tiếng nổ lớn, chỉ còn súng nhỏ từng lúc rộ lên, lặng đi, lại rộ. Mẫn khôn lắm, xưng tên ngay cho bà con khỏi ngợ, giữa đêm nghe súng rầm rầm thì khó biết cái gì xảy ra. Một bùng lửa bốc lên ngoài rào, nở lem lém: mấy bó rạ đang cháy to dần. Một ông già giơ cao tấm tranh cháy phừng phừng, cầm dao phay chạy tới. Mấy đốm sáng nữa. Nhiều ngọn đuốc bốc khắp xóm. Bà con giật tung những mái

tranh rạ mới che tạm sau lụt, xóc lên đầu một cây nạng hay khúc ngọn tre, đốt sáng rực đi soi các bụi bờ.

Anh em đã ập vào đình, rọi pin, thắp cái đèn bão vỡ bóng, bắt đầu trói mấy tên sống sót, máu phòi qua lỗ mũi nổi bong bóng. Tôi cho một tổ sục quanh vườn, tóm thêm được hai thằng gác chui trong hàng rào nằm im, không dám chạy qua vòng vây lửa của đồng bào ngoài kia. Tất cả chỉ có hai mươi lăm đứa cả chết lẫn sống. Mẫn vào nhận mặt, kêu thiếu thằng Chinh mặt ngựa, con thịt đáng tiền nhất của cuộc săn. Hồi chiều du kích bí mật đếm được ba mươi bảy tên tất cả.

Tôi rọi loáng qua xem cấp hiệu, chĩa đèn pin vào mặt một tên hạ sĩ lùn tè, gằn giọng:

– Ai chỉ huy trung đội, nói!

– Dạ, dạ... thượng sĩ Uẩn... dạ, em mới thấy nằm kia.

– Còn một tiểu nữa đi đâu?

– Dạ, ông cảnh sát dẫn đi ngủ nhà ổng, nghe nói vậy...

Tôi để một tổ trói tù, kéo anh em chạy ào qua nhà ngói xã Chinh, chia ba hướng ập vào. Chúng nó trốn sạch... Không phải, chúng chưa hề ngủ tại đây. Chỉ có những dấu chân lẻ tẻ đạp trên lớp bùn non đã bong từng mảng cong cong như nồi đất vỡ. Ngoài sân cũng vắng dấu. Mẫn đoán chúng ngủ trong vườn mít để chạy về phía đường Một cho nhanh. Chúng tôi xé rào luồn qua vườn: địch ngủ đấy và đã chuồn. Chúng đào mỗi đứa một hố bắn, trải pông-sô nằm sát bên, còn khuân gỗ làm công sự trung liên hẳn hoi. Dấu giày răng chó in dày trên lối mòn ra đồng. Tôi níu tay Mẫn đang kẹp các-bin đuổi theo hấp tấp, rọi đèn pin bọc vải xanh sát đất, dò theo một quãng, tìm ra trái mìn nhảy chỉ nhô ba cái mấu đen nhỏ xíu. Một trái nữa lấp vội hơn. Một trái nữa vùi trong lá khô qua loa... Địch đã chạy xa, để lại những vết giày sải dài, mũi bấm sâu, những dấu ướt sau chỗ lội đều sắp khô.

Quay lại vườn mít, tôi dặn anh em trở về đình thu dọn chỗ đánh, và giữ Mẫn ở lại đây một lát. Có lẽ Mẫn chờ tôi trách, vì Mẫn nắm du kích bí mật theo dõi địch mà không biết có một cụm ra nằm tận đây.

– Thiệt đó anh, chị em núp ngó chừng miết, thấy gì đâu... mười một rưỡi báo tin chót... còn đủ hết... vậy mà hụt thằng Chinh....

Tôi không muốn trách Mẫn chút nào. Chẳng mấy khi trận đánh diễn ra thật đúng như ta muốn. Thắng lợi có khi tăng gấp đôi, có khi sụt còn một nửa, nhưng vẫn thắng là được. Tôi nghe Mẫn nói ấp úng, ngượng và buồn, bỗng thấy một niềm thương lớn lắm cứ dâng mãi, dâng mãi, khiến tôi nghẹn lời. Tôi thương Mẫn, thương các đồng chí và bà con làng Cá, thương mảnh đất đẫm bùn và máu đang đỡ chân tôi. Tôi đằng hắng hai lần mới nói được:

– Không... tôi tính để đồng chí coi kỹ lại cách bố trí của địch. Đây là kiểu con nhím, độc lắm.

Bộ đội đánh vài ngày nữa sẽ đi. Cô xã đội măng tơ với đội du kích còn vụng dại của mình sẽ phải vật lộn dài ngày với bọn thù ác và quỉ quyệt thế này đây. Ngủ trong ấp chiến lược, chưa hề đoán được quân ta sắp đánh, vậy mà chúng gác rất kỹ, đang đêm nín hơi đổi chỗ, trước khi ngả lưng còn đào công sự, rút chạy vẫn nhớ đặt mìn... thằng Chinh con mặt ngựa này không dễ diệt đâu. Tôi soi đèn cho Mẫn xem từng chỗ một, nói thật cặn kẽ, rất muốn đưa tay vuốt tóc đứa em gái vừa môi côi mẹ và dặn thầm thì: “Em nhớ kỹ nghe em, anh sắp đi rồi...”. Út Hiền em gái tôi lớn hơn Mẫn đến ba tuổi.

– Đồng chí chú ý hướng đặt trung liên, đây, ta chạy thẳng vô bị bắn xâu táo ngay, thấy chưa?

Đến một lúc nào đó, chúng tôi đứng lặng nhìn nhau trong tối. Hình như Mẫn thở dài. Mẫn nói trước:

– Ta ra chỗ mit-tinh, anh hè.

Đi được mươi bước, Mẫn chợt nói nghèn nghẹn:

– Các anh tốt quá. Phải chi các anh ở được ít lâu nữa... em... em có mấy chuyện... thôi để sau...

Bấy nhiêu thôi. Mẫn rẽ vội qua một ngõ khác khi chúng tôi sắp ra đường làng, nơi bà con làng Cá đang cầm đèn gió kéo tới sân đình từng nhóm đông. Tôi chép miệng, bước thẳng. Tôi chỉ muốn là bạn thân của Mẫn, cũng thân như anh Ba Tơ, chú Dé và nhiều người khác, bởi tình bạn chiếm một chỗ lớn lắm trong tôi. Rất tiếc, Mẫn từ chối. Tôi thoáng thấy một mối dây nào đó nối liền những lời cay

nghiệt trong quán chị Liệp với cái dáng cố làm ra gò bó lạnh lùng của Mẫn... Thôi, phớt, đánh nhau với giặc đủ mệt, hơi đâu để ý tới những chuyện rắc rối tơ tằm cho nó vướng!

Lát sau, tôi đã quên hết.

Sân đình đông nghịt. Mấy đồng chí trong đội công tác đang bơm đèn măng-sông, sửa lại cái biểu ngữ. Bà con vẫn đến kìn kìn. Mấy chị cầm dao chuối, mài chưa hết gỉ nhưng rất bén, giải tới một thằng lính rằn ri chạy lạc, quấn bó giò trên thân nó không biết bao nhiêu thứ dây to nhỏ, cả lạt tre và dây bẹ chuối. Số "thanh niên chiến đấu" mang nộp hơn chục súng săn, một đống lựu đạn. Thằng ấp trưởng rúc vào đống rạ đã bị moi ra trói ké, ngồi co ro ở góc sân, rác phủ đầy tóc. Đàn ông chen chúc trong đình xem chỗ đánh, cười rộ từng hồi. Các mẹ gớm máu chỉ đứng ngoài, túm áo bộ đội mà kể thút thít. Đây không phải là đêm đồng khởi của ba bốn năm trước - hăng, ồn ào, bỡ ngỡ, thừa nhiều mà thiếu cũng lắm - nhưng cái không khí ngây ngất vẫn là một. Tôi cười to, nói vội giữa đám đông. Tôi cố trả lời không bỏ sót hàng chục câu hỏi bay vào tới tấp. Tôi lật mũ đưa cho em nhỏ cứ đòi đội thử, an ủi một chị rằng bộ đội ta đông quá nên tôi không quen anh Hồng Sơn hồi ở nhà tên là Vện, rút trả xếp giấy bạc mà một bà mẹ nhét bừa vào túi, quay mặt ra ánh đèn để ông cụ xem mặt vì giọng nói giống y thằng Ba của cụ.

Bộ đội lẳng lặng rút khi mít-tinh bắt đầu. Hai giờ sáng rồi, phải dồn quân lại sửa soạn chống càn ngay. Mẫn và đội du kích đang rối rít chia súng đạn trong nhà xã Chinh, ghép số anh chị em mới vào các tiểu đội, các tổ, vài tiếng nữa là đánh.

Ra khỏi xóm, tôi quay lại và thấy một cảnh lạ: giữa những bóng cây xơ xác in trên trời sao, đột ngột nổi lên một cái gì rất to, sáng rực, cành quẫy nhẹ làm rung lao xao cái tán lá tuyền một màu xanh non mát rượi. Tôi sửng sốt một loáng, rồi nhận ra cây đa già bên mái đình, thân chằng chịt những vết rạch, còn nhiều mảnh pháo cắm sâu vào gỗ, lay không ra. Thật nó đấy không? Hình như loạt nổ vừa rồi đã đánh thức nó dậy, và nó lập tức chuyển mình, trút vỏ, thay lá, đi ngay vào cuộc sống mới. Mùa xuân vọt lên giữa đêm. Đi khá xa, tôi còn thấy cây đa kỳ diệu ấy hiện trẻ măng trong quầng lửa của cuộc nổi dậy. Tôi chưa gặp một cây nào đẹp như thế.

* * *

Tiểu đoàn đi tiếp về phía Nam.

Con đường giao liên quen đã đổi khác nhiều. Chúng tôi tự dọn cây đổ, phát rừng vòng tránh chỗ khó, bắc cầu, và đặt một loạt tên mới: dốc Cát chài, đèo Đá nẻ, cầu Mương xói. Còn phải tránh những cái tên trùng lặp nhiều, như Núi lở chẳng hạn: mỗi ngày chúng tôi đi qua cả chục hòn núi sụt, phơi ruột đỏ như trái dưa hấu bị con heo cạp ăn mất một góc hay một nửa. Có lắm tên lạ tai. Một cây chò rất cao bên đường tự dưng thụt hẳn vào lòng đất như đũa cắm nồi cháo, chỉ ló lên vài thước ngọn: quả đồi được gọi là gò Cây-lút. Hòn núi Trôn Quít rất dễ nhận từ xa, đỉnh nó vốn nhọn nay lõm sâu xuống như miệng núi lửa. Giao liên dẫn khách đi vài chuyến, các tên mới sẽ được truyền miệng, được nhớ, dần dà bước vào bản đồ và sử sách, nếu mình không có những lần đảo lộn lớn hơn trên đất mình.

Chúng tôi dừng ăn trưa trên dãy núi ngang chạy xuống gần biển, giữa Quảng Nam và Quảng Ngãi. Đã quen nếp, hễ nghỉ trên núi là anh em tìm chỗ quang nhất ngồi ngắm đồng bằng hiện trước mặt như bàn cát, với đất mở rộng và biển nhích lại gần. Chúng tôi xem cảnh, háo hức khi sắp tiến vào vùng chưa quen, nhưng thường là se se thương một mảnh quê mới đã ngấm ít nhiều mồ hôi và máu của mình. Dù chỉ có mồ hôi đi đường hay mấy giọt máu vãi của đỉa hút thừa, đó vẫn là những thứ của thân người gửi vào lòng đất, nối liền người với đất.

Trông từ xa, những vết tàn phá của trận lụt mờ nét đi, bớt dữ, dồn ở phía vùng địch tạm chiếm. Sáu thôn của Tam Sa nổi khá rõ, tên cũng dễ thương và dễ nhớ. Bốn thôn mé trên đường Một là vùng đất thịt hay Tứ Nhơn: Nhơn Ái, Nhơn Phước, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ. Hai thôn dưới là vùng cát tức Nhị Lộc, gồm Lộc Chánh và Lộc Thứ. To nhất là Nhơn Ái tức Một Sa, mang cái tên làng Cá rất xưa mà khéo vẽ: một hòn đảo xanh hình con cá thon dài quẫy trên biển lúa. Các cụ nói nó là con cá kình, tôi muốn nó là con cá ngạnh. Con suối ở quê mẹ tôi nhiều cá ngạnh, nó nhỏ và hiền, chẳng hại ai, nhưng dám chém những giống to chực nuốt. Ừ nhỉ, trông làng Cá y hệt

nước bạn Cu-ba thu nhỏ lại. Đã có anh cán bộ nào đặt tên mật cho nó là Cu-ba chưa?

Làng Cá sống.

Đi mãi tận đây nhìn lại, tôi vẫn thấy làng Cá đang sống tràn trề. Nhiều sợi khói bốc lên song song dưới nắng trưa đứng gió, khói mảnh và đặc hơn xưa vì không còn ngấm qua những mái tranh dày. Ruộng quanh làng bắt đầu nhám mặt dưới lưỡi cuốc dọn sỏi cát, còn quãng gò lở phơi đất sù sì kia đã có chân người giẫm thành một đường mòn nhẵn mặt, vết nhám trên ruộng và vết phẳng trên đồi đều báo tin người đang giành lại đất.

Anh Ba Tơ cầm nắm cơm sắn - một cơm ba sắn, chúng tôi đã trút gạo ra cứu đói - đến bên tôi, nhấc cái ba-lô Mỹ của tôi đặt sang bên cạnh, chép miệng một cái, ngồi xuống. Tôi biết anh sắp cự nự một lần nữa vì cái tội đem nửa cái võng ka-ki, hai cặp bà-ba và tấm choàng đi mưa cho bà con bị nạn. Nuốt vội miếng cơm, tôi phủ đầu ngay:

– Giống đất Lào không, anh Ba?

– À...

Cặp lông mày cau cau giãn ra, mắt anh dịu lại. Anh lắc đầu.

– Khó tính dữ hè. Coi bộ ông đi hết đất nước mình, chẳng nơi nào ông thấy vừa mắt cho bằng quê vợ.

– Tầm bậy cái thằng...

– Cảnh Chăm-pa-sắc đẹp vậy mà, chắc cô Nguyệt Nga phải xinh lắm, như trăng rằm. Hèn gì...

Chú Dé nhô đầu tới, tròn mắt:

– Chị Nga ở núi nào, anh? Dân tộc nào?

Thấy câu chuyện bắt đầu lan ra xung quanh, anh đại đội trưởng hừ hừ trong mũi, nhỏm dậy, chuồn mất. Coi bộ gồ ghề và hay cộc vậy đó, mà anh có một mối tình rất chi là lãng mạn: hồi còn ở bộ đội tình nguyện đánh Tây tít bên kia sông Mê-công, anh yêu lắm lắm một cô gái Lào, cô ấy cũng yêu lại. Cứ vậy trong bốn năm cho đến khi anh tập kết về nước, cô Chăn-tha đi bộ ra Sầm-nứa... Mãi tới năm ngoái, một anh bạn cũ ghé vào đơn vị tìm thăm Ba Tơ mới kể

toang toang câu chuyện giấu kỹ ấy ra, trầm trồ khen Chăn-tha xinh, ngoan, giỏi và tiếc mãi cho Ba Tơ. Chăn-tha có nghĩa là mặt trăng, như ta gọi cô Nguyệt ấy, tôi cao hứng đặt tên là Nguyệt Nga, và Ba Tơ tất nhiên hoá ra Lục Vân Tơ. Từ đó anh em xê mình thương anh hơn một chút nữa, cũng nắm được chỗ yếu của anh: hễ nhắc đến cô Chăn-tha thì Ba Tơ đang cáu đâm hiền, thật tội. Bên trong con người những lửa là lửa ấy có một góc kín của hồn dành cho ánh trăng mát rượi của người yêu đi xa, dù anh đã có vợ con, và nghe đâu Chăn-tha cũng tay bồng tay dắt. Đám con trai còn "mồ côi vợ" như tôi chỉ ưa quấy, đem chuyện tình cảm ra bông phèng rất dai, nên Ba Tơ cứ phải ấp úng một câu nói lảng và chuồn cho gọn.

Bây giờ, máy bay đã vo ve lọt vào tầm nhìn. Con mắt tôi quen gạt tàu bay ra khỏi cảnh trời đất, nhưng lúc này tôi xem rất kỹ một tốp bốn chiếc máy bay phản lực đang vừa quần vừa nhích lại gần, bắt chước kiểu đi của các cơn bão. Thứ phản lực này toàn Mỹ lái, lâu nay chỉ bay cao và thẳng qua vùng ta, biến mất. Chúng ùa ra cắn trộm miền Bắc một keo cách đây ba tháng, rớt cả mớ, và tôi đã đưa hai khẩu cối 60 của xê mình đi nện một cú trị tội vào sân bay Hiệp Đức, lúc ấy đang ở gần. Chúng định làm gì mà hôm nay kéo nhau đi rà dai dẳng trên đất Tam Kỳ?

Chúng đã vòng đến gần núi. Bốn con cá đuối bơi kiểu lạ, đuôi trước đầu sau. Chú Dé kêu nhỏ: "Ô, tàu bay ngược!". Đúng, chúng có cái gì đó lố bịch, ngớ ngẩn, ngược đời. Chúng giống một chùm máy bay nặn bằng đất sét rất vụng, nung sém đen; một em bé khờ buộc dây vào đuôi chúng mà kéo lê sồn sột trên nền xi-măng nhám, làm ồn đến phát ngấy. Chúng xấu và thâm hiểm. Chúng đang tính giở trò ma quỉ nào đó trong cái điệu bay lừ đừ, xì khói đen dài, không chồm chúi, như chỉ biết làm một việc là dùng đuôi khói vẽ bừa trên trời, những chữ O chữ S hay số 8 ghép theo kiểu phù thủy. Dải đất phủ bùn chưa kịp khô trước mặt tôi còn phải chống với những gì mới nữa?

Cái ý chống chọi cứ dẫn tôi nghĩ đến cô Hai Mẫn. Có lẽ vì lần đầu tôi gặp một cô gái xanh và gầy phải đánh vật với nhiều khó khăn đến thế đổ xô tới cùng một lúc. Tôi chấm nắm cơm vào muối mè, cắn một miếng nữa, ngửng lên, chợt thấy đồng bằng Quảng Nam đã đổi

hình. Biển sáng xanh như con mắt lung linh, vùng đất phẳng hình trăng mồng mười là mí mắt... à, rất giống, những rặng phi lao ven bãi cát kia là hàng mi nhé, vành núi cong cong phủ cây rậm chạy vòng từ Hoà vang đến Tam Kỳ là nét gồ của một chân mày rất đen. rất dày. Mắt của Mẫn, hệt rồi... Tôi cười, tự giễu mình bông lông.

Mẫn không thuộc kiểu người tôi thích. Dọc đường đánh giặc qua năm sáu tỉnh, tôi quen hàng trăm cô du kích trẻ tươi - nhiều cô thật xinh, xinh càng hay chứ sao - vui phơi phới; đánh giặc gan liền tướng quân chẳng kém ai, chỉ khóc khi băng cho các anh thương binh, vá áo cho bộ đội trắng đêm mà đòi trả công một bài hát mới. Mẫn khác họ nhiều quá. Hôm chia tay, Mẫn đến chào xê mình, vẫn trịnh trọng "cảm ơn các đồng chí hết lòng giúp đỡ chúng tôi". Tôi đoán Mẫn đóng vai bà chị Hai với các em mãi thành tật, lúc nào cũng quen giọng đàn chị tuy mới chẵn hai mươi. Cũng có một lúc cặp mắt đậm như tô mực nhìn tôi khá lâu, muốn kể một chuyện gì đấy khó nói bằng lời, nhưng đành quay đi.

Tôi hỏi Năm Cẩn:

– Hồi ở Quảng Nam, anh quen nhà Hai Mẫn không?

– Mình đi phía Tiên Phước, Thăng Bình, nhiều hơn. Chà, cái tỉnh gần hai triệu dân chớ ít đâu. Ông biết Tam Kỳ bao nhiêu không? Một trăm năm chục ngàn, bằng một tỉnh nhỏ nhỏ rồi, mình quen sao cho khắp.

Tôi biết. Đi tỉnh nào tôi cũng gặp những người nói mô tê răng rứa chừ giống quãng Trung-bộ từ Huế trở ra, bằng những thanh đã ngả sang giọng miền Nam mộc mạc. Cũng lạ, chỉ bước qua dãy núi này, đến đất Bình Sơn đã nghe bà con nói đâu kia sao vậy giờ, tiếng Việt bước thêm một bậc thang nữa trên đường vào Nam...

Mỗi lần rời một vùng vừa ở, tôi lại tự hứa rất thành thật rằng thế nào cũng tìm cách quay lại thăm; tôi ghi một lô tên bạn mới, hòm thư, và tin chắc mình sẽ viết về ít nhất mấy câu thăm hỏi; tôi mang theo một tấm khăn hay vật gì đó làm kỷ niệm để buộc mình không được quên. Bây giờ cũng vậy. Trong sổ tay của tôi có một bông bạc ép khô và địa chỉ của anh Luân, cô Mẫn, nhiều đồng chí nữa, có những con số tội ác và mấy câu nhắc mình trả thù. Nhưng tôi đoán

trước rằng cuốn sổ tay cùng với bông bạc và các dòng chữ sẽ trôi theo suối lũ hay bị na-pan đốt; nếu có dịp qua Tam Kỳ tôi sẽ hối hả đi nhanh cho kịp ngày hẹn gọi đằng trước - bao giờ cũng có một công tác gì đó cần gấp hơn những thương nhớ riêng - và tôi sẽ gác cả thư lẫn thăm lại, đợi một dịp rảnh còn lâu mới tới.

– Chuẩn bị!

Tôi xốc ba-lô. Biết làm sao được, chưa phải lúc trà dư tửu hậu để ôn chuyện đã qua, khi mỗi giờ đánh Mỹ còn chứa đầy những điều không ngờ buộc tôi phải động óc động tay không ngớt. Rừng sắp buông rèm che đất Quảng Nam. Những ngày cứu lụt lùi ra sau lưng, về nơi tôi chỉ còn quay nhìn bằng trí nhớ, bởi cặp mắt lắp đằng trước luôn luôn bận đón vô vàn cái mới đang chờ trên đường chiến dịch.

Chương 5

Con chim vàng anh bay trước mặt tôi từng quãng ngắn. Đường bay của nó mắc quai nón đều đặn vào các cành cây dọc lối mòn, như một dãy lụa vàng dệt sọc đen dẫn tôi trở về Quảng Nam. Con chim đẹp không gợi cho tôi một kỷ niệm nào rõ nét. Tôi gắn bó hơn với con "khó khăn khắc phục" của vùng núi, mượn tiếng rìu chặt cây làm tiếng gõ phách để hát suốt mùa rẫy, từ lúa trỉa đến lúa suốt[(1)].

Chưa vào hè mà tôi nhớ con tu hú ở quê mẹ. Một lần đen đáp vào chòm lá, một trái bông gòn khô vỏ ngọ nguậy sau cành, một tràng từ tu hú ngả sang tu hấu cho đến những tiếng hấu cuối cùng kêu lấy được. Một mớ câu hỏi của thằng Thiêm mới từ thành phố về, lớ ngớ như mèo con tới nhà lạ:

– Chị Ba ơi chị Ba, sao nó hấu hấu?

– Tại nó ăn dưa hấu nhiều. Đó, đó, nó xin nữa.

– Sao họ nói con này kêu có cá chuồn, chị Ba?

– Nó ăn dưa, nhả ra cá chuồn. Cá trong họng nó rớt xuống như tao phun hột chà là vậy nè. Đó, đó, thấy không, kiếm cái rổ đi hứng...

Ngang đoạn này, tiếng má tôi từ dưới bếp dội lên:

– Ba, mày khôn bao lăm mà xui em ăn cứt gà sáp, hả?

Chị tôi le lưỡi, chạy biến ra vườn coi trâu. Tôi lại tập đánh vần, mải căng mắt tìm cá chuồn rớt từ miệng chim nên cứ gào cờ i ki, là ki, may má tôi mù chữ không bẻ được. Chị Ba bây giờ có còn nhắc câu đùa cũ với bầy con trứng gà trứng vịt của chị?

Tôi đang đi ngược lại con đường rừng cũ, hướng Bắc. Một mình, một ba-lô, một súng ngắn, sau lưng một cậu giao liên rất chịu khó nhưng hiểu câu kín miệng giúp nước theo nghĩa đen. Chân tôi bước gấp mà hơi nặng, tuy không có chút bùn dẻo nào bết vào dép. Đường mùa xuân còn một ít vắt. Cái cảm giác lạnh và lầy nhầy từ bàn chân vẳng lên đã quen chạy thẳng sang tay, tôi cúi gỡ vắt mà

dòng nhớ cứ quay đều trong đầu như xe nước trên sông. Tôi nhớ xê mình vừa thôi, vai xê phó vốn hay đi chuẩn bị chiến trường và chạy ngoài, riết rồi cũng không lạ nữa với cái chống chếnh của người lính tách khỏi khối đông anh em. Nhưng cái đất Bình Định của tôi, bao giờ mới được gặp lại?

Tôi nhớ quê lắm!

Đại đội 215 đuổi theo trung đoàn qua hết Quảng Ngãi, thẳng một hơi vào xứ dừa Tam Quan, đánh luôn hai trận, một bảnh và một rất bảnh, kiếm được bảy huân chương cả chung lẫn riêng. Chọi sức với giặc là chuyện vất vả lắm chứ, nhưng tôi cứ thấy chiến dịch trong rừng dừa này diễn ra như hội mùa xuân, vui sao vui lạ. Nếu tôi bốc vì được về tỉnh nhà, thì sao anh em khác tỉnh trong xê mình đều hớn hở như tôi?

Tóc dừa kết thành biển xanh mênh mông. Quân ta là đoàn tàu ngầm dưới đáy sâu, cứ thả xăng đi giữa ban ngày, chơi ú tim với máy bay. Thỉnh thoảng mấy trăm cái vòi lửa đỏ cùng phụt lên, chụp đầu vài thằng có cánh dìm biến dưới sóng lá, và địch lụi hụi đổ quân lặn mò, hốt về một bộ xương sắt đã lóc hết thịt. Xe bọc thép kéo vào húc dừa không trốc, xê mình xơi ngon sáu chiếc, sau đó bà con bắt uống dừa rụng đến bỏ cơm. Bom pháo nhiều, nhưng các thân dừa chặn mảnh tốt hơn cả bê-tông, cái anh đất pha cát trong vườn dừa lại ngọt lừ dưới bàn tay ấn xẻng đào hầm, không làm bẩn áo quần sau mỗi lần chúng tôi xuống núp. Sau trận, các má hay kéo chúng tôi vào ngủ nhà - những căn nhà đắp mái đất sét trước khi lợp, khó cháy, hè mát và đông ấm - nhưng anh em khoái nghỉ ngoài vườn hơn, buộc võng giữa các gốc dừa, ngồi đung đưa mà uống nhấm nháp những trái dừa nạo. Rất nhiều cậu quả quyết mình lên cân vì dừa, có thể lắm. Dừa lửa bốc mùi men êm của rượu tà-vạc ngam[(2)]. Dừa xiêm ngọt như đường cát, mát như đường phèn. Dừa ta thơm dịu, béo, vừa uống vừa nghĩ mới nhận ra cái hương riêng kín đáo. Nằm trong vườn dừa không yên đâu nhé. Anh em phớt tàu bay đại bác, không phớt được các cô dân công Bình Định gánh gạo trẩy qua, gọi nhau bằng cái giọng như trẻ em chả chớt: “Đầu gấu đụng cái đầu cấu sưng bằng trái ấu”. Anh em nằn nì các cô trổ cho xem tài múa roi đi quyền mà cả nước đều biết. Chưa hết. Còn các “binh

đoàn khởi nghĩa" rất độc đáo của Bình Định 65; từng vạn từng vạn đồng bào kéo qua các xã như sóng thần, kéo bật lên những cuộc nổi dậy, mỗi ngày đêm biến cả chục ấp chiến lược thành làng chiến đấu của ta. Còn những cây số người xanh đỏ kính coong từ phố phường tuôn về vùng giải phóng trong dịp Tết... Tôi chẳng dám khoe quê hương, nhưng ai cấm tôi tươi mặt khi nghe xê mình ca ngợi đất và người Bình Định, khen nức khen nở khen thở chẳng được?

Tới ngày 7-2-1965, lịch sử lật trang. Bom Mỹ trút xuống miền Bắc một lần nữa. Các căn cứ giặc nối nhau nổ dây chuyền như chuỗi mìn điện dưới tay ta bấm, cái tin dữ kia truyền miệng dọc đường ra trận cũng nổ dây chuyền trong mỗi chúng tôi. Chiều hôm ấy chúng tôi thắng lớn trên Đèo Nhông. Hai xúc động lớn trong cùng một ngày: những phút máu uất kéo lên cổ gợi nhớ làng Cá chết lụt, những phút say người nhất trong đời đánh Mỹ. Chỉ qua sáu tiếng đồng hồ, ân oán đã tạm rạch ròi bước đầu.

Trong xê mình từ nay có câu nói mới: chạy đua kiểu Đèo Nhông.

Cánh quân địch giữ sườn vừa qua khỏi, tiểu đoàn ào lên chiếm đồi, đánh thúc ngang hông binh đoàn lớn đang hành quân theo trục đường nhựa, đội hình chữ Y. Tôi vọt lên đầu. Tiểu đoàn phó đón ở chân dốc, hét: "Mau nữa, mau, tụi biệt động tới lưng đồi bên kia rồi!". Tiếng anh đuổi theo, tôi nghe lõm bõm: " Đừng ngó tàu bay, chạy, có phòng không...". Chúng tôi chạy ngược dốc, tranh quất rào rào ngang bụng. Quãng đường của ta dài gấp đôi của địch. Ta phải tới trước, chiếm đỉnh, đánh vỗ mặt, hất nó xuống. Đến chậm mươi tích tắc, địch sẽ xổ đạn đón ta... Chúng tôi chạy đến đứt hơi, đến đứng tim. Mắt thấy toàn đỏ với đen quay chong chóng. Đầu gối long ra, mũi dép chân này đá vào đầu mắt cá chân kia toạc da. Đại đội tách dần thành nhiều cụm. Tôi nắm được nhóm dẫn đầu, hơn chục người thuộc hai trung đội. Hai phần ba dốc. Tai không nghe miệng hô nữa, có lẽ miệng chỉ quát ra hơi, không thành tiếng. Cứ chạy. Ngã sấp, lại lẩy bẩy chồm tới. Không hiểu sao tôi còn sức để cúi nhặt bao lựu đạn của cậu Nam lăn ra sùi bọt mép, xách theo. Cuối cùng, tôi nằm vật trên vạt đế xơ xác của đỉnh đồi, lên hết gân tay mới đưa được trái lựu đạn tới miệng, lập cập cắn chốt. Tạ ơn cặp chân trung thành, sáu anh em chúng tôi đã vượt địch sát nút, chúng đang lội ào ào

dưới mắt kia, dăng hàng ngang, mũ dưa hấu lấp ló chỉ cách ba chục thước!

Cặp L.19 sợ súng phòng không, quần trên cao, nghiêng cánh dòm mãi vào lưng chúng tôi, phóng hai trái rốc-két phía sau, trật ra ngoài những tốp mũ tai bèo đang bươn dốc. Tôi để anh em thở hai phút. Địch ngoi lên thêm mươi bước. Ta thêm gần một trung đội, mệt bò lê bò càng nhưng thấy địch sẽ nẩy lên như mó vào điện. Tôi nghĩ rất nhanh đến một đòn tâm lý đánh phủ đầu. Thèm vội cái kèn đồng. Không có pháo hiệu. Cái mặt đỏ bầm của tên đi đầu đã nhô kia, miệng há thở hồng hộc. Tôi quì lên, tung trái lựu vào nó, hét: “Trả thù cho miền Bắc, trả thù cho bà con chết lụt!”. Súng nổ, át mất khúc sau. Trái đồi biến ra núi lửa.

Địch bị cú đấm đột ngột, bật ngửa. Đạn quét quân rằn ri như chổi quét kiến. Khi lớp xác trên cùng che khuất tụi lính nằm bẹp, chúng tôi bắc trung liên lên vai nhau quỳ bắn, đứng bắn. Tôi chơi toàn lựu đạn. Chú Dé cắn chốt, đưa từng cặp, chỉ chỗ:

– Nhiều người địch, gốc cây!

– Máy a-lô kia!

– Chỉ huy hai người, đeo chấm chấm... để tui!

Tôi dạng chân, uốn người theo trái lựu, ngó đường bay vạch khói ngang trời mà sướng mê. Những búng khói trắng bật giữa tranh cói, xé toạc từng chùm giặc, lúc hoảng chúng hay xúm lại dồn cục. Ai túm vành mũ mềm giật nhẹ. Dé kêu: “Cúi xuống!”. Tôi cũng vừa thấy cây đại liên địch mới bắc. Ưu tiên cho mày, một nè, hai nè. Trái sau ngon như đào tiên, lọt giữa thằng bắn và thằng lắp băng. Dải đạn vàng choé tung lên cao, đứt, rớt trùm cái xác chân trên đầu dưới. Xé mũ tao nữa thôi? Cối 81 đã bắn lên đâu đó, rền dài.

Giọng Ba Tơ ồm ồm:

– Lùa vịt đi, Thiêm!

Tôi quay ngoắt lại. Sau lưng và hai bên tôi, sườn đồi là biển động, những sóng lá ngụy trang rẽ tranh xô tới. Ba Tơ quì sau cây đại liên Mỹ, một mảng máu loang dán áo vào vai, cậu y tá dòm dòm không dám mó vào anh. Tôi rút súng ngắn, hỏi vội:

– Đủ khói lửa chớ?

– Như thường. Cối mình nổ kia, mở máy!

Bốn tiếng bịch bịch đập nong đằng kia. Đại liên cựa mình, vạch một luồng khói căng dài. Bảnh rồi. Tôi lấy hơi cẩn thận, hô thật vang:

– Trả thù cho làng Cá, xung phooong!

Cuộc đua thứ hai bắt đầu: địch chạy, ta đuổi, cả hai cùng nhào xuống dốc, cùng thở, cùng trượt lăn tròn. Anh em reo, địch ré. Luồng đạn của Ba Tơ có hình, có mắt. Tia khói vạch đường xóc vào những tốp mũ sắt còn chưa kịp rã, chỉ chỗ này, phạt chỗ kia, xẹt ngang hông tôi rất bạo. Ba Tơ chỉ huy bằng những ngón tay chỉ luôn luôn trúng đích. Tôi quét hai loạt tom-xơn vào mấy cái lưng áo ướt, nghe tiếng cốc của khối cơ bẩm gõ suông, túm nòng quật luôn vào một bê-rê đỏ bầm. Năm Cẩn hổn hển bên phải: "Đừng giết, trói...". Một cậu khoác súng, xổ dậy. Tội nghiệp anh Năm, chạy kiểu này lại nôn tới mật xanh! Tiểu đội trưởng Sáu quấy nhất xê mình, mệt đứt hơi vẫn còn ném vội câu đùa: "Chia phần tôi với, anh!". Cậu Giàu ngã ngồi, gắt bạn: "Kệ tao, gãy chân còn tay, rượt đi!"

Chú Dé xách túm lựu đạn còn lại, giật áo tôi: "Truốc né, truốc né[(3)], anh Thiêm!". Tôi nhảy qua tảng đá. Chùm đạn toé lửa cạnh tay. Hai chân rớt trên lưng một cái xác cởi trần, tôi chồng kềnh, nhỏm dậy, lại nhào ngửa; cái mũ sắt quật vào đầu tôi trượt một ít, trúng chéo sau gáy. Thằng địch cuống cuồng quật nữa, trúng ngực, ăn nhằm gì. Vẫn nằm, tôi gí họng P.38 sát bụng nó, bóp hai phát, chợt thấy ba bông mai vàng cài trên ngực áo. Hất tên đại úy quằn quại sang bên, tôi ngồi lên cái máy PRC.10 thò đuôi dài trên lưng một thằng nằm co con tôm, sở chỉ huy tiểu đoàn đây rồi! Dé xồ tới, lật một xác nữa, hai bông mai vàng. Tôi còn choáng váng sau cú nhảy dù bị đánh úp, bỗng nhớ ra, chồm tới xốc ngược thằng bộ đàm dậy, ghé miệng vào cái ống nói đeo trước ngực nó, bấm nút phát, nói to:

– Tôi ra lệnh tất cả tiểu đoàn ngừng chống cự. Tôi hạ lệnh tất cả đầu hàng. Bỏ súng, ngừng bắn lập tức!

Chẳng biết cái lệnh của tôi có nước non gì không, giữa lúc địch đang vắt chân lên cổ. Cậu Sáu thay tôi đỡ cái xác, réo: "Thua rồi,

đừng bướng nữa, hàng sống chống chết....". Tôi đuổi theo xê mình, tới đường nhựa mới kịp. Bọn lính sống sót ùa lên xe, dồn cục để hứng các thứ trái nổ, càng gọn. Đến lúc này anh em vừa đánh vừa pha trò, mách nước cho nhau, gọi hàng từng xe lính một.

Phải mất nhiều năm làm rẫy, tập trận, leo núi, mới vươn tới những phút đỉnh cao chói lọi như vậy, chúng in một vệt sao băng trong đời người lính cách mạng, soi sáng ngày qua, soi sáng ngày mai. Kể chuyện mình, anh sẽ vô tình mà sôi giọng khi chạm đến cái mốc Đèo Nhông, người mới nghe sẽ buồn cười với cái tên cục mịch ấy trước khi hiểu và yêu nó như anh. Giữa những trận bom chôn xuống đào lên, anh sẽ nhắc Đèo Nhông và cặm cụi lau cây súng lấm, nghĩ về cuộc lùa vịt sắp tới. Và có thể đến nửa thế kỷ sau, khi Đèo Nhông chỉ còn được nêu tên trong những pho sử dày cộp, anh sẽ vuốt tóc đứa cháu nội khóc nhè vì sợ ngỗng, ôn lại cho nó bài học lớn của một trận nhỏ xíu, hồi ta chưa có tàu bay đại bác....

Độp một cái, tôi bị tách khỏi xê mình, khỏi xứ dừa và chiến dịch đang ngon trớn.

Chính ủy trung đoàn cho gọi tôi giữa cuộc họp bình công, đưa xem bức điện của quân khu. Bốn cán bộ được rút đi công tác đặc biệt từ sáu tháng đến một năm. Tôi lạnh người khi gặp dòng cuối cùng: Đặng Đức Thiêm, 28 tuổi, C. phó C.215. Bỏ mẹ không! Mà cũng đúng là bỏ mẹ tôi thật.

Hôm kia tôi ghé thăm quê ngoại, bà con la trời tôi rủi quá: má tôi với Út Hiền về tìm tôi suốt mấy ngày Tết, hụt, tốn khá nhiều nước mắt và tiền xe. Chị chủ tịch lắc đầu chép miệng hoài, hẹn cho cô cháu đáp xe hàng vào Qui Nhơn đón má và em tôi ngay, khó mấy cũng một tuần nữa tôi sẽ được gặp. Năm năm lẻ một tháng, tôi mới về gần gia đình...

Tôi giúp Năm Cẩn xoa dịu cơn nóng mũi của anh Ba Tơ chực xắn tay áo tốc lên trung đoàn (mày cứ ở đây, tội tao chịu! Đặc biệt, rồi biệt phái, rồi biệt tăm biệt tích luôn, lạ gì! Tao hỏi: ai thay mày? Hả? Cử được một đứa ngang cỡ mày về thế chỗ, tao mới cho đi!). Tôi viết thư xin lỗi ủy ban và gửi má, lên trung đoàn lấy giấy giới thiệu thượng khẩn, đi gấp ra Quảng Nam. Tôi sẽ chuẩn bị đánh Mỹ ở đấy.

Bên kia biển lớn, bọn cướp Mỹ đang nai nịt, sắp nối đuôi nhau trèo lên lũ máy bay: “Chủ địa cầu” bụng chửa, sang đánh ta!

Cuộc chạy đua chiếm đỉnh đã mở rộng ngang tầm trái đất. Tôi không thể chậm.

* * *

Qua sống núi rồi. Vòm lá trước mắt quang hẳn, chân trời xuống thấp hơn chân người. Sắp đến chỗ mỏm núi mà chúng tôi ngồi ngắm đồng bằng Quảng Nam sau lụt, cậu giao liên bỗng rẽ ngoặt sang trái, lội ngược suối. Tôi hỏi:

– Đi đường núi hả đồng chí?

– Đang càn.

Đằng trước, tiếng cối 60 nổ xa và thưa thớt. Càn vặt thôi.

– Gần tới trạm chưa đồng chí?

– Có đi có tới, hỏi chi!

Tôi im. Những cái trái ý cứ như hẹn nhau cùng đến, bắt tôi nhớ con đường mịn cát dưới bóng dừa với cô giao liên dẫn tôi đi sát đồn địch, về vập hỏi thăm anh bộ đội nói giọng cùng tỉnh. Hết quãng suối là đường rẽ mới phát vắt nhung nhúc dựng vòi, buộc tôi phải so sánh thêm nữa và thêm nữa, đến khi bật cười một mình: tôi đang hờn lẫy cái xứ Quảng, kỳ không!

Hai giờ chiều hôm sau, tôi đến một trạm “ngã tư” của Quảng Nam, nơi con đường xương sống dọc Trường Sơn tách thành một cặp xương sườn lên núi xuống biển. Cái đích của tôi, cơ quan H.68, đóng gần đây. Trạm trưởng Hùng là người dân tộc Gia Rai, rất vui tính và ham học đại số, bỗng biến thành tủ sắt khi tôi hỏi về H.68. Tôi thử các loại chìa khoá - Cau pi-ai Ya-rai xết xết[(4)], giải giùm bài toán khó, ca ngợi các làng chiến đấu hai chân rất vững của của tỉnh Gia Lai mãi cậu mới hé cho chút xíu bí mật: H.68 ở đồng bằng.

Đồng chí trực ngang[(5)]dẫn về một ông khách đeo kính trắng. À, Duy Hảo, cậu bạn thầy thuốc. Cậu ta vừa leo dốc, hẳn mồ hôi mặt bốc lên mớ cặp kính cận số bốn nên ngó tôi như ngó cột nhà. Hảo đặt bao xuống sạp, lau kính và mặt rất kỹ. Phải hiểu giùm những cái khó riêng của giới cận thị “yêu nhau đeo kính lên xem, ghét nhau gỡ

kính chẳng thèm nhìn nhau". Chớ nên phiền lòng khi họ nheo mắt nhìn ta một cách bề trên và soi mói, bật một tiếng "à" tuy chẳng có sẹo mới trên mặt ta, buông câu chào rất chậm trễ, gọi mẹ ta là em và em gái ta là bác, vân vân.

– Ủa, mày hả Thiêm?

Đúng cái câu tôi chờ Hảo nói bằng giọng Đà Nẵng pha Sài Gòn.

Chúng tôi khám sức khỏe nhau bằng mấy trái đấm hạng nặng. Chị nấu ăn của trạm đứng xem, che miệng cười.

– Tao về bệnh xá tỉnh nửa năm rồi. Chúc mày không bao giờ léo hánh vô đó. Coi chừng, mày ốm nhom mà mắt hơi vàng, gan có vấn đề...

– Vi trùng đậu đầy kính, mày dòm đâu cũng thấy bệnh, ngán kinh. Ngắm lại anh Giải phóng quân oai hùng đây nè, ca ngợi đi!

– Dạ, em xin phục vụ hết mình. Anh cần cưa tay chân ngay bây giờ, em cũng sẵn...

Chị nấu ăn háy một cái, bỏ đi: "Nói vậy nó hệ chớ!". Tôi nhìn theo, đoán chị sắp đốt cái chổi dựng bên bếp. Cái chổi chưa tới số, sống sót.

Chúng tôi kéo xuống suối tắm để tự do quấy. Rất may, Hảo cũng về H.68 và huyện Tam Kỳ để nhờ xếp chỗ cho bệnh xá dời xuống đồng bằng. H.68 là một trong các bộ phận nghiên cứu tại mặt trận của quân khu, hiện đóng gần chợ Minh Huy. Anh Bảy quai nón cũng ở gần đấy. Hảo chỉ biết bấy nhiêu, nhưng lại nắm rất chắc các thứ chất tươi đồng bằng mà chúng tôi sắp được hưởng. Cậu ta mới nhận được mười lăm ngàn nhà gửi cho, đã sắm một máy thu thanh Xô-ny và các thứ đồ dùng khá sang, đang gửi mua thêm ni-lông may võng, áo quần, mũ da. Cậu mở bao cho tôi xem hết, rút đưa tôi năm trăm. Tôi cười, lắc đầu, tuy rất túng. Áo quần rách cả, có vài bộ coi được thì đã đem cứu lụt hoặc "cho heo mặc" nghĩa là đổi lấy heo cho xê mình ăn. Khi tôi rời đơn vị, Năm Cẩn đã nhét vào bao tôi cặp bà ba đen của vợ mới gửi lên. Cũng khó nói vì sao tôi không nhận tiền của Hảo, tuy vẫn chơi thân với cậu. Có lẽ vì nhà Hảo giàu hơn nhà tôi nhiều quá. Có lẽ vì tôi đã từ chối cái bánh bẻ đôi năm xưa, một lần, hai lần, mãi thành nếp chăng.

Hảo giễu, nhưng giọng đã pha chút khó chịu:

– Mày vẫn gàn. Đạo Đức Thiêm tu ép xác...

– Mô phật!

– Thôi được, đi ăn với tao vài keo. Mất lập trường không?

– Cái đó thì hoan hô cú một!

Lát sau, đang tắm, Hảo bỗng trầm ngâm nhìn tôi:

– Mày ngại... giữa con Nga với mày có cái gì đó không cao thượng... lởn vởn cái gì đó như đồng tiền... sợ mang tiếng nhờ vả anh con Nga... đúng chưa?

Tôi cười xoà, vục đầu vào chỗ nước xối, thở phì phì thay câu trả lời. Cứ để cho Hảo tưởng vậy cũng hay.

Tôi với Hảo cùng tuổi. Cuộc đời hai chúng tôi gợi hình con đường nhựa và con đường sắt chạy dọc miền Trung, song song với nhau một quãng rồi tách rời nhau, lại về bên nhau, cứ vậy nhiều lần.

Khi tiếng súng lớn của Pháp từ mặt trận An Khê dội rền tới Quy Nhơn, cả nhà tôi gánh gồng bồng bế nhau rời phố cảng, về quê má tôi gần Tam Quan. Ba tôi làm thợ sửa máy ở Sở hoả xa của ta, sống trên cái toa đen dùng làm xưởng, đi hết ga này đến ga khác, giữ cho những chuyến xe lửa xe ray kháng chiến chạy suốt ba ngàn đêm không dứt đoạn. Tôi ở nhà với má, một buổi đi học một buổi ra đồng, mãi đến sau Giơ-ne mới trông thấy thằng giặc Tây còn cầm súng.

Lên lớp nhì tôi gặp Hảo.

Đó là một chú nhỏ lòng khòng, da trắng cớm nắng, luôn luôn diện áo quần sang và chải tóc bóng, xưng tên kép Duy Hảo nghe điệu rơi điệu rụng. Mẹ Hảo ở lại giữ tiệm buôn to trong Đà Nẵng bị chiếm với hai em, Hảo theo cha tản cư từng khúc vào đến Tam Quan. Về sau chúng tôi biết thêm: cha Hảo là thầy thuốc giỏi, sáng làm bệnh viện công, chiều chữa bệnh tư lấy tiền, còn nhận đều đặn những chuyến quà của bà vợ giàu sụ gửi cho - vải, thuốc, vàng, từng xâu nhẫn vàng dài bằng gang tay - nên sống khá sang.

Một số bạn học lập tức ghét Hảo, tìm cách ăn hiếp. Bỏ sỏi vào cổ áo, lấn ngã xuống ruộng, bôi mực cắm kim vào ghế, thịnh nhất là

xúm lại vốc bùn trét vào áo quần trắng của Hảo mỗi khi tàu bay bay qua, dù chỉ là tàu bay chở mắm ruốc: “Nó thấy kia! Nó bắn!”. Một phe khác không thích Hảo nhưng chống thói ăn hiếp, cử tôi làm “thủ lãnh”. Thằng Xứng đầu nậu chửi tôi: “Đồ dân xứ chợ, nịnh bợ nhà giàu”. Nó thách tôi vật. Thấy nó to xác quá, tôi hẹn vật dưới nước. Cả lớp giấu thầy kéo ra bờ sông làm chứng, coi tôi nhận nước thằng Xứng một mẻ ngất ngư, con nít Qui Nhơn quanh năm bơi biển mà. Tôi được tôn làm “ông thầy võ”, một cái tên trọng vọng ở đất Bình Định thượng võ này. Hảo bớt kênh kiệu, biết ơn tôi chí chết, nhưng tôi chỉ thỉnh thoảng mượn sách học mà không chơi thân. Qua vài tháng, chuyện cũ quên sạch, Hảo nhập bọn với tất cả anh em.

Bom đạn trong vùng tự do tăng dần. Tây nhảy dù nữa. Luồng quà gửi từ Đà Nẵng bị tắc. Đầu năm 1952, trúng na-pan cháy nhà, ông thầy thuốc đem Hảo trốn về vùng tề. Lớp bảy chúng tôi chửi cha con Hảo một trận vuốt đuôi.

Bốn năm sau, tôi gặp lại Hảo ở Đà Nẵng. Tôi rách, đói, lánh mặt cảnh sát, gò lưng đạp xích-lô chở cậu sinh viên Duy Hảo về biệt thự.

* * *

Cũng dễ đoán đời tôi sẽ ra sao nếu tôi tập kết ra miền Bắc với ba và anh Hai, với các bạn cùng lớp chín[(6)], với đôi bàn tay sớm chai đi vì cầm cày và sửa máy, với xấp học bạ trong đó các thầy cô thường ghi: “học sinh giỏi toàn diện” mỗi dịp cuối khoá. Nhiều người thân đã tiếc giùm tôi. Mặc dù vậy, ngoài vài lần thoáng nghĩ bông lông đến sự hơn thiệt giữa các số phận, mãi đến nay tôi vẫn không ân hận vì đã ở lại miền Nam, thay cha anh đánh bọn thù mới.

Ngừng bắn. Ba tôi trắng ngày trắng đêm sửa những chiếc cam-nhông-ray đưa bộ đội về cảng Qui Nhơn. Anh Hai tôi từ Tây Nguyên về muộn, qua ga Sa Huỳnh thấy ba tôi nằm ngửa dưới một xe hỏng, thò đầu ra quát cậu thợ phụ lớ ngớ. Anh vọt cửa sổ chạy tới, nói hối hả vài câu, nắm tay ba một cái, chạy đón đầu chuyến xe rời ga, kịp đu người lên, quệt mồ hôi và bôi đầy mặt những vệt dầu nhem nhuốc. Má tôi bán và cho hết đồ đạc, đưa tôi với Út Hiền mỗi người một gánh trở về Qui Nhơn, đợi xuống chuyến tàu biển cuối cùng với ba tôi. Nhưng một trận thương hàn rất ác và kéo dài – chín năm vất

vả chợt nổi dậy đòi nợ - bắt má nằm liệt. Chị Ba lấy chồng xa, Út Hiền còn dại, chỉ một mình tôi có thể ở lại nuôi má.

Tôi không băn khoăn mấy khi đến gặp anh Trung xin lãnh công tác. Tôi thương má tôi hơn ai hết trên đời, là đi một lẽ. Tôi lại háo hức muốn tự mình làm cách mạng. Đã ăn học thẳng một lèo đến mười bảy tuổi, bây giờ đến lượt tôi góp chút công cứu nước cho phải lẽ công bằng chứ. Hai năm, xong tổng tuyển cử là ba với anh Hai về, từ đó trở đi muốn xông pha hiểm nghèo cũng không còn dịp… Tôi vững bụng lắm. Chỉ có một lúc mềm yếu. Ấy là cái buổi chiều ba tôi xuống thuyền, tôi với Út Hiền ngồi trên bãi cát ngó theo. Chiếc Kilinxki đậu ngoài kia, một thành phố màu sữa nổi ngời ngời trên biển xanh, đẹp hơn những chiêm bao đẹp nhất của một đứa trẻ từ lọt lòng đã thở gió mặn và nghe tiếng còi tàu. Đáng lẽ nó đưa tôi đến với Bác Hồ, đến những miền thần thoại… Út Hiền đã giọt ngắn giọt dài từ hôm qua. Nó khóc nên tôi dễ nín hơn. Chiếc tàu Ba Lan kéo còi, nhả khói dày, tôi vẫn im, nhưng đến khi nó quay hẳn đuôi về phía tôi, tôi bật khóc thút thít mất một hồi. Giá nó cứ chạy ngang chắc tôi đỡ tủi. Được cái tụi bạn trai không cùng đi, tôi khỏi bị giễu.

Má tôi nằm gần hai tháng mới dậy, hom hem, xanh rớt, tóc ngả bạc chừng một phần ba, và thương tôi gấp mười trước kia. Má chải tóc cho Út Hiền, rủ rỉ: “Gái út theo má đã đành, nghĩ tội thằng Tư nửa đường đứt gánh tại má”. Tôi gạt ngay, nói Đoàn giao tôi ở lại, nghĩa là nói một nửa sự thật.

Trong năm đầu, việc công việc tư đều trôi chảy. Tổ Thanh niên Cứu quốc chúng tôi treo cờ, rải truyền đơn, căng biểu ngữ, địch đang rối chưa lùng kỹ được. Riêng cậu Dư bị bắn trên cây me, mất chút thịt mông nhưng chạy thoát. Các tổ khác cũng ăn nên làm ra cả. Đồng bào Qui Nhơn hầu hết từ kháng chiến về, thấy chúng tôi bị rượt là lao ngay đòn gánh vào chân tụi cảnh sát, vừa giơ tay xin truyền đơn vừa hỏi: “Sắp chưa?”.

Cái nghề sửa máy của ba tôi truyền cho ngày một ngày hai, bây giờ giúp tôi nuôi nhà và hoạt động trong dân thợ khá dễ. Ba tôi yêu máy hơn vợ con, buộc tôi phải nghiện máy. Có dạo tôi nghỉ hè, theo ba đẩy cái xưởng lắp bánh từ ga này đến ga khác - đường ngắn, tàu đêm không chịu móc kéo - tôi mệt quá định lủi bị hai cái tát thấy sao

hôm sao mai: “Mày học làm ông tham hay học để giúp nước, nói!”. Tôi cọ mặt hết một phần tư bánh xà-bông nội mới sạch mười dấu ngón tay đen nhẫy.

Dân công chiến dịch hay khiêng động cơ xe địch về, ngày càng lắm kiểu lạ. Bác xưởng trưởng sờ nắn một lát, chép miệng: “Phải tới tay Tám Rảnh mới xong”. Bác mở hòm lấy một chai rượu lậu – hồi ấy ta thiếu gạo, cấm rượu rất ngặt - giục đi kiếm ít lát cá ngừ và một đĩa ớt đầy. Ba tôi được vời đến. Ông trách người đãi rượu đôi câu cho phải đạo, nhấp một chén, nhai ớt rau ráu, nhấp chén nữa, mắt gườm gườm thôi miên cỗ máy đang ỳ ra đấy như thách chơi vào. Ông quờ quờ tìm cái nút lá chuối khô, nhét miệng chai rượu. Rồi kéo ghế nhích dần tới. Rồi tay gãi râu cằm, mũi hừ hừ, chân đi rà rà quanh máy như lựa thế võ song phi hay đoản đả. Rồi quát bất cứ ai đứng gần: “Mọc rễ đó hả? Lấy cái mỏ-lết!”. Ba tôi bập vào máy rồi, sẽ đánh vật với nó suốt hăm bốn tiếng, bốn mươi tám tiếng, nếu cần thì gấp đôi gấp ba số giờ ấy không nghỉ. Cả xưởng xúm bàn góp, được, nhưng chớ dại mà giục ông cụ làm gấp, và phải sẵn sàng chịu lấm. Đến khi khối động cơ đã chịu nổ đều, ông mới lảo đảo tới bàn rượu, nhai ớt và uống tì tì đến cạn chai, vẫn trừng mắt cấm cái máy trở chứng, đến khi ông lăn ra ngủ thì bom hất xuống đất chưa chắc đã dậy. Đi tập kết, ông cõng trên ba-lô một bó giấy khen bằng đòn bánh tét, nhưng vẫn không lãnh nổi một chân chấp hành công đoàn.

Quân Pháp sắp cuốn gói, bán đổ bán tháo những chiếc xe mới ăn đạn ta sứt mẻ ít nhiều. Nhà giàu ở các cảng trút hết tiền mua xe, lập hãng xe khách, xe hàng. Xưởng sửa xe mọc dày. Tôi vào làm thợ phụ trong một xưởng mới. Chủ là một ông đã tự lái chiếc xe than cọc cạch của mình trong vùng tự do, mới phát tài nhờ mấy chuyến buôn nước bọt, một vốn bốn lời. Ông này chưa kịp to bụng, bóp nặn vừa phải, ưa tỏ vẻ hào hiệp trước đám đông và khoe mình kháng chiến khi kín cửa, cũng tin dùng những người thợ từ vùng xa về mà ông biết là tốt nết, giỏi chắp vá. Nghề của tôi tuy học mót nhưng được thầy giỏi, lại thêm chút chữ nghĩa bù vào. Gặp máy mới, tôi đọc kỹ những cuốn sách hướng dẫn tiếng Anh tiếng Pháp của hãng chế tạo, mày mò dò dẫm riết cũng ra, dám tháo sửa cả

những cỗ máy phức tạp của GMC, Đốtgiơ, Xtútbâycơ. Dần dà lương tôi lên ngang thợ chính, rồi nhích thêm một ít sau khi ông chủ trịnh trọng treo biển báo rằng ở đây có người nói tiếng Pháp tiếng Anh: tôi kiêm chân phiên dịch, tiếp khách nước ngoài, cả khám xe chẩn bệnh. Cảng Qui Nhơn lúc ấy đầy nghẹt lính Pháp, nhân viên Ủy ban quốc tế, cố vấn Mỹ. Xưởng đông khách hẳn lên. Tổ thanh niên Cứu quốc trách tôi "phục vụ đế quốc", nhưng anh Trung bảo tôi cứ làm quen với Mỹ Pháp nhiều đi, cần lắm.

Tới đợt hiệp thương, tôi đã nắm được một tổ công nhân khá vững. Qui Nhơn rầm rầm như sắp nổi dậy. Riêng tổ tôi lái hai xe Gip rải truyền đơn in máy suốt từ mũi Tấn lên tới Hưng Thạnh, gửi bưu điện hơn năm chục thư cảnh cáo tụi xấu từ phường đến tỉnh. Địch hoảng, co lại ít lâu, lại làm tới. Má con tôi bị buộc đi tố cộng lớp A vì có người nhà tập kết. Một sáng, ông chủ xanh mặt nhét vào tay tôi một tháng lương, lắp bắp mời tôi về nghỉ: một cú điện thoại của công an đã khuyên ông đừng dính vào kẻ "tình nghi can cứu". Tôi tìm chỗ khác, làm mươi hôm lại bị thải. Chỗ thứ ba, điện thoại đã tới trước. Tôi nghĩ: "Mình ở lại làm cách mạng, đâu phải làm giàu". Tôi xách cái thùng gỗ ra ngồi đầu phố, sửa xe đạp, bị cảnh sát lôi về bót. Tôi xoay nghề ngang, xách một chùm chìa khoá đi lắc rủng rẻng qua các phố, chữa khoá rong.

Địch bắt non trăm người, tổ tôi một cậu bị giam nửa tháng rồi mất việc. Anh Trung lộ, kịp vọt khỏi ca-bin xe tải, thoát. Tôi được gọi vào Gành Ráng gặp anh. Anh ở hang đá, tóc lợp tai, vẫn cười hết cái miệng rộng, đặt hộp thư cho tôi gần Cầu Đôi. Nhưng cái hộp nhôm trong hốc cây bàng ấy mãi mãi không đựng mảnh giấy nào, anh bị bắn chết trong một đêm về móc cơ sở xóm Ga. Tôi đi xem đầu anh cắm cọc: mắt không nhắm, miệng vẫn sắp cười.

Những người thám hiểm hang sâu thường mang theo một cuộn dây rất dài, thả dây đánh dấu đường ra. Sợi dây của tôi vừa đứt. Một tháng, hai tháng... chúng tôi vẫn mắc kẹt trong hang tối.

Tổ công nhân, bốn đứa xấp xỉ mười tám đến hai mươi, kéo ra họp trên bãi biển vắng, bộ bài các-tê bài sẵn trước mặt. Chúng tôi cắt tay rỏ máu vào bia, ăn thề, bàn những sự lay trời chuyển đất. Đánh úp tụi bảo an, tước súng, kéo lên núi lập chiến khu, núi nằm

ngay sau lưng nhà ga chứ đâu xa. Chiếm một ca-nô máy của địch, lái ra miền Bắc xin súng chở vào, nổ một băng là Qui Nhơn vùng lên hết. Cậu Bẩm tức Xuyên Sơn ném ra một sáng kiến to bằng đình. Mỹ-Diệm gọi ta là cộng sản, ừ, đã vậy ta đỏ lòm hẳn đi cho nó biết mặt: lập Thanh niên Cộng sản đảng, viết điều lệ, rải hiệu triệu, thu đảng phí, gì nữa thì sau sẽ bàn. Cái nạn đứt liên lạc coi như không còn! Chúng tôi bốc một lát lại xìu, lỡ cấp trên đuổi ra khỏi Thanh niên Cứu quốc thì khốn! Hẵng cứ in lại truyền đơn cũ, viết bích chương cũ, hoạt động đều cho bà con khỏi nản cái đã.

Cậu Ngộ bị bắt với truyền đơn trong túi, không khai, bị đánh đau chỉ biết: “Khí tiết! Khí tiết tới cùng!”. Rồi tôi cũng được xe cây tới rước, chắc tại tụi chỉ điểm thấy tôi hay tạt vào nhà Ngộ. Chẳng qua chúng nó gạt sào đếm vịt, đố biết con mập con ốm. Điện, nước vôi, roi bốn trận, tất cả chỉ đau ít lâu lại hết, còn vết giày trên cằm tôi nóng cháy mãi đến giờ. Tôi bị trói ngồi dựa tường. Thằng ty phó công an đưa mũi giày mõm nhái hất cằm tôi lên, nhếch mép: “Việt cộng biểu mày ăn cứt, mày cũng ăn hả?”. Mười năm sau, tôi còn muốn đè riêng thằng ấy, cắn cổ.

Cái lưới đen ngày càng thít cứng. Ngộ bị án sáu năm tù. Bẩm thất nghiệp lâu, phải đi Sài Gòn làm ăn. Thọ bị cha mẹ giam lỏng vì quá sợ. Tôi về quê mẹ sục tìm mối, chỉ gặp cô bác tôi quì “sám hối” trước gươm súng dựng chéo đỡ một cái mặt heo. Đảo lộn hết. Tối mịt. Tôi trở lại Qui Nhơn, bị luôn một tuần xà-lim vì phạm lệnh quản thúc. Má tôi thấy những vằn máu nằm mãi trong mắt tôi, dỗ tôi lánh nơi khác. Má biết, và tôi cũng tự biết, tôi sắp thí mạng với chúng nó. Hết chỗ chịu rồi.

Tôi bỏ đi Đà Nẵng.

Ông cậu đạp xích lô tròn mắt khi tôi bước vào nhà, không một thứ giấy tờ dính túi. Ông giấu tôi trong buồng, chạy tiền hối lộ, kiếm cho tôi được cái biên lai thuế cử tri, đỡ lo một cú soát nhà.

Đà Nẵng đông người, dân thợ hàng vạn và có tổ chức vững. Tôi ở không khó, chỉ khó xoay việc làm. Ngay cậu tôi là dân cố cựu mà không sắm nổi cái xích lô - giá xe bảy ngàn, nhưng thêm cái biển số của cảnh sát tới mười bảy ngàn - phải cùng hai người nữa thuê

chung một xe của chủ, chia phiên nhau đạp, bỏ buổi là nguội bếp. Tôi lánh né trong xóm nhà lá dọc đường lên Phước Tường, vá sửa xích-lô cho mấy nhà quen, nấu cơm và giữ con cho bà mợ buôn đắp đổi gánh rau thúng quít. Má tôi viết thư cho cậu, kể rằng "các ổng" bắt lên bắt xuống hoài, nhờ cậu giữ giùm "gói đồ" má gửi, đừng để mất trộm.

Mất bốn tháng tôi mới tìm được một chân học việc phóng ảnh trong một tiệm chụp hình ngoại ô. Cả ngày chui trong buồng tối, đỡ lộ mặt. Thôi đành tạm biệt những chàng máy nổ ồn ào vạm vỡ, chuyển sang cái nghề phóng đại tô màu xem chừng phù phiếm này, làm gì cũng chỉ để chờ ngày làm cách mạng. Nghĩ vậy nhưng vào việc lại ham. Tôi mua sách dạy chụp ảnh và kỹ thuật buồng tối, tự học ngấu nghiến, có đồng nào trút ra mua phim, giấy, thuốc để thực tập. Tôi để dành tiền mua cái thẻ căn cước cho đỡ rầy rà, gửi về nhà một ít, giúp cậu mợ tí chút, chỉ ăn vừa đủ khỏi chết đói, sống bằng hy vọng nhiều hơn cơm. Thỉnh thoảng tôi lại đạp xích-lô một phiên thay ông cậu ốm, chỉ đi đêm và tránh phố đông.

Đêm ấy tôi lảng vảng phía bến Hà Thân, đón loại khách ít phiền nhất là các bà có con thuê xe giờ hóng mát. Một cặp trai gái diện sang vẫy xe về phố. Tôi nhận ra Duy Hảo, một cậu Hảo rất công tử bột, nói những câu chen lổn nhổn tiếng Pháp và Anh. Tôi ấn cái mũ phật tử rách xuống che nửa mặt, lặng lẽ đạp. Ghép những mẩu nghe lỏm, tôi biết Hảo đang học đại học y khoa Sài Gòn, về nhà nghỉ hè. Cô kia là em ruột Hảo, vừa thi xong tú tài bán phần, đang lo rớt. Anh em đang bàn xin măng[(7)] một chiếc xe hơi Đôphin, tự lái cho dễ, xăng rẻ hơn tiền xích lô.

Ông thầy thuốc nửa công nửa tư năm xưa là chủ một biệt thự khá to ở phố vắng. Cô Nga mở xắc lấy tiền trả, Hảo bấm chuông rồi đợi. Một chiếc ô-tô rẽ ngã tư chợt thốc đèn giữa mặt, tôi không tránh kịp, Hảo bật kêu:

– Ai như Thiêm hả? Đúng Thiêm rồi!

Ban nãy tôi tưởng Hảo sẽ bối rối nếu nhận ra người bạn học ở nhà trường "Việt minh", sẽ làm mặt lạ hay chào gượng rồi đi. Sai cả. Hảo cố kéo tôi vào chơi. Tôi phân vân một loáng, rồi đẩy xe xích-lô

qua cổng. Không tội gì thậm thụt, Tôi đường hoàng ngồi xuống ghế bành, úp cái mũ nát trên cái xô-pha phủ nhung boóc-đô. Trong gian phòng khách lộng lẫy này chỉ có tôi là nghèo trái khoáy: sơ-mi cộc tay đẫm mồ hôi, quần bà ba đen vá, dép cao su quai xỏ kiểu kháng chiến.

Mẹ Hảo to béo cỡ bà Phó Đoan[(8)], chỉ hỏi tôi một câu lạt lẽo rồi lên gác. Cha Hảo gầy hơn xưa, xoắn xuýt hỏi thăm bà con quen ở thị trấn Tam Quan. Bắt đầu rút ruột chăng? Tôi nói toàn sự thật, nghĩa là hầu hết những người đã nhường nhà cho ông ở, nhường hầm cho ông núp, nay đã bị đánh, bị tù, bị bỏ bao thả sông. Ông thầy thuốc xì mũi nhiều lần. Hảo gỡ kính ra lau. Mộng Nga tròn mắt nghe, bỗng đi rửa mặt. Tôi chào về. Cha Hảo giữ bàn tay tôi, nói run run:

– Hồi đó... bác có lỗi với Cụ Hồ quá... lỡ dại, biết làm sao! Thôi trăm sự bác nhờ cháu, hễ gặp cán bộ đằng mình... cháu nói giúp, à... các ảnh cần gì bác xin giúp nấy, miễn góp được chút công chuộc tội...

Tôi giữ miệng, không đáp.

Nửa tháng sau tôi mới trở lại nhà Hảo. Mấy cậu bạn xích-lô biết nhà này từ lâu, còn dò hỏi thêm chị bếp và anh lái xe, cam đoan với tôi rằng ông này tốt, chỉ có bà vợ ham lợi hay làm áp-phe với tụi chính quyền, lại mèo mỡ với một thằng trung tá ở Quân tiếp vụ. Qua hai giới thạo tin đường và tin nhà nhất - xích-lô và ở mướn - qua những lần lui tới nhà Hảo, tôi mới dần dà hiểu cái bi kịch thầm lặng giấu sau các cửa sổ lắp kính màu, một kiểu bi kịch xa lạ đối với lớp người lam lũ chúng tôi.

Cha Hảo lấy vợ để đào mỏ, mẹ Hảo lấy chồng để lên quan tắt - hồi xưa ông y sĩ Đông Dương là quan đốc, oai lắm. Hai người sống với nhau như sừng với đuôi, có nhân tình riêng, tiêu tiền riêng, đẻ con ra giao cho vú nuôi. Sau năm năm rưỡi ở vùng tự do, khi lẻn bước xuống thuyền biển trở về thành, ông thầy thuốc không ngờ cái lồng son cũ đã trở nên kinh khủng đến vậy. Những cơn thèm khát biến nhanh sau vài tuần ăn sang ngủ êm, nhường chỗ cho chất a-xít của hối tiếc gặm mãi vào tim ông. Cái xấu tãi mực đen khắp vùng

tạm chiếm càng làm những mảng sáng của cách mạng nổi rực rỡ hơn. Ông đã đánh mất cuộc sống đáng gọi là sống, mất lý tưởng yêu nước, mất sự cao quý của nghề cứu người, mất những trăm anh em bà con viết thư cảm ơn ông, mất lòng tin của đứa con bị ông dắt vào ngõ cụt. Ông cố tìm những thứ thay thế, chỉ gặp hàng giả.

Tới đình chiến, ông cậy cục bắt mối, tính cho Hảo và Nga vượt tuyến ra Bắc, còn ông chẳng mặt mũi nào gặp lại bạn cũ. Bà vợ phá ngang, doạ báo mật thám chặn. Ông tát vợ mấy cái và chịu thua. Từ đó ông coi mình như khách trọ trong ngôi nhà đứng tên vợ, đi xích-lô để tránh ngồi ô-tô của vợ, ăn cơm trong buồng riêng, cần nói với vợ thì nhắn qua miệng con. Ông định qua Pháp ở, rồi muốn cạo đầu đi tu, nhưng không xa bầy con được, vắng ông chúng sẽ hư theo mẹ. Nhiều đêm ông gọi Hảo vào buồng, khoá cửa, mở đài miền Bắc nghe đến hết giờ phát, rồi trải chiếu dưới sàn nằm ôn mãi chuyện vùng tự do. Gần đây Mộng Nga được vào "họp câu lạc bộ" với ông, vừa thích vừa sợ. Ba cha con họp thành một cụm riêng – cô Út bị mẹ giữ riệt và hay mách lẻo – chia nhau những hớp gió mát lọt qua đài vào cái xà-lim vàng son nhốt họ.

Thời gian sàng lọc tình người như nước suối cọ đá, cuốn đi những rong rêu bám hờ, xói sâu thêm những nét đã khắc sâu. Hảo thường nhắc tên tôi và mấy người thân nữa, đoán tôi đang học về nguyên tử hay vũ trụ gì đó bên Nga bên Đức, sẽ thành chuyên gia cỡ thế giới cho coi – nhà Hảo giàu nhưng không đủ thế thần để cho con du học, Bởi vậy Hảo mới sửng sốt khi thấy tôi đạp xích-lô. Cả nhà lập tức nghĩ rằng tôi được Đảng giao việc gì lớn lắm ở miền Nam, tôi đang cầm cái chìa khoá mở cửa ngục cho họ, trong bộ cánh tã ấy tôi là Dự Nhượng rình giết bạo chúa. Riêng cô Mộng Nga mười bảy tuổi càng mộng khỏe hơn, biến tôi thành một nhân vật nửa xi-nê trinh thám nửa lãng mạn Tự lực văn đoàn. Tôi buồn cười, đôi lúc thu thú, rồi lo địch theo dõi và biết tôi trốn quản thúc tại Qui Nhơn. Tôi nói qua loa rằng tôi không dính đến cách mạng, chỉ làm nhiều nghề kiếm ăn và học thêm. Sự thật cũng đúng vậy, tạm đúng trong lúc này. Hảo nháy một mắt, nói ngay sang chuyện khác để tỏ ra mình hiểu chính trị lắm chứ. Mỗi lần đưa sách học cho tôi mượn, một pho từ điển Anh-Pháp chẳng hạn, Nga lại thấp giọng thì thào

như sợ phá vỡ cái không khí huyền diệu của một cuộc trao súng giữa rừng khuya. Cha Hảo thích gọi tôi và buồng khoá hai lần cửa, khoát tay vào những ngăn tủ đầy thuốc và đồ mổ: “Hồi nào… e hèm… tới khi chuyển đi, bác mới bao gói thiệt kỹ, giờ để vậy coi tự nhiên hơn…”

Có gì đấy rất đáng thương ở cái bộ ba chân thành và mềm yếu này, đang cố giữ một tia hy vọng vừa chợt loé, cố tìm nguồn vui qua những kỷ niệm được gói trong giấy bóng màu của mơ ước pha lẫn ảo tưởng. Nghĩ cho cùng, họ cũng có lý khi tin tôi. Dù sao tôi vẫn gần cách mạng hơn họ. Một ngày nào đó, giữa lúc ít chờ đợi nhất, một bàn tay từ bóng tối sẽ nhô ra kéo tay tôi, một giọng thương yêu sẽ gọi: “ Đồng chí Thiêm!”. Ôi hai tiếng đồng chí thơm như sữa mẹ trên môi, bao giờ tôi mới được nhắc lại?

Tôi tự học chừng năm rưỡi thì chụp và tráng được phim màu, phóng được ảnh màu. Ông chủ tiệm giao tôi làm thử vài tuần, thấy khách ưng ý mới dám tin. Ông bỏ tiền mua máy điều hoà không khí, dọn buồng cho tôi ở ngay trong tiệm, năn nỉ tôi làm phiên dịch, tất nhiên là tăng lương. Bọn tề Qui Nhơn quên tôi, giấy tờ Đà Nẵng đã đủ, tôi không cần giấu mặt nữa. Tiệm chụp hình Con thỏ biến thành Thiên thai ảnh viện tức Eden Studio, đắt hàng hơn trước nhiều. Tôi vẫn tu ép xác như cũ, để tiền gửi về giúp má tôi và phụ thêm cho Út Hiền được đi học. Chung quanh tôi đã có nhiều bạn thân, toàn thợ trẻ cả, hay gây sóng gió trong những cuộc họp lớn nhỏ của Liên hiệp nghiệp đoàn Đà Nẵng. Tôi chọn sáu cậu thật vững, đưa cho đọc tập điều lệ Đoàn in đá trên giấy nứa, của quí nhất tôi còn giữ được. Mừng quá đỗi, có cậu khóc oà. Chúng tôi tự ghép thành một tổ, thề sống và đấu tranh theo lý tưởng Đoàn, dù chưa biết bao giờ mới được nhận là đoàn viên.

Rồi tôi cũng tìm ra đầu mối. Không, cách mạng tìm đến tôi mới đúng. Út Hiền từ Qui Nhơn ra thăm tôi, rút đưa một cuộn phim: “Anh gì đó xưng tên Dư, bạn anh, nhờ anh tự tay tráng giùm. Ảnh dặn em cất kín, ánh sáng lọt vô là hư hết, người như anh mới làm nổi việc này. Ảnh hẹn mươi ngày nữa trở lại”. Tôi mở hộp, thấy ngay con dấu “trái tim lửa” trên giấy bao ngoài, suýt kêu to. Cậu Dư rách mông, cùng tổ Thanh niên cứu quốc đầu tiên với tôi, dùng cái mặt nhẵn đu-

ra in dấu này làm tín hiệu, lâu nay bị địch lùng riết lắm kia mà. Tôi vọt ra buồng tối tuy đã khuya, run rẩy tráng, hãm. Đoạn phim chỉ có sáu kiểu, sáu trang chữ chụp lại. Rửa sơ, không đợi khô tôi lắp máy phóng liền liền sáu ảnh 13x18, gí mắt vào chậu thuốc đọc ngay những chữ đen đang hiện dưới đèn màu cam. Một lá thư viết tay của Dư, năm trang tài liệu đánh máy về tình hình và nhiệm vụ, dưới đề "Bình Định, 2-1958". Tài liệu ra tháng trước, mới tinh.

Lá thư giao cho tôi những hai chỗ móc nối ở Đà Nẵng.

Hai đốm sao.

Đêm đen đã bị chọc thủng.

* * *

Duy Hảo với tôi ngồi tránh vắt trên tảng đá giữa suối. Tôi lấy đá nhám mài mấy cục chai cứng như sừng ở bàn chân, nghe Hảo kể rất say những ngày làm chủ Đà Nẵng của học sinh và công nhân. Nếu trên cho tôi về thành hoạt động, chắc bỡ ngỡ lâu đấy, phố và người đều khác xưa. Chuyện của Hảo giống như dây câu thả xuống đáy ao, kéo lên những kỷ niệm đã chìm từ lâu, rêu bám đổi màu nhưng vẫn rất gợi nhớ.

Tôi hỏi tắt ngang:

– Quên, em mày đẻ trai hay gái?

– Trai, ba ký rưỡi. Biết nó đặt tên gì không?

– Chắc lại thêm một Mộng nữa giáng trần...

Hảo nhìn tôi, mắt rất sâu qua kính trắng. Một cái nhìn dài, nhiều nghĩa, rõ nhất là ý trách móc:

– Huỳnh Ái Trung. Nó nói với chồng về Sài Gòn nó nhớ miền Trung lắm.

Tôi cọ rất kỹ một vết chai, đợi mặt mình bớt nóng. Tôi đã xin lại cái tên Trung của anh lái xe tải bị chặt đầu, chỉ dùng nó khi gửi những mảnh thư nhỏ đến cho Hảo, nói bóng về công tác bằng giọng bông phèng ma mãnh của học trò chuyền giấy cho nhau dưới mũi thầy giáo. Ai ngờ cái tên ấy nhảy sang một đứa trẻ... Nga liều đến vậy ư?

– Nè Thiêm...

– Gì?

– Lặng im nghe tao xử cái tội yêng hùng rơm. Con Nga ưa mày, ừ nói trắng ra là nó yêu mày, mày biết mà cứ làm lơ. Chắc mày đứng trước gương, vỗ ngực nói vầy phải không: tôi không ham sắc ham của, tôi không quyến rũ em gái bạn tôi, tôi đáng bực hiệp sĩ Tây hay quân tử Tàu...

– Tàu lao. Nga với tao...gì đâu...

– Trong lúc non sông mờ cát bụi, phải đâu là hội kết uyên ương[(9)], mày vĩ đại mà, tao còn lạ!

Tôi cười muốn sặc.

Vậy đó, có những tâm sự chỉ ngỏ được với người sơ, phải giấu bạn thân. Không thể nói toạc rằng tôi mến Nga, thương hại một ít, nhưng không hề yêu cô giai nhân em Hảo. Nói, Hảo sẽ giận chí chết, mà chắc gì đã chịu tin cho.

Trước khi "nhảy núi", Hảo đã yêu liên tiếp chừng nửa tá cô gái, chọn toàn cô xinh. Yêu thật chứ không lăng nhăng đâu, lần nào cũng say sưa từ vài tuần đến vài tháng. Sau đó thì cả thèm chóng chán, cậu lảng dần, cũng có khi bị cho ra rìa, nhưng vẫn giữ nguyên cách nghĩ: "Xấu nết còn sửa được, xấu người thì chịu". Hảo tin ở sức mạnh vạn năng của sắc đẹp đến nỗi không thể tưởng tượng rằng tôi chê Nga. Cậu hay khuyên tôi khi ở Đà Nẵng: "Mày hơi yếu về mặt bằng cấp, gia tài, được cái điển trai cũng khớ, lại là cách mạng nòi. Cứ tấn công đi, ba tao thích mày, thêm tao nội ứng coi như ăn chắc!". Thấy tôi lờ, Hảo chỉ đoán tôi bị mặc cảm tự ti hoặc giữ cái khí thái của người chưa gặp vận. Có lẽ về sau Hảo sẽ hiểu dần: tôi không nghĩ tôi yêu Nga là với lên. Trái lại.

Mộng Nga càng lớn càng đẹp, biết mình đẹp, rất chịu khó làm đẹp. Đã vậy, Nga lại là con cưng của nhà trí thức giàu, lại có bằng tú tài toàn phần mua bốn chục ngàn đồng, lại biết pi-a-nô, vẽ, thêu, đan, do các thầy cô đến dạy tận nhà sau khi thôi học. Nga thích nghe chuyện cách mạng, đôi lúc dám nhận vài việc thật dễ như mua giúp ít thuốc, chuyển một lá thư không mật. "Em yếu tim, em dễ xúc động, thần kinh em đâu có vững như các anh". Kèm nụ cười rất duyên đã được nắn sửa kỹ bằng gương và ảnh. Người thợ chụp

hình ở tôi rất chuộng nhan sắc: bốn kiểu ảnh màu đạt nhất của Nga được phóng to, lồng kính, treo chỗ trang trọng trong phòng khách Thiên thai ảnh viện, khối kẻ trầm trồ. Bấm máy xong, tôi không để ý đến Nga nữa, tuy biết Nga tìm tôi không chỉ vì muốn chụp.

Bà mẹ sợ thứ sô-cô-la Nhật pha thuốc kích thích - sợ là phải, lắm cô đã bị cấm - cấm Nga đến chơi nhà con trai. Cấm sao nổi. Nhiều hôm Nga ở lại giúp tôi chấm ảnh, xén ảnh, nói những câu chuyện dài dài có nhiều chấm lửng, tôi vẫn giữ khoảng cách đều đặn như hai chúng tôi đi song song trên hai bờ của một con suối ngoắt ngoéo. Khi Nga đối đáp với một ai khác, tôi lặng lẽ ngắm gò má đánh kem rất khéo, hàng mi nhuộm hồ ri-men cứng và bóng, mi mắt tô xanh đen, những móng tay nhọn bôi hồng có ánh xà cừ, và tự hỏi: "Nếu mất đi lớp vỏ của người-đẹp-trên-bìa-sách, mất số của hồi môn, cái bằng, lượt véc-ni tài hoa rất mỏng, sẽ còn lại cái gì vững bền ở cô gái này? Lý tưởng, lòng ham hiểu biết, sức vươn lên lập thân, sao Nga có quá ít? Cuộc sống mai sau sẽ không để Nga nhởn nhơ giữa vòng những người quỳ gối dâng tim như hiện nay, Nga sẽ chuyển, nhưng chuyển theo hướng nào?". Tôi thương Nga tốt bụng, đang khổ vì mẹ cha âm thầm lìa nhau, anh Hảo ở xa không giúp em được mấy. Có lẽ Nga muốn nhờ tôi lái đời mình, nhưng lại sợ tay lái của tôi thô bạo. Mà có thể Nga còn ngại những chênh lệch mà chính Hảo cũng nói trắng với tôi.

May phước, tôi không là anh Trương Chi, cũng chẳng phải thằng Sở Khanh. Tôi chỉ là tay thợ ảnh được giao nắm hơn chục cơ sở Đà Nẵng, trong đó có Duy Hảo. Tôi chẳng phái nén mình lên gân gì cả khi nói chính trị với Nga, khuyên Nga như người anh, và bắt gặp trên mặt Nga những nét hờn dỗi hay âu yếm không dính tới đường lối chính sách của cách mạng miền Nam. Cứ như vậy đến ngày tôi trao đầu mối lại cho đồng chí khác, rời thành phố đi cầm súng...

Nga lấy chồng năm kia, một cậu học ở Pháp về. Cách kén rể của bà mẹ đã đổi chút ít theo thời thế, bà dỗ con: "Lấy nó thì cả đời khỏi lên voi xuống chó gì hết, bên nào thắng cũng cần cái anh kỹ sư xây lại cầu đường chớ". Ông cha im lặng, chưa ưng mấy nhưng chẳng lẽ cầm duyên con gái. Hảo tiếc giùm cho tôi, biết Nga không quên tôi.

Hảo lại lau kính, buồn buồn:

– Cái dạo chống hiến chương Vũng Tàu, con Nga theo bạn bè xuống đường bị mấy trái hơi cay sưng mắt, nó đeo kính đen đi khoe con mắt với tụi bạn tao hoài, thiệt tội... Mẹ tao giữ riết quá. Phải chi tao đem được nó theo, lên đây có mày nữa... Thôi đừng làm bộ! Nó vô văn công, tới diễn cho bộ đội coi, mày năn nỉ xin làm em tao liền một khi!

– Với tất cả những cái nếu... Mà thôi hụt làm em thì tao chỉ huy mày. Tao hái rau, mày kiếm củi, lát nữa húp canh toàn quốc[(10)]cũng mát ruột. Vị tinh Hồng Công của mày đâu?

Chúng tôi có lu bù chuyện để kể và cãi. Còn đêm nay với ngày mai đi chung nữa, lo gì.

Chú thích

[(1)]Dùng tay để tuốt lấy hạt lúa khi thu hoạch

[(2)] Một loại rượu ngon của dân tộc Catu, lấy từ cây đót hoặc đoác

[(3)] Tiếng Co: đường này, đường này

[(4)] Tôi nói tiếng Gia Rai được một ít

[(5)] Giao liên trên đường dây rẽ ngang

[(6)] Hệ giáo dục phổ thông chín năm hồi kháng chiến. Lớp 9 cũ tương đương lớp 12 bây giờ

[(7)] Bà mẹ (Tiếng Pháp)

[(8)] Nhân vật trong “Số đỏ” của Vũ Trọng Phụng

[(9)] Thơ Thế Lữ

[(10)] Tiếng đùa: canh cả nước là nước

Chương 6

– Bom, nằm xuống!

Tiếng hét nhọn như kim xóc vào màng nhĩ. Tiếng bom huýt dài, kêu rắc như cây đổ. Chưa kịp mở mắt tôi đã làm ngay những cử động thuộc nhuyễn: tay phải chân phải cùng bật ngang ra ngoài võng, ngoặt xuống tìm đất, mình lật nghiêng, cả người rơi sấp. Hai tay đỡ không cho ngực bị tức, thường đúng tích tắc ấy bom nổ, mặt đất nảy ngược rất mạnh hất bổng tôi lên tôi vẫn kịp "hạ cánh" lần thứ hai trước khi mảnh réo qua lưng.

Một loạt tiếng cười rộ. Mắc lừa rồi. Tôi đứng dậy, nhìn những hàm răng lạ chung quanh, nhớ ra trạm giao liên. Ở xã mình, các tay tếu cũng hay tập báo động cho nhau kiểu này, có khi chỉ phá quấy chơi.

– Anh Thiêm! Địch ở xa cứ ngủ yên nghen!

– Anh Thiêm! Dậy trở mình chút chớ mỏi!

Duy Hảo nín cười trước, tuyên bố tôi được xếp hạng A về phản xạ có điều kiện. Tay Hảo còn cầm nhánh cây tươi bẻ gập giả tiếng bom xuống gần lưng người.

– Tao thử trên năm chục lần, mới có 7 người đáng loại A. Đô đốc Thiêm có khác, con nhà võ...

– Thử lần nữa thì vợ mày ở goá!

Tôi gí nắm tay sát mũi Hảo, rồi phủi đầu gối.

– Nhờ trời, vậy còn lâu....Cho qua chuyện khoa học. Tới giờ lên đường, mời đô đốc cho lệnh hành quân!

Trên sạp xếp một dãy bao bột no tròn, ngấm đen mồ hôi ở mặt áp lưng: Một nhóm cõng gạo từ đồng bằng đi lên đã đi suốt đêm, vừa tới trạm. Hảo bị mắt kém, mò đêm chỉ làm khổ anh em hết đợi lại hú lại tìm, nên bám đường dây tiện hơn. Hảo gật gù hỏi kỹ các chặng đường về chợ Minh Huy. Tôi cao hứng vạch luôn sơ đồ trên sân: đường núi hai ngày nhé, qua sông Tranh tới Tiên Lãnh, lại vượt núi

về Phước Cẩm, qua một chặng đèo nữa, mất chừng bốn ngày với vài tiếng đêm. Chung quanh lại cười, cười gì chẳng hiểu.

Hảo nói rất kính cẩn:

– Dạ, kính xin đô đốc xếp cái bản đồ lớp đồng ấu lại, để em thưa. Đây là con đường hồi thằng Diệm còn vọc nước đái trong nôi, mà nay đã tới năm sáu mươi lăm đại thắng, nhờ ơn các anh giải phóng...Tao sẽ dắt mày đi bộ mười lăm phút tới làng, mượn xe đạp của ông bạn thợ may, đèo nhau phóng về ngã ba An Lau ăn bún bò quán bà Sô, thẳng đường ôtô xuống chợ Ngọc Nha, mỏi chân thì lên xe hàng đi vài chục cây số cho nhớ mùi xăng. Bữa trưa, ta đánh một trận mì Quảng kèm bia ở chợ Cây Xanh, ngủ một giấc, chiều mát đạp về Minh Huy là vừa.

Tôi sửng sốt tưởng Hảo còn đùa. Trạm trưởng Hùng gật đầu:

– Đi tốt. Anh em mới về nói địch không có chi, sáng trăng đi cho mát thôi.

Tôi vẫn chưa tin hẳn. Cái trạm này...vẫn mái lá mây thưa, sạp tre, nền nhà đầy gốc dựng, cái máng đưa nước suối về róc rách ngày đêm cạnh bếp, con heo ụt ịt cọ lưng vào mông tôi nằm võng. Vẫn là trạm núi. Và con đường Hảo nói, khi tôi rời đất Quảng nó vẫn đeo bên hông cả chùm đồn bót và ấp chiến lược như cành sung đeo trái, tìm một chỗ băng qua ban đêm còn khó, tính chi đến chuyện đạp xe giữa ban ngày. Vùng đồng bằng đỏ gạch những bùn mà tôi ngắm trên triền núi lở, khắc khoải tìm dấu hiệu của sự sống, mới đây thôi đã thay da đổi thịt đến vậy ư?

Tôi nôn nao muốn xốc ngay ba-lô. Hảo bắt tôi cạo râu, thay mặc bà ba đen, đeo súng ngắn và túi dết dưới áo. Lát nữa chúng tôi sẽ đi kiểu “hợp pháp”: đội nón lá, nhét ba lô vào giỏ buộc hai bên chỗ đèo hàng. Thằng địch bị ém, lo giữ các thành phố và căn cứ, càn ít hẳn so với năm ngoái, nhưng hay “du kích” lại ta bằng tàu rà thổi rốc-két và trực thăng chụp xuống bắt cóc người đi lẻ, còn cái sự bom pháo thì chẳng hơi đâu mà để ý.

* * *

Chúng tôi không vội vã mà vẫn đạp vèo vèo cho say gió. Trên khúc đường đất chi chít những vết xe thồ, chúng tôi in thêm hai sợi

dây răng cưa: bánh trước nghịch ngợm lách qua luồn lại, bánh sau nghiêm chỉnh hằn sâu, gợi những dấu chân của trâu mẹ và nghé con trên đồng ruộng. Rồi xe lăn rào rạo trên đường rải đá, về hướng thị xã Tam Kỳ.

Một làng chiến đấu. Nhiều làng chiến đấu. Dây kẽm gai giăng lưới trên đỉnh các trụ cao ba bốn chục thước, chống trực thăng chụp xuống giữa làng, à, một cái mới, tôi chưa gặp kiểu rào trời này ở Bình Định. Hầm tròn nối chuỗi hạt đều đặn bên đường. Các bác đào mương lắc đầu cười khi chúng tôi lái xe đạp chậm qua cá hố chống tăng xếp hình nanh sấu, qua một khúc rào lắt léo chữ chi, qua những súc gỗ to chôn đứng, qua bãi chông chừa một lối đi rắn lượn. Cờ khắp nơi, cổng chào và biểu ngữ khắp nơi, một đám hội của những màu những lời đánh Mỹ. Vùng mới giải phóng có khác, các cô du kích gác đầu làng cũng mới tinh như vừa rời hãng búp bê, quai súng thắt nơ hồng, mũ tai bèo chưa kịp bạc màu và được rút dây bằng ống nhựa đỏ cắt từ nắp bút bi, hầu hết ửng mặt quay đầu khi Hảo đưa giấy và trêu: “Có bắt tôi không?”, áng chừng họ đã quen với hai tiếng “bắt chồng” từ miền núi lan xuống.

Núi lớn lùi xa, ngả từ màu lá sang màu trời. Trời cứ mở rộng mãi ra. Lúa trải thênh thang hai bên đường, những mảng chín sớm nổi sáng vàng tươi giữa cánh đồng đang vô gạo hay cứng gạo. Có cơm mới rồi. Những vồng khoai đan lóng mốt vào nhau thành tấm phên nứa xanh xoay tròn chậm chậm. Cây dầu lai đằng kia cũng xoay, khoe cho hết những cụm lá non trắng xoá như bọt sóng, tãi trên nền sẫm của tán cây. Bọt đọng trắng đầu cành, một nét của lụt lớn...

Tôi tìm dấu nạn lụt. Còn nhiều. Đất chưa lành hẳn, nhưng đang kéo da non hối hả. Sườn núi lở đã đậm màu dưới nắng sấy và cỏ mọc vội. Cát lấp ruộng được cào dồn vào một gốc thửa vun thành đống cao như cái muống đường cát Quảng Ngãi đang rút mật, để dần dà được gánh đổ trên nóc các hầm tránh bom. Một tổ đổi công cuốc vỡ lại khoảng ruộng lấp đầy, con trâu gò lưng kéo cái cộ[(1)] chở đá và cát đi trút xuống rãnh nước xói. Chung quanh tôi tất cả đều lột da trẻ lại. Mương mới vét, bờ mới đắp, căn nhà tranh bên đường từ nền tới mái đều mới, chiếc cầu sạp tre bắc đè trên cầu xi măng sập

cũng chưa kịp sạm da. Đất mình khoẻ lạ. Mấy ngàn tuổi mà đất với người vẫn sung sức lứa đương trai.

Hơn chục em nhỏ cắp sách đi ngược chúng tôi, cự ly năm thước rất đều để nhảy hầm cho gọn, chào nối nhau như điểm số: "Chào các anh ơ!" Cái tiếng ơ hẳn là dành cho lứa bạn chơi được thay cho tiếng ạ quá lễ phép. Tôi xuống xe, bắt cho hết những bàn tay nhỏ xíu giơ thẳng thành một chuỗi bông hoa năm cánh nở dọc hàng rào dễ thương không chịu được. Tiếng trẻ em là thước đo vui buồn của mỗi làng. Leo qua rào ấp chiến lược ban đêm, tôi chỉ nghe tiếng các em giật mình ré đứt hơi, cắt ngang điệu nhạc du côn hay giọng hát đĩ thõa của đài địch. Làng nổi dậy, tiếng hát của các em cũng nổi dậy, còn vụng nhưng hăng say hết cỡ, cuộc đổi đời nào chẳng vậy. Và đến khi trong xóm ngân tiếng bi bô của các em tập đọc, lúc ấy ngày mai mới thật nảy mầm trong cái hôm nay nhiều đau đớn. Ban nãy tôi ngó qua một căn nhà có tiếng trẻ khóc nhè: người mẹ lật qua lật lại cái áo bà ba đen nhỏ xíu trước mặt đứa con, đứa bé cứ giãy chân lắc đầu, chắc đòi sơ-mi kiểu bộ đội kia. Miễn sao các em không phải khóc đói hay khóc bên xác mẹ, vậy đủ mừng rồi. …

Có tiếng máy bay. Cặp tàu rà quay lại chăng? Tôi nhìn quanh, chợt thấy một cái đầu ôtô ló trên đỉnh dốc với cặp mắt cá vàng. Hèn gì cây cầu xi măng chúng tôi vừa đạp qua còn nguyên! Hai chiếc xe đò nối nhau xuống chậm. Các cửa sổ đầy chật những bộ mặt tươi nở, xoay nhìn theo chúng tôi rất lâu: ai lên đây mà chẳng tìm một nhà người quen "đi giải phóng"? Tôi vẫy tay chào chiếc xe gặp đầu tiên, anh lái hãm lập tức, chắc tưởng chúng tôi muốn soát xe hay lên đi một quãng. Tôi vội xua tay bảo đi, bà con cười ồ. Vui ghê. Chiếc sau - một Xi-trô-en về già - khiến tôi ngứa miệng ngứa tay, muốn chặn xe, lật capô, gắt anh lái xe một mẻ sượng mặt. Máy gõ lóc cóc, phun khói đen kịt như M.113, cứ để như vậy chạy thì bằng đốt xăng nướng xe! Vài cái xéc- măng giá bao lăm mà không chịu thay, hả?

Rồi tôi bật cười một mình, gò lưng đạp. Cũng cái máu "kiến nguy bất cứu mạc anh hùng" của ba tôi, thấy máy bị xài ẩu là nhào vô bênh như bênh trẻ con bị đánh, của ai mặc kệ. Tên là Rảnh mà cả đời ba tôi bận hơn ai hết, thật tội, bởi cứ mua dây buộc mình. Chắc hẳn chủ xe đã tính kỹ: thay méc-xăng mới không lợi bằng chạy liều

hao xăng, tụi ngụy thua bạc vẫn nửa đêm đánh "quân xa" tới nhà, ném bừa xuống sân hàng chục can xăng, đưa trả vài trăm cũng cầm vội, đi gỡ. Trong trận càn hôm sau, tụi Mỹ mặc sức mà há miệng giơ tay khi nghe gào trực thăng chở xăng tới gấp, khi đọc báo cáo thấy số xe bốc cháy hình như nhiều hơn số mìn của Vi-xi đã nổ... Cứ sưởi ấm tuổi già bằng xăng Mỹ đi hỡi bác Xi-trô-en sắp về hưu!

Gần đến Ngọc Nha, chúng tôi gặp máy bay ném bom. Hai chiếc AD.6 đang phá nốt cái đồn mà trung đội dân vệ nổi dậy theo ta đã đốt rụi, rõ là chúng tức đến xúc đất đổ đi? Tụi phản lực Mỹ cho đến nay vẫn đánh vùng núi nhiều hơn, mé đồng bằng này còn giao chọn bọn ngụy chó cậy gần nhà.

Chúng tôi rẽ vào vườn mít, tránh thằng L.19 và nghỉ một lát. Tiếp hai người đàn bà quảy gánh cũng ghé vào. Họ đặt gánh, lật nón ra quạt. Tôi còn ngờ ngợ, vẫn kêu thử:

– Kìa, cô Mẫn!

– Trời đất, anh... anh Thiêm đây nè chị Tám!

Tôi gặp lại một cô Mẫn khác hẳn, khác đến nỗi tôi cứ muốn nghĩ đây là cô em, còn dạo trước tôi cùng cứu lụt với cô chị. Hai chị em có vóc người thon dẻo và đôi mày rậm đen giống nhau, nhưng cô em trẻ tươi hơn nhiều, má bầu bĩnh đỏ au, cổ tay tròn lẳn. Cô chị hay dè giữ, khô, còn cô em đang cười nói rối rít:

–Bọn em nhắc các anh miết. Chị Tám rầy, nhắc vậy các ảnh nhảy mũi, đi đâu vấp đó. Bà con cũng rầy em sao không ghi số hòm thơ để gửi giấy cho các ảnh. Em có gởi một lá đề C.215, huyện trả lại còn chỉnh cho nữa, ức thiệt chớ. Kỳ này nhứt định phải ghé Tam Sa nghe anh? Ở chơi lâu lâu, ăn đều mỗi nhà một bữa, giáp vòng mới được đi nghe anh? Mấy anh kia đâu? Chú Dé đâu? Chú Ba Tơ đâu... chú Cẩn hết đau bụng chưa?

Tôi trả lời mấy câu hỏi vội vàng, nghe kể chuyện Tam Sa, mãi không hết thấy lạ. Có phải cái không khí say người của chuyến đi trong vùng giải phóng rộng thênh đã khiến Mẫn cũng ngây ngất như tôi, hay là cô gái Tam Kỳ đã đổi thịt thay da cùng với đất Tam Kỳ? Mẫn vừa ghé xưởng quân giới xin các thứ về đúc thủ pháo, mở nắp đôi bầu cho tôi xem một mớ kíp nổ, nụ xòe, dây cháy chậm, cứ cười

dài: “Xin được nhiều, nhờ em mới học lớp binh vận ba ngày đó anh!” Tôi nhìn Mẫn chăm chú, có lẽ Mẫn chợt nhận thấy mình vồ vập quá, vụt đỏ thêm hai tai, ngoảnh sang chị Tám ấp úng:

– Ủa, chị Tám... không hỏi tin ảnh à?

Chị Tám Giàu mải xem máy bay chồm chúi, hay giả bộ xem chẳng biết, quay lại tủm tỉm:

– Nhắm chừng hỏi cũng chẳng được nước non gì...Thì hỏi: bớ hai anh đi đường cái quan, có gặp chồng tôi tập kết về không?

Chị Tám là cán bộ huyện. Tên là Giàu nhưng lại nghèo nhất trong số các chị em cán bộ hay lui tới Tam Sa, tôi nghe nói vậy. Chị có đủ những nét của các chị lấy chồng ba ngày, đợi chồng mười năm: vẫn còn nguyên những cử chỉ e ấp, điệu cười mắc cỡ che miệng, dáng đi óng ả của cô dâu mới năm xưa, trong khi tóc rụng theo lược đã hơi thưa đi trên trán, má bắt đầu nhám và hóp, chỗ lúm đồng tiền tròn xoay dấu chấm đang ngả dần thành dấu phẩy- về sau sẽ hoá ra ngoặc đơn rồi ngoặc kép – mắt bớt trong và đuôi mắt đã hiện nhiều vết khía li ti. Mỗi ngày một ít, chị lặng lẽ hi sinh cái hạnh phúc làm vợ, dâng hiến nốt cái quãng đời có thể làm mẹ cho nghĩa lớn. Chị thương chung anh em bộ đội với cái bao dung của người chị thương lũ em chồng vừa ngoan vừa quấy. Lứa trai trẻ chúng tôi hay đùa ác, thích trêu những sự “mai sau thống nhứt nước nhà, áo đen làm chị áo đà làm em”, nhưng rất hiểu và phục các chị. Chúng tôi hay bàn đến một loại huân chương Chung thủy dành cho những người chị đang phá tất cả các kỷ lục về tình yêu son sắt.

Duy Hảo ngồi lật xem một xấp thư, mặt tỉnh khô, ra vẻ “tao né một bên rồi đó”. Khi nghe tôi nói với chị Tám kha khá, cậu mới chen vào:

– Cô là Phan Thị Mẫn ở Tam Sa, đúng chớ?

– Dạ.

– Có thơ của Út Hoà gởi.

– Thiệt hả anh? Đâu?

Mẫn vừa kể đã cho hai em đi xa vùng ác liệt ít lâu, lớn thêm chút nào hay chút ấy trước khi về cái xã từng giờ xô xát của mình. Ba

Tâm làm giao liên cho huyện, được việc lắm, bị cái nhác học. Còn Út Hoà mới mười ba tuổi, khai lập lờ theo tuổi ta là mười bốn, đã được vào lớp cứu thương của tỉnh, nhờ học khá nên các ảnh cho theo tiếp lớp y tá bốn tháng. Đọc lá thư em gái – bì, giấy chữ đều và nhỏ xíu - Mẫn cau mày, rồi chớp chớp mắt, rồi chớm cười bên mép, khi đưa thư cho chị Tám mới cười hẳn:

– Chao, miếng giấy bằng bàn tay mà hết ba phần tư xã luận! Nó hằm hằm về xã, không chịu ở lại bệnh xá, mà nói y cái giọng bà già dạy nàng dâu, kinh chưa chị!

Chị Tám ỡm ờ:

– Thì bắt chước chị nó chớ ai bày!

– Em mà bà gia?

– Không bà gia cũng quá cha dì ghẻ. Anh Thiêm nhớ không, dạo xưa hễ nó gặp anh là mặt cứng như gỗ, nói lạnh như đá, phải chưa?

Chúng tôi cười rân. Mặt Mẫn đỏ tía mà chị Tám chưa thôi:

– Cứ như mặt trời mọc như vậy mới dễ coi chứ. Anh thấy bây giờ nó xinh ra, nó trẻ người trẻ nết....

– Lạy bà, cho con sống với!

Mẫn giúi chị một cái nên thân.

Đã hết máy bay. Hảo nháy tôi, bàn đi bộ một quãng cho dẻo chân. Hình như chị Tám với Hảo cố ý dắt xe đi trụt đằng sau. Mặc kệ. Tôi nói nửa đùa nửa thật:

– Cô.. bí mật số một đó nghe.

– Bí mật?

– Cô lạ lắm. Muốn trẻ thì trẻ, muốn bà cụ non cũng hoá bà cụ liền, chị Tám nói đúng. Khi thân thì thân, hễ làm mặt lạ với nhau...

Tôi chợt bắt gặp nét buồn đến rất nhanh khiến mặt cô gái tối sầm. Buồn, không phải giận. Đôi mắt rất đen ngước nhìn tôi, lại nhìn xuống đất. Vẫn đôi mắt muốn kể gì đấy mà tôi không hiểu. Mẫn xoay đòn gánh đổi vai, ngập ngừng:

– Hồi nào anh về làng em lâu lâu...Chuyện hơi dài…thôi để sau đã.

Tôi hối đã làm Mẫn mất vui, mà vẫn không hiểu gì hơn về cô bạn. Bạn chiến đấu thôi, tất nhiên.

Đến ngã tư chợ Ngọc Nha, chúng tôi rẽ hai hướng. Tôi bắt tay Mẫn, đọc trong mắt Mẫn một lời gì như cầu cứu hay đòi hỏi. Có thể tôi lầm. Con trai chúng tôi dễ lầm bởi hay đoán đằng sau những đôi mắt đẹp chỉ có những ý tình đẹp. Mẫn cười lần nữa, hơi gượng. Tôi ngắm hàm răng trắng bóng và nhỏ đều, nghĩ đến cái tên Ngọc Nha ai khéo đặt, và chỉ nghĩ bấy nhiêu.

Đến phiên tôi đạp. Duy Hảo ngồi sau, lên tiếng cà rà:

– E hèm, bây giờ mới gặp ma ăn giỗ. Nàng là người có đôi mắt huyền của công chúa Ả- rập, ừ rất Ả-rập. Thân thể đẹp như vũ nữ ba-lê. Vui ra vui, cũng mau hờn tủi khi chàng đóng vai Đạo Đức Thiêm hơi kỹ. Cây mới ươm phải bón phải rào. Tao rào cho nàng một bí danh rất bí là Sêhêrađát[(2)], xin tặng mày ít chục giấy hồng thơm, bì thơ có hình bồ câu và tim các cỡ to nhỏ...

– Tầm bậy! Quen sơ sơ thôi.

– Chàng là kẻ đa nghi, nhớ câu tin bạn mất vợ...

– Vợ thiên hạ, vợ của tao đâu mà mất!

– Hỏi thiệt nghen, mày giấu mày chết: tao giới thiệu cho mấy thằng còn mồ côi vợ ở bệnh xá, mày ưng không?

– Rất ưng. Cần thì tao thuyết giùm cho. Cô này tốt lắm mà tánh nết không hợp với tao, xin kính nhi viễn chi thôi.

Hảo cụt hứng không vặn thêm nữa.

Cậu ta mới lên vùng giải phóng chưa đầy một năm mà đã quen đất quen người ghê. Đến chợ Cây Sanh, Hảo kéo tôi vào quán mì Quảng “ngon nhất trong vòng mười cây số bán kính”, hỏi các món, gắt anh chủ quán bằng cái giọng người nhà:

– Thứ cao lầu Hội An mà đặt tên phở xào thập cẩm là bắt chước dại! Cho trước hai tô coi thử. Ừ, bia “băm ba”, hai ly pẹc-nô. Mày uống pẹc-nô hay quăng –trô?

– Thôi đừng quăng tao xuống ruộng!

Tôi bông lơn để tránh nói rằng tôi mù tịt.

Đời sống thành phố cũng lạ: một người đói lả ngồi bên một kẻ khổ vì thừa mỡ, đùi sát đùi trên tàu xe mà vẫn nguyên vẹn hai thế giới riêng. Hồi ở Đà Nẵng tôi hay mắc vào một bi kịch nhỏ. Bị cơn đói hành hạ sau buổi đạp xích lô, không dám ăn vặt vì bầy con ông cậu chưa đủ no, khi phải ghé nhà Hảo tôi rất sợ cái mùi xào nấu thơm lựng làm nước bọt ứa đầy miệng. Tôi chỉ bấm chuông hai lần bốn tiếng như đã hẹn, đứng bên cổng dặn Nga việc gì đó cần làm, xong chuồn gấp về nhà kiếm ít cơm cháy. Mộng Nga không bằng lòng, nhưng chỉ thấy tôi hơi tỏ vẻ "ly kỳ rùng rợn", làm sao hiểu được bụng dạ của người thiếu bữa.

Hảo thổi bọt bia, cười cười:

– Uống bia mới, nói chuyện cũ...Mày nghĩ kỹ chưa?

Tôi nhớ. Năm ngoái, Hảo tìm gặp tôi ngay sau khi ra vùng giải phóng Quảng Đà. Chúng tôi mừng lắm, buộc võng nằm ngoài vườn, uống bia và rủ rỉ suốt đêm. Hảo ngạc nhiên khi biết tôi là trung đội trưởng. Cậu hỏi rất thật:

– Hay mày bị phốt[(3)] gì, lên chậm?

Tôi chẳng có gì nổi bật, nhưng phốt cũng không. Hảo đắn đo lâu lắm, khi sắp ngủ mới thấp giọng:

– Tao chân ướt chân ráo, mới vỡ lòng làm cách mạng. Hễ mày không giận thì tao góp bậy một câu... Ai quen mày cũng phục mày thông minh, nhiều tài. Mới lớp bảy mà đã dịch được tiếng Pháp tiếng Anh, biết cả chữ Hán, thêm nghề thợ gia truyền nữa. Con Nga tới tiệm hình, thấy mày cãi róc róc với tụi Mỹ, tụi Gia-nã-đại, nhờ mày dịch mấy bài nhà trường đều ăn điểm cao hết, nó tôn mày làm thầy không bằng cấp... Yên, yên, tao nói hết. Chắc sai chánh trị hả? Mày lại theo cách mạng suốt bấy nhiêu năm, từ hồi hiệu đoàn đến giờ, cực thôi là cực, sao tới nay... vậy đó... Dốt mà hư một cây như thằng Lãng ghẻ ruồi, đi võ bị Đà Lạt, tháng trước ghé qua tao thấy đóng lon thiếu tá rồi. Không, tao không cho các ông trên đánh giá mày sai. Tao tiếc mày chọn nghề không hợp, dùng tài không đúng chỗ, mày xếp hết mọi thứ giỏi để đi cầm súng, thiệt uổng.

Tôi muốn kể thật cặn kẽ vì sao tôi cố xin nhập ngũ, được vào bộ đội thì cố xin ra trận, nhưng rồi chỉ cười dài. Quả thật cái triết lý sống

là điều nói ra dễ chạm nhất, dễ có vẻ thầy đời nhất, bởi những chữ lớn như Tổ Quốc, giai cấp, căm thù, anh hùng, đọc chỉ mất vài giây mà học trọn một đời chưa hiểu hết nghĩa. Hảo và tôi đã nối nhau bước vào trường đại học của cách mạng, mỗi đứa một khoa, cầm súng hay cầm xoranh đều tốt nghiệp thành con người mới... Tôi gói gọn tất cả vào một ham thích riêng cho xuôi tai Hảo, và tôi không nói dối. Tôi mê bộ đội lâu lắm rồi, từ khi lũ trẻ chăn trâu chúng tôi ùa theo níu tay các anh mặc xi-ta xám kéo qua làng... Không, lâu nữa kia, từ khi chú bộ đội đeo ba-lô trước ngực để dành lưng cõng tôi dọc đường Gò Găng ra Bồng Sơn, luôn miệng dỗ: “Nín cháu, nín, tàu bay nó nghe nó bắn”. Cái mẫu người ấy in sâu đến nỗi khi nhớ lại những anh tốt bụng mà tôi gặp hồi nhỏ, tôi đều mường tượng thấy họ mặc quân phục...

– Kìa Thiêm, uống đi mày! Buồn ngủ cứng mắt rồi à?

Tôi trở về với phút đang sống. Cái phút rất thú vị: tô cao lầu đứng trụ bộ ở giữa, chai bia và ly rượu thơm yểm hộ hai sườn, và tôi đang đói ngấu. Tôi ăn, khen ngon. Hảo gọi làm tiếp, tới đợt ba, sẽ chuyển qua phở gà. Tôi chợt hết thấy ngon. Hôm tôi đi, xê mình đã cắt người tìm chỗ dọn rẫy cũ, trồng sắn. Đơn vị đông, hễ kéo lên núi là lo chạy ăn chật vật, địch rải chất độc nhiều hơn trước, anh em kiếm củ sắn ghế không? - Vớ vẩn, ai khiến mày lo đời vậy - Mót sắn ở các rẫy cũ, phát cả gai rách tay rách mặt, đào thật là sâu, lôi lên được ít củ to nhưng lại toàn xơ là xơ, sắn ăn nhả bã

– Thì mày chung đói no với anh em đã lâu, ăn vài bữa ngon đã sao, đồ gàn!

Một cậu Hảo trong tôi đang bực với thằng Thiêm lẩm cẩm. Thằng Thiêm không cãi chỉ nhớ thôi, nhớ cồn cào. …

Tôi không nhớ riêng cô gái nào. Tôi biết tính mình đã yêu thì say, na ná như những ai chưa hề bị sốt rét thường bị cơn đầu tiên rất nặng, nên cố hoãn cái thứ tình cảm đáng ngại ấy đến quá tuổi ba mươi cho đỡ vướng bận. Mãi cho đến nay tất cả thương nhớ của tôi vẫn chỉ gồm hai mảng lớn. Một là gia đình họ hàng, với má tôi ở giữa. Những người bạn đường dài hợp thành mảng thứ hai, ở đó anh Ba Tơ nổi lên như tảng đá xù xì, thêm chú Dé, thêm mấy cậu

nữa, còn ở trung cảnh có Hảo, Dư, Mẫn, Mộng Nga, có ba cô du kích Quảng Ngãi được xê mình gọi lóng theo màu da là Út Bông, Út Than, Út Nghệ… Sau chuyến đi dài từ Tam Quan ra đến Tam Kỳ, sao tôi bỗng nhớ xê mình buốt ruột đến thế?

– Hảo hả? Phải Hảo không?

Một anh mặc bà ba xám chợt xấn xổ đi vào, túi dết đầy căng nẩy trên mông. Anh thở phì phò, quạt cái nón mới đến đứt chỉ rắc rắc, hỏi dồn:

– Có xăng không? Mượn gấp vài ba can, làm giấy đàng hoàng, mươi bữa nửa tháng mình trả...Thì xăng chạy máy chớ, đâu phải xăng đổ bật lửa

Hảo rót bia mời anh cán bộ kinh tế, cười:

– Nhè thầy thuốc mà hỏi xăng sao ông?

– Thì lâm bệnh phải bái tứ phương, thần nào nghe thần nấy giáng! Mới giải phóng năm bảy cái thị trấn mà đã lắm vấn đề, tới khi làm chủ Đà Nẵng, Tam Kỳ mới búi to. Cối xây cối giã của đồng bào quanh chợ để mọt ăn hết, mình phải giữ cho máy xát gạo chạy đều chớ. Máy bơm nữa nè, đội chiếu phim sắp về nữa nè…

– Ờ, ờ, nghề nào khó nấy. Ngang lưng thì cõng gói hàng, đầu đội phiếu xuất vai mang chứng từ...

Tôi ghẹo một chút chơi. Anh kinh tế được dịp khoe thêm rõ nhiều rằng cái thời gói hàng trên lưng qua rồi, bây giờ phải tính bằng xe bằng thuyền kia. Anh than thở, nhưng cặp mắt cứ lóng lánh như một bà mẹ đang kêu nuôi bầy con cực ớn, đậu sởi đủ thứ mà sao tụi nó cứ lớn phổng lên chẳng biết.

Máy bay địch vẫn cứ ồn từng hồi. Không cần xem cũng nhận ra trên đầu có ba tầng địch. Trên cao là tụi thần này ma kia đi đánh vùng xa, luồn hối hả qua các cụm mấy trắng và tảng mây đen, một bầy cá niên trốn lưới chạy ngược lòng sông đá. Máy bay tải và trực thăng chiếm từng giữa cùng với số chiếu đấu cánh quạt của ngụy. Thấp nhất là những cặp tàu rà quanh năm dòm ngó. Máy bay tăng vọt so với năm ngoái. Thế nhưng cuộc sống trong vùng ta cứ ngồn ngộn, sôi sục trào mãi về hướng Đông. Bước ngoặc lớn của cách mạng miền Nam đã hiện ra trước mắt, ngụy đang rã, Mỹ sắp vào, có

thể kéo theo một lần rẽ ngoặt nữa trong đời tôi nếu như anh Ba Tơ đoán đúng, biệt phái rồi từ biệt xê mình đi luôn. Đã rẽ thì không thấy gì nữa đằng sau. Đành vậy. Con chim ra ràng ắt phải rời tổ thôi, phải tự làm quen với gió lớn và chân trời mở rộng.

Chúng tôi dắt xe ra đường, đạp thong thả về chợ Minh Huy.

Cái ngày rộn rực này còn dành cho tôi một lần gặp nữa. Gặp người không quen. Đang đi bộ qua mộ quãng đường viền chông, tôi chợt để ý hai cái bóng áo trắng quần đen, môt lớn một nhỏ, từ trong xóm chạy tuôn ra theo bờ ruộng. Người đến trước là một chị khoảng ba mươi, dừng lại ngó tôi trân trân, thở, rồi quay đi nấc dồn. Em gái tới sau gắt hổn hển:

– Mẹ… cái rổ đâu? Con biết... không phải là cha mà...

Người mẹ cãi ấp úng, rất khẽ:

– Mày thấy mặt cha mày hồi nào đâu...

Hảo cười. Tôi không cười được. Cháu nhỏ tinh hơn mẹ, thấy tôi trẻ quá, còn mẹ cháu vẫn nhớ mặt chồng hồi mới cưới nhau. Những người thân không bao giờ già đi trong lòng ta, họ chỉ già đi khi ta gặp lại. Cũng khó hiểu vì sao sau phút nao nao đã lặp lại nhiều lần ấy, tôi không nhớ về xê mình mấy nữa, mà sốt ruột muốn mó ngay vào việc mới đang chờ.

Chú thích:

[(1)] Xe quẹt

[(2)] Tên một hoàng hậu trong chuyện cổ Arập

[(3)] Lỗi

Chương 7

Tưởng ai xa lạ, té ra đứng đầu H.68 là anh Điển béo lùn, trung đoàn trưởng, thầy cũ của tôi ở trường cán bộ trung đội. “Quảng Nam hay cãi” lời xưa chẳng biết đúng sai, chỉ biết anh cán bộ Quảng Nam này thích xốc xới chung quanh mình những cuộc tranh luận thật hăng máu, rồi lim dim cặp mắt ngồi nghe, từng lúc chêm câu khích đột ngột như ong châm hay vặn ngược một lẽ xem chừng rất vững.

Mới đến cơ quan được một đêm, sáng sau tôi xa vào một chầu “đại lý sự” như vậy.

Mỹ đổ bộ Đà Nẵng.

Hơn chục ông bạn phái viên, cũng là dân tứ xứ mới về như tôi, lập tức đổ bộ vào chỗ làm việc của thủ trưởng, một cái miếu ở góc xóm. Nghe đọc xong hai bức điện của quân khu, một loạt tin từ các đài và các hãng thông tấn, chúng tôi mới phát nhé, phát vô số cái biểu ngược nhau. Anh Điển vẫn cười đóng vai ông thợ đốt lò.

Tôi xúc động ít thôi. Bên cạnh số quân ngụy còn hơn nửa triệu, tôi cho vài chục ngàn tên Mỹ kéo vào chỉ đủ dấm ớt, chẳng khác đám lính mang cờ hiệu chạy quanh sân khấu khi vở tuồng sắp dứt, có máy bay tàu chiến đánh thêm mấy hồi chiêng trống trước phút hạ màn. Rất có thể chúng sẽ chiếm vài mảnh đất ven biển lấy chỗ cho tụi ngụy chạy xuống tàu. Có thể sau khi mất hết miền Nam chúng vẫn níu lấy dăm bảy cái căn cứ ỳ thần xác mà cò kè với ta. Đánh Mỹ chỉ mệt khoản bom đạn, chứ tụi bị thịt ấy ra cái thớ gì...

Nhiều ý kiến bác tôi. Mỹ sẽ trút sang nửa triệu quân, một triệu, nhiều nữa. Chiến tranh lan ra hai miền, sẽ tràn khắp Đông Nam Á, thế chiến thứ ba sắp nổ... Đủ các quẻ bói động trời!

Anh Điển nhét cái ống nghe máy thu thanh vào một tai, vừa lượm tin mới vừa theo dõi chúng tôi, tay lại sửa cái đèn ve rượu bạc hà, làm ba việc một lần. Khi bị anh em buộc phải “tỏ thái độ”, anh mới

đủng đỉnh xé làm tư tờ giấy đánh máy, quấn điếu thuốc rê to bằng đuốc, thở đủ ba khói mới chịu mở miệng:

– Mình mù tịt. Thiệt chớ.

Chúng tôi bật cười.

– Nãy giờ các cha xúm vô bẻ gãy cái chiến lược toàn cầu của Mỹ, nghe thiệt sướng lỗ tai, chỉ có đôi chỗ mình chưa hiểu. Cậu Dõng nè, cậu nắm kế hoạch Nhà Trắng cách sao mà biết nó đưa vô một triệu? Tay Trà cho nó xài mười vạn là hết mức, chắc không? Mình chỉ biết cắn cưa một điều là Mỹ không chịu nhả miền Nam, bấy nhiêu thôi.

Cái anh vậy đó, giả bộ ngờ nghệch mà sâu gớm!

– Mình lo lắm. Sắp đánh thằng Mỹ bằng xương bằng thịt rồi mà mình chưa hiểu gì về nó cả. Người nói nó ba đầu sáu tay, người tả nó như cục thịt thừa, nghe loạn ù. Cha nào biết bày giùm cho chút. Tư Thiêm, lính Mỹ nó công tử bột ra sao hả cậu? Biên chế, huấn luyện, trang bị, điều lệnh, tư tưởng, tác phong... Kể mình nghe với đi!

Chúng tôi mới đọc vài tài liệu chung chung, nghe lỏm một số nhận xét rất chiến lược về quân Mỹ mà đã tán phét tràn cung mây. Bị vặn tréo bản họng, chỉ việc ngó nhau cười trừ.

– Bây giờ ta ừ với nhau vế thứ nhất: Mỹ vô bao nhiêu cũng đánh, đánh phải thắng, thắng cho ta và cho cả thế giới nữa. Còn cái vế sau thì treo đó đã: quân Mỹ ra sao, đánh Mỹ cách nào cho ngon? Cả nước cùng tìm câu trả lời, có điều tụi mình lãnh việc nghiên cứu thì phải chia nhau đi tìm trước. Ưng chưa nè?

Còn phải nói!

Sau hai ngày bàn cách làm việc, tôi rời H.68, không đi Đà Nẵng mà ngược chiều về phía Nam. Số phái viên ra Đà Nẵng đã khá đông, vùng An Tân còn thiếu người theo dõi. Quân ngụy đang xây sân bay và bến cảng trên bãi cát dài nối liền hai tỉnh Nam Ngãi, lót ổ sẵn cho Mỹ vào đóng chốt. Tôi mang theo sáu trang đánh máy đầy những câu hỏi hóc búa, mới đọc đã tháo mồ hôi hột. Đã vậy, các cậu khác còn trầm trồ:

– Mày sướng đã đời, biết tiếng Mỹ, hốt được tài liệu hay bắt tù binh là ăn xổi được liền. Tụi tao vốn liếng chỉ có một tiếng ô-kê, chưa biết cạy gỡ sao đây!

* * *

Đã thành lệ, trong giờ đầu của chuyến đi các chú giao liên rất nghiệt ngã đối với khách lạ. Càng nhỏ càng làm nghiêm, cái nghiêm phải đủ để bù vào chỗ thiếu cân thiếu thước, tạo được sự bình đẳng giữa mười lăm và ba mươi tuổi. Dần dà các chú sẽ cho phép mình dễ tính hơn một chút nếu khách không ỷ lớn cãi liều, không mắc cái bệnh đáng ghét nhất là bệnh chủ quan, không quá ngờ nghệch khi gặp tàu bay đại bác hay giặc nằm kích. Các chú xuống thang từng bước, đề bạt khách lên từng nấc, tới cuối quãng đường mới biến thành chú cháu hay anh em.

Chú em tự xưng là Hùng Cường này cũng y vậy. Tôi nhìn hai cặp chân tay lòng không chưa có bắp thịt, đôi lông mày rất rậm, nhận ngay ra Ba Tâm em cô Mẫn, cứ im xem chú ăn ở ra sao. Tâm không nhớ tôi, dạo lụt chú chỉ thoáng gặp tôi vài lần, bộ đội lại đông và hao hao giống nhau.

Chúng tôi đi trong vùng giải phóng đang sùng sục hừng hực với cái tin Mỹ đổ bộ, như lửa đốt rẫy gặp mưa bóng mây. Bà con cứ níu tôi hỏi về lữ đoàn thủy quân lục chiến vừa vào Đà Nẵng. Tâm không bằng lòng, nhưng thấy tôi đối đáp trôi chảy lại có vẻ nể hơn. Chú bắt đầu cho biết rằng cánh Bắc Tam Kỳ “mở ra” mạnh hơn cánh Nam, rằng chị bánh bèo nhân tôm ở chợ Cây Cốc tăng giá đến ba đồng một chén là phạm chính sách nặng, rằng thôn Một Sa tức làng Cá sống sót đến nay là nhờ bộ đội cứu hết. Đến đây tôi phải cãi: bộ đội chỉ cứu hơn tám chục người, chính Ba Tâm cũng chèo bè chuối đi vớt bà con đấy thôi.

Tâm há miệng một lát rồi reo:

– Chết, hèn gì..anh Thiêm mà em ngợ miết. Sao hồi nãy anh không nói?

Tâm trách mãi chỗ này, làm như nếu biết tôi từ đầu chú đã cho tàu bay giấy chở tôi vèo đến nơi ngay.

Tôi nghe Tâm kể lu bù chuyện mới chuyện cũ về quê mình, đoán chừng phải trừ hao tới năm chục phần trăm bốc đồng thì còn đúng sự thật. Phong trào Tam Sa lên mạnh lắm, khí thế lắm, có điều "bị kẹt cái khâu cán bộ". Kẹt ra sao chẳng biết, Tâm chỉ nghe lỏm bác Bảy nói vậy; thím Chín bàn rút chị Hai Mẫn về làm thường vụ phụ nữ huyện mà bác không chịu, nhắm trước sau chị cũng phải gánh cái bí thư Tam Sa. Tôi giật mình khi Tâm ném cho Út Hoà một lời phê chí tử: "nó học khá mà đạo đức tồi", sau mới vỡ lẽ là cô em quá mau nước mắt và sợ máu. "Cứu thương gì nó. Ra trận chắc các anh bị thương phải dỗ nó nín, cõng nó về!". Riêng Ba Tâm cũng có một tâm sự rất sâu kín mà ai cũng rõ: chú ngán làm giao liên, muốn đi bộ đội chủ lực, không cũng về làm du kích làng Cá. Nhưng chú lại đang được chi đoàn cơ quan thử thách, chú sợ năn nỉ xin đổi việc thì sẽ khó vào Đoàn. Éo le cái chỗ đó. Chú thở dài não nuột: "Chị Hai giấu mà em biết, chỉ sợ em chết thì họ Phan mất nòi, phong kiến thấy bà! Nghe Mỹ sắp vô An Tân, em ngứa đánh quá. Tam Sa ở sát bên hông Mỹ, ưu tiên đánh Mỹ sướng nhứt, còn bắn tụi ngụy thì ra cái gì...". Chú nhổ nước bọt toách một bãi vào nửa triệu quân ngụy đầy mình súng đạn.

Tôi càng đi càng náo nức

Như con tàu xuyên vũ trụ, tôi đã rời khỏi sức hút của Bình Định và xê mình, đang lao mỗi lúc một nhanh về Tam Sa, về mảnh đất mang cái tên làng Cá lạ tai- cá mà lại chết đuối! Tôi không nhớ làng Cá như nhớ những xóm đã nuôi tôi suốt một mùa cày cấy hay luyện quân, ở đó tôi thuộc đến tên các cháu trong nôi và nhắm mắt đi cũng trúng ngõ. Làng Cá ở lại trong tôi chỉ bằng mấy nét chấm phá, nhưng mấy nét ấy được khắc bằng con dao lửa của cơn đau dữ dội. Trên khúc đường rẽ vào làng, tôi bước hẳn trên kỷ niệm, như đôi chân xốc lên những lỗ cát trắng nằm dưới lớp cát ướt sẫm màu sau cơn mưa nhỏ. Tôi đi thẳng vào đình làng, muốn ôm hôn chung một lần bấy nhiêu người thân gặp lại, đợi qua cái phút lồng ngực đầy ứ khó thở.

Ngôi đình có người mà như bỏ hoang. Không một tiếng động.

Người ngồi bàn giữa, ngay dưới cờ Mặt Trận và tấm băng lớn, là anh Tám Liệp chủ tịch xã. Vẫn khuôn mặt dài dưới tóc hoa râm,

dáng người cao lớn rất “có thớ”. Anh đeo kính trắng, đang viết. Quanh bàn bên phải có ba người cặm cụi tính sổ. Một người ngửng lên, nhận ra tôi gật đầu cười cười, cúi xuống. Đó là anh ba Thấn với cái trán dô và ngắn, bộ tóc úp nồi đất. Dọc cái bàn dài bên trái có anh Quì và một ai đó nữa, đều bận đọc và ghi.

Tôi lúng túng lùi lại, ngó quanh không thấy cái ghế nào, ngồi luôn xuống bậc cửa ra vào, rút khăn lau mặt. Ba Tâm đến chỗ anh Quì, giao mấy cuộn báo, xấp bì thư, đưa riêng hai tờ giấy đánh máy của H.68 và huyện đội giới thiệu tôi là phái viên. Anh này vào sổ từng bì một, xếp riêng ba công văn có lẽ là khẩn và mật, đặt giấy của tôi lên trên đem đến bàn ông chủ tịch. Qui củ đấy. Anh Liệp nghe rỉ tai, liếc ngược lên nhìn tôi bên trên cặp kiếng lão, gõ gõ cây bút máy, lại viết. Bộ máy chính quyền ở nơi gần địch này vẫn làm viêc nghiêm chỉnh, rất hay. Tôi luôn luôn trọng những người đang bận việc, say việc. Tôi xoay đầu ngắm chung quanh đợi gọi.

Cái lỗ thủ pháo đánh toác nền còn kia, trũng hình lòng chảo. Mái đình vẫn lỗ chỗ những dấu pháo chụp. À, đúng rồi cái mảng trống có cây mè bắt nắng kia nơi bà mẹ Mẫn dỡ ngói, buộc cái thúng dựng cháu Hoàn. Chao, tôi muốn bồng thằng nhỏ quá, coi nó lên cân nhiều không. Mẫn khoe nó bụ và khôn lắm. Tôi muốn rảo một vòng quanh xóm quá.

Nửa giờ, một giờ, một giờ rưỡi. Ông chủ tịch chỉ ngẩng lên để rút một điếu Bát-tô trong túi tài liệu châm lửa, lật một xấp giấy dầy, bắt đầu đọc. Có cái gì không thường trong lối đón tiếp lạnh ngắt này. Tôi ngờ ngợ khá lâu, chợt nhớ ra lá thư ngắn mà tôi gởi anh Bảy quai nón trước khi rời Tam Kỳ. Bận quá, tôi chỉ viết sơ sài rằng ở Tam Sa có vài đồng chí ít bám dân, hình như nội bộ lủng củng sao đó. Bấy nhiêu thôi mà bị đối phó ư? Đừng nóng, đừng nghi bậy, hãy cố giữ niềm thương hồ hởi đã cuốn tôi đi gấp về đây...

Ông chủ tịch cầm giấy của tôi lên, sửa kính, xem nhanh. Ông vẫy anh Quì lại nói nhỏ, rồi nói to với tôi:

– Đồng chí Thiêm à...mời đồng chí về nghỉ tạm nhà bác Mười, lát nữa chúng tôi tới trao đổi.

Tôi xốc ba lô theo anh Quì, chưa hết ngạc nhiên. Ngôi đình chết lặng này, cây đa mất màu tươi non, những bộ mặt bị quấy rầy, hình như tất cả đều phủ một màu sương khói, được dựng lại bằng sương khói, không thật.

Anh Quì đi thẳng đến cuối xóm, hất hàm về phía một cái cổng, dặn chúng tôi vào nhà ông thầy Mười mà đợi, bỏ đi luôn. Ông Mười tóc trắng như cước và râu đen lánh, đang nhậu một mình trên phản giữa. Ông túm vai tôi lè nhè:

– À, anh giải phóng. Ngồi, ngồi đây, làm một chén cho tửu năng hành huyết. Ngó mặt thấy quen quen, mà thôi, trước lạ sau quen... Ông về lo chuyện đánh Mỹ chớ? Mỹ tới xứ mình nói ô-kê, ô-kê, vị chi nó đòi cống nạp cái thứ gà đen cho nó ăn. Thuốc gì cũng không qua được ô-kê nhứt chích đem hầm nhừ. Ô tu hắc phát, xỉ lạc tái sanh. Mỹ nó biết vậy mới nhào vô... Thiếu gà đen mà đem anh lươn nấu cháo cũng là buộc lòng, vô ô-kê mới dụng thiện ngư...

Tôi nhờ Ba Tâm đi tìm anh Tư Luân và cô Mẫn. Văn phòng huyện nói anh Bảy quai nón cũng đang kiểm tra các xã chung quanh đây, tôi nên gặp. Gượng ngồi góc phản một lát, tôi đi tuột ra sân, để ông già say nói chuyện với cái ba-lô. Tới đầu ngõ tôi đứng thừ một lát lại quay vào: ông chủ tịch có thể đến khi tôi đi vắng. Ông Mười đang cố giảng cho cái ba-lô hiểu rằng Mỹ chiếm Cao Ly bởi thứ sâm Cao Ly hạp với tì vị của nó. Chán ngấy. Tôi xách luôn ba-lô và bao gạo xuống bếp, soạn các thứ ra nấu cơm ăn, cơm nắm.

Ba Tâm về, buồn thiu:

– Em không gặp ai hết. Chú Tư đưa bác Bảy xuống vùng cát hôm qua, chị Hai dời kho bí mật, anh Ri thôn đội mắc gài mìn...

Tôi vần cái ăng-gô cơm, kéo Tâm đi thốc ra đình. Người biến hết, chỉ còn tay Quì đang gỡ băng cờ. Cậu ta quay mông ra tôi, ngậm kim băng trong miệng, hỏi mãi chỉ buông vài tiếng lùng bùng. Tôi nổi khùng:

– Đồng chí lại đây!

– Làm gì mà…

– Lại đây!

Tôi rút hai tờ giấy giới thiệu đập xuống bàn, gằn giọng:

– Tôi cần kiểm tra công tác quân sự của ủy ban Tam Sa, ngay lập tức. Đồng chí nào sẽ báo cáo?

– Đâu còn có đó, bác Tám dặn anh đợi...

– Tôi không biết chú bác nào hết. Ai báo cáo?

– Dạ, để em sửa soạn cơm tối, chỗ nghỉ...

Tôi suýt cười phì khi thấy cậu ta đổi giọng rất nhanh, hai tay xoắn vào nhau như sắp vái. Lạ thật cán bộ Tam Sa... Cậu nằn nèo mấy câu nữa về chuyện ăn ngủ, làm như tôi chỉ hạch để đòi chất tươi, rồi thú thật là bác Tám đã "tạm lánh" lên Tam Trân, ở đây địch hay đánh úp lúc mờ sáng, lại có tin mai địch càn lớn. Tôi hết cáu, nhưng biết phải sẵng giọng mới ăn thua:

– Địch càn thì ủy ban chạy mất xứ, đúng vậy không?

– Dạ còn xã đội lo đánh chớ. Để em đi tìm...

Quì ôm cuộn băng cờ, tất tưởi ra cổng đình. Tâm lắc đầu:

– Ba trợn ba tráo chứ tìm cái gì. Tuốt một hơi lên quán bà Liệp ăn mì uống bia, rồi rút thiệt sâu vô xóm vắng mới dám ngủ. Đeo con thỏ to tướng trên lưng..

Chúng tôi ăn cơm xong vẫn không thấy ai đến hỏi, đành tự đi lùng xã đội.

Trời tối hẳn. Ngoài đồng ruộng luôn luôn có một thứ ánh sáng nào đó, không trăng thì sao, còn trong xóm tán cây che rậm trên đầu làm cho đất đen kịt, nơi có nhà thì mắt tôi bị loá đèn, qua khỏi mỗi khung cửa lại sa vào bóng đêm dày đặc hơn. Tôi thoáng so sánh thời mò mẫm băng đồng đi móc cơ sở, đêm xưa nổi dậy cả làng bừng lửa với cái cảnh tranh tối tranh sáng lúc này, khi một số xấu đã len vào hàng ngũ như giun sán vào ruột người, chễm chệ ngồi giữa đình làng mà làm oai làm phước. Ngây thơ, không được đâu Thiêm ơi! Hãy tự hào vì cái làng Cá đẫm bùn và máu năm ngoái đã lớn vọt lên thành làng chiến đấu loại khá, hãy chia nỗi mừng ngây ngất của bà con làng Cá được sống tự do sau cơn nước dâng pháo chụp, nhưng phải nhớ kỹ rằng tuổi lên mười, tuổi hai mươi, tuổi bốn mươi đều có những mối lo riêng bên cạnh những nguồn vui lớn.

Từng lúc, Ba Tâm để tôi đứng đợi, chạy vào một cửa sáng đèn hỏi tin chị hai và các anh chị, cô chú. Bà con không biết. Tôi vội tìm cán bộ nên tránh lộ mặt, sợ bà con giữ lại thăm hỏi lâu. Tôi biết cái nguy hiểm đang chờ, nếu thiếu người dẫn đường và hầm bí mật trong trận càn sáng mai. Pháo đêm nay im hẳn. Bọn lính ngủ sớm để dậy lúc ba giờ, giội vào làng trận pháo mở đầu...

– Hay ta lên Tam Trân, anh Thiêm?

– Không!

Tôi sẽ sục hết đêm qua bốn thôn giải phóng trên mé đường Một. Dù chỉ sót vài cậu du kích nhấp nhổm, tôi cũng nắm lấy, kéo họ đi chống càn, hạ được vài khiêng địch rồi rút đi đâu mới rút. Mảnh đất này đắt giá lắm, để giặc đạp chân lên dễ dàng là có tội với những người hiến máu giành lấy nó.

Đến cuối làng. Ba Tâm rẽ sang con đường ruộng qua thôn bên. Luồng đèn pha từ đường nhựa quét lên, chợt dừng lại rung rung trên đầu chúng tôi như một ống thủy tinh chứa bụi sáng. Hai bóng người đang đi tới. Tâm kéo tôi lùi lại, rút lựu đạn đợi. Rồi chợt reo nhỏ:

– Chú Tư ơi chú Tư!

– Ai như thằng Tâm...

– Tìm chú muốn chảy máu mắt! Có cán bộ trên về. Anh Thiêm, bộ đội.

Tư Luân bước sấn tới:

– Thiêm nào? Thiêm ở đại đội Ba Tơ hả?

Tôi nói luôn: “Đúng”. Anh ôm choàng hai vai tôi kêu khàn khàn:

– Hú ba hồn chín vía, tưởng lão bỏ luôn xứ này rồi! Khi nãy Hai Mẫn mắc dời kho, cho liên lạc xuống kêu mình, con nhỏ nói cà trật cà vuột, chẳng biết ai tên là Xiêm mà lại quen lắm, tốt lắm... Được lão về giúp thì ưu tiên hết sức rồi!

Từ con người anh bí thư chi bộ Tam Sa toát ra mùi mồ hôi nồng rất xốc vác và cái vui ồn ào, cả hai cùng một lần chụp lấy tôi. Tôi đang ngỡ ngàng, bị anh kéo tuột vào một căn nhà gần nhất, vặn to ngọn đèn chong trên bàn, gọi ầm:

– Cứ nhè thằng này bắt đền hoài: các ảnh đâu rồi, sao không thơ từ gì hết. Dẫn được một anh về làm thuốc đây nè. Nhận ra chưa, chị Biền? Tên gì nói nghe thử?

Mươi phút sau, nhà chị Biền đầy chật bà con trong xóm kéo tới, đứng đầy cả ngoài sân, thay nhau nắm tay vỗ vai tôi, cười to, lau mắt sụt sịt, hỏi một trăm câu tới tấp. Tôi say nhanh. Tôi lại hít thở cái không khí không lẫn được của những đêm vào địch hậu, có chất men nồng của trận thắng ban chiều và mùi na-pan trong tro nhà cháy, có cái hương nhớ đời của tình dân mừng tủi và bựa đồ hộp Mỹ bốc hôi. Đây mới thật là làng Cá của tôi, của Ba Tâm, của anh Luân, chị Biền.. Anh bí thư nheo mắt ngắm tôi, cười hề hề, chen từng câu trêu các bà mau nước mắt hay các ông mau quên. Rồi anh dang hai tay:

– Thôi bế mạc, giải tán, bà con về sửa hầm đặng mai chống càn. Anh Thiêm còn ở lại đây lâu, ai muốn mời chuối mít vịt gà cứ tự do!

Tôi hứa đâu ba chục lần sẽ đến chơi nhà bác, thím, anh, cháu, em, chị, cứ ngó mặt mà hú hoạ trong khi bà con lối xóm dặn dò trước khi về.

Chúng tôi quay lại đình làng.

Ngôi đình một lần nữa đổi dạng. Một ngọn đèn leo lét trong góc, che cái quạt mo tránh hắt ánh sáng ra ngoài. Năm sáu người ngồi quanh bàn đang nói khẽ với nhau. Tôi nhận ngay ra Mẫn. Lại một cô Mẫn khác nữa, còn những nét tươi khỏe của Mẫn em gặp dọc đường, nhưng cái vẻ dè dữ kia là của Mẫn chị. Mẫn chào tôi, mời ngồi, rẽ rọt nói rằng hồi chiều bận dời kho vũ khí nên chỉ có đồng chí Liệp tiếp tôi, sau đó nhường lời cho anh Luân với dáng bà chủ nhà lịch thiệp. Về mặt đối xử thì Mẫn là anh Luân với anh Liệp cộng lại chia đôi. Nhưng thôi cho qua, tôi nóng bắt tay vào việc lắm rồi.

Chi ủy Tam Sa họp mở rộng. Mẫn nghe tiếp các tổ báo cáo về sửa soạn chống càn, anh Luân ngoáy vội một thư hoả tốc để Ba Tâm mang lên huyện đêm nay - chú nhỏ xịu mặt, chắc nghĩ rằng chị Hai “âm mưu” đẩy thằng em ra khỏi trận càn- còn tôi đọc mấy dòng của anh Bảy quai nón gửi. Anh ở hầm và lội vùng cát mấy đêm liền. Út Liềm xuống ấp chiến lược nói qua lỗ thông hơi tiếng được tiếng

mất, nên anh Bảy chỉ viết chung chung là đồng chí phái viên nên bám chắc đội du kích Tam Sa, xây dựng bàn đạp ở thôn Một Sa cho tiện theo dõi căn cứ mới.

Ba Tâm ra đi một mình sau khi được chị giúi cho ít tiền và chú Luân đền công cái đèn pin mới nguyên. Anh Luân bóc gói thuốc Quân tiếp vụ, mời mỗi người một điếu còn lại nhét bừa vào túi tôi, nói chậm rãi:

– Lão đi tìm tụi mình chắc muốn chửi mấy cha cán bộ ở đây bỏ dân trốn giặc phải không? Cũng có đứa nhát đứa dạn lão à. Còn hai thôn chưa khởi được là bọn mình còn ngậm đầy miệng ớt, lo chạy mặt trước miết, để sau lưng lộn xộn không hay. Dân thiệt tốt mà cán bộ sanh chuyện hoài. Trị được Ba Thấn rồi, cũng đỡ đôi chút...

– Ủa hồi chiều ảnh làm việc ngay chỗ bàn này!

– Có hai cậu kèm hai bên phải chưa? Nó ăn cắp quỹ công mấy trăm ngàn, bây giờ đang tính sổ trả bớt lại, thành khẩn thì khỏi tù... Nghề đời nó vậy, đói cơm lạt mắm thì khem, no cơm mặn mắm thì thèm nọ kia. Hồi đánh giặc mửa mật thì biến đâu mất, bây giờ mới làm chủ vài miếng đất lại thấy nhảy vô kiếm chác. Hai Mẫn chưa kể với lão à?

Tôi thấy Mẫn đưa mắt cho anh Luân rất nhanh, nói hơi xẵng:

– Đang họp mà chú Tư!

– Liếc nháy gì! Làm bà chi ủy, nắm cả xã đoàn xã đội, mà cứ thút thít với bí thơ... Đừng hấm hứ nữa. Đồng chí Thiêm cũng là chi ủy viên chớ đâu phải trẻ nít, bây giờ về sanh hoạt với tụi mình, giấy tờ đủ hết..

– Thì.. để khoan đã. Đang lo chống càn, chú cứ ba đồng bảy đỗi tới sáng!

Mẫn nhìn cắm xuống bàn, tay xoắn mãi sợi quai các-bin, rõ ra không phải vì muộn giờ mà ngắt anh Luân. Chung quanh cười khà, ghẹo đôi câu bóng gió nữa trước khi họp tiếp. Chắc cái bí mật mà Mẫn giấu cũng chẳng ghê gớm lắm.

Trong càn, Mẫn sẽ nắm du kích xã đánh vùng Tứ Nhơn, anh Luân nằm hầm trong hai ấp chiến lược Nhị Lộc, nắm quân chìm. Mẫn hỏi vặn các tổ trưởng rất kỹ, có vẻ xét nét, còn anh Luân xoa cái cằm

nhổ trụi râu, gật gù cái đầu hớt trọc, dễ bằng lòng. Cả cách chia việc và làm việc đều hơi lạ. Ở các nơi khác cán bộ trai thường lãnh việc bên ngoài và hay bắt bẻ hơn các cô đôi mươi, đây ngược lại.

Tôi ngồi nghe khoan khoái của người đi xe chật đã lọt được tới ghế sau nhiều giờ lắc xóc, kèm theo một băn khoăn kéo dài: hàng cán bộ Tam Sa đang rối, tôi có thể bị cuốn theo những va chạm nhức đầu, khó làm việc chính. Ai đã đi điều tra căn cứ đều biết một bàn đạp lung lay gây lắm cái phiền. Bước ra khỏi xóm, bị phục kích. Mờ sáng về ngả lưng, bị tập kích. Đang viết báo cáo, bị lôi đi họp kiểm điểm một tay tham ô. Xin một người dẫn đường, cán bộ ngửa hai bàn tay trắng. Phê bình xã, xã lặng im nhưng gửi giấy kể tội về đơn vị. Vân vân, còn khối… Nhưng tôi không thể lựa chọn. Trong khu vực An Tân, tôi quen chỉ đúng có một xã, đúng hơn chỉ một làng Cá thôi, và cái quen biết ở nơi hằng ngày súng nổ này sẽ giúp tôi nhiều hơn mọi thứ giấy giới thiệu. Tôi ngắm những khuôn mặt gân guốc chung quanh, dừng lại lâu hơn trên gò má đen sắt mà hồ hởi của anh bí thư, trên cặp mắt trẻ và nghiêm của cô xã đội, dần dần thấy vững bụng hơn. Lớp cột này coi bộ chắc lắm đủ sức chống bão.

Chương 8

Một giọng trai nói sau lưng tôi, rất khẽ mà vẫn nghe hổn hển:

– Nằm yên, im, nó ngó mình trực chỉ...

Nhóm du kích nép trong mấy bụi chà là mọc trên sườn đồi, co mình giấu bớt chân tay. Những mũi lá nhọn chích vào cổ tôi rất ngứa ngáy, chịu vậy. Chiếc L.19 rà sát ruộng, bánh xe nó cách lúa chừng mươi thước, đang vòng qua trước mặt tôi, dưới thấp và rất gần, ước chừng lựu đạn ném có thể lọt buồng lái. Thằng ngồi sau ngước mắt nhìn chằm chằm vào chỗ chúng tôi núp, nó chừa râu mép kiểu đang thịnh hành trong quân ngụy. Tưởng như nó sắp hất hàm hỏi tôi: "Sao, hai trăm, chịu thì lên!", hệt một tay lái xe chở khách lậu. Không bắn nó được. Chúng tôi thất thế phải núp kín, thằng tàu rà kia càng nhởn nhơ, coi cái bộ tiểu nhân đắc chí của nó mà lộn ruột.

Nó rè rè bay lên, khuất sau đồi. Tôi quay sang Mẫn, vừa lúc Mẫn nói vội: "Đây như hòn đảo, phải vượt ruộng qua bên gò anh à. Đi men bờ bụi...". Anh em bẻ lá cắm thêm quanh người. Nguy rồi. Chiếc L.19 tắt máy từ trên cao đang đâm chếch xuống, thẳng vào mặt chúng tôi, không một tiếng động. Lửa chớp dưới cánh. Một nắm tay to và mềm từ ruột đất đấm ngược lên giữa ngực tôi. Tất cả tối sầm đi một loáng, lại sáng.

Tôi thấy mình nằm nghiêng thấy hai hòn đen từ máy bay rớt xuống trong khi cánh quạt của nó lại quay thành đĩa trắng. Hai trái lựu đạn phì khói mé dưới, nó ném hơi sớm. Mẫn há miệng to mà kêu tiếng nhỏ tí:

– Chạy qua bên kia! Ào đi!

Tôi nhào theo một lưng áo ướt đen mồ hôi, xuống dốc. Mặt dốc phủ những hòn sỏi rời làm chân trượt rào rạo, liên tiếp mấy người lăn tròn, đầu và chân xoáy lộn xộn. Tôi chỉ ngã ngồi một lần. Chiếc tàu rà quay lại. Chúng tôi đã thụp hết vào những bụi lau và mua ven ruộng. Nó xổ rốc-két và ném lựu đạn lần nữa vào mấy bụi chà là hồi

nãy, còn may rốc-két của nó là loại xuyên công sự nổ sâu, ít mảnh, nhờ vậy tôi thoát được trái đầu. Bị đồi cản, vòng quần của nó cũng rộng, chúng tôi kịp chạy. Nó vừa xoay đuôi, chúng tôi chạy "xăng mét" qua rẻo ruộng giữa hai chân đồi. Nhanh, gấp nữa, lỡ quân bộ tới kịp, quét súng máy... bờ ruộng, mương trổ, vũng lầy hiện và biến loang loáng dưới chân. Gần tới rồi. Nước ruộng chợt toé thành những vòi phun nhỏ bên phải tôi. Tiếng kêu lao xao dội từ mé trái. Bỏ mẹ, phóng ào tới quân nó chưa kịp dàn ra đâu. Luồng đạn đã xối dày và rộng hơn. Chíu chíu, chốc chốc, chủm chủm, nó quấn vào chân như dây rừng. Một cái gì rơi tõm. Tôi cúi chụp lấy, nghĩ nhanh đến một cây súng, kéo lê sợi dây to bản mà chạy thục mạng. Bụi cây đằng trước còn rung. Tôi thốc vào đấy, rúc vào mươi bước theo tiếng sột soạt đằng trước, húc vào một cái lưng rộng. Năm Tuất quay phắt lại, tay phải đỡ tay trái, há miệng định nói nhưng chỉ thở hồng hộc. Cậu Ri nhô ra ngó tôi, ngó xuống tay tôi, lắp bắp:

– Có... đủ hết... Chị Hai ơi...

– Anh Thiêm đâu?

– Tới rồi. Lượm súng rồi...

Luồng đạn thẳng bây giờ tuôn ào ào vào các chòm cây sau lưng tôi. Cây rung giật, cành văng tung toé, là bay thành luồng bão lá xói riêng một góc đồi. Chúng tôi đã lọt vào chỗ khuất. Tôi cúi nhìn vào cái vật đang kéo theo: Đúng là cây báng đỏ của Năm Tuất. Tôi định gắt anh ta rớt súng không lượm, mệt quá không gắt được, sau nhận ra tay anh đang túa máu, thôi luôn, cầm hộ anh vậy. Chúng tôi lại khom lưng chạy lúp xúp sau khi chiếc tàu rà thổi trái rốc-két thứ ba, lần này nó lảng xa luôn bàn giao chúng tôi cho cối gần pháo xa. Vài phút sau, tôi nhận ra một chuỗi pình pình đầu nòng của cối 81 chen trong tiếng súng máy. Vẫn chạy, tôi đếm thầm số giây chỉ theo thói quen chứ chẳng để làm gì. Lũ bắp chuối treo trên không khá lâu, bắt đầu rít. Tất cả cùng dừng lại dỏng tai, một người nhào sấp khi chưa cần. Tiếng rít nối dài. Vắng tiếng rắc rắc, tôi hô chạy tiếp. Loạt sét đánh xuống chung quanh vạt cây bị đạn thẳng chém nát. Khi chùm đạn cối khác chúi xuống, chúng tôi đã thoát khá xa. Nhoài người rồi.

Tôi vượt lên sát Mẫn, phì phò:

– Nghỉ chút... m- mệt...

Mẫn lắc đầu khoát tay ra hiệu gì đó, có trời hiểu.

Luồn từ gò sim qua vạt mua, từ vạt mua tới bãi bù-xít[(1)], tiếp tới những mảng tranh rậm quét đuôi vào tay ngứa rát, Mẫn không nói được nữa, vẫn không dừng. Tính chạy tới núi du di[(2)] hay sao. Nhưng tôi cũng ba hơi nhập một, không cãi được.

Vượt xong một quãng gai bớm rậm, Mẫn vừa nhô đầu ra chỗ nắng bỗng lùi lại, khoát tay – lại khoát! – chỉ vào vườn xoài bên phải. Tôi rướn cổ dòm, thấy một tấm gì trơn bóng lẫn trong màu lá, thấy một cái gáy người đỏ như tôm luộc, cuối cùng nhận ra hai chiếc M.113 tắt máy đứng rình sau các bụi cây, như cặp voi dữ vừa bắt mùi lạ, đang nín hơi căng tai. Không thấy tụi lính trong thùng xe. Riêng thằng Mỹ bắn trọng liên ngồi cao hơn để lộ gáy, nó đang ngó chừng hướng khác. Tôi thèm bắn nó đến run tay. Nhưng cả nhóm du kích đều muốn đứt hơi cả, đạn sắp hết, bắn xong mắc giữa gai rậm, xe đuổi theo chỉ cần nghiến xích đủ chết, khỏi quét đạn. Chúng tôi rẽ sang trái, bò thật êm dưới những sợi gai mây đan lưới.

Lánh được chừng năm chục thước nữa, lại nghẽn.

Trên dốc trước mặt chúng tôi phủ đầy rau tàu bay thả những chấm hoa trắng xốp lượn rập rờn dưới nắng như bầy ong lười. Tám chục thước trống, rồi đến những bụi ngũ sắc, sàm, dứa dại trải rộng đến sông Rù Rì, nơi có nước uống thoả thuê và nhiều chỗ núp tốt. Gay nhất là chúng tôi không biết gì về địch. Mới thấy của nó hai xe, còn đâu nữa? Đâm sầm qua khoảnh tàu bay này để húc vào họng đại liên của chúng đơm sẵn ư? Hay chúng sẽ xả đạn từ một góc kín nào đó vào hông vào lưng anh em?

Mẫn ngồi bệt xuống thở. Cô Chín Cang béo múp chen tới, thì thào: “Em khát muốn chết...”. Mặt Cang trắng như hòn bột bây giờ thành trái cà chua chín. Chúng tôi đều cháy cổ, dù hồi sáng đã uống no nước ruộng. Tôi nhìn Mẫn tái xanh, biết Mẫn sắp lả như dạo cứu lụt. Tôi hít mấy hơi để cản bộ ba mũi, miệng và tai đang tranh nhau thở, đi bẻ lá gài vào cái vòng ngụy trang mà một mình tôi có. Tôi dặn Mẫn cho anh em sẵn sàng bắn che. Mẫn vừa gương cặp mày rậm, máy môi, tôi đã bắt đầu bò qua bãi rau tàu bay. Nóng đít, nóng tay,

hoa tàu bay lẫn với hoa nắng nhảy nhót trước mắt, nhưng tôi vẫn nhìn quanh rất kỹ. Gần tới dãy bụi ngũ sắc đầu tiên, tôi rút cả hai băng đạn súng ngắn dự trữ ra cầm tay trái, trườn rất chậm, chĩa họng P.38 ra trước. Địch muốn xơi tôi cũng phải trả giá năm bảy đứa. Tôi luồn sâu vào bóng lá, sục kỹ một lát, quay ra vẫy nhóm du kích bò theo. Bốn cái bóng lổm ngổm nhích qua bãi trống, đít cao hơn hầu rồi đầu cao hơn đít, xốc những đốm bông xơ bay mù mịt thành mây. Chỉ còn bốn mống. Thảm hại không!

Đội du kích Tam Sa đã vỡ chạy.

Vỡ nát, chạy dài, phải nói thẳng như vậy, không thể màu mè là "vận động", là "rút khỏi xóm". Trong báo cáo gửi về H.68, tôi sẽ gạch đít thêm vào chỗ ngày tháng: 12-3-1965, để cái vô lý càng nổi rõ hơn. Trên khắp miền Nam ta đánh quân ngụy xác xơ tơi tả. Ở đất Tam Kỳ này làng chiến đấu đã mọc tua tủa chung quanh "tỉnh đường tỉnh Quảng Tín" và lấn sát thị xã. Khi tụi Sài Gòn réo cha cứu con với, khi cờ lâm nước bí thằng Giôn-xơn phải cắn răng chịu chửi mà đổ quân Mỹ vào miền Nam, ném bom miền Bắc, thì ở đây có một đội du kích bị rã, mạnh ai nấy chạy! Đó lại là đội du kích Tam Sa, mọc trên mảnh đất cháy bỏng căm giận, được bộ đội kèm nghề giúp súng, và được xếp loại đánh khá trong huyện!

Cái nhục ấy xát muối vào mặt tôi suốt ba ngày qua. Đã nhiều năm tôi mới một lần đánh giặc với khối bực tức đè trên lưng như cối đá, nó chỉ làm mệt người liệt chân, nó ngược hẳn với cái hận thù chắp cánh cho anh chiến sĩ khi lao theo mũi lê xé gió. Tam Sa... Một con suối mạnh bị nhiều bọt bèo phủ trên mặt. Tôi vừa khoả được một mảng bẩn, gặp nước trong, chưa kịp mừng đã bị cuốn ngay theo một dòng nước ngược ven bờ, quẫy hoài vẫn chưa ra khỏi chỗ xoáy.

Lỗi tại ai?

Không phải tại Mẫn hay anh chị em cầm súng.

Buổi sáng đầu tiên ấy, hai tiểu đội của Mẫn đánh rất khá. Mẫn chỉ huy chưa nhìn được khắp nhưng lại lắm mưu khôn, cho đốt khói chỗ này, kéo lá đằng kia, thằng địch cứ loạn ù. Tiểu đoàn địch mấy keo húc vào làng Cá lại bật ra, tôi đếm trong tầm nhìn được mười bảy

cái xác xanh vặn vẹo trên ruộng. Bỗng chị Biền luồn theo hào chạy tới, mắt đỏ kè, hét vào tai Mẫn qua tiếng đạn cối 60 nổ xâu chuỗi:

– Ba Thấn phản rồi!

Mẫn quay phắt lại, mắt trừng trừng trên mặt tái dần.

Đêm qua, hai cậu du kích giải thằng Thấn về trại giam đã cởi trói cho nó đi đồng: không ít tên gian ác chạy thoát bằng cái mẹo nhỏ này, quay lại trả thù những người dân đã vạch tội chúng! Còn may, thằng Thấn đang lo dắt địch đi càn, chưa kịp chỉ bắt người. Một cánh quân đã lọt vào xóm Đuổi, đang khui hầm bí mật, lại may nữa, cán bộ và du kích chưa ai xuống hầm.

Ngớt loạt cối, tôi nhô đầu xem. Mặt đường nhựa vẫn vắng. Có lẽ chúng đang sửa soạn xung phong đợt mới. Quân nó đánh rời rạc, thập thò, ngụy 65 mà. Cây đại liên núp sau bao cát quét vô hồi kỳ trận về phía Năm Tuất, luồng đạn chém lá tre tít trên ngọn, Một bàn tay đặt trên tay tôi vịn hào. Mẫn nói, hơi run:

– Anh ngó chừng giùm, em thu xếp...

Tôi gật. Một đứa làm phản, bao nhiêu đảo lộn xô tới. Chiếc L.19 đang vẽ số 8 trên xóm Đuổi. Mẫn nói với chị Biền đằng sau, giọng đanh hẳn lại, tôi nghe lọt tai từng mẩu:

– Út Liềm ở luôn với chú Luân... Được, số đã lộ cho lánh tạm ra ngoài, mà đừng chạy hoảng... Không, cán bộ đầu ngành thôi... Diệt cho được thằng chó.. Vậy nghen. Chi ủy giao chị nắm lực lượng chìm...

– Được, mày đánh đâu mặc kệ, trong này để tao chèo chống, khỏi lo đi.

Du kích rút về xóm Giữa. Bà con ở đấy chạy nhào tìm Mẫn. Mày biết chưa, bây giờ làm sao chị, tổ cha cái thằng ăn cơm ỉa cối, ông Liệp cứ bênh nó hoài, chuyến này nó oánh mềm xương hết, tao đi Tam Trân, em chửi nó một trận hôm qua mới nguy, bác phải né xuống Tam Hải cái đã... Tối tinh rối mù.

Giữa lúc ấy, tai hoạ chụp xuống.

Bốn năm cây trung liên ào ào xả đạn vào lưng đội du kích. Một cậu ngã vật, Năm Ri chỉ kịp lượm súng. Mẫn hét một tiếng thừa:

“Chạy!”. Anh em đã tán loạn hết. Tôi bám lưng áo nâu của Mẫn. Địch ó ré, nổ súng khắp nơi. Cái gì quất bộp bộp trên lưng tôi. Tôi vẩy hai hát súng ngắn vào một nửa ngực vằn vện nhô khỏi góc tường. Lại bắn hú hoạ vào chỗ hàng rào phì khói. Nhảy qua một thằng nằm ngửa, rảy hòn chì giữa bụng nó, chạy xa tôi mới nhớ nó là xác chết. Nửa giờ sau, dừng lại thở trong một bụi rậm ngoài gò, tôi vuốt khắp người tìm vết thương. Quái lạ, tôi không bị thương. Chỉ cái ống lương khô đeo thắt lưng bị hai viên đạn dùi bốn lỗ. Bao bi-đông bị xé một đường vải. Coi như còn sống. Chạy chung với nhau có ba chúng tôi, bốn cây súng, hơn chục đạn.

Đêm ấy, chúng tôi bò vào làng tính đánh trả đũa, húc phải một ổ phục kích. Nếu tụi địch không hoảng bắn sớm, chắc chúng tôi có người phải cõng. Thằng Thấn dẫn lính biệt động bọc lưng đội du kích, cũng biết hết các đường ngang lối tắt cần phục hay gài mìn. Quân chúng kéo tới làng Cá rất đông, sáng hôm sau kéo đi sục các gò hoang, có thêm trực thăng và M.113. Chúng tôi vừa bắn tỉa một cánh quân đi bên kia rẻo ruộng, lập tức bị đại liên và cối từ ba đỉnh gò châu vào giội mưa đá, suýt chết, chạy mãi mới đánh lạc được thằng trực thăng đuổi dai, bắn như trâu đái. Cây trường Mát của Năm Ri gãy báng, cậu chỉ bị rạch thịt một vết ở đùi. Cô Cang ôm bụng rên từng lúc, hỏi chỉ đáp ấm ớ, chắc đau bụng kinh. Tôi khỏe và lành lặn hơn cả, nhưng lạ đất lạ người không thể dẫn đầu, đành chịu làm một toa đen hậm hực móc vào cái đầu máy sắp liệt là cô xã đội trưởng.

Ban nãy Mẫn ngã một keo nặng khi chạy xuôi dốc, tôi đi sau không kịp đỡ. Cái thế từ trên cao đổ xuống vốn là thế xung phong ở Đèo Nhông, nó rất thoải mái khi tôi sải chân đuổi địch. Còn khi bị địch rượt bắn, phải chạy lom khom với cây súng rỗng rất vướng, thì xuống khổ hơn lên nhiều lắm.

* * *

Chúng tôi đến sông Rù Rì khoảng bốn giờ chiều. Bên kia sông là cánh đồng lớn của Tam Trân, không vượt được, một cặp trực thăng đang rà thấp, dùng gió cánh quạt rẽ lúa tìm người. Chiếc sau đeo cái loa bên hông như bìu nước, thỉnh thoảng gọi cầu may: “Nè, anh

kia ra đi, thấy rồi!". Đành phải nằm lại đây đợi tối, địch ùa tới thì đánh bằng báng súng và đá cục.

Đang rẽ lá đi ngược sông, Mấn chợt dừng lại, chỉ vào con đường mòn chạy trước mặt, băng qua lòng sông cạn bằng một vạch sẫm do chân người cọ sạch rêu trên đá đen.

– Nhảy qua, đừng để dấu!

Tôi hiểu. Một cánh quân khá đông đã qua đây, để lại lối đi hoàn toàn mới. Địch ở đâu, làm gì? Nhóm du kích tách khỏi dân cứ chơi vơi, chống chếnh. Chúng tôi bịt mắt bắt dê, không, bịt mắt chạy tránh một bầy chó dại đang sủa gâu gâu khắp bốn chung quanh. Vết giày răng chó chĩa mũi về phía Tam Trân cả, nhưng trên ấy không có tiếng súng, hẳn địch nằm phục dọc rặng cây bên kia sông.

Chúng tôi đi luồn và bò thật êm giữa các bụi lau cứa mặt, gặp một nhánh suối con. Uống vội một bụng nước no, múc đầy bi-đông của tôi, lại đi. Pháo 105 từng lúc nện rung đất mé sau, có lẽ chúng bắn vào chỗ lội có nhiều bông bạc mà tôi với Mẫn đã dừng nghỉ dạo xưa, gần con mương cũ tránh pháo rất tiện. Thằng Thấn khai với địch không sót một sợi tóc.

Cuối cùng, Năm Ri tìm được một rãnh nước xói khá sâu, lau mọc phủ kín miệng, núp tốt. Chúng tôi lách vào đấy, ngồi rải xa nhau. Tôi giành ngồi ngoài cùng. Trong nhóm, chỉ riêng cây P.38 của tôi còn đạn, mà cũng một mình tôi bắn thạo súng ngắn, đóng vai "đồng chí hoả lực" là phải. Bọn xe M.113 chia nhau sục các gò, lẩy trọng liên từng chuỗi năm phát rời để báo chỗ cho nhau. Cặp trực thăng vẫn phành phạch kiếm mồi trên đồng. Đáng ngại nhất là đạn pháo cứ tránh chỗ chúng tôi: quân bộ rình gần đây?

Khi tai bớt ù, tôi chợt nghe một tiếng lạ. Như ai đang thở mạnh. Như ai sổ mũi... Tôi quờ ngón tay cái hất mẩu hãm cò súng, nhô đầu ngó quanh một vòng. Lá không động. Quay lại sau, tôi thấy Mẫn thổn thức.

Mẫn ngồi xây lưng phía tôi, dựa nghiêng vào thành đất, úp mặt trên hai bàn tay vịn một rễ cây đâm ngang, nấc nhè nhẹ. Mảnh áo bà ba rách trên vai Mẫn rung, ngừng, lại rung. Cây các-bin rỗng

dựng bên cạnh, vấy bẩn, ngơ ngác như đứa trẻ mồ côi. Trong nạn lụt, mẹ chết, nhà trôi, Mẫn lại không chịu khóc.

Tôi biết phụ nữ mau nước mắt, cũng biết nên để họ khóc cho nhẹ người chứ không cần dỗ. Vào dịp khác, có lẽ tôi đã trêu cho Mẫn cười: "Bà Trưng Nhị dẫn quân chạy tới bờ sông Hát rồi, tính làm gì nữa? Nước cạn, nhảy xuống chưa đủ ướt áo...". Đại khái vậy. Lúc này thấy Mẫn khổ quá, tôi không dám bạo miệng. Tay áo Mẫn gần đứt rời, phơi một mảng toạc da đỏ hỏn ở cùi. Hai bắp chân xếp một bên, đầy những vết gai xé chi chít, màu đỏ loang trên máu đen. Tôi chợt nhói trong ngực: Mẫn sắp nằm liệt rồi! Hai bàn chân không dép đã rách nát, mấy mảnh da lật ngửa, máu ngấm qua bùn khô đọng thành giọt trên gót. Chết chưa, Mẫn cứ để vậy mà chạy qua đá sỏi! Bộ đội chúng tôi chăm chút đôi chân rất kỹ, bởi quanh năm phải hành quân với ba bốn chục cân trên vai, động đau chân là lập tức làm khổ anh em mang giúp, có khi phải khiêng cả người, như xe nổ lốp biến thành đống sắt nằm ỳ. Có thể một cô du kích không đi xa vác nặng đến vậy, nhưng liều như Mẫn kể cũng quá liều!

Tôi cởi bao lưng, lấy gói bông băng, ve thuốc đỏ, đôi tất dài. Tất là của quí trong đêm lạnh, lúc nẻ chân phải bôi mỡ, nhất là khi bị thương ở chân mà phải qua vùng nhiều vắt, đỉa. Tôi nhích lại bên Mẫn đằng hắng, ghé bên tai:

– Nè... băng chân đi Mẫn.

Mẫn giật mình. Không quay lại, Mẫn nhấc trán khỏi bàn tay, im một lát mới thì thào:

– Gì, anh?

– Cô què đến nơi.

– Em... có bị thương đâu...

– Ngó xuống chân thử coi!

Mẫn quệt mắt rất vội, ngoẹo cổ nhìn, bật kêu "ồ". Thì ra Mẫn không biết chân mình nát. Vẻ bối rối hiện rõ trong đôi mắt còn ướt.

– Dạ... để tối nay bôi thuốc...

– Băng ngay bây giờ, đừng bướng. Ai cũng mệt đừ, không cõng cô được đâu. Để yên tôi rửa!

Tôi cố ý lên giọng đàn anh cho được việc, càu cạu như ông thầy thuốc khó tính.

Mẫn vừa rụt rè duỗi chân ra, lại co ngay, chúm môi, trỏ ngón tay về phía sông. Tiếng chân lội nước nổi to dần. Mấy tiếng gắt. Dao phạt lá soàn soạt. Cánh quân phục kích đang rút vào làng, vẫn xuyên bờ bụi tránh mìn. Còn phải coi chừng chúng gài lại một số phục đêm. Cặp trực thăng mở rộng vòng quần, xổ hơn chục trái rốc-két cho nhẹ bụng rồi cũng phới. Dễ thở rồi. Một cụm quân địch nổi lửa nấu cơm trên đỉnh gò, cách chúng tôi chừng năm trăm thước. Các cụm khác đóng rải rác xa hơn.

Chúng tôi xuống sông rửa. Cái việc rút sang Tam Trân đã thành tất nhiên, không phải bàn nữa. Nấn ná quãng này, mai địch lùng kỹ thì hết chỗ trốn. Tôi lội qua sông, nghe ngóng, rồi lách tới ven cánh đồng. Những ngọn cau của xóm bên kia đã in bóng lá trên nền mây đỏ gắt. Tôi xem thế đất, chọn được một lối vòng tốt. Nửa giờ nữa sẽ đi: lúc ấy ánh sáng vừa tắt nhưng trên đồng chưa đủ tối để đèn dù soi rõ người. Vẫn cần ngụy trang kỹ.

Tôi quay về, vừa nghe Mẫn nói với ba đồng chí kia:

– Bây giờ anh Năm với chú Ri đưa anh Thiêm lên Sáu Trân, nói chị Bỉnh xã đội xếp chỗ cho ảnh nghỉ, nhắm chừng nó muốn càn thì cho người đưa ảnh về huyện. Tôi với Cang ở lại đây. Mai chắc nó phục hướng khác, khỏi lo...

Tôi sửng sốt. Mẫn tiếp rành rọt:

– Anh Năm tìm chú Liệp, yêu cầu góp hết số du kích chạy lên Tam Trân, cho về chống càn. Hễ chú Liệp không chịu làm... thì đồng chí tự làm việc đó. Chi ủy đã biểu quyết... đa số... từ nay không có cán bộ lưu vong, du kích lưu vong nữa đâu.

Mẫn ngập ngừng trước khi gằn giọng nhấn câu cuối. Năm Tuất chỉ gật đầu, Năm Ri thở sượt một cái. Cô Cang cứ híp mắt cười một mình, khuôn mặt tròn từ màu cà chua đã ngả về bánh trôi như cũ. Không ai để ý đến tôi.

Mặt tôi rân rân như áp vào búi cỏ may. Tôi xấu hổ.

Con suối trước mặt, dù được gọi tôn là sông và có những bông bạc dễ thương, đối với tôi chỉ là một dải nước cạn như trăm ngàn

dải nước khác. Trên đường hành quân, nếu bộ đội không dừng ăn cơm thì tôi chỉ cần truyền vài tiếng ra sau: “Qua suối, xăn quần”. Đối với Mẫn, nó là ranh giới giữa vinh và nhục. Mẫn đã thề sống chết với đất Tam Sa. Bước qua suối là phản lời thề. Mẫn ở lại để không ai có thể trách du kích Tam Sa đã bật khỏi xã đến người cuối cùng. Trong những năm xưa đen tối, những ngày ác liệt bây giờ, cần có những đồng chí sẵn sàng thắp mình để giữ và truyền ngọn lửa thiêng. Cô em thút thít ban nãy biến mất. Đồng chí Mẫn ngồi đấy, đôi mày rậm hơi cau nghiêm khắc xốc lại trên vai cái trách nhiệm chi ủy viên phụ trách quân sự của Tam Sa, phải bám sát dân, quần sát giặc.

Còn tôi?

Tuy mấy hôm nay rất bực vì phải chạy đua vượt rào, nhưng lúc này tôi vẫn nghĩ theo hướng tiếp tục chạy dài, như cái xe xuống dốc đứt phanh. Là phái viên của cấp trên về xã, sao tôi lại định “đánh con bài xì chuồn”? Hay là, như vài cậu giỏi kiếm chất tươi hơn kiếm việc, tôi chỉ xưng chức tước và khoe súng ngắn khi cần các cô ngắm và các mẹ đãi gà, nay lâm trận thì bỗng trở nên hết sức khiêm tốn, tự mình bóc cái nhãn dán trên ngực, lặng lẽ vắng mặt? Về ăn nhậu ở quán bà Liệp, tán phét với những cán bộ cũng “lánh càn” như mình, cố bào chữa cho nhau rằng tránh voi chẳng xấu mặt nào – từ đấy suy ra ai không tránh voi là dại - bày ra một việc gì đó để chạy lăng xăng, tỏ vẻ bận rộn, đợi địch rút khỏi Tam Sa mới quay về làm le[(3)]như cũ? Hừ...

Tôi báo vắn tắt rằng tôi ở lại. Mẫn luống cuống can, nhưng tôi đã bắt chước cái vẻ “đừng cãi mất công” của Mẫn.

Năm Ri cởi dép, bứt cái lá chà là to, tách đôi làm que xỏ lại quai dép cho vừa chân Mẫn. Chín Cang băng cánh tay bị thương của Năm Tuất, Mẫn soát các súng, giữ lại một cây còn hai viên đạn. Tuất và Ri băng ruộng ra đi lúc nhá nhem.

Ba chúng tôi ở lại. Đêm nay ăn no ngủ kỹ lấy sức, không vào làng vội. Cang đi mò nhổ sắn ngoài gò, Mẫn đào bếp trong lòng con hào trời cho, cả hai đều cấm tôi động tay. Phụ nữ mà. Tôi treo bi-đông đun nước ấm, pha thuốc tím, một lần nữa ra lệnh cho Mẫn đưa cặp chân rách. Mẫn rất hoảng và ngượng, nghe lời tôi mà luôn miệng

xuýt xoa vì “vô phép quá, làm rầy anh quá”. Tôi băng kỹ, đi tất cho Mẫn và dặn rất kẻ cả:

– Tôi làm một lần thôi, sau cô phải tự rửa tự băng đúng y vậy. Hồi nào muốn bỏ băng, cô phải hỏi tôi trước, nhớ chưa?

– Dạ nhớ.

Chúng tôi cùng bật cười, hết ngượng. Thật ra tôi cũng mất tự nhiên khi cô Cang về với cái miệng không bao giờ ngớt tủm tỉm. Mẫn có nụ cười xinh hơn Cang nhiều, răng nhỏ đều hiện trắng muốt giữa môi tươi, kèm một tia mắt tinh nghịch ánh lên qua hàng mi dày. Mẫn không biết Mẫn đã cho tôi một bài học đích đáng.

Chú thích:

(1) Cây cứt lợn

(2) Núi thăm thẳm

(3) Làm điệu, phô trương

Chương 9

Đạn 105 bay soàn soạt như vò lá chuối khô trên đầu chúng tôi từ gà gáy nhì, bây giờ thêm lũ 155 rống ò ò như bò đòi mở chuồng. Địch bắn dồn vào Tam Trân.

Bên kia cánh đồng, trong ánh sáng lờn lợt của buổi tinh mơ, những cột khói phì giữa tre nổi màu trắng rất đặc, hoà vào sương sớm, họp thành một lớp bông xốp đè xuống làng. Nhìn từ xa, một trận pháo có vẻ thật dễ sợ: xóm làng co lại nhỏ xíu bẹp gí, mỏng như giấy cắt, còn những cây nấm khói có lõi lửa thì mọc lên phùn phụt, trên ruộng và ngoi cao, phủ lấp tất cả, nuốt trời nuốt đất. Không biết bao nhiêu thằng chỉ huy của địch lỡ dại tin vào cái cảnh lừa mắt ấy, đã nướng cả đơn vị trong lưới lửa của ta, không mất mạng cũng mất lon. Trò đời, chẳng có cái dại nào giống cái dại nào, mà không tin ở chất nổ thì chúng còn biết tin ở thứ gì?

Càn lối cũ thôi. Pháo bầy, rồi máy bay ném bom, rồi hát-u bắn xịt đùng mở đường cho H.34 đổ quân nhét nút, trong khi M.113 và quân bộ kéo lên như đàn mối kiếm ăn, mối chúa đi lẫn với mối con. Sau ba ngày cào bới đất Tam Sa, địch đã càn rộng ra sau lưng chúng tôi. Du kích Tam Trân mới nhận hai trung liên Mỹ, đang hằm hằm lập công, và lối cầm quân của chị Bỉnh cũng bề thế vững vàng như cái vóc người đồ sộ của chị. Lũ trực thăng vừa phành phành bay qua được vài phút, tôi đã nghe súng nhỏ dưới đất nổ từng loạt rất mạnh và đều, sướng cả tai, chỉ huy cừ lắm. Một lần nữa tôi muốn trêu cô "tư lệnh không quân" ở đây, lại nín được. Cậu Duy Hảo tuyên bố sẽ xây nhà máy thủy điện mạnh nhất thế giới chạy bằng nước mắt đàn bà.

Ba chúng tôi ăn hết một vác sắn luộc, ngủ gần mười tiếng – chỉ hai lần bị cối 81 đánh thức – đã khỏe lại. Khoái nhất là chầu tắm giặt. Tôi còn cạo râu nữa, người cứ mới tinh, mấy ngày bị giặc đuổi lùi tít ra xa. Bây giờ Mẫn vành tay lên tai, cố gạt những tạp âm của tàu bay đại bác sang bên, lọc lấy những tiếng động phía làng Cá.

Chín Cang leo lên cây, nhún chân thử từng cành xem có chịu nổi hai phần ba tạ không, báo rằng các cụm quân đóng rải trên vùng gò đã rút. Tôi cũng trèo lên cây xem địch càn Tam Trân, cao hơn Cang, bắt được tiếng xe gì rít rống lộn xộn trong làng Cá, dội nhiều tiếng sắt hơn M.113. Xuống đến đất tôi mới nghĩ ra: xe ủi đất.

Mẫn cắn môi:

– Lôi thôi to. Nó làm đường ô-tô, chở thép gai tới, rào ấp... Hèn gì sáng giờ súng nhỏ nổ lốp đốp hoài!

Tôi không hiểu. Mẫn cho biết đó là dân đấu tranh và địch bắn doạ. Bà con xóm Giữa kéo ra vây lính, chúng mới bắn mấy loạt tiểu liên ban nãy, còn súng trường nổ tiếng kép nhiều lần là địch dồn đông bào ra nhổ chông ở bìa làng chiến đấu.

– Để anh coi, lát nữa nó lại bắn ra gò cả thúng đạn. Chắc có cối nữa.

Mẫn vừa nói dứt, mấy cây trung liên đã xổ đạn rào rào về hướng chúng tôi, thêm mười trái cối 60. Tôi ngẩn người, chịu Mẫn đoán tài. Thì ra bà con xóm Giữa đã hù địch cả chục lần rồi. Bị ép đi nhổ chông, các bà cách chị thập thò bước ra ven đồng, dòm dòm, rồi đâm đầu chạy và hét: “Việt cộng bên gò kia!”. Dù tin hay ngờ, địch cũng phải bắn một mớ ra đồi.

Chúng tôi phải về bám làng bắn bia, không cho địch lùa dân ra phá chông mìn.

Mẫn nhất định đi đánh với cặp chân quấn băng và đi tất to sù. Cang ở lại đây phòng có người đến tìm. Cây báng đỏ còn nổ được hai phát. Mẫn tìm ra ba viên đạn còn sót trong một băng thay vội giữa trận, mừng hơn được ba thỏi vàng, cây các-bin liên thanh sống dậy. Chúng tôi len lỏi gần hai tiếng mới đến gò Trúc, chỗ bến phà cứu lụt năm ngoái.

Bên kia cánh đồng, cụm tre cau nhô giữa lúa như vắng ngắt, nhìn lâu mới thấy những bóng mũ dưa hấu thập thò sau rào như sâu xanh nhấm lúa. Mẫn nhảy xuống một hố đất nẻ. Chúng tôi nhìn nhau cười: một kỷ niệm chung, hai đứa cùng bắn chiếc AD.6 ở đây, tôi giật chân cho Mẫn ngã nhào tránh rốc-két. Miệng hố phủ cỏ xanh rì, ngụy trang sẵn cả.

Chúng tôi đợi không lâu. Bia thịt dẫn xác ra kia, một nhóm lính ốp bà con đi phá chông. Nhiều bóng bà ba đen, nón trắng. Tôi chĩa súng vào thằng địch đang chỉ trỏ, chắc hạ sĩ trung sĩ gì đó. Mẫn đập vai tôi:

– Đợi đã anh. Rán hạ được cha con xã Chinh hay thằng Ba Thấn, đáng tiền hơn.

Tôi lại vấp ở chỗ bộ đội chủ lực hay vấp: chỉ chăm chăm diệt lính địch, quên tụi ác ôn địa phương, đôi khi đánh thắng to mà đồng bào khó nổi dậy. Nhắc nhau mãi "đừng cà nhắc một chân" mà vẫn ít nhớ.

Địch bắt được hơn hai chục bà con đi nhổ chông, sau thêm mười người nữa. Họ giằng co với lính chán mới bước xuống bãi, nhổ một cây lại vặn lưng năm bảy phút, nhưng dần dà cũng phải nhích tới. Ba con mồi cần bắn nhất không chịu ló mặt. Giữa bãi chông có mìn gài rất kín, dây mìn nối vào gốc chông. Phải nổ súng cho đồng bào lấy cớ mà rã đám ngay thôi.

Năm viên đạn tất cả, chi cho trận mở màn phản công này hai viên, chia hai đợt. Tôi nhường Mẫn bắn phát đầu. Mẫn lắc. Cứ như các cụ ngồi vào mâm, mời nhau cầm đũa trước. Chúng tôi đều biết rằng viên thứ nhất rất dễ trúng đích, sau đó người bắn vẫn ung dung, bởi địch chưa nhận ra hướng ta núp nên chỉ nằm bẹp quét bừa. Người thứ hai bắn khó trúng hơn, lại hút hết đạn về phía mình. Những thằng địch rất sợ phát sau, vì nó báo rằng du kích cố bám riết.

Mẫn chặc lưỡi, cười:

– Thì thôi, em nhận. Bộ đội nhường du kích mà.

Phải để dành cái hố lát nữa tránh đạn. Mẫn bò đến một bụi ngũ sắc, lùi vài bước, giương súng. Động tác khá nhuyễn, chọn chỗ nằm cũng tốt, luồng khói phụt ra sẽ được lá rậm che khuất. Cô xã đội này không có chút gì là "cán bộ làm đẹp phong trào" như con nhà lính chúng tôi hay ghẹo.

Thằng lính ngồi xổm trên bực đất bỗng chúi sấp xuống bãi chông, giãy vài cái như bươm bướm, duỗi cẳng. Tôi vỗ tay nhẹ vào báng súng, rồi vẫy cho Mẫn rút trước. Mẫn lại lắc đầu, bò đến hố trong khi đồng bào bên kia chạy túa vào xóm và địch bắt đầu vãi đạn tơi bời.

Đến lượt tôi.

Trước mắt Mẫn, lỡ tôi "bắn cảnh cáo" thì ê mặt lắm, chỉ còn nước mang ba-lô đi tìm đầu ban, nghĩa là cuốn xéo... Tôi cười thầm trong khi căng mắt tìm địch. Học trò cưng của xạ thủ Ba Tơ không thèm bắn tụi lính tôm tép đâu nhé. Mãi rồi tôi cũng chọn được con thịt cao giá: Một thằng cao to đềnh đàng, đứng trong quãng hào xa, đang khom lưng chiếu ống dòm qua gò. Ba trăm rưỡi thước nằm bắn, chơi được, coi bộ cây báng đỏ này không mắc tật nguyền gì. Tôi bò đến chỗ Mẫn vừa nằm, tháo bao lưng kê súng cho chắc. Bỗng dưng, đố biết vì đâu, tôi thấy ngực mình rất ấm như có hơi người truyền sang, gây một cái gì lẫn lộn cả ngượng, vui, sờ sợ nữa, tựa hồ phát súng lẻ sắp bắn sẽ định đoạt cho tôi một biến đổi lớn trong đời; nó là trái bộc phá mở màn một chiến dịch dài ngày của riêng tôi... Tôi mỉm cười giễu mình lẩn thẩn. Hôm nay tôi thích cười lạ, sao vậy?

Thằng Mỹ cúi dòm mãi đã mỏi mắt mỏi lưng. Con hào của Vi-xi đào chỉ vừa Vi-xi núp, không vừa xác nó. Nó đứng thẳng lên, lộ ngực... nảy ngược một cái, úp mặt vào bờ hào, từ từ trụt xuống với hai bàn tay cào đất. Tôi xách súng xách bao, phi nước đại lập tức, không chơi trò sĩ diện với địch. Mẫn chạy sau lưng tôi, cười to.
Chúng bắn thôi là bắn. Súng cha súng con đánh trống gõ mõ suốt nửa giờ tế hai thằng chết, tôi nghe nổ mà phát thèm. Rút một hơi đến chỗ khuất đạn thẳng, tôi dừng lại đợi Mẫn, cùng chạy việt dã ra khỏi tầm cối 60 lúc này còn bắn trật bậy. Chúng tôi nắm tay nhau vừa chạy vừa cười: hai đứa trẻ vừa trị được con chó dữ xồ ra cản đường đi học. Sau mấy ngày tức ói vì giặc đuổi, hôm nay cười cho thoải mái nhé, cười bù những lúc không sao cười được, tuy chiến công chỉ là con số lẻ mà các bản tin của ta thường hớt cho gọn.

Khi pháo 105 bắt đầu ném những tấm tôn trên sườn đồi, chúng tôi nhảy xuống một chỗ đường trũng, ngồi thở. Mẫn bóp bàn tay tôi, nói không kịp lấy hơi:

– Em tưởng anh bắn hụt... ngó trật lại, thấy thằng Mỹ gục... chao, mừng húm...

Mẫn hít mạnh, mặt đỏ rựng, cười một hồi nữa, mắt lóng lánh cười nhiều hơn miệng. Sao Mẫn xinh vậy ta? Không, phải nói là đẹp. Đúng cô Mẫn em mà tôi gặp dọc đường Tam Kỳ, ríu rít như chim, vui đến sáng cả mặt mũi chân tay... Tôi bắt quả tang tôi đang nghĩ lộn xộn.

– Vậy là bà con trong xóm biết rồi đó. Biết tụi mình bám. Để anh coi, chiều nay nó chặn mấy cũng có người ra gò tìm du kích. Hôm qua... hồi đó em xấu hổ quá mà. Nói đánh giặc giữ làng miết, giặc tới lại chạy có khói có ngời, tới khi trở vô nhà bà con chắc phải đưa cái lưng vô trước, lãnh ít cây cán chổi... Bây giờ khỏi lo rồi.

Tôi cười theo, nao nao.

C.215 của tôi vây đồn bắn bia, khi đổi phiên anh em thường xòe ngón tay báo số địch vừa hạ, cậu nào không xòe được hết bàn tay thì phải trề môi và lắc đầu một cái để tỏ ra mình đen đủi. Đây hai chúng tôi chỉ xòe được hai ngón tay, nhưng đó là hai mũi kim chích vào cái bong bóng Mỹ vẽ hình ông kẹ đang căng phình, là hai tiếng tín hiệu của du kích gọi dân. Mẫn đùa, làm như chỉ đánh vì sợ cán chổi. Ngay trong câu đùa Mẫn cũng chỉ nhắc tới phần việc mình phải làm, không gợi lại buổi chống càn đầu tiên rất ngon, chưa vội tìm lỗi người khác trong vụ Ba Thấn nhảy theo giặc.

– Ngớt pháo rồi, về kiếm ba củ sắn đi anh, đói khiếp. Chiều mới có người ra.

Mẫn đi trước, kiểu đi xổng xểnh không cần làm dáng của một cô gái ít nhớ mình là gái. Tôi ngắm dáng bàn tay Mẫn đánh xa lui tới, rất là thú khi thấy hai ngón trỏ và giữa hơi xòe ra. Hai ngón tay búp măng. Hai cánh bông bạc sống qua cơn lũ bùn vẫn trắng muốt nhô lên vẫy giữa dòng nước, mềm mại dễ thương mà không biết cúi đầu. Thế đấy, có những cái đẹp phô mãi trước mắt mà tôi chẳng thấy, đến một phút nào đó chợt hiện lồ lộ như được luồng nắng rọi vào.

*

* *

Mẫn lại đoán đúng.

Trong buổi chiều, mấy bà con làng Cá ra sục gò tìm chúng tôi. Một bà lão còng lưng chống gậy đi lụm cụm, vừa thấy Mẫn bỗng trẻ lại vài chục tuổi, vất gậy thẳng lưng chạy tới. Đó là mẹ Sáu ở bên nhà Mẫn, đang nuôi giúp Mẫn thằng cháu Hoàn hai tuổi. Mẹ khóc sùi sụt, nắn khắp người Mẫn tìm chỗ băng: "Mày bị thương đâu nói thiệt đi!". Mẫn đỏ mặt cố gỡ tay mẹ, tôi tạm lánh một phút.

Tiếp chị Biền có chửa đầy một bụng gạo muối. Rồi ông thầy Mười say rượu gật gà hôm nọ cũng đến, cầm một túm lá thuốc nam. Từng người lấy cớ tìm con nít chăn trâu sợ pháo chạy lạc, tìm con bò sẩy mũi, giằng co riết tụi lính mới cho ra khỏi xóm. Thằng Chinh con vừa khịt mũi vừa khoe bắn du kích chết ráo, "con Hai Mực trương như bò trôi lụt, nằm úp mặt xuống mương nước chỗ Hóc Môn, thối quá không chôn được, thôi để quạ tha mối đùn lâu lâu rồi ai lấy xương cứ lấy, tôi cho làm phước". Bà con bắt Mẫn kếu hết "sắp nhỏ" ra coi thử ai còn ai mất. Mẫn đáp gọn trơn: "Du kích lo bám địch chớ ở đâu đây!". Tình cờ, một lát sau phía Nhơn Thọ bật lên hai tiếng mìn muỗi, rồi súng địch đổ bão, chắc du kích bí mật đánh trong làng. Tới đó bà con mới hết băn khoăn. Tôi cầm súng ngắn đi gác, cô Cang chặn: "Anh ở lại cho cô bác nhớ mặt nhớ giọng, sau mới dễ vô làng".

Một trăm thứ chuyện xoắn xuýt kể lấy được qua tiếng nổ rền đằng trước đằng sau, tiếng máy bay và đạn pháo bay qua đầu, chen những tràng cười dài và đôi giọt nước mắt.

– Nó đặt máy a-lô trong nhà tao đó Hai. Cũng hay, thằng Chinh con quẹt lửa đốt nhà mày, tao nổi la làng, tụi lính sợ cháy lây đổ ra dập lửa, doạ cho thằng Chinh nếm kẹo đồng. Nó kêu trong máy "đại bàng gọi diều hâu" miết, rồi xì xầm với nhau tụi càn Tam Trân chết quá đi, tàu bay y tá chở không kịp. Sợ mất máu hết!

– Cái thằng Chinh thiệt quá chó dại. Dạo trước Tết nó còn sợ mình, đi năn nỉ cùng xóm, coi xuống nước hung. Giờ lính về đông nó lại hỉnh mũi lên râu. Tao nói: nhơn chi tương tử kỳ ngôn giả thiện, ông nghe tôi phân một câu thử coi phải trái, sách có chữ chủng qua đắc qua chủng đậu đắc đậu…

– Thôi ông, nói chữ với nó uổng miệng, nó vỗ ngực rồi đó: tửu là một, sắc là hai, tiền xài là số dách!

– Bà Tám Lư nhào vô ôm xác con, bị nó đạp bữa nay còn tím rịm bên hông. Cố tổ nó chớ, thà nó là con bọ hung ở đống cứt rúc ra, đây nó cũng là người mà chẳng biết mẹ thương con là sao. Bà con kéo tới đủ số ngàn, nó mới chịu để chôn.

– Kể đi bác Sáu, bác hăm thằng Thấn cách sao mà nó sợ dữ vậy?

– À, à, chút xíu nữa quên thằng liếm đít. Con Hai nghe thử chỗ nào trật chánh trị thì sửa… Tao đợi trưa tròn bóng tụi nó nghỉ xăm hầm, nắm tay thằng Thấn mời gắt vô nhà, quấn thuốc, pha chè nhỏ, hét con đi cắt cổ vịt nữa. Nó nhịp nhịp cái cẳng vậy nè, như ông huyện về làng, chắc nó tưởng tao nịnh cho khỏi ở tù. Tao khen nó thiệt là gan to hơn cóc. Nó rung cẳng hỏi: “Gan sao hử?”. Tao nói: “cái xã mình coi vậy chớ khó, xưa nay ai làm việc quốc gia, cố gây thù kết oán thì trước sau cũng đạn một viên, cáo trạng một tờ hết. Giữa hồi chộn rộn này mà ông dám đứng ra gánh vác, tôi chịu ông giỏi đó. Nó đổi nước da, còn cãi gượng: “Ấp rào kỹ, quân đóng dày, tụi thằng Luân với con Mẫn gãi ngứa chớ làm gì, xớ rớ nữa thì nghoẻo củ từ”. Nó mới nuốt củ sắn bẻ đôi của du kích đó, bây giờ nói vậy chẳng có mắc nghẹn mới lạ. Tao không ngọt được nữa: con Mẫn ở ngoài ấp mà dân ở trong. Dân đây ông biết rồi, nói tới rào ấp thì mười người ghét đủ chục. Hồi ông đi phá ấp thì dân cho trứng với chuối, giờ ông đi xăm hầm rào ấp chắc họ mời ông ăn bí ăn lựu quá. Tôi đãi ông con vịt cho trọn cái ngãi lâu nay… Nó đổ mồ hôi hột đó Hai. Cẳng nó cứ rung, mà rung kiểu khác!

Chúng tôi cười một trận líp ba-ga[(1)].

Thằng Ba Thấn bị vây chắc cứng. Bà con gặp nó là con mắt lườm dài, cái nón úp sấp, nước miếng nhổ phẹt. Nó vào nhà ai cũng nghe chửi chó nhảy bàn độc, mèo ăn mâm ỉa bếp. Nó sợ lưng tim lưng mật. Sau nó mò tới nhà ông thầy Mười, nơi trước đây nó quen ăn ngủ - ông già sẵn rượu và đồ nhậu – tuôn một hồi kể lể. Rằng nó bị ủy ban nghi ăn cắp, tức mình bỏ đi, bây giờ như con gái lỡ dại chửa hoang rồi, ông Chinh biểu gì nó phải nghe. Rằng nó không

khai bà con trong làng, chỉ khai vài cái hầm của đội du kích đã chạy ra ngoài. Rằng lãnh thưởng vài ngàn nữa mà bị ghim cáo trạng trên ngực thì lỗ vốn to, bây giờ nó về thị xã lo buôn bán thôi. Ông Mười bồi thêm một mớ chữ thánh hiền, thì thào mách cho nó biết "bộ đội ông Thiêm" tới tiếp sức du kích rồi đó, trái nổ thứ một ký đeo dày chung quanh bụng. Rốt cuộc, nó cuốn gói về "trại hồi chánh" của tỉnh sáng hôm qua. Con buôn mà, nó đã tính ra mạng quí hơn tiền.

Ông thầy Mười trao nắm thuốc dấu, hẹn sẽ để gạo trong miếu Thổ thần sau vườn, ra về trước. Mẹ Sáu cầm nón lại đặt nón, quấn quít không rời được.

– Thằng Hoàn đòi mày miết Hai à. "Mẹ Mẫn âu? Hoòng chỉ chơi mẹ Mẫn". Bữa nay quen hơi bà rồi, vậy chớ nghe con nít ở đâu kêu mẹ là nó giựt mình, ngó dớn dác.

Tôi thoáng thấy Mẫn đưa ngón tay gẩy khoé mắt. Mẹ Sáu dặn tôi lần nữa:

– Trăm sự nhờ anh bày biểu cho con Hai, đường đi nước bước nó chưa am tường, con nít mới lớn lên, xa cha mất mẹ thiệt tội đó anh.

Các bà mẹ bao giờ cũng vậy. Dù Mẫn vừa giao công tác cho mẹ xong, bắt lặp lại cho nhớ, mẹ vẫn thấy Mẫn là con nhỏ láng giềng thiếu nơi nương tựa mà mẹ phải lá lành đùm lá rách. Đợi mẹ ra về, chị Biền mới kéo Mẫn đi riêng, báo cáo về ban cán sự và du kích bí mật làng Cá. Tôi đã làm việc với cán bộ xã đủ nhiều để không thấy khó chịu khi bị gạt sang bên.

Mặt trời lặn. Chúng tôi trở lại chỗ núp. Cang nấu cơm dưới mương, Mẫn quạt khói. Tôi xách ăng-gô đầy rau má từ sông Rù Rì lên, bỗng nghe nhiều tiếng hú ngắn, hối hả. Cang rón rén bước ra. Vài phút sau, một bóng nhỏ đâm sầm qua bụi cây, nhào tới ôm Mẫn khóc hu hu. Út Liềm! Cô bé gầy đen, liên lạc riêng của chi ủy, rất ít khi hé môi, lúc này vừa nói vừa nấc vừa thở. Chúng tôi đều hoảng, tưởng anh Luân gặp nạn. Không sao cả. Lo nhiều nhớ lắm, vậy thôi. Anh Luân bắt Liềm ở lại ấp Lộc Chánh, khi biết chắc thằng Thấn đã cút mới cho lên tìm Mẫn. Liềm đạp xe về nhà, gặp mâm giỗ cha bày trên bàn thờ. Chẳng đợi mẹ khấn, em trải tấm ni-lông, trút tất cả các

món khô vào, thêm hai chai bia, buộc túm, luồn đường hẻm ra gò, vác bao giỗ đi lùng Mẫn từ trưa đến tối, vừa khóc vừa lau nước mắt thật nhanh để thấy đường mà sục, vừa lo tìm lại vừa lo đụng xác các anh chị nằm trong bụi.

Liềm nói dồn, giọng khản đặc:

– Em ở đây với chị. Hay chị nhắn gì ông Tư, em đạp xuống Lộc Chánh lần nữa, mua tăng võng, rồi em bất hợp pháp luôn. (Liềm giẫm chân kiểu con cưng). Ở làng tụi nó bắt. Lỡ mai kia thằng Thấn chỉ mặt em thì sao? Lỡ em chịu đòn không nổi thì sao? Thiếu gì người chạy giấy mà chị cứ cấm em vô du kích?

Ồn ào khá lâu. Cơm khét, lửa tắt, rồi Liềm chịu ấm ức về làng. Coi trẻ con vậy đó mà Liềm đi liên lạc khắp nơi, xuống biển, lên căn cứ, ra Tam Kỳ, Đà Nẵng, đâu cũng lọt.

Mẫn cười với tôi:

– Anh cứ khen nó ít lời ít tiếng, từ chuối trồng tới chuối trổ không mở miệng. Bữa nay nó nói khiếp chưa!

Liềm véo chị Hai một cái, chạy biến. Tôi vẫn phải nghĩ mới nhớ ra ông Tư là anh Luân bí thư. Chao, lần cho ra những mối họ hàng dây mơ rễ má trong làng cũng khó gớm! Chúng tôi hỏng nồi cơm, được bù một bữa giỗ chưa khấn, ông bà thương con cháu chắc cũng xí xoá cho.

*

* *

Chị Biền đã gọi móc xích các tổ trưởng du kích bí mật ở lại trong làng. Đêm nay chúng tôi họp liên tiếp ba nơi trền vùng gò để họ đỡ lộ vì đi xa và biết nhau quá rộng. Mới có một tổ xóm Đình lựa lúc địch đang bắn ầm ào, giật một trái mìn đạn 81 kiếm được bốn khiêng. Một chị xóm Đuổi ném lựu đạn, bị xịt. Quân chính trị làm ăn khá hơn nhiều.

Anh chị em lâu ngày quên mặt ôi, bây giờ che tay quẹt lửa xem lại, thấy tôi giống một thằng trung úy về đóng trong ấp năm ngoái, trước lụt. Chuyện thường thôi. Đến mỗi nơi tôi lại giống một ai đó: thầy giáo, cán bộ ở hầm dạo bí mật, sĩ quan ngụy, nhà báo Sài Gòn,

anh bộ đội hồi chín năm, gay nhất là khi các chị nhầm tôi với ảnh. Giữa lúc bàn cãi, thỉnh thoảng Mẫn ngoái cổ lại hỏi rất nghiêm:

– Tụi tôi tính vậy đó, anh Thiêm coi được chưa?

Mẫn hỏi đến lần thứ ba tôi mới hiểu ý. Giữ lúc địch túa tràn lan, lòng người dễ rối, anh chủ lực có mặt là rất quý. Dù mình trần thân trụi, tôi vẫn là chút móng chút lông của trái đấm thép, từ đâu đó sẽ nện xuống đĩa làm cán cân nảy ngược, thằng địch văng ra ngoài. Bà con làng Cá còn nhắc mãi trận gò Mù U lính rằn ri chết như xếp củi, cả cái trận cò con diệt hai tiểu đội trong đình, trầm trồ rằng lần này tôi về làng Cá "chắc có chuyện", kèm con mắt nháy cho thêm phần bí mật. Tôi thấy mình phải đóng kỹ cái vai ly kỳ mà đồng bào gán cho. Lâu lâu tôi cố ý chen vào một câu hỏi về chỗ địch dồn xe, đặt pháo. Nói cho đáo lý, cũng chẳng phải Mẫn và tôi muốn lòe anh chị em: góp lại được trung đội du kích, chúng tôi đủ sức đánh những đòn mạnh hơn cú đình làng Cá nữa kia.

Mẫn gằn giọng nhắc mấy lượt, bàn tay phải chém xuống nòng các-bin:

– Líp lại à? Ai cho nó líp? Đấu lý gắt, không đi rào ấp, không cử ấp trưởng, liên gia trưởng. Tụi xấu ngóc đầu thì cảnh cáo, bắt cải tạo, lì nữa thì cho ăn chì. Trong đánh ra, ngoài đánh vô, ngày đêm đánh tuốt. Kiểm thảo miết cái chuyện bỏ lỡ thời cơ hồi đảo chánh Diệm rồi, bây giờ không được nằm im chờ thời, rút lui chiến thuật, xin lực lượng trên về giải phóng! Dứt khoát!

Có cái gì vụng đến chối tai trong các nói của Mẫn. Vừa gặp nhau mừng mừng, tủi tủi, Mẫn cũng xúc động như mọi người, sao vội ném đánh đốp những hòn đá tư tưởng ấy ra giữa mâm? Mà lại sao không nói cho dễ nghe: "Ủy ban kêu gọi các đồng chí…". Mẫn cứ một mình ra lệnh tới tới. Tôi đoán trong những người đến họp, phần đông lớn tuổi hơn Mẫn, sẽ có đồng chí cãi bằng cái giọng giễu cợt của kẻ lớn trước một đứa trẻ ưa lý sự. Hoặc tất cả sẽ im lặng nghe và ra về, nếu thương hại không muốn Mẫn bị bẽ mặt… Tôi lầm. Anh chị em hỏi kỹ, bàn ngược xuôi thật nát nước, hứa sẽ làm kỳ được. Tôi sửng sốt khi một bác có râu ba chòm trịnh trọng lên tiếng:

– Đồng chí xã đội nói phải. Tới năm sáu lăm rồi, đi đâu cũng thấy giành dân giành đất rầm rầm, mình ở đây chịu cho nó nhốt thì thiệt là cha làm thầy con bán sách. Thôi thì vầy, đồng chí Mẫn cứ thưa lại với thượng cấp một lời cho chắc: chết lụt trong ấp một lần cũng đủ ngán rồi, cái làng Cá này không chịu vô lờ vô nơm nữa đâu, trầy vi tróc vẩy tới mấy cũng phá ra cho được!

Chung quanh gật đầu cả. Một chị bỗng chen vào, rất chua:

– Dân quyết, ủy ban cũng phải quyết. Ông chủ tịch đeo con thỏ sau lưng vướng quá, sao cấp trên không để ổng nghỉ luôn trên quán bà Liệp cho khỏe, cứ giữ ổng làm chủ tịch hoài vậy hè?

– Nặng lời chi thím Bảy? Năm ngón tay có ngón ngắn ngón dài…

– Ngón dài thiếu gì mà để ngón ngắn cầm đầu?

– Ờ, ờ, ngang như cua vậy mà cứng vỏ đó bà con!

Giữa những lời xôn xao, chị kia càng nói gắt:

– Ngang à? Hễ ông Luân tê thấp miết không lãnh cái chủ tịch, tôi cứ bầu con Hai đây nè. Nó con nít mới sạch mũi mà đánh giặc được, cầm quân chánh trị được, nói đâu dân tin đó, còn gấp mấy ông Tám Liệp. “Khen ông cán bộ đại tài, hễ nghe giặc tới chạy dài lên non”, khiêng trả huyện cho xong trớt!

– Thôi thím Bảy, để ta lo việc chính.

Mẫn cố can, lảng chuyện, nhưng bà con vẫn xói vào trách ông chủ tịch bỏ dân, tin dùng đứa xấu như Ba Thấn để nó đục khoét phong trào. Sau Mẫn phải cắt rất phũ, cuộc họp mới trở lại bàn việc sắp tới.

Tôi đã hiểu cách nói của Mẫn ban nãy. Dân Tam Sa chán cái lối thậm thụt tránh né của Tám Liệp. Mẫn bị đẩy vào cái thế phải tỏ thái độ trước dân, không thể nước đôi ba phải theo kiểu “các đồng chí đúng, chú Liệp cũng chẳng sai”. Rõ ràng Mẫn cực lòng lắm mỗi khi nghe chú Liệp bị đả. Mẫn cố tránh nêu tên chú, nhưng phải đập thẳng tay vào những điều tầm bậy mà chú đã truyền cho một số người khác, phải đứng hẳn về phía những ai làm ngược lại chú. Mẫn cũng không thể mượn lời ủy ban tự quản, khi người đứng đầu ủy ban lại là “cây bàn ra”. Rắc rồi quá mất!

Chúng tôi về sông Rù Rì khi gà bắt đầu gáy sáng, mỗi đứa cõng một bao của ngon trên lưng, nhiều nhất là xôi, dưa bở, đường, cá nục. Những con cá nục to bằng cổ tay, kho ngọt, cuốn với bánh tráng và rau sống, ái chà chà, ngậm mà nghe chứ không muốn nuốt! Bộ ba chúng tôi ngả ra ăn sáng, đùa nở phổi. Tôi buồn cười khi Mẫn xưng em như cũ, thay tiếng tôi rất nghiêm ban nãy. Mẫn trở lại là cô du kích ranh mãnh, vui ồn ào, dám thách tôi khi ăn xôi và chỉ thua tôi một nắm con.

Chú thích:

(1)Tha hồ

Chương 10

Em nhỏ chăn trâu trên gò xoay cái nón lá, ngó phía biển, quay lại kêu lanh lảnh:

– Mô-ranh[(1)]lên đó mấy chú!

Tôi vừa xong phần lý thuyết về mìn lõm. Cả đội du kích nhấp nhổm, Năm Ri mau miệng hỏi:

– Cho bắn chớ, anh Thiêm?

– Tuỳ ông thôi!

Cậu ta cười toét miệng, kéo các tổ săn máy bay luồn cây chạy xuống bờ sông Rù Rì. Ri vẫn chưa quen với vai xã đội phó mới được giao. Thêm cái nếp tôn sư trọng đạo của dân mình mạnh đến nỗi từ khi tôi mở lớp đến nay, cả Mẫn và đội du kích đều coi tôi như ông thầy, như cấp trên.

Anh chị em tản vào các bụi rậm, tập chôn mìn. Anh Luân đã khập khiễng cặp chân thấp khớp đi tìm số trai trẻ Tam Sa lánh nạn quân dịch ở các xã trên, mộ được bốn chục du kích mới. Các cô gái làng đòi thoát ly nhiều, nhất là các cô xinh đẹp dễ bị ghẹo bị hiếp, anh chỉ chọn hai chục “Tụi bây ra hết thì lấy ai vừa đánh vừa đấu! Hồi nào địch bắt lính đờn bà, tao cho Hai Mẫn góp một đại đội con gái, mặc sức bây gõ đầu thằng Mỹ”. Cộng với số du kích cũ, Tam Sa đã đủ mỗi thôn một tiểu, nhưng mới được ba người một súng, đang cố kiếm thêm võ khí.

Chiếc tàu rà lên tiếng từ xa. Một hồi trẻ em khóc eo éo, mấy tiếng ru hời rầu rĩ. Tôi nhìn nó sao cứ nhoè nét mãi. Tôi dụi mắt, chợt thấy bả vai nhức mỏi. Chắc tại thức đêm lội cát nhiều, hay lại trở trời. Để coi tổ Năm Ri bắn ra sao, tập bắn máy bay bốn ngày liền rồi.

. …Cấp thiết hiệu triệu ông Nguyễn Luân và bà Phan Thị Mẫn và toàn thể anh chị em cán bộ và du kích đương nhiên hoạt động Việt cộng hãy cấp thời hồi chánh...

Máy bay kêu rè, giọng thằng xã Chinh cũng rè rè đọc cái bài ghi âm dốt hay nói chữ. Mắt tôi vẫn hoa. Tôi rùng mình liền mấy cái. Bậy rồi. Những con phát-xmô-đi-om trong máu đang phá quấy. Tôi đã đưa liều thuốc sốt rét cuối cùng cho hai cậu du kích chia nhau hôm kia. Biết làm vậy là sai, dễ hỏng việc, nhưng tôi không cưỡng nổi... Chiếc tàu rà xuống thấp, bay dọc sông. Một loạt súng trường lốp đốp. Nó rướn lên. Loạt khác đuổi theo. Nó bay gấp qua đầu tôi, bên cánh trái hiện một mảng sáng. Cô Cang giẫm chân:

– Mẹ cha nó, rách miếng cánh lòng thòng mà cứ bay!

Tôi quay lại, định ném một câu đùa, nhưng hàm dưới bắt đầu lập cập không nói được. Rét. Trong mỗi đốt xương tôi, chất tuỷ đã đông thành những giọt thủy ngân nặng và rất lạnh, chạy qua tràn lại. Tôi không chịu nằm, cố động đậy chân tay, làm cái gì đó để đè bẹp cơn sốt. “Lướt sốt” nhạy nhất là khi địch đánh úp. Tôi lê ra ngồi chỗ sáng, cái nắng nung người trước đây mươi phút còn đáng sợ, bây giờ chỉ sưởi được một chút những chỗ da để hở. Pháo bắn lên sông Rù Rì, trả thù cho cái cánh rách tụi nó nã hàng giờ là ít. Tiếng nổ lọt khó khăn vào tai tôi đầy hồ đặc.

Năm Tuất đập vai tôi nói gì không rõ, chỉ tay vào bụi rậm. Anh nhắc lại to hơn, tôi bắt được từng đoạn cụt ngủn như văn điện tín:

–..Phơi nắng …nhập vô xương khó lành...nằm võng...chỗ thấp, lỡ văng mảnh...

Anh đã lấy võng tôi buộc vào chỗ trũng có bóng cây. Cô Cang xoắn xuýt hỏi tôi ăn cháo hay cơm, tôi chỉ để ý rằng giọng nữ thanh xói vào lỗ tai ù dễ hơn giọng nam trầm; hèn gì các cậu bị bom ép thích nói chuyện với cô hộ lý hơn với thủ trưởng... Không nên để anh em dỗ mãi vì một keo nhớ rừng. Tôi vào nằm võng lặng lẽ run, thu hình thật nhỏ cho người khỏe khỏi vướng. Năm Tuất vét bốn cái võng nữa đem trùm lên người tôi. Tôi thò đầu ra thở, thấy anh lại chúi vào đống sổ sách và hành hạ cây bút chì: cắn đầu bằng để nghĩ, mút đầu nhọn để ghi. Anh vừa được chỉ định vào ủy ban nhân dân xã, nắm kinh tế, đang lo gỡ đống bòng bong của thằng Ba Thấn để lại. Cô Cang áo trắng nón trắng, xách nồi gạo xuống chân đồi nhen lửa nấu cơm, lẫn trong những bếp đun nước và lò đốt than của

đồng bào trong ấp chiến lược ra kiếm củi cắt lá, róc vỏ sim, giấu gạo đem cho chúng tôi, đưa tin địch và gác cho chúng tôi từ bảy giờ sáng đến năm giờ chiều. Phải mất bốn ngày đấu tranh và hai người bị thương nhẹ, cha con thằng Chinh mới chịu mở cổng ấp, còn hẹn năm giờ trở đi chúng sẽ kêu pháo bắn vào bất cứ một bóng người, một búng khói nào trông thấy trên vùng gò đã "bàn giao cho Việt Cộng".

Ai ra gặp du kích cũng nói:

– Cha con xã Chinh lên râu lên nước hung rồi đó.

Theo lời tả thì thằng xã Chinh nó tinh ma đến nỗi ốm teo ốm nhách, mặt bằng hai ngón tay chéo;bộ râu ba chòm thưa cứ ngọ nguậy quanh năm vì hắn nhai trầu không ngớt miệng. Mới lên bảy, hắn đã biết tránh sai vặt bằng cách "dạ" một tiếng thật to và chạy biến, như có ai gọi ngoài ngõ. Tên cúng cơm là Chàm, đặt tên con đầu là Chình, sau đổi tên chữ mới, bỏ dấu huyền. Đời Việt gian của hắn cũng chẳng xuôi chèo mát mái, ông thầy Mười nhớ kỹ lắm. Thời Tây, nắm triện đồng chưa nóng tay đã bị kiện lạm thuế, bán hai mẫu ruộng đút quan mới khỏi tù. Lên lý trưởng thời Nhật chỉ kịp ôm sổ ra nộp ủy ban nhân dân cách mạng. Mắc kẹt trong vùng tự do dạo chín năm, hắn vô Quốc dân đảng làm điệp, bị ta giam hai năm. Sau Giơ-ne coi như mả phát, hắn vọt lên quận phó được đâu sáu tháng, lập công giết luôn tám người kháng chiến cũ. Vẫn bị phe Diệm đá phốc, phải dắt con vô Phan Thiết trốn ít lâu, rồi về nhận một chức bạc nhạc là chủ tịch Phong trào[(2)]xã. Năm 63 Diệm đổ, hắn bị Quốc dân đảng xếp loại "thiếu lập trường", chỉ kiếm được cái ghế đại diện xã, ít lâu sau mới giành được chân cảnh sát trưởng cho thằng con lêu lổng.

Con chó bị đánh mãi còn nhe răng gừ với chủ, hắn không gừ. Chẳng phải vì "mả ông nội chôn trúng đất bài ngà, sanh ra máu ưa lãnh việc làng, bị cái chưa đứng số" như hắn nói khi nhậu lai rai với đám quen. Hắn làm tề chỉ vì ruộng.

Những đời cao tằng tổ khảo đã truyền lại cho hắn tám chục mẫu ruộng cùng với cái khát ruộng, mê ruộng, say ruộng khó tưởng tượng nổi. Qua hơn năm chục tuổi đời, trải năm trào chánh phủ- hắn

tính các thời Tây, Nhật, Việt-minh, Diệm, và chưa biết đặt tên gì cho cái thời láo nháo hiện nay- hắn càng tin có ruộng là có tất cả. Thẻ bài, đồng triện có thể mất, nhà có thể cháy, vàng bạc có thể bị cướp, trâu bò và cả lũ con nữa có thể chết, chỉ có ruộng là ngàn năm không suy suyển, mỗi năm đều dặn đẻ cho hắn nhà gạch trâu cái. Hắn còn đứng trên ngọn đống lúa tô là còn nhiều người đến van vái xin làm rẽ, vay lãi; nắm nhân tâm bằng chén cơm là chắc nhất. Mỗi chuyến lên voi dù rất ngắn, đều giúp hắn cấu chỗ này véo chỗ kia, đắp cho ruộng hắn tròn hơn, liền bờ hơn, ít ra cũng bù một chỗ sứt mẻ khi xuống chó, hay cùng lắm hắn vẫn dựa chức mà giữ được vốn cũ, chờ thời ngoi nữa. Khi một số nhà giàu bán ruộng để làm giàu kiểu mới, hắn cười khẩy vét tiền mua ngay, rất khoái chí khi các công ty lần lượt vỡ nợ, máy hỏng xe trúng mìn. Đã nói nhứt điền nhì thổ mà!

Cái bệnh nghiện ruộng ấy, cái đạo thờ ruộng ấy chỉ có thể so với nỗi căm ghét dữ dội đối với những ai định lấy ruộng hắn. Từ thượng cổ đến nay chưa hề bao giờ xảy ra một chuyện nào quái gở như vậy, bốn ngựa xé thây không ác bằng trăm tay xé ruộng, hắn kêu vậy. Hắn xuýt lồng lên khi nghe Diệm ra dụ cải cách điền địa, đọc kỹ hắn lại thấy khoái: không động đến gia sản một trăm mẫu tây trở xuống, không động đến những ruộng đất canh tác bằng cơ giới, to mấy cũng được. Ngon quá rồi, thiếu gì mánh lới do gian, chia nhau đứng tên, đặt một máy bơm cũng gọi là cơ giới! Đến thời con cháu hắn vẫn còn rộng đường làm giàu. Cản đường hắn lúc này chỉ có Việt cộng.

Em ruột hắn, chủ mấy chiếc ca-nô chạy sông, một lần về thăm quê vui miệng nói rằng chánh sách ruộng đất của “bên kia “ bây giờ coi bộ mềm dẻo. Giữa đám giỗ mà hắn ném luôn miếng bã trầu vào mặt em, chửi cha thằng chó đẻ tuy cả hai chung một cha một mẹ:

– Mềm với dẻo! Đền với bù! Tụi nó rượt tao chạy xịt khói đen khói trắng, mày ăn gì mà đi bốc thơm cộng sản?

Thằng em chẳng vừa, túm cổ cái chai lít thủ thế, cười mũi:

– Thằng này có miệng ăn cũng có miệng nói, đứa nào hót chánh phủ cứ việc hót thử coi: sát nhơn thì giả tử, ăn đất, còn chống đò

chở gạo thì ăn cơm uống nước thiên hạ!

Mối thù âm ỉ từ ngày chia gia tài đến nay mới xì ngọn, lại bị giập ngay, chưa ai đủ sức hại ai.

Hắn không chịu nổi ý nghĩ mất ruộng, dù được bồi thường bằng nhiều cách. Cầm một nắm giấy bạc hay cổ phiếu trong tay, ù ù cạc cạc giữa những cỗ máy và những bài toán, hắn chỉ thấy hắn là cái cây đứt rễ tróc gốc, mớ lá còn dính đấy nhưng sẽ khô dần rụng dần. Hắn chống cộng với cái điên rồ của ông nội hắn bóp cổ vợ lấy tiền mua thuốc phiện, cái đần độn của cha hắn đi ăn cắp từng nắm lúa mót mà để thóc mục từng cót một, cái cuồng tín của hắn đã keo đã quánh lại trong tim óc. Ruột thì vậy, nhưng vỏ hắn lại trơn, hay đổi màu. Tùy lúc, hắn biết cười hề hề, lau nước mắt, mắng một tay sai, dám hỗn với cô bác, khề khà kể tâm sự như cởi ruột ra, và cho giết hết người này đến người kia.

Thằng Chinh con có khác. Hắn cao hơn cha một đầu, biết chút tiếng Anh đủ làm le với các cô chiêu đãi viên, ưa chơi vất tiền qua cửa sổ, quanh năm mặc áo quần lính dù và đi bốt tuy không phải nhà binh, đánh người giết người như chơi thể thao, hay tấm tắc khen cộng sản gan và giỏi để chọc tức cha. Cha con chửi nhau lắm trận ra trò, chỉ vì cha ham ruộng còn con ham rượu ham gái, cha chưa nã hết của chìm mà con đã rạch bụng "đương sự", cha xỏ lá mà con du côn. Hình như thằng này hoảng sau khi chết hụt ở làng Cá, mất vùng Tứ Nhơn, lại được ủy ban gửi liền hai lá thư khuyên nhủ và cảnh cáo. Cách đấy vài tháng hắn còn than thở với bà con dưới Nhị Lộc rằng mất của hơn mất mạng, tình thế này trước sau gì hắn cũng nhảy vô Sài Gòn, Phan Thiết kiếm ăn, cái xã này "cảnh đã khó, sát nữa càng mau chết". Hắn gửi hai tút thuốc Ru-by kèm một thư phân trần đến ủy ban trong dịp Tết. Đến nay, tin Mỹ vào và trận càn lớn đã sửa gân lại cho hắn. Hắn dẫn lính đi phục như cũ, bắn bị thương hai chị đấu tranh trong mấy ngày qua, đang mộ lâu la để ráp lại trung đội dân vệ bị đánh nát.

Tôi nằm co con tôm, kẹp tay giữa hai đùi cho đỡ lạnh, vẫn nghe những khúc câu hụt đầu đuôi như đánh điện qua võng kaki. Năm Tuất cầm chắc thằng Chinh cha đi trên tàu rà, cứ nhè thằng ngồi sau mà bắn, không rớt máy bay cũng giết được ác ôn. Một cô cãi bằng

giọng ồm ồm. Ấy là Rốt chị tức Hồng Lan, tức Lan B, bí thư chi đoàn của đội du kích xã. Mẫn hay kéo Rốt chị đi cặp kèm để làm loa hô lệnh chiến đấu, tha hồ mà quát đại đội bên phải tiểu đoàn bên trái cho giặc rúng xương. Mẹ cô đẻ sáu con, đặt cậu thứ sáu là út hơi sớm vì sau đó còn cả chuỗi nữa: Thêm, Thừa, Sót, Rốt chị, Rốt em, Hết, vị chi chẵn là một tá. Những tên đẹp trong tiếng ta có hạn, số cô muốn đổi tên lại nhiều vô kể, nên tôi mới tính qua loa đã thấy từng gặp đến tám cô Hồng, năm cô Ngọc, bảy cô Lan, còn Mai thì đủ các màu: Hồng, Bạch, Thanh, Hoàng, Tuyết...

Năm Ri về thở hổn hển, cười, hỏi tôi. Đội du kích gom lại, bàn rất hăng về chầu phá ấp tối nay, tôi cố nghe để nhắc một chỗ bỏ sót nếu cần. Cái giọng the thé kia là của cô Thúy tức Kim Hương, xinh và hiền, rõ thật là tiếng phản người. Còn cậu Chừng nói khàn khàn lại mới mười bảy tuổi, má phính bấm ra sữa. Cả một lớp trẻ rất bốc, táo bạo, dễ thương, phải cái còn vụng, chưa đủ chín chắn. Họ sẽ giật lại Tam Sa từ tay địch.

Quân địch dồn về đây đông nghịt, đông đến phát ớn.

Trong sáu thôn của Tam Sa có hai tiểu đoàn đóng giữ. Kiểu lấn chiếm của chúng ở đây kỳ cục lắm, na ná như nằm vạ. Chúng không càn rộng nống mạnh như mấy ngày đầu, cũng không chịu rút, rào ấp thì uể oải, tuần gác hay phục kích chỉ lấy lệ. Bọn này bị đánh cho đui què mẻ sứt ở Việt An, chạy về đây nghỉ tạm lấy hơi, dựa lưng vào cái căn cứ gần An Tân đã được đặt tên là Châu Lai hay Chu Lai. Các xã chung quanh Chu Lai đều đầy nhóc những đơn vị rệu rã như vậy, vùng này biến thành cái túi đựng lính thất trận của tỉnh Quảng Tín. Chúng chửi tụi sĩ quan như hát hay, tát tai bọn tề và dân vệ, gào đòi ăn, đòi mặc, đòi về ở phố.

Thằng đại úy sẹo má đóng trong nhà mẹ Sáu nhờ mẹ ra gò năn nỉ mấy ông Giải phóng đừng cắc bụp nữa:

– Theo Mặt trận cực lắm, tụi tôi không dám. Rút đi nơi khác thì còn chỗ nào nữa mà rút! Cái Châu Lai sắp sửa giao trụm cho Mỹ rồi, thành phố chật ních, đồn bị hốt... Bà nói giùm các ổng chia tạm cho tụi tôi mỗi thôn một liên gia thôi, ăn ngủ ít lâu cho tỉnh hồn, còn mấy

liên gia khác các ổng mần tuồng hát bội mặc sức. Lâu lâu tụi tôi bắn lên trời một mớ, Mỹ nghe mới chịu trả lương.

Chúng tôi nhắn bảo hắn ra gò cắm lều mà ở. Hắn lừng khừng, sợ "ở dồn cục, các ổng bứng cả cụm". Dù bị bắn tỉa không ngớt, quân hắn vẫn chết ít hơn ở những cái lò nướng lính như ngã ba Việt An. Hắn còn đóng trong làng, cha con xã Chinh còn đốc dân xây ấp, chúng tôi còn đánh cả ngoài lẫn trong. Chị em binh vận đã dắt ra gò được mười một lính, có bảy súng, còn đạn, lựu đạn, mìn thì lấy đủ cho du kích dùng. Ta đang ém địch lại, mỗi ngày một ít.

Còn một chút lấn cấn nữa: nhóm anh Liệp.

Anh với bốn năm cán bộ ngành nằm lì trên Tam Trân với nhiều thứ bệnh thình lình nổi dậy trong người. Chỗ đồng chí ai lại truy nhau cái khoản sức khoẻ! Anh Bảy quai nón về họp chi bộ Tam Sa bên sông Rù Rì, khuyên chúng tôi cứ đánh tới tới, để nhóm "đau ốm " kia nghỉ dài hạn. Bây giờ thằng địch đang duỗi đang nống, chưa nên vội xốc xới lại đội ngũ. Cũng được. Cố kéo họ về sẽ lắm cái phiền: đang vật lộn với địch mà vướng mấy anh treo võng nằm dài, động mở miệng là bàn ra bàn rùn, "cản mũi kỳ đà", chỉ thêm cực. Còn đỡ hơn mấy năm trước, hồi anh Liệp làm bí thư, anh Luân với Mẫn mỗi tí lại phải chạy lên quán bà Liệp để "xin ý kiến", mà nào có ra hồn cái ý kiến!

Tuy tạm chịu vậy, nhưng thỉnh thoảng chúng tôi bị vấp. Hôm kia vấp nặng nhất.

Ban cán sự Nhơn Phước ra hỏi về việc tạm cấp ruộng công còn mấy chỗ dở dang. Mẫn bí, anh Luân cũng không nắm được, hứa sẽ hỏi lại anh Liệp. Nhân khi Mẫn sắp về huyện họp, tôi bàn thẳng:

– Không để rụng cái đuôi nòng nọc, con cóc đừng hòng nhảy. Kỳ này đề nghị huyện cử người thay các ổng cho xong.

Mẫn trách tôi nóng. Phải chịu khó đợi họ chuyển chứ. Giằng co một lát, tôi nổi nóng thật:

– Ừ thì tôi là người ngoài không hiểu những chỗ lắt léo, tôi thô bạo... Tôi tàn nhẫn với ông Liệp vì tôi thương bốn ngàn bà con Tam Sa bị ông ta bỏ rơi. Các đồng chí chỉ sợ mất lòng ông Liệp, không sợ mất lòng dân phải không?

Mẫn kêu lên, giọng đã hơi nghẹn:

– Anh làm như chú..như họ là địch hay sao á...

– Họ là máu thịt của ta nhưng mà là thịt thối máu hư vẫn phải mổ để thân mình lành bệnh mà đánh giặc! Bộ đội chúng tôi liều chết cứu nhau, vậy chớ ai rụt cổ không tiến thì xin mời giao chức lại cho người khác lập tức, còn chuyện tình cảm để đó nói sau! Hay các đồng chí tưởng không có ai thay nổi mấy ông "rùa hành chánh" đó? Hay là lỡ ăn mì uống bia ở quán bà Liệp, bây giờ há miệng mắc quai?

– Anh Thiêm!

– Phải, tôi nóng. Nóng mà có lý. Bây giờ viết thơ không kịp, nhờ đồng chí Mẫn báo cáo miệng cho tôi điều này: chi bộ có một đảng viên sinh hoạt ghép tên là Tư Thiêm, hắn đề nghị cách chức Tám Liệp và một số cán bộ khác vì tội không chấp hành nghị quyết bám dân đánh địch mà lại còn hoạt động bè phái. Hễ huyện không ưng thì cứ ghi biên bản, đến khi phong trào Tam Sa nát bét thì lật lại coi hắn có trung thực với Đảng với dân hay không!

Tôi bỏ đi luôn đến chỗ đội du kích tập bắn. Không có cái chén ngọc nào để uống bảy chén nước cho nguôi giận-hình như sách Luân lý giáo khoa thư thời Tây bày vậy – tôi bứt nhai tạm những chùm chà là non,dẻo và chát. Nói toạc móng heo một lần lại hoá hay, giữa lúc hằng ngày máu đổ mà cứ cù nhằng cù nhầy...Nửa giờ sau anh Luân vào ấp, Mẫn mới ra đi. Tôi nhìn theo cái bóng mảnh khảnh băng đồng một mình, chợt hối đã quá nặng lời. Suốt hai hôm Mẫn đi vắng, tôi cồn cào nhớ Mẫn, thương Mẫn. Trong đợt thử thách mới này, Mẫn chịu khổ hơn ai hết, và Mẫn cũng bị chạm đau nhất mỗi khi "khúc đuôi" phá quấy. Dù đúng đến mấy, tôi vẫn không có quyền đốp chát với một đồng chí như thế...

Cùng với mối lo hỏng việc chính từng lúc giày vò- Năm Ri mới dẫn tôi xuống Chu Lai được một đêm, may sao tụi Mỹ chưa kéo đến- cái nắng đầu mùa cũng nung cho tôi sốt ruột sốt gan.

Từng bước, mùa hè lấn tới khắp nơi với bông trang đỏ tươi, bông vạy đỏ sẫm, đọt sim đỏ bầm, với tu hú lảnh lót trên cành và cuốc kêu khắc khoải trong bụi. Chúng tôi lao đao vì nắng. Những chỗ trũng

nhiều cây rậm thường bị trực thăng và pháo bắn, chúng tôi phải ở rải trên gò cây còi, có hôm phơi lưng như dân Quảng Ngãi phơi đường. Nắng trưa rót xuống thẳng đứng, chạm mặt đồi sỏi thì toé thành lửa hàn, bốc lên những chùm bong bóng vàng bay theo mắt người vào chỗ râm, vào cả giấc ngủ. Ngày trở nên đáng sợ, ngày sau nóng và dài hơn ngày trước. Đêm đã co mình thu ngắn lại, vẫn không thoát hơi nóng của ngày bao vây hầm hập, một thứ nắng đen. Gió nồm là luồng hơi phả từ miệng lò. Năm ba hôm một lần, trời kéo mây khói đen và đổ một trận mưa dông rất to hột, sấm sét đủ cả, nhưng chỉ vài phút đã tạnh, để lại làn hơi đất trắng đặc rất nồng mũi làm chúng tôi chóng mặt và đổ mồ hôi như xông cảm.

Mệt mấy chúng tôi cũng đêm đêm vào làng, không ai chịu ở "nhà". Đánh bọn lính gác tuần, phá rào ấp, rút kinh nghiệm đợt đấu lý vừa rồi, nhận đạn của các em góp, xử cả những vụ kiện trâu ăn lúa và hàng xóm mất gà, khối việc. Nằm ngoài gò một mình rất chán. Muốn ngủ cũng phải đợi đến một hai giờ sáng mới chợp mắt được. Lúc ấy, mồ hôi ngấm ướt sũng áo quần và võng đã bắt đầu gây một cảm giác dễ chịu như gió mơn trên da, rõ nhất là dưới lưng, nơi vải ép nhiều lớp lại thấy mát hơn tay chân để trần. Những đám mây muỗi đã tan, vòi muỗi chích qua ba lần vải nhoi nhói dưới mông nghe chừng đã no máu, pháo địch bắn bậc thang lùi về giã chung quanh căn cứ. Thiếp được vài tiếng xong phải dậy cuốn võng nấu cơm vắt và ăn luôn thật no phòng địch càn phải đánh suốt ngày, sau đó có thể ngủ ngồi thêm một lát nữa, súng gác ngang đùi và bao đeo trên lưng.

Ban ngày, chúng tôi vượt những giờ thử lửa bằng cách động tay động chân liên miên. Ham làm thì quên nóng. Hết phiên bắn tỉa lại về học. Bài học ngó lên trời mà xếp. Nắng gắt. Lên lớp lý thuyết quân sự. Nắng dịu, ra thao trường. Mưa, căng nhựa ngồi xúm chùm ôn chính trị. Hở ra lúc nào anh em lại đào hầm tránh pháo, đan phên để đưa xuống lát các hầm bí mật vùng cát, vót chông, nấu thuốc bom đúc mìn, men vũng lầy tóm những chú ốc bươu ngoi lên bờ cỏ tránh nước nóng, tìm những chùm chà là non về nấu canh với thứ rau má già đắng cố ăn để giải nhiệt.

Nhờ không ngớt “vừa báng vừa mài sừng”, đội du kích vẫn hăng sau ngót nửa tháng bật ra khỏi làng, tránh được cái nạn mỗi người một võng nằm thở dài sườn sượt như tôi gặp ở vài nơi. Cô Rốt chị có giọng đàn ông và cậu Sung cao kều được vào Đảng, bảy anh chị em nữa vào Đoàn, ai nấy đều thoải mái cả. Phải cái sức khoẻ xuống nhiều. Bụng đói mà suốt ngày không ăn được, “cơm ứ, nước ừ”, chỉ còn bữa khuya bà con mời trong xóm là chén đẫy bụng. Khắp người nổi sẩy, sẩy biến thành những mụn con đỏ lấm tấm, rồi giữa vạt mụn nẩy cái nhọt cứng, nóng và rất đau. Mặt hóp và đen, nổi lên toàn là răng vêu và mắt thô lố. Bà con các ấp ra thăm cứ la trời anh em cực quá, riêng tôi hay bị trỏ ngón tay nhất: “Thì coi thằng Thiêm đó, bộ đội nuôi nó mập trắng mập mềm, về ta mới mấy bữa hoá con cóc đen!”. Tất cả của ngon trong làng theo ngõ tắt kìn kìn đi tìm chúng tôi trong những ngày đầu, rồi cạn dần. Đang lúc giáp hạt, thêm bị bắt đi rào ấp, bị tụi lính cướp ngày trộm đêm, số lớn bà con than thở một lát rồi dặn chúng tôi cứ đến vạt sắn, vườn dưa bở, chỗ đặt nò tôm, kiếm được gì ăn nấy. Đội du kích lại đông lên vòn vọt. Ít thầy đầy đãy, nhiều thầy chia bảy chia ba, nồi cơm của chúng tôi bây giờ mỗi lát khoai khô chỉ cõng được năm ba hột cơm gọi là có. Gặp hôm hụt bữa chúng tôi đem cô Chín Cang ra trêu để “thêm phần lạc quan tin tưởng” bởi cô vẫn trắng và tròn quay như khúc sắn luộc, chỉ ước sao cho xuống bớt ít cân cho dễ chạy và nhỏ bớt mục tiêu.

Cái thú ngâm mình dưới sông Rù Rì phải tạm dứt. Như chim gõ kiến, tụi trực thăng rỉa đại liên vào từng hốc đá bên bờ hiện ra dưới gió cánh quạt, trúng một cậu núp khá sâu. Chúng tôi dời chỗ vài lần, nay về đóng chung quanh giếng Tiên. Một con suối cạn phơi lòng đá trắng mốc còn giữ lại một giếng nước mạch rất trong, mát lạnh, nắng mấy cũng không cạn, chẳng của tiên thì của ai nữa. Chỉ tiếc rằng nàng tiên nào ấn gót sen thành giếng lại có bàn chân nhỏ xíu, nên cứ nửa giờ giếng mới rỉ đủ nước cho một người tắm hà tiện, giá được một vó ngựa Phù Đổng thì hay hơn. Tôi thử tính, thấy đây là cái giếng tiên thứ tư đã gặp.

Những làng quê ta rải dọc miền trung, nằm giữa núi cao biển rộng, bao giờ cũng có một giang sơn thu nhỏ bên mình như chơi non bộ. Làng Cá này chẳng chịu kém ai. Con suối nhỏ có những

bông bạc vẫy người kia được đề bạt vượt cấp lên sông. Núi Chúa chỉ là một trái đồi nhỉnh hơn đám bạn bè đôi chút, trên đầu chứa một chỏm rừng cấm. Nếu nó lùi về Tây chừng mười cây số thì mất ngay tên Chúa, cũng không ai gọi là núi nữa. Tôi qua lại vùng gò hoang nhiều lượt, gần đây mới biết dọc đường có tới ba cái đèo, riêng một cái được thổi phồng là đèo Trâu Lăn, nghe mà dựng tóc!

Dù đã quen cảnh mến người, tôi vẫn thấy cần đi nơi khác.

Tôi biết mình là đứa hay sa đà, dễ bị những xúc động một lúc cuốn xa công việc chính. Ở với xê mình không sao, nhiệm vụ với tình cảm cứ xoắn vào nhau như hai tao[(3)]đánh thành một sợi dây. Khi đi lẻ mới phiền. Áo, quần, thuốc, gạo, gặp ai quá thiếu tôi trút dần ra cho, sau đó lạnh run không có mặc, ốm không có thuốc, đói chảy nước miếng trong. Về xã gặp việc gì cũng ham, cũng lao vào, từ dạy hát cho các em đến kẻ khẩu hiệu phòng bệnh, được bà con khen đấy nhưng giờ nghỉ mất sạch. Bậy nhất là chuyến chuẩn bị chiến trường năm kia. Tôi đưa một tổ về ở xóm gần đồn 96, sửa soạn cho xê mình một đòn hốt xe tiếp tế. Địch càn, chúng tôi rút, bị một ông già mắng: "người ta tay không đánh giặc, các anh súng ống đầy mình mà chạy cong đuôi vậy à?". Cả tổ cùng nổi tức khí, đằng sau quay, đánh suốt buổi, hạ mười ba khiêng địch. Tôi với một cậu nữa bị thương, phải về đơn vị để lãnh thêm một keo vò đầu rất đáng kể.

Cuối lá thư gửi về H.68, tôi viết xin chuyển ra Đà Nẵng, cũng để tránh một chầu sa lầy mới. Lý sự vững chắc lắm nhé. Được giao tìm hiểu Mỹ, lại đụng đầu với Mỹ hoài. Dù muốn biết thêm về ngụy cũng không nên ở đây: cả miền Nam thắng như chẻ tre, riêng Tam Sa lui về cái thời làm ăn rị mọ[(4)]trước đồng khởi, còn điển hình chỗ nào. Ai dùng đến kinh nghiệm chống líp của xã này, khi quân ta đang vây các thành phố? Và mấy nơi đã mắc những rắc rối trong hàng cán bộ như đây, để hỏi nên gỡ rối cách nào? Tôi cuốn gói là phải. Đà Nẵng là nơi tôi thuộc kỹ từng phố nhờ những đêm đạp xích lô, nơi tôi quen với lớp trẻ nhiều, trẻ thích chụp ảnh hơn già. Đà Nẵng ngập dưới dòng thác lính thủy đánh bộ Mỹ ùn ùn đổ vào. Đà Nẵng ù tai choáng óc vì phản lực Mỹ ngày đêm lên xuống, Đà Nẵng hừng hực khí thế muốn nổi dậy...Tôi tự thuyết phục mình rất hăng, nhằm cố gỡ những

ngàn sợi tóc đang buộc tôi vào mảnh đất và nhóm bà con đang một lần nữa mắc cạn. Tôi cũng sờ sợ khi nhận ra mình thương Mẫn nhiều quá. Phải chi Mẫn là con trai thì hay biết mấy, chúng tôi có thể thân nhau hết mực mà không bao giờ vượt qua tình bạn...

Khó tưởng được cái sức bền dẻo lạ lùng của Mẫn. Mẫn làm và học chung với đội du kích, còn bận thêm trăm thứ việc không tên của người thay mặt chi ủy và ủy ban nắm xã đoàn, xã đội, còn giữ vai người chị Hai thu vén tuy không lớn hơn anh em là bao. Tôi không biết cái võng của Mẫn là cũ hay mới, bởi Mẫn luôn ngủ sau dậy trước. Đi bắn tỉa hay phá ấp về, Mẫn đợi anh em nắm hết mới đi tắm giặt một mình, chớp mắt một lát đã dậy nấu cơm. Cánh con trai ngáy giòn đến khi nước uống rót đầy ống, cơm bày sẵn, tắm xong lại cởi áo rách ném nhờ chị Hai vá, gạ chị Hai bắt ốc hái rau, lén xé sổ tay chị Hai quấn thuốc hút, đủ trò. Mẫn chỉ cười cười trong khi các cô trẻ nổi cáu.

Mẫn hay nhờ tôi bày thêm một ít lý thuyết bắn máy bay và các công thức tính lượng thuốc nổ phá cầu, phá lô-cốt. Tôi ngả lưng, vừa quạt vừa giảng bài. Mẫn ngồi ghi trên đầu gối, mồ hôi đọng từng giọt bằng hột đậu trên mũi, cây bút bi chịu nóng không nổi cứ trào mực ra giấy và tay. Đôi lần tôi mệt quá thiếp đi nửa chừng lát sau mở mắt thấy Mẫn đang may cho con nuôi cái áo bằng vải cũ, hoặc chỉnh riêng một cậu lén bắn gà rừng giữa lúc thiếu đạn. Mẫn cùng anh em gọi đùa tôi là thầy Thiêm, và không hề giấu vẻ mặt tủi tủi khi tôi nói muốn đi nơi khác. Cái buồn lộ liễu của đồng chí muốn giữ nhau, vậy thôi.

Nhiều tiếng nổ to đánh thức tôi dậy. Pháo bầy bắn lộn xộn.

Tôi nghiêng đầu, lờ đờ nhìn qua mép võng. Cái gì cũng khang khác. Tôi nhắm mắt, lại mở, nhận ra chỗ khác ấy. Da trời ngả màu xoài chín, lá cây vàng như giữa thu, ở cuối võng hòn đá trắng tôi đặt ba-lô cũng nhuộm nghệ, tựa hồ một cơn nắng quái chiều hôm đang phủ ánh vàng ủng lên mọi thứ. Tôi chống tay ngồi dậy, thấy trong đầu có một viên bi sắt của xe tải, hai vai nhức như vừa rán cõng gạo thi với một cậu miền núi... Tôi lên cơn li bì hệt một chú lính mới bóc tem, không phải ngây ngấy dun dún một lát rồi hết như lớp kỳ cựu đường rừng đã chai ra với loài muỗi chổng mông trên trời. Con ma

sốt vừa làm một chầu truy lĩnh. Bây giờ tôi đang nhìn trời đất bằng cặp mắt đẫm kí ninh vàng, tuy rất thèm được một viên vỗ vào miệng mà nhai rau ráu.

Lại nổ nữa. Sét, không phải pháo. Trên gò sỏi khô trụi, tiếng sét dội rất sắc và giòn, như bình thủy rơi xuống nền nhà. Mây đen đằng Tây đùn lên nhanh, gần đến mặt trời. Lát nữa mưa cầm chắc. Tôi lập cập mở tấm nhựa ba thước ra căng trên võng, rồi vịn cây lần tới giếng, xương ống chân lún vào bàn chân mềm nhũn, khá đau. Tôi rửa mặt, lấy góc khăn cọ lưỡi cho đỡ đắng miệng, vào lật xem mấy cái soong để bên võng. Ban nãy Năm Tuất cắt người ở lại trông nom, tôi gạt đi, sau Chín Cang nấu bữa tối để sẵn cho tôi, À, rất khá, một soong cháo hành to ăn với cá ngừ kho tiêu. Nhờ trời, tôi sốt nặng mấy cũng ăn được nên ít mất sức, anh em xê mình hay trêu: “Hừ ừ ừ..nấu cho tao...hừ ừ..vài lon gạo cháo thôi..” Cháo còn nóng, mồ hôi túa ra làm tan cơn nhức đầu, người nhẹ hẳn.

Ai đó từ phía sông Rù Rì đi lên theo lòng suối khô, nhảy bước ngắn bước dài trên tảng đá. Một em gái nhỏ từ ấp ra tìm chúng tôi, vòng xuống sông tắm, lang thang tìm giũ chà là, giờ mới lên. Tóc xõa quá vai, áo lót trắng không tay, quần vo cao, tay phải bưng cái nón ngửa đầy chà là chín đen, tay trái bốc bỏ miệng... Tôi rửa xoong chén xong trở lại ngồi võng, thấy Mẫn đang đi tới. Mẫn chứ không phải em nhỏ nào cả. Huyện đóng tít gần chợ Cây Xanh, sao mới hai ngày Mẫn đã về. Và...làm lành với nhau như thế nào đây?

Mẫn đặt cái nón ngửa bên tôi cười:

–Ăn chà là đi anh. Buồn ngủ gặp chiếu manh, em đụng mấy bụi chín sớm...Chết cha, sao anh xanh dữ vậy?

– Trả nợ ông thần rừng...

– Mà sao anh Tuất không để ai ở nhà hết? Đêm hôm mưa gió, lỡ trúng pháo… Con Cang tới phiên trực cũng đi mất, tầm bậy quá!

Tôi xuê xoa nói lảng cho xuôi. Vậy là êm được bước đầu, khỏi ngượng ngập lựa lời bắt chuyện. Một lần nữa dáng người Mẫn khác hẳn đi: Bớt cây các-bin và cái mũ tai bèo, tóc xõa và kẹp đuôi vòng lên gáy cho ngắn bớt, để lộ hai cánh tay trần, trông Mẫn nhỏ lại như mười lăm mười sáu, cỡ Út Liềm.

Mẫn đi họp nhanh nhờ mượn xe đạp có đèn của chị Bỉnh, khúc ngoài kia đường tối, đạp ban đêm được, khi về còn kịp ghé huyện đội. Mới thấy mặt Mẫn các anh đã réo: “Nụ xoè, dây cháy chậm, kíp nổ, bày mâm tiếp khách đây!” Mẫn túm nhấc cái khăn tay đựng chà là, lật mấy lớp áo quần, giơ lên khoe một túi nhựa trắng đựng đầy những đầu nổ thủ pháo đúc bằng nhôm nhỏ rất xinh, tôi chưa hề thấy. Ưu tiên cho Tam Sa một ít hàng viện trợ đấy.

Phần tôi được hai lá thư. Tôi nhìn qua nét chữ anh Điển, đoán là giấy gọi tôi đi Đà Nẵng, bỏ luôn vào túi, nghĩ: “Sắp chia tay rồi, Mẫn ơi!”. Thư kia của anh Bảy quai nón, viết ngắn, bảo rằng huyện uỷ đã trao đổi kỹ lời đề nghị của tôi – À, à chuyện ông Liệp đây – và thấy lúc này chưa nên vội. Cách chức một số cán bộ kém thì dễ, xoá bỏ được cái luồng tư tưởng sai mà họ gieo tràn lan mới khó, hãy đợi đến đại hội chi bộ tháng sau...Vậy là tốt rồi. Miễn là cấp lãnh đạo thấy rõ sạn rơi vào máy!

Thư anh Điển dài hơn, vẫn cái giọng tửng tửng, đôi lúc châm biếm theo kiểu cù không cười.

Báo cáo của cậu khá dài. Cậu giúp trên hiểu được tình hình mọi mặt trong một vùng Mỹ sắp chiếm đóng. Nhiều nhận xét sâu đúng. Đồng chí Mẫn nói cậu giúp địa phương hết mình, chi ủy Tam Sa đề nghị khen thưởng cậu, cái đó trên sẽ xét. Riêng mình thấy chỗ khác nhau giữa một phái viên chịu lao thẳng vô chỗ ác liệt, chung tay làm nên chiến thắng, với mấy anh chàng ưa xách gói đi khơi khơi, lượm những chuyện đồn đại ngoài rìa. Mình khuyên cậu nên cắm rễ tiếp ở Nhơn Ái, đánh địch, xây du kích, giúp củng cố nội bộ, đợi Mỹ vô.

Đưa cậu ra Đà Nẵng cũng có lợi, nhưng ít thôi. Về một xã vững ở Điện Bàn, Hoà Vang, cậu sẽ tươi phần xác mát phần hồn hơn nhiều. Khi xã lên báo cáo điển hình trong đại hội thi đua, cậu tha hồ tán thêm cho mọi người trầm trồ. Có điều tụi mình đã có nhiều phái viên nằng nặc đòi về theo dõi các lá cờ đầu, còn những nơi trầy trật sần sượng như Tam Sa thì chẳng mấy ai muốn tới, mà có tới cũng phê người ta hết hồn, báo cáo về đen thui. Anh em mình hay mắc cái tật đó Thiêm à, nhìn phong trào cũng như nhìn người, ai tốt sẵn thì xúm vào khen túi bụi, ai chưa thật tốt thì lảng, ngại tốn công giúp người ta ngoi lên, thích lượm sung chín hơn là bón gốc bắt sâu cho sung.

Chắc khi viết anh Điển gặp chuyện bực, có thể bực vì tôi muốn đổi chỗ, nên triết lý hơi nhiều ớt. Đoạn cuối lại viết rất thực tế:

Nhắc cậu đừng đánh bạc với tổng Giôn, nhớ gửi báo cáo đều, giữ gìn sức khỏe, trả đủ sinh hoạt phí cho địa phương.

Vậy là đề nghị thứ hai cũng bị bác luôn. Gãy vụn. Tôi cười một mình, ngó lần nữa nét chữ lởm chởm của anh Điển, chợt thấy một luồng mát rượi tràn qua người. Tôi ngẩng lên. Mẫn đang nhìn tôi đăm đăm, tay lơ đãng bỏ từng trái chà là vào miệng, màu đen làm nổi rõ môi tươi.

– Bao giờ anh đi?

– Sáng mai xin rút dù, chào xã đội!

Mẫn đang cầm que vẽ nhiều chữ thập trên sỏi. Tôi ước được thấy một nét cụt làm nên chữ T hoa. Không có.

– Số anh phải chịu cực hoài...hồi xưa đã đành giờ trở lại cũng gặp khó..công anh vun đắp miết, tụi em chưa giúp được anh gì, nghĩ thiệt mắc cỡ...

Mẫn hứa với anh Bảy sẽ giúp tôi bủa mạng lưới quân báo chung quanh Chu Lai, trao cho tôi một số cơ sở vùng cát, cho du kích dẫn tôi đi bất cứ đâu. Tôi không dám đùa dai, đưa luôn lá thư anh Điển cho Mẫn, chẳng có gì phải giấu, chống một ngón tay vào cằm, từng lúc chớm cười trên khoé miệng- lúc ấy trông Mẫn rất ranh ngầm- bật cười to khi đọc câu cuối, ngửa tay.

– Mỗi ngày hai chục đồng! Mấy khi gặp ông cán bộ lương to, trả gấp đôi lập tức!

Tôi bốc nắm sỏi thả vào tay Mẫn. Lâu nay tôi ép mãi Chín Cang mới chịu nhận nửa số tiền ăn tôi được cấp, còn lắc đầu chép miệng hoài vì đội du kích đang lúc đói, tôi sút cân trông thấy.

Một cơn gió xoáy đổ tới rất mạnh, cuốn lá khô và bụi lên mù trời. Gió nhám sì. Chúng tôi nhắm mắt bịt mũi đợi con trốt đi qua, phủi lá đậu trên người, ra giếng rửa. Đến lúc này Mẫn mới thấy mình vô ý, ngồi trước mặt con trai với áo lót quần xăn. Tay chân Mẫn thon đẹp mà cũng lạ mắt. Cuối cánh tay trắng muốt, không có vết chủng đậu, là bàn tay rám nắng như đeo găng màu hồng nâu. Con nhà nông

quanh năm lội ruộng. Mẫn không mắc cỡ khi phơi đùi đỏ au, nhưng hai bàn chân quấn băng và đi tất lâu lại hoá trắng lốp, trông buồn cười thế nào. Cổ Mẫn có ngấn nắng của cổ áo bà ba, lắm ngấn ghê. Mẫn luống cuống rửa vội, mặc áo ngoài, buông ống quần, tháo kẹp cho mái tóc đổ dài xuống lưng, vừa búi vừa nói bẽn lẽn:

– Qua đồng Tam Trân, cái Mô-ranh quần sát quá, em phải giả làm con nít đi chăn trâu. Thấy rõ thằng Mỹ ngồi sau anh à, râu mép nó màu như râu bắp.

Trời tối sầm xuống như cái đèn măng-sông treo phía Tây trời vừa xì hơi. Mưa nặng bắt đầu rơi lộp bộp, xốc bụi trắng xám. Mẫn vào hốc đá soát lại đống bao trùm nhựa, rồi chạy đến núp dưới tấm tăng của tôi. Đội du kích bật khỏi làng giữa mùa nắng, chưa lo sắm tăng nhựa. Hai chúng tôi nhường mãi cho nhau cái võng, sau đứng cả.

Mưa to dần, ít sét, nổi bong bóng trên các vũng, báo hiệu sẽ kéo dài. Tôi chóng mặt đành nằm võng, để Mẫn cúi lom khom nhìn chéo lên mây chép miệng hoài. Mẫn lúng túng rõ. Vào ấp một mình dễ đụng phục kích hay ta bắn lầm, lại lo bỏ “thầy Thiêm” sốt chẳng ai coi ngó. Ở lại đây, chà, biết tôi đứng đắn hay không, đằng nào miệng tiếng thế gian cũng phiền...Tôi thấy cần lấy lại cái giọng ông thầy thuốc gia trưởng dạo trước:

– Mẫn ơi!

– Gì, anh?

– Tụi mình còn đi với nhau lâu, giữ gìn miết cũng vậy. Nay mai gặp hồi bí, bộ cô không cho tôi xuống chung hầm bom à? Cột võng nằm nghỉ đi!

Mẫn tần ngần chút nữa rồi bật cười dài, cười rũ. Nghĩ gì mà cười ngon lành vậy? Cười chán, Mẫn cũng lấy võng ra. Cây thấp quá không buộc được võng hai tầng, đành buộc ngang nhau. Tôi nằm bên Mẫn ban đầu còn ngường ngượng, sau chỉ thấy ấm bên vai như khi ngủ chung với xê mình. Mẫn im một lát, có lẽ đợi qua mấy phút xấu hổ lại khúc khích

– Anh nói chuyện chung hầm, em hết hồn, lâu nay chưa tính chuyện đó.

– Địch vây tôi, cô chịu bỏ à?

– Bỏ sao được. Có điều..họ nói chết..., anh là con trai ít mang tiếng, con gái cực lắm. Để em ghép anh đi với anh Tuất.

Tôi vặn ngay, vặn hơi quá một chút vì muốn cả hai tự nhiên hơn:

– Vậy đó, hồi cần thì người ta dùng tôi mọi việc, khi thấy vướng người ta đùn tôi cho ông kinh tế, đem tôi bỏ kho!

– Gớm, anh ác miệng dữ …

– Mà ai nói Mẫn con trai không sợ tiếng đồn? Lỡ có tay nào nổi ghen, gởi đơn vị một lá thơ nói tôi lăng nhăng này nọ, thì giờ đâu mà cho cán bộ về đây hỏi thử đúng sai? Tôi cũng ngại vấy mực trong lý lịch lắm chớ! Nhưng mà tôi không giữ ý tới mức cản trở công việc. Lâu nay đi công tác lẻ với cả trăm chị em, tôi chưa nghe tiếng xì xầm nào hết. Không có ghẻ, chẳng phải né ruồi!

– Nói như sách!

– Nói như sách, làm cũng như sách. Con trai con gái chơi thân với nhau như bạn, rất tốt, về sau ưng nhau nên vợ nên chồng, càng tốt chớ chết ai. Cô lãnh đạo anh chị em trẻ vững lắm, mà hễ không thông cảm chỗ đó chắc họ cũng nói như thằng nhỏ Tâm: “Chị Hai phong kiến thấy bà!”

– Hừ, phong kiến!

Mẫn quẫy mình, ngồi bật dậy, xoay người đối mặt hẳn với tôi. Giọng Mẫn bỗng có tiếng rung của sắt đập:

– Anh tưởng em chỉ biết có nụ xoè kíp nổ thôi à? Em làm công tác Đảng, công tác Đoàn hằng ngày phải khuyên người này dỗ người kia, phải giúp anh chị em hiểu những chuyện tình yêu tình bạn chớ! Mà dầu không làm cán bộ, thân gái lớn lên cũng phải tự nghĩ rồi đây ưng ai lấy ai chớ. Nói ra mắc cỡ, còn sợ người ta cười đang đánh Mỹ mà lo sự riêng tư, tụi em con gái cứ giấu kỹ, nói quanh, chắc anh nghĩ đám này khờ lắm, hô đi hét đứng thôi. Lầm rồi. Năm ngoái có anh yêu Chín Cang, lại nhờ chú Luân nói giùm, nó chối qua loa cho xong, sau đó tâm sự với em: “Ảnh tốt, dễ thương, mình gạt đi cũng tiếc. Bị cái ảnh coi thường mình, không tỏ thiệt với mình, mượn miệng ông bí thơ để buộc mình phục tòng cho mau, mình không chịu được cái phong kiến kiểu mới đó!”. Em phê nó tự ái, nó nhận chắc không chịu sửa. Tụi em cầm súng đánh Mỹ để giữ

nước giữ làng, đúng, mà cũng giữ luôn cái quyền định đoạt đời mình nữa, có phải phong kiến không?

Tôi sửng sốt nhìn Mẫn, một khối đen khi vắng chớp, một con người sắc nét và nhiều màu khi trời loé trắng qua mái nhựa. Tôi vẫn tưởng cô gái này làm nhiều hơn cảm, cảm nhiều hơn nghĩ, nghĩ nhiều hơn bênh vực ý nghĩ của mình...

– Em quen các anh bộ đội về xã, anh nào cũng vui vẻ, tử tế, đôi khi chọc tụi em cãi chơi chớ coi phụ nữ bình đẳng lắm. Em quí chỗ đó, mà cũng nghĩ vậy chẳng biết trật hay trúng: các anh quen sống trong tập thể lành mạnh, tiến bộ, luôn luôn được học cái mới, sót ai kém thì chung quanh rèn hoài cũng ra tốt, cứ vậy miết rồi các anh quên cái khó của tụi em ở xã. Phong tục, dư luận, bao nhiêu thứ xưa bày nay làm, coi vậy chớ còn nặng anh à. Cái đó không tránh được. Hai chục năm nay đồng bào mình đánh tây rồi đánh Mỹ, học đường lối chánh sách nhiều lắm, thử hỏi có lần nào học kỹ về thái độ đối với phụ nữ, về tình cảm trai gái hay vợ chồng hay không? Đạo đức số một như chú Luân đó, về nhà nói với vợ cũng quanh năm mày tao, con gái chú yêu anh gì ở trại sản xuất thì chú bắt phải cắt. Thói quen ngàn năm đâu dễ sửa! Tụi em dỗ nhau: thôi, việc nước là lớn, chuyện vặt dẹp một bên, nước độc lập trước sau gì mình cũng được tự do, mà cũng đừng sốt ruột xin đi thoát ly, hồi nào trên cần sẽ rút, cứ ở lại xã lo dồn sức đánh Mỹ đã …Em giữ ý tới vậy, còn bị tiếng đồn là chửa hoang với bộ đội, đi xã khác phá thai, anh biết không?

– Biết. Thằng Ba Thấn phản rồi, ai tin nó nữa?

– Một đồn mười, mười đồn trăm, ít ai hiểu đó là thắng Thấn phá rối. Anh nghĩ giùm làm sao cải chính đây? Hay là em lên trước mít tinh: “Thưa đồng bào, thằng Thấn gieo tin bá láp, tôi không chửa hoang phá thai bao giờ”?

Mẫn cười khẩy một tiếng khô và lạnh, nín thinh. Tôi đã nghe anh Luân kể qua chuyện ấy, tránh không hỏi Mẫn ngờ đâu chính Mẫn lại nói trắng trợn đến thế. Tôi đợi thấy nước mắt trên khuôn mặt lúc này trắng mờ. Trời chớp. Chỉ có đôi mày đen nhíu lại gần chạm nhau, cặp môi mím giận dữ. Một tiếng ực nhẹ, Mẫn nuốt nước bọt hay

nuốt cái nấc trào lên cổ. Hồi lâu Mẫn mới tiếp, giọng rất trầm trong tiếng mưa rơi ràn rạt:

– Anh hay trách em quá bí mật, máy móc, thân đó rồi sơ đó. Làm sao được, em là chi ủy viên, không được đem chuyện nội bộ đi kể với người ngoài. Em mang ơn anh nhiều lắm, mà phải giữ nguyên tắc, anh ghét thì chịu… Bây giờ anh sanh hoạt chung, chú Luân dặn em nói hết, nhờ anh giúp cho, anh đi đây đi đó hiểu rộng hơn...

Chú thích

(1) Tiếng nhân dân quen gọi máy bay trinh sát nhẹ.

(2) “Phong trào cách mạng quốc gia” do bọn Diệm tổ chức

(3) Sợi con(để bện chão)

(4) Mò mẫm, tủn mủn

Chương 11

Cùng lứa tuổi ấy, nếu sinh làm con gái rốt trong một nhà đủ cha mẹ, anh chị và không quá túng thiếu, Mẫn có thể là một trong những cô Út tôi quen, nhí nhảnh líu lo, ưa làm nũng nhưng cũng thích vâng lời, nhảy chân sáo theo cách mạng như đi chơi hội. Mẫn khác họ. Mẫn là chị Hai trong một gia đình cán bộ rất nghèo, bị giặc phá nát, bước vào trường đời ở một xã bị chà xát nặng. Cho đến nay, Mẫn cứ thèm được chơi đánh ô đánh thẻ, được tập thêu đan bằng hai bàn tay nhiều chai, nhất là thèm học chữ.

Cây cột nhà Mẫn có một vết rựa chặt rất sâu, đất nhét kín mà mép còn rõ. Cha Mẫn giữ trâu bầy cho xã Chinh hơn mười năm, trầy trật mãi mới quăng roi vất nón được, căm lắm. Khi nghe con đầu khóc lọt lòng, ông chém cái rựa vào cột, chắc định thề câu gì rất độc, sau chỉ nói: "Nín con, sợ cái gì, tao chết đói còn hơn cho mày đi ở". Hồi đánh Pháp, huyện này nằm trong vùng tự do, nhưng cha Mẫn ham tiếng súng hay đi xa, hết dự chiến Điện Bàn, Hoà Vang lại đưa dân công lên Tây Nguyên. Ông làm thôn đội, mù chữ mà say việc, tánh nết như đá lửa, rình sâu con mắt mới tóm được tài liệu Quần dài đen[(1)] trong rương xã Chinh. Sau Giơne hắn bắt ông lập tức, đánh chán tay mới lập hồ sơ đưa đi Côn Đảo.

Năm ấy Mẫn mười tuổi. Mẹ kêu Mẫn lại, nói nhỏ:

– Cha bị tù rồi, con ráng giúp mẹ chút.

Việc đồng việc nhà Mẫn đã làm được gần hết. Mẫn giúp mẹ việc mới: đem cơm và đưa tin cho bác cán bộ nằm hầm sau vườn. Bác này đổi vùng hay đi đêm bị phục, bác khác tới. Khi đứt khi nối, hai mẹ con giữ mãi mối dây còn lại của cách mạng. Địch nghi, soát nhà xăm đất, bắt nhiều lần, giam đánh chán nó lại thả về để cho đứa rình tới mòn gốc lựu đầu hè. Kệ nó. Ba Tâm với Út Hoà không được dính vào: Tâm là con trai một, Hoà nhát gan.

Tới năm 1961, Mẫn bị bắt ở chợ An Tân với hai ngàn viên thuốc sốt rét clô-rô-kin trong người. Đòn gần chết. Mẫn được một chị

chung buồng giam cởi trói, lội ruộng băng gò bốn đêm tới Tam Sơn, vùng giải phóng đầu tiên ở ven núi. Mẹ Mẫn ở tù thay con, chế độ địch nó vậy. Mẫn được đưa vào đội võ trang công tác Tam Sa mới lập, chú Tám Liệp làm đội trưởng. Các chú xân xiu[(2)]với điều lệ, kết nạp Mẫn vào Đảng khi mới mười bảy tuổi, lấy bảy năm công tác bù chỗ thiếu tháng. Các chú còn tống liền liền cho hội đồng xã mấy lá thư cảnh cáo, lá cuối cùng không đúng chính sách nhưng dễ lọt tai hơn cả: "Bây giết gia đình có người theo cách mạng, tụi tao giết gia đình bây, liệu hồn!". Mẹ Mẫn và mấy người bị bắt nữa được thả rất nhanh.

Đó là quãng đời vui nhất của Mẫn.

Mẫn được đánh giặc. Ta đây, địch kia, không còn gượng chào "ông cảnh sát" khi nó sắp treo mình lên xà nhà. Những thằng cấu xé chà đạp nhà Mẫn, hút máu cả làng, nối nhau giãy đành đạch đòi ăn cơm cúng, hoặc "em lạy chị Hai" suốt dọc đường về trại cải tạo. Bấy nhiêu đủ là hạnh phúc lớn rồi, huống chi bà con gặp đâu ôm đó, huống chi Mẫn còn được học đủ thứ, được anh em coi ngang hàng, được sống gần chú Liệp để chú bày vẽ cho từng chút.

Mẫn thương và phục chú hơn hết.

Chú Tám được cảnh nhà đủ ăn, chữ nghĩa hồi xưa tới cái rime[(3)]là cao lắm. Dạo đánh Tây chú làm văn phòng huyện, sau về làm chánh văn phòng xã cho gần nhà, kình nhau với ông chủ tịch sao đó chú bỏ việc, nể lời bạn chú vào ban thông tin xã, dựng được đội văn nghệ cũng khá. Bà con coi chú là người có tài, ăn ở cũng mềm mỏng. Các bạn ưa tính chú rộng rãi, cởi mở, dám chơi hết mình, chỉ tiếc chú hơi "tài tử" trong công tác. Chú buồn vì bị ép lấy bà vợ già, không con, hay đến chơi nhà Mẫn, nửa đùa nửa thật nhận ba chị em Mẫn làm con nuôi. Gần tới đình chiến chú được kết nạp Đảng, nghe đâu chi bộ hồi đó bàn cũng lâu mới ừ.

Địch tới, bắt giam chú chừng nửa năm rồi thả về. Chú không khai báo, có lẽ cũng không biết gì bí mật mà khai. Nhiều người nói nhà chú bán trâu đút tiền cho hội đồng nên được ra tù sớm, khỏi bị xếp loại tình nghi can cứu và treo bảng cô lập, đi lại làm ăn cũng dễ.

Giữa hồi điên đảo, chẳng mấy ai để ý cái vặt ấy, giữ mình được như chú là khá rồi.

Vợ trước chết bệnh, chú lấy thím Liệp bây giờ, sắc sảo mà biết điều, buôn giỏi có hạng. Chú biết nhà Mẫn nghèo xác, bị cô lập mà cứ nuôi cán bộ, thỉnh thoảng lén giúp gạo tiền. Mẹ Mẫn đưa chú một thư móc mấu của bác Bảy quai nón, chú nhắn trả lời: “Cơm chưa ăn thì gạo còn đó, xin cho tôi lắng xuống ít lâu, tụi nó bớt rình đã...”. Mỗi lần mẹ Mẫn đi tố cộng hay bị giam, chú đón cả ba đứa nhỏ về nhà, tụi dân vệ nể chú cứng lý và sợ thím đòi nợ nên ít dám gây sự. Chú đặt tên chữ, Mực, Tôm, Hến đổi thành Mẫn, Tâm, Hoà. Thím Liệp đẻ mắn, chú mừng có con mà vẫn chăm nom chị em Mẫn.

Đứa trẻ yêu cha đến mấy cũng có lúc phảng phất thấy cha thương con là sự thường, đẻ ra ắt phải thương. Chú Liệp là người dưng mà ăn ở vậy, Mẫn càng biết nghĩ càng thấm ơn chú. Mẹ Mẫn cũng dặn các con coi chú như cha nuôi, lớn lên trả nghĩa sao cho phải, chỉ tiếc một nỗi chú có bề thủ phận.

Sau cú đảo chính hụt năm 60, một đám tề mới nhảy lên, chống cộng dữ tợn, trị cả bọn “tề mềm” vừa đổ. Chú Liệp bị bắt lên căn vặn về khoản đảng viên cũ, xem chừng chúng muốn khảo của là phần nhiều, nhưng chú biết muốn yên cũng khó yên được nữa. Ta đánh gắt, địch càng thua càng giận cá chém thớt, mạng chú e khó giữ. Chú dựa mấy tay quen, xin được cái giấy đi Sài Gòn làm ăn, khó biết chú muốn che mắt địch hay tính chạy trong[(4)]như một số khác. Nấn ná ít lâu nữa, tới khi tụi ác ôn đem hai “đảng viên cũ ngóc đầu” ra cắt cổ giữa chợ, chú mới chào bà con đi buôn xa, và “nhảy núi” theo mối dây của mẹ Mẫn.

Bác Bảy quai nón cử chú lập đội võ trang công tác Tam Sa, chú xin hoãn vì sức yếu, tạm giúp việc ở văn phòng huyện. Thật ra chú chưa muốn lộ mặt vì sợ địch biết chú không đi Sài Gòn, trả thù vợ con. Khi biết mười mươi là thím Liệp với các cháu đã bị quy khu[(5)]gần chợ An Tân, chú mới nhận làm đội trưởng, chọn được sáu bảy anh em vào đội, theo đà vùng giải phóng mở rộng mà dời lần lần về gần Tam Sa. Anh em thương chú, nhân một đợt vêtêba[(6)]vào chợ An Tân đã đưa hết gia đình chú lên vùng ta, cõng cả máy may,

gánh bốn gánh hàng buôn của thím Liệp. Cả nhà gặp nhau, mừng khóc ròng.

Mẫn thoát tù lên, gặp lúc đội chuyển về Tam Trân mới giải phóng, được ở với chú thím và các em, vui hết chỗ vui. Mẫn giúp thím Liệp dựng quán ở phố chợ Ngọc Lợi, ríu rít với mấy đứa nhỏ cả ngày, chú thím thương xuống và Mẫn thương lên, rất tội. Thím Liệp sẵn vốn, sẵn bạn buôn cũ ở An Tân và Tam Kỳ, đặt hàng gì có ngay hàng ấy, chở bằng ô-tô hay xe thồ đến tận cửa. Thím coi cả đội như con em trong nhà, thiếu áo thím may cho, bị thương bị bệnh thím nuôi cả tháng, chưa lành thím chưa cho đi. Bạn chú Liệp ở huyện và các xã khá đông, qua Tam Trân hay ghé thăm, thím bận mấy cũng đón niềm nở. Địch càn lên vài tháng một lần, chú đi lánh, thím ở lại đấu lý với chúng không cho cướp quán, gang thép lắm. Chú Liệp lãnh đạo anh em rất sâu sát, có tình, lại giỏi sắp xếp nên việc gì cũng chạy ro ro. Làm ruộng tự túc vượt mức, học quân sự chính trị đều, học được cả văn hoá nữa là chuyện ít có, giúp dân cừ, văn nghệ nổi... có rất nhiều tiếng khen về đội Tam Sa.

Chỉ có một mặt đội không được khen mà còn bị chê: bám dân đánh địch kém. Ác cái nó lại là mặt chính. Thiếu nó, đội chỉ còn là một nhóm bà con lánh nạn, đùm bọc nhau mà sống qua ngày.

Huyện thấy chỗ yếu đó, nhắc, giục. Dần dà Mẫn cũng thấy, anh em trong đội thấy. Các xã khác giành chính quyền rầm rầm, Tam Sa vẫn bị kẹp ức lắm. Đội đã mạnh, gồm năm cán bộ, mười một du kích, chi bộ được sáu đảng viên trong đó Mẫn là em út. Bấy nhiêu người mà vẫn giữ mức mỗi tháng vài chuyến thậm thụt về xã, vào những đêm không trăng. Mẫn với mấy người nữa bàn với chú về bám xã, đào hầm nằm trong ấp mà phát động bà con nổi dậy, không cũng ở loanh quanh vùng gò đánh vào. Bác Bảy về thăm đội vũng nói vậy. Bác đi rồi, chú Liệp mới khuyên nhỏ nhẹ:

– Bác nắm cái chung, phải nhắc chung vậy thôi. Xã mình khác. Nằm ngay chỗ cuống họng địch, đường cái đen cắt đôi, động đậy một chút là quân nó kéo tới đen đất chật trời, gay lắm. Bây sốt ruột một, tao sốt ruột mười kia chớ. Có điều, làm cách mạng mà không nắm cái anh thời cơ, không tính tương quan lực lượng thì coi như thí mạng. Thời cơ nào à? Giả như chủ lực mình đánh vô Tam Kỳ, An

Tân, địch đổ về giữ hậu cứ, nó vãi đất vãi dân ra mình hốt không kịp. Giả dụ nó đảo chánh, nó ly khai nhau, thiếu gì lúc ăn ngon... Nói cho cùng, nồi đồng sôi nồi đất cũng sôi, các nơi giải phóng hết thì Tam Sa cũng giải phóng, lo gì!

Rồi chú nói bùi ngùi:

– Tao thương là thương tụi bây tốn xương máu vô lối... Mà tụi bây còn dễ, chớ đồng bào mình như cá trên thớt, mỗi lần đổ bể lại bị bắt bị giết cả mớ, nổi oán cán bộ làm ẩu, đâm chờn đâm nhụt. Thì bây coi Tam Thắng đó, hồi bí mật phong trào cứng biết mấy, khởi non một keo, bây giờ cán bộ tới đâu dân đánh mõ la làng tới đó, đuổi như đuổi tà... Dục tốc bất đạt. Cứ xây dựng đội cho vững đi đã. Nuôi quân ba năm, dùng quân một ngày, tới hồi đánh bây phải đánh long trời lở đất kia!

Lần khác, chú kể những gương kiên nhẫn chờ thời hồi trước cách mạng tháng Tám, hồi đánh Pháp ở vùng tạm chiếm, gần đây nhất là hồi chưa đồng khởi, kèm theo đó là những vụ nóng mũi làm ẩu, chết mình mà còn hại dân, rã phong trào. Lý luận chú có thừa, mẩu chuyện sống cũng rất giàu. Mẫn và số anh em đòi đánh chỉ còn trách mình cạn nghĩ.

Rồi cái băn khoăn ấy lại trỗi dậy khi Mẫn được học một lớp đảng viên trẻ mười hai ngày ở huyện. Lần đầu tiên trong đời, từ khi biết đem cơm cho cán bộ nằm hầm, Mẫn tập suy nghĩ bằng bộ óc của mình. Qua rồi cái thời làm công tác chỉ vì thương mẹ, vâng lời chú, bắt chước các bậc đàn anh: thời ấy rất đẹp, nhẹ nhõm nhưng không chút gợn, hết sức dễ thương, nhưng vẫn là tuổi thơ ấu của mỗi cuộc đời cách mạng. Từ nay đồng chí Mẫn phải rèn mình theo điều lệ, làm việc theo nghị quyết, phải tự tìm thấy cái đúng cái sai ở mình và ở mọi người, gay nhất là phải góp sức làm cho cái đúng thắng cái sai. Mẫn rất hoảng khi càng học càng thấy chú Liệp sai. Những cái khôn một xu không đủ bù chỗ dại một đồng được gọi là co thủ. Vì sao chú làm vậy, Mẫn không biết, chỉ đoán là chú ở xa cấp trên, chú bận luôn không được học, chú thương đồng chí đồng bào chưa phải cách, vậy thôi.

Về tới đội, Mẫn gặp riêng chú Liệp, kể rối rít một lô cái mới vừa được nghe. Chú gật gù uống trà, tủm tỉm, sau cốc trán Mẫn một cái:

– Chánh trị đầy mình rồi! Ngang lưng thì thắt phương châm, đầu đội chánh sách, tay cầm chủ trương... Hồi trẻ chú cũng bốc máu như cháu, hơn cháu nữa, con trai mà. Chừng vô việc mới thấy khó cay khó đắng, vấp nhiều cú trẹo vai sái hàm, té ra cuộc đời nó hóc hiểm lắm cháu à. Ngay bây giờ chú mở lớp cho anh em cũng phải nói ào ào như bác Bảy chớ, phải thúc đẩy hết mức, tới hồi họ làm được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, tùy sức họ thôi.

Thùng nước giội êm đấy, vẫn là thùng nước lạnh.

Mẫn cãi không nổi, vẫn ấm ức. Gặp lúc họp chi bộ, Mẫn đưa chuyện bám dân đánh địch ra, được Năm Tuất vun vào, bị một đồng chí bác và giễu, một nửa "lừng khừng, coi chừng đổ bể", tới chú Liệp kéo ngay qua việc khác, coi như ý trẻ con chẳng cần bàn mất thời giờ. Sau đó chú gặp Mẫn, lắc đầu "Thiệt là nai tơ chưa nếm mùi bẫy kẹp!" Coi như Mẫn đạp vỏ chuối keo thứ hai.

Tới hôm chi đoàn và du kích họp chung, Mẫn lại gợi, gần hết rất ưng, cử Mẫn với hai người nữa "vận động chú đội trưởng". Chú cười, khen anh em hăng, hứa sẽ xét, cho Chín Cang và Năm Ri về trước, giữ Mẫn lại mắng cho một trận tơi bời. Hỗn, con sứa đòi nhảy khỏi đăng, lau mũi chưa sạch mà chực dạy người đã đội hai tấn thép trên đầu. Chưa bao giờ Mẫn thấy chú giận đến vậy. Mẫn khóc hu hu, chú dỗ, chú cháu tạm làm lành.

Nhưng vết nứt không hàn được nữa.

Phải nói rằng chú Liệp và những người không muốn bám xã cũng có cái lý của họ. Hồi đó ta đang đụng kế hoạch Xta-lây Tay-lơ, khá mệt. Ngay Tam Trân cũng bị càn dồn dập, trực thăng chụp, xe xích rạch ngang xé dọc, địch líp lại mất hai thôn dưới. Bác Bảy nói địch bỏ hở sau lưng, vùng sâu khởi được, nhiều người cứ nửa tin nửa ngờ. Đội cử mấy đồng chí về đào hầm bí mật, đi vài lần thì trúng phục kích, hy sinh một. Đi đường khác, lại phục, Mẫn bị thương nhẹ. Một đồng chí huyện ủy kéo cả đội xuống Tam Sa phá ấp rầm rộ mấy đêm, mìn nổ chết hai người, ngay đồng chí kia cũng bị gãy cánh tay. Mỗi lần đội gặp nạn, chú Liệp lại lo nuôi anh em bị thương và chép

miệng: “Đã nói mà...”. Bà con Tam Sa lên thăm đội, đòi đánh nhiều mà khuyên đừng đánh cũng không ít: “Để vắng lâu lâu đã, bây gặm kiểu đó uổng mạng mà đồng bào chết lây”. Bởi vậy Mẫn ít oán riêng chú Liệp chỉ tức chung luồng gió trái cản con thuyền.

Vào hè, có những đêm trời hầm, người bứt rứt khó chịu lắm, ấy là khi “cái bấc cái nồm chống nhau”. Mẫn trải qua nhiều đêm bấc nồm như vậy, với những dấu hỏi bò như vắt đói trong đầu. Tại sao mình lại nghĩ khác bao nhiêu đồng chí trải đời hơn? Hay là mình kiêu, chơi trội, yên hùng lẻ? Điếc không sợ súng? Cho dù mình đúng mười phần đi nữa, có nên đưa đầu chịu báng mãi vì nói cái đúng không? Nếu sau này truy ra đội sai, chi bộ sai, thiếu gì người lớn chịu trách nhiệm, ai trách tới con nhỏ này mà lo? Mà muốn trách cũng chẳng trách được, mình đã trình bày khắp nơi rồi, bị gạt đi rồi, lỗi đâu tại mình? Mấy nơi muốn rút mình, nên bỏ đi quách, ở đây làm được cái gì? Về phụ nữ huyện, đi học y tá, chuyển qua mậu dịch, thiếu gì việc vừa sức hơn, chị em đông vui, xa bom đạn, lại tránh được những va chạm mệt mề? Chờ được vạ thì má đã sưng....

Tới đó, một câu trả lời rất ngắn từ đáy sâu trong hồn cô gái hiện lên bằng chữ lửa: “Mình là đảng viên”. Mình vào Đảng để làm cách mạng và rủ người khác cùng làm cách mạng. Mình vào Đảng không để kiếm chác một chút gì hết, chỉ để hy sinh nhiều hơn. Mình không hề sợ địch, sao lại sợ những lời mắng hay giễu của người thân hiểu lầm? Mình đã dám lãnh thêm cái khổ cái chết khi đòi về bám xã, bây giờ phải bám giữ cái đúng, chống cái sai, tới đâu thì tới! Mình trách những người bỏ chiến đấu chạy dài, nếu mình tìm nơi yên ổn mà trốn thì khác gì họ!

Qua mỗi giờ dằn vặt như vậy, Mẫn mệt và thấy mình khỏe thêm. Chú Liệp lạnh mặt, thím Liệp nói cạnh khoé, mấy anh em khác châm chọc “muốn làm lãnh tụ mà không ai bầu”. Mẫn đau ít thôi. Chai da lì đòn mà. Số đồng chí thấy Mẫn đúng cứ tăng dần. Các cuộc họp chi bộ và đội ngày một găng. Chú Liệp báo cáo lên trên là Mẫn phá đoàn kết nội bộ. Chị Bỉnh ở Tam Trân quí Mẫn cũng hỏi: “sao họ kêu mày đá lung tung?”. Mẫn chỉ cười trừ. Hột đậu có nứt, cái mầm mới lên thành cây được.

Hồi ấy cơ quan huyện dời ra cách Bắc đang mở[7] mạnh, ít có cán bộ về Tam Trân, Tam Sa. Nhưng, thật khó ngờ, cái sức ép bắt chú Liệp chuyển lại đến từ vùng bị kèm kẹp.

Không bị quấy rối, tụi ác ôn Tam Sa thả sức làm mưa làm gió, hạng chót như một thằng liên gia trưởng cũng dám đánh người nã của. Dân vệ xã lên tới một đại, chưa ăn đạn nên rất hăng đi phục kích kiếm tai cán bộ lấy thưởng. Dân la trời nhất là cái ấp chiến lược hai sông ba núi. Nhà giàu mất ruộng, nhà nghèo mất cả ruộng, nhà, vườn, công làm ăn. Bà già sáu mươi còn bị bắt đeo mõ cầm đèn đi gác. Nhiều người phải dỡ nhà lấy tre nộp cho đủ số cây rào. Đi kẻng về kẻng, gánh phân vòng rào mỗi buổi chỉ được hai gánh đổ ruộng, đất phải bỏ hoang một nửa trong khi con nít khóc đói... Bà con Tam Sa lén lên tìm đội, thúc phải đánh...

Chị Biền chỉ mặt Năm Ri, em họ: “Đưa súng đây, tao đổi cho cái quần lụa, tao về mộ quân đờn bà đánh khá hơn mày!”. Mẹ Sáu tỉ tê với Mẫn và Chín Cang: “Mẹ mày Mẫn à, bả biểu tao hỏi thử bây mắc lo chồng con hay sao mà chẳng thấy ho he...”. Còn ông thầy Mười, trước khuyên “khoan đã”, bây giờ bước vào quán bà Liệp, cười khà: “Cha, ông Tám chạy giặc lên đây, coi bộ phát tài hơn hồi ở dưới ta nữa hé!”. Mấy bà có con bị bắt quân dịch nói sa sả với chú Liệp: “Các anh đêm về nổ một phát súng, đốt ít cây rào, trai làng kéo theo sạch ráo, tụi tôi mới khai Giải phóng về bắt con được chớ! Nhờ các anh bấy nhiêu mà cũng làm lơ cho đành! “

Chú Liệp và số chờ thời đã lâm nước bí.

Chú bắt đầu nói “phải tự tạo ra thời cơ”. Chú khen Mẫn và số anh em bênh Mẫn: “Có ăn có chọi mới gọi là trâu chớ”, chỉ trách họ đôi khi “phạm nguyên tắc tổ chức”. Rồi chú chia đội ra hai bộ phận, tiền phương và hậu phương. Mẫn được cử nắm tiểu đội du kích xuống Tam Sa đánh giặc phá ấp, tối đi sáng về hay muốn ở tùy lòng. Ở hậu phương là “nhóm lãnh đạo”, gồm những cán bộ lâu năm, coi như bộ óc của phong trào. Anh em đều thấy đúng. Mất ngón tay ngón chân không sao, mất đầu thì tiêu.

Những ngày đầu trở về bám xã sao mà quá gay go. Địch như con vi trùng đã ăn vào máu mà lờn thuốc, tiểu đội Mẫn đánh nó được ít

mà bị nó đánh nhiều hơn, phục chỗ này, úp đằng kia, rượt chạy cùng gò. Bà con thấy du kích làm ăn cà trật cà vuột, thương lắm nhưng không tin, một số tránh dây dính vì "chẳng nước non gì mà chết lây uổng mạng". Liên tiếp ba đồng chí trúng đạn, một chết, hai nữa bị thương cũng rút lựu đạn chia đôi với giặc. Có người nản bỏ về Tam Trân, cày ruộng trồng khoai tự túc cho đội. Được cái số đông càng bị địch đuổi càng sôi máu, thề "có chết cũng chết trên đất Tam Sa". Anh Năm Tuất lầm lì, rất chậm, nhưng đã làm gì thì cưa đứt đục suốt. Đoàn viên như Răm Ri, Chín Cang xông xáo mạnh, chưa được kết nạp vì chú Liệp thấy còn non. Sau chừng một tháng quần lộn ẩu kiểu ấy, đội du kích mới móc được một số cơ sở, tìm ra những kẽ hở trên bộ mặt lởm chởm của địch, đứng vững được trên vùng gò, vài đồng chí vào nằm hầm trong ấp. Dễ thở rồi.

Hiểu địch, Mẫn cũng hiểu thêm ta. Sức ta lớn lắm nhờ có bốn ngàn dân căm giận. Những ai do dự cũng sẽ dám ra tay, không trước thì sau, cả xã nổi dậy thì trong người họ sẽ có cuộc nổi dậy của lòng yêu nước và những mối thù chưa trả. Bà con biết rõ lắm: một ngày chưa giải phóng là một ngày họ chết mòn, và khổ hơn nữa là họ bị địch dùng để giết cách mạng. Một cây rào cắm xuống, họ mất một cây đòn tay nhà, cũng có thể mất một đứa con khi nó về nhổ rào. Thằng em bị bắt quân dịch, biết đâu khi thả đạn vô nòng cối lại không bắn trúng anh nó bên giải phóng? Cái tủi nhục ấy lắm khi đau hơn roi, cực hơn xâu thuế. Bà con sùng sục đòi khởi.

Nhưng... khởi cách nào đây?

"Bộ óc" vẫn nằm trên kia. Đội du kích ở luôn dưới này, bỏ hẳn những chuyến đi đi về về rất nguy hiểm, bởi địch hay rải quân phục dọc sông Rù Rì, rắc pháo trên đồng lớn Tam Trân. Mẫn với Năm Tuất thay nhau lên báo cáo, chết hụt mấy lần, chú Liệp càng đủ cớ "bảo vệ cán bộ" để không về xã.Chú chỉ đạo từ xa bằng những câu "coi chừng đổ bể", "Chuyện xương máu đừng làm ẩu", và nhất là "phải giữ nguyên tắc tổ chức", nguyên tắc ra sao thì tùy chú giảng. Tất cả các báo cáo gửi lên huyện đều do chú viết. Chỉ thị gửi xuống, chú đọc và giữ luôn. Cán bộ về kiểm tra, chú đón, chú kể sự tình theo khẩu vị của khách, muốn mặn có mặn, muốn ngọt có ngọt. Cần lắm chú mới cho người dẫn xuống khỏi sông Rù Rì gặp du kích một

lát, lên ngay trong đêm, vì “du kích yếu quá chưa bảo vệ nổi”. Mẫn và anh em phải mò mẫm từng chút, phải chạy lên Tam Trân để hỏi từ cách nắm cơ sở đơn tuyến tới điều lệ Hội phụ nữ giải phóng, làm gì cũng nơm nớp sợ sai.

Phong trào Tam Sa lớn lên vẫn phải mặc mãi cái áo quá chật, cựa đâu đứt chỉ đó.

Đến đây Mẫn mới thật hiểu chú Liệp, mới dám bóc lớp sơn son thếp vàng của tượng thần để thấy đất sét bên trong.

Ngay từ đầu chú đã theo cách mạng với những tính toán “đôi bên cùng có lợi”, và chú muốn phần lợi của mình nhỉnh hơn chút đỉnh mà không hại tới việc chung. Chú vẫn phục vụ đấy, mà cũng khéo lấy lòng người này một tí, dìm người kia một tí, nhẹ nhàng lách qua người thứ ba. Đừng nghĩ oan rằng chú hoàn toàn ích kỷ, “cá nhân cả cục”, không phải. Chú biết cái đúng cái sai, nhưng bắc cân lên thì cái khôn cái dại cho riêng chú hơi nặng đầu đòn hơn. Chú tin cách mạng sẽ thắng, tin lắm. Lý lịch của chú có khoảng trống của mấy năm nằm im, không có vết đen của sự phản bội. Chú muốn tiến thân trong công tác, cái đó cũng thường tình thôi. Trong khung cảnh của vùng tự do dạo xưa, mấy năm mới một lần Tây đổ bộ tít dưới biển, chú có lựa việc phần nào nhưng vẫn là một cán bộ khá. Và chú cứ là một cán bộ khá, chắc vậy nếu miền Nam không bước vào cuộc thử lửa ác liệt hơn trước nhiều.

Với nếp tính toán đã quen, chú tránh lộ mặt, rồi chú chịu ra mặt lập đội, rồi chú kìm đội không cho đánh, rồi chú cho du kích đi đánh trong khi chú đứng sau xa cầm cương. Mẫn sợ hãi khi tìm thấy sợi chỉ xám - không trắng hẳn, không đen hẳn - xỏ xuyên qua các lời nói việc làm của chú. Chú muốn giữ chức cao nhất mà tốn ít mồ hôi nhất, và dứt khoát không tốn máu. Ngày thắng lợi đang đến gần, chú mong tới ngày đó chú sẽ là người có công lớn, ít nhất là công đầu trong xã mình, lại không phải mất đi một cái gì hết - vợ con, của cải, tất nhiên là không mất tay chân hay mất mạng. Đội Tam Sa về bám xã, đội trưởng không về thì mặt mũi nào: chú giữ anh em lại. Thế chẳng được đừng, chú phải tách bộ phận của Mẫn ra, còn sợ “tụi cứng đầu” thoát quyền kiểm soát của chú. Chú không dám đưa số trẻ vào đảng vì ngại pha loãng ảnh hưởng của chú. Khó tin rằng

một người khôn như chú lại không thấy mình đang tự biến thành ông vua con. Muốn làm vua phải xây triều đình, có triều đình ắt có kẻ nịnh ngoi lên và người trung bị đày, tuồng tích thiếu gì. Rủi cho chú, chuyện đời xưa không thể lại xảy ra ở Tam Sa thời đánh Mỹ!

Năm Tuất cũng thấy như Mẫn, nhưng đơn giản hơn. Anh nghĩ chậm, nói càng chậm, động cãi với ai thì nổi lên cà lăm, đúng mấy cũng bị cười giễu. Mẫn thuộc hạng con nít mới lớn, đoàn viên và du kích rất tin nhưng đảng viên lớn tuổi coi thường, tại mắc cái tật mau nước mắt. Anh chị em khác chỉ khỏe đánh, không biết xây dựng phong trào.

Chưa khởi được, ta cứ đùng đoàng riết đi, dùng miệng súng nói thay miệng người. Đội du kích cứ ngày bắn tỉa, đêm phá ấp, khoái nhất là diệt ác ôn. Hồi đó ác số một là thằng Hiêm cảnh sát trưởng, Năm Ri dẫn một tổ xuống nằm vùng cát, rình đến trắng vờ con mắt mới hạ được nó giữa trưa. Thằng Tráng cầm đầu dân vệ được xếp số hai. Nó dẫn quân đi úp du kích ngoài gò, anh em bắn bậy mươi phát rồi chạy bay tóc, hôm sau đồng bào cho biết thằng Tráng trúng đạn toác đầu gối. Bọn tề khác rúng xương hết. Bọn quận đưa hai tên công an loại nghiện gan người về hà hơi. Mẫn mặc giả gái buôn, đạp xe trên đường nhựa theo chúng - tụi này không biết mặt du kích và chưa thạo trốn tránh - cho lựu đạn vào lưng, lấy hai súng ngon. Mỗi thằng ác ôn chết là lu bù gà vịt chết theo: bà con thắp hương cho người thân bị chúng giết, ăn mừng, khao du kích, cũng là một kiểu "cúng đất, chất rơm, quải cơm luôn thể". Chưa được tổ chức hẳn hoi, bà con cứ tự nghĩ ra mà làm.Thấy lửa đốt rào nổi dưới Nhị Lộc, dân Tứ Nhơn cũng ra nhổ rào trước ngõ, kiếm củi chụm, trổ luôn một lối đánh trâu ra đồng cho gần. Ngày làm xâu hay thu thuế, y như rằng có súng bắn vào làng, cả ngàn người đều kêu đạn xẹt nóng hực mang tai, về nhà nằm ráo. Cô bác khen du kích, lại dặn: "Đã về phải ở cho bén rễ xanh cây, đừng huậy huậy rồi đi, nó trị chết dân đó". Người biết hơn thì hỏi: "Các nơi nổi dậy lập chánh quyền hết, ta bấy nhiêu thôi à?".

Mẫn biết không thể bấy nhiêu. Giẫm chân tại chỗ sẽ bị địch hất ra ngoài lần nữa. Phải tấn tới, nổi dậy. Năm Tuất nói: "Chắc cũng như cách mạng tháng Tám vậy đó!". Mẫn ngớ ra: "Hồi đó tôi một tuổi,

thêm tuổi bà mụ cho nữa là hai...". Về hỏi chú Liệp, chú nói một buổi ròng, Mẫn nghe như lạc vào rừng tre gai, cựa đâu rách da đó, sai lầm với lệch lạc vây kín quanh người. Câu cuối của chú là "chưa chắc thì đừng nôn". Chú không cản, chỉ khéo đặt Mẫn vào cái thế "làm được ăn chung, bể vung mình chịu". Cứ làm, Mẫn hỏi các đồng chí Tam Trân, chị Tám Giàu, huyện đội, góp nhóp mỗi nơi một ít, học kinh nghiệm phát động quần chúng mà như học thuốc nam. Cấp trên lại báo liên tiếp rằng trước sau Mỹ cũng lật Diệm, nó bắn nhau mình nổi dậy, nghe càng ham.

Chú Tư Luân vừa vượt ngục ra, đầu còn trọc, hai gối thấp khớp đi nhúc nhắc, được cử ngay làm phó bí thư và đội phó Tam Sa. Trước chú làm nông hội, bị tù từ đợt hiệp thương, không một lần chịu chào cờ ba que, án ba năm mà chúng giam mãi không thả. Chú cười: "Bỏ mẹ, bây giờ mình quen cái trại giam hơn quen làng". Chú cười suốt ngày. Làm việc với nhóm chú Liệp hai buổi, rồi chú chống gậy đi xuống vùng gò gặp du kích.

– Bây đào cho tao ít cái hầm bem, trong ấp ngoài ấp, tao bám luôn đây với...Con ông nào đó?… Chân tao sưng, mà không sưng tao cũng chẳng muốn chạy, ăn chung ở lộn với địch miết rồi, giờ hễ xa tụi nó tao cứ ngứa ngứa...Cha, Hai Mẫn gái đầu bà Mẫn lớn kinh vậy à? Chồng con gì chưa,cháu?...! Tào lao, bây đừng sợ sai. Tao thua tụi bây chẫn tám năm hoạt động, lạc hậu một cây, vậy chớ có một cái nguyên tắc tao nắm chắc khứ là bám dân đánh địch, giải phóng Tam Sa. Trật cái đó coi như trật hết!

Đội du kích mừng thôi là mừng. Mừng nhất là Mẫn. Cái thấp thỏm lo làm bậy biến mất, từ nay công việc tha hồ mà chạy hết trớn. Chú Luân rút thanh niên lên, du kích tăng vọt tới hơn ba chục. Thiếu súng,chú tập tễnh dắt một tiểu đội tay không đi tìm anh huyện đội trưởng, bạn tù ở Đà Nẵng một dạo: "Mày hẹn trả ơn tao cứu sống, trả đi!". Làm ngang vậy mà được hai tuyn cải tiến với tám trường Mỹ. Lần khác, chú cầm xấp lý lịch của năm đoàn viên về gặp chú Liệp: "Mình đưa ông vô Đảng, tới lượt ông lo phát triển Đảng đi! Non hả? Cứ đem lý lịch hai đứa mình hồi kết nạp, so với tụi này, coi thử có được một phần mười không?". Kỳ họp chi bộ sau đó, Năm Ri, Chín Cang và hai cậu nữa được chọn, cả chi đoàn sướng muốn

nhảy tưng tưng.
Rồi Mẫn lại ngờ ngợ khi thấy mặt yếu của chú Luân. Đạo đức của chú, Mẫn học một đời chưa hết, nhưng chú nghĩ và làm như hồi đánh Pháp. Chuyện lúa khoai với tô tức thì chú giỏi đầu sổ, việc chính quyền chú biết một ít, còn đấu tranh chính trị hay binh vận chú mịt mù. Mẫn trách mình mắc cái tật lo đời, ưa vạch lá tìm sâu. Đến khi nghe chú nói mấy lần sai phương châm với anh em, Mẫn giật mình, vừa nhắc riêng chú vừa thấp thỏm sợ bị nạt. Chú nghĩ rồi cười xoà:

– Thấy tụi bây rờ đâu run đó, tao nói cứng, chớ trong bụng cũng một đống tơ vò... Ông Bảy biểu tao đi chữa bệnh, học hành ít tháng, tao nghe bây ở xã nhiều lúng túng, tao nói: Để tôi về gánh một khoá cho biết mùi phong trào, rán vực cày mấy con nghé thử coi, không rồi trâu già phế canh hết phải bỏ ruộng hoang đó! Xáp vô việc mới thấy cái gì cũng lạ, cũng khác, té ra đánh Mỹ mệt hơn đánh Tây nhiều. Chú được cái trung thành, mà chú dốt lắm cháu à, hỏi dốt chỗ nào chú cũng chẳng rõ, phải đợi khi nói bậy làm sai nó mới lòi cái dốt ra, như nhai cơm đụng sạn vậy đó. Chịu khó nhắc chú thiệt nhiều nghe cháu, tụi mình học nhau chớ học đâu cho kịp làm...

Chú cầm đuôi tóc của Mẫn trong tay, xoắn nhè nhẹ, nghĩ. Giọng chú lắng sâu xuống như dội từ xa về:

– Tụi nó tra chú mấy lần ngắc ngoải, ném nhà xác, chú muốn chết cho khỏe, sau lại nổi xung, phải đập đầu năm bảy thằng ác ôn rồi mới chịu nhắm mắt chớ. Chú không còn...à, không xông xáo được bao lâu nữa đâu. Bệnh tê thấp nó nhập tim rồi, cũng lợi là chú chẳng chạy xa được, cứ nằm lì trong ấp với bà con. Chú nói thiệt với cháu cái này, đừng cãi chú buồn. Bữa trước chú gặp bác Bảy, bạn cũ mà, chú bàn huyện nên chỉ định cháu làm bí thơ chi bộ, chủ tịch xã luôn...Đừng có hoảng! Cháu chịu lãnh cái đó, phong trào mới lên được, bà con đỡ cực cháu à. Tánh chú ưa ba lơn cười chơi, mà chú hay để ý coi người. Chú ký tên giới thiệu cả thảy chín anh chị em vô Đảng, điểm lại bây giờ ai cũng trụ bộ được hết, yếu nhứt là Tám Liệp thì cũng không đến nỗi quay lưng. Bác Bảy gật gật, vặn một cái làm chú giựt mình: “Con nhỏ tốt lắm, gan, sắc sảo, có điều... nhóm Tám Liệp chịu để cho nó làm việc không? Đồng bào đã thấy

nó nhận ít lâu rồi chạy lên huyện trối vái xin trả cái bí thơ, đòi đi học y tá?". Bác lo vậy là phải. Bác còn nhắc vầy: "Thôi, giao ông đó, ông làm một hai khoá, đào tạo một lứa trâu tơ biết cày biết báng, mới cạy răng dịch mà dân lấy đất được. Riêng Hai Mẫn, ông làm sao chi bộ bầu nó vô chi ủy với số phiếu cao, đồng bào bầu nó vô ủy ban tự quản cũng vậy, nó mới dám mạnh tay cầm lái chớ!". Ờ, ờ, thằng bạn... bác Bảy nắm sát đó. Cháu là đảng viên, cán bộ, chẳng phải trẻ nít gì mà lạy dài kêu khó, chú nói để cháu liệu trước. Còn hễ khuyên dỗ được Tám Liệp với anh em kia chuyển tốt, càng nhẹ gánh cho tụi mình chớ sao. Tay Liệp sẵn chữ, thạo việc hành chánh, xã mình cần loại cán bộ đó lắm, nhưng mà vô cấp ủy thì không nên đâu cháu, qua bấy nhiêu năm đủ thấy rồi!

Mẫn nín thít ngồi nghe, không dám cãi, cũng chẳng dám bàn góp. Ban đầu Mẫn chảy nước mắt, quay đi lau lén, tới khúc sau lại ngẩn mặt nhìn chú, lo chú già hoá lẫn, ai lại đi bàn những chuyện dựng tóc như vậy với con nhỏ mới mười chín tuổi, làm bụp xẹp đôi chút nhưng mọi mặt khác thì như vịt nghe sấm!

Diệm bị lật. Đội du kích đánh nát một trung đội dân vệ, thu hơn chục súng, phá banh bốn ấp chiến lược Tứ Nhơn, đẩy lùi bọn biệt kích quận từ Nhị Lộc càn lên. Chú Luân trúng đạn vào vai, phải đi bệnh xá. Mẫn, Tuất và anh em khác lo đánh hùng hục, chưa biết tổ chức bà con cách sao. Nhóm chú Liệp xuống thăm, thấy cái thế đứng chông chênh quá, chỉ dặn anh em coi chừng mặt này điểm nọ rồi đi biến. Đồng bào mừng quá đỗi, nhưng chỉ biết đi phá rào ấp,mổ heo gà cho du kích ăn, núp coi đánh và hoan hô rầm trời, bấy nhiêu thôi, muốn làm gì nữa cũng chẳng hiểu làm sao cho phải. Vùng tự do cũ mà, dân lo đóng thuế nuôi quân, du kích quanh năm chỉ soát bắt tụi buôn lậu dọc đường xe lửa An Tân đi Bồng Sơn, giặc không tới cho mà đánh.

Lóng ngóng vậy, Tứ Nhơn vẫn đứng được hơn tháng. Mới hay thằng địch nó rệu đi nhiều, ta khó một nó khó mười. Sau một trận càn lớn, địch líp lại Tam Sa, du kích lại bật ra ngoài, tức muốn hộc máu miệng, còn phải nghe chú Liệp xuýt xoa: "Đã nói mà...". Hiền như Năm Tuất mà phải nóng mũi, gắt: "Cần người đánh giặc chớ chẳng cần thầy bói!".

Bác Bảy từ cánh Bắc vào, ở hẳn với đội Tam Sa mươi ngày. Bác hỏi kỹ từng người, buộc chú Liêp phải mở đại hội chi bộ, hai năm nay chưa họp lần nào. Chú Luân chưa lành cũng cố về dự. Ý kiến qua lại nảy lửa. Nhóm chú Liệp bị phê mạnh, cũng dập lại chẳng vừa, ghép cho chú Luân, Mẫn, Tuất và mấy đồng chí nữa, những là phiêu lưu, mù quáng, anh hùng cá nhân, giành uy tín gây chia rẽ, đủ thứ. Bác Bảy gợi nhiều hơn nói, nhưng mỗi câu gợi của bác đều dồn chú Liệp vào chỗ bí. Cuối hai ngày cãi găng, đại hội ra một nghị quyết tiến công địch rất ngon, mười ba phiếu thuận, bốn phiếu chống. Chú Luân trúng chi ủy với số phiếu cao nhất, rồi đến Mẫn. Chú Liệp được bầu ở vòng phiếu thứ hai. Nhiều đồng chí đã lên tiếng phê chú vẫn thấy cần có chú trong chi ủy để lo đời sống anh em và nắm việc hành chính.

Sau đại hội, chi bộ khỏe lên như uống sâm, chi đoàn và du kích cũng bừng bừng sức mới. Chú Luân bạo tay lắm, giữa lúc búi việc mà dám đưa Mẫn đi học lớp chi ủy viên hai tháng, Năm Ri với Chín Cang học lớp cán bộ xã đội. Mẫn ngần ngại, bị chú quát lần đầu:

– Bộ thiếu mày thì Tam Sa hết người hả? Hay mày giỏi quá chẳng thèm học? Cứ để thằng cà nhắc này gánh miết, tới khi nó xuôi cẳng sáo thì mày đùn cho ai? Hễ còn cái lối sống chết mặc bây đó, mày đừng ngó mặt tao nữa!

Mẫn xách gói đi một nước, không dám ho he.

Cứ như vậy, cuộc giành dân giành đất diễn ra suốt năm 1964. Ta giằng đi, địch co lại. Ta phá ấp, địch sửa ấp.Ta diệt ác ôn, thằng khác ngoi lên. Bà con Tứ Nhơn nổi dậy một lần, quân nó kéo về đông đen, kẹp lại. Suốt tám tháng đầu năm, thế ta như nước dẫy, từng con sóng chạy tới chạy lui nhưng thủy triều cứ dâng đều đặn. Địch húc lại một keo rất dữ, lập luôn bốn ấp chiến lược điển hình, vừa xong thì nạn lụt đổ tới, bộ đội về...

* * *

Tôi ngửng lên, bàng hoàng khi thấy mặt Mẫn sáng trưng.

Đêm đen ướt sũng tan bao giờ không rõ. Tấm tăng nhựa trong là đèn lồng phủ giấy xanh dưới trăng mồng mười. Lá rụng dính vào mái in những hình thoi sẫm nằm im, còn bóng lá từ trên soi xuống

nhạt màu hơn, rung rinh, vẽ những bán đảo đang sống dậy. Thì ra từ nãy tôi vẫn nghe lời kể của một cô gái mới hai mươi tuổi lẻ vài tháng thôi, không phải của chị Bỉnh ba con hay chị Tám Giàu đợi chồng tập kết. Một quãng đời ngắn lại chứa nổi bấy nhiêu chất sống ư? Nếu không ở bên Mẫn hàng ngày, hẳn tôi nghĩ rằng ánh trăng đã xoá giùm Mẫn những vết khía của lo toan trên trán và chung quanh mắt...

Mẫn đứng đậy tháo võng, cười:

– Hoan hô ông trời ngó lại!

Tôi bần thần bẻ cành lá, quét nhà lối dã chiến, nghĩa là quét mái chứ không quét nền. Sau đó để gió quạt khô tấm nhựa, gần sáng xếp bỏ bao cho nhẹ. Mẫn buộc võng vào hai khúc cây chèn sẵn trong kẽ đá, cách tôi mươi bước, bó gối ngồi nhìn trăng. Từ bao giờ nhỉ loài người đã ghép người con gái với trăng, từ khuôn mặt, tuổi, tình yêu, đến đặt luôn một cô gái trong cung trăng?

Câu chuyện của Mẫn...khó gọi được là chuyện đời riêng hay viêc chung. Mẫn nhờ tôi giúp, hay Mẫn là đồng chí chi ủy giúp cho tôi thông cái thắc mắc hôm kia? Tất cả đều có trong ấy, cũng như trong con người Mẫn có những cung bậc nghĩ và cảm cách xa nhau lạ lùng nhưng vẫn quyện làm một. Anh Luân và các đồng chí đã kể cho tôi từng mẩu của cuộc đấu tranh chống kẻ thù bằng xương thịt và kẻ thù tư tưởng. Mẫn đưa tôi đi thăm một vùng mà tôi đã xem trước trong bộ ảnh, giờ thấy đúng hệt nhưng thực hơn, sống hơn, đầy những vui buồn đan vào nhau...Tôi không góp được gì với Mẫn. Tôi trải đời trải đạn nhiều hơn Mẫn mà chưa biết tới một lần thử thách nhức đầu giữa ta với ta. Lác đác tôi cũng gặp những đồng chí sa sút hay “ba rọi”- thịt và mỡ xen kẽ - nhưng cái tập thể bộ đội của tôi là cái máy mài quay tít, những gì nhám nhúa cọ vào nó nếu không trơn bóng ra thì cũng văng đi nơi khác, không kìm nó được. Ở đây, Mẫn phải mài bẳng tay...

Từ khi biết nghĩ, tôi có ngay trước mắt những bậc đàn anh rất tin yêu. Hẫng đi vài năm đứt liên lạc ở Qui Nhơn, Đà Nẫng, tôi vẫn giữ kỷ niệm của họ làm khuôn mẫu để rèn mình. Đầu anh Trung cắm cọc mở to đôi mắt nhìn theo tôi suốt dạo ấy. Tới nay, tính cả tin ngây

thơ của tuổi nhỏ đã từng bước được thay bằng những hiểu biết và tình cảm cách mạng, tôi đã quen xét mình đo người bằng cái thước chung của lý tưởng mà không bắt chước nguyên cả khối một đồng chí lớn hơn. Sự thay da đổi thịt giữa hai lứa tuổi ấy diễn ra trong tôi rất êm thấm. Tôi chỉ nhận ra mình chín hơn khi đón những cậu lính trẻ tới đơn vị, mặt lang ben và giọng chưa vỡ hẳn, còn khóc khi bị cán bộ gắt, có thể được huân chương ngay sau trận đầu nhưng phải cân nhắc kỹ trước khi đề bạt. Một số anh em lớn lên vèo vèo trong chiến đấu, qua vài năm có thể nắm một trung đội hay đại đội, được phong anh hùng, vào cấp ủy Đảng rất thoải mái. Họ lớn nhanh đến nỗi có người tưởng họ không cần gắng gỏi chút nào, đẻ ra đã là anh hùng, là cốt cán, cũng như tưởng cái cánh quạt quay chín trăm vòng phút là cái mâm nhôm đứng im.

Mẫn cũng thuộc lớp người trưởng thành không kịp thấy, nhưng còn phải trải thêm nhiều nỗi đau riêng, trong đó có một ông cha nuôi kiêm ông thầy đã phụ lòng mến phục của Mẫn, biến thành cái xe bò nhích từng bước nặng trịch, cản một đoàn xe đạp dồn ứ sau lưng. Xe bò vẫn cần dùng lắm, chỉ tiếc nó không chịu đi sau...Nên chăng nói rằng tôi gặp may hơn Mẫn vì chưa đụng một ai như anh Tám Liệp trước mặt? Anh Năm Cẩn hay trách tôi không sợ bể đầu mà ngại nhức đầu, đúng quá còn gì. Tay tôi thích cầm súng hơn cầm kim vá chỗ rách, quen vung rìu đốn cây mà chưa biết gỡ những nùi chỉ rối, đâu phải là điều may!

Mẫn ngồi đó dưới trăng, hai tay bó một gối, chân trái đẩy võng nhè nhẹ. Tôi bước tới gần, chẳng hiểu sao hơi mất tự nhiên. Mẫn quay lại, cười:

– Anh em mình trúng tủ!

Tôi chưa nghĩ ra Mẫn với tôi "trúng tủ" thế nào, đã nghe tiếp:

– Tụi đồn Dốc Dài đặt hai đèn pha chiếu xuống ấp Lộc Chánh, xỏ kim được anh à. Sáng trăng này phá rào tốt lắm, đèn pha đèn dù chịu thua, mình nổi lửa lên nó mới hay.

Ra anh em mình là vậy, tôi cứ vơ vào...Tôi vội chữa bằng một câu chăm lo:

– Trời mới mưa e khó cháy...

– Dầu lửa thiếu gì. Dưới đó dầu rái cũng sẵn, mưa dầm tháng mười mà tụi em tưới dầu rái đốt rụi hết. Lộc Chánh gần sạch thứ rào tre rào cây rồi, cắt kẽm gai thôi, chỉ coi chừng số mìn...

Dưới kia, con chim te te hoách bỗng réo liên hồi. Tôi đoán có đồng chí nào về trước, mới mười giờ làm gì đã phá xong. Mẫn lắc đầu:

– Heo rừng đó. Heo chạy sạt qua, chim đánh chút xíu rồi thôi, người đi đâu có mau vậy.

– Sao Mẫn biết phá ấp Lộc Chánh?

– Dép bỏ đống đằng kia, chỗ võng anh...

Chết nỗi, sao tôi giẫm vỏ chuối hoài vậy? Vụng chèo khéo chống, chống cũng trượt luôn. Tôi chợt nhớ ra những lần đoán lầm về Mẫn từ ngày mới gặp. Đôi lúc muốn tỏ ra thạo đời rành việc trước mặt Mẫn, lại hớ từng chuỗi một. Xấu hổ ghê. Nhưng việc gì phải xấu hổ? Mới quen Mẫn tôi chưa bắt dược dòng suy nghĩ bên trong qua những nét bề ngoài, vậy thôi. Không, Mẫn không chỉ là một đồng chí quen và sẽ xa... Lộn xộn rồi. Bắt đầu bông lông đó chú em! Tôi ngồi xuống một tảng đá, hỏi cóc nhảy về thằng Thấn, nãy giờ quên phứt nó.

Mẫn buông hai bàn chân rất trắng xuống đá - trắng như chân Mỹ, bà con hay nói vậy, bởi lâu lâu thấy một “ông cố vấn” bị giải qua làng với đôi giày ống ngoắc trên cổ - hơi cau mày ngó tôi:

– Anh mới sốt dậy, còn muốn đau đầu thêm à?

– Lại bí mật nội bộ...

– Không mà. Bữa trước Chín Cang kể sạch trơn rồi, chắc anh phải rửa tai, chuyện mất vệ sinh thấy bà.

– Tôi mới nghe sơ sơ. Chẳng hiểu tiền nong đâu có mà nó ăn cắp tới mấy trăm ngàn? Xã mới giải phóng vài tháng, chưa thu đảm phụ, lúa nuôi quân còn ở ngoài đồng...

– Đó, mấy ông bộ đội thiệt thà nhứt cái chỗ đó! Anh nào cũng hỏi em y một câu vậy. Tội nghiệp, tổ anh Thìn đặc công còn trút áo len đưa cho đội công tác, nói các đồng chí cực quá mà trên không phát gì hết, tụi tôi giúp. Em trả lại, các ảnh còn trách...

Tam Sa rất nổi về đóng góp nuôi quân hồi "chín năm". Cái truyền thống ấy mạnh đến nỗi khi ta chưa nổ súng, đồng bào cứ băn khoăn "địch nó thu hết thuế của chánh phủ mình". Từ ngày lập đội công tác, tiền, gạo, vải, thuốc men cứ ùn ùn từ các ấp chiến lược tuôn ra vùng giải phóng, có năm vượt cả Tam Trân mới kỳ. Ban đầu anh Lãng làm kinh tế, ghi tên từng người ủng hộ cách mạng. Địch bắn chết anh, lấy trụm sổ sách, bắt một loạt hơn hai trăm người, sau chỉ đánh nặng và bỏ tù mười sáu người. Bà con hoảng, ngừng một dạo, sau lại đóng góp tiếp, chỉ dặn đi dặn lại không được ghi sổ. Năm Tuất thay, hai bàn tay rất sạch nhưng cái đầu hay rối, quên trước quên sau hoài. Trao được công việc cho Ba Thấn, anh thở phào một hơi, ăn được ngủ được ngay.

Ba Thấn là bạn buôn của thím Liệp đã lâu. Thím mở quán ở Sáu Trân, hắn vẫn chở hàng đều từ Tam Kỳ lên khám cho thím. Kinh tế huyện giao hắn mua mấy thứ hàng khó, chuyến đầu tốt, chuyến nhì hắn ăn lời cắt cổ, chuyến ba hắn kêu bị địch soát lấy sạch, số tiền huyện ứng trước tất nhiên cũng bay. Vậy là tởn luôn. Cách đây hơn năm, hắn bị địch lùng bắt vì mua tới sáu cái máy thu thanh một lần, phải nhảy sang ta, ở nhà thím Liệp. Ngồi đâu hắn cũng xưng là cơ sở cách mạng bị lộ. Hay nhét Bát-tô cả gói vào túi anh em, ai đeo súng lục còn được mời bia cam, mấy ông có người bảo vệ đi theo thì ít nhất phải cháo gà mới tỏ hết tình cảm. Chú Tám Liệp thấy hắn lanh lợi, rất vâng lời chú, muốn xếp hắn làm cán bộ kinh tế. Chú Luân và Mẫn không thích mấy, nhưng chẳng có cớ gì để bác, chỉ giao chú Liệp giáo dục hắn thật kỹ, cấm ngặt cái lối vừa công tác vừa buôn riêng.

Ba Thấn làm đúng như vậy. Đêm đêm hắn theo đội vào các ấp để thu các thứ đồng bào ủng hộ, ban ngày hắn mở bao ra kiểm kê, nhờ ban chỉ huy đội chứng nhận trước khi chuyển vào kho. Hắn gan và xốc vác, ngủ đâu cũng được, mặc gì cũng xong, chỉ mắc cái tật kén ăn. Hắn thường phân trần rằng hàng tháng vợ hắn phải đem tiền lên cho hắn tẩm bổ, ăn kém là gục liền, không đủ sức phục vụ. Quà của vợ, hắn hay chia cho anh em mỗi người một chút thơm thảo, ve thuốc bổ hay cây bút bi, cái khăn. Nhiều anh em mến hắn, một số ngài ngại, nhưng không ai ghét hắn.

Tình cờ Mẫn lên huyện họp, nghe Ban kinh tế phàn nàn dạo này Tam Sa đóng góp sút nhiều. Mẫn mượn sổ, ghi con số nộp lên từng tháng, thấy chỉ còn non một nửa so với hồi Năm Tuất làm. Mới đem ra bàn với chi ủy, Mẫn đã bị chú Liệp cự thẳng thừng là qua mặt chú, thấy ai khá thì bới lông tìm vết, có giỏi cứ đi hết sáu ấp, hỏi từng nhà mà kiểm tra. Mẫn biết chú Liệp không xơ múi gì trong vụ này, chú phá ngang chỉ vì Mẫn dám tỏ ra khôn hơn chú. Chú Luân cũng nghi Ba Thấn bớt xén, nhưng giữa lúc vật lộn với địch này phải dồn sức vào việc chính. Chú khuyên Mẫn tạm gác ít lâu, và gọi riêng Ba Thấn răn đe hắn một hồi.

Vài hôm sau, Ba Thấn đưa Mẫn cái đồng hồ nữ mạ vàng, nói rằng vợ hắn quí chị Hai, muốn biếu chị làm lưu niệm. Mẫn không nhận. Lần khác hắn cười cười nói lửng rằng hại nhơn thì nhơn hại. Mẫn khoe ngay cây các-pin còn nhiều đạn lắm. Trong ấp chiến lược bỗng có người nhắn ra: “Nghe nói hai Mẫn lén viết thơ năn nỉ xã Chinh đừng bắt mẹ với em thiệt không?”. Cả đội cười mũi.

Tổ trinh sát của anh Diêu về với đội, dọn chỗ diệt xe trên đường Một. Mẫn hay đưa các anh đi suốt đêm. Bộ đội đánh thắng rất ngon. Tổ anh Diêu rút đi, Mẫn cũng kiệt sức, ốm nặng, không nằm lại vùng gò với đội được. Thím Liệp động gặp Mẫn là đá thúng đụng nia, Mẫn không dám ở nhờ, phải nằm nhà bà dì trên Tam Lý, xin tiền dì uống thuốc bắc vì bệnh xá huyện đang thiếu thuốc chữa bệnh đàn bà, lên tỉnh quá xa. Hơn tháng sau Mẫn về đội với bộ mặt xanh hóp, nghe Chín Cang nói luôn rằng ở nhà người ta đồn Mẫn chửa hoang với anh Diêu, phải lánh chỗ thật vắng mà phá thai. Cang đăm đăm nhìn nước da của bạn, thì thào: “Tao nghe đâu chặn đó,mà... thiệt không Mẫn?” Mẫn lặng người một lát mới nói được, đã tái càng tái thêm: “Mày cũng hỏi tao vậy à?”.

Thằng Thấn đã đánh trúng chỗ yếu nhất của Mẫn và mọi người chung quanh. Như con rắn lục theo người trong cỏ, hắn luồn sau lưng Mẫn, gieo tiếng dữ rất chăm chỉ, khéo lựa lời để thổi nọc độc cho lọt vào từng lỗ tai, luôn luôn mở đầu bằng: “Nghe bà con họ nói...”. Tin đồn lan rộng và lẩn khuất đâu đó như nước đái rắn bay mùi mà không hiện vết, người ta ngại thối không muốn tìm tận nơi nhưng thỉnh thoảng lại hít phải nó.

Anh em bà con cứ nửa tin nửa ngờ. Hỏi thẳng Mẫn thì không tiện mà một cô gái thường dễ nhận sai lầm về chính trị hơn là một vấp váp như vậy. Cả chú Luân ban đầu còn có lúc nhẹ dạ huống chi gái tơ, không dưng ai dễ đặt đồ cho ai... Người thân đã vậy, kẻ sơ càng dễ gật đầu. Có đứa xấu bày trẻ con hát điệu đèn tây sau lưng Mẫn: Ba-lô sáu tháng ba-lô phình, ba-lô chín tháng ba-lô ra. Mấy tay thậm thụt với địch đã bị Mẫn trấn áp, nay dám nhổ nước bọt, nói bâng quơ trước mặt những là cá đôi ba buổi chợ, bụng lỡ bợ lỡ bưng.

Đồng chí Mẫn chi ủy viên còn là con gái hai mươi dễ cười dễ khóc, bị trêu chuyện lấy chồng là đỏ mặt lảng xa. Mẫn mở miệng phân bua đã thấy đắng họng, chung quanh chỉ hỏi dò khuyên bóng nên Mẫn càng khó nói, đành giơ lưng chịu đòn âm uất đến gầy rạc đi. Chín Cang tức không kém Mẫn, rủ hai cô nữa đạp xe lên Tam Kỳ hỏi kỹ, về nói với ban chỉ huy đội: “Tụi tôi dò ra Ba Thấn rồi. Một là các chú trị nó, hai là đám con gái kéo hết ra khỏi đội!”. Chú Liệp cười khẩy: “Không nằm dưới đất sao cỏ may dính mình?”. Chú Luân truy Ba Thấn, hắn chối bay. Chú khuyên Mẫn đừng bận tâm chuyện vặt, lo đánh giặc đã. Các cô hậm hực: “Cái gì chú cũng tạm xếp, tạm gác... Tụi tôi đánh Mỹ, thằng Thấn đánh vô lưng tụi tôi: rán mà chịu. Tụi tôi cuốc gò trồng khoai, thằng Thấn hốt bạc làm giàu: ấy, đừng nói địch nó lợi dụng...”. Chính Mẫn lại phải can chị em. Mẫn mất tiếng cười, nói giọng bà cụ non nghe lạ hẳn đi, đó là cô Mẫn “khô như ngói” mà tôi đã gặp khi về cứu lụt năm ngoái.

Vùng Tứ Nhơn được giải phóng sau lụt. Gạo tiền từ vùng giải phỏng trút về Tam Sa giúp đồng bào bị nạn. Thằng Thấn vừa ăn cắp, vừa ca ngợi ông chủ tịch mới cử, vừa bôi xấu Mẫn. Hắn tính kỹ lắm: hoặc Mẫn sợ không dám vạch mặt hắn, hoặc Mẫn chán bỏ đi xa, hoặc Mẫn nói không ai tin nữa, đằng nào hắn cũng lợi. Nhưng con mắt nhân dân rất tinh, cán bộ và du kích vào ở làng biết rõ chuyện hơn. Chi bộ họp, các đồng chí nối nhau vặn chi ủy đến mướt mồ hôi, cả chú Luân cũng bị nghi chia của ăn cắp, chú điếng người. Năm Tuất được giao soát hết công việc thằng Thấn. Anh loay hoay khá lâu không moi được gì, anh thật quá mà nó ranh quá. Được cái anh quyết làm tận bờ sát góc, hỏi đồng bào, lên trên xin cán bộ giúp, nên một tháng sau huyện đã đủ bằng chứng để bắt thằng Thấn. Ở

xã hắn nhận ăn cắp một trăm ngàn, tiêu hết rồi. Về trại cải tạo hắn chịu hai trăm ngàn “xin trả một nửa. Các đồng chỉ bảo vệ dẫn hắn đi thu số hàng, thóc, vàng gửi rải rác, tính ra được hơn hai trăm ngàn, không kể cái số hắn đưa vợ mang về thị xã.

Riêng chú Liệp bị một đòn phản thùng choáng váng: thằng Thấn khai đã đưa chú năm chục ngàn làm vốn buôn. Huyện gọi chú lên hỏi hai lần, gặp Ba Thấn, hắn nói vanh vách đã đưa ngày nào, ở đâu. Cả đội công tác đều biết chú mắc cái thế phù thủy bị âm binh hại. Chú đổ của nhà ra nuôi anh em nhiều năm, chú ham địa vị chứ không ham làm giàu.Thằng Thấn muốn xích tay chú vào hắn, may ra cấp trên sợ đổ bể ồn ào, sẽ cho qua êm vụ này. Lừa lúc sơ hở, hắn nhảy theo địch để lại cho chú Liệp mỗi nỗi oan chưa gỡ được, cho Mẫn một tiếng xấu chưa phai hết, cho chi bộ Tam Sa một kinh nghiệm dùng người...

Mẫn buông một câu đột ngột:

– Chuyện cũ nói anh biết, bây giờ đỡ hung rồi anh ơi.

– Rào đón kỹ ghê ta!

– Tại em bị mấy keo, cứ chờn chờn...Hồi xưa em điếc dạn súng, cực mấy cũng giỡn cả ngày, mẹ em cứ rầy vô duyên chưa nói đã cười.

Mẫn đu đưa hai chân, cười nhẹ, vẫn nụ cười làm sáng bộ mặt có đôi mày quá nghiêm. Tôi muốn đùa: “Cười vậy mà vô duyên à?”. Tôi không dám. Hình như tôi sợ Mẫn mà lại không muốn rời Mẫn, lạ chưa. Trong đêm vắng, tôi ngồi bên một cô gái có ánh trăng xoa phấn trên da nghe cô thủ thỉ gọi anh xưng em, cười rất xinh, kể hết tâm tình, nên thơ nhất rồi còn gì. Nhưng câu chuyện say sưa của đôi trai gái này từ đầu đến cuối vẫn là chuyện học làm cách mạng, học làm người.

Mẫn nhìn trăng, nói chậm rãi:

– Như bác Bảy, chú Luân mới thiệt tài. Mỗi ngày đụng cả trăm việc rắc rối, vậy mà tánh vui hơn thanh niên mình nữa. Để em tập riết phải quen. Cũng như nậu đi cấy thôi, ai sợ đỉa cứ dòm xuống hoài, đỉa bu thì giãy la làng, còn người dạn thì cứ tay cấy miệng hát cả ngày. Phải không thầy Thiêm?

Chú thích

[(1)]Quốc dân đảng

[(2)]Co giãn, linh động

[(3)]Bằng tốt nghiệp tiểu học.

[(4)]: Chạy tránh khủng bố ngay trong vùng địch kiểm soát.

[(5)]: Bị địch dồn vào một khu riêng, dành cho gia đình các “phần tử nguy hiểm”.

[(6)]: Võ trang tuyên truyền.

Chương 12

Xỏ xong quai dép bằng lá chà là, Anh Tư Luân rút ống thuốc mỡ trong túi dết, kéo cao ống quần, bóp thuốc trên đầu gối, nắn chỗ sưng. Anh cứ đủng đỉnh như ông câu dầm. Thấy tôi đứng lên dòm lần nữa, anh cười khà

– Chưa đâu, lão. Săn heo rừng phải lì đợi chờ. Hai Mẫn đánh coi như ăn gỏi, con nhỏ lanh kỳ cục lắm đó.

Tôi bị bắt quả tang đang sốt ruột, chỉ cười theo xí xoá. Cái bình tĩnh khi nằm đợi nổ súng bay đâu mất, tôi nhấp nhổm hoài, và cãi gượng với mình rằng tôi bị buộc phải đứng ngoài xem đánh nên mới lo giùm anh em. Tôi không dám truy tới cùng thử coi lo cho ai nhiều nhất.

Một con bìm bịp nhảy trong bụi, thoáng màu cánh nâu chìm vào lá. Một tràng hụp hụp dội ra. Dứt tiếng chim, tôi đoán: “Sắp nổ đây nè, sắp …”. Không nổ. Con rắn mối bò trên đá, đương ngó tôi, óng ánh như một vật chặn giấy bằng sành phủ men xám. Nó há miệng hớp nắng, thè cái lưỡi đỏ liếm mép ngon lành như vừa uống bia vàng, lại chui vào kẽ. Tôi tìm việc làm cho mắt và tai. Cu đất gù ngoài xa. Đám mây hình con gấu khi nãy đã co lại hình mèo ngồi… Đầu tôi cứ tự ý quay về phía làng. Mẫn vào trong ấy đã ba hôm, và chiều nay sẽ đánh trận táo bạo: diệt vọng gác giữa ban ngày, lấy cho được súng, ép địch co lại. Đó là trận mở màn “chiến dịch” mới của Tam Sa.

Anh Luân thích gọi nó là chiến dịch giành lúa. Tôi đặt tên khác: cuộc chạy đua với Mỹ. Mẫn đùa, tuyên bố với du kích rằng ta sắp đồng khởi từng xóm. Chẳng ai sai cả, vì đợt tấn công này có đủ các nét ấy gộp lại.

Đồng lúa chạy dài mé trên đường cái đen đang chín rộ, chín gấp, từng mảng nối tiếp nhau ngả vàng tươi, trông mà bắt cồn cào cả người. Mùa gặt đầu tiên sau lụt lớn đến sát sau lưng, bà con Tam Sa thấy giặc sửa soạn cướp lúa mà phát cuồng. Cha con xã Chinh

chưa dám tính chuyện lấy lại ruộng hay đòi tô cũ, chỉ hằm hằm ăn xổi vài chục ngàn ang thóc cái đã. Đồng Nhơn Phước chín sớm hơn, bị một đại đội giặc đổ ra vừa gặt vừa xéo, M.113 chở lúa bỏ chạy tuốt về An Tân, bà con đấu và du kích đánh suốt ngày mới giữ hơn được một nửa. Chín Cang chạy vào báo tin với cặp mắt sưng đỏ. Chậm chân là mất lúa. Sau đó, dù được giải phóng, bà con cũng phải bỏ xứ đi kiếm sống, du kích bám làng chỉ có nước ăn củ chuối.

Riêng tôi cứ nhắc hoài vụ quân Mỹ sắp vào Chu Lai. Sân bay dưới ấy đủ cho máy bay cánh quạt lên xuống, các cứ điểm xung quanh xây gần xong, số Mỹ cai quản lính ngụy lên tới tám chục. Tôi xuống đấy hai đêm với Năm Ri, đoán chậm nhất chỉ vài tuần nữa Mỹ sẽ đổ bộ, tiếc rằng chủ lực ta bận đánh nơi khác, không kịp nện một đòn phủ đầu. Bây giờ Tam Sa nổi dậy khó một, tháng sau sẽ khó gấp đôi gấp ba. Tôi kể lại cuộc chạy đua giữa C.215 với tiểu đoàn biệt động ở Đèo Nhông, ta nhanh hơn vài phút mà dành được cái thế từ trên đạp xuống mặt địch.

Chi bộ họp trắng đêm, quyết định cái điều Mẫn nói: cài răng lược mạnh nữa, dù phải giành chính quyền từng liên gia cũng cứ nổi dậy, lập "xóm chiến đấu" mà đánh! Mẫn được cử làm "chỉ huy trưởng" chiến dịch, vào ở hầm trong ấp. Năm Tuất về vùng cát nắm Nhị Lộc, Tư Luân đóng sở chỉ huy ngoài gò. Anh Liệp về họp với bộ mặt ủ rũ của người đợi bị kỷ luật, cậu Quì xoắn hai tay phân bua mãi phát ngấy. Còn hai đồng chí nữa trong nhóm Anh Liệp lặng lẽ vắng mặt, chi bộ hiểu ngay rằng họ bỏ cuộc, làm Đảng viên trong thời đánh Mỹ này quá khó đối với họ. Cũng được thôi, họ có thể nhận việc khác vừa sức hơn. Anh Luân bàn riêng với Mẫn và tôi, rồi giao Tám Liệp lo chung đợt thu và giấu lúa nuôi quân sắp tới. Tôi thoáng thấy trong mắt anh Liệp một ánh mừng thầm kín, không muốn vội đoán xem anh mừng vì ai.

Tôi bốc, giơ tay nhận làm "Tham mưu trưởng chiến dịch". Nói xong mới biết mình hớ. Chi bộ cười, Mẫn cúi xuống đọc cái gì trong sổ tay, anh Luân lại vỗ đùi: "Đồng ý cái rốp!". Tôi quên mất nạn ở chung hầm! Nhưng rồi anh Luân cũng can, vì huyện cấm xã dùng tôi kiểu ấy. Thật tình, nếu không có cái Chu Lai từng lúc gọi giật tôi về nhiệm vụ làm quen với Mỹ, tôi đã biến hẳn thành một cán bộ của

Tam Sa. Cái cảm giác hoà tan mình trong một tập thể thật là thú vị, như tôi ngâm cả mình dưới suối giữa trưa hè cho nước ngấm vào từng nếp da mát rượi.

Tiễn Mẫn vào làng dưới sáng trăng, Anh Luân đấm lưng tôi, nói tưng tửng:

– Từ giờ trở đi, ông cố vấn quân sự của tao có nhảy mũi, máy mắt, té lên té xuống, là tại mày nhắc miết đó nghe!

– Chú

– Sáng trăng tôi được chồng ai; tôi cột gốc xoài, ai chuộc tôi cho…May mai mày ra chuộc, nhớ vai mang vò rượu tay bồng con heo, ừ chứ?

Mẫn bịt tai, chạy mất. Tôi ngượng nín thinh, lại muốn nghe Anh Luân nói nhiều về cô cháu gái cưng cho khuây cái ý nghĩ day dứt; Mẫn đi vào chỗ nguy hiểm mà vắng tôi bên mình. Nhưng Anh Luân bắt sang chuyện hai đảng viên vừa rút lui êm. Tôi nghe nửa giờ chẳng hiểu anh nói gì.

Tối hôm sau, cùng đi Nhơn Thọ và về tới giếng Tiên lúc hai giờ sáng, Anh hỏi độp trong khi buộc võng:

– Nè ông lính Binh Định, cắm rễ làng Cá thì tính làm rể luôn chớ?

– Mô Phật!

– Đừng làm bộ! Lâu nay mình để ý kiếm chồng cho Hai Mẫn, ngó đi ngó lại chẳng thấy ai xứng nó. Sắp du kích kêu chị Hai riết rồi coi nó như chị thiệt, đố dám lấy. Con trai đi bộ đội sạch trơn, sót đứa nào lớ ngớ ở làng cũng bị địch nắm đầu đi quân dịch. Thời buổi này, gái ngoan tìm chồng ở chốn ba quân chớ ở đâu. Lão hỏi con Mẫn, chắc nó ừ. Con gái ở đây trầm trồ khen lão bảnh trai lắm đó.

Nếu một ai khác ghép đôi cho tôi bằng cái giọng cha nội ấy, chắc tôi đã cáu. Anh Luân nói, tôi chỉ cười dài, thu thú nữa, còn anh thì lại phát bực:

– Gì mà cười? Chuyện chung thân đại sự mà cứ hả hả hả…..Đừng tưởng con Mẫn dễ đâu nghen. Sáu bảy anh đâm đơn bị bác hết rồi. Mình tính dùm cho lão vậy. Lão bỏ nhỏ một tiếng, tụi mình xúm lấy cuốc vun vô, nó gật một cái là lãi cưới luôn. Lão đi tứ

xứ mặc kệ lão, để vợ đó tụi mình giữ giùm, hồi rảnh rang lão về bồng con….Cười nữa à? Nửa đời người không lo vợ con, ở đó nhăn răng cười!

Anh tức thật sự, phẩy cái quạt mo phành phạch một hồi, ngủ luôn.

Chẳng biết các cô “tưởng sự lấy chồng, tỉnh như con sáo” thật không, chứ cơn buồn ngủ cứng mắt của tôi tan đâu mất. Tôi hiểu, anh Luân tự thấy phải lo cho đứa cháu mất mẹ vắng cha, cũng muốn Mẫn gọn bề chồng con để yên bụng làm công tác, khỏi lo già hết duyên, hay là ngại lên cấp cô khó lấy chồng trẻ…Chú Luân ơi, chú tốt bụng lắm, nhưng mà cha mẹ lấy vợ cho chú cách một phần tư thế kỷ rồi, cô cháu gái của chú ngày nay nghĩ về tình yêu và hạnh phúc khác xa chú thím rồi. Thằng Thiêm có thể bảnh trai, được cô ấy anh anh em em ngọt lừ đấy, nhưng nó suồng sã một chút là ăn báng súng các bin M.2 vào sườn cho coi. Lấy cuốc cuốc vào theo lối chú, biết đâu chẳng là lấy cào cào ra!

Tôi xoay lưng về phía ông mối bất mãn, ngáy một lát, con mắt cứ tráo trưng. Đang đánh Mỹ mệt phờ râu, ông lại đi gợi chuyện ba lăng nhăng…. Nhưng lại hấp dẫn mới chết chứ….

Người ta bảo “Dân thợ chậm vợ hiếm con”, có lẽ đúng. Cả họ Đặng phía ba tôi, hầu hết làm thợ, đàn ông đều theo cái lệ tam thập nhị lập, muộn nữa càng hay. Chỉ một người phá giới sớm là anh con đầu ông bác tôi. Mới hăm mốt, làm ét xe hơi, Anh mê một cô hàng xén rất xinh ở An Khê, quyết lấy cho được. Ba tôi khuyên:”Đời thằng thợ, để gia tài cho con có hai thứ thôi: tay nghề là một, thất nghiệp là hai. Ba mày với tao chí thú tới vậy, bây giờ đầu hai thứ tóc vẫn là sống nhờ đất nước ông bà, chết cậy mã tà đi đưa. Mày chưa vững nghề đã vợ đuổi con đeo, liệu sắm bị gậy sẵn đi!”. Anh tôi không nghe, nhà gái thách mấy cũng cố vay mà cưới, ở gửi rể luôn, nghe đâu quần quật bốn năm mới sạch nợ. Bẵng đi rất lâu, hết đánh Tây, mà tôi gặp lại anh về Quy Nhơn tìm việc, ngó mãi mới nhận ra: Anh già sọm đi, vai còng, tóc bạc một mảng sau gáy. Tôi nghe anh kể mà kinh. Anh là cái đầu máy hụt hơi kéo một xâu toa dài thêm mãi: tám đứa con nối vào anh, chị vợ rất đoảng níu vào bầy con, ông già lười biếng với bà già vỡ nợ móc xích vào vợ, đeo them vào đấy còn cả

chùm những cậu em vợ lêu lỏng về nã tiền nhà, những họ hàng gần xa cứ nhất định tin rằng làm ô tô là hái ra bạc. Đã vậy, bấy nhiêu người cứ thi nhau nhắc ra rả rằng anh lấy được chị là phước bảy mươi đời, mấy đứa con lớn cũng bắt chước nói theo, đau lắm….

Hồi nhỏ đã khiếp, lớn lên tôi gặp vô số cặp vợ chồng Ngâu rất tội, mười một năm chưa một lần được qua sông. Tôi lại lao hết mình theo dòng thác đánh Mỹ. Có lẽ tim tôi không chứa nổi hai say mê lớn, nên tôi quên nhanh những rung động chợt đến trước một đôi mắt bồ câu nhìn tôi khuyến khích, để nghĩ tới cây tom-xơn của tiểu đội Ba trúng đạn toác vành cò. Người cứ nhẹ thênh, rất khoái. Cho đến nay…ma quỷ nào xui mà tôi nhớ Mẫn hoài vậy?

Ừ, nhớ đấy, thì đã sao? Có gì là bậy nếu tôi nhớ cô bạn sắp đánh một trận khó? Nhớ hẳn đi một keo thử coi, đằng nào cũng chưa ngủ được…..

Giả sử tôi nghe lời Anh Luân, tôi đặt vấn đề….chà, mấy tiếng này cứ khô khốc. Tôi liều gọi Mẫn bằng em chẳng hạn. “Em Mẫn”. Cái báng các bin nằm im, chỉ có đôi mắt rất đen ngước nhìn tôi, luống cuống hỏi thầm: “Có phải …hay em nghe lầm?”. Hãy cứ vơ vào một chút, mất gì. Trong văn chương, tới đó người ta chấm lửng, qua chuyện khác, coi như ai thắng ai đã rõ. Ngoài đời chắc là khác, tôi phải nói thêm nhiều nhiều, chết nỗi nói gì đây? Một chuỗi câu hát rất xưa đến ngỏ dùm tôi. Những câu hát nhẹ như sương mỏng bay qua, phủ mờ khuôn mặt Mẫn, đôi mắt nghiêm dịu lại thành mắt người yêu đắm đuối…Lụt nguồn trôi trái lòn bon: mẹ mất cha còn, em chịu mồ côi. Thương ghê. Khúc dạo đầu đó, rồi tới gặp anh một bữa nhớ anh ngàn ngày. Ngàn ngày là gần ba năm đó nghen. Gặp lại hai chục bữa thì phải nhớ sáu mươi năm….Màn sương đẫm trăng bạc đọng dần trên môi chúng tôi thành những giọt vui rưng rưng: Anh với em…..

Một chú gà rừng gáy xa thé thé. Bỏ mẹ, gà gáy đầu rồi sáng mai lên lớp tha hồ mà ngáp, con ma sốt rét cứ rình xuống sức mà quật. Vướng. Mang tiếng thấy mồ. Sắp quần lộn ẩu với địch mà định mê gái à? Không khổng khồng không. Tôi cố vẽ trong đầu một số không thật tròn, cảm thấy cái võng tự do đong đưa bay lên, rất dễ chịu. Chân tay tê dần, tới đầu tôi cũng tan trong con số không ấy.

* * *

– Ai đốt than cháy tới canh này mà chưa chịu hạ lửa, cà nông bắn chết á.

Ai như chị Biền dưới chân dốc gọi lên lảnh lói. Tôi quay nhìn đằng sau: Một cột khói mỏng đang bốc đứng bỗng đứt gốc, phá ngang thành nhiều bung tròn lộn xộn. Đội du kích đang ngủ một giấc "ứng trước", chắc có cậu nhen lửa đun nước uống, vừa dập vội. Mặt trời gần gác núi. Ba phát cối 60 đã bắt bà con quay về hết ấp, không còn đám khói "hợp pháp" nào để cho chúng tôi nấu chen vào.

Chị Biền vạch bụi leo đến chỗ chúng tôi, bắp chân vạm vỡ bị gai bớm rạch mấy đường, mặt bánh mật đỏ rựng. Chị hổn hển:

– Tôi… các cha ẩu quá…lộ cả xâu cả xốc rồi đó….

Chị Biền đem tin mới. Tin xấu.

Cha con xã Chinh đã cho Ba Thấn về trại hồi chánh, tưởng êm, trưa nay lôi hắn trở lại làng Cá. Thằng Chinh con vừa khịt mũi vừa đánh thằng Thấn hộc cơm rồi hộc máu, bắt khai du kích bí mật: "Nhứt định mày còn giấu ranh lắm, mày chừa chỗ để về sau cộng sản thắng mày khỏi bị tù"! Ba Thấn muốn ngừng trên sườn dốc làm phản, nay phải lăn tiếp. Một lính ngụy mà chị Biền nắm được báo tin tối nạy địch sẽ cho quân đi bắt hơn chục người trong xóm Đinh sáng mai bắt tiếp ở hai xóm kia.

Tư Luân bạnh quai hàm:

– Hai Mẫn ở đâu?

Chị Biền liếc tôi một cái rất nhanh. Tôi hiểu, nhỏm dậy định lảng, Anh Luân níu tay lại:

– Lão là tham mưu mà… Nói hết đi chị!

– Con Mẫn ở hầm nhà tôi. Cho Út Liềm báo động dây chuyền, biểu ban cán sự với số bị khai né tạm xuống xóm Đuổi thôi, đêm nay du kích về trụ luôn mà. Nó bỏ cú hốt vọng gác.

– Hừ, đáng lẽ….

– Lo diệt cái ác đã. Tính quét cả thằng Chinh, thằng Thấn, đánh ngay chỗ cổng đình, giấc chạng vạng.

Tôi giật mình. Anh Luân chồm vai tới, mắt trừng trừng. Đình làng Cá nằm giữa xóm, hai đại đội giặc đóng lúc nhúc như vắt đầu mùa mưa, làm sao lọt mà đánh, đánh xong rút đường nào? Mẫn điên tiết tính đổi mạng à?

Chị Biền kể rành rẽ như một anh lính lâu năm sau buổi lên bàn cát. Thằng Chinh con ưa bắt người vào đúng bữa cơm tối, khi ngoài đường đã vắng, ai ở nhà nấy đông đủ. Mẫn với hai cô nữa bó tiểu liên và lựu đạn trong gánh rơm nếp – nhiều nhà đã gặt lúa nếp-nhân lúc nhá nhem sẽ lọt vào căn nhà nát trước cổng đình. Út Liềm ở nhà khác gần đấy, đợi. Một chị nữa núp trong bụi rình. Khi nghe tiếng chửi mất gà báo lính ra, Út Liềm châm ngay cây đèn gió to như ngọn đuốc, chạy tới cổng đình, kêu có Việt cộng vô xóm. Chắc chắn tụi lính sẽ chặn hỏi Liềm, gọi cảnh sát tới nhận mặt. Liềm cố gắng dằng co sao đó để hai thằng Chinh và Thấn phải tới gần đèn, trước họng súng của tổ du kích….

Tôi nhăn trán, cố hình dung trận đánh rắc rối ấy. Một loạt câu hỏi nảy ra tới tới. Tôi vặn mãi chị Biền, không tin chị trả lời được, nhưng chị nắm rất chắc:

– Dân vệ nằm bên Nhơn Thọ, muốn bắt ai thằng Chinh phải tự đi, xóm đông lính nên nó không sợ…Đánh mìn ban đêm, làm sao giựt cho trúng con thịt lớn?…Đường tiến đường lui êm rồi, tôi lo hết, cây rào nhổ sẵn cắm hờ, rút qua xóm Giữa chớ dại gì chạy ra gò…Súng nổ, cả xóm đánh mõ la làng, nó đốt nhà thì ùa tới dập lửa….Lấy mủ mít dán hai con đom đóm trên đầu ruồi, lỗ ngắm, bắn gần xịt thôi mà….Tụi này quân dịch hết, thứ cá sơn cá chốt đó đâu dám rượt ban đêm….

Rốt cuộc, tôi phải nhận ra rằng Mẫn đã liệu hết các trắc trở có thể xảy ra. Tôi chỉ góp thêm một mũi dương công: nên đặt vài người nữa ở hướng chạy ra gò, khi tổ Mẫn rút thì họ nổ sung kéo địch về phía khác.

– Hay! Mà các ông đừng vô sớm, khua chó sủa rần, đám lính vụn nó hoảng, không dám ra là hỏng ăn đó nghen.

Đôi vai lực lưỡng, khúc gáy đỏ lủng lẳng búi tóc của chị Biền đã khuất sau bụi. Tôi vin một cành sim, rứt dần từng trái non trắng mốc,

lật ngược xuôi mãi cái kế hoạch của Mẫn trong đầu. Lâu nay tôi truyền nghề cho Mẫn bằng giọng ông thầy lên lớp. Đến khi Mẫn tự xếp đặt một trận, tôi lại không hiểu nổi. Tôi chưa hề nghĩ đến kiểu hợp đồng rất khít giữa du kích nổi, di kích chìm với những chị Biền, em Liềm, lính ngụy đưa tin, với bà con cả xóm. Chị Biền còn phải nhắc chúng tôi đừng vào quẩn chân những người sắp đánh. Xấu hổ thật.

Anh Luân hỏi lần nữa

– Ngó bộ chắc ăn chớ, ông cố vấn?

– Hết chỗ bắt bẻ rồi.

Tôi nói cho tôi đỡ lo thôi. Tôi không tin còn đủ vô tư để xét việc làm của Mẫn. Đôi mắt sâu của anh Luân lấp láy. Anh lấy giọng như người cha sợ con nghe lời khen:

– Lão thấy chưa? Đâu xa chẳng biết, mấy xã quanh đây khó kiếm được một đứa như nó. Bình thi đua dạo đầu năm, con nhỏ tráo qua tráo lại sao đó, đẩy thằng Ri lên huyện, lãnh được có một giấy khen diệt tám ngụy, cay không. Mình truy gắt, nó mới thú thiệt: cấp trên hay ưu tiên cho con gái, nó sợ đưa miết lên tỉnh, khu, Trung ương, phải đi họp thi đua cả năm mới về, bỏ việc chẳng ai làm. Nghe tức ói chưa! Chị Tám Giàu về hỏi, phải chi nó khai đầy đủ cho giới phụ nữ họ mừng, đây nó kêu quên hết. Sắp du kích tính giùm nó được có ba ác ôn, mười bảy ngụy, hai Mỹ, còn đánh chung cả đội thì chia phần nó đâu được chục ngụy nữa, là hà tiện tới chữ rồi. Vậy mà nó còn cãi bướng: “Cháu lượm hai thằng công an trên đường cái đen, lấy súng, cũng có chị em rình mỏi mắt, có anh em yểm hộ, cháu giành hết thì họ đi chơi không à? Cháu cộng thành tích ăn chung đổ lộn, trên mới thưởng cho xã cái huân chương đó chớ!”. Nó cãi ngang xương, mình lý cả buổi không xuôi, chút nữa nổi khùng. Vậy mình mới nhắm cho lão, tay non cầm cương nó đâu nổi….

Tôi lảng vội:

– Chị Biền giỏi thật, nói như anh tác huấn lành nghề.

– Chưa biết à? Trung đội trưởng du kích hồi chín năm, dẫn quân đi dự chiến phía Bà Ren, Trà Kiệu miết đó. Tù hai năm, bây giờ một nách năm con, nuôi cả anh chồng bị xã Chinh đá giập phổi, cực ớn.

Trên đồng ý cho kết nạp đơn tuyến rồi, chưa kịp làm lễ. Địch xúc dân qua bên Mỹ, chị ta cũng theo tới đất Mỹ làm cách mạng, nói cứng vậy đó. Lão thấy chị ta cà rà mượn súng, nhớ đuổi đi thiệt xa nghen, còn ngứa nghề du kích lắm, lộ mặt thấy bà!

Anh đặt túi dết kê đầu, nằm trên cỏ, phủ khăn che mặt. Anh tập được cái nết ngủ rất hay: ngủ say mà không ngáy, nghe tiếng động khác thường là mở mắt tỉnh liền, định ngủ một tiếng thì đúng một tiếng anh dậy, hơn kém chỉ vài ba phút. Anh còn làm chủ được tất cả các đòi hỏi của thân thể: Ăn, uống, ho, đái, ỉa, chỉ trừ căn bệnh thấp khớp là không trị nổi. Im một lát, anh bỗng nói trầm ngâm như nói một mình dưới tấm khăn:

– Lão hỏi đố sắp du kích thử coi: Ai dám đổi mạng, giết cha con xã Chinh rồi chết luôn? Ít nhất một nửa tay xung phong, mình đoán vậy, mà số đông là dân làng Cá, Cái làng thiệt kỳ lão à, một làng hơn hai chục họ khác nhau, hồi Tây Sơn giành ruộng với họ Võ dưới Lộc Chánh hay lắm, lúc rảnh lão hỏi cho biết.

Anh thiếp đi.

Ông thầy Mười đã chữa sốt rét cho tôi. Ông lấy mảnh chai lể năm huyệt trên lưng tôi, xoa lá trầu, cắt ba chén thuốc nam chỉ cay và ngọt chứ không đắng. Cái lạ nhất là tôi dứt cơn sốt khá gọn. Hôm lễ lưng, ông kể một đoạn sự tích làng Cá, hay thật. Thêm một ít thương nhớ nữa dành cho nghĩa quân Tây Sơn. Những người đồng hương lẫy lừng của tôi đã in dấu chân trên đất này, rất chậm.

Thời ấy, khúc đường thiên lý từ Quy Nhơn ra Phú Xuân rôn ràng lắm, quan quân đi về không ngớt, tiệm quán mở dày. Bắc Bình Vương trẩy qua làng Cá nhiều lần, nhưng ra thẳng Tam kỳ hay vào luôn Châu ổ. Các cụ thường gặp Đức Ngài ngủ trên Bành Voi, hễ bước xuống là họp tướng, kiểm quân, hiểu dụ dân chúng không biết mệt.

Một lần, hình như sau chuyến ra Bắc diệt Trịnh, có ông đô đốc Tây Sơn dừng chân nghỉ tại làng Cá. Đó là chuyện lạ, vùng này mới có hai làng: Lộc chánh là dân cố cựu chánh tri, thuần một họ Võ, ông thần hoàng được sắc phong hẳn hoi, còn làng Cá toàn dân tứ chiếng góp lại, cày rẽ ruộng nhà giàu Lộc Chánh, đến cái tên chữ

cũng chưa có, đình làng chỉ bằng điếm canh xứ người. Ông đô đốc tên gì chẳng nhớ - cái lệ kiêng húy tai hại - chỉ biết họ Trần, ham vui hội vật làng Cá mà rẽ vào, mặc kệ hào lý Lộc Chánh bày hương đón trên đường quan. Trần Đô đốc đóng khố bước vào bãi, quật ngã hết các đô vật tới thi, sau bị Sáu Thìn làng Cá hất nhào ngửa, vỗ đét vào rốn. Bà con sợ mất máu, tưởng anh trai cày rụng đầu đến nơi. Nhưng ông Đô đốc cười lớn, mặc khố đứng giữa bãi, túm vai Sáu Thìn mà phong làm chưởng đội ngay tại chỗ.

Dân làng Cá rất khoái ông đô đốc chưa tới ba mươi tuổi, gọi Bắc Bình Vương là “Anh Huệ” làm các cụ già giật thót, đi chơi với Sáu Thìn như bạn vai vế, đặt tên làng Cá là Thiên Ngư thôn, nhân hỏi thăm về đàn bà goá mà chém luôn một tên mọt dân. Cuối cùng, ông làm việc rung chuyển cả phủ Tam Kỳ: Ông tự tay thảo tờ lệnh khoanh cho làng Cá tất cả các phần đất từ đường thiên lý lên tới sông Rù Rì, ai cày rẽ đám nào được giữ luôn đám ấy. Nghe nói tờ lệnh ấy văn dở chữ xấu, nhưng được con Ấn đỏ chói đóng vào, đằng sau con ấn lại có lưỡi gươm rất nhạy, nên quan tri phủ cũng chịu phép. Dân làng Cá mừng mà khóc, gánh rượu thịt tiễn quan quân mấy chục dặm đường vào.

Làng Thiên Ngư mở mặt từ đấy, xây đình to, tạc bia ghi công đức Trần đô đốc, mộ dân lưu lạc về vỡ ruộng thêm mãi, lan thành nhiều xóm phía Nam. Đám nhà giàu dưới Lộc Chánh kẹp dù đi kiện, rồi kéo tráng đinh đi gặt ào, keo nào cũng thua. Anh Sáu Thìn lâu lâu cưỡi ngựa về thăm làng, bà con lại gửi quà biếu ông Đô đốc: Phần ông có thứ chè nhỏ của Tam Kỳ, thơm mộc mà đậm, còn bà Đô đốc được hồ tiêu, con ông ăn bột chà là với chuối mít khô. Ông đô đốc giữ ý, thỉnh thoảng nhờ Sáu Thìn đưa về một lượng bạc, nói là biếu quả phụ cô nhi.

Bẵng đi một dạo, làng vắng tin Sáu Thìn. Nghe đâu vua băng, việc trào lộn bậy hết, viên quan Tây Sơn mới đổi về lại ăn tiền như mỏ khoét. Rồi giữa một đêm mưa lớn, Sáu Thìn đánh voi về làng. Ông đô đốc tử trận nằm trên bành, mặt vẫn tươi như Bắc Bình Vương xưa ngủ trên lưng voi, tay còn nắm chuôi thanh kiếm dính máu đen và mẻ mấy chỗ. Bà mẹ Sáu Thìn chẳng gọi ai, một mình cầm đuốc dẫn voi lên núi Chúa. Hôm sau quân Nguyễn Ánh tràn tới,

theo dấu voi vào vây núi, xỉa giáo vào từng bụi cây một. Ba người một voi đã biến mất. Từ đấy, trong những đêm mưa gió, dân làng hay nghe tiếng voi rống và tiếng gươm khua loảng xoảng trên núi Chúa….

Ông thầy Mười hẹn sẽ kể tiếp phần giữ ruộng về sau nữa. Tôi nghe rất mê, ông cũng cần một người chịu khó nghe như vậy, bởi "Sắp nhỏ bây giờ dễ quên ráo ông bà". Nhiều đêm tôi lắng nghe tìm những tiếng của thời Tây Sơn vọng về, chỉ nghe những ngón tay mưa gõ trên mái nhựa và gió hú rất thường so với gió Trường Sơn, chưa đủ gợi nên thần thoại khi lọt vào đôi tai quá quen với máy nổ và sung nổ. Tiếc lắm chứ. Thế nhưng tôi bắt đầu ngắm trái đồi trọc chừa chỏm cây bằng cặp mắt kính nể, cũng không tức cười nữa khi lội qua sông Rù Rì hay đèo Trâu lăn: có lẽ người xưa phong chức cho sông núi hơn là đặt tên. Tôi vừa mở hé cuốn sử ghi những chuyện anh hùng qua rồi mà không hề đứt đoạn, đã mừng gặp ngay cái tên Tây Sơn rất yêu của tuổi nhỏ….

Anh Luân nhỏm dậy gọn như chưa hề ngủ, trải khăn trên tay lau nhanh bộ mặt xương, lau cả cái đầu trọc, kiểu rửa mặt khô của người quen ở hầm.

– Đi hè, lão!

Bóng núi đằng Tây đổ dài qua đồng, trùm lên làng Cá. Lúa vàng tươi càng sẫm màu thêm, chín thêm một ít nữa để giục chúng tôi đánh gấp. Nền trời nổi sáng gắt. Bốn chiếc phản lực đón nắng dưới bụng trắng loá – Bụng chúng khi đi gắn lổn nhổn những trái bom đen, bây giờ trơ trụi – Sà qua đầu chúng tôi với cặp cánh phụ cụp xuống cản gió, xì đuôi khói đậm dần. Chúng còn rướn ra đến tàu mẹ đỗ ngoài khơi, mới có tụi cánh quạt đáp xuống sân Chu Lai. Tôi nhớ cái đèo Rập cu ở Quế Sơn: từng bầy cu đất nối nhau lao qua chỗ yên ngựa giữa hai sườn núi, đâm vào tấm lưới dăng cao, rơi xuống túi dưới, đập giãy toé lông trắng trước khi vào lồng. Ước tới cao xạ thì quá cao, nếu có mươi cây 12 ly 7 mà dăng ở đây một tấm lưới lửa dập tàu bay nhỉ!

Đội du kích cuốn võng cho vào bao, xuống đồi theo chỗ bóng khuất, tránh hằn nét động trên nền mây đỏ bầm. Năm Ri dẫn một

tiểu đến chỗ bến phà Gò Trúc, sẽ bắn vào tụi lính gác cổng ấp, chia lửa cho tổ Mẫn. Anh Luân với tôi rẽ qua phải. Một em chăn trâu đợi trong bụi, dẫn chúng tôi vào ấp. Địch ở ngay trong ấp mà vẫn sợ, từ bốn giờ chiều đã khoá các cổng, bỏ khúc giữa và khúc đuôi con cá, kéo về dồn cục ở khúc đầu, vây quanh con mắt lồi là gò Đình. Chúng tôi đi dọc xương sống làng Cá, hỏi lượt nữa các đồng chí sắp kéo dân nổi dậy, rồi đi đón Mẫn. Đèn dù lác đác xòe sáng trên ruộng, thứ đèn nhỏ của cối 60. Địch chưa nghỉ, Mẫn đang chĩa súng vào cổng đình…

Chỗ đón là một dải ruộng hẹp chia xóm Giữa với Xóm Đình, được gọi rất đúng là ruộng mang cá. Nhóm chị Biền đã nhổ rào, moi mìn, dọn một khúc đường ruộng băng ngang, nối vào lối đi xuyên qua các vườn mít vườn chè rậm chông tới tận rốn địch.

Tôi hồi hộp quá. Chưa bao giờ tôi đợi tiếng súng mà trống ngực đập dữ như đêm nay. Tôi tự nhủ một cách cả vú lấp miệng em rằng trận này có phần táo bạo, vả lại người ngoài cuộc lo cho người trong vòng chiến vốn là quy lụât của tình đồng chí. Tôi dối mình rất vụng….Các bin! Không lầm được! Các-bin M.2 kéo một tràng cắc cắc, tới nửa băng mới chen tiếng tuyn cải tiến pằng pằng hệt búa máy tán ri-vê. Ăn rồi!

Tôi sững người khi đại liên nổ tiếp liền. Óc tôi quay tanh tách như máy tính, dừng ở cây đại liên trong lô cốt góc sân, chĩa họng dọc con đường làng. Chúng nó kịp nhấc súng qua lỗ châu mai khác ư? Không có nghe tiếng vỗ tiếng réo băng qua đầu tôi. Nó bóp cò từng loạt ngắn lấy tiếng nổ thôi, khác hướng. Đã nghe tiếng ó ré dội xa. Lựu đạn nổ ba bốn trái, của ai, chắc là của ta, tụi ngụy không nhạy rút lựu đạn đến thế. Bây giờ thì các cỡ súng đều bắn, đạn đi cao không chém lá, chắc chị em quật được mớ lính đổ xuống trước nhà, đủ chặn làn đạn thấp để rút cho êm. Ngón trỏ của tôi vẫn gác trên vành cò cây P.38, nhưng bốn người còn lại cứ bóp chuôi súng ngắn muốn toác vỏ nhựa nâu. Mắt tôi xói mãi vào chỗ rào trổ bên kia ruộng, nơi tổ Mẫn sắp vọt ra. Súng địch quét như bão. Lưới lửa xuống thấp rồi, một chòm lá cau chợt rung giật ràn rạt như có bầy sóc ngủ bị đuốc soi. Trận mưa chì bọc đồng xối vào lưng người. Nếu ai đó bị thương… nếu Mẫn ngã trẹo chân…Cần người cứu…Địch

đuổi, chị em đuối sức, ai không chạy nổi thì trao súng, nằm đợi, rút lựu đạn đánh trận cuối đời…Không được!

Tôi nói vội: “Anh Luân ở đó, tôi đón”. Mới buông miệng, tôi đã vọt lên khúc bờ ruộng ngắn, tới rào tre ven xóm Đình. Có người chạy tới. Chân nhẹ. Một người thôi sao? Từ trong vườn tối om, một bóng nhỏ nhô ra, tay vẫy khăn trắng, suýt húc vào ngực tôi. Út Liềm! Tôi túm vai Liềm làm cô bé hoảng, kêu “ứ” trong cổ, quẫy mạnh.

– Anh đây, Thiêm đây, Chị Mẫn đâu?

Liềm lắc đầu không nói, chỉ thở dồn. Nguy rồi. Tôi cuống lắm rồi. Mùi phấn ở đâu thơm gắt nhỉ. Một xuồng đạn xối qua vườn mít, cành gẫy văng tới bên tôi. Liềm hít mãi mới ấp úng ra lời, tôi ghé tai sát miệng mới nghe lõm bõm:

– Khô-không biết….Em ném cây đèn….chạy trước…

Tôi chồm qua chỗ rào trổ, nhưng còn đủ tỉnh để dừng lại, bước lùi. Sai nơi hẹn, rất dễ bắn lầm nhau. Nhất là khi tai ù và súng ồn rất khó nghe mật khẩu. Tôi kéo Liềm lui về xóm giữa. Vẫn cái hoa gì nở đêm bay thơm như phấn.

Mười hai phút, Cối địch gõ tang trống không ngớt, trái bung dù trên trời, trái nổ ngoài gò. Hướng này chưa lộ. Mười lăm phút, mười lăm năm đúng hơn. Mười bảy, mười tám. Thôi thế là xong! Chúng nó đang rọi đèn pin tìm xác, ồ, à, Cộng nữ bay ơi, cây các bin nó đây…Tôi đứng gượng trên đầu gối mất gân, chẳng hiểu sao lại đau buốt ở hai khoeo tay. Súng địch cứ xổ ào ào, băm vằm tôi mãi; Cho đáng kiếp, ai bảo tôi nằm đây như con bò chết trương để Mẫn luồn sâu đánh nhau với hai đại đội! Út Liềm lặng lẽ cởi áo, cởi mãi không hết áo, lớp này tiếp lớp khác, có lẽ mắt tôi nhìn loạn đấy thôi.

Bên kia ruộng có tiếng cười rúc rích. Nói chuyện rì rầm nữa. Một bóng bà ba đen đi qua lỗ hổng đen giữa rào. Súng lách cách. Bắp chân trắng, khăn trắng buộc tay. Có lẽ thật. Thật rồi. Hai bóng, ba bóng nối nhau bước chậm như dạo xem ruộng. Anh Luân hỏi to:

– Quốc?

– Hận!

Cái giọng lanh lảnh ấy còn của ai vô đó! Làm người ta gần phát cuồng, lại cứ cười, cười, cười nữa kia…

– Chú Luân hả chú? Liềm về chưa? Anh em đâu hết? chu choa, đánh ngon quá thể…Đi vô xóm cháu kể, nó động bắp chuối rách áo uổng….

Tôi lẳng lặng nối vào cuối hàng, chân tay mỏi không muốn nhấc. Phải chi tôi được ôm Mẫn như ôm anh em xê mình sau một cơn cháy ruột chờ nhau! Pháo 105 tới giờ mới lên tiếng, đạn mài gió xèn xẹt qua xóm, cũng đánh trống ngoài gò. Chúng sẽ bắn suốt đêm. Của đi thay người mà.

Ngồi bên miệng hào cẩn thận, cả ba cô mới kể thôi là kể, cười từng chùm cười như giũ chà là rào rào trên nón ngửa.

Họ đánh gần đúng như đã bàn, còn vượt mức hai chỗ. Một là bắn nhào thằng Chinh cha chứ không phải là Chinh con, luồng đạn từ ngực Ba Thấn chạy rẹt qua xã Chinh, gục cả hai, chắc mặc áo gỗ hết. Trận đánh kéo dài không phải vì địch chống cự mạnh, mà ngược lại, vì chúng đạp nhau chạy. Khiếp là phải, như đang ngủ ngon bị ong bầu chích giữa bụng hay con rết cắn trong nách. Các cô nổi ham, chạy ra khỏi nhà, ném lựu đạn túi bụi vào tụi lính trong sân đình, chụp vội được hai súng rớt trên đường làng, thêm một điểm "tăng năng" nữa. Mẫn chép miệng tiếc hoài những cây súng không kịp tìm, nghề đời là vậy, cá đầy giỏ vẫn còn thèm cá sẩy…Tôi xem cây Tom-xơn kiểu cải tiến và cây ga-ran M.1, lại ngắm ba cô gái lấm lem, nhận lấy bài học đánh tiêu diệt rất tuyệt. Một tổ đặc công của bộ đội có thể lập công gấp bội, nhưng khó lòng chọn mặt gửi đạn như các cô. À, ra vậy, tiếng đại liên nổ thùng thùng mở đầu cơn hoảng của tôi ban nãy chỉ là cây tuyn của cô Xuân kê trên cái thùng sắt Tây gỉ, lượm ngay trong nhà bỏ hoang. Cái trò này địch biết từ lâu, đem ra chơi vẫn được việc như thường, ngay tôi cũng lầm.

– Sao đó thầy Thiêm, trật đường lối chỗ nào?

Tôi cười trừ. Mẫn sẽ không bao giờ biết tôi đã một lúc rụng rời vì Mẫn. Nếu biết chắc Mẫn giễu hơn là thương, bởi tôi được xếp lẫn vào cái số đông "anh em" trong bậc thang tình cảm của cô ấy, giỏi chen cũng đến sau lưng Út Liềm. Công bằng thôi. Một anh bộ đội

mới tới, có giúp đôi chút nhưng chưa phải chung đắng ngọt vui buồn nhiều năm với Mẫn….

Anh Luân giục Liềm:

– Thôi, biến đi cháu. Đừng ra láng cháng với du kích nghen.

– Dạ, cháu về đây ông.

Út Liềm đi khuất mà mùi phấn còn bay nồng. Cô em út của chi đoàn này đổi dạng rất khéo: da mặt và cổ vốn nâu được xoa phấn dày như quét vôi, lông mày quét than đậm; tóc ghép thêm cái chang búi tròn sau gáy, người to ra gấp đôi với bộ ngực độn và sáu lớp áo. Sáng mai, tụi lính sống sót sẽ lùng trong xóm Đình, tìm "cái con mập ú, da trắng, mày rậm, tóc búi". Gan lì thiệt, vừa kêu có việt cộng vô, vừa giơ đèn gió thiệt cao trước mặt hai con mồi cho các chị quét, cứ tỉnh rụi, một cô Mẫn nữa đang lớn gấp.

Tôi đi giúp bà con sửa lại bờ đai ấp thành công sự "xóm chiến đấu". Súng nhỏ đã ngớt, chỉ còn cối và đại liên bắn mãi ra gò. Đồng bào cầm rựa vác cuốc tuôn tới bìa xóm, các khoanh kẽm gai địch để chất đống cũng mang ra giăng hết. Từng tốp kéo qua, rậm rịch, lào xào, hổn hển.

– Nặng kinh mấy cha!

– Ai áo trắng lên trước cho theo với, tối thui đây.

– Để kêu nó bắn thêm đèn, ước lính…

– Còn mấy khoanh trước nhà bà Vành?

– Nát bét. Bả tưới nước dưa mấy lần, căng đâu gãy đó.

– Mỹ thua bà già…Nè, tránh chớ!

Một cuộc khởi nghĩa rất lạ, không đèn lửa, không tiếng súng tiếng loa, khác xa những năm xưa đồng khởi, nhưng vẫn là nhân dân nổi dậy phá kẹp. Và làng Cá bị hai đại đội giặc đóng chốt vẫn cứ được giải phóng hai phần ba, có đủ chính quyền, du kích, xóm chiến đấu.

Cuộc đánh vật bắt đầu đêm nay. Ai sẽ làm chủ mảnh đất bàn đạp gần căn cứ Chu Lai?

Chương 13

Một luồng nắng pha hơi nước trắng mù đang soi chéo ở cuối vườn mít, bỗng chạm cái gì đó loé sáng. Một vật tròn bóng lấp ló. Cái mũ sắt luồn thấp dưới bụi chè, kéo theo một bóng áo anh Tây đi lom khom: thằng ăn trộm đút quả dưa qua rào trước khi chui. Giày rừng đạp cành gãy rắc. Địch lần theo dấu nhổ chông đã tới ven xóm Đình. Nhiều mũ dưa hấu nữa. Bây giờ chúng dẫm lá mít khô rào rào như tằm ăn rỗi, dò tới. Chúng bị mù mắt sau khi Ba Thấn chết, xã Chinh vỡ vai nặng, thằng Chinh con đem cha về thị xã ngay đêm qua. Bọn dân vệ kiếm cớ nằm lì bên Nhơn Thọ, không chịu về dẫn quân chính quy đi càn, lương thấp hơn dại gì hứng đạn trước!

– Báo cáo hạ sĩ..

– Hạ sĩ nào?

– Báo cáo trung sĩ, rào...chắc có mìn...

Mất khúc sau. Tên lính có giọng eo éo, hơi run chắc mới mười sáu mười bảy tuổi. Thằng trung sĩ đằng sau quát tới, rất gượng:

– Dỡ rào coi! Tụi nó chạy tới xứ Lào, bây còn sảng hồn hả? Đi trong ấp mà quá thằn lằn đứt đuôi!

Tôi xoay nhẹ đường ngắm qua tiếng quát ồm ồm. Đám mũ sắt hết thò lại thụt trên khối đen vuông góc của đầu ruồi, như ú tim sau một mảng tường cháy. Rào gai bên kia rẻo ruộng Mang Cá hơi cựa. Một tiếng ré lạc giọng

– Chông! Xóc chông rồi, úi!

– Câm họng!

Thằng bị chông khóc sụt sịt. Tiếng chân khua chậm hơn, im hẳn. Nhiều giọng khác nhau thì thào, thì thào mãi. Có lẽ chúng sẽ tản ra nằm đơm súng, phục kích ở một chỗ chúng biết chắc Việt Cộng không đi ban ngày, ngủ ngon giấc, bắn một hồi túi bụi trước khi về kiếm cơm, miễn sao thằng dưới có thể báo cáo lên thằng trên là đã đem quân đi tìm cộng sản, đụng độ nhau, “giết mười chín tên tại

trận, xác được đồng bọn mang đi". Thằng trên nhận đôi con số trước khi bịp thằng trên nữa, tới khi đài Sài Gòn đưa tin tổng bịa cuối cùng thì một trung đoàn chủ lực Việt cộng đã tan tành. Cười giặc, khoái thật đấy, nhưng...chúng tôi phải nằm đợi đến bao giờ?

Tôi nhìn tụi lính qua mép hào cắm lá rậm. Hơn chục cặp mắt long lanh của du kích đều nhìn. Sốt ruột lắm chứ. Địch khoanh tròn trước mắt kia như rắn ấp trứng trong vườn hoang, quân ta phục bên này ruộng, nhịn thèm...

Út Hoà ép má vào vai tôi, nhón chân rướn cổ mãi. Cô bé học xong lớp y tá bốn tháng, về tối hôm qua ấm ức đưa lá thư của các thầy cô khen học khá, nhưng chưa chứng nhận cho Hoà làm y tá vì nhỏ quá và hay mất bình tĩnh. "Cho nó ngửi thuốc súng mới mau lớn, cứng gân ", Mẫn nói vậy khi giao em gái nhờ tôi giữ dùm. Một cô Mẫn thu nhỏ lại còn chừng một nửa, lắp thêm nhiều lò xo ở tay, chân, miệng, tim. Hoà đeo túi cứu thương mới sắm kèm hai lựu đạn, bám tôi không rời một bước, khiến tôi đâm nghi là Mẫn cho em gái theo giữ tôi đúng hơn

A, tốt rồi. Mảng rào gai bên kia lại động.

Ba đứa bò lên. Thằng đầu nằm rướn người, đưa cây cần dò mìn tới trước rà rà. Dưới cái mũ quá to úp tận tinh mũi, nhô ra nửa bộ mặt lấm tấm mụn cá, hai má bị quai mũ ép vào như hõm sâu hơn. Tôi không thấy mắt nhưng biết thằng nhãi con đang lấm lét nhìn quanh. Thảm hại cái thân mày!

Tụi quân địch vốn nhát như thỏ, số bị bắt lính năm nay càng nhát hơn. Đóng trong xóm Đình, chúng vào nhà dân chỉ xin ăn, kể lể, trộm cắp vặt, có bốn tên ác nhất thì một chết một què.

Trước một tên ác ôn như xã Chinh, cái căm giận của tôi cứng, nhọn, đơn giản như mũi lê tôi xóc với tất cả sức nặng của toàn thân lao tới. Đây không phải vậy. Mỗi lần sắp bắn vào tụi ngụy rạc rài này, tôi cứ cảm thấy cáu kỉnh, muốn nổi khùng, muốn chửi thật to, mà lại nóng lòng đợi một cử chỉ đầu hàng. Tôi thèm được quát vào mặt chúng: "né ra, đồ ngu!". Sao chúng cứ láng cháng phơi những cục thịt thừa ra hứng đạn, không để tôi xả trúng tụi đáng giết nhất? Sao chúng cứ chịu làm chòm gai vây quanh bụi tre, buộc tôi phải phát

dọn chúng trước khi vào đốn gốc? Có đứa còn chống cự nữa chứ, cắn vào bàn tay đang kéo chúng ra khỏi hố bùn. Để được lên trời như cưỡi pháo thăng thiên. Để lãnh mỗi tháng trên dưới sáu trăm bạc, một phần năm giá chơi đĩ một đêm hạng xoàng của Mỹ ở Đà Nẵng. Để được yên thân ngày nào hay ngày nấy...

Ba tên lính trước mặt tôi đang dỡ rào. Chúng nằm nghiêng, với tay, vặn tháo những mối dây thép buộc gai. Có thể mất nửa giờ. Chúng làm cái việc bán nước ấy chỉ để sống thêm nửa giờ. Nếu tôi gọi loa báo chúng biết vậy, chưa chắc chúng đã tin, khi chịu tin thì đạn đã xuyên ngực. Tôi liếc xem cây tom-xơn kiểu mới cầm tay: nhẹ hơn, gọn, dễ tháo, móc ngón tay kéo khối cơ bẩm cũng tiện. Tổ Mẫn lấy được nó tối qua. Cái họng to gần bằng mười hai ly này sẽ thuyết phục bọn còn sống quay về với ta, ít nhất cũng buông cây súng Mỹ.

Đã một thời nhiều kẻ trong quân đội ngụy than thở với anh cán bộ sắp bị giết: “Buộc lòng tôi phải bắn anh...”. Thời ấy qua rồi. Cái đốm sáng lương tâm ấy, dù rất thành thật, rất đáng quý, đến nay không đủ cứu một mạng người nữa rồi. Tụi lính đóng làng Cá đã nhiều lần nhắn bà con nói dùm các ông Giải phóng đừng bắn tỉa: “Tụi tôi không đi lính thì họ bỏ tù, vô lính không hành quân họ phạt, hành quân không bắn họ cũng trị...”. Còn khá hơn tụi ác ôn, đúng vậy, nhưng mẹ Sáu một hôm đã tiếp lời chúng, nửa giỡn nửa thật: “Chưa hết, để nói thêm. Xin với ông Giải phóng đừng đánh, để tôi bắn ông bể đầu, tôi đốt nhà ông, tôi bắt vợ ông cho cấp trên xài, không làm vậy thì tôi bị rày rà, mất lương, mất chức... Nói vậy chắc mấy ổng rớt nước mắt!”. Đám lính im xo ngó nhau. Một thằng cũng kỳ lý hăm: “Tưởng sao chớ họ làm dữ thì tụi này cũng chẳng hiền!” Mẹ Sáu đủng đỉnh: “Hễ sợ các anh, họ đã sợ mười năm trước rồi, có đâu đến bây giờ đánh thấu Đà Nẵng, Tam Kỳ họ mới sợ! Nói sự phải cùng không mà chơi thôi, chứ họ giựt mìn kêu loa sát bên hông các anh, xa lạ gì...”

Thôi nhé, đủ rồi!

Mảnh rào gai cựa quậy, lắc lư, đổ rạp xuống. Ba tên lính đợi nửa phút mới bò tới lỗ hổng, dòm lấc láo. Tôi bóp cò, quật nghiến cả ba. Một tên nữa nấp phía sau, chồm dậy chạy. Tôi ngắm lại, lảy nhanh, cái lưng xanh vẹo nghiêng, vật xuống cỏ. Bên phải tôi con hào nổ

lốp đốp, phụt khói. Út Hoà tay bịt kín tai, reo nhỏ: “Kìa anh, chỗ gốc mít, gốc mít... “ Tôi cũng vừa thấy hai tên bò lổm ngổm nhô ra, bắc trung liên. Một loạt, hai loạt. Một thằng đứ đừ. Thằng nữa nằm ngửa, đạp chân xoay như vần thớt cối xay, hồi lâu sau vẫn đạp.

Hàng rào bên kia rung bần bật, rú, mũ sắt đập vào hang đá. Khóc ré: “Gỡ giùm cái chân, trời ơi!”. Một cây trung liên sổ hết băng Ga-ran M.1 lảy hết kẹp tám phát. Địch dồn đông lắm trong vườn mít. “Tản ra, tản ra!”. Hay lắm. Đang đợi chúng mày tản đây. Một bựng khói vượt lên, đất nảy. Mìn rồi! Tiếp hai tiếng nhỏ liền liền của mìn muỗi. Ặc, è è, ối. Tiếng gào từ xa vẫn dồn tới: “Tiến! Bắn đi!”

Địch không chạy như tối qua, cố nằm lì giữ trận địa. Khó lấy súng đây.

Tôi nhảy khỏi hào nép sau gốc dừa to, tì bắp tay trái lên thân cây, rỉa ba viên một vào những luồng khói phụt rải rác. Năm Ri chồm người ra trước như muốn bay theo trái lựu đạn. Ba trái, bốn trái, nữa đi, nữa.. Xé đội hình chúng ra, buộc chúng nhào xấp trên chông, nhảy vào mìn! Không kịp nói tôi kéo ào túi lựu đạn bên hông Út Hoà, moi lấy hai trái M.26, tìm địch ném hết đà qua rào, qua một quãng vườn mít nữa, lọt vào bụi chè lao xao gần cuối vườn. Khá, trái sau ném mạnh hơn, tôi ngã sấp vào gốc dừa, ngóc lên kịp thấy khói bùng giữa chè sẫm. Địch vẫn không vỡ, tức ghê. Phải cho anh em rút thôi, giằng co mãi hết đạn, con hào mới đào vội chưa đủ che những trái cối rớt như vãi sạn...

Cái gì vậy?

Một bàn tay khổng lồ từ trên trời thò xuống nắm gáy địch, bóp mạnh. Đó chính là tiếng trống mõ bật lên lao xao trong xóm Đình, nổi to, tràn khắp làng Cá, ngập hết trời đất, chen tiếng hét xung phong, tiếng gọi hàng, tiếng kêu trả thù đứt giọng. Tôi sướng rùng mình. Hãy hình dung một con thú dữ bị kiến bu kín từ chót mũi đến chót đuôi, dù là thứ kiến riện không đốt, để thấy thằng địch lúc này. Chúng phải chạy thôi. Cuộc thanh viện này do ta sắp xếp mà tôi nghe còn muốn rởn gáy, huống chi...

Súng máy địch nối nhau câm họng. Loáng những bóng lưng xanh xám chạy thuốn vào cuối vườn. Thằng chỉ huy vẫn gào: “ Đ.mẹ, tiến!

“. Nhưng tôi nghe rõ tiếng nó xa dần. Vừa quát vừa lùi. Năm Ri xăm luôn mấy loạt nhịp ba rất đanh vào chỗ núp, ước chừng thôi. Nhào lên lấy súng được rồi. Tôi bấm nút thay băng đạn đầy. Ai đó túm vai tôi. Mặt Mẫn nhô ra, đỏ gắt, mồ hôi vằn vèo trên trán dính đất. Mẫn đưa cái còi sừng trâu lên miệng, giương mắt hất hàm. Tôi gật. Mẫn phồng má thổi, chỉ huy bằng còi cho khỏi lộ giọng con gái:

Tù ù ù... Tú ú..út...Tu u u...

Tiếng tù và nhỏ quá. Tôi thét xung phong đứt hơi, cũng nhỏ quá giữa cơn lốc dữ dội cuộn tròn trên làng Cá, giờ thêm tiếng thanh la, thùng thiếc, soong, mâm, nồi đồng, cùng rất nhiều tiếng tù và dội trả lại. Tiểu đội du kích vọt lên khỏi hào. Mười ba người. Mười ba mũi thép của một ngàn người đánh từ bốn phía. Tôi khoát tay, lao tới, chân không chạm đất mà nảy trên tấm thảm âm thanh. Những tiếng voi rống gươm khua của xưa và nay... Tôi quét mươi viên qua chỗ rào trổ, nhảy qua mấy cái xác, đâm thẳng tới gốc mít hồi nãy có trung liên, quì nép vào cây, ngó quanh. Mấy vũng máu. Một tên bị thương nằm nghiêng, lắp bắp cái gì, chắc xin hàng. Chỗ gốc vườn hai cái xác chồm dậy chạy. Mẫn đang kẹp súng đi gần, quay ngoắt lại, rẹt các-bin. Một ngã, một chạy thoát. Ai đó trong xóm nổi la lớn: “Đầu hàng bớ đầu hàng!”. Tôi bỗng thấy khu vườn mít đông nghịt người. Đồng bào đang túa qua lỗ hổng. Tiếng la đầu hàng mé trước tới gần. Tên lính vừa chạy biến trong vạt chè khập khiễng quay lại, hai ông già lăm lăm đòn xóc đi sau, cứ gọi hàng như say. Hai ông đã quật đòn vào chân thằng sẩy khi nó lọt khỏi vườn.

Mẫn kêu hối hả:

– Tổ Xuân gác ngõ chị Diên, còn bao nhiêu đi kiếm súng hết! Bà con đừng vô, chông mìn lu bù, đứng đó vác dùm súng...Đạn, nhớ lấy hết đạn! Mau lên! Ri, Ri, lục chỗ giáp vườn thím Bảy kia, biểu thím né ra..

Út Hoà băng cho một cậu bị trung liên rạch đùi nhẹ, lại chạy vội tới một chị bị xóc chông. Tôi nhận ra chị du kích bí mật hôm nọ họp ngoài gò đã đập anh tám Liệp khá nặng. Mẫn gọi chị là thím Bảy. Chị sục bừa tìm súng, bị chông đâm vào bắp chân. Chị giật chông ra, ngoắc quai súng vào vai, còn vần ngửa cái xác lính tháo lấy nịt

đạn, cười ngỏn ngoẻn: “Ham quá mà...”. Đồng bào đón mỗi người một thứ gì đó mang dùm, kéo qua dãy ruộng về xóm Giữa, cười rân từng hồi. Cối địch giã ngoài đồng lớn đang nhích dần vào xóm, có lẽ chúng chưa tin rằng du kích dám trụ lại ban ngày trong ấp.

Tôi đi xem thế đất trong vườn mít trước khi rút. Một dấu hỏi hiện trong đầu tôi, đậm thêm mãi, như cái dấu mà tôi lơ đãng tô bằng bút chì trên bìa sổ tay trong một buổi họp gay cấn.

Anh Luân cười không dứt tiếng, kéo chúng tôi xuống căn hầm rộng, sạch, có bày sẵn bình trà bên nải chuối. Đạn 81 bắt đầu rít réo đâm xuống xóm Giữa. Bà con núp kín cả nhưng tiếng cười cứ bay ra từ cửa hầm này sang cửa hầm khác, dệt lưới vui dưới pháo. Trận này thắng nhờ cả làng đánh chung, quá rõ rồi, nhưng...có thể thắng to hơn không? Địch một đại mà chịu bỏ lại đến chín thằng chết và bị thương - bà con xóm Đình sẽ đếm những tên được khiêng về trước, cộng thêm vào, chia ra loại thẳng cẳng và loại còn rên- ta đem về bảy súng, một tù binh, vậy là đánh khá. Tại sao tôi chưa muốn hỉ hả ngay như mọi người? Ai bắt tôi cứ phải so đo giữa cái khá với cái giỏi, cái rất giỏi, cái tột đỉnh tuyệt vời?

Đang ăn trái chuối, Mẫn ngừng nhai tủm tỉm:

– Coi bộ thầy Thiêm muốn phê cái gì...

Cô này tinh lắm. Tôi nói tuột cho nhẹ bụng:

– Các đồng chí coi thử…tôi nổ súng có quá sớm không? Để tụi nó tràn qua ruộng hãy bắn, chắc diệt được nhiều hơn...

Anh Luân gạt phắt: “Lão cứ được voi đòi tiên!”. Năm Ri mở to cặp mắt có một con bị vảy cá, cười hết nửa cái mặt:

– Xưa nay đánh miết, có lấy được súng đâu anh! Người một nhúm mà xung phong bắt cả tù binh thiệt đã đời rồi còn!

– Cô Mẫn lấy súng hai keo đó!

– Á, à...là đánh úp, chụp bậy ít cây rồi chạy, đây mình dàn trận, rượt nó hộc cơm mới sướng chớ, in thể chủ lực!

Năm Ri nhắc mãi “in thể chủ lực”, rất khoái, trong khi Hai Mẫn vạch que xuống đất, cau mày nghĩ lâu, tay kia vẫn đưa hờ trái chuối gần miệng. Có lẽ Mẫn hiểu cái bâng khuâng của tôi, một người lính

đánh giặc nhiều năm, vốn xem đánh gần là vinh dự, nổ súng từ xa là điều đáng xấu hổ. Thế nhưng Mẫn khó biết rằng tôi đợi một câu của Mẫn như lời phán xét cuối cùng.

Súng nhỏ chợt rộ lên như tiếng đậu trút vào thùng. Đạn cối thưa đi một lát, giờ lại vãi hối hả xuống rẻo ruộng Mang Cá. Hai tổ gác ban nãy đang hăng, không chịu lui, cứ bám khúc hào trước ngõ chị Diên bắn cù cưa, chặn cánh quân địch tính vào vườn mít lấy xác. Ham thì đánh chơi vậy thôi, Mẫn ngửng lên, nói với Ri:

– Cậu đi rút tụi con Xuân con Rốt về, xài đạn vậy lấy gì đánh nữa.

Ri bước lên. Anh Luân cũng quờ cây gậy: "Ngớt bắn tao cho quân áo trắng khiêng xác đi trả liền. Nhớ dặn sắp trẻ đừng cắc bụp lung tung nghen!" Mẫn gật, vẫn nghĩ, vẽ, môi lẩm nhẩm như nhằn hột trong chuối, riết rồi mới chịu đẻ cái trứng vàng:

– Không sớm đâu anh. Chậm nữa, nó kịp dàn đại liên với một dãy trung liên dọc rào, quét lụi mình nát đất. Hồi nãy cối nó mắc kẹt trong vườn rậm, chịu nín, để nó ra tới chỗ quang chắc nó vầm phải biết. Dễ gì chịu bỏ xác bỏ súng cho mình!

Tôi buột miệng: "Đúng!". Tôi chỉ nói với tôi, nhưng Mẫn nhoẻn cười nheo mắt:

– Thầy cho mấy điểm chiến thuật?

– Mười trên mười, rốp liền!

Tôi trút cái mũ một vốc đạn tom-xơn mới lấy, lắp đầy mấy băng rỗng. Mẫn cũng lắp thêm đạn vào các-bin. Kể cũng tội, Mẫn chỉ dám đeo mấy băng ngắn chứa mười lăm viên ở thắt lưng, để buộc mình bắn hà tiện. Được ba cái băng dài, chỉ được lắp một vào súng, còn hai bỏ bao lưng cho khó lấy hơn, kiểu trẻ con bỏ ống tiền. Giữ súng kỹ như Mẫn hoạ chăng chỉ có anh Ba Tơ, chứ tôi chưa cưng khẩu P.38 cỡ ấy.

Đang thông nòng, tôi chợt nhớ tôi đã lập công bằng cây súng Mẫn cướp được. gặp lúc Mẫn ngước lên, tôi vuốt nhẹ cây tom-xơn, nhủ bằng mắt: "Nhờ có em đấy, nhờ em...". Mẫn hơi ửng má, lắc đầu. Thông minh lắm. Băng các-bin gần đầy, lắp đạn nặng tay hơn. Mẫn gặp ngay cái nhìn sẵn sàng giúp đỡ của tôi. Đang chống băng trên ván, Mẫn nhấc nó lên, cầm nó bằng tay trái, giữ ba viên trong

lòng bàn tay phải, ấn lách tách vào băng rất gọn, trao nó cho tôi mỉm cười với cái vẻ vâng chịu dễ thương lạ, trong khi đôi mắt đen bảo tôi: “Tay em mạnh và quen vậy đó, mà em cứ nhờ…vì anh thích”. Tôi suýt kêu lên, phá vỡ câu chuyện thầm. Tại sao hai chúng tôi, ừ, sao hai con người gần nhau chưa nhiều lại có thể thấu hiểu nhau đến thế?

Tiếng nổ đầu xóm đã ngớt. Cây báng đỏ của cô Xuân bồi thêm vài phát pình pình như đê-pa cối 60 nữa. Địch nín luôn. Nghe súng cũng biết chúng chưa lọt được vào vườn mít, càng hay, các tổ binh vận sẽ khiêng xác đi trả tận đình và nhắc lại những lời khuyên răn

* * *

Căng thật.

Trụ bám gần đồn là một chuyện. Rạch đôi sơn hà với địch, lấy nghiến đi hai phần ba cái ấp chiến lược, giành đi giật lại từng mảnh vườn, từng vạt khoai, đường đường mặt đối mặt chọi nhau, lại là chuyện khó hơn nhiều. Căng không thể tả.

Địch rút bỏ hai ấp Nhơn Phước và Nhơn Lộc nhỏ hơn, giao ấp Nhơn Thọ cho đám dân vệ thập thò, kéo hết tiểu đoàn về đóng dồn cục trên xóm Đình, cố cướp lại hòn đảo hình con cá. Súng lớn giã gạo không ngớt tiếng, riêng thứ 105 bắn hơn bốn trăm trái vào hai xóm ta. Xóm Giữa cháy quá nửa, xóm Đuôi cháy một phần ba. Nhìn mặt đất chỉ còn thấy hố pháo, nền xém, cây đổ, không thấy người, nhưng đây đó những xẻng đất rổ đất hắt lên như nước toé báo chỗ căn hầm đang được moi thêm. Vài người sợ quá bỏ đi Nhị Lộc, mươi gia đình nữa lên Tam Trân, còn bao nhiêu, “cứ đất mà xuống” thuốn vào lòng đất chứ chẳng chạy đâu. Giữa trận mưa cối 81, vọt từ hầm này sang hầm khác, tôi chỉ nghe tới tấp những câu khỏe người.

– Làm tới đi nghen, đừng có đem con bỏ chợ.

– Tụi nó đứ rồi, ngắc ngư rồi, muốn nhả rồi Thiêm à

– Thằng Chinh con bắt sáu trăm dân vùng cát sửa soạn lên cắt lúa đồng ta, xe em-mờ chở hẳn hoi.

– Nói anh đừng giận mấy ông cán bộ miệng kêu dân nổi dậy mà cái cẳng cứ bỏ lái đằng sau chực chạy lên núi, là tụi tui xin miễn...

– Dặn sắp nhỏ đánh đấm mãn cuộc rồi ghé tao. Con nghé gãy chân đó, lương khô lương tươi mặc sức

Và láy mãi như điệp khúc là cái tin "Mỹ sắp vô Chu Lai" Lính Ngụy nói, dân biển dân chợ đều nói. Làng Cá hiện lên ngày càng rõ là lô-cốt đầu cầu, hèn gì địch không buông.

Có lúc đội du kích bị bầy M.113 dồn đến chót đuôi con cá, đang truyền miệng cho nhau "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" thì quân áo trắng ùa ra cản được xe, trên đường lui một chiếc còn ăn mìn đứt xích. Các mẹ các chị đi chống pháo, nón lá ngập trắng xóm Đình như cò về vườn quen. Thằng Hai Chinh khịt mũi, gầm gừ mãi cũng chỉ biết lặp: "Cộng xui". Các bà đâm cáu: "Cộng xui phải dân mới nghe. Ông có cái gì ích nước lợi dân, xui một câu nghe thử!". Cái hôm hắn bắn chết chị Ích, cả quan lẫn lính đều sợ mất máu: đồng bào vây quanh đình suốt buổi, gào thét đòi chồng nhơn mạng[(1)], số ở nhà nổi trống mõ một hồi, du kích hốt luôn một vọng gác lẻ cuối xóm. Cũng hôm ấy, nước mắt tôi chảy tràn trên mặt. Có cái gì thiết tha đến đau buốt, kiên quyết đến hung dữ trong mỗi bà con ở đây khi lao lên trả thù cho người chết và giật lấy tự do cho người sống, không cần tính giá của mỗi tấc đất giải phóng, không cần biết sau ngày độc lập mình sẽ còn gì mất gì, từng phút sẵn sàng ném thân làm đá lát đường cho con em đi tới.

Vắng đi cái sức mạnh cuốn người ấy, hẳn đội du kích đã liệt chân tay, quỵ xuống bật ra ngoài. Cuộc chạy đua giành bàn đạp này quá găng. Chúng tôi đánh ngụy mà biết đang chạy đua nước rút với Mỹ.

Đánh ngày đánh đêm, đánh mặt trước mặt sau, đánh chông bẫy kèm vài phát súng, đánh bằng khúc cây chuối giả súng cối và hai đèn pin bó lại làm ống nhòm. Mỗi hố mắt đựng được nửa chén gạo. Áo quần dày mo với mồ hôi quện đất, rách lòi thịt như thêu hoa da. Chiếu vừa dính lưng đã bật dậy, chụp súng chồm tới chỗ địch thọc cuối xóm đang bắn vào lưng tổ gác. Vừa cắn nắm cơm vừa thò tay gãi đùi, bỗng đau muốn nhảy dựng: Mấy mảnh cối vụn găm vào da thịt bao giờ không hay, máu ngấm vải đã khô và đắp kín bụi. Anh Tư Luân chỉ còn da bọc xương, tất cả sức trong thân tụ vào cặp mắt. Mẫn đi dọc hào không ngớt, cười tươi, một lần sập hầm lịm mãi không dậy. Út Hoà run quá phải nhờ tôi tiêm hộ dầu long não. Còn

tôi đã cùng mọi người quên béng đi cái vai trò phái viên, tôi cứ đánh và chỉ huy ào ào, điều cả quân chính trị, ra lệnh luôn cho du kích bí mật, và chưa có ai thử hỏi tôi làm cái chức gì trong xã. Ông thần rừng chịu thua ông thầy vườn, tôi dứt sốt, chỉ vài ngày lên một cơn ngây ngấy mươi phút đến nửa giờ, cứ đánh ngon.

Các xã giải phóng lại túa về giúp Tam Sa. Chị Bỉnh chưa được lệnh, cứ đem mười du kích xuống lãnh một mũi, còn nói vờ rằng xin cho số trẻ thực tập. Bị Mẫn ôm trước mặt đàn ông, chị mắc cỡ giãy ra: “con nhỏ này bị pháo hoá điên!”. Bà con Tam Trân suốt mấy năm nay cứ chép miệng khi nghe nổ mé đường Một: “Độc lập phải cho Tam Sa hưởng trước nghen. Cũng thì Cách mạng miền Nam cả, mà cái Tam Sa cực sao cực tới chữ vậy chớ!”. Tiếp huyện về. Anh huyện đội phó, cậu thư ký, cô y tá theo chú Tâm xuống làng Cá với bốn cõng nặng những thứ nổ được, súng du kích đang đói lại no.

Anh Bảy quai nón gửi thư khen Tam Sa tiến công rất mạnh, chê riêng hai thôn vùng cát nằm im quá. Đúng y. Năm Tuất đợi lệnh một cách máy móc, đến nay kéo dân đi phá ấp cũng kỹ và lì như máy, sạch bong từng mảng một. Rồi Tam Lộc gửi tới một tiểu, Tam Lý mười sáu người mang gạo và đạn đủ xài bảnh nửa tháng. Ta khỏe hẳn lên.

Địch núng dần.

Tên đại úy mắt lồi kêu trời: “Một nước hai miền, tỉnh quận hai miền, tới một làng cũng hai miền, hai chế độ sống sao nổi!” Hắn chết hụt vì một trái mìn 105 bấm điện gần giếng tắm, về chửi trong máy bộ đàm: “Chốt đâu không cho, bắt người ta chốt ngay trên miệng núi lửa!”. Lính khiêng về một thằng trung úy bị rựa chặt, lưỡi rựa sượt trên xương trán đã hớt sạch lớp thịt trên mặt. Mũi, môi, gò má, mớ răng dưới, tất cả bay gọn, để lại một đĩa tiết canh bầy nhầy. Ông già chém bụt bị bắn chết, nhà bị đốt, nhưng cả tiểu đoàn đều rúng xướng hết. Quân hắn rệu sẵn, nay rã nhanh. Lính chạy xuống đường Một nhảy liều lên xe hàng, về thị xã ở tù. Lính trốn ra gò, mang súng lên Tam Trân qua Tam Lộc. Lính bám các dì đi kiện pháo, sang xóm Giữa. Chị Biền cà rà chỗ vọng gác một hồi dắt ba lính với một hạ sĩ băng dải ruộng Mang Cá. “Phong trào vượt tuyến” từ đó bốc lên như diều. Du kích gác bìa xóm thường thấy bên kia

ruộng thò ra một nòng súng buộc khăn trắng, vẫy vẫy. Bên này cũng vẫy khăn, chỉ chỗ bến để hở. Ào một cái, vài bóng xanh đeo súng chạy ào qua lúa chín chưa gặt, nhảy xuống hào ta, có khi trung liên địch quét theo không kịp.

Đến ngày thứ chín, giặc cuốn gói. Buổi sáng ấy súng lớn nổ điếc tai long óc, xe đủ kiểu kéo lên xóm Đình, trực thăng xúm chùm cái bắn cái đỗ. Chúng tôi sửa soạn chống một trận càn cỡ trung đoàn là ít. Tới mười một giờ, các thứ tiếng lần lượt tắt, rồi bà con xóm Đình chạy ào qua giới tuyến báo sạch địch. Chúng tôi ngẩn ra ngó nhau, chỉ dám tin rằng địch kéo đi càn đâu đó, vài hôm sẽ quay lại.

Tôi vào khu "điểm tựa" của ấp chiến lược. Đường chi chít những mìn ba râu chôn dối, dễ tìm. Một thùng mìn kíp mở nắp, mới có mươi trái được nhét ẩu dưới lá khô. Đến gò Đình, tôi sửng sốt: Địch đã xây hẳn một cái đồn to có đủ cả lô-cốt mẹ và con, bốn lớp rào kẽm gai đầy mìn, hai lớp chông, hào nổi hầm chìm dăng như mạng nhện. Đồ đạc vứt lại khá nhiều. Trong đống vỏ bìa đen dựng đạn cối còn cả mớ đạn chưa bắn!. Nhiều thùng đạn nguyên trong các lô-cốt. Càng sục càng ra lắm thứ. Anh em reo ầm khi khui được một hầm chất nổ còn nguyên: hơn trăm lựu đạn, sáu chục trái mìn loại năm cân vỏ khía, thêm tám cây M.1, có lẽ của những đứa chết. Thêm một hầm xăng dầu nữa... Tiểu đoàn giặc đã sứt mẻ trên Việt An, về đây mất thêm chín chục khiêng với ngót năm chục lính trốn, nát hẳn. Tôi gặp nhiều trận vậy đó: thằng địch căng gân đánh vật với ta, căng nữa, căng mãi, tưởng như không bao giờ cạn sức, làm ta ghì bám nó muốn dứt hơi: rồi sựt một cái, nó đứt gân sụp xuống, hoá ra đống thịt nhão, rữa nhanh.

Bà con xóm Đình dập được các đám cháy, chỉ mất hai nhà không cứu kịp vì chủ chạy xa. Chính mắt Út Liềm thấy thằng Chinh con đốt. Trên chiếc M.113 cuối cùng có một Mỹ lái, một Mỹ quét trọng liên, tụi ngụy kê súng chơm chởm chung quanh thành xe, thằng Hai Chinh đứng mé sau với cái mặt ngựa đỏ tía, vừa khịt mũi vừa ném lựu đạn lửa vào những căn nhà dân hai bên đường. Hằn thù cái làng quê cha đất tổ của hắn đến hoá dại

---

Chú thích

(1) Đền mạng

Chương 14

Tôi tháo xong đầu nổ trái mìn nhảy M.16, nghe một tiếng "hự" đằng sau, quay lại. Anh Luân đứng chống gậy, cau mày nhìn Năm Ri đang lúng túng ngó tôi. Kẹt sự gì rồi. Tôi phủi tay vào quần, bước tới. Anh Luân gãi cái đầu trọc, đằng hắng vài lần rồi mới nói:

– Lão đừng ra bãi mìn nữa. Bày anh em moi thôi. Mình dặn Năm Ri, nó cứ nể…

– Yên chí lớn, tôi gỡ có nghề mà.

– Nghề, nghề cái gì… Lỡ có đứa khác nó hụt tay, cho nhảy một trái, lão chết oan thì sao? Lỡ pháo rớt gần, mìn động kíp nổ bậy trong tay lão thì sao? Việc của lão dưới kia kìa. Tụi này để lão oánh thí xác bấy lâu, cũng là cái thế ón chẳng được đừng, chớ áy náy trong bụng lắm đó.

Tôi lảng vội:

– Út Liềm về chưa anh?

– Chắc vài tiếng nữa. Con nhỏ bụng đã có cái hom, thả thứ gì vô là nằm lòng chắc cứng, khỏi lo đi.

Từ sáng tới giờ vùng biển nhốn nháo hẳn lên. Tàu rà với trực thăng quần như chuồn chuồn trước bão, pháo các đồn rải đạn bậc thang dưới mé đường nhựa, ồn gấp mấy hôm qua địch rút khỏi làng Cá. Tôi nghĩ ngay đến quân Mỹ đổ bộ. Anh em đoán đủ chuyện: đặc công đánh sân bay, tụi Sài gòn đảo chính, cũng có thể là binh biến, phản chiến, các sắc quân ngụy bắn nhau… biết đâu được, chúng nó đang lúc quân hồi vô lệnh. Út Liềm và hai cô nữa phóng xe đạp xuống biển lấy tin, chưa về.

Các em chăn trâu xúm chùm dưới gốc đa cũng "tham mưu con" rất hăng trong khi lựa đạn xếp riêng từng loại:

– Cái thứ bộc phá đằng mình, tụi nó ăn ít trái là sôi bụng dữ ác vậy.

– Xã Chinh chết, con nó xin pháo đánh trống tế cha…

– Chị Cang nói nó bán thân bán xác sao đó, chưa biết, mà tay chân không cục cựa được, nằm ngay đơ vầy nè, ra lệnh cho thằng con củng bố mình.

– Xì, ác ôn tôm tép. Chinh con xuống đó gánh giỏ gắp phân cho Mỹ chớ quyền gì. Bí mật nghen… anh Thiêm nói Mỹ đổ bộ. Ít bữa nữa rảnh rảnh, tụi mình học tiếng Mỹ.

– Biết rồi, Hê-lô, bông-sua, gút, gút?

– Trật bậy hết. Đài mình nói thằng tướng nào lật thằng tướng nào, quên mất, lát tao nhớ…

Anh Luân rủ tôi đi coi máy, có lẽ chỉ để kéo tôi ra xa bãi mìn. Lạ chưa, địch bỏ lại trong góc đình một cái máy thật, máy bơm Nhật gắn động cơ nổ 12 ngựa. Có mấy khúc ống cao su như vòi voi… Chúng định đào giếng bơm nước lên, tránh những cái giếng hay nổ trong xóm chăng? Sáng qua tôi chỉ sục kỹ các lô-cốt và hầm hào…

Ông thầy Mười đứng sẵn bên máy như người dẫn xem bảo tàng, kể ngay sự tích của nó. Hồi mới lên cầm quyền, cha con xã Chinh hối hả làm giàu, mua đâu được cái máy bơm cũ chở về, đốc dân khai mương, tất nhiên là đưa nước vào ruộng nhà chúng là phần nhiều. Còn mấy nhà nữa bị mương nước chảy qua ruộng, phải trả giá cắt cổ đến nỗi cả xã đồn rum: “Xã Chinh bán nước đắt quá, dân sạch túi”. Tay thợ coi máy là bợm rượu, để máy trục trặc luôn, và mỗi lần máy hỏng cha con xã Chinh lại chửi nhau một trận; cha ham thu tô, con ưa làm giàu bằng công nghệ, cái máy bơm nằm giữa hai kiểu hốt bạc ấy, hai khối tham tùy lúc bị nó hút vào hoặc đẩy ra như chơi quấy. Nó được chở đi sửa trước nạn lụt, thoát chết đuối và cũng thoát tịch thu. Hẳn xã Chinh tin lắm lắm ở đợt lấn chiếm này nên mới dám chở máy về, gặt xong là bơm nước cho vụ chính. Rốt cuộc nó cũng về ta, trong khi xã Chinh bị liệt nửa người nằm dưới thị xã, thằng Chinh con chạy tháo thân với lính.

– Bữa hôm xã Chinh cho nổ thử, tụi lái xe chê gắt, nói đồ bỏ uống xăng như nước…

– Uổng hè. Hễ chạy ngon, mình cho vỡ lại mấy chục mẫu bỏ hoá gần sông. Lo là tụi nó càn lên, cướp nghiến mất.

– Khử thằng Hai Chinh mới giữ được ruộng được máy. Tụi lính còn biết sợ dân vây, tới thằng đó làm quá tay níu kéo không thấu…

Da tôi rân rân khi chạm vào khối động cơ lạnh. Nó sống. Như nó chứa một dòng điện rò chừng mười vôn vừa truyền sang tôi. Như tay tôi lâu nay để tê đang dồn dòng máu thợ tuôn vào các mao quản, bắt ngón tay phải cựa quậy mới thấy dễ chịu. Đâu đó trong tôi, từ sâu lắm, một thèm khát bị nén nhiều năm từ từ bốc lên đầu lên ngực khiến tôi choáng váng. Tôi nhớ nghề máy nổ. Tôi thèm làm cho sắt thép quay tít, phát ra sức mạnh giúp người.

Anh Luân cứ nói văng vẳng đâu mé sau:

– Cứ cho bơm. Cả ngàn dân làng Cá, bộ giữ không nổi mà xài sao? Cùng lắm mới chôn giấu…

Tôi không nghe được thêm.

Tay tôi lập cập lật nắp thùng đồ phụ tùng, kéo ra sợi dây khởi động, quấn vào trục bánh trớn, giật mạnh. À, quên mở khoá xăng. Ba tôi đứng bên chắc đã nạt: “Không nhả xăng cũng phải đái vô một bãi chớ!”. Ông cụ gắt lắm câu khó chịu thật, nhưng nhớ dai thiên niên vạn đại. Tôi quấn dây, giật nữa. Nổ rồi. Tiếng máy của ta nghe vui lạ, giòn tan, săn cứng, như một chuỗi bi sắt rót đều vào thùng rỗng. Tôi nhác thấy vẻ mặt sửng sốt của anh Luân. Khó gì đâu anh, tôi khơi bật sức sống trong cục sắt này cũng như anh bắt đất nhả ra củ trái thôi. Năm Ri xua các em ra ngoài, tôi mới biết có ba vòng trẻ em vây quanh, coi chừng, đây thiếu hầm. Một chị vẫy tôi bảo về ăn cơm, tôi gật. Sau đó tôi không nhớ gì nữa.

Nhìn bề ngoài, có lẽ tôi vẫn là thằng Thiêm của mọi lúc. Bên trong khác. Như người lên đồng, tôi đang nhập thân vào máy, sâu dần, trọn vẹn dần, cho đến khi trông rõ cái bu-gi đánh lửa châm vào khí xăng nén, cảm được sức miết của các xéc-măng, lần lượt sờ nắn từng cái trục đang quay trong ổ. Những tiếng nổ lia lịa dính cục đã theo lệnh tôi tách rời nhau ra. Mỗi chi tiết ngoan ngoãn diễn thật chậm cho tôi xem vai trò được giao, kể vui buồn với tôi bằng lời riêng của kim loại, háo hức đợi tôi khen hay chê, dùng tiếp hay cho đi chữa bệnh. Cái thế giới đóng kín trong lòng ống xi-lanh, vốn là một bí ẩn đối với người không quen, đã mở cửa đón ông lang máy

vào thăm... Đúng rồi, máy có bệnh. Nó chưa già mấy đâu, đừng chê tội nghiệp, nó chỉ mắc bệnh vì cha con xã Chinh bắt quay bơm đến kiệt sức, cho ăn đồ thừa đáng vất đi, cấm nó nghỉ ngơi tắm rửa. Tay thợ coi nó chạy chỉ mê rượu, tay nào vừa sửa nó chỉ nghĩ đến tiền, cũng phải thôi, nó khỏe lên làm gì cho chủ nó thêm gian thêm ác?

Đất rung một lần, hai lần. Một mảng vôi trên tường lở xuống bên máy. Anh Luân kéo vai tôi:

– Ra hầm, lão.

Tôi tắt máy, theo anh bước xuống con hào hẹp do địch đào ngay trong đình, thông ra hầm ngoài vườn. Pháo An Tân bắn lên hú họa. Tôi ngồi xổm, bần thần nhìn bàn tay lấm. Hình như anh Luân khen tôi lắm nghề, gì cũng rành, về sau vợ con được nhờ. Tôi chỉ ngó xuống tay. Những ngón này đây, ba tôi luyện cho từ nhỏ, biết nắm lắc-lê chắc như kìm, cũng biết xuống gân mềm ra để sờ tìm một vết xây xát bằng sợi tóc trên sườn trơn của xi-lanh, đã mất đi cái hạnh phúc được cứu máy. Đến bao giờ nhỉ, tôi mới được vuốt ve một động cơ khỏe đẹp với niềm vui không chút gợn, khỏi phải tìm chỗ nhét mìn, chỉ lo sao nó trẻ và sung sức mãi cho bà con tôi đỡ khổ? Còn lâu đấy. Còn lâu...

– Gì, lão?

Tôi cười, lắc đầu. Tôi buột miệng nói lúc nào chẳng hay. Khá nhiều xe và trực thăng đã nát dưới tay tôi, cả hai máy bay khu trục nữa. Ém đy-na-mít dẻo vào, thả trái nổ, vác búa tạ mà quai, bao giờ cũng nhớ đắp thêm bao tải trước khi tưới xăng châm lửa, bắt cháy lâu nung mềm cho hết bòn mót một bộ phận còn lành đem chắp nơi khác. Và không chỉ có bấy nhiêu. Tôi còn hủy đi gần một trăm cái máy biết nói tiếng Việt hay tiếng Anh. Trước những thân thể khỏe mạnh, tôi đã lái đường ngắm vào đúng sọ. Giặc Mỹ bắt tôi bắn phá, trong khi tôi muốn chi chút đỡ từng mầm cỏ gãy.

Tôi thấy nó rồi, thằng đế quốc, con quỷ ghê tởm quá sức tưởng tượng của chiêm bao, tôi chỉ thấy nó khi thật tỉnh. Con mực ma[(1)], đôi khi nằm lẫn trong thúng mực ống trên bãi biển Qui Nhơn, đã được nhân lên cỡ trái đất. Nó ôm ghì một mảng nhiều lục địa, hút óc người, máu người, thịt người, để tuôn ra một dòng lạo xạo đen sì

những thứ gây chết nhanh chết chậm, từ bom H đến tấm ảnh khiêu dâm, từ tên giặc lái B.52 đến điếu thuốc tẩm cô-ca-in, đủ hết. Tôi đã gỡ được cái lưỡi câu giật đau khi lần đầu tôi đi soát những cái xác rằn ri vặn vẹo, những đống sắt bốc khói. Người thợ sửa máy nổ đã cười to nói hăng khi kể chuyện diệt đoàn xe hay bắn tàu bay, cùng vui say sưa với bà con đồng đội, những người suốt hai mươi năm nay chỉ biết máy rền dưới đất là lính đi càn, khác với tiếng máy rống cao báo bom sắp rơi. Mỗi ngày đánh Mỹ lại mở rộng hơn nữa trong tôi những cung bậc tình cảm tưởng đã lên dây hết mức, mở rộng cả hai chiều cho đau lớn và vui lớn, cho thù sâu ngấm đến tủy và cho yêu thương ngây ngất, yêu thương không nói được bằng lời.

– Ngớt pháo rồi, lão. Cái máy nổ giòn vậy sao tụi nó chê đồ bỏ hè?

Ờ, phải hưởng cái thú chẩn bệnh kê đơn cho máy của ta chứ! Tôi kéo anh Luân lên, mở máy lần nữa, chỉ cho xem luồng khói đen trong khí thải, bắt anh căng tai nghe hai thứ tạp âm: tiếng gõ kim loại khá rõ của xéc-măng mòn, tiếng lách cách yếu hơn của pít-tông bị chạm. Gì đâu, hễ ham rẻ mua xăng xấu dầu tồi thì buồng cháy hay kết muội đen và các chi tiết mau mòn, càng mòn càng đẻ ra muội. Hôm nào rảnh tôi sẽ tháo ra cạo sạch muội và khám lại tim phổi của máy, soát kỹ xăng dầu, nếu ủy ban cho đặt bơm. Bây giờ lo ba chân bốn cẳng chạy về nhà mẹ Sáu ăn cơm đã, mẹ cho con ra gọi tới lần thứ ba rồi, chậm nữa chắc mẹ làm om lên mất.

Cả nhà mẹ ăn xong cả. Mẹ gắt đôi câu, báo tin chị Tám Giàu tìm tôi có việc, rồi dỗ ngọt như dỗ trẻ:

– Ăn hết tao mới chỉ chỗ… Ừ, chắc là cần chứ, ăn no rồi mẹ đi kiếm chị Tám cho.

Cơm để phần tôi ghế khoai ít hơn, lại có một đĩa lòng heo nữa, chắc mẹ mua hồi sáng khi xuống Lộc Chánh chống cối 81. Tôi không dám từ chối, chỉ lén gạt làm đôi ăn một nửa.

Tổ du kích cô Xuân gác đường nhựa mới về. Mẹ Sáu nấu thêm cơm và nói ca kệ trong khi các cô ngả súng ra lau bên bếp, đợi bữa:

– Biết tụi bây binh đao cực khổ, vậy chớ thời nào con gái cũng là con gái, đổi làm trai đâu được. Út Thêm, mày chải dùm cái tóc thử

coi, để quạ nó tưởng đống rác nó đẻ trên đầu… Ngáp hả? Lát nữa tao dọn chỗ cho mà ngủ, bây nằm khéo khéo một chút, đàn ông ra vô họ ngó cho được con mắt. Đừng làm như tổ con Thoá... ừ thì con Thoa, bây đổi tên lia lịa ba ai nhớ cho kịp, chiều qua gác về là lăn chình ình ra phản giữa, ngủ sùi bọt mép, áo trật nút phơi bụng, quần xăn tới háng, tao bước vô thấy như bầy cá nhám bày bán chợ trưa, phát ớn... Nè tao nói trước, hễ đứa nào ăn no béo mỡ tha đôi guốc cao gót vô đây là tao chẻ chụm liền. Mình là dân cày cuốc, đừng học đòi cái số đờn bà ở nhà lầu đầu bi-dê, vừa đi vừa xăm nát nhà như thằng Chinh con tìm hầm... Ngó coi, ngồi đó mà gà nhảy ỉa trên bàn không biết! Phải như tao là bà già bây, tao nói ngay một câu liền: dâu mẹ thảo gớm, ăn gà để phần mẹ cả miếng gan...

Các cô cười rúc rích, ngắt lời mẹ từng lúc bằng câu chọc chơi. Đến đây cô Xuân cao lớn mới dài giọng làm nũng:

– Mẹ ẹ e …… Mẹ gả anh Nhái cho chị Hai Mẫn hoài, mẹ không chịu gả cooon……

Chung quanh nổi cười rật rật:

– Nói nữa đi bác. Tụi cháu nghe riết rồi về làm dâu nhà ai cũng dễ.

– Bà già mặc áo bông chanh, ngồi trong đám hẹ nói hành nàng dâu…

– Mẹ chấm con Chín Cang rồi nghen!

Mẹ Sáu bị ghẹo không kịp thở, làu bàu gì đó, vớ ống thổi lửa thổi pho pho, lát mới ngoái cổ lại gắt: “Thôi, hư nên kệ bây!”. Tôi ngồi quay lưng xuống bếp, cố nín cười. Tưởng các cô chỉ hay ỷ đông, xúm trêu con trai đi lẻ thôi chứ, té ra bà già cũng bị!

Một lần mẹ Sáu đem gạo ra gò, Năm Ri đã nói sơ về mẹ. Mẹ bị ông trời bắt xấu người, hồi trẻ rất khổ vì cái mũi tẹt và hàm răng vẩu “vừa một tiểu đội núp mưa”, bù lại mẹ tốt bụng hết sức và được giọng hát ngọt như chè hai. Nghe kể rằng trai cày bạn gặt tứ xứ tới đây, gặp đêm trăng giã gạo cứ nhào vô hát thi với cô Sáu, mê lắm, hết gạo bỏ trấu vào giã, sáng ra họ lảng hết.

Nội chòm xóm, hễ ai gánh việc nước là mẹ thương, gánh nhiều mẹ thương nhiều. Hai kiểu thương khác xa nhau. Con trai thì ăn ở

sao cũng được, mẹ cứ so với ông chồng ngày xưa chỉ biết có rượu, gái và đánh vợ, thấy bây giờ đàn ông tốt ra nhiều. Con gái khó hơn, mẹ so với mẹ và cho rằng chúng nó hơn được cái khoản đánh giặc mà thua nhiều thứ quá. Mẹ ưa kêu chị em du kích tới ăn ngủ nhà mẹ để vừa chăm nom vừa rèn giũa cho. Lấy mình làm mẫu hoài cũng rầy, mẹ hay nêu gương cô Hai Mẫn láng giềng: “Coi chị Hai cầm đầu tụi bây đó, hai tay việc nước việc nhà gọn trơn...”. Cậu con thứ của mẹ, tên móc nôi là Nhái đổi ra Kiên Cường, thua Mẫn hai tuổi và thấp hơn Mẫn nửa cái đầu, đi bộ đội huyện, hễ về phép là phải nghe mẹ giảng cái lệ gái hơn hai trai hơn một, và tính chuyện bỏ miếng trầu vô nhà Mẫn. Cậu cười lăn ra, mẹ nổi khùng, tới lần sau cũng y như vậy. Các cô biết mẹ kén dâu, xúm ghẹo: “Lựa dâu sâu con mắt, lựa rể xể cái môi, hèn gì coi bác Sáu ốm nhom! Hai Mẫn chịu chưa bác?”. Lủng củng bấy nhiêu thôi, mọi mặt khác đều êm xuôi cả, mẹ làm gì cũng được bầu xuất sắc, như mẹ nói là “tao xuất sắc miết rồi quen, thua thiên hạ cái gì tao chịu không thấu”. Mẹ nhận nuôi thằng cháu Hoàn giúp Mẫn, “coi như sẵn bầy gà thả thêm một con thôi mà”, nhưng mẹ khó giấu cảnh nhà đàn bà goá trời dòm qua mái, ai cũng biết mẹ vất vả thêm nhiều.

Tổ cô Xuân ngả cái nia ăn cơm bên bếp. Tôi biết chỗ tôi là mâm đàn ông, nếu tôi bưng xuống ngồi ăn chung thì cả nhà đều không bằng lòng, nên cứ lẳng lặng chén no.

Mẹ Sáu giã cành cạch thứ lá gì trong cái cối đất nung, bốc mùi hăng hăng quen mũi mà tôi không nhớ ra. Chợt mẹ ngừng giã, nói với các cô, vốn hơi nặng tai nên mẹ xuống giọng mà tiếng vẫn to:

– Bây dỗ con Mẫn chút nghen. Nó uống nước rau răm cầm kinh miết, tao nể phải làm giùm, mà lo về sau nó hết đường chửa đẻ, tuổi già không con ở với ai, chồng bị mất nòi cũng bỏ đi lấy đứa khác. Nuôi thằng Hoàn rồi phải trả lại cho cha nó chớ. Khí huyết đờn bà đâu có dễ…

Chị em suỵt liền liền, mẹ nói thầm hẳn. Tôi ngẩn người. Ra đấy là mùi răm. Mà phải, Mẫn chưa bao giờ kêu đau bụng, cũng không dấm giúi giặt băng và phơi chỗ khuất như mấy chị tôi quen. Lâu nay tôi quên bẵng cái khó riêng ấy của Mẫn, chắc anh em khác đều

quên. Các cô chưa chồng, nhất là các cô nông dân, lại cố giấu kinh nguyệt đến cái độ không hiểu nổi vì sao, thật tội.

*

* *

Xong bữa, mẹ Sáu mới chịu chỉ tôi ra gò Trúc. Chị Tám đến đấy tìm Mẫn đang dọn mả bà mẹ.

Trời trưa phủ mây trắng tãi đều, sáng dịu. Nồm thổi mát. Ruộng gần ruộng xa đầy những áo trắng. Súng chưa ngớt nổ, bà con làng Cá đã ùa ra đồng giành lúa với giặc, mặc kệ đạn rít trên lưng khom. Gặt rộ rồi.

Ở nơi đầu gió này, quanh năm súng rền thay biển động, công việc từng núi từng núi cứ đổ xô tới như sóng thần. Làng Cá quẫy sùng sục từ hai giờ sáng tới nửa đêm. Đường xóm đầy nghịt người ra đồng từ gà gáy đầu, áo trắng nón trắng cả cho tụi trực thăng đỡ bắn bậy, cái vằng[(2)] treo ngoặc trên cổ, xách ấm nước đùm cơm, vai vác đòn xóc và cuốc để moi thêm hầm tránh pháo dọc bờ ruộng. Các ông lão lội ngoài gò, tìm chỗ làm kho giấu thóc tạm, sau mới đào hầm.

Đội du kích chặn phía đường nhựa, sáng nay đánh lùi bọn dân vệ thọc vào Nhơn Thọ và đẩy một đại đội chính quy đi tuần mặt đường xuống lội cát mé dưới. Từ nửa buổi trở đi, anh chị em mới thay phiên nhau về giúp người nhà đang bươn trải trên ruộng chín rục. Từng đồng chí mím môi ghì sợi dây bó lúa, gánh oặt đòn xóc chạy vội về nhà, lại tất tưởi phóng ra đồng, súng nhảy hoài trên lưng áo ướt sũng. Sau bữa cơm tối chập chuội miếng mặn miếng lạt, làng Cá lại chia đôi. Người yếu xếp lúa thành nhả, đánh trâu đạp. Người khỏe đi đào hào cắm chông, nửa đêm về còn gánh thóc đi giấu, được thúng nào cho biến luôn thúng ấy.

Thằng Chinh con xuống nằm dưới Lộc Chánh, ở đấy còn một đại đội chính quy với trung đội dân vệ của hắn, nai lưng ra sửa cái ấp chiến lược bị phá. Mới rút đi sáng hôm qua, hắn đã đưa quân tràn lên hai lần, hằm hè cướp thóc vùng mới mất. Gọi là càn cũng được đi, nhưng đó là một kiểu càn nửa cướp nửa trộm, vừa bệ rạc vừa

làm ta mất thì giờ không ít. Lính địch thập thò bên dưới đường cái dòm lên, thấy vắng du kích thì ào vào xóm cướp nhanh cút vội, bị bắn bụp xẹt vài phát chúng nằm bắn trả, nổ nhiều thì co cẳng chạy, kêu cối 81 ở Lộc Chánh và pháo 105 từ An Tân bắn lên một hồi, tụi chỉ huy cho tăng gác ngay để chặn đồng bào đi kiện pháo. Chắc hẳn cái thế kéo cưa lừa xẻ này sẽ kéo dài ít lâu, khi ta chưa đủ sức đưa Nhị Lộc nổi dậy, địch thiếu quân không líp nổi vùng Tứ Nhơn, chỉ hàng ngày thò tay nắn gân nhau qua đường nhựa.

– Ê hèm, chào anh chủ lực! Ra sửa máy đó hả?

Chà, đang vội mà gặp ông thầy Mười, gay đây.

Ông cụ coi vậy mà đã ngót bảy mươi, cháu nội cháu ngoại đủ cả, chỉ cắt thuốc nam và lễ ban lễ sốt vừa hai bữa rượu, còn bao nhiêu ngày tháng ông chống gậy dạo chơi, tìm người chịu nghe để kể tích xưa hằng buổi một.

Tôi được ông thích vì còn một ít chữ Hán dính ruột đủ đọc câu đối, có thể đưa đẩy đôi lời thánh hiền chép sẵn trong sách Minh tâm bửu giám, lại rất chăm chú nghe ông hôm sốt nằm ngoài gò. Nhưng bây giờ chị Tám ở huyện về đang tìm tôi, chắc là gấp…

– Lại đây tôi chỉ anh coi. Đình làng ta đặt đây là đúng chỗ thiên ngư nhỡn. Các cụ hồi đó xin xăm[(3)] ba lần được cả ba, mới dám cất đình trên chỗ mắt cá, sau mới suy ra thần cho là chí lý, miễn đừng đào giếng thì thôi, chớ xây đình trồng cây coi như khai quang điểm nhỡn cả làng….

Tôi vâng dạ, đợi thời cơ để rút êm. Thế nhưng câu chuyện của ông lão càng về sau càng hay, tôi bắt ham. Ngồi dưới gốc đa, ngắm chùm tóc trắng sổ lắt lay dưới cái khăn quấn dối, chợt nghĩ đến ngày pho sử sống này biến đi, tôi bỗng lo lo thế nào.

Nói dại, lỡ lớp người mai sau quên ráo ông bà như cụ thầy thuốc này thường trách, chắc sẽ xảy ra lắm sự đau lòng… Ngôi đình cổ này, nếu thoát bom Mỹ, sẽ bị phá lấy gạch xây chuồng heo. Cây đa nhiều thế kỷ sẽ bị xẻ đóng ghế. Thằng cháu Hoàn lớn lên sẽ sổ toẹt ngay những “chuyện đời xưa lẩm cẩm”, sẽ gạt mấy mươi năm đánh Pháp đánh Mỹ ra khỏi trí nhớ cho nhẹ, cũng chẳng thèm biết rằng mẹ nó đã chết vì đã đẻ ra nó, bà nuôi nó đã đưa lưng che mảnh cho

nó, cô gái trẻ mà nó gọi là mẹ Mẫn phải ăn đói đánh giặc để giữ nó sống. Lịch sử bắt đầu từ đó thôi mà… Tôi thoáng rùng mình. Không thể được. Không thể xảy ra tai hoạ như thế trong lòng một dân tộc đã phải tưới đi tưới lại cho máu đẫm từng tấc đất mới sống còn tới ngày nay. Ông thầy Mười trách hơi nặng đấy. Lứa tuổi chúng tôi ham bắn máy bay hơn viếng đình chùa, đúng, nhưng chúng tôi biết cái giá rất đắt phải trả để giành lại một viên ngói tráng men xanh. Và nếu đàn con cháu chúng tôi chăm nghe tin sao Hoả hơn đọc tích cũ, ông cũng đừng lên án chúng vội, phải để chúng làm nên lịch sử mới cho nước ta chứ. Vị đô đốc họ Trần hẳn cũng gật đầu ưng ý: những người anh hùng rất dễ hiểu nhau.

– …Tấm bia ghi ơn ông đô đốc chôn thiệt sâu anh à, dưới nền đình, là bởi trào Nguyễn bắt đập. Các cụ tiếc của, lén giấu. Tốn kinh lắm. Phải cho ghe đi mua cẩm thạch nguyên phiến trên núi Ngũ Hành, khúc từ An Tân lên đây chở bằng xe bốn trâu kéo, bị đường lún phải vòng quanh gò, trâu chết lăn ra hai con, mới có tên đèo Trâu Lăn đó. Được cả xứ ruộng thành thử dám làm to vậy chớ. Tạc bia cũng rước thợ Huế vô, công trả bằng bạc lượng chớ tiền kẽm họ chê nặng… Anh biết bốn câu thơ tứ bất của làng Cá không?

Ông mừng ra mặt khi tôi thú thực là chưa biết. Vậy là ông còn "tủ". Tay vê chòm râu đen nhánh – ông đùa với lũ cháu rằng râu sinh ra sau ắt phải trẻ hơn tóc – ông kể thong thả. Tôi vẫn vừa thích vừa sốt ruột.

Các quan phủ Tam Kỳ thay nhau trị làng Cá. Quan đầu nhạo rằng nửa người nửa cá thì đổi tên là Á Nhơn. Hắn chia làng Cá thanh bốn thôn thượng, hạ, nội, ngoại, đặt hương chức riêng cả. Rồi hắn xử cho đất làng Cá trả về chủ cũ hết. Tới đó, dân làng nổi loạn. Cả ngàn người vác chĩa ba đòn xóc ra dàn trên đường quan, rượt viên đề lại với sáu chủ đất Lộc Chánh lên đòi ruộng, cả lính huyện cũng chạy mửa mật. Vụ kiện kéo dài gần chục năm, khi đẫm máu, khi dịu lại. Quan phủ sau tính nước vỗ êm, cưỡi ngựa về thăm làng, nhân cuộc rượu mà đổi tên bốn thôn cho ngọt tai: Nhơn Phước, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Ái. Vẫn không lấy được đất. Tới quan khác nổi khùng, bắt mấy chục cụ lão làng Tứ Nhơn lên chôn chân phơi nắng giữa sân phủ. Học đòi vua Gia Long đặt lệ tứ bất trong triều,

hắn cũng làm bốn câu tứ bất, cho viết bảng to cắm trên đường quan, chỗ rẽ vào làng Cá:

Bất đáo Nhơn Ái đê

Bất ẩm Nhơn Phước khê

Bất giao Nhơn Lộc hữu

Bất giá Nhơn Thọ thê[(4)].

Rốt cuộc, Tứ Nhơn chịu trả cho Lộc Chánh số ruộng công, ruộng thờ, ruộng nhà nghèo tự vỡ lấy. Bấy nhiêu thôi. Quan không dám trị tới cùng, chốn địa đầu này lắm núi, dân hoá ra cướp thì chẳng quân nào dẹp nổi. Sáu nhà giàu Lộc Chánh đã mất đất còn mất đèo của đút quan, lần lượt bỏ xứ đi hết. Cuộc chia ruộng lạ lùng này cứ thắng, dù quân Tây Sơn không còn. Dân Lộc Chánh cũng dựa hơi làng Cá mà đòi bớt tô, giảm xâu thuế, đến lượt làng họ bị tách làm đôi, từ đó thêm Lộc Thứ…

– Còn con voi ông đô đốc với mẹ con Sáu Thìn chạy vô núi Chúa nữa, nói anh khó tin…

May cho tôi, một chị tới mời ông đi lễ ban với chai lùn rượu cầm tay, rất mừng khi tôi giục ông cứu bệnh như cứu hoả. Tôi cũng được dịp chuồn thẳng, tự hẹn sẽ xếp hẳn mấy đêm đến nhà ông nghe bù.

Con đường băng ruộng ra gò Trúc bị thu hẹp còn nhỏ xíu. Hai bên lề cỏ bày ngổn ngang những tấm đệm rơm dày để đắp trên người chống mảnh pháo chụp, những ấm nhôm và mo đài nước chè, gói cơm nắm, rất nhiều nón lá bỏ ra cho mát. Những câu ghẹo phóng theo theo tôi tới tấp, gặt vội dưới pháo mà miệng các cô không kịp kéo da non:

– Mang lệnh tổng khởi nghĩa mới gấp quá vậy chớ!

– Con mình khóc đói rồi hả anh?

– Chị Hai ơi chị Hai, đi đâu bỏ ảnh vật vờ tội chưa…

– Một, hai, một, hai,vấp nè, vấp!

Ai nói con gái miền Trung hiền nhỉ? Tôi liệu bề chọi không nổi, cắm đầu đi biến. Bà con cười rần rần. Sau những ngày vật lộn đứt hơi, tiếng cười trên ruộng mới quý làm sao, tắt rồi mà vẫn sôi sôi mãi trong ngực tôi. Đến khi mấy em dắt trâu ăn rong quanh các

miệng hầm bật lên hát “hê hò hê”, tôi không đi được nữa. Tôi ngồi xuống ngay bên bụi mua, rút que xỏ lại quai dép, để cho những giọng trong như nước giếng Tiên chảy vào tai, tan mát rượi trong thân tôi mỏi và bức sốt.

Nghe mẹ rống đâu

Đâm đầu mà nhảy

Huơ con nghé nhỏ

Ham cỏ bỏ bầy…

Có lẽ các em hát hay nhất khi nghêu ngao một mình. Tôi muốn đứng lâu trong buổi trưa nồm lộng dưới trời bông xốp này, nghe mãi thứ tiếng tuyệt vời của sự sống là tiếng hát trẻ thơ ngân dài rung rung như sơn ca mới tập hót, bay vút trên cái nền đen lổn nhổn của súng giặc nổ. Quân thù chỉ có nổ và nổ, một đại mang trên lưng hàng vạn tiếng nổ to nhỏ, những vật từ xa bay tới còn nổ ồn hơn. Các em hát nữa đi cho anh nghe tiếp, bởi anh cứ phải tìm đến nơi nào còn nổ nhiều hơn cả. Hãy gửi tiếng hát theo anh nhé, hãy truyền cho anh sức lớn lên của các em, dù chỉ qua một chút vang vọng mong manh như sợi tơ trời.

*

* *

Mẫn với chị Tám vừa giẫy sạch cỏ chung quanh mả. Coi bộ chị Tám ung dung, chẳng ồ à gì khi tôi đến, chắc việc thường thôi. Ba Tâm đang cắm thêm những cành gai tre ngăn trâu bò. Út Hoà bó một chùm bông trang đỏ và trắng. Tung hoành nhất chỉ có thằng cháu Hoàn. Nó được đi chơi xa với mẹ Mẫn, sướng mê, nhảy tưng tưng trên mả bà chán lại trèo xuống ôm chân mẹ, bi bô không ngớt. Tôi mới cho đi tàu bay một lát tối qua mà nó đã nhớ tên, chạy a tới đón: “Chú… chú Xiêm!”. Cháu mặt xinh, rất bụ, bồng sướng tay, bị cái lắm rôm và ghẻ chân vì ngủ hầm nhiều. Nó nghe gì thuộc nấy. Mẹ Sáu cũng hoảng, ai lại mẹ mắng nó: “Mày khôn thành tinh Hoàn à”, hôm sau thấy nó vừa đá con mèo vừa kêu: “Mày côn xành chinh mèo à”.

Trong câu giỡn của Mẫn, tôi nhận ra ý phân bua:

– Lâu lắm em mới họp tổ một lần, đi viếng mộ liệt sĩ, bà khách cũng tới tham quan. Giữa ngày mùa, việc búi xờm xờm…

– Có cả khách không mời mà đến!

Chị Tám cười, dừng cuốc:

– Xưa bày nay làm, giáp Tết bà con mới giẫy mả ăn heo. Nhà mày giẫy mả nhè khi người ta gặt, ông xã ra bắt kia, gà đâu tạ làng?

– Lúa đổ bồ rồi gà mọc đuôi tôm, muốn mấy có nấy!

Nhà Mẫn cũng sắp gặt.

Sau lụt, ba chị em hở tay lúc nào chạy ra đồng lúc ấy, hì hụt cào cát bồi, đắp bờ, dọn cấy được bốn ang giống[(5)] ruộng nhà, tạm bỏ đi một ang giống bị sỏi đá phủ dày quá. Số ba ang giống cấy rẽ phải trả lại chủ, thiếu công làm. Sau đó chỉ còn Mẫn, đi công tác đâu về lại tạt xuống ruộng hối hả làm cỏ một lát, nước nôi nhờ bà con coi giùm. Bây giờ Út Hoà đang cự nự rằng anh Tâm được vô Đoàn mà chẳng gương mẫu chút xíu nào, rảnh vài ngày ở làng chỉ xách ná cao su chơi rông. Còn Ba Tâm chê em nhác đừ nhác đượng, người khác đậu y một tá còn Hoà chỉ đậu nửa tá.

Mẫn can hai em:

– Cho qua, cho qua. Chiều nay vầy nè: hai đứa đang rảnh, coi như chủ lực gặt. Chị mắc việc ngập đầu, chiều ra gánh lúa, ừ chưa?

– Mà anh Ba phải làm kho giấu lúa, mất ảnh đền!

– Đền, đền mấy chục tháng học uổng cơm!

Út Hoà đỏ tía tai, ném cuốc cái bịch. Mẫn dỗ:

– Các anh chị cười kìa. Thầy thuốc kiêm mẹ hiền, mẹ gì mà tự ái nhè… Thôi nghen, tao chỉ huy hai đứa không nổi, tao rút lui, bây bầu ai kệ bây! Rồi, ai biểu cãi lộn… Anh Thiêm coi ớn không?

Khi tôi gặp Mẫn đang tắm cho cháu Hoàn hay giọi lại cái lều dựng tạm sau lụt, Mẫn thường buông một câu đùa phân trần, nghe tội tội. Hình như Mẫn nghĩ một đồng chí không chôn nhau cắt rốn ở đây mà lao vào đánh giặc chẳng kể ngày đêm, thì Mẫn là người làng còn phải lăn lộn gấp mấy mới phải, ai lại đi lo việc nhà. Tôi biết, chén cơm manh áo là mối lo canh cánh của những cán bộ như Mẫn.

Cả trăm công tác từ trên rót xuống xã như qua cái phễu đều được nhấn là quan trọng bậc nhất, chủ yếu, trọng tâm, khẩn cấp, trung tâm đột xuất, hàng đầu; tất cả đều đòi hỏi cấp xã phải nghiên cứu kỹ, biến thành ý thức thường xuyên, phát huy sáng tạo, nhất là phải luôn gương mẫu đi đầu; tất cả các đồng chí thuộc các ngành to nhỏ về "quây phong trào" đều trách lãnh đạo xã chưa quan tâm đúng mức đến ngành mình, đều đòi ưu tiên không nhất thì nhì… Mẫn lại không nằm trong loại cán bộ "phiên phiến xong thôi", ghét thói đùn việc lẩn khéo, nên càng bận rối mù. Bận mấy cũng cứ phải ăn. Mẫn phải nuôi mình, nuôi cháu Hoàn - mẹ Sáu tốt thật mà rất nghèo - gửi gạo cho Út Hoà đi học, sắm quần áo cho hai em để chúng khỏi tủi thân với bạn bè. Riêng Mẫn chỉ có một bộ bà ba lụa đen còn lành, để dành mặc khi có mít-tinh hay họp đông, còn hằng ngày đánh hoài cặp quần áo vải chéo rẻ tiền, vai đã vá đụp mà nước nhuộm gặp mưa vẫn thôi ra xám da. Sáng nay tôi đến nhà Mẫn tìm chú Tâm, dòm qua cái nong rách dựng thay cửa, thấy trong căn lều rỗng có ba hòn đá kê bếp, một cái soong méo, vài cái chén úp trong rổ. Đáng giá nhất chỉ có cái bàn thờ treo dưới mái, bên bát hương đặt một khung ảnh mạ vàng giả mới tinh khôi nhưng chưa có ảnh lồng vào, những nét óng ánh chỉ làm rõ thêm cảnh rách rưới xung quanh.

Khó đếm được bao nhiêu vạn đồng đã qua tay Mẫn trong cả ngàn đêm phá ấp chiến lược.

Mấy năm trước, hồi vùng biển và ven thị trấn chưa nổi dậy, đồng bào ở đấy cứ gióng theo ánh lửa đốt rào ấp mà đến tìm cách mạng; hàng trăm cây tre gỗ chất thành núi, lửa vùng vẫy bốc cao gấp đôi ngọn tre, là ngọn đèn pha chỉ đường vào bến chắc chắn nhất khi mặt trời chưa mọc. Kéo tới cái cửa khẩu Tam Sa hầu hết là các bà các chị, đi dễ và cũng cần đi hơn đàn ông. Thăm về, mỗi người rỉ tai cho năm bảy bà con bạn bè đáng tin nhất: "Lên đó, nhớ tìm chị Hai Mẫn nghen. Con gái mới lớn mặt bấm ra sữa mà chỉ huy con trai rắp rắp. Chu cha, chị ta kẹp cây súng máy bên hông vầy nè, rượt lính chạy té cứt. Nghe đồn một mình chị xách giỏ lựu đạn vô đánh sở Mỹ giữa Tam Kỳ, kinh chưa, tụi ác ôn sợ le lưỡi cóc… Nó lớn bằng con Út nhà bà chớ bao lăm, ừ thì hơn chút xíu, cao tay lắm cũng mười

bảy mười tám, nói với tôi nó xưng cháu chớ chưa dám xưng em mà! Với lại đàn bà con gái, hiểu bụng nhau hơn…" Xuýt xoa. Tấm tắc. Một đồn mười, mười đồn trăm, có người chưa bạo mấy cũng liều lên Tam Sa "coi thử xem sao", về nhà thì thào hàng tháng những Hai Mẫn là Hai Mẫn. Nhiều bà từ Đà Nẵng, Hội An vào thăm con đi Giải phóng, không gặp, giúi cả gói tiền và nhẫn vàng vào tay Mẫn, khóc thút thít ra về. Mấy chị được Mẫn nhắn lên lấy thư và ảnh của chồng tập kết, mừng rú, cởi luôn đồng hồ đeo tay hoặc dây chuyền vàng nhét bừa vào túi Mẫn. Đông nhất là những người quảy lên một gánh mắm hay gánh cá, bán được bao nhiêu tìm Mẫn đưa hết, gửi cho cách mạng.

Đồng bào ở xa đã vậy, ngay bà con Tam Sa ủng hộ cái gì cũng chỉ muốn giao cho Năm Tuất và Mẫn. Anh Luân nằm hầm ngay trong ấp, cần tránh lộ mặt, chân sưng đi lại cũng khó. Ba Thấn sục khắp nơi, nói dẻo như kẹo kéo mà bà con ít tin, buộc lòng mới đưa.

Nhận được bao nhiêu, Mẫn ghi sổ, nộp vào quỹ không sót một xu, nhất định nhờ Năm Tuất chuyển thẳng lên huyện chứ không giao cho Ba Thấn. Hắn về ton hót sao đó, Tám Liệp cự Mẫn một trận vì lấn quyền cán bộ kinh tế, còn bóng gió những sự cầm dầu dính tay, muốn ngoi đầu lên tới cấp trên. Hồi đó cái vụ Tam Sa đóng góp sút đang bị tạm gác, Mẫn trả lời lạnh ngắt: "Chú ở xa không biết, người ta đồn rum là dồn của cho ông kinh tế xây nhà gạch kia nè. Cháu lo đánh giặc không kịp thở, ham gì lấn việc của ai, đã mệt lại dễ mang tiếng. Có điều anh Thấn bôi xấu cháu, cháu chịu được, ảnh ăn cắp đồng tiền của bà con gửi cho cách mạng… mẹ cháu nuôi cán bộ mà bị đòn hộc máu hoài…" Mẫn nghẹn lời bỏ đi, và Tám Liệp phàn nàn: "Cứ lấy nước mắt làm đầu, chẳng chịu nghe phải trái".

Nhiều bà mẹ Tam Sa thương Mẫn, muốn nhận làm con nuôi, sắm cho cái võng hay cặp quần áo, Mẫn cũng nộp hết. Đến đây, anh chị em du kích và cả anh Luân đều kêu Mẫn giữ kẽ quá, gàn nữa. Mẫn cãi:

– Chú nghĩ thử, hễ cháu thôi làm cán bộ, bà con có cưng cháu nữa không?

Khi kể với tôi những chuyện trên đây, anh Luân lại thấp giọng như sợ Mẫn nghe đâm kiêu:

– Lão coi, nó cả nghĩ khiếp không? Mình cứng họng đó lão. Nhiều khi bà con níu kéo mời mọc, một anh Tư hai anh Tư, mình không nói mà trong bụng thấy sướng sướng, chà, họ trọng mình quá hè. Té ra họ thương chung cách mạng, thương nước thương nòi chớ thương riêng gì thằng Tư Luân này. Mình làm Bí thư, coi như thay mặt Đảng nhận cái thương đó để chuyển cho anh em, hễ mình giữ lấy xài thì coi như mình tham ô, ý con nhỏ là vậy đó… Mà phải, đồng chí mình lặn lội trên núi cao, sống nay chết mai trong tù, nằm dưới cống ngầm Sài Gòn, số đó đáng ăn gà uống rượu nhứt thì lại không được gần dân, còn mình ở đây… không khéo lại giống như tay giao liên lén lấy hàng chuyển trên đường dây!

Tôi ngắm vóc người khô khẳng của anh, nhớ tới những lúc Mẫn ngã ngất vì kiệt sức, chẳng biết bàn góp sao cho phải. Các đồng chí ở xã không được xu phụ cấp nào, nếu ăn một bữa cơm bà con mời cũng ngại là bớt xén… Anh Luân gãi cái đầu trọc:

– Con Mẫn gớm lắm. Nó nói cắn cựa là tay làm hàm nhai thôi. Hồi ở Tam Trân, nắng này mà trưa tròn bóng nó ra gò cuốc đất một mình. Bà con ra giựt cuốc, rầy om: “Chấm cho mày đủ cái điểm gương mẫu rồi đó, chịu mày dẫn đầu sản xuất cho tụi tao theo rồi đó, thôi vô, đừng nướng xác nữa!”. Nó cười, nói chiều sửa soạn đi phá ấp dưới kia. Cô bác thương, lấy cuốc ra làm dùm cho nó mau được nghỉ. Ngó đi ngó lại, mỗi năm nó làm ra bảy tám chục ang lúa với ba bốn ngàn bụi sắn như chơi, thừa tự túc còn gởi nuôi em nữa, ai thiếu nó cho. Về dưới này căng hết chỗ căng, vậy chớ nó làm đá gà từng giờ một cũng cào cát được gần hết số ruộng. Sức mình theo nó không nổi đâu lão… Mà cái lứa con nít mới lớn trong thời kỳ đánh Mỹ bây giờ sao nó mau khôn kỳ cục lắm. Lão coi, mỗi đứa một bao một súng, ném đâu làm được việc đó, gặp giặc là đánh ngon, vô lớp chánh trị là giảng bài, hẹn nửa tháng ấp chiến lược phải nổi dậy thì mới mươi ngày đã nghe lửa đốt trống đánh, chuyện ruộng đất rắc rối vậy cũng làm chạy ro… Nói thiệt với lão, Tám Liệp chưa thấy cái mới đó, mình khuyên miết mà hắn không tin cứ nghĩ số trẻ thừa gan mà thiếu óc, tay to hơn đầu, làm thiên lôi được chứ đừng để làm

ông trời. Dân mình khác xưa nhiều, cán bộ đảng viên được rèn giũa hung rồi, hắn không rán theo cho kịp cứ trụt lần lần ra sau, trước cầm đầu bây giờ ra anh cầm đuôi, mình giận mà cũng thương hắn. Sắp tới đại hội chi bộ, chắc hắn truột luốt hết, nhiều đồng chí đang đòi kỷ luật hắn nữa, lão mới về còn nổi khùng huống chi mấy anh em.

Tôi muốn cãi rằng anh Liệp sa sút không chỉ vì "chưa thấy cái mới". Thiếu gì đồng chí phải xa phong trào lâu mà vẫn gắng gỏi, được quí trọng lãnh đạo tốt! Ngay như anh Luân đấy, quanh năm phàn nàn rằng dốt, lạc hậu, theo không kịp anh em, mà đố có gỡ được chức bí thư Tam Sa, trừ phi cấp trên điều đi chữa bệnh hay giao việc nặng hơn! Có lẽ anh biết tôi nghĩ khác, nên buông tiếp mấy câu lơ lửng và hơi buồn:

– Nghề đời, tư túi của công cũng có năm bảy đường tư túi. Kiếm lợi còn dễ truy, tới người kiếm quyền, kiếm danh, chà, kiểu tham ô đó mới khó thấy. Thiệt tới rầy…

Mặt anh sắt lại và già hẳn đi trong một loáng. Anh chống gậy nhúc nhắc theo mấy bác nông hội mời họp. Câu chuyện đằm thắm rồi cay đắng này ghim vào trí nhớ của tôi, giúp tôi hiểu thêm chiều sâu suy nghĩ của anh cán bộ ngót năm mươi tuổi, cả ngày chỉ cười hề hề và bông lơn cho bà con cười theo, lặng lẽ trút dúm sức khỏe cuối cùng còn lại sau tám năm tù để "vực cày một lứa trâu tơ" rồi mới chịu nghỉ. Có lúc tôi tưởng anh dễ tính và nông cạn, thích ở giữa để chữa đôi bên, thân ai cứ khen phứa cho người ta vui bụng…

Mẫn can xong hai em, chợt kêu:

– Ngó coi thằng Hoàn, rứt hết bông của bà rồi. Bỏ xuống con!

– Bông chủa bà… Hoòng cho mẹ…

– Ừ, cho mẹ. Thôi sắm sửa ta về, lỡ pháo bắn không chỗ núp. Bật lửa đâu Tâm?

Mẫn quay lưng về phía tôi. Áo Mẫn vá một miếng to trên vai phải, dây súng nhai áo chẳng kém chó con ngứa răng. Cô cán bộ gương mẫu đến độ bà con la trời này đánh giá tôi ra sao nhỉ? Đánh giặc khá, vô tư, hay cáu gắt, lười biếng, ừ, lười biếng là cái chắc, dạo ở

ngoài gò cứ ngủ lăn quay, cơm dọn xong mới dậy đánh thẳng một lèo năm chén… Mặt tôi nóng hực. Tôi luống cuống rút khăn lau mặt, làm như nóng chỉ tại trời. Khốn khổ, hồi ấy tôi không để ý gì cả. Dù Mẫn có trách tôi lười, chắc tôi cũng nhăn răng cười khà, coi đó là cái tật xấu dễ thương của cánh con trai chỉ ưa ăn no vác nặng mà ngại những việc tỉ mẩn.

May sao không ai nhìn tôi cả. Mẫn thắp hương cắm đầu mả xong, kéo cháu Hoàn đến bên, cầm hai tay nó chắp lại:

– Chào bà, cháu về với mẹ. Nói đi con.

Thằng bé bật cười to, đạp chân nhảy cẫng lên. Có lẽ nó tưởng mẹ đùa, chỉ đống đất bảo gọi bằng bà, Mẫn quỳ một gối, ghé tai nó van vỉ:

– Con nói, mẹ thương… Chào bà, cháu về với mẹ…

– Bà nhấu chơm Hoòng ăn!

– Không. Chào bà…

– Mẹ xương Hoòng hắm hắm, mẹ chơi bới Hoòng!

Mẫn cau mày làm nghiêm: “Hoàn, hư lắm nghen…”. Cặp môi Mẫn chợt run bắn, mím lại vẫn run. Mẫn úp mặt vào lưng đứa con nuôi nấc dồn, giữ cho không ra tiếng. Thằng nhỏ cứ quấy trong tay Mẫn, cười hết hai hàm răng sữa, mấy khi mẹ chơi nhiều trò như hôm nay. “Bắt mẹ… bắt mẹ…”, nó reo lanh lảnh, cố nhoài tay ra sau túm tóc Mẫn, nắm tai Mẫn. Những ngón tay hồng tí xíu đang ấn vào mũi gai gãy nằm trong ngực tôi. Cháu ngoẹo cổ, thấy tôi, kêu: “chú Xiêm… bắt mẹ cho Hoòng!”. Mắt cháu tròn, sáng rực, sáng không chịu nổi. Tôi cúi đầu, nhắm mắt như bị chói, thấy chập chờn những mảnh thịt lật đỏ tươi trên vải đen. Nhiều tiếng nấc sụt sùi, cố nín, và chuỗi cười vẫn giòn như thủy tinh gieo.

Mươi phút sau chúng tôi ra về. Môi dưới Mẫn còn dấu răng cắn lún sâu, gần chảy máu. Mẫn đi trước, ôm Hoàn lên ngực như ôm bao gạo cho khỏi cấn những băng đạn và túi lựu đạn đeo bên hông. Nó bíu hai tay trên vai Mẫn, rụt cổ tròn vai hệt một chú chó con vịn vành thúng dòm quanh bếp, cười chảy dãi với tôi. Rồi nó giãy, đòi bồng. Mẫn phải tháo nốt nịt đạn đưa cho Tâm để bồng nó bên sườn.

Anh cu có âm mưu riêng: nó lùa tay vào áo Mẫn tìm vú. Mẫn hoảng, lôi tay nó ra, nó hét tướng:

– Vú âu? Tả vú mẹ ây! Tả vú Hoòng!

Mặt Mẫn đỏ tận cổ áo. Tôi đón, nó không chịu, cứ rống như còi sừng trâu. Mẫn đành bồng nó chạy vội vào trong một nhà cạnh đường, đóng sập cửa ngay sau lưng. Chúng tôi cười một mẻ tức bụng. Ghê thật sức mạnh của một đứa bé, nó bắt người ta sống và chết vì nó, khóc, đấy rồi cười đấy cũng vì nó…

Lúc này tôi mới nhìn kỹ chị Tám, thấy chị có cái gì là lạ. Giữa mùa nắng mà da chị trắng ra nhiều. Chị hay đưa mắt liếc xéo, nói thầm và giơ tay che miệng, đi đường phẳng vẫn nhấc chân hơi cao như dò đêm trên đất lạ. Tôi hỏi chặn ngọn:

– Chị mà phải nằm hầm như tụi tôi à?

– Quen rộng quá cũng rầy…

– Việc gì gấp vậy chị?

– Gấp mấy cũng phải đợi ông trời lặn. Tính rủ anh đi ăn cá biển một lứa chơi. Hồi sáng Mỹ đổ bộ Châu Lai rồi. Thằng nào lên bờ cũng hỏi sao không thấy ông Tư Thiêm ra đón. Tin giờ chót mới bấy nhiêu.

– À…

Tôi cười to. Tôi khoái vì đã đoán gần trúng ngày quân Mỹ vào Chu Lai. Cuộc đua nước rút giành lại vùng bàn đạp đã thắng sát nút, ta vừa kịp chiếm đỉnh, dàn trận đón Mỹ. Ngon rồi. Cái thế từ trên lao xuống đã bày ra rồi. Thế nhưng, tiếp theo nỗi mừng bồng bột ấy là một xúc động không rõ nét dâng lên chầm chậm và nặng, pha lẫn nhiều thứ, hình như có cái mệt của những ngày vật lộn với quân ngụy, cái nôn nao muốn biết ngay đánh ngay kẻ thù mới, và… đúng, tôi không lầm, có nỗi đau thầm kín của người lính khi biết một mảnh đất đẹp sắp bị giặc băm vằm.

– Hai Mẫn có cả mớ cơ sở riêng của nó dưới Tam Giang, Tam Hải. Con nhỏ dài tay thiệt. Anh Bảy viết thơ biểu nó cắt một số ở gần Châu Lai, đưa qua cho anh với tôi nắm để theo dõi căn cứ. Nó chịu

rồi, tối nó dẫn đi bàn giao. Chiều nay ta gặt giùm nó một buổi nghen anh?

– Phải quá đi chớ!

Tôi thường được cử đi dọn chỗ đánh, nhiều lần thấm đau như thế mà không nói ra. Dù nói, bà con cũng gạt ngay: “Cái mạng các anh không tiếc, tụi tôi tiếc gì nhà cửa ruộng vườn!”. Rồi thì con người còn của, còn da lông mọc còn chồi nên cây, cả kho triết lý đầy ắp của một dân tộc đời này tiếp đời kia phải gánh tro nhà cháy ra bón ruộng, đã quen nén những xót xa riêng để nói lên nghĩa cả. Mỹ vào. Làng Cá nằm trong vành đai trắng. Hơn một ngàn người sống trên hòn đảo xanh này đã ít nhiều đoán được những gì sẽ xảy ra. Họ gặt vội lấy lúa nuôi quân, đào thêm hầm hào, lượm sẵn hàng đống mảnh pháo để xách đi đấu lý.

– Mỹ vô… thì đánh Mỹ chớ sao!

Chú thích:

(1) Bạch tuộc nhỏ.

(2) Cái hái

(3) Gieo quẻ

(4) Không đến đường ruộng Nhơn Ái, không uống suối Nhơn Phúc, không chơi với bạn Nhơn Lộc, không cưới vợ Nhơn Thọ

(5) Một ang giống ruộng xấp xỉ một sào Trung bộ cũ

Chương 15

Mặt trời còn một con sào Mẫn đã gọi chúng tôi ngừng gặt, trêu luôn:

– Để coi cậu tú bó lúa, bảo đảm lắm, gánh tới nhà còn y nguyên cây đòn với cặp dây!

Tôi gạt mồ hôi cằm, vặn lưng trả miếng ngay:

– Hèn gì có kẻ mét với chị Bỉnh, hồi cứu lụt.....

– Sao?

– Cái anh gì cao, trắng trắng, bộ tướng như học trò thành phố đó, coi người như rác! Tạch- tạch- sè chánh hiệu mà!

Mẫn ngớ ra rồi cười phá, cười đến không đứng được nữa, ngồi thụp xuống bờ ruộng mà cười rũ. Đến khi tôi nâng hai cánh tay đặt trên vai Mẫn gánh lúa nặng ước sáu chục cân, Mẫn mới kêu "Thôi, biết ông giỏi rồi!".

Tới đâu tôi cũng bị hiểu lầm vì vóc người lêu nghêu và nước da không chịu ăn nắng, trông rất chi là lính cậu, là "phóng văn lình" tức lính văn phòng. Cộp một trận, phát rẫy hay cày ruộng vài ngày tôi mới được nhận là lính chiến, gốc gác làm ăn. Có lẽ chính cái mẽ ngoài phản chủ ấy nó thúc tôi học nghề thật kỹ để xoá nhanh cái ấn tượng "dân thầy", hoá ra nó cũng có lợi.

Đến nay, về nơi nào chưa quen, tôi thường nhét súng ngắn vào bao - cái câu "súng lục là súng bao vây đầu phồng" sống dai gớm! - lội xuống ruộng trước, để cho sự tin cậy của bà con bắt đầu từ chỗ mỗi cuộc đời cách mạng bắt đầu, từ giọt mồ hôi rớt xuống chén cơm. Câu chuyện sau đó mới thật là tâm sự giữa những người đồng cảnh đồng tình. Dần dà, nếu có dịp sửa giúp cái máy nổ, bày những câu gọi hàng lính Mỹ, nói tình hình thế giới trước một lớp học, tôi mới được xếp vào loại "con nhà nghèo được cách mạng dạy nên khôn" Như thế đúng thực sự hơn là lối coi tướng của cô Mẫn. Tuy những anh học trò mới đi bộ đội thường được bà con cưng hơn một

chút - nhà khá giả mới đủ tiền cho con ăn học, đời học trò ở phố phường xa mưa nắng bom đạn, bây giờ đánh Mỹ mới nếm mùi cực khổ, coi thiệt tội...- nhưng tôi biết mức tin cậy có khác với những anh được gọi là “lính cùi đày”, cả người lẫn nết đều vững như hòn đá kê chân cột. Các bà mẹ vốn thương con út mà tin con đầu lòng.

Vừa chơi ác, đặt cho Mẫn một gánh nặng xong, tôi hối ngay. Mẫn không khỏe mấy, chỉ được cái dẻo dai. Tôi nắm đòn xóc giữ lại: “Giỡn thôi, để anh...”,. Mẫn lắc đầu gạt tay tôi: “nhà gần mà!”.

Tôi trông theo Mẫn chạy thoăn thoắt mới hết lo, quay sang bó tiếp cho Út Hoà, Ba Tâm, giả vờ không nghe câu đùa lơ lửng của chị Tám đang xếp các lượm lúa: “Họ thương nhau ghê ta!”.

Thưa bà chị hay giễu,chị muốn cười hở mười cái răng, nháy nháy với người thứ tư nào đó, ví von bóng gió về cây si hay bệnh cảm, xin cứ việc! Tôi buột miệng, xưng anh với Mẫn, đã lỡ cho nó lỡ luôn, hơn Mẫn bẩy tuổi không làm anh được à? Tôi cãi thầm với chị Tám như thế, đến lúc chị giằng tay tôi, kêu:

– Cậu tú ơi cậu tú, trả thù dữ vậy sao sống nổi!

– Ờ.....

Thì ra tôi đang đạp chân riết một bó lúa to bằng bồ, phần chị. Tôi vội chống chế:

– Không... tôi tính về trước một gánh...

– Rồi bỏ lúa ai xóc? Đây về nhà có phục biệt kích đâu mà phải kèm?

Tôi đóng kỹ cái vai anh khờ, chỉ cặm cụi bó một đôi lúa nhẹ hơn cho chị Tám, một đôi khác cho Mẫn đi chuyến thứ hai, còn bao nhiêu làm một gánh vét sòng. Mẫn trở ra ruộng, sửng sốt kêu tôi phá sức, sụn xương sống còn gì. Thật tình tôi cũng hơi lo lo, lâu nay chẳng gánh gồng gì, sợ mất thói quen. Tôi bắt đầu tính xem trên chặng đường vào xóm có mảng tường hay tảng đá nào có thể kê đòn mà nghỉ chăng, nếu run đấu gối không bước được nữa như keo gánh thi năm ngoái. Mẫn ghé vai cho tôi đặt gánh, lại đứng đợi tôi mới chết chứ. Trót yêng hùng rồi, đâm lao phải theo lao... Không ngờ tôi mạnh đến thế. Xóc bó lúa “sạt” một tiếng là lút như đâm lê vào bù nhìn rơm, nhắc bổng nó lên xóc bó thứ hai mà không hề tì

vai hay chống đầu đòn xuống đất, chạy thẳng một mạch về sân nhà Mẫn, dọc đường chỉ đổi vai một lần, tất cả đều gọn trơn. Khoảng chín chục cân, tự phá kỷ lục rồi, bà con trông thấy cứ tấm tắc. Chém chết tui cũng không dám nhận rằng đó là kết quả của một câu nói khích, và nhất định không trông thấy vẻ mặt bối rối của Mẫn cùng nụ cười gán ghép của chị Tám. Khờ mà!

Đêm nay chúng tôi xuống vùng biển phía bắc Chu Lai. Lội cát phải mặc màu nhạt. Tôi giội gấp mươi gàu nước giếng, thay bộ ka-ki bạc màu nhất. Chị Tám mặc bà ba màu lục trông hệt bà đồng. Mẫn mượn được cái áo xanh da trời, nhưng cứ bị quần đen không có gì thay đổi, tôi cho mượn tấm dù hoa hai chéo phủ đến gối, coi như ổn. Ba Tâm đòi mãi mới được theo chị, chỉ mặc quần đùi vải rằn và cởi trần.

Tam Sa ở cuối tỉnh cuối huyện, cấp trên gửi giấy hoả tốc báo địch càn thì nó đã càn xong xuôi cả. Anh Luân và Mẫn lặn lội đi móc được một số cơ sở riêng ở thị trấn An Tân và vùng bắc Chu Lai, hễ địch tăng quân dồn xe thì họ báo cho Tam Sa biết, hụt xe lam đã có xe gắn máy, xe đạp. Lâu lắm các đội công tác An Tân, Tam Hải, Tam Giang mới hay mình bị phỗng tay trên, kiện với huyện. Anh Bảy quai nón cười xoà: “Các cha thừa đất bỏ hoang, Hai Mẫn tới vỡ, phải để nó hưởng lộc ba năm không đánh thuế!”. Hôm nay chị Tám và tôi được “sang tên” sáu cơ sở gần Chu Lai, coi như cái vốn đầu tiên để bủa thêm một mạng lưới nữa quanh căn cứ Mỹ. Chị Tám tìm hiểu mặt đấu tranh chính trị, tôi mặt quân sự. Có thể Ba Tâm được ghép với chúng tôi để chạy thư thẳng về huyện và H.68, chú năn nỉ riết nhưng anh Bảy còn ngại nhỏ quá.

Ăn xong chúng tôi đi ngay. Quân phục kích dăng liên miên dọc đường Một, đổi chỗ luôn, phải trông chừng chúng từ khi còn sáng. Chúng tôi băng ruộng lên phía bắc, gặp tổ du kích gác trên đồi lấy tin: địch rải dày mé dưới mặt đường chặn giữa làng Cá với Lộc Chánh. Phải vòng lên xa nữa. Tới một xóm lẻ còn trơ các nền nhà cháy, Mẫn dừng lại, tủm tỉm:

– Em là dân bổn địa, chỉ huy dân tứ chiếng, ừ nghen? Bây giờ em ra đường, chị Tám giũ chà là, anh Thiêm với Tâm ai liệng xoài

giỏi hơn thì ở lại đây, ai kém đi liên lạc. Ám tín hiệu, đường tiến đường lui nhớ kỹ chưa?

Đây là xóm Gò Xoài, bị địch đốt trụi để dồn vào ấp chiến lược. Vườn xoài bỏ hoang lu bù, tôi ném lựu đạn không tồi, nhưng mới thử sức vài lần đã chịu thua Ba Tâm. Chú ta chưa rút ná cao-su mà trái lớn trái nhỏ đã rớt lịch bịch. Khúc cây vọt khỏi tay Tâm, xoay tít như bánh xe, quất trúng những nhánh xoài đầy trái vàng đung đưa. Lớn chút nữa tay này ném lựu đạn hẳn là lọt lỗ châu mai thun thút!

Tôi theo Mẫn băng gò ra chỗ quan sát cách chừng nửa cây số, càng tới gần đường càng dò kỹ, có khi địch lên phục tận đây. Chúng tôi nằm bên một gốc mua, thò đầu dòm xuống sườn dốc, súng đơm sẵn.

Con đường bị băm nát từ lâu, quãng này còn sót đường ray kẻ hai dòng đen song song trên đá lót xám, chạy qua cát trắng. Cỏ gấu loang từng mảng nâu đỏ. Dương liễu mọc thấp, cành lá thưa đâm ngang thành bụi. Xa hơn một ít là vệt đen rộng và bóng của đường nhựa, hai mép quét vôi trắng phòng ta chôn mìn, bị những cồn cát nhấp nhô tre khuất từng đoạn. Phía bắc cách ba trăm thước có cặp lô-cốt giữ cầu. Phía Nam hình như vắng.

– Tụi nó kia, anh.Chỗ cống xi-măng ngó xuống.

Mẫn chỉ mé tay phải. Tôi nhìn kỹ cái cống trắng, nơi cậu Ri đánh mìn lật một chiếc GMC đầy lính tháng trước. Địch nằm cách đường nhựa chừng hai chục thước, nép sau những bụi ngũ sắc rậm. Áo quần chúng chìm vào mầu lá, nòng Ga Ran sơn lá mạ cũng vậy, tôi nhận ra chúng nhờ vào cái báng súng nâu đen cựa quậy bên những đường cong tròn bóng của mũ sắc, cây lá không có nét cong đều như thế. Người đi dọc đường nhựa không thấy được địch, nhờ dòm xuyên hông chúng tôi mới moi ra. Mỹ vào có khác, ngụy đem xác đi rào dày kinh, dạo trước Năm Ri dẫn tôi đi dễ hơn nhiều. Cũng trên đường Một này, anh em xê mình đóng trong kia đang đạp xe “kính ông” vào thị trấn Tam Quan ăn phở, tôi ở đây núp rình mãi mới tìm được chỗ vọt ngang. Ức thật...

Mỗi lần xuống vùng địch, tôi lại thấy mình thành con trâu trắng làm khổ mọi người, “trâu trắng đi đâu mất mùa tới đó”. Các đồng chí

phải lo dẫn tôi đi đêm, xếp hầm bí mật, gác đầu ngõ cuối xóm, quá đỗi cồng kềnh. Trong khi đó Út Liềm cứ đạp xe vo vo đi khắp nơi; chị Tám và Mẫn lựa lúc vắng bọn ác ôn quen mặt là thay áo trắng ra dạo đường nhựa, tán gẫu với lính tha hồ.

Tôi quay về gọi chị Tám và Ba Tâm. Chà là được một túm bằng trái dừa. Bao lưng của Tâm đầy cộm những xoài. Dạo này địch chặn soát và bắn súng vung vãi nên bà con dưới biển ít lên vùng đất vườn Tứ Nhơn, chứ trước kia, "mít non gửi xuống cá chuồn gửi lên" cứ kìn kìn. Lần nào xuống biển Mẫn cũng nhớ mang quà, mùa nào thức ấy.

Bốn chúng tôi ngả ra liên hoan nhỏ trong lúc đợi tối, Mẫn nhắc:

– Tiểu liên thôi nghen. Xuống dưới kia còn trung liên, đại liên, mấy bữa nay
biển trúng cá lu bù.

Pháo An Tân bắt đầu rền dài bắn lên dọc sông Rù Rì: đợt pháo quen lệ của địch lúc cánh đồng lớn đã sẫm đen dưới bụng tàu rà. Chúng tôi xâu dép vào thắt lưng, lên đạn, ung dung bước qua hai thanh ray gỉ, dẫm lên những mớ gỗ toác và sắt quằn của những đoàn tàu quân sự bị lật, xác mới đè xác cũ, nay đã đều không còn tuổi. Đến gần đường nhựa chúng tôi nghe ngóng lâu hơn. Rồi Mẫn vẫy tay. Mỗi người phóng mấy bước trên nhựa ấm, thoáng thấy vài mảng sỏi Xám vá đụp, hít một bụng hơi xăng, rồi chạy thẳng một lèo trên bãi trống

Vượt non cây số chúng tôi mới dừng nghỉ chỗ cát trũng, vừa nghe tiếng máy rù rù. Xe địch đi đổi lính. Đèn pha đặt trên các xe boc sắt quét loang loáng qua đầu. Xe tải chạy cách nhau khá xa, không bật đèn, không dừng, cứ việc bò chậm trong khi quân mới nhẩy xuống và quân cũ leo lên. Tụi sư Hai ngụy làm cái trò đấy để số du kích bám đường không biết chúng thu quân hay rải quân, dọc tuyến chỗ nào kín chỗ nào hở, khá ranh đấy.

Chúng tôi đi dọc xuống biển. Sau lưng chúng tôi, các ổ phục kích của địch đang đổi chỗ, đơm súng chặn đường về ở đâu không rõ.

*

* *

Biết không thể sốt ruột được mà tôi vẫn sốt ruột. Sự đời nó vẫn vậy.

Đi chừng nửa giờ trên trảng cát phẳng và trần trụi,chúng tôi đến một xóm lẻ. Chị S.12 mở toang cửa, vặn to ngọn đèn Hoa Kỳ, đánh thức chồng dậy mà coi “Chị Hai Mẫn với cán bộ mình cả mờ”, cho con đi gọi hàng xóm nữa, y như giữa vùng giải phóng. Chị Tám đưa con mắt hỏi Mẫn, Mẫn giật khẽ, ra ý “ không ẩu đâu”. Chị S.12 kéo tôi đến bên đèn coi mặt, giảng một hơi:

– Xóm đây năm nhà mà một bụng anh à. Dân cách mạng nòi hết. Tụi tôi ăn giỗ với nhau, thề rồi, ai lén đi báo cáo báo chồn với tụi hội đồng thì mấy nhà khác muốn tự tay chặt hay rước Giải phóng về ngứt cái đầu tùy lòng, chị Hai cầm quân đánh giặc trên làng Cá chớ đâu xa... Chẳng có thằng lính nào đang đêm dám léo hánh tới đây, mà tới thì tụi tôi biết trước cả buổi. Tụi nó nói ở xóm lẻ dễ chứa Việt cộng, mà cũng đúng vậy, nó đem xe em-mờ tới hốt vô ấp, cả xóm dàn ra đòi đổi mạng nó mới buông... Mỹ đổ bộ hả? có nghe gì đâu!

Bà con trong xóm kéo đến chật nhà ăn xoài với chà là, uống trè nhỏ, tán lu bu chuyện. Tất nhiên, tôi phải xuýt xoa vì trót sinh sau đẻ muộn, không được quen ông Lê Tự Cường mà cả huyện đều biết, làm tới chức trung đoàn hay trung đội gì đó hồi đánh Tây, cùng sáu con em của xóm này vừa tập kết vừa đi Giải Phóng. Xóm nhỏ mà niềm tự hào thật lớn. Ai cũng nhắc cho tôi nhớ kỹ đây là đất mình, dân mình, tới đây muốn hát bội làm tuồng bao nhiêu thì cứ thả cửa, gửi lại vài ba chục anh em cả tháng bà con cũng giấu và nuôi được hết.

Tôi ngó quanh, sững sờ.Tưởng chỉ miền núi mới có những “làng độc lập” chứ, những làng mấy trăm năm nay ẩn kín trên núi cao, dân đi đâu thì đi chứ chưa hề có người nào lọt được vào làng, đến thời chống Mỹ này mới mở cửa đón anh Giải phóng là một. Ra giữa biển cát này cũng có những hòn đảo tự do, trắng địch.

Bà con xúm trách Mẫn lâu không xuống,và phân bua liền cho Mẫn, “nói vậy chứ tụi tao nghe nổ như rang bắp trên Tứ Nhơn, đi chợ thấy vợ lính ra vô mua hương đèn với hàng mã, biết bay làm ăn to lắm! Được mấy trăm khiêng cả thẩy?”.

Chị Tám bắt gặp tôi liếc đồng hồ lần nữa, bật cười.Tôi chỉ muốn đuổi theo cái tin giật gân đợi mãi bấy nay....

Bộ đội gặp nhau,vừa mở miệng đã hỏi độp:"đánh chác sao đó?". Chị cơ sở gặp chị cán bộ thì trăm thứ chuyện tri kỷ vụn dây mơ rễ má cứ nối nhau tuôn ra bằng hết, từ trời cho con cá bè một gánh nhảy sang thằng cảnh sát mặt sẹo chực đốt nhà, vụ chồng con nhào kẹo với vụ hỏi thuyền bắt ghe, có trái mìn nổ thiệt tới ngon và có cái điều trước sau em cũng phải ừ một tiếng cho ảnh yên bụng lên núi mà sao em mắc cỡ quá chị à. Thêm một lần "xuống cơ sở" này nữa, tôi càng hiểu rõ dân mình đã ngấm đẫm chất cách mạng đến cái độ lựu đạn vùi lẫn trong thúng khoai, bà mẹ dặn con đuổi trâu ăn mạ và dỡ gai rào miệng hố chông cùng một giọng, việc đánh Mỹ nằm lộn lạo trong việc gái trai thương nhau.

Những đêm hội ồn ã hay thầm lặng của bà con đón cán bộ thế này diễn đi diễn lại, đọng dần trong tôi hình ảnh rất khác biệt của bà con vùng tạm chiến. Hai mươi năm đánh giặc, chưa hết, chúng ta đang bước vào cuộc chiến tranh mới, dữ dội gấp bao nhiêu lần chưa rõ nhưng chắc chắn là sẽ kéo dài. Người dân vùng tạm chiến vẫn sống kiểu riêng, đánh kiểu riêng trong nhiều năm nữa. Nỗi khổ và sự nghiệp anh hùng của họ, vốn đã sâu đã cao như biển và núi kẹp hai bên sườn dải đất này sẽ còn cao sâu thêm mãi. Có không nhỉ, có dân tộc nào trên trái đất này giàu chiến sĩ địch hậu như ta, có dân tộc nào mà cả một mảng lớn đã vật lộn trong lòng giặc suốt một phần năm thế kỷ, không một ngày xả hơi, còn đủ sức đấu võ đấu lý đến một nửa thế kỷ nếu cần, để thắp lại cái tia chớp đỏ thoáng thấy năm xưa và giữ nó sáng mãi?

Chi Tám phải gỡ Mẫn ra khỏi nhóm các bà các chị hết khóc lại cười. Ra đến trảng chị búng tai Mẫn:

– Anh Thiêm đang nôn nao tìm Mỹ, mày cứ sa đà, anh dòm muốn đứt cái mặt đồng hồ kìa.

– Thiệt hả? Còn sớm chưa vô ấp được đâu anh. Với lại em thương quá...Nhà chị Mùi có tới hai hầm bem ở tốt lắm, hồi nào bám căn cứ mệt anh chị cứ về đó nghỉ, khỏi qua tuyến đường nhựa.

– Địch dày bấy nhiêu chớ dày gấp mười, cậu Tư cũng bươn lên tới làng Cá cho coi!

Câu ghẹo ỡm ờ của chị Tám khiến Mẫn nín thít và tôi chột dạ: có lúc nào tôi quá lộ liễu không nhỉ?

Trăng muộn mới hửng một vầng sáng dưới những dải mây viền vàng mé biển chưa soi đến đây. Sân bay Chu Lai phải bắn đèn dù không ngớt. Một cặp cối to 106ly7 giã đều nhịp đôi. Chúng tôi đi ngoằn ngoèo trên cát dẽ và trắng nhờ nhờ, giữa những bụi con nổi bóng đen kịt như người ngồi xổm, rồi bước ra một quãng gò cát nhấp nhô, chân lún sâu hơn. Lâu lắm mới qua vùng gò cát, sao mà nhớ quá đỗi chặng bãi biển từ Qui Nhơn vào Gành Ráng. Mỗi bước leo lên trụt lùi mất một nửa, bù cho khi xuống bước chân duỗi dài thêm gấp rưỡi. Tôi đưa mắt tìm những búi cỏ chông chông để thả đua ngựa theo gió, bị xóc luôn một chùm gai xương rồng vào đầu ngón chân cái, nhổ vội lại gãy nằm lì, đành để vậy. Mắt tôi tốt nhưng Mẫn đi đêm tài hơn nhiều. Một lần nữa đôi bắp chân trắng của Mẫn lại làm lộ tiêu cho tôi tránh những tấm gai xương nằm lẫn trong cát như bàn chông.

Người thứ hai được Út Liềm báo trước, ra ngoài ấp đón chúng tôi. Cô Tươi mới trạc mười chín, dẫn cả chồng theo, chẳng biết sợ ma hay ngại chồng ghen, có thể vì cả hai. Chúng tôi ngồi lọt giữa bốn tường thành đá ong của một ngôi mả to trên đỉnh gò. Cô bắt chồng đi gác với Ba Tâm, không cho nghe chuyện, nói ngường ngượng:

– Ảnh mới trốn quân địch về, chánh trị chưa vững. Em hối[(1)] ảnh đi giải phóng vinh dự lắm, ảnh lảng lảng miết, sau thú thiệt "hễ mình đi tôi mới đi". Bây giờ ảnh tránh trớ trong ấp. Thằng ấp trưởng ăn tiền lớp này tới lớp khác, đục đẽo miết mà còn doạ nghe tức ói, chưa biết hồi nào nó trói giải lên Quân vụ thị trấn... Chị cho tụi em lên cả hai nghen chị?

Cô S.16 này nhạy hơn chị Mùi, nghe tin Mỹ vào, cô rủ bạn xuống cửa Xuân Quang hỏi dò. Tụi ngụy ghẹo chán mới mới kể rằng Mỹ vô sân bay đâu hai trăm, lót ổ nằm nín hơi, Việt cộng nói Mỹ công tử bột vậy mà đúng y, lính tráng gì mà mới bước ra nắng đã đỏ như

cắc kè, khui bia hộp uống ọc ọc miết. Cô nghe chỉ được bấy nhiêu, không thấy thằng Mỹ nào cả. Tôi hơi thất vọng. Nhưng khi tôi dặn những điều cần nắm thêm về quân Mỹ, cô hỏi lại rất kỹ, lặp đến thuộc lòng. Cơ sở của Mẫn chưa thạo việc, được cái chịu khó. Tôi bấm đèn pin bọc nhựa xanh cho cô nhận mặt chị Tám và tôi, rồi soi xét cô Tươi: người còn xinh hơn tên, hèn gì cậu Xáng không chịu rời. Cho thoát cả hai thì mất người theo dõi Mỹ, thôi để cô khuyên chồng ít lâu nữa xem sao. Tươi ra gọi chồng vào, ngọt giọng như dỗ đứa em trai bướng;

– Em thưa với các anh các chị rồi đó, hồi nào anh ưng thì em dẫn lên Nhơn Ái giao cho chị Hai. Em mắc việc nước, chớ vợ không theo chồng thì theo ai.

Cậu Xáng rất to cao, xem chừng cõng một đế cối 81 trên lưng không ăn nhằm gì. Cậu lúng búng mấy câu phân trần, rồi theo vợ đi vào ấp, trông tức cười mà cũng tội tội.

Chúng tôi nhắm hướng biển đi xuống. Mấy chiếc C47 liên tiếp xà qua đầu, mỗi chiếc đeo một chùm đèn màu hình chữ thập, thêm một đốm giữa bụng nháy đều. Điện kết chuỗi quanh đường băng bật sáng, tôi sửng sốt khi thấy những ngọn đỏ cuối sân chỉ cách chúng tôi chừng bốn trăm thước. Chà chà, cặp mắt bồ câu của cô Tươi đặt ở chỗ lợi thế quá mất, tha hồ coi Mỹ. Đèn pha trên máy bay thốc xuống một luồng sáng xanh, hạ thấp dần, nhảy nhảy trên dải bê tông, chạy tới mảng sáng của đài chỉ huy đàng xa. Rồi phựt một cái, tất cả tắt ngấm, những chiếc tầu ngầm lớn lặn tõm xuống biển, chỉ còn đạn cối chớp léo ình ình chung quanh chỗ nó vừa chìm. Quân ngụy vây vòng trong vòng ngoài mà chúng vẫn giấu hình ghê thật.

Trăng trên biển mọc nhanh vòn vọt. Một quả bóng đỏ từ dưới nước ngoi lên, lừng lững nhấc mình khỏi đường chân trời mang vết khía răng cưa của những rặng dương cuối đất. Dạo ở núi, tôi rất thèm xem lại con trăng to và đỏ như thể bốc vội, đổ suối bạc to dần qua mặt sóng đến bên tôi. Trăng hiện trên rừng bao giờ cũng nhỏ, xanh đứng yên trên lá. Tôi thèm vòm trời mở ra mênh mông với cái nét cắt thẳng băng nơi gặp biển, thèm nằm ngửa cho các chùm sao xuống sát tầm tay với như một dàn nho chua, thèm dầm mình trong

sóng tãi bọt và sứa trên bãi, thèm thở gió mặn chưa pha mùi đất. Cảnh trời nước của quê nội tôi đấy.

Qui Nhơn thời Tây. Căn nhà ổ chuột thấp hơn mặt đường Khải Định, gần biển mà gió không chui vào nổi. Suốt mùa hè anh hai và tôi đêm đêm vác chiếu ra ngoài bãi cát, bên những gốc dừa gốc tra, chịu mùi phân người để nằm xa chỗ tắm của Tây đầm, tránh tụi bu-lít[(2)] đá vào mông đánh thức. Mỗi đêm vài lần anh em tôi ngồi dậy đội chiếu đợi qua cơn mưa dông, hay đâm đầu chạy thục mạng khi lính lê dương say đuổi hiếp cả đàn bà đàn ông.

Qui Nhơn đẹp, mát, lắm cá. Người ta đến Qui Nhơn tắm biển, dưỡng bệnh ăn chơi, trai gái. Thành phố quê hương bấy giờ đè nặng lắm trên đôi vai còng còng của ba tôi, sửa máy cho hãng xe S.T.A.C.A., mỗi ngày làm mười hai tiếng mà mòn đời không sắm nổi chiếc xe đạp tã. Anh em tôi, hai đứa trẻ rơi vãi trên đất cảng, dắt nhau đi lánh các các phố sang lắm xe chẹt và dùi cui gõ-óc, chỉ dám hưởng phần mấy trái me rụng quãng gần nhà thờ, những bông phượng héo để chọi đá gà hoặc thổi phình vỗ bép vào trán, lúc đói thì đập những trái bàng khô lấy cái nhân beo béo mà nhấm. Vui mắt chỉ có ngồi trên bến xem cặp tàu bay Nhật chạy rì rì trên phao rõ lâu mới cất cánh nổi khỏi mặt sông Thi Nại, về sau bị mấy chục tầu bay Mỹ ném bom tan hết. Tôi chưa hiểu gì về Qui Nhơn sau cách mạng, đã theo cả nhà tản cư về quê mẹ. Hết những năm đánh Tây, tôi lại chịu đòn tù ngay tại nơi sinh: hai chặng đời tại Qui Nhơn, hai lần tôi bị hất ra. Đứa trẻ lên chín bỏ đi với cái đói và cái sợ thắt gút trong ruột. Còn chàng trai mười tám vằn máu hằn thù trong mắt.

Lạ thay, tôi vẫn yêu Qui Nhơn. Tôi hay nhắc tới những phố xinh xắn, những máy nước đầu đường có tay quay trên đỉnh, những hè phố lát thứ gạch gì lắm rãnh sâu kẻ ô chống trượt, những con tàu lớn kéo còi ghé vào cái kè đá đưa xe lửa chạy ra biển, những bầy cá đối kết thành bè bơi đi thuyền, mặc dù tất cả những cái đó đều không phải là của tôi. Tôi cứ nhớ Qui Nhơn. Phải chăng vì cái xấu và sự lãng quên đều chung một mầu đen, nên khi quay nhìn lại bức tranh của quá khứ tôi chỉ còn thấy những mảng màu sáng nhất? Hay vì một thói quen thôi, như đứa trẻ ở mướn cực muốn chết mà vẫn thương con trâu ngang sừng của chủ và nhớ rặng dừa trước ngõ

nhà chủ? Đúng hơn, có lẽ vì hình ảnh thật của phố cảng đã được tôi nhào nặn lại theo mẫu mới của mơ ước....

Mẫn quay lại:

– Gần tới ấp rồi, Tâm lên sát chị nghen, có gì tiếp tay chị ít trái lựu. Chị Tám với anh Thiêm đi sau chừng năm chục thước cho chắc.

Tôi hơi khó chịu. Mẫn thuộc đường phải dẫn đầu, chứ tôi đâu phải non đến nỗi núp sau lưng Mẫn! Tôi chia Ba Tâm trụt lại sau kèm chị Tám, còn Mẫn với tôi đi trước cản địch. Mẫn ngần ngừ rồi gật:

– Dạ, cũng được. Hễ chạy lạc Tâm dẫn chị Tám vòng xuống bến bà Huyến nghe em. Mà súng đằng trước nổ ít thì khoan chạy, đội Tam Hải có mấy cậu mới, chưa hỏi đã bắn, để ý coi chị rẹt cac-bin hãy rút.

Chúng tôi vào một ấp chiến lược sát cửa sông để nhận chị S.22 và một số du kích bí mật do chị tự chọn, không chịu cho Mẫn biết hết tên. Ấp này có lính đóng, gác kỹ. Mẫn đi một quãng ngắn lại thụp xuống, cúi sát đất nhìn ngược lên, xem đường nét lởm chởm của các bụi cây đen đằng trước, tìm vệt thẳng của nòng súng hay hình tròn của đầu người, thêm chỗ eo của cái cổ nữa không thể lẫn. Tôi chỉ có việc bắt chước.

Men rặng duối dại một quãng, Mẫn dừng lại ghé tai tôi:

– Nó kìa!

– Đâu?

– Dọc đường đất...

Một con đường đắp nổi bằng đất thịt màu sẫm với hai hàng dương, cách chúng tôi chừng sáu chục thước, chạy qua cát trắng vào ấp. Tôi nhìn lâu mới thấy một đốm lửa nhỏ xíu hửng đỏ, chìm, lại hửng. Sáng trăng này địch không cần soi pin xem giờ, nhưng khó nhịn được thuốc lá. Mẫn dừng đợi chị Tám và Tâm, thì thào:

– Hồi nãy nó rình ở đây, mới kéo ra phục đường. Có mùi Bát-tô, xà-bông thơm, mồ hôi khét nghẹt.

Tôi hít mấy hơi, không nhận ra gì cả. Xin thua cô xã đội, tai kém còn đổ lỗi cho sốt rét được, chứ cái mũi không tinh thì chỉ tại hút thuốc thôi.

Vòng hướng khác, chúng tôi đi vòng qua những vạt mè, lá và trái quệt vào tay dính rin rít, đến gần cái vệt đen dài cắt ngang trảng cát. Nhiều chấm đèn dầu nhấp nháy. Dòm ngược lên đã thấy hàng rào lông nhím dựng như bàn chải trên nền mây sáng. Tiếng đóng đinh vào thuyền gỗ nghe trầm và dội xa. Chó sủa, có người nạt chó. Một đóm lửa to đi lừ lừ bên trong rào, những nét bóng của tre nguyên cây hiện thấp thoáng, chắc là dân canh đang gác chuyển đèn: các vọng gác đưa chuyền cho nhau một cây đèn gió, địch trên chòi cao ngó chừng. Nhiều tiếng cười ré giật gân. Tiếng loa vẳng từ xóm xa, gió tạt không nghe rõ, chắc lại gọi “đình công xây ấp tân sanh, ai bất tuân nằm nhà coi như phần tử Việt Cộng”, địch đã biến Việt Cộng thành những người an nhàn nhất trên đời.

Tôi nhắm chừng phải đợi lâu đấy, mới chín giờ rưỡi, dân và lính địch còn thức cả. Mẫn moi cát sau lưng một tấm bia mả bằng xi-măng, lấy cái hộp nhỏ đựng mẩu giấy có mấy chữ nguệch ngoạc: Đêm 16, từ 10 tới 12giờ - S.22.Tôi đón xem xong, buột miệng:

– Hụt rồi. Nay mới mồng hai tháng năm thôi.

– Tính lịch ta chớ anh!

– À...Vậy đợi một tiếng nữa...

– Đồng hồ anh lấy giờ Đông Dương hả? Vô được rồi. Thằng Ba gác ngoài, chị đưa anh chị...Nhăn gì? Em còn nhỏ ai chịu cho gặp đâu mà theo!

Sao tôi ngớ ngẩn vậy ta? Đã biết xuống vùng sâu phải theo giờ Sài Gòn và theo tuần trăng để biết đêm sáng đêm tối, mà trước mặt Mẫn tôi lại quên, hệt một cậu chưa từng ra khỏi vùng giải phóng. Trót rồi, tôi sẽ gỡ bằng những động tác vượt hai sông ba núi rất thạo, để Mẫn và chị Tám biết tôi dày dạn chẳng kém ai. Trong loại công tác này, một đồng chí bị đánh giá là non gan hay vụng dại sẽ được mời ở lại làng Cá ngủ cho khỏe, đi theo chỉ gây vạ cho anh em và cơ sở...

Lại hẫng nữa. Mẫn đưa chúng tôi đến chỗ hẹn, một cô du kích mặt bôi đen đón sẵn, dẫn chúng tôi đàng hoàng đi qua cổng ấp mở toang, mấy bác dân canh còn dặn Mẫn nhớ nhớ ghé lấy cá ngừ kho khô chớ để lâu nó thiu. Tôi mừng khấp khởi. Được một "lõm căn cứ" ngay bên cửa sông thế này, tha hồ ăn dầm nằm dề giữa rốn thằng Mỹ! Chị Tám chép miệng: "Mày giàu ngầm quá Mẫn ơi".

Chúng tôi dẫm vỏ chuối cả. Chị S.22 khăng khăng không chịu chuyển sang cho người khác nắm.

Bộ mặt chữ điền sẫm màu bánh mật mỗi lúc một đanh trước ánh đèn cứ để to ngọn. Đôi mắt xếch nhìn tôi, nhìn chị Tám như muốn xách đặt trên bàn cân coi thử nặng bao lăm. Mẫn đã nói chị là du kích hồi đánh Tây, vào tù rất gan, nay thuộc loại "cơ sở đẻ mau" tức là tự mình xâu chuỗi thêm hàng loạt cơ sở mới. Chị nắm gần hết một xóm trong cái ấp chiến lược khá to này, chỉ cho Mẫn biết chị có một tiểu đội du kích bí mật, cho gặp bà S.26 là giao liên của chị, vậy thôi.Tuy Mẫn lấy giọng kính cẩn nhất để rỉ tai chị về "hai đồng chí cấp trên lãnh đạo vùng ta" chị S.22 vẫn chan chát:

– Con Hai đây tôi biết, công an quận đánh hộc máu mà nó không khai một tiếng làm thuốc. Gặp người vậy thì tôi sống gởi nạc thác gởi xương, chẳng đợi ai thúc, cũng chẳng cần biết đúng hay sai nguyên tắc. Đội Tam Hải đòi quản, tôi sạc rồi đó, các anh nắm xã tôi mà thập thò tận đâu đâu, tôi không tin! Tù ba năm tám tháng, tra gãy xương sườn, vậy chớ còn ăn được hột cơm là tôi còn theo Cụ Hồ đánh Mỹ, còn nuôi hai đứa nhỏ đợi ảnh tập kết về. Bà con đây biết địch có chẻ óc tôi ra cũng không lấy được một cái tên, họ mới theo. Nói anh chị bỏ qua, chưa biết anh chị có chịu nổi các thứ tàu bay tàu lặn không, hay lại dắt ác ôn đi chỉ từng mặt, khai từng chén cơm họ mời?

Đâu bảy tám năm trước, chị đào hầm nuôi một anh cán bộ tỉnh, "cá tươi sữa hộp cho ăn mập trắng mập mềm". Sau này anh bị bắt, chịu đòn không nổi, dẫn lính về khui hầm nhà chị. Vào tù, chị để ý xem rất kỹ những ai gan lì, hỏi họ tên quê quán, dò xem về sau họ sống hay chết, bị giam hay được thả. Chị gặp Mẫn và nghe tiếng anh Tư Luân. Vừa ra khỏi nhà giam chị đã đi tìm đầu mối, gần trước xa sau, cuối cùng được Mẫn giao công tác.

Mẫn dỗ dành mãi nói rằng chị Tám và tôi đều qua tù đày cả rồi, đáng bậc thầy của Mẫn, chị mới chịu buông lửng một câu:

– Thôi được anh chị cứ lui tới nhà tôi ít lâu coi thử, có sao cũng một mình tôi lãnh đủ...

Tôi nghĩ ngay đến một nét của bà con làng Cá hơi giống chị S.22. Trưa nay anh Tám Liệp thấy vắng càn mới về thăm làng một buổi, mặc ka-ki đeo túi dết, dắt theo cậu Quỳ lăng xăng. Anh dạo các xóm, ra đồng xem gặt, chào hỏi nhắc gặt mau giấu kỹ, chớ nên quên đào hào vót chông, vân vân. Bà con ngừng tay mời anh bát nước rồi ai lo việc nấy. Bốn năm ông lão tìm chỗ làm kho mật không ra, chạy đến hỏi tôi, tôi khuyên gặp anh Liệp, các ông lắc đầu: “Hỏi rồi làm trái chắc ảnh giận, làm theo thì...ảnh biết cái khỉ khô gì đâu, thôi hắt!”. Họ băng đồng đi tìm anh Luân, Mẫn, Năm Ri, ai cũng được, trừ anh chủ tịch xã đang ngồi nói tình hình thế giới ở nhà bên. Cay thật!.

Ra khỏi ấp, Mẫn xấu hổ cứ phân trần mãi cho chị S.22:

– Chỉ bị phản một lần bây giờ chờn miết. Để em nói chú Luân viết thơ, chỉ phục chú Luân nhứt. Số du kích của chỉ moi túi lấy lưu đạn, khi gài khi ném, hạ được cả chục đứa mà không lộ. Ở xóm này ngó thấy đường ô-tô, thấy sân bay, lợi lắm, anh chị đừng bỏ uổng.

– Đời nào! “Trâu đô, rô mề, trê ổ”,ai chịu bỏ. Mà tụi tôi vận động mấy cũng nhẹ công hơn cô hồi đầu...

Mẫn tròn mắt:

– Không đâu anh. Chỉ gánh một gánh cá lên Tam Sa bán, nửa đêm ra chỗ đốt rào ấp tìm em nói gọn trơn: “Tao coi mày cách mạng thứ thiệt, cho mày bốn trăm đây, có công tác gì chia tao phụ với”. Ba năm rồi, em mới xuống đây có hai lần, chỉ với bà chị S.26 lên ta hoài, Năm Ri tưởng điệp đòi bắt miết!.

Chúng tôi lại đâm ra giữa trảng rộng, nơi địch ít phục nhất vì chẳng biết phục chỗ nào. Đỡ cái nạn nhất bộ nhất bái, mắt tai bớt căng. Gió thổi thông thốc, tấm dù Mẫn quàng bay xòe dưới trăng, đùa với những nét thân thể Mẫn mà từ lâu tôi đã nhận là rất đẹp. Đi một lát Mẫn cởi tấm dù, xếp nhỏ lại giắt vào thắt lưng cười: “Để vậy thầy Thiêm rầy chết, mục tiêu bằng cái bồ mà lại vẫy cho địch nó

thấy!”. Chà, nếu tôi dám bảo Mẫn đừng rời đôi cánh nhỉ. Thầy Thiêm nghỉ phép rồi, chỉ còn cậu thợ ảnh đi bên Mẫn thôi, con mắt to bằng ống kính f.2 là ít, rất ham tìm những trò chơi ánh sáng đột ngột của trăng soi nhiều góc độ...

Cảnh trăng trên cát gợi nhớ những tấm ảnh tôi tập chụp bằng loại phim bắt tia cực đỏ, cây đen và đất trắng xoá trông hệt mùa đông miền cực Bắc. Hồi nào nhỉ, tôi đã biến cảnh nắng trưa thành trăng khuya bằng kính xám trung tính ND8... A, nhớ rồi. Đó là lần tôi chụp những cảnh ngoài trời đạt nhất, và sau đó suýt đập máy.

Mộng Nga có hàng chục cô bạn cùng tuổi đều ham cười duyên trước ống kính và trên nóc tủ, đều tin rằng ảnh đẹp là do mình xinh, ảnh xấu tại thằng thợ tồi. Bao giờ tôi cũng chụp họ trong xưởng, bật từ năm đèn trở lên, sau đó còn sửa phim cho họ thành minh tinh màn bạc cả, giống hay không chẳng cần. Chỉ một lần nể lời Duy Hảo nằn nèo mãi, tôi mới cùng đi chơi bãi tắm Mỹ Khê và chụp cho hai anh em hai cuộn phim 6x9, một màu và một đen trắng, máy Rô-lay thay kính màu liên tiếp. Khi đi thì cực chẳng đã, khi cầm máy tôi bị quỷ ám ngay, có khi mất nửa giờ vè vè chung quanh Mộng Nga mới bấm được một kiểu ưng ý. Nga mặc áo dài hay áo tắm đều ăn ảnh, lại chịu khó vâng lời đạo diễn. Tôi tráng, sửa và phóng rất kỹ, chiếu hôm sau đem đến cho anh em Nga một xấp ảnh 13x18, riêng Nga có 6 ảnh màu có thể lên bìa tạp chí cả. Nga mừng rú, cả nhà xúm lại túm tắc, mẹ Nga không ưa tôi mà vẫn trầm trồ tiếc hồi trẻ chưa có tấm nào đẹp như thế, cô em Nga ghen với chị muốn khóc. Tôi chuồn lặng lẽ, chợt thấy chán ngấy chán lợm, ghét tôi và tởm cái nghề phó nháy. Là bởi khi tôi phóng xong bác thợ già chấm ảnh vô tình kể rằng bãi Mỹ Khê bây giờ chôn hàng trăm “ông bà bên kia”, thỉnh thoảng người ta đào được những xác còn dây trói ké, mang vết dao cắt cổ hay rạch bụng. Thì ra suốt một buổi tôi đã dẫm trên thây đồng chí đồng bào, mê mẩn tìm đường nét và màu sắc trên vai, ngực, đùi của một cô gái ăn không ngồi rồi, chao ôi nhục! Từ đó tôi cạch, không chịu đi chụp ngoài trời cho bất cứ ai, mặc kệ chủ giục và các cô quen chê gàn chê lười.

Bây giờ khác rồi. Tôi muốn ngắm Mẫn đi ngược gió, tóc mai bay lất phất dưới mũ tai bèo, vai hơi nghiêng phía tay phải kẹp các-bin,

thân thon dẻo rướn về phía trước, chợt thèm được ghi một hình ảnh đẹp hiếm có, chưa chắc sau này còn thấy lại. Tấm ảnh chụp Mẫn đêm nay, tôi có thể kẹp trong sổ tay, giữ mãi trong túi ngực, xem đi xem lại đến già mà không gợn chút ân hận nào. Và nếu ai đó bấm hộ cho hai chúng tôi đi bên nhau...

– Gần tới xóm rồi. Đây có mấy gò cát cao, tụi hải thuyền hay lên ngủ nín, coi chừng nghen. Ta đi rải như hồi nãy. Hễ chạy lạc thì coi dấu trên cát, trở lại chỗ hộp thơ chị S.22, nhớ chưa Tâm?

* * *

Thế là rõ.

Tụi lính cổ da Mỹ đã vào Chu Lai, sáng nay, rất kín tiếng. Mới có một đại đội thuộc sư Ba đến trước dò đường dọn chỗ, khoảng một tuần nữa chúng mới đổ bộ đông, đẩy sư Hai ngụy ra khỏi căn cứ, rào vòng ngoài cho chúng. Tên trung úy công binh ngụy đã hậm hực xì những cái đó cho bác S.24 nghe sau nửa chai rượu a-nít: “Cà cưỡng lót ổ cho tu hú đẻ, rồi còn lo bắt sâu về nuôi nữa. Tôi lột được lon là xé con heo lứa liền tay!”.

Đài ta nói Mỹ lén lút vào Đà Nẵng, tôi nghe lạ tai, thằng đi hà hơi thường làm ồn ghê lắm để lay thằng hấp hối mới phải chứ. Chúng sợ dân Đà Nẵng nổi dậy chăng? Chu Lai là đất hoang, tha hồ chúng đánh trống cho tụi nguỵ khờ người xếp hàng gào cái câu mà báo nước ngoài đã ghi: “Chúng tôi đến đây nhằm bảo vệ tự do!” Hay muốn oai hơn nữa chúng càn phủ đầu vào vùng ta. Hạm đội Bảy dàn ngoài khơi bắn rùng rùng, máy bay từng đợt thả bom, tàu đít bằng đổ xe tăng vào bãi, trong khi máy bay bụng chửa đùn ra từng chùm lính dù và trực thăng trút quân xuống nhét xuống nhét nút sau lưng Vi-xi. Đại binh của chúng sẽ tiến theo kiểu bò của con vắt no máu: cái đầu ngoe nguẩy rướn lên xa, bấu xuống đất, cái bụng đầy mọng ì ạch lết theo sau, giữa một bầy ruồi nhặng vo ve.

Tất cả những cái đó chưa xảy ra. Càng hay. Tôi biết một cô giao liên ưa dặn khách sẵn sàng đón những khó khăn trên đường: dốc cao, thác lũ, vô số bom, đi tối mịt mới tới nơi, nghe dựng tóc. Tiếp đó là một buổi đi êm ru, đúng trưa đã được treo võng, giặt phơi còn kịp khô, khách chỉ cười khà chứ chẳng ai kêu.

Bác S.24 phơi bộ ngực dân chài nổi múi thịt đen như mun, vuốt chòm râu đen cố nuôi dài tránh bắt lính, tả khá sắc các kiểu súng, áo quần, xe pháo của tụi Mỹ, rồi cười mũi:

– Cá thối nó vậy, giòi sanh trong ruột trước, đợi nở nhiều mới bò ra ngoài, hoá ruồi đi kiếm ăn. Mà thứ này chánh hiệu ruồi xanh, to con, bay ồn, đập trúng lại mau chết ông à.

Chúng tôi hụt ông cụ S.18 bị bắt giam vì chửi thẳng đại diện ác ôn. Chỗ chị S.22 coi như mới bước vào được một chân. Còn phải đào và sửa hầm kỹ mới nằm lại dài ngày được, chúng tôi quay về làng Cá. Chị Mùi tức S.12 bày sẵn một "đại liên" chờ chúng tôi: những bát cá mè bằng bàn tay kho ngọt, món gỏi mít non luộc bóp đậu phụng mà tôi rất mê, tất cả xúc bằng bánh tráng nướng, chan thêm mấy chai bia Xan Mi-ghen in chữ trắng trên vỏ mập lùn. "Làm khách thì sạch ruột", chị nói vậy. Tôi ăn đẫy, chị khoái đến nỗi cuối bữa đã chịu gọi tôi là thằng Tư, dặn tới nhà cứ lục cơm nguội là chị ưng nhất.

Lên tới Lộc Chánh lúc một giờ sáng, chúng tôi ghé vào hộp thư của Năm Tuất lấy tin. Anh Năm dặn đợi tại đây hay vào ấp chơi tùy ý, địch dàn trên đường Một cả rồi, tìm ra kẽ hở anh sẽ tới đón.

Chị Tám muốn gặp một cơ sở binh vận, rủ Ba Tâm theo gác ngõ cho chị, nhưng nói bâng quơ rằng vào ấp đông quá chó sủa ồn. Hai người đi rồi tôi mới thấy còn lại Mẫn với tôi. Hay nhỉ, bốn trừ hai còn hai chứ sao.

Chỗ "hộp thơ" của anh Năm rất ư là nên thơ. Mẫn ngồi bên tôi giữa biển cát cồn lên lượn xuống như sóng lừng trải rộng hết tầm mắt, trăng loa loá trên những dóng cát hình lưỡi búa. Chỉ còn hai đứa thôi trên chiếc bè kết bằng cỏ gấu sẫm màu, giữa có cây dương cao vi vút như buồm.

Gió mát, trăng trong, đêm thanh vắng...tôi biết tôi sắp nói với Mẫn cái câu "anh yêu em" mất rồi. Một cơn sợ bỗng chặn cứng ngang cổ. Ngốc, sao lại hoảng? Mọi ngày làm bộ ngổ ngáo, bán trời chẳng ngán thiên lôi đả, bây giờ lưỡi dính vào miệng. Mẫn đấy, cô gái đáng yêu nhất đấy, hùm beo gì mà khiếp? Tôi nuốt nước bọt, liếm môi, ho liền liền. Chưa...chưa được, nói lúc này chắc tôi cà lăm. Tỏ tình mà

cà lăm là vất đi. Coi chừng hiện nguyên hình là con thỏ đế. Chỉ cần vài phút bình tĩnh.

Tôi cố nghĩ xem lúc này anh con trai phải khai khẩu ra sao. Chẳng nghĩ được gì. Mụ người. Tôi thoáng nổi cáu với mình, cả với Mẫn. Đi lẻ nhiều, tôi đã ngồi thế này với mấy chục cô du kích khác nhau, lắm cô xinh ra xinh, tôi có ấp úng chút nào đâu, bây giờ đổ đốn ra vậy. Mất nửa giờ rồi. Tỉnh táo một chút, hẳn chúng tôi đã đến cái đoạn trăng thề quạt ước rất lâm ly - tôi lén rút cái quạt mo tôi đang lót ngồi một cách phàm tục hạng nặng. Hoặc tôi đã ăn vài cái tát, đang xoa má nghe giảng đạo đức. Có thể chăng? Khó tin. Biết đâu đấy. Cứ nói thôi, được ăn cả ngã về không. Tôi vỗ bép vào trán một cái thay súng lệnh. Hai, ba nè!

– Anh buồn ngủ, ngủ đi một chặp, em gác.

Từ nãy Mẫn cứ quay mặt phía đường Một và ấp Lộc Chánh. Tưởng mắc cỡ té ra Mẫn ngó chừng địch, còn tôi ở đằng sau cứ nghĩ ba lăng nhăng. Mẫn xoay người lại, cười. Khuôn mặt trái xoan mà tôi đã thuộc nét một lần nữa đổi khác, nổi đẹp rạng rỡ dưới ánh trăng, nhoà đi từng lúc, lại rõ. Chói chang khó ngó, trao lời khó trao. Anh liều đây Mẫn ơi, anh sắp ngỏ với em cái câu mãi đến nay chưa hề ra khỏi miệng. Hễ không yêu, em cũng đừng ghét anh nhé.

– Dốt thiệt chớ!

Mẫn chép miệng, tôi bỗng hết sợ. Đúng là tôi dốt một cây. Cô bạn rất dễ thương chứ ai xa lạ, tự dưng tôi lại coi như cái lô-cốt chơm chởm họng súng, còn tôi hoá ra chú lính mới, vừa mò tới vừa lo chạm mìn hay bật ho. Nếu Duy Hảo biết, hẳn cậu đã dán cho tôi cái nhãn mới đờ-mi phu,đờ-mi tốc[(3)]. Cậu ta bằng tuổi tôi mà thư tình viết chẳng phải quẹt chữ nào, chắc hẳn tán dẻo chẳng kém mạch nha, có đâu tệ hại như tôi.

– Bọn em dốt ghê. Nãy giờ nghe anh bày cho cơ sở theo dõi Mỹ cái này cái nọ, em xấu hổ muốn chết. Mỹ đến bên hông mà em chưa hiểu tụi nó gì hết, mới biết nó hơn võ khí kém tinh thần, cấp xã mà cứ nói chiến lược như trung ương, đây rồi bà con lại kêu: “Mày nghỉ ngơi cho khỏe để tao mở đài nghe hay hơn!” Thầy Thiêm rán giúp nghe thầy?

– Nhứt thầy nhì thợ công xá tính sao cho phải...

– Khỏi lo, công anh cứu lụt là một, giành lại bàn đạp là hai, bây giờ kèm tụi em đánh Mỹ nữa thì coi bằng...bằng ông đô đốc Tây Sơn!

– Ờ, thì hồi nào chết thì được về làng Cá, vô núi chúa?

– Sống tết chết giỗ chớ. Mới đại liên cá với bia còn đòi gì nữa....

Tôi bông phèng bằng cái giọng "con trai với nhau", bụng hết rối lại tiếc cái không khí say người vừa tan. Mẫn đối với tôi chỉ bấy nhiêu thôi ư, lâu nay tôi ngỡ Mẫn đã có chút gì vương vấn rồi chứ. Con gà rừng đến ăn chung với bầy gà nhà trông hay hay nhưng nó sẽ bay vào rừng, biến mất, không kết đôi được đâu.

– Mỗi người kêu một phách, em nghe thiệt búi. Ma-rin, mê-rin, thủy quân lục chiến, lính thủy đánh bộ, lính cổ da...

– Là một thôi Mẫn à, cũng tụi nó cả.

Rất nhanh tôi bị cuốn vào chuỗi câu hỏi dồn dập của Mẫn. Không nghĩ vớ vẩn nữa, chỉ căng óc mà nhớ những gì đã thấy đã đọc về quân Mỹ. Cô học trò càng nghe càng ham. Có lúc tôi bốc, nói to, Mẫn lại nhắc: "Nhỏ nhỏ chút anh, anh ngó qua vai em đi". Ngồi nghỉ trên bãi, chúng tôi quen lệ chia nhau trông các hướng, hễ chụm lại bàn việc thì người này phải ngó chừng sau lưng người kia. Từ hộp thư này đến chỗ địch dăng hàng phục kích dọc đường nhựa, ước chừng một cây số thôi.

–...Không lính thủy đánh bộ là quân chủng riêng không nằm trong lục quân. Tụi này chuyên đi đổ bộ ăn cướp các nước ngoài. Tin của Pháp nói số tới miền Nam mình đầu tiên đây toàn là lính nhà nghề hết, không có quân dịch, giết tụi này sướng tay lắm nghen...Anh em Đà Nẵng báo về là tụi nó mang Ga-ran M.2, thứ này bắn liên thanh được. Hình như sắp thay AR.15, là tiểu liên cực nhanh đó, có hai chân để riêng kẹp vô cổ bắn như trung liên, đạn nhỏ bằng mút đũa. Trung đoàn anh lấy được mấy cây AR.15 rồi, nó đưa cho tụi dù ngụy một số, đánh thử. Cối cá nhân là phóng lựu M.79 đó, như cây súng săn nòng to bằng ống tre. Em thấy rồi hả? Hào của mình phải khoét nhiều hàm ếch, trên che nắp đất, đỡ bị M.79 phá rầy...Mình đánh tụi

này bà con Triều Tiên ưng bụng lắm. Hồi xưa sư một lính thủy đánh bộ húc vô Triều Tiên trước hết mà...

Tôi không ngó qua vai Mẫn được nữa. Đôi mắt hơi ướt long lanh, nụ cười ngập ngừng, bàn tay nhỏ nằm gọn giữa hai tay tôi kê trên gối, tôi chỉ còn thấy bấy nhiêu. Từng lúc Mẫn quay đầu nhìn quanh một vòng, chẳng biết xem chừng địch hay ngại chị Tám đến đột ngột. Cái giọng chỉ giành riêng cho Mẫn, cho những lời đắm đuối nhất, tôi lại đem đi nói chuyện giặc Mỹ, than ôi!.

–...Cái mật danh Cu-ba, anh đặt đó. Em biết không, làng Cá mình giống y nước Cu-ba, bây giờ nằm bên căn cứ Mỹ, cách một bãi cát rộng như eo biển, càng giống. An Tân, viết tắt là A.T..., như súng chống tăng, anh đề la Badôca cho khó đoán. Sắp tới tụi minh ít đi chung với nhau..., anh lên làng Cá luôn mà..., em cứ ghi sổ từng bài, vài ngày anh gặp em một lần, anh bày. Tiếng Mỹ nói hơi khó một chút mà mẹo luật dễ, em học được quá đi chớ...

Mấy ngón tay búp măng bóp nhẹ tay tôi, lần đầu Mẫn nói rất khẽ như sợ phải nghe tiếng mình:

– Anh đừng qua đường nhựa nhiều, dễ bị lắm. Để em xuống thôi.

– Không sao...

– Em lãnh hai ấp vùng cát, đổi anh Tuất làm kinh tế. Anh về Lộc Chánh gặp em, khỏi qua đường nhựa, hồi nào cần...em đi với anh..., như tối nay...em đỡ lo cho anh.

Trong cơn chóng mặt tôi chỉ ấp úng được một tiếng “em”. Mẫn cúi đầu. Qua bàn tay mềm tôi thấy Mẫn rùng mình. Hình như Mẫn “dạ” trong hơi thở gấp. Và bỗng dưng không có gì báo trước. Mẫn ngấc đầu, chống cây các-bin đứng dậy rất vội. Trăng soi loá trên khuôn mặt bơ phờ. Mẫn lắp bắp:

– Em...mắc chút việc...

– Mẫn!.

Tôi cũng đứng vọt lên, Mẫn bước né sang bên, nhìn tôi bằng cặp mắt van xin của con hươu bị dồn sát lưới, một tiếng gì như thổn thức bật qua mũi. Tôi nắm tay Mẫn, nhận ra Mẫn run như sắp ngã. Lặng đi mấy giây, rồi Mẫn giật tay cầm súng đi thẳng vào ấp.

– Mẫn!

Cái bóng thon nhỏ chìm nhanh trong sương. Tôi dựa gốc dương ngó theo, một lát sau không thấy sương nữa mà cũng không thấy Mẫn, chỉ còn trăng toả trên cát trắng, im lặng và rất lạnh. Tôi muốn giật mình mở mắt, thấy tôi đang ngủ trên võng mắc giữa hai cây cột tre trong nhà mẹ Sáu như thế dễ hiểu hơn nhiều.

Nửa giờ qua, một tổ du kích dẫn bốn chúng tôi băng đường Một. Bà con làng Cá đã ra đồng, lưỡi vằng ăn lúa xoèn xoẹt và loé những tia thép dưới trăng. Chỗ đầu xóm, Năm Ri đang chia từng khúc hào cho các nhóm làm làng chiến đấu. Mẫn chào lúng búng, rẽ về nhà với chú em trai đang ngủ gật vấp lên vấp xuống. Chị Tám lại cười nụ cười lấp lửng:

– Hai cô cậu nói chuyện vui lắm hè?

– Toàn chuyện đế quốc sài lang, vui gì.

Câu này đúng sự thật trăm phần trăm, còn hơn thế nữa.

Chú thích:

(1) Giục

(2) Cảnh sát thời Pháp thuộc

(3) Nửa điên, nửa hấp

Chương 16

Tôi giấu cái vằng sau lưng cẩn thận, nhưng vừa nhác thấy tôi ló mặt đầu bờ, mẹ Sáu đã kêu om:

– Không ai mượn mày! Đi đêm miết rạc người, chưa ngủ bù, mò ra chi đây?

Tôi cười lảng lảng, lội xuống ruộng. Thấy lúa mê quá mà. Những bông vàng mộc to bằng đuôi trâu ngã rạp đè lên nhau, lớp lớp ngồn ngộn như từng loạt tia vàng nấu chảy phun toé lên qua các lỗ chân lông của đất, đông cứng lại thành chùm hạt hiến cho người. Thà ở đâu xa chứ nằm ngay giữa đống của mà địch lăm le cướp nghiến này, tôi cầm lòng không đậu.

Bảy đêm liền xuống Chu Lai dò Mỹ, mở rộng mạng lưới quân báo, lót ổ để nằm lại dài ngày bên căn cứ, tôi vẫn ra đồng gặt được mỗi ngày một buổi. Tôi thường về đến nhà mẹ Sáu lúc 2, 3 giờ sáng, lăn ra ngủ bên cháu Hoàn, lỗ tai vẫn đầy ngập tiếng quạt thùng quay phành phạch như máy bay phản lực, từng lúc chen những tiếng chân gánh lúa gấp và nặng, lúc bó rơi bịch bịch xuống sân và mẹ Sáu gắt nhỏ: “Nhẹ chút con, thằng tư thức trõm lơ con mắt rồi”. Tôi thiếp đi một giấc ngắn và rất say, kiểu ngủ của xê mình hành quân đêm ùn lại chờ đò, đến tảng sáng được đánh thức bằng hai cách: hoặc du kích nổ súng chặn quân địch rập rình úp sớm vào xóm, hoặc một khối gì như trái mít mềm rụng giữa rốn tôi, tức đến trợn ngược con mắt, phải chồm dậy ngay. Ấy là trò chơi quái quỷ của thằng cháu Hoàn, nó thích đứng dạng hai chân hai bên sườn “chú Xiêm”, thả đít đánh bịch xuống bụng chú, cười rật rật. Tôi ôm cháu vật một hồi, đếm xương sườn, đến khi nó chịu “xua ồi”, thơm đền thật to cả hai má mới tha tội. Hai chú cháu bén hơi nhau rất nhanh. Cháu thèm có ba lắm, chẳng biết bắt chước trẻ con khác hay nghe ai bầy mà nó gọi tôi là “ba Xiêm” hoài, tôi phải lẫy nhiều lần nó mới thôi. Mẫn đã sợ mang tiếng, chẳng nên để nó gọi “mẹ Mẫn, ba Xiêm” thêm phiền cho nhau.

Ăn vội chén cơm nguội, soát lại chỗ nằm của cháu dưới hầm bên chị Ngưng nó – con gái út lên mười của mẹ Sáu – tôi ra đồng ngay.

Đường làng biến thành thảm rơm dày, rơm vắt kín cả hai bờ rào, tôi đi qua những thung lũng vàng xốp, lún chân. Mới tinh sương mà gió đã đẫm mùi lúa hăng nồng như hơi rượu lạ dễ say. Càng về trưa gió càng bốc mạnh, cuốn bụi lúa xoáy tròn thành những cột gió nhám trông thấy được, đem màu lúa lên phủ lợt cả những lá cau trên cao. Còn chính hột lúa thì khó thấy. Nó hiện trên sân một lát rồi biến ngay, địch càn vào chỉ hốt rơm.

Bà con trách ông trời qua miệng cười hổn hển:

– Ổng giựt mất cả mớ ruộng, báo hại tụi mình phải bươn chải muốn chết, bây giờ ổng cho một trận lúa gặt rã tay không hết, ác ôn thiệt!

Vụ lúa sau lụt này quả là cấy khóc gặt cười.

Trên bãi bồi trắng băng, bà con hì hụi đào cát sỏi đến giáp Tết, đói bụng chảy nước miếng trong, mả ông bà rậm rì phải để đó, chỉ cắm vội mấy cây hương, và xin hoãn đến chiều ba mươi sẽ giấy. Thêm tụi giặc mới bị đuổi khỏi Tứ Nhơn cứ chạy vè vè xung quanh như chó liếm cháo nóng, nghe nó tum tum cốc cốc mà điên ruột, một trăm bà đi đấu lý có đến chín chục bà túm lính mà chửi nhào đầu, chẳng chịu nói nghĩa nhơn gì nữa. Cày gãi bừa xoa gọi là có, chân lội ruộng thấy cứng như bước trên sân nhà gặp mưa, cây mạ cắm xuống cứ đổ nghiêng đổ ngửa. Nhiều nhà đã sửa đôi bầu chồng rổ đi buôn rổ cá, chạy chợ kiếm bữa. Vậy mà được ăn, lại ăn to chưa hề thấy mới kỳ. Tới hồi địch càn líp lại, lúa càng xoè nơm thì ruột người càng thắt. Bây giờ mới thật tin là địch không giật nổi chén cơm sau lụt: du kích đủ sức chặn tụi biệt kích quân và dân vệ xã, còn cái tiểu đoàn chiếm Tứ Nhơn trước đây đã bị ném lên Việt An lần nữa, quân ra trận mà dặn người nhà “Lấy ngày đi làm ngày giỗ”.

Anh Tư Luân bị bà con níu kéo dữ quá, phải đặt ra cái lịch cơm khách, mỗi bữa kéo tôi đi một nhà để ăn cơm mới. Có bà mời chưa được đã nhắn ngay: “Nói giùm ông Tư đi rán đi xa xa một chút, qua trước ngõ cho tôi thấy mặt”. Ấy là để nhớ công anh chạy các nhà rủ dọn ruộng lấp. Anh lên Tam Trân xin từng lưỡi cuốc cũ về, nhét vào

tay từng người ngán địch và ngán đất, dỗ ngọt, van nài, nạt nộ, túm tay họ lôi đi. Một mình trên bãi, mím cặp môi đen và mỏng, anh bổ lát cuốc mở mùa xuống lớp cát sỏi đang vùi nhiều xác người xác thú, bà con kẻ trước người sau cũng theo ra đồng hết.

Hồi đó, đội du kích cản giặc mệt đừ, cái khăn tang trên đầu Mẫn không ngày nào khỏi vấy bùn. Mẫn đòi anh Luân dồn hết người ra làm làng chiến đấu. Chú cháu cãi nhau tới một giờ sáng mới ngã ngũ, chịu chia đôi số dân để cào bồi và đào hào. Cây lúa vắt vẻo đuôi gà thì chông mìn mương rào cũng tạm đủ chống càn. Về sau Mẫn nghĩ phục chú, nói với tôi dạo bật ra gò:

– Đánh mấy năm ròng mới lấy được Tứ Nhơn, em sợ mất quá mà. Không vỡ ruộng thì bây giờ xong cả địa đạo rồi, có điều bà con phải bỏ làng đi kiếm ăn sạch, du kích hết gạo cũng tẩu luôn, bỏ đất cho địch tới chiếm! Nhà em rán làm được bốn ang giống cũng nhờ chú thúc riết đó anh.

Trong khi ấy, anh Luân vẫn gật gật, thấp giọng khoe với tôi rằng công đầu giải phóng Tam Sa là thuộc về "con nhỏ đó". Trẻ nít mới lớn mà mặt nào cũng thấy đều hết. Tôi đoán trong vụ này Mẫn kể đúng sự thật hơn ông chú ưa làm mối.

Cánh đồng mới đấy đã trụi đi hai phần ba, nhanh ghê. Còn phải nhanh nữa. Những chiếc M.113, trực thăng, xe tải đều há sẵn cái miệng toang hoác, trực nhả lính ra và nuốt thóc vào. Tôi đưa mấu vằng xốc vội từng bụi lúa rạp. Bông mẩy, nặng cụp đầu cuộng rơm, cọ vào tay tôi nhám như bò liếm chủ, thương lạ. Lưỡi vằng mới cắt lại chân chấu, xoẹt từng lát sướng tai. Mẹ Sáu tới gần, không gắt nữa - mẹ gắt với đàn ông bao giờ cũng gượng gạo - chỉ hỏi vặn:

–Ruộng nhà gần xong rồi, biểu mày gặt giùm chị em con Hai ít buổi, mày cứ lơ lơ là sao?

Tôi bông phèng cho gọn:

– Sợ người ta nói: "Ăn hàng con gái, đái hàng bà già".

– Đứa nào bắt chước thằng Ba Thấn, mày chỉ tao trị cho tức thời.

Tôi cắm cúi gặt gấp để khỏi phải trả lời mẹ.

Ba Tâm với Út Hoà vẫn như sừng với đuôi, vừa gặt vừa cãi nhau đằng kia. Mẫn đi rảo thôn này qua thôn khác, gần trưa mới về xử kiện, kì cạch bó và xóc lúa cho các em, trông rất tội. Tôi muốn giúp lắm chứ, nhưng Mẫn sợ mang tiếng "lợi dụng bộ đội". Mẫn không quen nói dối, phải nhìn nơi khác và ấp úng rất thảm hại. Sau những phút ngây ngất dưới trăng ấy, Mẫn vụt đóng sập cửa sổ lại, chúng tôi chỉ còn nhìn thấy nhau qua lớp kính lạnh. Mẫn tránh gặp riêng tôi, tránh cả cặp mắt tôi dò hỏi. Mỗi khi bàn việc với nhau, Mẫn vẫn nói những lời dịu nhẹ nhưng không thân nữa, như bột ngọt gói sẵn trong túi nhựa trong, ai mua cũng được. Có lẽ mọi người xung quanh khó thấy chúng tôi đã xa nhau nhiều, còn xa thêm nữa. Cái khoảng cách bước lùi này giúp tôi tỉnh hơn. Tôi biết Mẫn không giận hờn gì, chỉ cố cưỡng lại những rung động của chính mình, nhưng tại sao? Để cho Mẫn đỡ phải lẩn mặt, chối quanh, tôi không đến nhà Mẫn, không căn vặn. Một con chim quý sảy khỏi bàn tay tôi, đang nhảy hót trên cây kia, có vậy thôi. Tôi chỉ thấy lạ và buồn một mình.

Chị S.22 được thư anh Tư Luân, đã chịu xếp hầm cho chị Tám với tôi ở hẳn trong ấp chiến lược từ tối mai. Về dưới ấy hẳn tôi nhớ Mẫn cồn cào và cũng nhẹ nhàng hơn, còn quên được Mẫn thì tôi chưa dám tin.

Mới cúi khom một lát tôi đã mỏi lưng. Từ giờ thứ hai, cái lưng sẽ dẻo ra, tôi quen vậy rồi. Dù sao cũng dễ hơn suốt lúa. Mới năm nào tôi còn đeo cái teo bằng tre đan như trống cà rùng trước bụng, hai tay chụp tuốt từng bông lúa, rẫy cho hạt rớt rào rào vào miệng teo xoè rộng, bốn ngón tay rộp lên, toé máu rồi chai dần. Vèo một cái, tôi đã gặt lúa ruộng và ăn cá biển, nếu ở xa Chu Lai chút nữa thì đã sớm sớm ra tắm nước mặn và phụ một tay kéo lưới. Cái ông thời gian đi như vậy đấy, còn ở trước mặt tôi ông nhích chậm như rùa, ngang tôi ông đi vừa phải, ra sau lưng tôi thì ba chân bốn cẳng ông chạy, khiến mỗi khi quay nhìn lại quãng đời đã qua tôi lại nổi một cơn sốt ruột, chưa chi đã béng mất xấp xỉ nửa số tuổi rồi, ông ơi là ông ơi!

Mẹ Sáu đến ôm lúa tôi cắt đem xếp trên bờ, hỏi chuyện dài dài:

– Sao nghe mày học tới ông tú mà biết gặt, Thiêm?

– Tú hu là con tu hú...

– Giỡn hoài. Mấy bữa nay mày xuống dưới đó, tự mắt mày thấy tụi Mỹ chưa?

– Dạ chưa, tụi nó đang nằm co ấp trứng, đợi nở hết mới dẫn bầy lên thăm bà con mình. Lần này con đụng toàn thứ Mỹ lẻ, Mỹ theo nguỵ, mỗi trận lượm vài đứa đầu gành cuối bãi.

– Chắc cũng một nòi thôi. Dạo trước tụi Mỹ lái xe lội nước ghé vô ấp luôn. Mỗi xe hai thằng mặc áo quần vẽ bông vẽ huê rằn rện, tao nghe nó nói với nhau trăm trăm cái miệng, xí lô xí là thiệt kỳ, hèn gì kêu lính Huê Kỳ, là chỉ cái áo với giọng nói của nó đó. Tư Luân nói mày chịu mở lớp dạy tiếng Mỹ rồi. Hễ dạy, tao cũng học với, học để chửi tụi nó cho đã nư, để mấy thằng thông ngôn nói lại thì trụi lủi hết. Thiêm nè, mày nhắm tụi Mỹ vô đất mình, nó chịu nổi không?

Tôi chưa kịp đáp, mẹ đã ôm lúa đi. Trở lại, mẹ tự trả lời chậm rãi:

– Để yên thì tụi nó ở ngon chớ. Hồi cụ Hồ chưa về, tụi sứ, cò, thương chánh, kiểm lâm, lục lộ, lê dương, tao thấy đứa nào cũng mập úc na úc núc. Mà mình đánh riết chắc nó bỏ Tư à. Tao để ý tụi Mỹ lái xe, trời nắng đổ lửa, xe nóng rờ đâu phỏng tay đó mà nó cứ ngồi lỳ chỗ lái, uống hết nước đóng chai thì chờ trực thăng chở thêm, tụi nguỵ đưa cơm nước tới nó không dám nếm chút xíu nào. Nó sợ anh em mình cắc bụp, sợ dân bỏ thuốc độc, sợ nguỵ làm phản, đủ trăm thứ sợ. Sau mấy thằng say nắng phải khiêng lên hát-u y tá. Hễ bay xúm vây xiết cái Châu Lai, tụi Mỹ rúc hầm ngộp thở, mươi bữa nửa tháng chắc nó nằm ngay cán cuốc hết trơn á.

Tôi cười, rất thích thú cái chiến thuật bao vây bức rút cỡ lớn của mẹ Sáu. Qua tiếng cắt lúa sồn sột, tôi kể một lô mặt mạnh của quân Mỹ để chọc mẹ cãi chơi. Mẹ hăng, phá bùa phép của Mỹ bay hết, còn chê tôi đánh giặc có sạn trong đầu mà nhát hơn con gái:

– Thì con Hai Mẫn bên nhà đó, vú nó to bằng trái dừa xiêm, đánh giặc phải quấn vải bó vú mới chạy được, mà nó coi thằng Mỹ nước non gì đâu...

Pi-pi-pì-pình!

Bầy pháo 105 khạc đạn cùng một lần. Sườn núi chúa phụt khói sáu chỗ. Mẹ Sáu hét các con xuống hầm, mẹ cũng chui vào một

hầm nổi trên bờ ruộng. Bà con chung quanh chạy xuống hầm táo tác, người ở xa thì nằm dài, kéo đệm rơm phủ kín thân. Tôi ngồi xổm bên một bậc cao, đợi đạn kêu rắc rắc đúng hướng sẽ nhào ép vào đấy. Loạt pháo thứ hai ầm ầm đánh xuống gò Trúc. Pháo Chu Lai cả. Xe xích kéo tám cây 105 vào Chu Lai sáng hôm qua. Tụi Mỹ rải đạn bậc thang, chuyển làn nhanh, kiểu bắn coi bộ du côn hơn ngụy nhiều. Loạt ba rơi trúng ruộng đã gặt. Loạt tư nổ trong xóm Đình, xóm của mẹ Sáu. Loạt năm lùi xuống gò Xoài bỏ hoang. Từ đó chúng nã nhích dần lên phía bắc, vẫn một nhịp bắn gấp, đạn rớt khá chụm

Tiếng la làng dội choi chói trong xóm Đình. Tôi mổ cái mẩu vằng xóc vào bờ ruộng, chạy về xóm. Không có khói cháy nhà, hú vía, gió to mà làng ngập rơm khô.

– Ối anh ơi, thằng Hoàn….

– Sao? Sao?

– Nát hết, bay vụn hết trơn!

Tôi phóng như điên. Thật không? Pháo 105 thôi mà. Tôi đã gánh cát đổ dầy một thước trên nóc hầm…

Cách miệng hầm mẹ Sáu mươi bước, những cây chuối nước[(1)] bị thổi giạt ra xung quanh như nan hoa bánh xe. Một hố lòng chảo nằm giữa. Ba bốn người đi quanh, cúi dòm kỹ. Một vết máu. Nhiều vết máu nhỏ, đất rơi lấp gần kín. Ai đó đã chặt trải hai tàu lá chuối, trên đó đặt một cánh tay bị xé ngang vai, khúc chân đứt từ gối trở xuống, tất cả đều trắng, bụ bẫm, đều sống nguyên, tươi rói, không thể chết

Hai chị em bày cỗ bên miệng hầm. Cháu Hoàn đút ổi cho chó con, bập bẹ dỗ mãi mà chó không chịu ăn ổi, lắc đầu miết. Cả ba vào hầm ngủ. Hoàn dậy trước, lũn cũn đi ra một mình. Cả ngày cháu không đòi không khóc, chỉ quấy khi mẹ về. Mẫn đến thăm con bao giờ cũng phải nín tiếng, đi rón rén tới sát bên lưng, bởi nghe giọng mẹ từ tít ngoài ngõ cháu đã vừa reo vừa sấp ngửa chạy ra đón. Có hôm ngã rách mặt, đổ máu mũi, cháu lồm cồm bò dậy, cứ chạy tiếp đến với mẹ, lúc ấy chỉ riêng cháu cười to, còn người lớn len lén lau mắt. Cháu hái bông chuối nước, cả một bụi rực rỡ những mảng đỏ

vàng chơi với cháu, bây giờ cũng nát vụn theo cháu, mỗi lá cờ con muốn đắp một miếng thịt, không nỡ rời.

Tôi sục khắp vườn tìm xác với bà con, chỉ lượm rất nhiều mảnh hoa chuối nước cầm tay, người tê dại đi. Tôi thèm được khóc hu hu như Út Hoà trong nhà kia. Hình như tôi hỏi đi hỏi lại:”Thằng nhỏ họ gì?”, không ai biết cả, và tôi cũng chẳng biết hỏi để chi. Anh Luân chợt nói to đâu đấy:

– Xoá hết dấu máu nghen, Hai Mẫn đi Nhơn Thọ sắp về rồi. Sửa soạn xuất quân!

Tôi tỉnh lại, bắt đầu đau nhức như máu rùng rùng chảy vào xăm mứt gừng trong thịt. Mẫn sẽ chịu cơn đau này sao đây?

Bà con gọi nhau ơi ới. Người từ ngoài đồng túa về đông chật những đường lót rơm. Những bộ mặt quen nhô ra cạnh tôi, đỏ và ướt mồ hôi, bật ra một vài câu rít răng hay quát tháo, lại biến vào cái nền áo trắng nón trắng loa loá.

– Đấu liền tay, mảnh pháo còn nóng nó mới khiếp!

– Hay để hôm sau, góp hai ba vụ ta đi một lần, ngày mùa bận rộn...

– Nam mô A di đà Phật! Thằng nhỏ như cục bột mà ra vầy!

– Xóm Đuồi đủ quân chưa đó hỡi?

– Mẹ cố tổ mày Mỹ ơi, mới bước vô đã ăn thịt thằng cháu!

– Đừng chửi lính nghen bà con, dồn hơi chửi Mỹ thả dàn, bắt chỉ huy ra coi xác.

– Thưa bà con cô bác, giữa trưa nắng nôi, lúa má còn bề bộn, đề nghị ta xuống vây địch dưới Lộc Chánh là vừa, đi An Tân hay Châu Lai xa quá, để lần khác. Bắt nó lập biên bản, ký tờ cam đoan, hễ nó đổ tội cho Mỹ thì vạch tội cướp nước bán nước như hôm kia, vụ bác Ba Nhiệm...

– Tập hợp! Tập hợợp!

– Ới bà Chín ơi, bồng con theo cho bú cũng được chớ!

– Xóm Giữa, ai mang dầu khuynh diệp bóp đòn đưa tay coi! Bông băng? Bình nước đủ không? Ủa, nó chặn giữa trảng nắng, chịu khát

nước khản cổ rồi hô khẩu hiệu như nói thầm à?

– Bỏ mảnh pháo lên xác... không, mảnh mới tinh kia, nó hay đổ cho du kích gài mìn trúng con nít...

– Rán trông giùm heo no con nín nghen ông!

Một tay ôm cái hòm gỗ đóng vội, nắp úp hờ, một tay phẩy cái quạt mo đuổi ruồi, chị Biền dẫn đầu cánh quân chống pháo xuống Lộc Chánh. Chị sẽ nhận cháu Hoàn là con. Ông thầy Mười chống gậy bên Út Hoà xách ấm nước nhôm, là ông nội và chị của đứa bé. Anh Luân đếm được ba trăm bốn mươi mốt người, vậy cũng vừa, gặt xong sẽ mở đợt toàn xã đi vây quận. Chồng chị Biền mới bị vợ gắt vì đóng hòm chậm, thu dọn các mảnh ván thừa, lầm bầm: “Lo hậu sự để dành cho cha già mẹ héo, chứ ai cưa ván quan tài sẵn cho con nít...”.

Tôi với Ba Tâm đào hố để cháu về sẽ chôn gấp. Nếu Mẫn tới đây, anh Luân sẽ bày tiệc kéo Mẫn đi nơi khác, không cho thấy những khúc chân tay nhầy nhụa máu. Tuy nhớ rõ cái hòm của cháu chỉ nhỏ bằng cái tiểu sành dời mả, tôi cứ xắn mãi những lát mai mở rộng miệng hố, bởi quen tay đào huyệt cho đồng đội mãi rồi, bởi tôi biết mà không thể tin rằng cái hộp đựng búp bê ấy đủ sức chứa một con người hẳn hoi, mới sáng nay còn chơi trò mít rụng trên bụng tôi và cười lanh lảnh

Mé Lộc Chánh, trung liên nổ sáu bảy loạt ngắn, nòng chõ lên làng Cá nghe pình pình choác choác. Ba bốn tiếng nổ đầu nòng cối 60 giống tiếng súng săn ca-líp 12, đạn nổ gần mà chỉ bộp bộp như vập thúng, vẫn cái trò bắn doạ bằng đạn khói hai bên cánh quân áo trắng. Tôi cứ đào mãi, đào mãi. Họng pháo hạm đội 7 to lắm, còn bom thả cao xuyên sâu, còn rốc-két dùi công sự, tôi không muốn cháu tôi bị xé thêm một lần. Tiếng hô dội xa đả đảo nhịp ba chỉ còn “ảo, ảo, ảo”. Anh Luân từ bìa xóm tập tễnh về, báo tin bà con đã vô ấp được hết, ổn rồi. Lát sau, út Liềm mượn xe đạp lên cho biết dân Lộc Chánh cũng ùa ra đình, đem xôi và nước tiếp tế, vừa giằng lại mấy người bị địch bắt đánh.

Xế trưa, quân chính trị kéo về râm ran các ngõ xóm. Giết trẻ con là cái tội ác mà quỷ sứ hiện hình cũng không cãi nổi. Lính ngụy bủn

rủn tay chân hết. Tên đại uý chịu ký cam đoan “can thiệp với quân đội đồng minh” chống pháo, tạm thời bồi thường mười ngàn. Thằng Chinh con trốn đâu không thấy, hắn biết bà con nổi xung dám nhào tới đánh chết hắn mà chưa chắc tụi lính đã động ngón tay can giùm.

Tôi nâng cái hộp gỗ đặt xuống lòng hố, kính cẩn và gượng nhẹ, khác với sáng nay vật cháu ra thổi rốn phù phụp. Cháu vừa dẫn đầu quân ta đánh thắng một trận đấy. Bà con và du kích sẽ nhắc tên cháu mỗi khi xáp địch. Có thể nhiều năm nữa vẫn còn những lính ngụy nhớ tới cháu mà vác súng sang ta. Thôi, vĩnh biệt người đồng đội hai tuổi...

Tôi thèm được thơm cháu lần cuối trên cặp má còn lành, nhưng nắp hòm đã đóng đinh, tôi cúi hôn mặt ván

Tôi chỉ dịu đau từ khi nhớ cháu như nhớ các bạn chiến đấu nối nhau ngã bên tôi. Mỗi người đều thanh thản nhận lấy sự hi sinh cuối cùng, tôi cũng thế, tôi muốn tin cháu Hoàn cũng thế. Chúng tôi chẳng mấy khi nhắc đến cái chết, không phải vì kiêng kỵ, sợ nó ám ảnh hay ngại bị đánh giá thấp như đôi người tưởng lầm, mà chỉ vì quá quen nhảy qua đầu cái chết để giành và giữ sự sống chung, sự sống ấy cuốn hút tất cả suy nghĩ và cảm xúc của người lính. Tôi đã trải qua rất nhiều cuộc chia tay, khi người sắp chết cố cười giỡn một câu khoá sổ, khi người sống sẵn sàng đổi chỗ cho bạn và lớn vọt lên trong nỗi đau thiêng của cuộc bàn giao nghiệp lớn. Cháu nghỉ yên nhé, cháu Hoàn rất yêu của chú, chúng ta rời nhau như hai đồng chí...

Anh Luân đến bên miệng hố, giục:

–Lẹ lẹ chút, lỡ Hai Mẫn về, tội nó lão à.

Anh nói đúng, Mẫn không nên nghe xẻng đất đầu tiên rơi bộp bộp xuống hòm, nhói vào người như hai nắm tay nhỏ đấm vào nắp gỗ đòi ra. Khoan về đã em, đừng xem anh đứng trên lớp đất mà dẫm, em sẽ không thở được khi nghĩ đến đứa con nằm dưới. Trong cơn bão lớn nhất của trái đất ngày nay, một con chim mới nở bị giằng khỏi xác mẹ, theo gió lốc cuốn mãi tới đây rơi vào tay em, trần trụi, thoi thóp. Em góp chung tình yêu của em và hai người mẹ nữa để thương con gấp ba. Giặc Mỹ đuổi theo giết nốt đứa bé. Mới vào Chu

Lai vài hôm, chúng đã xé con em ra nhắm rượu khai vị, mở đầu cho bữa tiệc bắn đâm đốt hiếp cuồng loạn trong nhiều năm tới. Nên khóc một chút cho nhẹ đi em, sau đó hãy tỉnh và nhớ nhiều, nhớ mãi, cho oán thù thấm hẳn vào da thịt, cho đến khi bàn tay em xóc lê vào ngực Mỹ cứ tự nó quen vặn xoáy cây súng thêm một phần tư vòng tròn nữa, bắt cái lưỡi lê các-bin hình dao găm của Mỹ rạch nát tim chủ cũ của nó trước khi chân em đạp cái xác sang bên.

* * *

Tin sang Nhơn Thọ, Chín Cang để tới chiều mới báo cho Mẫn. Mẫn chỉ thừ ra một lúc và lau đôi mắt khô, đi với Cang về Nhơn Ái. Sau khi thắp hương lên mả con nuôi, Mẫn xé vải trắng ghim gần cổ áo, thu dọn đồ chơi và áo quần của cháu Hoàn gói vào tấm nhựa. Thấy Út Hoa sụt sịt mãi, Mẫn dỗ, bị em gắt: “Em bồng nó miết em thương, chị có ở với nó đâu...”

Mẫn không đáp. Mẫn đi soát các bãi chông mới, rẽ luôn ra đồng bó lúa gánh về, đôi lúc còn cười đùa trông rất tỉnh, chỉ thỉnh thoảng hơi đãng trí.

Tôi chong đèn đọc một số tư liệu về quân Mỹ mới nhận được, có nhiều chi tiết còn chừa trống hoặc kèm dấu hỏi trong ngoặc đơn, dành cho các phái viên tìm thêm. Đến nửa đêm, tôi còn nghe tiếng cọt kẹt đưa võng phía bên kia hàng rào: Mẫn thường ngủ trên chiếc võng gai cũ cho mát, hôm nào về không quá khuya thì Mẫn đón con sang nằm chung, cười rúc rích với nhau rõ lâu. Mẹ Sáu đánh thức mấy đứa nhỏ dậy đi đái, nhắc tôi: Ông Luân tưởng dễ. Tao ở với con Hai từ hồi nó lọt lòng, tao biết, như bom nổ chậm... Tôi liếc xuống tập giấy in rô-nê-ô có vẽ các kiểu bom Mỹ, băn khoăn một phút, lại chúi mũi đọc tiếp. Mẫn không thích tôi đến nhà, hẳn rất khó chịu nếu giờ này tôi vác xác tới thăm.

Sáng hôm sau, tôi nghỉ gặt, ở nhà viết báo cáo hàng tuần để gửi về H.68 trước khi xuống vùng biển ở hầm. Pháo Chu Lai bắn dồn về phía Quảng Ngãi, nổ đi rất to, nổ lại chỉ văng vẳng. Du kích trong ấy đánh hăng lắm, bắt đầu bắn tỉa tụi Mỹ rồi. Sân bay Chu Lai thè cái lưỡi bê-tông dài dần vào vùng đông của huyện Bình Sơn, chắc phản

lực sắp đậu xuống đây thôi, không sạt thẳng ra tàu mẹ nữa. Từ mai tôi sẽ xem Mỹ tận mắt, rõ hơn thứ ra-đa mắt thần của tụi nó nhiều.

Anh Điển viết thư cho tôi, vẫn ngắn, cộc và thẳng ruột ngựa.

Các báo cáo của cậu đều có chất, tốt. Cậu đùng đoàng với du kích Cu-ba bấy nhiêu thôi, chuyển qua đối tượng mới được rồi. Sửa soạn trả lời hai câu hỏi trong kỳ họp sắp tới:

1. Chủ lực ta đánh Mỹ, đủ sức một diệt một gọn không?

2. Làng chiến đấu Mỹ bước một đủ sức chống cơ giới Mỹ không? Phải đạt mức thấp nhứt ra sao mới chống nổi?

Mình bận đi phía bắc, chưa về chỗ cậu được, sẽ về. Trên đang nhắm lập các khu vành đai diệt Mỹ, đáp lại kế hoạch vành đai trắng của địch. Chịu khó cụ thể và cụ thể nghe Thiêm. Đừng rời con mắt người lính chiến khi coi Mỹ, để sắp tới nắm bộ đội đánh Mỹ cậu khỏi lớ ngớ, và giúp anh em khác khỏi lớ ngớ. Có đồng chí đi Đà Nẵng hai tháng, gửi về cho mình mười bảy trang nhận định về bản chất đế quốc Mỹ và quân đội Mỹ, mình trả lời: tôi vẫn nghe đài và đọc tin rất đều, nhưng tôi cần biết K50 ở cự ly bao nhiêu thì xuyên thủng áo giáp Mỹ, tháo mìn định hướng Cờ-lê-mo cách nào an toàn nhứt! Số người đi ngắm cảnh đã đủ rồi, xin đồng chí làm đúng vai trò của người đi tìm mỏ, cặm cụi khoan từng lỗ đất...

Càng quen lâu, tôi càng thích và trọng anh Điển. Dạo mới về, học trường cán bộ trung đội, hầu hết đám trẻ chúng tôi đều gớm ông thủ trưởng hay bẻ ngược vặn xuôi này, dần dà mới quý anh hơn hết. Ở đấy còn có anh Dần hiền như ông Phật, hay nói “Thôi để anh em tự giác”, chúng tôi mến nhưng biết anh dễ làm chúng tôi hư. Đối với anh Luyến, sau vài tuần chúng tôi đã phê thật tình là quan liêu. Anh chỉ biết chúng tôi qua bản sơ yếu lí lịch, theo dõi chúng tôi trong các cuộc hội báo. Mỗi khi đến làm thân với học viên thì tay anh vỗ vai, miệng anh hỏi: “Khoẻ không?” nhưng mắt đã nhìn đi nơi khác và chân dợm bước đi. Đến cuối khoá, mỗi anh sửa tật cũ đi một phần, nhưng mỗi người rời trường đều biết rằng vốn liếng mang theo là do anh Điển bù trì cho phần lớn. Lần này làm việc với anh, tôi có cái thú của người học trò nắm vững bài gặp ông thầy ham truy. Anh vẫn hà

tiện lời khen, nhưng qua những lá thư dặn dò, tôi đọc thấy niềm tự hào mà anh cố giấu.

Tôi viết và vẽ đến trưa, ngoáy thêm một lá thư gửi xê mình nữa. Ba Tơ vừa viết cho tôi, ấy là sự lạ, quanh năm anh chẳng viết thư. Anh nói bóng rằng xê mình đang ăn tập ở vùng bờ biển Đức Phổ, rất nhớ thầy Thiêm. Đọc những dòng chữ to kềnh càng và đầy lỗi chính tả, tôi bồi hồi mất một lúc, trách mình bạc bẽo với anh em. Hàng trăm lần tôi đã ân hận vì có mới nới cũ như vậy, rốt cuộc tôi vẫn hùng hục lao vào cái mới mà ít có thì giờ nghĩ đến cái cũ.

Ba Tâm đợi mang báo cáo về H.68, đang ngáy đẫy trên tấm võng gai mà Mẫn hay nằm. Căn lều rỗng nay có cái chõng tre mới: một chị ghé vào thăm cháu Hoàn hôm qua đã đùng đùng về vác cái chõng của chồng vừa đóng, đến ép Mẫn phải nhận. “Không gì mày cũng là cán bộ xã, khách tứ xứ đến nhà mày phải rút dép lót đít ngồi, xấu cả mặt bà con!”. Tôi lay Ba Tâm. Chú bật dậy, dụi mắt, rút cuốn sổ giao công văn, ghi ngày giờ và bắt tôi ký đàng hoàng, xong xốc bao đi ngay. Chú đoán Mỹ sắp càn, tính đi nhanh về gấp để khỏi hụt một chầu đánh Mỹ.

Cái dáng lòng khòng của Tâm vừa khuất sau rào, Mẫn và Hoà đã bước vào đầu ngõ, mỗi cô gánh hai trái mít già xóc vào khúc cây nhọn hai đầu. Chị em cười với nhau khúc khích. Thấy tôi đứng đợi trên thềm – cái nền nhà cũ rộng gấp đôi căn lều dựng lại - Mẫn tạnh cười ngay. Sao mà mặt lạnh với nhau quá vậy? Tôi khó chịu, bước xuống sân, định về, lại dừng. Anh Luân và mẹ Sáu đều nhờ tôi trông chừng Mẫn. Một tiếng nói nào đó bên trong cũng thầm thì nhắc rằng Mẫn tránh tôi nhưng rất cần tôi đến giữa đám tang mới này.

Làng Cá nhiều vườn mít. Giờ nghỉ trưa tránh cái nắng cháy lưng, các bà các chị hay vác sào liêm đi dạo vườn, dỗ con trai hay em trai đi theo. Cái ná cao su của nó bắn bậy bị la hoài, bây giờ lại được việc: bắn thử những trái mít trên cao, “bịch” là chín, “cốc” là già, chỉ cần đưa sào liêm lên ngoặc đứt cuống. Bà con ít để mít chín. Trái vừa già đã lấy về lột lấy múi phơi khô, hột mít luộc chẻ đôi cũng phơi khô, để dành cả bồ ghế cơm suốt năm, ngon hơn khoai sắn. Còn lại sơ mít đem xào hay nấu canh, lớp vỏ ngoài băm nấu cho heo, không bỏ chút gì. Tôi ở Bình Định ưa khoe cây dừa, anh Ba Tơ ca

ngợi cây mía Quảng Ngãi, còn anh Luân cả quyết cây mít phải được xếp hàng đầu. “Lão coi đó, gỗ thiệt tốt nè, trái ăn chín được mà trừ cơm cũng được nè, khỏi chăm bón rào giậu gì hết, heo rừng đi bầy cũng đứng dưới ngó lên thôi. Cây là cây chiến lược đó lão!” Tôi thấy anh có lý.

Út Hoà ngả cái nia lót lá chuối, giơ cao con dao chuối rộng bản, chém xuống trái mít. Cắc! Hoà kêu một tiếng, rút vội con dao, lưỡi dao mỏng bị mẻ một miếng to. Hoà lăn trái mít cắt tròn nhè nhẹ, lấy ra một mảnh pháo bằng hai đốt ngón tay nằm lún khá sâu. Thứ đó khắp xóm rờ đâu cũng đụng, găm trên cột kèo, rạch bàn, đục cửa, nhưng cái mảnh này chưa bị gỉ, những cạnh sắc còn nổi vệt khói sạm và vân xanh lấp lánh. Mẫn đang quạt bỗng ngừng tay, đăm đăm nhìn khúc sắt lởm chởm, mặt sầm lại. Tôi nhặt nó, nhét luôn vào lỗ chuột bên chân cột, nói vui:

–Trúng trái mít chín chắc anh mẻ răng Út ơi, ăn tham quá mà. Sao không kiếm ít múi ngọt về mời khách?

Út Hoà chỉ ngón tay qua vai, cười:

–Khách khứa gì anh... Chỗ giáp rào có trái chín, đâu trên cao, em thấy thơm lắm mà dơi bay hoài. Anh Ba bỏ quên cái ná kia, anh bắn thử cho chị Hai hái. Cây đó mít mật ngon nhứt, để chín ăn chơi chứ không xắt khô.

Tôi bắn ná cao su tồi, thử trái này, trúng trái khác, có viên trúng cây bật lại suýt vào đầu. Rồi cũng tìm được trái chín. Đến lúc ấy Mẫn mới lặng lẽ vác xào ra vườn, giật trái mít rơi xuống, nó nẻ đôi và bốc thơm lựng. Tôi bước tới định bưng, thấy Mẫn đứng sững, nhìn xuống.

Tôi ngó theo, lạnh người.

Nằm nghiêng trên búi cỏ là một vật gì như mảng gáo dừa bằng ba ngón tay, có nhiều sợi tơ đen và mịn, trong lòng còn dính cơm dừa nạo không hết, màu trắng lẫn nâu. Mảng sọ của cháu Hoàn. Chúng tôi tìm mãi không thấy, thì ra nó văng lên cây, vừa rơi xuống.

Mẫn cứ đứng mãi thế, cổ rướn tới, mắt mở to dần đến tròn xoe trên da mặt bết máu, ngực hổn hển hơi cúi, tay phải đưa dần ra sau, quờ quờ tìm cái gì đấy không đụng. Mẫn nhếch mép mấy lần như

muốn cười, như cố nén cười. Tôi bứt vội cái lá ráy gần nhất, úp che miếng xương. Một tiếng rú bật lên. Không phải tiếng người, họng người không rú được thế. Mẫn chạy vào nhà, vồ cây cạc-bin trên chõng, lên đạn, nhào ra ngõ. Tôi phóng qua vườn đón đầu, tới cổng vừa kịp túm cánh tay Mẫn, giữ lại. Mẫn mất đà lạng người, ngã quỵ một chân chồm lên, co tay thúc báng súng vào ngực tôi. Tôi né lùi được một ít, vẫn tức điếng. Mẫn hộc trong cổ: "Buông!" Lơ mơ là ăn đạn. Phải làm dữ. Tôi xuống tấn, tay trái chụp nòng súng đẩy lên trời, tay phải nắm cổ Mẫn xô rất mạnh ra sau, tay trái đấm móc quai hàm. Mẫn ngã nghiêng xuống đường, mất súng.

Tôi trừng mắt nhìn Mẫn, rít qua kẽ răng:

–Vô nhà lập tức! Mau!

Út Hoà sụt sịt dìu chị vào. May sao không ai qua ngõ trong phút đánh vật. Mẫn bước nặng nhọc, mắt dài dại nhìn quanh, hai tay níu đuôi tóc thả trước ngực như tự nắm tóc giữ mình lại.

Thấy tôi cầm cạc-bin rẽ sang nhà mẹ Sáu, Út Hoà chạy theo mếu máo:

–Em lạy anh, ở với chị Hai một lát, em hết hồn hết vía đây nè. Để đó em chôn, em sợ chị hơn…

Cũng phải. Tôi bảo Út Hoà xin mẹ Sáu cái vịm nhỏ bằng sành, đào đất chôn mảnh sọ cạnh bên mả ngay đi, rồi vào với Mẫn. Mẫn ngồi trên võng, thở dốc. Đôi mắt đờ đẫn ngước lên, vụt sáng, quá sáng nữa, tôi đọc thấy một nỗi mừng lớn pha nhiều sợ hãi. Võng của Mẫn treo thấp tránh pháo đêm. Tôi đặt cái đòn gỗ trên trái mít, ngồi xuống bên Mẫn. Mặt Mẫn dần dần hồng lại.

– Em…

Tiếng gọi dịu dàng bật ra tuy tôi không muốn. Một keo cự tuyệt, một tuần lẩn mặt đã quá đủ rồi. Chao ôi, sao tôi không được chia cơn đau này với Mẫn như người yêu an ủi nhau…Mẫn nhìn xuống chân, lại nhìn tôi, ánh mắt khắc khoải.

–Tối nay anh xuống ở chỗ chị Tám… xóm chị S.22…lâu lâu anh mới lên trên này một lần. Em hiểu không?

–Dạ.

Mẫn cúi đầu, gật nhanh, tỏ vẻ mình rất tỉnh và biết lỗi.

– Anh lo cho em lắm. Anh… anh thương em lắm. Đừng làm như hồi nãy, anh buồn. Em thôi luôn nghen? Em ừ đi cho anh yên bụng.

– Dạ, dạ…em thôi…

Mẫn úp mặt trên đầu gối, bắt đầu nấc nhẹ, rồi khóc rung người, nức nở. Khối đau sưng tấy đã vỡ. Tôi ra sân đón mẹ Sáu với bà con trong xóm đến thăm, khuyên để Mẫn khóc một lát. Khi tôi quay vào, Mẫn đã nằm ngủ thiếp trên võng, tóc rủ chạm đất, ép một bên má trong lòng bàn tay kê, đôi mày dãn ra cong đều trên mí mắt dày đỏ, nét mặt hiền như em gái nhỏ được mẹ quạt cho ngủ. Tôi xem lại cây cạc-bin, chợt thấy thương quá: Mẫn còn nhớ khoá chốt an toàn trong khi tôi đuổi theo giật súng. Thế nhưng lát nữa thức dậy, Mẫn sẽ ngoảnh mặt nơi khác, kiếm cớ mời tôi về nhà mẹ Sáu. Không đợi Mẫn xua, tôi giao súng cho Út Hoà, ra về ngay, cồn cào yêu và giận đến nghẹn thở.

Chú thích:

(1) Dong riềng

Chương 17

Bà “dì” đánh tiếng thật to:

– Con Tám lên vá lưới coi nhà, dì ra bến đây. Cha, ngó đi ngó lại xế mất, khoai củ chưa ra sao hết, động trời là treo niêu đó cháu.

Vẫn ngồi đun bếp, chị Tám Giàu nói với lên:

– Mấy giờ mà dì đi đón cá?

– Hai giờ kém.

Tôi nín cười, bứt một mẩu lá dừa nước trên mái thả rơi xuống phản, báo rằng tôi vẫn còn thức, không cần gọi. Bà dì S.26 cười nhỏ, quảy đôi quang gánh lên vai, len giữa những nong khoai xắt phơi trắng lốp như bạc đầm xoè, ra ngõ.

Chị Tám đóng vai cháu về thăm dì rất ngon. Chị đàng hoàng ngồi lên đầu chõng, thay dì vá tấm lưới cước treo túm lưng cột. Áo ni-lông hồng mỏng thấy rõ cái coóc-xê viền rua bên trong, quần lụa ba biên ống chật, dây chuyền vàng tây có mặt chữ vạn đeo cổ, dầu thơm láng tóc và nước hoa rẻ tiền thoang thoảng, trông chị rất giống một cô thợ may hay chị hàng xén ở chợ quận, quen chưng diện để làm đỏm, câu khách và quảng cáo hàng, mặt nào cũng lợi. Hôm nào vắng đại đội biệt kích quân có mấy đứa quen mặt, chị theo dì ra bến đợi ghe cá của “dượng” về, coi tàu Mỹ cập bến quân sự dưới kia, đếm xe pháo, mau Ru-by mời mấy thằng sĩ quan hải thuyền hút, lài rài hỏi đủ thứ chuyện.

Chị Tám thoải mái bao nhiêu, tôi cực bấy nhiêu. Kiếp trâu trắng mà. Tôi nằm trên lớp giàn ván kê sát mái, suốt ngày mồ hôi đầm đầm ướt chiếu, phẩy cái quạt mo cũng phải rất nhẹ tay. Ngủ cấm ngáy. Đái vào ống sữa bột Ghi-gô, cấm ra tiếng. Ho, khịt mũi, hắt hơi, cựa mình, cấm hết. Bị nhốt cả ngày trên cái chuồng chim này, tôi tự an ủi rằng dù sao cũng dễ chịu hơn nằm dưới hầm chim, nhất là được việc hơn nhiều: không trông thấy bến, nhưng tôi có thể xem

rất rõ con đường ô tô chạy vào sân bay và cả khu Bắc của căn cứ Chu Lai.

Mỗi ngày hai lượt, chị Tám đóng cửa nhà trên cho tôi ngồi dậy ăn cơm, nhưng hễ chạm chén đũa một cái là tôi lại nghe kêu: “Mèo lục tra cá hay sao á!”. Chị rất thạo đặt tên cho mỗi kiểu khua ồn vô ý của tôi để phân bua với những ai tình cờ nghe lọt. Tùy theo tiếng động, tôi biến thành con mèo, con chuột, con chồn bắt gà, con gà mắc đẻ tìm ổ không ra, đủ thứ. Đôi lần tôi được coi gần bằng con người: làm rớt chén là con nít láu táu, hu sù sụ thì đúng là con bệnh cảm gió chẳng sai. Chỉ khi đêm đến, tôi lập cập “xuống thang” bằng cặp chân tê, vặn người, đấm đá một hồi cho dãn gân, mới được phục hồi là anh Tư nghe rất mát tai.

Tôi ghi sổ tay những gì lượm được về lính thuỷ đánh bộ Mỹ. Tôi góp nhặt đủ thứ như một con ác là táy máy, nắm sấp trên cao này cũng hệt như mọt con ác là trên tổ. Khi tay và vai trái đỡ ngực đã mỏi, tôi lật ngửa ra đọc báo, ngủ chập chờn, mở mắt và lại đếm đòn tay. Những đòn tay tre đón ánh sáng từ dưới hắt lên qua kẽ hở giữa mái và vách đất, hiện ra trên xám dưới trắng. Má tôi hay rầy con: “Ăn no, nằm đếm đòn tay cho tiêu cơm hả Thiêm?”, hẳn khó đoán hôm nay con má đang chơi lại cái trò ấy giữa rốn quân Mỹ.

Đài quan sát của tôi cũng lắm khách ra dáng. Mấy chú chuột quen đường chạy xộc tới đụng tôi, hoảng hồn nẩy ngược lại, chít một tiếng, có con chùm bốn chân rớt xuống đất. Đến thăm ung dung nhất chỉ có cô rắn rồng. Đang đọc báo, duỗi tay sang bên, chạm phải một khúc gì mềm và lạnh, tôi giật mình không kém lũ chuột khi húc người. Có lúc cô ta nhô cao đầu bên hông tôi, giương cặp mắt tò mò ngắm tôi rất kỹ, tôi nghển cổ nhìn lại thì cô lảng, trườn xa. Má tôi dặn gặp rắn rồng đừng ngó lâu, nó mắc cỡ trốn mất, để nó săn chuột cho mình, ổ chuột trong đáy ống tre thì mèo thua mà rắn bắt được hết. Cô này cũng mắc cỡ nhưng không lâu. Chợp đi một lát, mở mắt, tôi lại thấy một khúc ruột chuối trắng lốp vắt chéo giữa hai đòn tay, cách mặt tôi chừng vài gang. Hẵng cứ tạm vơ vào, coi như cô Bạch xà nương này muốn kết thân với tôi đi, nhưng có thể cô đòi chỗ ở bị tôi chiếm, hay coi tôi là một con chuột to, biết đâu. Môn xem tướng của tôi bị trượt một keo nặng rồi, hết thiêng. Tưởng đã hiểu

Mẫn đến tim đen tim đỏ, độp một cái, tôi bị cô em lót lá dắt tay mời ra cửa rất êm, từ nay tôi chỉ dám tự tin khi đoán tính nết thằng Mỹ. Tôi cố tránh nghĩ đến Mẫn. Vai trò anh con trai bị đá không có gì hấp dẫn.

Tiếng xe từ cảng lên bắt đầu rền to. Tôi chống tay ngồi dậy thật êm, nhưng giàn ván vẫn nghiến kin kít, chị Tám ở dưới vội than phiền nhà bị mọt ăn nát hết, chưa gió đã lung lay. Giá chị có phép gì cho tôi nhỏ bằng con mọt để nằm trên bàn tổng Giôn… Tôi vạch tấm lá dừa nước, nhìn qua khoảng trống dưới đầu mái có cái tên lạ là "khu đĩ".

Một đoàn xe Mỹ vừa đổ bộ đang chạy trên con đường lớn rải đá, ngoài rào ấp chiến lược. Những đống sắt lắm hình kỳ quặc, mấu cần gai dây chằng chịt đầy mình, rù rù rột rột rảng rảng, diễu qua mãi đến sốt ruột. Cao nhất là xe cần trục rướn cái cổ cò tới trước, kềnh càng như toa xe lửa là xe trộn bê tông với những cái tĩnh sắt to bằng bồ lúa. Lô-cốt dã chiến đúc sẵn nằm chè bè trên những xe mười bánh. Đợt này toàn xe công binh, có lẽ là tụi Ong biển[(1)]vào mở rộng sân bay và xây thêm công sự. Đám lính được xơ múi gì không chưa rõ, nhưng các ngài sĩ quan thì phải ở nhà hầm bằng "chất cứng", đủ điện, nước, máy điều hoà không khí, mới có sức mà đánh nhau được chứ.

Hết xe lớn. Đến sáu chiếc xe vịt[(2)]đắp một lớp bụi rất dày ở phần dưới thân, chắc ướt vì từ tàu biển bơi thẳng vào, đầy những nửa mặt đỏ lừ dưới mũ sắt. Hai xe bọc sắt khoá hậu. Tất cả bám nhau cà rịch cà tang, kéo một đuôi bụi xù dài như đuôi chồn, chạy về phía sân bay trong xa kia, nơi có cái ống gió bập bềnh trên trụ cao như vỏ sâu kèn rỗng còn mắc sợi tơ treo vào cành. Cái ổ Mỹ nhung nhúc trong ấy đang phình lên rất nhanh.

Những mảng mặt trời loé trắng trên thép xanh lá đã biến hết, tiếng xe tắt, chỉ còn cặp tàu rà đảo mãi như chuồn chuồn bị buộc chỉ sau đuôi. Tôi đếm các cụm lều vây bao cát của quân gác đường, xem lại các đỉnh đồi gần xa đã thuộc nét, thoáng nổi cáu. Mẹ cha nó, giữ đường như giữ mả tổ, nổ mìn trên quãng này không dễ. Thôi

được, ngày khó đánh đã có đêm, quả đất còn xoay là Vi-xi còn đem bánh tét bánh hộc[(3)] vào tăng Mỹ.

Tôi với chồng báo Sài gòn gối đầu, định đọc tiếp các bài về "quân đội đồng minh", bỗng nghe tiếng đàn bà chửi ré lên, rất tục, tiếp giọng đàn ông lè nhè. Lại lính nốc say quịt tiền. Tôi buông tờ báo, ghé mắt vào kẽ lá, xem một lần nữa cái cảnh đã quen thấy nhiều lần trong năm nhưng chối mắt. Đằng cuối xóm có bốn cái nhà lá phải trông chừng, ở đấy có năm sáu ả là vợ lính kiêm gái đĩ kiêm chỉ điểm kiêm chủ quán, một hạng người bám tụi ngụy kiếm sống như hàu bám ghe biển, nay đang tập uốn lưỡi nói tiếng oeo được coi như văn minh hơn tiếng ô-kê. Chị S.22 đã nắm một người trong số đó, lấy hộ chúng tôi được nhiều tin quí. Lúc này, hai ả đang co kéo một trung sĩ ngụy say mèm, lột xong cái đồng hồ mới thả cho hắn đi. Các bà gánh cá trông thấy hắn từ xa đã tạt vào trong ngõ, né tên cướp ngày. Rồi con đường chật men rào ấp lại vắng tanh.

Cái ấp chiến lược sát cửa sông này còn nguyên, một của hiếm trong năm 65. Nó là một kiểu làng nửa giả nửa thật, như bộ mặt người soi xuống nước xao. Cũng còn sót những rặng dương nhỏ ven con đường đắp đất thịt đè trên cát, năm ba cây dừa cây bàng che bóng trên miếu gạch cũ, một cái cầu gỗ cong lưng chở nhiều nỗi nhớ, nó chưa mất hết. Nhưng nó không phải làng quê ta nữa. Nhiều lớp rào lông nhím và kẽm gai bao kín nó cả ngoài lẫn trong, khoanh riêng từng cụm nhà, cắt nghiến những lối vắng hẹn hò, đi tới đâu cũng mắc những tuyến một, tuyến hai, điểm tựa, bốt gác, chòi canh. Một cơn động đất nào đã để lại trên mình nó không biết bao nhiêu đường nứt nẻ được gọi là chiến hào, thông hào, mương chông. Mấy khoảng đất còn lại biến thành bãi nấm với vô số lều tôn lều rạ xô đẩy nhau chiếm chỗ. Nhà chẳng ra nhà, không nền, không sân, không ngõ, chỉ khác lều chợ ở chỗ có phên che qua loa. Chó từ cửa này đái vót tới hè kia, người ngồi ỉa trước mắt nhau, cả nhà cùng tắm một thùng nước giếng vừa giành được bằng trận đòn gánh, trẻ con giãy nảy không ăn được thứ gạo xám và nhão nhoẹt của Mỹ phát mà bọn tề gọi là gạo lúa miêu… Không phải làng quê nữa đâu, những Côn Đảo thu nhỏ có đủ chúa ngục với cạp rằng cưỡi trên lưng mấy ngàn dân bị tù không án. Sau ngày Diệm đổ, cái làng dị

hình dị tướng này được đổi gọi là “ấp tân sanh”, và sự mỉa mai được nhân đôi. Bà con vùng này tởm đến mức không chịu gọi làng là ấp nữa, làng của ta, ấp của giặc, như huyện với quận đấy thôi.

Kể cũng buồn cười, chính cái ấp này đã buộc chị S.22 phải phá cữ, vất lá xanh[(4)]cho chị Tám với tôi vào ở, tuy chúng tôi chưa có dịp trổ tài chịu đòn cho chị xem. Sau khi xin lỗi đã ngờ chúng tôi, chị gạ ngay: “Hễ các anh nổ to, ở đây tôi cho cháy lớn, ừ nghen?”. Còn phải nói!

Dì S.26 gánh cá về, thì thào với chị Tám một lát. Chị gài cửa, bắc ghế lên trên phản, nhô đầu lên giàn ván:

– Mỹ nó chào cách sao quên rồi, anh?

– À… cứ hê-lô cho gọn.

– Chiều nay, Mỹ bắt đầu tuần đường. Không chừng vô ấp nữa. Đám biệt kích quân bị đẩy lên trên đường Một hết rồi, tụi nó sợ lưng tim lưng mật, vợ con ở nhà cúng vái lu bù.

– Vậy chị thơ rồi, tôi còi miết!

Chị toét miệng cười, rất trẻ, bước xuống dẹp ghế. Tôi đã tập mô tê răng rứa chừ theo xứ Quảng, đang bắt chước những tiếng hay hay, thơ là dễ chịu, còi là khổ cực chẳng hạn. Út Hoà nghe tôi nói cứ cười rũ, gọi réo: “Anh Tư Bình ịnh, thấy ịch ở âu không”.

Tôi rút cây súng ngắn P.38 đã lên đạn khoá cò ra khỏi bao, nhét trần nó vào thắt lưng, ép trên bụng, nằm ngửa đọc báo, thỉnh thoảng liếc qua kẽ lá xem con đường. Nếu một thằng Mỹ ló cổ lên đây, nó sẽ lộn đầu chết ngay. Lập tức chị Tám tung lựu đạn vào bọn ở dưới, ngoài ngõ cũng nổ, cơ sở trong ấp đã xếp đường sẵn cho chúng tôi chạy đến chỗ núp, đợi tối, bà dì S.26 sẽ thoát theo 2 chúng tôi, bỏ nhà đi cho chúng nó đốt. Chị S.22 sắp xếp đã cao tay lắm... Tôi lật báo rất êm. Cả quân đội Mỹ mắc cái bệnh dịch quảng cáo của xã hội Hoa-kỳ. Này là súng cầm tay bắn đạn nguyên tử nhỏ xíu, mỗi phát diệt một trung đoàn địch. Này là kính đeo ban đêm thấy sáng như ban ngày, là ra-đa xách tay phân biệt được đàn ông với đàn bà đi cách ba cây số. Nói láo không sách. À, vô số những rao vặt Help wanted[(5)]bằng tiếng Anh, chúng mộ thông dịch viên, đả tự viên[(6)],

chiêu đãi viên, tất cả đều phải biết tiếng Anh. Kèm theo đấy là một bài thơ mỉa đời cay cú:

Xếp chữ ta vào, học chữ Anh

Theo thời, thôi cốt kiếm tiền nhanh...

Bếp bồi Tây với thông dịch Mỹ đều sướng hơn anh ký còm, và anh thở dài đánh sượt khi đầu hàng đồng đô-la:

Khẳng khái còn đâu đến thứ mình!

Có tiếng lộp bộp dưới bếp. Cửa hông bị xô mạnh. Nhiều chân đi giày đinh bước lên nhà trên. Tôi rút súng, nhè nhẹ nghiêng đầu, mặt thoáng ngứa muốn gãi.

– Hê-lô!

- Hê-lô!

Tiếng đàn ông khê nồng đáp lời chào của chị Tám. Mỹ đến nhà. Nó đi đường nào mà chui phía chuồng heo? Hai đứa, ba đứa. Tôi không dòm xuống được, chỉ nghe. Một thằng hỏi ồm ồm những câu ngắn: biết tiếng Anh không, những người đàn ông đi đâu, thấy Vi-xi không. Tên này có cái giọng đãi dài của miền Nam nước Mỹ, biết kiểu nói cho người ít biết tiếng Anh dễ hiểu. Đã từng ở Ô-ki-na-oa? Nghĩa là thuộc sư Một lính thuỷ đánh bộ?

Chị Tám cười rất tỉnh, trả lời gọn:

– Nô in-lít! Nô!... Nô Vi-xi![(7)]

Chúng không soát nhà, lại hê-lô, bỏ đi lộc ngộc. Vào ấp chiến lược có gì mà lùng. Gót giày nện trên sân gạch nhà bên cạnh. Tiếng chó sủa lan rần rần khắp xóm. Đông quân lắm.

Tôi lại rón tay vạch lá dừa nhìn xuống. Chúng đi như kéo quân dọc con đường ven rào ấp, lấp ló sau các bụi cây, mái lều, như một đám mây châu chấu vừa chụp xuống vạt đậu. Hai tên đứng bác bên cổng, cách đầu nhà mươi thước. Mắt tôi quay phim rất gấp, óc tôi ghi vội. Áo giáp giống áo trấn thủ không tay, cộm lên những ngấn như vảy cá dưới vải. Áo quần lụng thụng rộng hơn nguỵ, à, nhớ cái này để nhận ra Mỹ từ xa, khi Mỹ với nguỵ không đi chung với nhau như cha bên con, hơn kém nhau hẳn một cái đầu như dạo trước. Mũ sắt bọc thêm lớp vải nguỵ trang mỏng, bớt bóng. Súng Ga-ran

M.2 cả. Ba-lô vuông trên lưng, có tấm pông-sô quấn tròn, xẻng nhô cán. Hai bình nước móc vào thắt lưng. Gì nữa? Mỗi đứa hai trái hình trụ sơn đen, lựu đạn khói hay lửa, chắc để sẵn sàng đốt nhà khi có lệnh chứ đánh nhau mấy khi dùng của ấy. Gác khá kỹ nhưng dáng sợ sệt. Mặt trẻ, da trắng chưa bắt nắng mấy, hẳn là lính mới bóc tem…

Chúng nó rút ra khỏi ấp, súng cứ cầm ngang, lưng khom một cách máy móc đến buồn cười, đi trong mấy lớp rào mà lấc láo như lội rừng. Tụi này chưa nếm đạn, chưa có cái vẻ vừa uể oải vừa ngổ ngáo của lính nhà nghề đạn lửa. Chắc đã nghe đồn những chuyện đứng tim động trời về Vic-tơ Sác-li[(8)], nên mặt đứa nào cũng căng như dây đàn.

Mười lăm phút sau, tôi xem đại đội Mỹ đi tuần tiếp dọc đường ô-tô. Vẫn lối hành quân chiến đấu rất mệt người, lội cát hai bên bãi chứ không bước trên nền đường, cự ly ba thước khá đều. Chỉ có một nhóm hai lính da đen đi trước xa, quơ quơ cái cần rà mìn, đeo bộ đàm nhô cây cần ăng-ten mềm, ngúc ngoắc như cái roi cày ghép bằng xương rắn. Thí da đen, chứ không thí da trắng…

Chị Tám lại nhô lên, mặt hơi tái, nói dồn:

– Hồi nó rúc cửa sau xộc lên cả bầy, tôi cuống, thấy lạ quá mà. Hê-lô một tiếng mới hết hoảng. Anh sợ không?

– Không.

– Ừ, giết nó miết mà sợ gì. Nó bỏ mấy cái kẹo chỗ phản kia.

Chị trụt xuống.

Thật tình tôi không có một chút xúc động nào hết, không sợ, không tức giận, bởi bận dồn sức vào xem, nghe và nhớ như cái máy, trong đầu chỉ tuôn tuôn những nhận xét rất nghề nghiệp. Chị Tám dễ cuống là phải. Xóm vắng quá, bà con bị bắt đi làm ấp chiến lược gần hết, nhà nào còn người phải lo kiếm cá, đón cá. Ngay giữa phố Đà Nẵng, tụi Mỹ không chỉ chia đồ hộp thừa ra rủ ô-kê xọp xọp[(9)], mà còn véo đùi lôi tay đàn bà đòi ô-kê bum bum[(10)], những tiếng lóng kỳ quặc hình như không có trong cuốn từ điển nào cả. Còn khi đi càn, nếu vắng bà con níu kéo la làng thì chúng vẩy nước hoa lên người các cô, hiếp luôn, chẳng nói gì hết.

* * *

Đi với nhau đã nhiều đêm trắng, đến nay chị Tám mới chuyện trò với tôi hơi lâu một chút. Cũng tại tôi, ham cái gì là lao vào quên cả trời đất, kéo chị đi ào ào từ ấp này qua ấp khác gặp từng cơ sở, cố nhặt không sót một nét về Mỹ, nhắc nắm thêm mặt này, mặt nọ. Có lần về đến nhà dì S.26 lúc gà gáy đầu, tôi mới nhớ rằng suốt đêm chị Tám phải nghe toàn những sự súng đạn bom mìn, không chen được một câu hỏi nào về đấu tranh chính trị hay binh vận. Tôi xin lỗi, chị cười:

– Anh là con vạc, tôi là con gà. Theo anh để học lỏm quân sự, chớ lính của tôi làm ăn ban ngày ban mặt kia.

Trở lên cái giàn ván, tôi ngủ bù được một ít, còn chị Tám phải lo đi bắt mối, dò tụi địch ở cảng, thay phiên với bà dì canh chừng cho tôi. Chị làm việc gấp đôi tôi. Nhưng, cũng như Mẫn dạo xưa, chị vẫn coi "thầy Thiêm" là trụ cột trong đợt đi chung này.

Đêm nay chúng tôi đợi gặp một lính hải thuyền, em ruột anh S.14. Tụi hải thuyền nguỵ hay bắn bậy chíu chíu dọc cửa sông vậy đó nhưng rất sợ thủ pháo thả vào khoang, đợi tối trời là len lén ghé vào một cồn đất giữa sông, nín hơi nằm ngủ, nửa đêm còn đổi chỗ lần nữa, đánh hơi có động thì dong tuốt ra cù lao ngoài biển. Chúng tôi phải đi sớm để vượt hai ấp vào đúng phiên gác của "người mình", đến cửa sông ba tiếng trước giờ hẹn. Anh S.14 đón bờ nước, vợ anh gác mé sau, chị Tám và tôi ngồi đợi trong bãi sú.

Bấy nhiêu công khó cũng vì một mình tôi, chứ ba người cùng đi có thể gọi tay hải thuyền kia vào quán, cà rà ăn mì uống bia cả buổi mà đếm Mỹ. Nếu không ngại tụi nguỵ bắt lính rất ẩu – chúng thấy ai trẻ trai là chụp như chụp ếch, đói quân số quá rồi – tôi sẽ mượn áo nin-phờ-răng quần téc-gan, tém tóc đít vịt, chừa râu mép kiểu tướng trẻ bầu bò, đập ngón tay trỏ bộp bộp trên điếu Ru-by, duỗi cái cẳng chân dài ra nhún nhún, lắc vai ngoáy đít mà đi công tác ban ngày cho khoẻ xác. Nhưng H.68 cấm ngặt tôi không được "đánh bạc với Giôn-xơn", chịu vậy.

Thấy chị Tám ngáp, tôi bàn:

– Còn đợi lâu, chị ngủ tôi gác cho. Lát nữa thay.

– Thay tôi gác chị ngủ, ừ không?

Chị này coi bộ hiền mà đùa ngầm chẳng vừa. Không ở bộ đội nhưng rất thạo những tiếng lóng của con nhà lính, chắc chị tập để nói với chồng khi anh ấy về.

– Nè ông tướng, cổ con Hai Mẫn bữa nay còn bị trẹo đó. Ai kêu đằng sau, nó phải xoay cả người.

– Chết cha!

Tôi buột mồm kêu xong mới nóng bừng cả mặt.

Tối qua chị Tám lên Tam Sa. Sao Mẫn đi kể cái chuyện vớ vẩn ấy với chị? Miếng võ đoạt súng, tôi đã giảm nhẹ nhiều lắm mà!

– Giỡn chơi thôi. Thương nhau vặn chéo cổ nhau, quân sự có khác. Sắp tới đại hội chi bộ, cầm chắc con Mẫn vô chi uỷ, ông Luân đang dỗ nó nhận làm bí thư, ông xin rút lui chữa chứng tê thấp. Nói trối vái miết, kêu tánh nó khùng khùng hư việc hết, như hôm đó...

– Anh Luân nói sao?

– Ổng nói khùng mà chạy lui mới xấu, khùng xách súng chạy tới thì bà con được nhờ, đừng lo. Hễ nó không chịu...

Con chim đêm nổi kêu một hồi “kíu kíu” bên trái chúng tôi. Có người. Tôi đứng lên, căng mắt nhìn về phía những chấm đèn dầu dùi thủng vết đen dài của bờ bên kia. Tiếng róc rách đến gần. Thuyền cá ra biển. Thân thuyền chìm vào nền nước đen, tôi chỉ thấy phần trên cùng của lá buồm thiếu gió, một mảnh tam giác trắng mờ trôi lừ lừ giữa các chòm sao trong tiếng chèo nặng nhọc. Dạo này thuyền ra khơi lo chèo đi rất sớm, không đợi gió đất nổi, bởi phải ghé vào năm sáu trạm gác dọc sông cho địch xét giấy, soát khoang. Thuyền tới bến còn bị tàu tuần hay ho-bo[(11)] của Mỹ chặn hỏi, có khi trực thăng sà sà thả thang dây bắt chủ thuyền đem thẻ lên, cuốn buồm không kịp thì gió cánh quạt nhận chìm. Những ngọn măng sông treo cao trên các thuyền rờ, dăng dăng rất đẹp như điện phố, đã biến hết từ khi địch cấm đánh cá đêm. Mặt sông sẫm lại, chỉ còn đèn pha của tàu biển tàu sông quét ngang, của trực thăng rọi chéo xuống, hỗn như những ngón tay xỉa vào mặt người ta, từng lúc chen

mấy trái đèn dù nhểu một thứ lửa trắng ma quái, biến da người sống thành da bệnh bệch cạn máu của xác chết.

Ngồi im một lát, chị Tám buông chậm rãi:

– Nói tình thiệt nghen… coi bộ anh ưng Hai Mẫn hả?

Dù chị không rào đón trước, tôi vẫn cảm thấy câu hỏi ấy ắt sẽ đến. Giấu mãi làm gì, phải nói thôi, dù chỉ một lời thú muộn màng cũng đủ nhẹ người. Tôi đáp trong hơi thở:

– Có.

Tôi đã mến nhiều bạn trai hay bạn gái gặp trên đường dài. Gặp rồi xa, nhớ nhau ít lâu rồi quên. Tất cả những mê say tôi dành cho Mẫn bấy lâu, tôi muốn buộc túm thành một gói, đem gửi vào kho kỷ niệm cho đỡ nặng ba-lô, sau này trà dư tửu hậu sẽ giở ra xem và cười mình hồi trẻ sao mà ngây thơ tệ. Tôi ép mình nghĩ đến Mẫn như một cái gì trôi qua đã lâu, cũ rồi, thích bùi ngùi một chút cũng được nhưng mọi xúc động đã phai hết. Tôi cố triết lý như ông cụ non vậy đó, và thấy dễ chịu hơn. Hòn than lửa vùi mãi dưới tro sẽ tàn.

– Nó cũng thương anh lắm. Thiệt tội.

Chị Tám nói trầm ngâm, tôi nghe như hơi xót xa thì phải. Tôi đợi tiếng “nhưng” rơi xuống, như leo ra mút cành khô và đợi tiếng gãy dưới chân không tránh khỏi.

– Sao anh chưa nói với nó?

Một búng hơi nóng thốc lên cổ. Tôi nuốt nó xuống. Nhắc đến Mẫn phải thờ ơ mới đúng chứ, người ta lạnh ngắt với tôi… Một búng nữa. Một nữa. Cái bình thuỷ ngoài mát trong sôi đã thổi bật nút, pưng một tiếng, bốc hơi cuồn cuộn. Thôi được, cứ kể hết một lần cho hả tức rồi sẽ nguội, nguội hẳn. Người ta còn giả bộ không biết, đợi tôi phải lạy lục nữa ư, đời nào! Người ta hiểu tôi chán chê mê mỏi rồi chị ơi, từ những ngày cứu lụt, dạo nổ súng che chở nhau trên gò hoang, tới cái đêm trăng không bao giờ quên. Không biết, thì việc gì lại xảy ra cuộc lánh né như chuột tránh mèo hiện nay, mà nghĩ kỹ tôi lại thấy là mèo vờn chuột? Nghĩa là gì? Mẫn không hề yêu tôi, dê-rô. Hay Mẫn nghĩ rằng càng thương càng phải rút vào cố thủ trong boong-ke, đứng trong ấy mà ú tim ú oà, thương kiểu đó thì

anh em tôi xin kiếu. Hay Mẫn lỡ ưng tôi bây giờ hối lại, bắt đầu dò xem có ông nào cấp tỉnh hay ông trung đoàn nào chưa vợ?

Chị Tám nghe giọng Bình Định lấp gấp của tôi chắc chỉ lọt tai một phần, tới đấy bỗng cắt ngang, gắt:

– Đừng nghĩ bậy, oan nó. Không hiểu con gái mà cứ nghi như Tào Tháo!

Tôi mím môi ngậm cơn tức đang trào đầy miệng, đòi bật ra. Mấy chiếc thuyền nữa chèo qua, men bờ sông bên kia, chỉ thấy chấm đen bò chậm.

– Nó quý anh, phục anh, mà anh rẻ rúng nó vậy à? Coi nó tàn tệ vậy à? Nó chỉ nói với tôi một đời nó không dám ước gặp một người như anh. Hễ anh xách súng đi là nó kiếm cớ đi theo, có gì nó đưa ngực cản đạn cho anh. Nó năn nỉ tôi ngó chừng anh, đừng để anh xông xáo quá. Thuốc phòng sốt rét tôi đưa anh uống mấy bữa nay là nó gửi đó. Chao, con gái chưa nói một tiếng ưng mà thương trai quá chừng vậy, hèn gì anh... chưa chi mà đã...

Đến lượt chị Tám cố nén giận. Hình như tôi đã trao cả gánh giận sang vai chị cho nên người cứ nhẹ bẫng, ngây ngất. Chùm sao trên trời co lại, giãn ra, từ từ xoay tròn. Tôi nhắm mắt mỉm cười, đợi chị sạc thêm. Cứ nạt tôi một trận đã nư đi chị. Tôi ngu, tôi xấu nết, còn Mẫn của tôi tuyệt quá, tha lỗi cho anh nhé, nện cho anh một báng các-bin nữa đi.

Nhưng tại sao em tránh anh, tại sao?

– Thương anh đứt ruột giả đò ngó ngơ, tội nghiệp con Mẫn…

Tôi nghĩ theo như tiếng vang: tội nghiệp. Nhưng cái miệng tôi cứ buông xóc hông.

– Vậy mới kỳ cục!

– Kỳ, kỳ, anh cứ nói được phần anh thôi, chẳng cần biết nó rầu nó rối sao hết. Rốt cuộc, ông Mít cũng như ông Xoài… Mấy cô đoàn viên hay du kích mới lớn lên, tìm tới các anh nhờ bày vẽ cho làm công tác, lập tức các anh nay bỏ nhỏ, mai gởi thơ, cô nào sạch mắt một chút thì coi như tối tăm mặt mũi. Không trả lời là kiêu, nói “em chưa nghĩ tới” là điệu, từ chối phứt thì kêu cạn tàu ráo máng. Người

ta mắc việc nước việc nhà ngập đầu lại còn phải lo dỗ ngọt, phân bua hoài, còn nơm nớp sợ các anh giận nữa.

– Tụi tôi đánh giặc cứ đánh, thương ai cứ thương có bận bịu gì đâu. Chị làm như…

– Thì biết các anh thương chớ sao! Có điều ba bảy cách thương lựa cách nào cho phải, để chị em kịp tiến bộ với chớ. Hồi muốn nói cho xiêu, các anh hẹn mấy năm cũng đợi. Lỡ ừ một tiếng thì đòi cưới liền tay, lần chần xin hoãn ít bữa đã thấy các anh nặng mặt, hờn lẫy, đòi cắt, búi!

– Chớ để lửng lơ con cá vàng làm gì?

– Đó, con Mẫn sợ anh cũng bấy nhiêu thôi!

Tôi cười xoà, bị "suỵt" một cái. Những con chim kíu kíu vẫn gác chung quanh.

– Hồi ở ngoài gò, anh tuyên bố cắn cưa là anh chưa ưng ai, tới khi ưng thì nay gật mai cưới, không dằng dai gì hết, đúng chưa?

Tôi ngẩn ra. Ờ mà có vậy thật.

Hôm ấy, giữa bữa cơm, đội du kích xúm bàn hăng về đường nhân duyên của một cậu đang vấp đau, tôi bốc đồng cũng phát luôn mấy cái ngôn. Rằng tôi ngại trói buộc nên chưa muốn rước một đấng vợ về thờ - điểm này chẳng sai mấy. Rằng đến khi tôi phải lòng cô nào thì nay gật mai cưới, dằng dai xin rút đơn ngay, đang bận đánh Mỹ không có thì giờ xếp hàng, cả hai miền nước ta những cặp đợi nhau đã đông lắm rồi, tôi không muốn góp thêm một cặp nữa - phần sau này tôi huyên hoang cho oai nhiều hơn, tỏ ra chí khí trượng phu không chịu luỵ đàn bà, để khuyên cậu kia đừng buồn khi bị "đổi gác". Ai ngờ Mẫn nghe kỹ nhớ dai đến thế!

Cho dù tôi nghĩ sao nói vậy đúng trăm phần trăm chứ không vui miệng đấu hót, thì đó vẫn là những ý nghĩ trước khi yêu Mẫn. Khác xa lắm chứ. Hăm tám tuổi chưa gắn với ai, nhưng từng lúc tôi vẫn tưởng tới cô gái sẽ cùng tôi ăn đời ở kiếp, thích nghe những chuyện vui buồn của anh em đã có vợ con, đọc được cuốn sách nào hay thì cố nhớ vài nét về tâm lý phụ nữ, để rồi ngày càng thấy cái việc chung thân đại sự ấy sao nó "dại" quá mất, tốt hơn hết là hãy khoan! Lại còn một chỗ buồn cười nữa: hễ bắt gặp ở đâu một nét dễ

thương, tôi hay đem ghép cho người yêu mai sau, buộc cô ấy phải có đủ tất cả những gì đẹp nhất quí nhất trên đời, giá tôi vẽ mẫu đặt com-măng cho xưởng nào đúc giùm cũng chưa chắc đã vừa ý! Mẫn đến, lẳng lặng bước vào đời tôi từ bao giờ chẳng hay, tôi chưng hửng nhận thấy cuộc tình duyên tưởng tượng của tôi từ mây khói lại tan ra mây khói. Tôi đâu có ngờ sẽ yêu một người như Mẫn, trong một thời buổi gay cấn như khi Mỹ đang đổ bộ, và gặp những vấp váp như vừa rồi. Mẫn đã đảo lộn tất cả, còn kể gì một câu nói yêng hùng thoảng qua…

Nhất ỳ nhì nín lặng. Không nghe tôi trả lời, chị Tám coi như tôi gật. Chị không gằn hắt nữa, mà dịu giọng như thương hại đám con trai hay vòi quấy nhưng cũng biết nghe lời dỗ ngọt:

– Chị em tôi quen, ai cũng lo chạy theo không kịp phong trào, rớt lại sau. Ngó lên lửa núi cháy lan, bạn ơi khoan đã lửa tàn sẽ hay. Năn nỉ vậy, các anh có nghe đâu, mà thôi nhau thì… thì không đủ sức. Rốt cuộc, mới mười chín đôi mươi các anh đã cưới gấp, ném cho người ta cái ba-lô mang sao được đó mang, đi biển, lâu lâu viết về nói là trời sinh voi trời sinh cỏ, em đừng lo. Cỏ nào chạy tới miệng voi? Anh thấy đó, chưa đẻ mang con trước bụng, đẻ mấy năm rồi cũng y nguyên đồ đạc sau lưng đeo con trước bụng, có gì thân mẹ che thân con. Cực hết chỗ nói đã đành, mà còn chịu thua em kém chị đứt đi mấy năm. Có phải miền Bắc đâu mà sẵn nhà giữ trẻ cho mẹ gửi con đi làm? Ba-lô đằng sau là việc nước, ba-lô đằng trước là việc nhà, cứ vậy mà đội bom đạn đi công tác, lâu lâu không có món gì gởi cho chồng thì lại nuốt cơm không xuống. Còn ông chồng nữa… ừ, ông chồng thiệt tới hay. Ông ra đi cứu nước thì giỏi bằng trời, xin phục ông sát đất, mà nghe ông tích chuyện nhà thì nhịn cười không thấu. Hay tin con biết đi ông mới về bồng thử, chà, thằng nhỏ nặng tay quá ta, mau lớn đánh Mỹ với ba nghe con. Coi bộ nó có em được rồi, người ta nói con một nó hay trái chứng!

Nghe cái giọng giỡn giỡn của chị, tôi không buồn cười mà thấy tim thắt lại. Ra vậy đó. Tôi mới nghĩ đến Mẫn như cô gái đáng mê nhất, quên biến rằng Mẫn sẽ phải làm bí thư chi bộ, đứng đầu mấy ngàn bà con chọi sức với Mỹ trên mảnh đất vành đai. Trong lúc này… Mẫn chưa thể làm vợ, làm mẹ. Mẫn yêu tôi mà vẫn thấy cái

Chu Lai lù lù trước mặt. Tôi không tỉnh được thế. Tôi say Mẫn nhưng chưa thật hiểu và thương Mẫn. Khi bị lảng, tôi chỉ đoán Mẫn đo nước mắm, ngắm dưa hành trong tình cảm, chẳng nghĩ rằng Mẫn chịu hi sinh vì những gì ngàn lần lớn hơn hạnh phúc riêng. Tôi còn vì tôi mà yêu Mẫn. Và Mẫn rất nhạy sắc đã cảm thấy điều ấy từ rất sớm. Mẫn bước lùi, nén mình, giả đò ngó ngơ…

Một đèn dù bật xa, những mảng sáng và tối chạy lừ lừ trên mặt chị Tám, từ cằm đến tóc. Mắt chị long lanh. Có lẽ chị nói với mình, rất nhẹ:

– Con gái bây giờ vậy đó. Các anh đổ xương máu đánh giặc, chịu cực trăm bề, không yêu các anh thì yêu ai nữa, chị em còn lo con trai đi hết, mình bị ế chồng, về già không được chút con, đủ thứ. Có điều trăm mối tơ xe vò một sợi, gì thì gì chị em cũng phải gánh việc nước cái đã. Thêm tay phụ với các anh dẹp cho hết Mỹ, kiếm chút độc lập cho bà già đỡ khổ, con nít đỡ chết, phần mình quá lứa nhỡ thì một chút có sao đâu. Bụng nghĩ vậy mà cứ sợ các anh chê thiếu tình cảm, khô, trông lên… Mẫn nó biết anh bực, nó bồn chồn hoài, hôm qua nó khóc với tôi: “Thôi, ảnh giận trước khỏi giận sau, em gần ảnh miết thì… chắc ảnh biểu sao em làm vậy, em thương ảnh quá rồi. Làm sao bây giờ chị ơi. Ảnh nói vậy đó, mà không nói em cũng biết tánh ảnh, làm gì cũng ào ào tới tới, tận bờ sát góc. Hễ em… em chưa chịu cưới, ảnh lại giận nữa. Mỹ tới sát bên hông, chú Luân cứ sưng khớp hoài, chi uỷ hết người, em vướng chồng con bỏ việc cho ai…” Tôi hỏi: “Vậy em cắt nghiến hết à?”. Nó hoảng, nói: “Không, không, cắt sao nổi, đợi ảnh đi rồi em viết thơ xin lỗi, rồi em ở vậy đợi miết. Vài ba năm, sáu bảy năm, tới hồi thơ thới một chút, hễ ảnh không chê em nghèo em dốt thì em lấy ảnh, hễ nửa chừng ảnh ưng người khác cũng quyền ảnh tự do, chẳng ngại gì hết. Ảnh gan lắm, khí khái lắm chị à, hẹn một câu thì sống chết không đổi không dời. Em chẳng muốn ảnh hứa đâu chị, lỡ sau này em què cụt hay hết đường con cái, làm khổ ảnh cả đời…”

Tôi không nhịn được nữa, bật kêu:

– Tầm bậy! Một mình Mẫn biết nghĩ thôi à? Tôi là cục đất à?

– Ai muốn mua thêm đường mà đi cho mệt, trăm tội trút trên đầu thằng Mỹ chớ trút đâu. Anh tính với nó sao thì tính tuỳ lòng. Chuyện này bàn góp khó lắm. Thuyền chài lơ lửng, tới thuyền câu cũng lơ lửng giữa dòng...

Nãy giờ tôi quên mất chị Tám Giàu, chỉ nhớ đang nói chuyện với một cán bộ đứng tuổi. Mười một năm, hai lá thư, một tấm ảnh nhỏ bị hoen dọc đường, tôi mới biết có vậy.

Sau một lát, tôi hỏi khẽ:

– Chị mấy cháu rồi?

– Nó đánh quá... truỵ thai.

Một chiếc thuyền khác xuôi gần bờ bên này, chim đánh rộn. Chúng tôi lặng im nhìn mảnh buồm trôi trên trời, tắt và bật từng chấm sao. Rồi lặng im mãi đến khi anh S.14 kêu ba tiếng cú báo hiệu, dắt lên một người mặc quần đùi ướt sũng: cậu em đã lặn và bơi gần hai cây số dưới đèn pha pháo sáng để đến với chúng tôi, sau đó sẽ bơi trở về chỗ cồn cát neo bầy hải thuyền, bò vào chỗ ngủ.

* * *

Út Liềm đạp xe xuống gặp chị Tám trong ấp, đưa mấy tin mới. Nguỵ càn vào Nhơn Phước, khi băng đồng qua Nhơn Ái bị ta xả súng bắn giữa bãi chông, mang về non hai chục khiêng. Trận này Năm Ri cầm quân. Đợt tám xã nhập thị vừa rồi cũng khá, chỉ một cánh bị chặn còn vô được hết. Mẫn xuống Nhị Lộc thay Năm Tuất, chỉ huy phá dứt điểm hai ấp vùng cát, nâng mức làm chủ mỗi ngày lên từ ba giờ chiều đến chín giờ sáng, tiến tới giáp vòng cái mặt đồng hồ. Mẫn nhờ chị Tám cho người đi đêm lên Lộc Chánh lấy cái ống dòm của H.68 gửi cho anh Thiêm, chứ Út Liềm mang xuống dễ bị soát. Vòng vo gớm chưa, cô em không nhắn tôi về lấy cho gọn! Lần này tôi chỉ buồn cười.

Đêm sau ngớt việc, chị Tám và tôi lên Lộc Chánh.

Lửa đốt rào ấp mấy năm trước bốc cao như dãy tháp bơm dầu bị cháy, từ biển khơi nhìn vào cũng thấy, nay chỉ còn phần phật ngang đầu người: tre và dương liễu trong các làng gần sạch rồi, chỉ còn cọc sắt với kẽm gai. Tụi nguỵ đóng ở đây bị Mỹ nống sau lưng, ta

chặn trước mặt, thêm đất nổ dưới chân hoài, đêm đến kéo đi ngủ lang thang trên các gò cát vắng, mặt trời lên cao mới dám vào ấp. Thằng Chinh con hậm hực thúc đám dân vệ đi nhổ chông, xăm hầm, lần nào cũng trúng mìn gài, chúng co lại đợi máy rà mìn hay xe ủi đất. Quân của hắn thấm vào cát, vài ngày lại một tên biến mất. Ta chưa đủ sức đẩy địch ra ngoài hẳn, chỉ "thêm xôi bớt đậu" ở Nhị Lộc.

Tôi đợi chỗ hộp thư ngoài ấp. Cái bè cỏ gấu đã đưa Mẫn với tôi đi chơi trên biển cát ngập trăng, lao xao những ngấn sóng lưỡi búa, trong đêm tối trời này biến thành tấm thảm nhám dệt bằng xơ dừa. Tôi nằm ngửa xem sao, nhớ một truyện cổ Bắc Âu, thấy mình đang dạo Ngân Hà trên tấm thảm bay... Pháo Chu Lai đánh thức tôi dậy. Gần thằng Mỹ, giấc mơ chỉ đếm bằng phút thôi.

Dứt đợt pháo hơn bốn chục trái bủa vòng quanh ấp, chị Tám dắt ra giao cho tôi một cô xã độ trưởng khiếp hồn như cáy vào hang cua, mất tinh thần chẳng phải vì địch. Mẫn ấp úng nói gì đấy, mở vội bao lưng lấy cái ống dòm đựng trong hộp da đưa cho tôi, khi quay lại chị Tám đã bốc hơi đâu mất. Cũng như lần trước, chị vắng mặt đúng lúc. Tôi đón cái hộp, đón luôn hai bàn tay lẩy bẩy của Mẫn. Từ đó trở đi tôi không nhớ mấy. Chũng tôi nói với nhau một câu chuyện sóng gió, rối tinh, có lẽ dài, từ tiếng đàn bầu cho đến tiếng thuốc nổ đều có đủ. Đến đâu nửa chừng, tôi hôn Mẫn thất kinh. Em có thật đây mà. Em của anh không còn là cầu vồng năm sắc lùi mãi xa người. Má em thơm mùi gì nhỉ, mùi mít chín. Em cười thổn thức rất ấm bên tai anh. Con chim xinh mà anh không dám đến gần sợ bay đi đã vào tay anh rồi nhé, em đậu trên vai anh mà đi cùng trời cuối đất nhé.

Tôi nghe tiếng Mẫn, loáng thoáng nhận ra những là địa đạo, lỗi tại em, chè vườn, ông thầy Mười, mấy đêm em không ngủ được, lại địa đạo nữa, Út Hoà, anh cười đi em mới tin, cười đi. Tôi cười, chẳng hiểu gì cả. Giọng người yêu là nhạc không lời, từng đoạn có những nốt rơi khía vào tim, tôi thương buốt đi vài giây. Một lúc chúng tôi ngẩn đi, nhìn nhau, cùng bật cười, lạ nhỉ, sao lại cãi nhau được nhỉ. Dạo ấy chúng tôi trẻ con, nay là người lớn, hay ngược lại chẳng biết. Tôi đòi Mẫn hôn. Mẫn chỉ áp hai bàn tay nâng mặt tôi,

soi đôi mắt đen trong mắt tôi thật gần, thật lâu đến nỗi tôi tỉnh ra hẳn. Nhiều lần tôi thấy Mẫn với cháu Hoàn nựng nhau như thế. Có lẽ Mẫn đã ngắm mẹ và các em như thế. Anh đọc ra rồi, em ơi. Tình yêu của em lớn quá đến nỗi em phát sợ, bởi em dồn hết cho em cả phần thương mẹ, thương con nuôi, thương cha bị đày vắng tin, em nối vào cho anh tất cả những sợi dây máu của tim em, nhiều lần bị giặc cứa ngang, vẫn nhỏ giọt chưa cầm. Anh đã làm gì mà được đón nguyên vẹn cả một thế giới yêu thương như thế trong tay?

Chị Tám đến, vẫn nhớ gõ ba tiếng tín hiệu bằng cái nắp bật lửa để chúng tôi kịp giải tán. Mẫn chỉ cười. Mẫn đợi chị tới gần, kéo chị ngồi xuống, nói dịu dàng:

– Em vui lắm. Chị ngồi với em một chút.

Mẫn nắm tay chị, cứ ngả đầu trên vai tôi, không ngượng - lại một sự lạ nữa, không biết đến khi nào tôi mới hết ngạc nhiên về Mẫn - và ba chúng tôi lặng im dưới một trời sao vui, ngắm những đống lửa đốt rào ấy lụi dần ngoài xa. Tôi muốn có anh Ba Tơ ở đây quá. Có lẽ Mẫn và tôi bưng hạnh phúc mới như đỡ một trái mít mật thơm lựng, muốn bổ ngay cho những người thân ăn chung mấy múi.

Lát sau, tôi trở về cái chuồng chim trong ấp chiến lược, ở với lũ chuột và cô rắn rồng. Cái ống dòm trong hộp da áp vào hông tôi nóng hổi, Mẫn mang nó trong bao lưng suốt mấy ngày hôm nay. Chân tôi đi không chạm đất. Nếu tôi nhảy một cái, chắc sẽ vút lên cao năm sáu thước, như người trên cung trăng ấy mà.

Chú thích:

(1)Công binh của hải quân Mỹ

(2)Tiếng lóng gọi xe lội nước

(3).Thủ pháo và gói bộc phá.

(4)Đồng bào Tây Nguyên thường cắm lá xanh trước cổng làng hoặc trước nhà để báo đang “cữ”, cấm người ngoài đi vào.

(5)Cần người giúp

(6)Người đánh máy chữ.

(7) Không (biết) tiếng Anh. Không… Không (có) Việt cộng.

(8)V.C tức Việt cộng (theo lối đánh vần của lính thông tin Mỹ)

(9)Ăn nhé.

(10) Ngủ nhé.

(11) Xuồng máy nhẹ, chạy nhanh.

Chương 18

Tôi nâng ống dòm lên.

Cặp vành áp vào da nóng kinh. Tôi xoay núm một chút, những chùm gai xương rồng lọt vào luồng mắt nhoà đi, hai chiếc máy bay hiện sắc. Chúng bò tới vạch xuất phát. Mỗi chiếc 2 thằng lái, hai động cơ phản lực. Kiểu gì lạ vậy ta, không phải các thứ mũi tên hay vỉ ruồi thường thấy. Mới ra lò nóng giòn chăng?

Cùng một lần, chúng rồ máy rất dữ, thân rung tít, như ngựa bị kìm cương, đang hí và chổng vó đá hậu. Bụi thốc dài sau đuôi. Luồng hơi nóng làm tụi thợ máy và lắp bom đứng ngoài đường băng mờ đi, biến thành những cái xác chìm đáy nước với đường nét lăng quăng. Loại gì mà trông ngang na ná như máy bay Cô-bờ-ra cổ ngỗng cánh quạt hồi Pháp nhỉ. Chúng vọt đi, mới hết nửa quãng lát bê-tông đã rời đất, ngược gió nam ngoi lên, giơ ra sau những cái đít động cơ trống hoác, phun khúc đuôi lửa dài và đỏ lòm màu máu. Chúng quần lại ba phần tư vòng, bay về phía núi, không nhanh hơn Xcai-rây-đơ là bao. Tôi nhìn lên cặp cánh xoè ngang vuông góc với thân, đầu cánh xắn vuông vức giống thứ AD.6 cánh quạt, bỗng nhớ ra. Mẹ cha nó chứ. Cái giống Xcai-nai-tờ, ”Đêm trên trời”, tức F3.D2 đây mà! Trong chiến tranh Triều Tiên, tụi này cất cánh từ tàu mẹ, theo che chở bọn lính thuỷ đánh bộ Mỹ lên bờ, hồi đó phản lực đánh đêm coi như tối tân lắm đấy. Tưởng đã đút kho, nhường chỗ cho F.4 hay F.5 rồi chứ, té ra còn chống gậy lụ khụ đi ném bom vùng giải phóng. Ra ngoài Bắc cho các ông Mic ăn gỏi ít chiếc chơi!

Một cặp nữa đang rú máy, hen suyễn nghe chừng đã kinh niên mà chưa được về hưu. Hai động cơ nằm dưới bụng, khá thấp, đứng dưới đất đút thủ pháo vào họng máy chắc dễ. Tay nào chế máy bay đã trù liệu cho nó chịu được mọi thứ đòn hiểm, đố có đoán rằng nó sẽ bị nhét đằng mồm, và mãi mười lăm năm sau nó vẫn phải trả bằng món nợ máu Triều Tiên, gây ra từ cái tuổi dê cỏn buồn sừng. Lại một cặp nữa…

Có tiếng gọi ồm ồm bật lên mé bên trái, cách chừng năm mươi thước, máy bay ồn không nghe rõ. Tôi từ từ thu ống dòm xuống ngực, co chân cho người chìm dần vào hố cát. Những bụi xương rồng bao quanh tôi rất thưa, nhưng tôi trùm tấm dù hoa – hai chéo dù may liền làm tấm đắp – kín từ đầu đến chân. Còn khuya tụi Mỹ mới thấy được tôi trên gò.

Nhờ cái ống dòm kiểu lăng kính rất tốt, từ trên giàn ván của bà dì S.26, tôi đã tìm ra cái gò cát nhỏ này, nằm kẹp giữa rào biên của sân bay và chân sóng biển. Đêm đầu, tôi bò đến đào hố, cắm thử mấy cành lá trên miệng. Theo dõi suốt ngày tôi không thấy Mỹ leo lên đấy, chỉ đi tuần bên cạnh. Một tiểu đội cắm lều cách gò non trăm thước. Các lớp gác tuần dọc bờ biển và bên trong rào kẽm gai thì xa hơn, không đáng để ý. Thế là tôi mang một túi nhựa dày đựng bốn lít nước uống, hai ổ bánh mì to, một hộp sữa Núi trắng, ba hộp cá trích, tất cả đều của chị Tám mua cho, luồn vào nằm trên gò xem Mỹ hai ngày, đếm được từng nốt ruồi trên mặt tụi bò sát[(1)]qua lại tại sân bay.

Tôi đưa cái bi đông nhựa lên miệng, chợt nghe tiếng ù lạ. Một máy bay cánh quạt kiểu Chòm sao, cõng trên lưng một cây nấm xoè rộng, bay dọc bờ biển qua đầu tôi. Ra-đa lưu động, chắc đi tìm tàu ngầm hay thuỷ lôi của Việt cộng. Lắm ra-đa gớm. Mỹ dò ra Mỹ thôi, còn tôi chỉ có trên người một khẩu súng ngắn và một ống dòm, tất cả những gì bằng kim loại cộng lại chưa nặng bằng một trái mìn nhảy. Trạm ra-đa trên gò đất đằng kia suốt ngày đêm xoay tròn cái lưới ăng-ten khum khum như mảnh rổ cắt ra. Nò lùng tàu bay của Vi-xi, rất nghiêm chỉnh, không chút đùa nào nhé. Cố ý sục tôi là hai thằng Mỹ rọi ra-đa. Mắt thần kia cũng mù nốt. Hễ mặt trời sắp lặn, hai đứa vác máy ra ngồi dưới một cái lều căng sẵn bên trong rào, một thằng đeo ống nghe và xoay cái máy giống đèn pha bị cháy bóng, một thằng ghì trên giá ba chân và nói trong máy PRC.10. Đêm qua con mắt AN/PPS của chúng rọi vào tôi bao nhiêu lần không rõ nhưng tôi vẫn nằm yên đây, chõ ống dòm giữa những gốc xương rồng mà xem mặt đen mặt trắng, tóc nâu tóc vàng.

– What’ cha you do there?

– Nothing…[(2)]

Chúng nó qua cạnh gò, cách tôi chừng năm thước. Một thằng dừng lại đái róc róc. Núp coi địch hay phục kích gần đường, tôi ngại nhất những thằng ngu, đang đi chơi rẽ vào bụi cây đái hay ỉa, còn đứa đã ăn chông mìn thì chẳng bao giờ bước ra ngoài dấu chân đi trước. Có lẽ thằng hạ sĩ vừa hỏi, và nó càu nhàu tiếp:

– Cause they put those damn mines everywhere. if you tired of living … Go ahead![(3)]

Chúng đi thẳng, nói qua lại bằng thứ tiếng Anh rẻ tiền ấy. Mé biển này chúng chưa bị đánh, chỉ ngại thằng này chôn mìn thằng kia dẫm. Mìn nhiều thật. Giữa rào kẽm gai nhô lên chi chít những mìn định hướng bấm diện, thân cong như miếng vỏ dưa hấu hình chữ nhật, xếp làm nhiều tuyến để nổ lần lượt từ ngoài tới trong, còn thêm lu bù mìn nhảy chỉ thò ra cái que tăm lẫn vào cát.

Quay về hai chục năm trước, thử so sánh buổi đầu của hai đám cướp lớn, đặt bên nhau tên lê-dương Pháp ôm cây trường Mát 36 ngồi gác sau chuỗi ống bơ treo lòng thòng và thằng lính cổ da Mỹ núp kín giữa mạng lưới ra-đa, mìn cơ-lê-mo gọi súng lớn bằng bộ đàm, tàu bay ầm ù trên đầu không ngớt tiếng, tôi càng thấy cái nguy hiểm của kẻ thù mới tới, càng nghiệm ra thế yếu chung trên trái đất buộc chúng vào đây phải lén lút, chối quanh. Chúng ác mà yếu, yếu lại càng ác, hễ quên đi một mặt là lôi thôi đấy. Thôi thèm đánh Mỹ một trận phủ đầu, nhưng nào chúng có chịu thò đầu ra đâu mà phủ! Súng ta nổ giòn chung quanh Chu Lai, nhưng mạn Tam Kỳ chỉ đụng các lớp rào thịt của sư Hai nguỵ, riêng phía nam du kích Bình Sơn đã tỉa được năm bảy tên Mỹ, coi như nắn gân nhau ít chút. Mới chiều qua anh em trong ấy lại được thịt, mấy cây pháo đặt sau bao cát hối hả xoay nòng, giã qua đầu một chuỗi M.113 chạy tuôn tuôn vào hướng Bình Nghĩa.

Tôi ghi xong những nét mới, nhét sổ vào túi, nhô lên đón gió biển quạt trên mặt đầy mồ hôi. Cái nắng dữ dội chan lửa xuống ngập người, nắng trên cát có màu trắng loá của sắt nung sắp chảy. Dễ say nắng lắm đây.

Hễ nâng ống dòm lên, thân thể tôi mất dần cảm giác, tất cả sức tôi dồn vào mắt, đầu và tai, lảng vảng một chút ở mũi nữa là hết. Tôi mê mẩn nhìn xói vào ruột căn cứ Mỹ, óc biến thành bộ nhớ của máy tính điện tử, chỉ đôi lúc cái lưỡi chai như da trâu chậc một cái để thèm máy ảnh. Máy tồi cũng được. Cùng lắm, máy trẻ con chơi loại một đô-la cũng tốt, gặp nắng này thì ống kính cố định f.11 với máy trập ba tốc độ đủ thâu được hết, bấm tách một cái là đỡ bao nhiêu công nhớ và ghi, nét mờ một chút cũng chẳng sao. Tôi sẽ rảnh rỗi để nghĩ nhiều hơn, tìm những kẽ hở của thằng khổng lồ bọc sắt này mà điểm huyệt, làm sao chỉ bấm một ngón tay là nó cứng đờ như trong võ ta mới khoái. Ông thầy võ Bình Định dạo xưa về dạy gần nhà tôi, lúc thầy nghỉ hay nhắc: “Gặp thằng có gồng Trà kha thứ thiệt, hãy cứ chờn vờn coi kỹ, tìm cho ra chỗ nhiệc mà đánh…Cái tay nó huơ giữ kín chỗ nào là nhiệc chỗ đó chớ đâu! Gồng cứng như sắt cùng mình, nhứt định phải chừa một chỗ thịt mềm… Tìm không được hả? Thì bây giờ giở ngón võ đờn bà bóp dái, xấu xấu chút mà chắc nhứt đa!”. Chẳng biết thầy võ thông gồng thạo tới cỡ nào, chứ lời khuyên nghe lỏm ấy tôi càng gẫm càng thấy có lý nhiều bề.

Thủ trưởng H.68 gửi kèm theo ống dòm một thư nữa, dặn tôi tìm chỗ đánh cho một đại đội chủ lực thử sức tụi cướp biển, chứ đợi nó đi càn chắc còn lâu. Được một đại thì dựa vào làng Cá, thốc xuống hốt tụi lính đóng tràn lan trên các gò đất gò cát đấy. Riêng tôi xin chọn mấy tổ Yết Kiêu bơi biển hay Dã Tượng đánh bộ, dẫn vào đốt tàu bay. Có súng cối cũng đem mà cộp tàu bay. Tôi thèm đánh tụi phản lực, thèm kinh khủng, còn hơn hai ngày qua thèm nước.

Sáu chiếc F.4 mang bom bay ra phía Đà Nẵng sáng nay, tôi rất nghi chúng đi phá miền Bắc. Hơn một tiếng sau chúng về đủ, dưới cánh trơn trụi. Để hỏi lại xem. Nếu ổ cướp Chu Lai dám thò móng tới bên kia Bến Hải, cần choảng ngay một đòn thật đau và điện gửi món quà chia lửa ra ngoài ấy cho bà con mừng. Phản lực Mỹ đánh tới Thanh Hoá đã mất gần ba trăm chiếc, còn hăm he mò ra tận Hà Nội, hỗn gớm chưa.

Miền Bắc…

Khó đếm được bao nhiêu mơ ước của tôi được vẽ trên khung cảnh của miền Bắc. Hai mươi năm nghe lời Bác Hồ dạy đường đi

nước bước, tôi là đứa trẻ càng lớn lên càng nôn nao mong được gặp cha, một người cha đi vắng nhưng không ngớt nhắn về khuyên nhủ từng chút, thương con quặn lòng, mừng khấp khởi từ mấy chữ con mới tập viết thăm cha đến cái tin con bắn gục tên giặc đầu tiên trong đời. Ba tôi tập kết ra vẫn sửa máy nổ, làm trong xưởng ở Hà nội. Anh Hai tôi định xin chuyển qua hải quân, dân biển mà, anh đã tự học hết lớp mười, đang kiếm thêm ít vốn ngoại ngữ. Miền Bắc đấy. Miền Bắc là Bác Hồ, là ba tôi, anh tôi trằn trọc ngày Bắc đêm Nam, là cái lò cao Việt Nam đầu tiên nhả gang, là trường cấp hai cấp ba mở tận xã, là nguồn sức mạnh hôm nay và mơ ước mai sau, là tin cậy, kiêu hãnh và không biết mấy yêu thương.

Bom Mỹ xán xuống miền Bắc. Hình như trái bom đầu tiên nổ mé ngoài Bến Hải đã văng một mảnh đến tận tôi, một khúc sắt vặn xoắn như đinh vít. Sau cái buốt dựng tóc đầu tiên, nó cứ xoáy chầm chậm vào thịt, mỗi ngày một ít. Nó leo thang trong tôi.

Sau một triệu trái bom, miền Nam nhận thêm vài ngàn trái nữa ném xuống ruộng xuống rừng có sao đâu, bà con quanh tôi đều nói vậy. Nếu một trái bom rớt trúng cầu Hàm Rồng hay đập Bái Thượng… Mười năm ròng, đồng bào mình ngoài Bắc lấm mặt cháy lưng làm giàu cho cả nước, của nổi của chìm đang ngồn ngộn ra đấy, có thu dọn kịp không, thu dọn được không, hay là…, ôi chao, đứt ruột đứt gan. Tôi biết lắm, cái máy bay đã lên trời thì khoèo cổ nó xuống cũng mệt chứ dễ đâu, còn đậu dưới đất lắm khi chỉ một trái nổ đặt đúng chỗ đủ ăn ngon một lần 3 chiếc. Chúng nó nằm đấy, lù lù trước mắt tôi như những con cú con cắt nhốt trong lồng, một ngày chưa đánh là một ngày cái đinh vít trong thân tôi còn xói sâu thêm. Không đốt được hết thì phá hỏng, không hỏng nát cũng buộc chúng sứt cánh mẻ đuôi, cùng lắm thì quấy rối cho tụi lái máy bay khó ăn khó ngủ, ra ngoài kia gặp cao xạ chúng sẽ run tay sớm vài tích tắc, hoa mắt hơn chút xíu nữa cũng có lợi cho ta bao nhiêu rồi!

Tiếng rền nặng của bầy "Đêm trời" đã quay lại, to dần. Tôi đếm hai lượt, ba lượt, vẫn đủ hai tốp tám chiếc từ hướng Tây bay về, lần lượt đáp xuống. À, sáu chiếc Con ma lại bò ra lượt nữa. Hay là sáu chiếc khác? Tôi hớ, quên không ghi số hiệu của tụi ban sáng, chúng giống nhau như một bầy cá đối.

Thôi, rõ rồi!

Sáu chiếc này mang bom và rốc-két nặng gấp rưỡi. Từng đôi cất cánh xong, không quần tròn đợi đủ bầy, bay thẳng luôn về phía núi, đường bay thấp. Ra đánh miền Bắc chúng đeo bom ít hơn vì xăng nhiều, có cả tên lửa không đối không hình trái đạn ba-dô-ca rất dài. Kiểu lên đường cũng sắm nắm kỹ càng hơn, lên cao đợi nhau, xếp hình xong mới lao đi, hẳn là miệng cầu Chúa trước khi phó mình cho phờ-lắc[(4)]. Quanh Đà Nẵng, nghe đâu trẻ em chăn trâu cũng đã quen nhận ra những tốp đi phá khu Bốn, đếm kỹ để đến tối mở đài đón tin thắng mới. Số máy bay bị thương cố rướn về phía Đà Nẵng để tụi lái nhảy dù cứ tăng lên mãi, một mớ rớt trong vùng giải phóng, một đống xác ùn dần trên bãi cát đâu ngoài Nam Ô, số này miền Bắc không tính, coi như biếu phần chiến công cho bà con trong này. Tam Lý hôm nọ được hưởng một chiếc F.100 như thế, đúng là của trên trời rơi xuống, du kích cả xã gò mỗi người được một ăng-gô mới tinh.

Nam với Bắc nghe nhau qua hai đài chị em đã gần hơn hồi chống Pháp nhiều, giờ lại xích sát nhau với máy bay Mỹ ra vào từng giờ. Tới ngày nào đó, nếu một chiếc phản lực của ta ngon trớn lướt qua đây cho bà con thấy cờ đỏ sao vàng trên cánh nhỉ! Sẽ xảy ra một chuyện rất khó hiểu: tiếng kêu “tàu bay”, lần đầu tiên sau một phần tư thế kỷ, sẽ không báo bom sắp rơi, không gây cái phản xạ tay chụp súng và mắt tìm hào đã quá nhuyễn vào người. Máy bay của ta, của ta, chắc đẹp lạ lắm...

* * *

Cái gì vậy?

Tôi tự hỏi, hơi lo. Tôi vừa xem đồng hồ 2 lần. Lần đầu một giờ bảy phút, lần sau một giờ hai mươi ba phút. Giữa hai lần xem ấy không có gì cả: không một ý nghĩ, một cử động. Tôi vẫn đứng, vịn tay vào mép hố, nhìn sân bay y như cũ. Chớp một cái, nó đổi như ảo thuật: lũ thợ máy của F.4 biến mất, một chiếc Gip hiện giữa sân bay như đội bê-tông chui lên... Tôi đã lịm đi mười sáu phút, mắt vẫn mở. Coi chừng. Cơn mê sau có thể dài hơn, có thể vĩnh viễn. Năm 61 tôi lạc rừng và sốt nặng chín ngày, tôi biết người sắp chết đói chỉ

yếu dần đi mà không thấy đói. Ở đây, cái cảm giác nắng không đánh vào gáy tôi như ma-trắc của cảnh sát địch, chỉ ru tôi ngủ như một ống gác-đê-nan.

Trời vắng mây, đứng gió, rất ác. Nắng trưa rót thẳng xuống hố cát, không né đâu được. Tôi đang trải qua mấy giờ nguy hiểm nhất. Hôm qua canh trưa có gió, đôi lúc mây đi qua đầu, hố cát còn ẩm, nước uống khá hơn, và tôi còn khoẻ. Sang ngày thứ hai, tôi mệt ngay từ lúc mặt trời mới lên một con sào. Căng dù làm lều cũng hay, nhưng lỡ gió thổi rung rinh hay L.19 rà thấp thì dễ lộ.

Trở về với chiến thuật quen, tôi làm việc thật nhiều cho quên cái xác phàm đang bị vùi trong nồi đất hầm muối. Chân tay cựa được ít thì tung hoành bằng mắt, nghĩ bao đồng thêm vào, triết lý càn khôn cứ thả xăng đi. Mỗi lúc quay về với mình, tôi chỉ thấy ngứa rát không sót chỗ nào, từ đôi mí mắt nhám như nổi hột cọ vào tròng, cặp môi dộp và nứt nẻ, đến tay chân cạn mồ hôi teo lại, sần sùi, sắp nứt. Bụi cát đóng dầy tận bên trong mũi, dọc cổ họng và cuống phổi. Đấy nhé, tôi thèm một nước da phong trần dầu dãi để khỏi bị gọi là học trò bột, nay mới được một lần phơi kỹ, phàn nàn gì. Các anh đã từng đánh Tây kể rằng có một số anh em mình bị bắt trong chiến đấu, Tây ép làm lính cho nó, đem đút vào lò, hấp đen thui cho giống lính Phi. Nếu đúng thì tôi cũng đang thi gan chịu hấp đây nè. Qua được hết.

Thú nhất là nghĩ đến Mẫn. Một cô như Mộng Nga dễ chê đen chê gầy – Duy Hảo đừng bực nhé – còn Mẫn thấy tôi về với bộ mặt hốc hác và sạm nắng sẽ quý tôi gấp mấy lần chẳng biết. Người yêu của tôi tuyệt vậy đó. Còn nửa bi đông nước, tôi chỉ dám nhấp vừa đủ dẻo nước bọt và đỡ cháy cổ, nhớ Mẫn chút xíu để bù chỗ nước thiếu. Khi vắng gió cũng vậy, Mẫn thay gió. Tôi sống với Mẫn từng lúc, chỉ vài phút thôi, nhưng mỗi luồng nhớ sáng chói như sét ấy bằng cả một tháng lù mù đèn dầu cộng lại. Sét nổ thì trời dông đỡ oi đúng thật. Sau đó tôi nhẹ người hẳn, lại nhấc ống dòm chõ vào thế giới bên kia, cái "thế giới tự do" đầy kẽm gai và bao cát trước mặt.

Dù mệt đến mấy, cứ xem lính Mỹ sống dở chết dở vì nắng là tôi cười phì, sướng rơn, cứ muốn ông trời đổ thêm than vào lò mà nướng trái đất, tôi đua tài chịu nóng với Mỹ không khó. Cả ta lẫn

địch xúm vào dỗ tôi cố gan lì. Đôi má thơm mịn của Mẫn cũng như cái mặt tía nhễ nhại của tụi cổ da đều giúp tôi tỉnh ra, khoẻ thêm. Buồn cười nhỉ. Nhà tôi ở Qui Nhơn có dán một bức tranh ám khói che chỗ tường lở, vẽ một cô tiên đứng trên mây, cọp và trăn lúc nhúc ở dưới, tôi còn nhớ cô tiên bị lé, hai mắt nhìn hai đầu nhà. Mẫn không lé, đẹp hơn.

Cái nôi của Út Hiền treo cạnh đó. Má tôi xay bột làm bánh bán, thỉnh thoảng ngón chân kẹp sợi dây đưa nôi kéo một cái. Má ru to cho con nghe:

Thạch Sanh ngó lại tức thời

Thấy hình quái dị trong đời lạ thay

Trắng, đen, xanh, đỏ đủ rày

Mình thời lốm đốm xem nay có ngời

Mày vàng nanh trắng lạ đời

Con chi nào biết, mình thời có khoang

Trừng hai con mắt chang bang

Mặt bằng cái sịa, hình trang cái bồ…

Cái con chằn tinh ấy, nghĩ tới nghĩ lui lại giống hệt thằng cha lính rằn ri Mỹ, lính Huê kỳ theo cách hiểu của mẹ Sáu.

Tiểu đội Mỹ gác ngoài hàng rào biên đằng kia chỉ bò ra ban ngày, diễn trò cho tôi mua vui không mất tiền. Khoảng bảy giờ sáng, chúng tản rộng khom lưng bước tới chực đánh nhau với lũ hầm hố do chúng đào sẵn. Chiếm lại được trận địa, chúng dựng hai cái lều xanh khá rộng trùm trên hai hầm lớn đã che thêm bao cát, thay nhau ra ngồi gác bên các hố bắn. Lúc ấy coi bộ bảnh lắm, mới thắng trận giành công sự mà. Áo xăn trên cùi chỏ, súng cầm ngang, chân dạng, chẳng thua những chú lính chì bày cửa hiệu đồ chơi. Thằng hạ sĩ mặt ngựa, đeo hai chữ V màu vàng nằm úp sấp trên bắp tay trái thích đi dạo chụp ảnh, trỏ cái ba toong như gậy thống chế. Cấp hiệu Mỹ rối rắm hơn ngụy nhiều, khó nhớ. Mấy đứa lấp ló trong lều đọc báo, viết thư, nhất là đánh bạc ăn tiền, rút ra nhét vào những tờ đô-la xanh lá. Tới khoảng chín giờ trở đi chúng bắt đầu lử lả. Các thứ đè nặng trên người rụng dần. Mũ sắt và áo giáp rớt trước. Rồi

áo va-rơ. Rồi sơ-mi, quần dài. Đến trưa chỉ còn một đứa gác ngoài, cả bọn co hết vào trong lều, đỏ lòm như mớ tôm luộc, trên thân độc một cái xi-líp, vài đứa cởi truồng hẳn mà nằm xà-lim vải. Hôm qua thằng gác lăn đùng ra giãy, xe chữ thập đỏ đến chở. Tên thiếu uý hay trung uý gì đó đi soát lính - bị nắng chói, tôi không nhận ra cái vạch ngang trên cầu vai nó mạ vàng hay bạc - chỉ đứng trên xe Gip quát chõ qua rào biên, chuồn gấp, xe nó chạy trên con đường tuần tiễu rải đá giữa hai lớp rào. Mới sáng nay tụi lính chửi nhau té tát, qua ống dòm tôi chỉ thấy những bộ mặt muốn cắn.

Ấy là chúng chưa bị nước vây bốn bề, chưa ăn bắp chuối với hột gắm, chưa lội những ruộng bùn đầy chông, mới chọi nhau với nắng thôi. Kéo vào đóng trên vùng cát hoang để trốn cái thòng lọng đỏ của dân thít cổ, chúng nó rơi ngay vào những "bát bụi" của bang Ô-kla-hô-ma, với bão cát và nắng không cây che. Ngồi nồng nỗng ra đấy ngó lên vùng rừng đại ngàn phía Tây kia, nghe chuyện những người du kích mặc áo ngủ giật gân hơn mọi thứ sách trinh thám bìa đen, chúng vã thêm mồ hôi lạnh ra ngoài mồ hôi nóng, chim kêu cá vùng đều giật thót, cố đoán xem "mười lăm phút hoả lực" mang trên thân có giữ được mạng không. Chúng tìm yên tĩnh trong ma tuý, tìm gan dạ trong rượu, tìm lòng tin ở những lá bùa quái gở nhất mua lậu bằng giá đắt. Tất nhiên chúng còn cầu Chúa. Chẳng mất xu nào, tội gì không cầu phứa đi. Chúa ở khắp nơi xin che chở cho con thoát bàn tay của Vi-xi cũng vô hình mà có mặt khắp nơi như Chúa!

Mỹ đấy.

Thêm một thứ giặc nữa trên đất mình đã chôn không biết bao nhiêu xác giặc, lớp trên đè lớp dưới. Nếu có ma, tụi âm hồn đi cướp cháo lá đa ở Việt Nam hẳn phải nói rất nhiều thứ tiếng, nay lại thêm một bầy nữa biết nói tiếng ô-kê bằng giọng mũi, ông thầy Mười đã dịch ô-kê là con gà đen, ăn nên thuốc.

Cả loài người đang chửi Mỹ rầm rầm, cũng đang khắc khoải hỏi chúng ta: liệu có thắng nổi Mỹ không, các bạn Việt Nam? Ai kia làm cách mạng xa-lông muốn bốc hay xìu tùy thích, còn những anh hùng du kích trên các vành đai Biên Hoà, Đà Nẵng, Chu Lai đã đáp bằng tiếng súng nhịp đôi: thắng được. Tôi đang chĩa ống dòm vào rốn Mỹ đây, tìm chỗ chích mũi gai cho con cua to chết cứng theo kiểu dân

chài, cũng xin góp một lời thắng được… Thêm một thằng nữa ngã ngất kia, bên đường băng phụ, nó đang đẩy xe bom đến mắc vào cánh máy bay. Nắng nữa đi, tiểu thử đại thử đi, đặc biệt thử càng hay, nắng đến cái độ xăng tự cháy và bom tự nổ đi!

Hai chiếc C.47 cất cánh xong, ba cặp F.4 ban nãy quay về thành hai tốp. Một chiếc trong tốp đầu bay thấp hơn, loạng choạng, không xì khói. Tụi bò sát kéo ra đông, một xe chữ thập đỏ bóp còi chạy tới, mở cửa sau, cái cáng tải thương thò đầu sẵn. À, thằng lái ăn đạn. Tiếc thật, loại này hai đứa lái, nếu là Thần sấm hay Thập tự quân thì ăn bùn tráng miệng từ lâu. Một xe cứu hoả đỏ lòm cũng tới. Chiếc Con ma rẽ khỏi đội hình, lao xuống, vẫn lúc lắc, lúc lắc, có lẽ hỏng đuôi ngang nữa. Như con voi điên, nó vừa quẫy vừa rống vỡ tai, bay sạt trên dải bê-tông dài tít tắp, bánh xe cách đất chừng nửa thước và cứ trượt mãi trên không khí, tuồn tuột thẳng một hơi không chịu chạm đường băng. Tới đoạn sân đất PSP[(5)]đằng cuối, có lẽ chỉ dùng đón máy bay quá đà, nó ngoi lên, sà sà vòng lại. Khốn rồi Mỹ ơi! Hồi nãy cất cánh ngổ ngáo cho lắm, tường chừng đã ra ma thì chẳng bao giờ phải chết lần nữa, để bây giờ lắc nhé, rú nhé, đau quá mà. Cái hình lát khế trắng trên đĩa xanh gác hai đôi đũa, phù hiệu của tàu bay Mỹ sơn bên đầu, cũng mở con mắt thất đảm nhìn sự tan xương tới gần.

Lũ người và xe chạy dạt vào các ngả phụ. Cái khối siêu âm trắng bạc gào một tiếng dài tuyệt vọng, ép mình xuống. Bánh xe đụng đất, xịt hai luồng khói trắng, lại bị đất đẩy vọt lên ngay. Thảm hại không. Máy bay của hải quân, vốn quen đi về trên tàu mẹ, bây giờ không đáp nổi cái sân dài thượt trên bộ này, hẳn đã bị đòn âm khá nặng. Nó thử keo thứ ba. Nổ đi mày, cháy đi…Nó gầm yếu hơn, tiếng không khí rít nghe rõ hẳn ra, nhưng thân nó run như động kinh. Nó hết giống voi điên, biến ra con chim dữ bị giập hai chân và mỏi rã cánh, vừa đậu xuống tổ lại phải quần quại nhấc mình lên. Hỏng nữa. Nó rướn lên cao, bay lảo đảo ra biển với dáng rất là ma lạc mồ, chếch hướng Bắc. Một cặp trực thăng bốc lên giữa bụi mù, đuổi theo ì ạch. Tôi xoay ống dòm theo mãi đến khi cả ba khuất sau hàng dương rậm. Nó đi chết ở đâu? Đủ sức ra đến nghĩa địa tàu bay

ngoài Đà Nẵng hay tõm xuống biển với một thằng lái không nhảy dù được?

Tôi đang xem mấy chiếc còn lại hạ cánh, chợt thấy khúc đường băng từ từ cong lên, uốn như rắn. Máy bay và các nhà hầm đảo chòng chành, mờ dần, biến mất.

Tôi nhấc ống dòm khỏi mắt, trông thấy nó tuột rơi khỏi hai bàn tay nhũn đang nắn nắn không khí. Rồi không thấy gì nữa. Chỉ còn lửa. Một vầng lửa xoay tròn, đổi chiều quay liên tiếp, réo ồn. Ngực bị bóp cứng. Tôi ngã xuống hố cát. Cái cảm giác cát nóng đập vào lưng dội từ xa lắm, len lỏi vào đầu tôi đặc những hồ. Ở đấy có một ý nghĩ vuốt êm: "Mình sẽ ngủ, đỡ mệt". Tôi buông mình vào cơn mê đang đến. Sắp đêm. Tôi được nghỉ rồi. Đêm xoã đôi cánh không trăng sao ôm tôi, nhẹ và mát như xu-xoa[(6)].

Một ý mới huých cùi tay chen tới: "Ngất thì chết luôn. Chết. Thua tụi nó, thua rồi…"

Cơn tức châm xói trong óc. Tai đau buốt như hít nước vào mũi, quẫy mạnh một cái. Cưỡng lại đi. Không lịm. Cưỡng, mở mắt ra, bắt thân động đậy dù chỉ một ngón tay. Tôi quẫy nữa, chợt thấy mình nằm nghiêng. Đêm đã hé cánh. Co thử cái tay xem. Nó nặng như cầm tạ nhưng cựa được. Tôi chống tay nhỏm dậy một chút, ngã. Nhỏm, lại ngã. Chưa bao giờ tôi bị đạp giúi tàn tệ đến vậy. Một nỗi uất ghê gớm ập đến, xốc ngược tôi lên. Tôi nghiến muốn vỡ răng, vùng rất mạnh, bật người chồm dậy, dựa lưng ngay vào thành cát, ngồi run lập cập, mồ hôi cạn từ đâu bỗng túa khắp thân lạnh sởn da gà. Bắt đầu thở được. Tôi đã thắng cơn say nắng, thắng cái chết.

Chiếm được đầu cầu của sự sống rồi, phải tiến sâu ngay. Tôi căng gân, nhấc bàn tay từng khúc một, dấp ít nước cuối cùng vào khăn, trùm lên đầu. Tôi làm được một việc lớn không ngờ: móc mấy góc dù vào gai xương rồng, thành cái lều méo mó đủ che một mảng bóng. Tiếng máu bật bông pưng pưng trong tai giảm dần. Hơn ba giờ chiều. Tất cả những gì cần nắm, tôi đã xem, nghe và ghi xong cả.

Nghỉ đã, nhưng cấm ngủ.

Tôi ngả lưng dưới tấm dù, phẩy quạt mo, giữ đôi mắt mở to cho tỉnh, buộc cái đầu làm việc, không để nguội máy.

Rõ là tôi bị ngộ độc cái chất lính Mỹ. Suốt tuần qua tôi bám chúng nó đến kiệt sức. Ngày nằm chuồng chim xem Mỹ, đêm thức trắng, lội quanh hay bò vào căn cứ, thêm những cơn căm giận bùng lên nén xuống cũng hao người như mất ngủ. Cả khi chợp mắt một lát - chỉ dám ngủ chập chờn để tránh ngáy và cựa - dưới mi mắt tôi vẫn lổn nhổn từng đống kẽm gai nhào kẹo với lính, mũi tôi thở mùi xăng cháy và bựa đồ hộp, trong khi những khối chiêm bao đen nặng cứ lăn mãi qua đầu, kéo theo chuỗi tiếng nổ lùng bùng không hề dứt. Cuốn sổ tay một trăm trang đã dầy đến hai phần ba những con số, hình vẽ, những dòng lít nhít viết tắt vừa đủ nhớ, những dấu hỏi cần trả lời. Trong khi đó, tôi ngấm độc mỗi ngày một ít mà không biết, đến độ hai ngày phơi nắng đủ quật nhào. Thôi nhé, cho cậu xả hơi vài giờ.

Tôi kéo cánh tay áo trái dầy cộp mồ hôi và đất. Mặt trong của bắp tay ít xù xì nhất. Tôi nhắm mắt, hôn Mẫn một cái thật dài trên bắp tay, gửi đến Mẫn một luồng nhớ sấm chớp và tỉnh ra hẳn.

Có bọn Chu Lai làm nền sẫm, người yêu của tôi càng tỏ rạng gấp bội. Cũng trong những ngày khó nhọc này, tôi càng mừng được yêu Mẫn và được Mẫn yêu. Tôi biết lắm, nếu tôi nằm liệt trong hố cát này, chính Mẫn sẽ đi cứu. Tôi mất đi một tay một chân, Mẫn sẽ bù bằng muôn ngàn chăm sóc nếu không sẻ được tay chân cho tôi. Tôi nghĩ sai, làm bậy, đã có đôi mắt ngạc nhiên của Mẫn ngăn lại, hay một lời khuyên dịu mà rất thấm. Tôi không thể ngờ sẽ tìm thấy một người yêu - đồng chí lạ lùng đến thế trong đời, tuy hồi mới quen Mẫn tôi đi trên mỏ vàng mà chỉ thấy sỏi. “Nó yêu anh, phục anh…”, chị Tám nói vậy. Cái khó bây giờ là tôi phải xứng đáng cho Mẫn yêu và phục mãi mãi – khó lắm chứ - đừng như con công xoè đuôi một lát rồi lại cụp.

Trên người tôi chưa có thứ gì của Mẫn cả, tiếc nhỉ…À, có đây, cây kim băng Mẫn gài thay chỗ đứt nút trên cổ áo tôi. Tôi tháo nó đặt trên bắp tay, hôn lần nữa, bật cười thấy mình trẻ con. Cái miệng ran rát. Môi nẻ nhiều lắm rồi, lớp da ngoài nhám như vỏ cây, cọ đau cả đầu lưỡi liếm. Tôi dốc ngược bi đông, chấm môi vào những giọt rỉ

chậm cuối cùng. Cái túi nhựa cho được mươi giọt. Muốn đái mà uống cũng chịu, người tôi không còn một giọt để thải ra nữa, cả mồ hôi cũng kiệt. Cố chịu đến tối. Không cựa quậy nữa, dưỡng sức thôi. Tôi quạt đều, ngắm trời ngắm đất, cho bộ óc đi phép thật xa cái thân cóc phơi hai nắng.

Trên đầu tôi trời trải thảm xanh lơ, đã điểm một ít mây. Trời Việt Nam là gương in hình mặt biển, hôm nay biển lặng nền trời trong. Những cụm mây cao đứng im và mây thấp đang trôi kia là bóng các đảo đang nhìn thuyền ta đi qua. Mấy cục mây đen lấp ló đằng xa: tàu hạm đội Bảy đấy, không thèm ngó, tôi đang giải độc mà. Tôi lim dim uống trời bằng mắt. Tôi lắc lư bay lên, tắm trong biển xanh lâng ấy cho sạch chất Mỹ.

Gió thổi rung tấm dù, không sao, tôi mắc nó rất thấp và con bóng đã đổ nghiêng. Một mảng mây trắng kéo ngang mặt trời, thích ghê. Tôi đang nằm trên cặp cây ganh[(7)] của một chiếc thuyền tung hết buồm lướt giữa biển xanh và trời xanh, nghiêng ngả. Tấm buồm no gió mở rộng mãi trong mắt tôi.

Buồm trắng… Nhiều cánh buồm lớn trên cao…

Nguyễn Huệ, tôi lại gặp Người?

* * *

Trường cấp ba Quang Trung rải lớp trong các miếu, điếm canh, nhà đồng bào, dưới những tán dừa Bình Định che mắt tàu bay Tây. Ở đấy có một chú học trò nhóc, đêm xách đèn thầu dầu dừa và ôm ghế xếp tới lớp, ngày lùa trâu ra đồng mang theo vở làm bài.

Chú học chăm, làm nhiều, mơ không ít. Động từ nào của chú cũng thêm tiếng sẽ đằng trước, rất ít đã. Chú ước má may cho một cái quần dài, ước thành tướng của Nguyễn Huệ, hai điều khó gần ngang nhau, bởi má chú nghèo lắm và ông Nguyễn Huệ chết mất rồi. Đêm hè, chú vừa luồn tay đập muỗi đốt chân vừa dịch đoạn văn của Đickenx[(8)] chép trên bảng, nộp bài xong chú ngồi vẽ những cây thần công dàn trên cửa Thi Nại, còn hai dãy bày chơi trước toà sứ Quy Nhơn. Tới khi gió bấc chuyển lạnh cóng buổi chăn trâu, chú kéo áo tơi lá che cặp chân trần, kê cuốn vở giấy nứa lên đầu gối, tìm cách chứng minh định đề Ơcơlít, đã thèm không được chú mới nhảy

lên lưng trâu đánh đi ăn đồng khác, thấy mình đang cưỡi voi tiến vào Gia Định. Cả khi rước đuốc hô loa đòi giảm tô – má chú hẹn bớt tô sẽ may quần dài – chú cũng tưởng đang cùng nghĩa quân Tây Sơn bôn ba đi cứu Thăng Long bị giặc chiếm.

Tất nhiên chú không hở những mộng mị ban ngày ấy cho ai, sợ cười. Giấu sao nổi. Các bạn giễu cả mớ rồi đổi tên chú từ Đặng Đức Thiêm ra Đô đốc Thiêm. Chú gắt, nguẩy, rồi lại thu thú, hay cười tủm tỉm một mình.

Ở cái lứa tuổi mà mặt mũi cũng như tính nết đều đang còn chấm phá, mỗi năm một khác, những ham thích của tôi thường thiếu nét và hay sớm nở tối tàn, chỉ ít lâu sau tôi đã ôn lại để chế nhạo mình. Tuy vậy vẫn có những cái còn nguyên. Thời con nít ấy để lại cho tôi mấy đốm lửa cháy mãi đến nay không tắt, mà đã không tắt thì chỉ có cháy to hơn, lửa thật hay lửa thiêng đều thế cả.

Tôi mê Bác Hồ, mê lắm lắm. Tôi hay nói chuyện với Bác bằng những dòng nhật ký nắn nót, cất rất kỹ tuy không có gì đáng xấu hổ. Tôi tập ghép vần thành những câu thơ nhớ Bác, nóng bỏng và lủng củng, chẳng cho ai xem. Sau Bác Hồ đến bộ đội. Tôi không rời được các anh vệ quốc mặc xita xám hay về làng tập trận, hễ mó vào cây súng là tôi nổi trống ngực thình thình.

Một đứa trẻ biết yêu Bác Hồ và bộ đội, còn gì dễ hiểu hơn, nói ra ai cũng ưng ý cả. Riêng cái cảm tình với Nguyễn Huệ thì khá rắc rối. Đã có lúc tôi rầu rầu nghĩ rằng dù sao ổng cũng lỡ dại làm vua, ai lại đi thương một tay phong kiến bự. Đến khi ánh đỏ của tư tưởng mới đã soi sáng thêm những nét đẹp của Nguyễn Huệ, tôi yên bụng, mừng, nhưng vẫn thấy lạ: tại sao một con người khác xa tôi đến thế lại có sức gợi cảm sớm thế, từ tuổi nhỏ? Nếu vì lẽ sinh ra cùng tỉnh, tại sao ba tôi chẳng để ý đến người đồng hương lớn ấy?

Suy đi gẫm lại, tới nay râu đã rậm cằm, tôi mới nghiệm ra rằng tôi luôn khát khao một cuộc sống lý tưởng, nó cùng chiều nhưng ở trên và đi trước cuộc đời thực hằng ngày, tôi cần cả cái quần dài lẫn cái mộng đánh Nam dẹp Bắc. Những chuyện ông già bà lão kể về Nguyễn Huệ, ngày một ngày hai, đã dựng cho tôi từ lúc nào không biết một mẫu người thật đẹp. Nguyễn Huệ đứng trên cao, trông ít rõ,

càng hay chứ sao, một chút huyền ảo ở đây chỉ làm đẹp thêm thôi, và khoảng cách cả vùng trời rộng lại cuốn hút tôi vẫy cánh bay mạnh lên theo hướng anh hùng.

Những năm cạo muội trong xi lanh, chi chút hột lúa rẫy hay lái hướng viên đạn không làm tôi bớt mơ ước. Trái lại, cái thế giới của những Con Người Lý Tưởng càng thêm đông, thêm gần gũi. Chung quanh Bác Hồ với Nguyễn Huệ, có Võ Thị Sáu, Thạch Sanh, Lý Tự Trọng, có chú bộ đội cõng tôi đi tản cư, có anh Năm Xáng chính trị viên đã ngã, có nhiều nữa. Tôi kính cẩn đục đá dựng bia trong tim, dành phần sâu kín nhất trong tôi để sống với những người bạn lớn ấy, lặng lẽ đón những bài học về đạo đức làm người.

Có những phút nào đó – như phút này, nằm rã rời sau cơn say nắng, ngay bên giặc Mỹ - khoảng cách giữa các Con Người Lý Tưởng với tôi dần dần biến mất. Tôi hoá thân, tôi buông mình cho tan vào mơ ước, đến với các anh hùng…

Nguyễn Huệ, có tôi đây bên Người!

Trên đoàn tàu rất mới lạ của Người, tôi đang đứng. Mặt tôi sạm đen qua mấy tháng tập trận trên sông Thi Nại, theo tiếng loa rất trẻ của ông đô đốc Tuyết. Tàu đã căng buồm đón nồm, ra trận. Tôi dạo trên sàn gỗ cao, kiêu hãnh ngắm sáu chục khẩu thần công dàn chung quanh be tàu, cúi xem đoàn voi chiến ung dung cuốn cỏ dưới lòng sâu. Chung quanh tôi là bảy trăm bạn thuỷ binh đợi giờ đổ bộ. Anh đô vật làng Cá với những tiếng mô tê răng rứa còn nguyên, là trưởng đội của tôi. Tôi vác súng hoả mai, đeo mã tấu, cầm ống hoả hổ, đang nghe đọc trong loa lời giáo lệnh của Bắc Bình Vương dạy đường ăn ở với dân. Đằng trước, đằng sau, như một đàn cò lớn chưa từng thấy, hơn một ngàn tàu buồm Tây Sơn ào ào bay trên biển Đông, cờ đỏ vẫy rừng rực giữa buồm trắng. Chúng tôi đây, những người lính thuỷ đánh bộ Việt Nam đội trời đạp đất theo Nguyễn Huệ, thắng từ Rạch Gầm thắng tới Hạ Long, thanh gươm mái chèo thu góp lại giang sơn liền một dải, sảng khoái vô cùng!

Nguyễn Huệ… Người mất rồi!

Người không còn đứng trên bành voi gọi chúng tôi bằng cái giọng Bình Định thân thương, vẫy cánh tay áo sạm khói thuốc súng trước

hàng quân kéo vào Phú Xuân, Gia Định hay Thăng Long. Chúng tôi nhảy nước mắt nhớ vị tướng dẫn đầu khi nghe lời thơ cắt ruột của Ngọc Hân khóc Người. Ông đô đốc với anh Sáu Thìn biến vào núi Chúa xanh sẫm kia, ra khỏi tầm mắt trần. Tôi còn đây. Đứa cháu Bác Hồ nằm bên căn cứ lính thuỷ đánh bộ Mỹ đây vẫn nghe sang sảng lời Nguyễn Huệ mắng giặc phương Tây, cái bọn mắt rắn xanh từ biển giạt vào, đem khí cầu bay, tàu chiến và súng to doạ người, có gì mà sợ… Bác Hồ tiếp Nguyễn Huệ. Lời Bác sang sảng mắng giặc Mỹ từng ngày rung trên vòm xanh kia. Tôi bay lên. Hãy cho tôi bay cao, lên cao mãi theo bóng buồm trắng của Nguyễn Huệ và những sóng điện mang giọng Bác Hồ, cho tôi đi vào thế giới huyền diệu của lý tưởng làm người…

Tôi nằm trên cát nóng, mở mắt nhìn trời mà mơ dài dài về xưa và nay, cho đến khi bầy F.105 từ phía Bắc sạt tới chọc thủng tường âm thanh bằng tiếng nổ như sét ngang đầu. Chúng nó đưa Thần Sấm đến Chu Lai. Đánh tụi này, chia lửa với miền Bắc sướng nhất. Tôi nhổm dậy, nhấc ống dòm bằng cặp tay đen và tóp hẳn đi. Khoẻ rồi. Lũ máy bay lởm chởm những ngạnh với mấu quần tròn đợi đáp xuống. Tôi lại đào bới cái chuồng Mỹ bằng luồng mắt, trước khi bóng núi miền Tây đổ xuống đến sân bay và trùm lên biển.

Tiểu đội Mỹ gác đằng kia đã kẹp súng ngó ra ngoài lều, phơi những cái xác đỏ cạch và rậm lông như một giống sâu róm lạ, rất độc. Tôi cần hiểu, nhưng chưa có thì giờ để hiểu riêng từng đứa trong bọn chúng, bởi họng súng của đứa nào cũng nhả cái chết vào bà con tôi. Tôi chưa thể nghĩ đến cái lí lịch găngxtơ của thằng Giắc, giấc mộng làm giàu to của thằng Giô, những cơn điên ma tuý, hêrôin của thằng Gim, mánh lới cờ bạc bịp của thằng Giôn, cuộc đời thất nghiệp dằng dặc khổ nhục của thằng Giery , những đêm khiếp sợ mất ngủ của thằng Giétx, và cả thằng Giêmx vừa bị cấp trên hăm doạ vì nói nhiều lời chống chiến tranh nữa, tôi cũng chưa tách riêng được. Chúng nó giăng trước mắt tôi một cái lô cốt xây gạch, phải nện rất mạnh vào cho từng viên gạch rời ra, hòn nát hòn lành về sau mới biết. Trước hết, phải giết nhiều Mỹ.

Cả khối nổ làm rã lô cốt ấy tôi đã có. Nó nhỏ và nhẹ. Đó là mảnh sọ của cháu Hoàn còn dính óc trắng, loà xoà những sợi tóc mịn như

tơ.

* * *

Ra khỏi hố cát, tôi bò một quãng trong bọt sóng, vọt tiến, nằm ép tránh một tốp lính tuần, túm áo quần vào túi nhựa bơi qua một dải biển thuốn vào đất – chà, nước mặn sao lắm lân tinh, quạt tay rất êm mà vẫn loé xanh biếc – rồi xoa tay dò mìn, trườn qua một lớp rào kẽm gai mới giăng sáng nay. Căn cứ Mỹ mở ra nhanh gớm. Tôi mất hai tiếng đồng hồ để vượt ba cây số, lọt ra ngoài.

Chị Tám đón tôi trong bãi sú với một cặp chai bia cam, em Liềm ít nói, một xoong cháo gà, hai cô du kích. Uống đã. Nước vào đến đâu cái xác héo của tôi sống dậy đến đấy, mát rượi và rất ấm. Đi công tác với các chị được cưng vậy đó, ai chưa biết thì xin truyền kinh nghiệm.

Vừa húp cháo tôi vừa nghe tin sốt dẻo. Trên Tứ Nhơn đang đào địa đạo, việc này giao hẳn cho Đoàn thanh niên, rầm rộ lắm. Út Liềm xuống gọi tôi về làng Cá họp đại hội chi bộ, mời luôn chị Tám dự. Hai cô du kích sẽ dẫn tôi qua vùng cát: có thêm gần ba chục cụm quân Mỹ đóng dã chiến, sư Hai nguỵ rào vòng ngoài kỹ hơn, đường lên xuống phải đổi nhiều. Địch chưa đủ sức càn lớn vì bị hút lên Việt An. Chủ lực ta nện trống chầu trên ấy không ngớt tay, đến trận Việt An 6 rồi, các vùng biển và ven thành được đà rùng rùng nổi dậy. Ta vẫn đua nước rút với Mỹ, rất khoái.

Thấy chị Tám đưa tay ra bắt, tôi hỏi ngớ ngẩn:

– Chị ở lại à?

Ba cô kia bật cười. Chao, vẫn cái nếp nghĩ quân sự “cà nhắc một chân”! Sáng mai Út Liềm với chị Tám sẽ đèo nhau phóng xe đạp qua mũi địch mà về chứ. Một mình tôi phải tốn hai người tiền hô hậu ủng. Chị Tám và các cô không thấy chỗ kém ấy, cứ trầm trồ khen mãi cái anh gan quá gan hùm, vô sân bay nằm lộn với Mỹ. Thôi được, úm ba la chúng ta đều tốt. Tôi theo hai cô du kích luồn trong các bãi sú dọc cửa sông, thỉnh thoảng nép tránh canô quét đèn pha, men theo rào một ấp chiến lược, xuyên qua kẽ hở giữa hai cánh quân nằm rình dọc đường nhựa, lên làng Cá. Tôi không hỏi tên hai

cô, chị S.22 vẫn rất nguyên tắc. Sáng mai họ sẽ về, hoặc đi luôn một chuyến chợ An Tân cho tiện đường. Nhẹ thật.

Mới gần nửa đêm, những con đường ruộng trắng mờ chưa ngấm sương sẫm màu. Tôi rẽ về nhà mẹ Sáu theo chỗ rào trổ sau vườn, định treo võng ngủ thật êm để mẹ khỏi dậy nấu khuya bắt tôi ăn. Nhưng nhà mẹ còn đèn sáng ngoài sân. Tôi vào cửa sau, đi rón rén lên nhà trên. Năm sáu bà con đang đạp chè trên cái sân đất rộng. Tôi định "hù" một tiếng chơi, chợt nghe mẹ Sáu gắt:

– Chè mày, chị em xúm đạp hết rồi. Moi hầm cả ngày, về ngả lưng cái đã, không ai khiến mà mày bòng chanh.

Mẫn đáp từ chỗ ang nước:

– Dạ, chơi một lát thôi mà.

Cái giọng tỉnh dìu dịu ấy… Tôi hồi hộp quá. Phần thưởng cho tôi đến sớm, đâm khó ra. Tôi gặp Mẫn lúc này rất không tiện, bởi tóc lợp nửa tai, râu dựng xồm xoàm như bàn chải răng, hệt những cậu trốn quân dịch trong lòng Đà Nẵng. Áo quần thối hoắc đến nỗi tôi đi ngoài ruộng mà chó trong xóm đã sủa, mé đuôi gió. Chẳng cần đỏm dáng, nhưng phải khác con gấu một chút chứ. Đi ngủ nhà khác, không đành. Tôi lùi vào góc nhà tối, ngồi xuống một bộ ván kê sát đất có ba em nhỏ đang ngáy, quạt nhè nhẹ.

Mẫn lẹp kẹp đôi guốc mộc vào sân. Hình như mới tắm xong, tóc kẹp còn láng và áo quần còn nếp gấp. Tay áo xăn, quần vo cao trên vế như sắp đi gặt. Mẫn phải rửa lại chân tay thật kỹ mới được đạp và giũ chè. Ngày xưa làng Cá còn có lệ ai để chân bẩn vào đạp chè là bị phạt heo, bởi chè cả làng sẽ bị chê nhớp, ế lây.

Moi hầm cả ngày à… Mẫn đang nắm hai thôn vùng cát kia mà. Địa đạo giao hẳn cho các chi đoàn thanh niên nhân dân cách mạng đứng ra tổ chức, sao Mẫn phải… Bỏ mẹ, Mẫn là bí thư xã đoàn, tôi quên phứt, chỉ nhớ cô chi uỷ nắm xã đội hay làm việc với tôi. Lắm chức quá. Mẫn còn là uỷ viên thường vụ của Thanh niên giải phóng, Phụ nữ giải phóng, hình như cả Nông dân giải phóng nữa. Chức nào cũng đúng chỗ cả mới gay. Có lần Mẫn than: "Cháu kẹt lắm, bá nghệ bá tri vị chi bá láp". Anh Luân gạ luôn: "Mày làm bí thơ kiêm chánh trị viên xã đội, bấy nhiêu thôi nghen?" Chắc chi bộ cũng ưng

vậy. Riêng tôi rất mong vậy. Rảnh rảnh để Mẫn được học thêm, được nghỉ một chút, rồi còn làm "chị Thiêm" nữa chứ! Mong cứ mong, nhưng tôi biết tham công tiếc việc như Mẫn thì suốt đời đừng hòng rảnh, trừ phi một lúc nào đó Mẫn ghi vào cuốn sổ công tác đã nát bìa hai chữ "lấy chồng", kèm một con số thứ tự càng nhỏ càng hay số hai hay ba gì đó…

Người khoẻ bận đào hầm cả, chỉ còn bà già giữ trẻ em ở nhà hái và đạp lứa chè tháng tư âm. Anh chị em du kích hở tay lúc nào lại tạt vào hái một giỏ, đạp vài nhả, trông vào ba lứa chè mỗi năm kiếm tiền sắm võng và áo quần. Cái cảnh đạp chè trông nhàn nhã hơn những đêm mài dừa ở quê tôi. Mỗi người ngả một cái nong sạch trên sân, đặt đèn con trên ghế, kê chung hai người một giá ngang bụng để vịn tay. Chè đã phơi héo. Đôi bàn chân trần đạp nhả chè chầm chậm, nhồi chè thành một khối bằng trái dừa từ từ lăn ra sau, lại túm cả lọn chè ra phía trước, đạp tiếp. Các cử động đều mềm và đẹp.

Mẫn trút chè xanh vào cái nong bỏ không, hỏi:

– Ai hát hay vậy bác?

– Giỡn chút mà. Mụ Ngận với tao giả làm nhơn ngãi hát chơi. Mụ đạp chỗ mày đó.

Út Hoà láu táu chen vào: "Chị Hai hát…", trượt chân trên lọn chè suýt ngã sấp. Mẫn mắng em như bà mẹ: "Con nít không được nói leo, nhớ chưa?". Hoà sợ chị một phép, chỉ dám le lưỡi chữa thẹn. Một chị đằng góc tiếp:

– Hát đi Mẫn, mẹ mày hồi xưa thua bác Sáu cái giọng mà giỏi nhớ câu nhứt.

Mẹ Sáu cầm đèn soi vào nong, giũ giũ mớ chè đã nhũn và ngả sẫm gần như đen, chép miệng:

– Có đám hát lớn là bả ngồi sau lưng tao nhắc câu, cha, bả nhớ sắp lớp trong đầu. Mà bả khéo đổi vài ba chữ, chắp câu thành bài thiệt tới lanh. Bả bày mày nhiều lắm mà, Mẫn?

– Con gái đầu lòng, mẹ cháu tập cho hát ru em hoài. Sau thêm ít bài nữ nhi, than nghèo, vè cá vè chim, có gì đâu?

– Bộ mày không nhập tâm được ít chục câu huê tình á?

Mẫn bắt đầu đạp chè, tủm tỉm, có lẽ ranh ngầm:

– Mẹ cháu nói bây còn nhỏ nghe huê tình hư thân, thứ đó đợi lớn lên không ai dạy cũng thuộc nằm lòng.

Bầy pháo 105 dưới Chu Lai nổi bắn ào ào. Đạn nổ mé Quảng Ngãi, chắc anh em vùng Đông Bình Sơn lại làm ăn. Mẫn quay đầu, chăm chú nghe khá sâu, hình như tìm một tiếng gì khác nữa. Mìn, súng nhỏ, lựu đạn, cối cá nhân, những thứ xả dồn dồn vào một người bị lộ giữa rào thép gai hay sa vào ổ phục kích… có phải Mẫn đang lo cho tôi? Út Liềm chưa mang tin về. Tôi muốn gọi riêng cho Mẫn nghe thôi: “Anh đây, em”. Mẫn sẽ được một đêm ngủ ngon, không trăn trở. Khốn khổ cái thân tôi. Ra khỏi vòng vây của hơi xăng, ma dút cháy, tôi càng biết mình quá nặng mùi, và rời bọn Mỹ tồng ngồng thì cái thói quen chỉnh tề của người lính chủ lực, lại làm chủ tôi lập tức. Chịu thôi, đành tạm “co thủ” trong góc tối này.

Đáng lẽ chuồn êm sang nhà chị Biền có cái giếng xây đá ong nước rất ngọt, tắm giặt, cạo râu quay về ra mắt đồng chí xã đội, tôi lại ngồi im ngắm Mẫn cho thoả. Nhớ quá mà. Tại sao hồi mới gặp nhau, tôi chấm bề ngoài Mẫn chỉ được năm điểm trên mười thôi nhỉ? Bây giờ ít nhất phải được tám điểm, còn chừa một ít cho đúng cái lẽ nhân vô thập toàn. Càng nhìn càng ưa, thật chứ. Cả đôi mày rậm đen mà tôi từng chê là Trương Phi cũng góp sức tạo nên một kiểu đẹp riêng không gì thay được, xin gọi là kiểu Phan Thị Mẫn, tôi bắt đầu thấy những cặp mày lá liễu sao nhợt nhạt quá. Đôi chân thon của Mẫn rám đỏ sau mùa gặt, nếu đi đêm hẳn khó làm lộ tiêu cho tôi như trước, đang ấn trên mớ chè, bắp thịt dìu dịu chuyển dưới da như trong một điệu múa dẻo.

Chị hàng xóm giục lần nữa. Tôi đợi nghe Mẫn nhắc cái câu quen miệng: “Mỹ tới bên hông mà còn…” Nhưng Mẫn hơi giật mình, lúng túng như một cô học trò bị gọi giữa lúc đang nhìn qua cửa sổ:

– Dạ, em hát bậy thử…

Chẳng nghĩ ngợi hay đằng hắng dọn giọng gì cả, Mẫn làm luôn mấy câu hò đò đưa. Giọng Mẫn rất ấm và trong, có lẽ là nữ trung, nhưng Mẫn hát hết tám câu cứ trơn tuột đi như ngái ngủ ru em. Coi

như dở. Đấy nhé, lần đầu nghe Mẫn hát mà tôi đánh giá được vậy, rõ ra tôi rất công bằng phải đạo. Mẹ Sáu cũng chê thẳng:

– Hát kết mà in thể đọc bài vậy, ai dám kết với mày.

Mẹ Sáu hát. Mấy chị hàng xóm hát. Út Hoà cũng chen mấy câu quấy về một anh sợ vợ: thiếp ơi, thiếp đánh làm chi cho đau chàng! Mẫn nhồi chè đều chân, hai tay tì lên giá, đầu hơi cúi, nghĩ gì đấy. Khi tiếng cười chung quanh lắng lại, Mẫn từ từ ngửng đầu, tôi bắt gặp ánh chớp ranh mãnh, rất quen trong mắt cô gái. Mẫn hát chậm:

Trái lòn bon trong tròn ngoài méo

Trái sầu đâu trong héo ngoài tươi

Thương anh em chẳng dám nói cười…

Cũng cái giọng đò đưa ban nãy thôi nhưng sao tha thiết đến day dứt, xốn xang. Những đôi mắt chung quanh quay lại, đăm đăm:

Nước mắt lai láng chùi hoài không ngớt

Trời hỡi trời, sao chẳng bớt nhớ thương

Sợi chỉ hồng em lỡ vấn vương

Gặp anh một bữa nhớ thương ngàn ngày…

Em hát đấy phải không, em của anh? Hay tất cả những câu hát từ xưa rót vào tai anh đã kết thành hạt châu trong bình mật ong, thưởng cho anh đêm nay?

Con sào bịt sắt gác dọc be đã khô. Qua hết thác ghềnh thuyền xuôi trên mặt lụa của sông Lại hay sông Thu Bồn, quãng dưới. Cô lái đò nghiêng thân mềm tới trước, đẩy mái chèo êm như chỉ vịn trên giá đạp chè, bàn chân phải đưa lướt trên sạp ván theo người, và cánh chèo dài vuốt nước ra sau, không quẫy không xao. Giọng hò lọc qua trăng nước, khi bay đến những bờ bắp và dâu đã trong vắt lại, đẫm thơm hoa dẻ hoa lài. Khuya nữa, xa nữa, con thuyền tan vào sương trắng, chỉ còn lời yêu hiện sóng từ đâu đó toả trong khoảng không phớt xanh, chỉ có riêng tôi mới nhận ra Mẫn… Tôi cố kìm tiếng “em” chớm ngọt trên môi. Chỉ một tiếng kêu thầm thôi, tất cả sẽ ngưng đọng ngay thành người yêu bước đến bên tôi, đêm sẽ đen và vắng lại. Đừng gọi, ánh đèn dầu trên mặt Mẫn nổi sáng quá,

xoá hết nét, chỉ còn hai mảng đen của đôi mắt. Hãy để nguyên cho câu hò từ đôi mắt ấy trào ra, run run:

Ngó qua chín bãi mười đồng

Biển xanh xanh lắm mà không thấy người

Mênh mông con nước xa vời

Biết ai còn nhớ những lời ngày xưa

Trông anh như cá trông mưa

Ngày đêm thổn thức như đò đưa trông nồm…

Tôi mím môi, nuốt cái gì nghẹn ở cổ. Mẫn đang kể câu chuyện chúng tôi đấy, từ chỗ ngó ngơ đến một lời gắn bó, rồi những hôm Mẫn nhìn xuống mé Châu Lai. Không thể tin đấy chỉ là những câu gọt tỉa từ xưa tình cờ đến với Mẫn, lồng trong giọng hò. Mẫn có thật. Cuộc tình duyên của chúng tôi có thật. Chiêm bao đẹp không thể kéo dài đến tận hôm nay.

Sợi tóc mảnh của tiếng ngân cuối cùng bay xuôi gió rung rinh, chìm dần vào đêm cùng màu. Một chị đằng kia sờ khoé mắt. Cô Rốt Em cầm đuôi tóc đưa lên miệng cắn. Đợi một lát, Út Hoà khịt mũi, hỏi:

– Sao nữa chị?

– Sao là sao?

– Hát hay mà rầu quá. Thương gì phải la trời cực vậy, mọi bữa chị hát vui hơn.

Mẹ Sáu nhắc, giọng rất trầm, khác mọi khi:

– Nghe riết, chè chín không hay cứ đạp nát hết, tao bị rồi đó…Hồi con gái tụi tao cực trần thân, tới bây giờ sướng quá, chẳng biết gì ráo. Chớ bộ bây là gái đem lòng ưng trai, bây bưng trầu cau đi hỏi chồng à?

– Con trai họ biết chớ. Hả chị Hai?

Mẫn đưa tay vuốt mớ tóc xoã của em gái, nói nửa vui nửa nghiêm mà lại như xin lỗi:

– Mẹ dặn rồi, em còn nhỏ đừng nghe hát nhơn ngãi, tại bác Sáu bắt chị hát… Con trai họ biết bụng mình. Chê thì thôi, hễ thương họ

cũng thương gắt em à.

– Thương sao?

– Chà, họ nói … Say em như bướm say hoa, như ong say mật như ta say mình. Mê em vì nết vì tình… Mà thôi, đừng nghe chuyện tầm bậy…

– Bậy đâu, hay lắm chị!

– Thôi dẹp, Mỹ nó chực nuốt sống mà ở đó hát tào lao.

Có lẽ loạt pháo nổ loe loé ven đường Một nhắc Mẫn nhớ cái Chu Lai. Quái lạ thằng Mỹ, giữa lúc Mẫn đang mượn lời cũ nói thương tôi, nó cũng sủa vào phá đám! Mẹ Sáu gật gù:

– Con Hai thiệt tốt giọng, bị cái hát ít quá, để hư mất uổng. Bây giờ sẵn có câu nào đánh Mỹ cho ra thử coi. Hay con Hai giỏi chánh trị cứ đặt ra hát, sửa đi sửa lại riết rồi phải hay. Ào đi cháu!

Tôi phập phồng đợi. Nhưng Mẫn chỉ cười, soi đèn xem chè, trút mớ chè chín vào cái nia, tay trái rót nước và tay phải vẩy nhanh vào các ngón cho nước tưới đều. Nia chè ấy đã đầy. Mẫn ém gọn lại, lấy mấy tàu lá chuối phủ lên trên, ủ một đêm để sáng mai tãi phơi trên nong.

Mẫn đạp nhả chè cuối cùng và nói bông về tụi Mỹ sợ trâu như cọp. Phần tôi được mấy phút nhớ cháy bỏng, thế là vừa. Đến lúc này tôi mới nhận thấy các mẹ các cô làng Cá đen chân khắp lượt, như đi tất đen. Da người ngấm nhựa chè chát ban đêm, sáng ra ngấm bùn ruộng mà. Chân Mẫn rách tươm nhiều lần lại lành, tháo băng trắng muốt rồi đỏ dần lên, ngả nâu với bốn dấu dép cao su hằn rõ, bây giờ đen hẳn trong mùa hè. Hay nhỉ. Tôi không ngờ hai bàn chân có thể kể nhiều về con người đến vậy.

Chú thích:

(1) Tiếng lóng của không quân Mỹ, chỉ chung bọn làm việc dưới đất, không bay

(2)Mày định làm gì ở đấy?

Không….

[3]Bởi tụi nó đặt những trái mìn quỷ quái ấy khắp nơi. Nếu mày chán sống… Đi tới đi!

[4]Đạn cao xạ (Flak)

[5]Lát nền bằng thép tấm đục lỗ (pierced steel plank)

[6]Thạch

[7]Hoặc ghênh: cây do dựng bên hông thuyền để giữ thăng bằng

[8]Nhà văn hiện thực Anh thế kỷ 19

Chương 19

Đại hội chống Mỹ của chi bộ Tam Sa họp hai ngày, mỗi ngày đêm làm việc ba buổi, mười một tiếng, giữa một làng Cá im lìm, người biến đâu hết.

Làng Cá chống líp lại mà chưa từng phải chống hủy diệt lớn. Bà con chưa làm chòi đến lần thứ mười như các nơi đã nhiều năm giữ chính quyền. Ai cũng biết sẽ đến lúc đất này bị bom na-pan dựng rừng cây lửa, xe ủi đất nạo trắng nhà vườn, đồn to đồn nhỏ của Mỹ xổ đạn xuống mỗi dấu hiệu của sự sống, có cả mây hơi độc và pháo lân tinh. Dân làng Cá hay lên non xuống biển, đã thấy những cảnh ấy và nghĩ: "sắp tới lượt mình đây".

Cái ác liệt đang đến.

Nó không đổ ụp một lần như trận càn nước lũ, ầm ầm năm bảy ngày lại rút, mà leo từng bước, tăng từng ngày, khá rõ.

Buổi sáng nào đó, một trăm quả pháo nổ túi bụi. Mọi người nói: "À, quân nó lên". Quân không lên nhưng hôm sau pháo lại bắn một trăm và hơn nữa, mức pháo đổ đồng của mỗi ngày đã lên ngang cái độ pháo càn của thời đánh ngụy, còn lên tiếp. Rồi một chiều hai chiếc AD.6 ném bom dọc sông Rù Rì. Bà con chép miệng: "đã dặn đám đốt than, đụng tàu rà quần đừng có chạy mà!". Không phải địch nghi hay ta lộ gì cả, từ chiều ấy trở đi, máy bay ném mãi những bom nổ ngay và nổ chậm trên các đường mòn dẫn về Chu Lai. Xe tăng Mỹ bắt đầu đi tuần trên đường Một, lảy đạn 40 ly vào các sườn đồi. Đại đội biệt kích Hai của quận thọc vào Nhơn Thọ, bị đẩy xuống Lộc Thứ, không rút đi như trước mà nằm lì đấy. Thằng Chinh con lên tỉnh học cái gì đó một tuần, trở về Lộc Chánh coi trợn trạo hẳn ra, bắt đánh luôn tám người trong đình, hầm hè: "đất này cắt cho Mỹ rồi, ba thằng du kích nhắm chống nổi một sư đoàn Mỹ không mà bây dám theo?". Tất cả đều găng hơn trước.

Những ai tinh mắt đều thấy Chinh con có cái gì rối loạn ngay trong khi hắn lồng lộn như chó thiến rắc mảnh chai. Hắn chồm chồm

đấy rồi run đấy, cười dài một lát lại khóc. Hắn uống say là chửi cộng sản, chửi cha hắn, chửi bọn tướng Sài Gòn, chửi Huê Kỳ, chẳng sót ai. Mỗi người đoán một phách: cha con hắn có máu điên,hay hắn nghiện thuốc phiện trắng, hay hắn rầu chuyện nhà, hay lương tâm hắn cắn rứt, hay bà con bị giết về "đạp hồn"? Có thể mỗi thứ góp một chút?

Ông thầy Mười xuống ăn giỗ dưới Lộc Chánh, cà rà đổ rượu cho hắn say mềm, nghe hắn kể tâm sự. Hắn biết hắn khó sống dai. "Quốc gia" sắp thua được Mỹ vô cứu, so với việt cộng thì bên tám lượng bên nửa cân, chưa dễ gì ai ăn ai, nhưng cái đám tốt đen như hắn cầm bằng bị thí. Mỹ vô đặc nghịt mà không chịu cụ cựa, cứ đẩy lưng bọn chúng đi đánh cộng sản tới tới. Dân vây kiện ca-nông Mỹ, hắn giơ mặt hứng nước miếng. Bỏ việc ư? bọn quận doạ "trước thôi sau bắt", mà không vô tù thì cũng đi lính làm thằng binh nhì, cũng chết. Cha hắn trúng đạn vô ót, nằm dài ở Tam Kỳ nhai trầu và ăn báo hại, mỗi ngày không đủ một lít rượu thì nhè hắn mà rủa, hắn sợ rủa miết cũng ứng, phải xoay tiền gửi đều. Hắn chạy chọt kiếm một chỗ làm đỡ nguy hiểm, nhưng đút lót chưa đủ, "thành tích diệt Cộng" còn ít. Hắn đang lập công và vét tiền. Có điều tụi thằng Luân con Mẫn đời nào chịu để hắn kịp thoát. Đám tay chân của hắn khiếp dần, rã dần, tìm đường né chỗ trâu bò húc nhau... Chắc là hắn nói thật. Nhưng thằng ác ôn chán nghề vẫn cứ làm ác ôn, giết người, đốt nhà, dẫn quân đi càn.những đứa như hắn vẫn góp sức làm nên cái ác liệt đang lan nhanh trên vùng vành đai.

Trước mặt làng Cá, bọn giặc nổi ngày càng đỏ như vông đông như tiết. Trong làng Cá những tên giặc chìm cũng bắt đầu ngo ngoe.

Ban đầu người ta chỉ nghe tiếng than thở ngắn của số người lẽo đẽo theo sau phong trào, cách một quãng. Chỗ quen biết cả thôi. Ấy là chị Huyền Nhung, xanh rớt và lắm ghẻ ruồi, dạo xưa theo gánh hát Tân Duyên, chưa kịp lên sân khấu đã chửa hoang, phá thai vụng, ốm nặng, nay buôn vặt, õng ẹo với anh chồng hiền đến nỗi khắp vùng đều cười "chị nhõng nhẽo". Ấy là ông Năm Sô, được gọi là Năm So vì quá đỗi so đo hơn thiệt, hai chục năm biết cách mạng chỉ rút ra được một kinh nghiệm là phải luôn miệng kêu nghèo khổ ốm đau, làm vậy sẽ được chia ruộng nhiều, giảm đóng góp, miễn

dân công, lợi lắm. Ấy là bà Nẫm xóm Đuồi, cả làng quên tên thật mà chỉ biết bà Kênh cúa, bởi suốt ngày bà mếu máo “kinh quá đi”, trông thấy con gián đằng xa cũng nhất định kêu nheo nhéo mới ưng. Ấy là cái nhúm người lạc hậu mà làng nào cũng có hoặc ít hoặc nhiều, khi tăng khi giảm, và ở nơi phong trào mạnh thì cái mức lạc hậu cũng xấp xỉ mức trung bình ở nơi kém.

Địch chọn luồng gió trái ấy để thả hơi độc. Vài đứa xấu bắt đầu ghé miệng vào những lỗ tai xao xuyến. Đường đi của tin đồn bao giờ cũng vòng xuôi lộn ngược, khúc ẩn khúc hiện, càng phăng mối gần gốc càng khó tìm dấu.

– Đêm kia, đài mình chửi Mỹ nát mặt. Nó tính thả chất nguyên tử từ đường cái đen qua tới xứ Lào, đá cũng chảy nước hết, ác vậy để chi không chửi!

– Mình lên Tam Lý mua trâu, gặp ông cán bộ nói trong mách-tin nghe bắt mê. Sao hè...Mười bốn triệu dân đánh với hai trăm triệu, súng một cây chống súng trăm cây, dầu cho chết ráo còn một triệu cũng đánh, một người cũng đánh. Chu cha, thiệt là lập trường tới chữ.

– Cái số bà con mất tinh thần chạy về vùng địch đó, bây giờ Mỹ nó mua chuộc riết lắm. Phát bạc đô-la tiêu lu bù nè, đúc nhà xi-măng cho ở nè, ăn diện vung vinh lắm. Ghét nhứt là tới hồi độc lập họ lại sướng hơn mình...mà chắc gì mình còn sống tới ngày đó mà hưởng, hả thím?

– Mấy anh bộ đội nhắc phải cảnh giác nghen. Mỹ có máy dò người dưới hầm,có máy ép hơi độc xuống địa đạo như bão. Xã gì trong kia đào bảy tám cây số đê hai[(1)]chớ ít đâu, xuống núp kỹ, bị nó giết chẳng sót một mạng, lấp miệng hầm chôn luôn.

Tiếp đấy, tùy theo nét mặt và lời lẽ của người nghe, chúng bồi thêm một câu chuyện “nói riêng thôi nghe” hoặc lảng qua việc mùa màng, hoặc nở một nụ cười cố làm ra đần độn: “Ờ, ờ vậy hả, tôi dốt đui có biết gì đâu cứ tưởng...”

Thế rồi liên tiếp xảy ra những vụ đáng ngại. Chị Ba Phi cắp rổ đi chợ, bị thằng Chinh con chỉ mặt: “Mới được giấy khen xuất sắc, được bầu vô chấp hành Phụ nữ giải phóng, xuống đây không sợ tù

à?”. Hắn nói đúng y nhưng không bắt chị: “Để rộng cá trong lu cho mập, làm giỗ luôn thể”. Đội du kích xã hay tập trên gò Trúc buổi chiều, một trận pháo chụp khoảng hai trăm trái thình lình đổ xuống đấy từ ba đến bốn giờ, may gặp hôm anh em nghỉ. Trẻ em chăn trâu tìm thấy trên gò Mù U những dấu giày răng chó và dép cao su còn ướt. Nguồn tin của ta trên quận Lý Tín, tức huyện Nam Tam Kỳ, cho biết ở Tam Sa có hai điệp, một cũ gài lại và một mới lãnh việc, chưa dò ra tên. Ban an ninh xã đang cố lần dây moi củ, nghi mấy đứa mà chưa đủ chứng cớ xin trên bắt. Anh Tư Luân thử truy theo một tin nhảm tới cùng, “họ nói là ai nói?”, tóm một tay liên gia trưởng cũ đưa ra cảnh cáo trước dân, tay này không có gì đáng ngờ là điệp.

Bấy nhiêu cái khó mới đều có thực, đều làm căng óc mệt người. Song luồng gió chính vẫn mạnh. Cái đà xốc tới của đợt vật lộn giải phóng Tứ Nhơn còn đang cuốn người. Xong vụ gặt thiếu bồ thừa lúa, cả làng mừng hể hả. Thanh niên vừa dựng bia căm thù ghi tên những người chết vì tay địch: tấm bảng bằng hai chiếc chiếu dày đặc những tên đặt dưới gốc đa, đánh thức nỗi đau khủng khiếp mới cách nửa năm. Tất cả những cồn cào khi ngó xuống vầng sáng lạnh và chờn vờn của căn cứ Chu Lai, những cơn uất khi ngồi dưới hầm nghe pháo giã rung đất, và khó chịu nhất là cái thấp thỏm bứt rứt chờ địch càn lớn, bà con đem trút hết vào những lát cuốc đào đường hầm, xây dựng làng hầm. Càng mỏi tay càng thấy nhẹ người.

– Rên rỉ ỉ ôi vậy, Mỹ có về nước không hả?

– Ối chào, ai chạy đâu kệ họ, tôi chạy xuống sâu mười thước đất, hết Mỹ tôi lên.

– Cái anh ăn no ngồi gác miệng hầm, bom đạn chưa thấy đâu mà cái chết đói coi như cầm chắc.

– Đưa đây rờ thử đã lưng tim lưng mật hay còn đầy?

Du kích đi đóng cọc căng dây. Bà con mỗi xóm chia thành nhiều tổ, mỗi tổ chia ba kíp thay nhau đào cả ngày đêm, xuống một miệng giếng và sẽ xoi ngang hai chục thước đường hầm. Càng đào sâu khó khăn càng lớp lớp. Lát mai xắn trúng mạch nước to bằng ống tre, ộc, ào ào, chỉ kịp lượm đồ leo vọt lên thang, đi mở giếng khác.

Đụng tảng đá to, đào vòng mãi bên trái không thấy hết, rẽ qua phải một chút xíu lại gặp đất thịt. Mở hẹp thì đào chậm, mở rộng lại thiếu người kéo đất lên và gánh đi đổ. Ấy là chưa đến lúc xoi ngang với tất cả những trắc tréo không lường hết. Mấy ngôi nhà tre gỗ to còn lại sau lụt đã được dỡ đi phòng giặc đốt, chủ nhà cho mượn đòn tay tre làm cần vọt, đóng thang. Không đủ. Tre sót lại ngoài bụi sau các đợt làm ấp chiến lược nay đốn hết, không đủ. Các thứ ván thừa, phản cũ, cửa gãy, rồi hoành phi, câu đối gỗ, rồi tất cả những thứ gì có thể tháo khỏi nhà được đều nối nhau đi xuống hầm, không đủ.

Bà con bắt đầu xôn xao:

– Coi bộ phải dời nhà xuống đất cái mới xong.

– Ý đừng. Địch càn vô, chụp hình, nó huyên truyền ở với Việt Cộng khổ vầy nè...

– Còn hơn nó chích mồi lửa! Độc lập, ngả cái nóng nằm phơi bụng giữa trời cũng sướng chán.

– Phải đó ta! Mấy nhà trúng pháo cháy kia, còn chết cau mít quanh vườn nữa. Dỡ nhà chôn kỹ dưới sâu là chắc nhứt.

– Đợi thử chi bộ tính sao...

Giữa cơn lốc của tình hình mới, chi bộ Tam Sa đã lên án gay gắt chủ nghĩa cơ hội và bệnh bè phái, mở đợt phát động lớn “toàn quân quyết thắng giặc Mỹ”, bầu chi ủy mới. Một người ngoài cuộc đọc những câu ấy trong biên bản hẳn không thấy có gì đáng chú ý. Đối với mỗi đảng viên và đoàn viên Tam Sa, đó là mạng sống, nguồn vui.

* * *

Phiên cuối cùng họp trong đình làng.

Vẫn ngôi đình làng Cá nẻ nứt sứt mẻ từ trên xuống dưới mà không chịu đổ. Tường vôi nhuộm bùn loang lổ, cột kèo chơm chởm những mảnh pháo cắm lút thò đuôi, nền nhà lát gạch bị địch phá đào hào chạy ra vườn, tất cả đều đầy những vết đâm, rạch, khoét, đốt. Mái đình cong sụn xương sống, thủng sáng như sông Ngân. Có lẽ các đồng chí khác ngắm ngôi đình này đều nghĩ như tôi: “Nên dỡ lấy

gỗ làm hầm, để Mỹ nó đốt uổng". Nhưng không ai trong chúng tôi nỡ nói cái đều rất hợp lý ấy.

Sân đình có những nét lạ.

Đoàn thanh niên đã dựng sẵn sân khấu cho đêm kịch hát tối nay, dưới gốc đa, rải lá che bớt phần ngoài cho tàu rà đỡ dòm. Ngay trước giàn ván, anh em đắp nhiều dãy ụ đất nhỏ hình cái chuông. Bà con thường đắp những nắm như thế trước ngõ trong mỗi dịp giỗ tết, cắm lên vài nén hương cho những ai chết bơ vơ. Sáu mươi hai cái "mả cô bác" xếp hàng ngay ngắn dự cuộc vui. Sáu mươi hai người chết trôi không tìm thấy xác vì cái ấp chiến lược khoá cổng giữa lụt, vì đạn trọng liên và pháo chụp rắc trên mặt nước, về đây lặng lẽ nói rằng mất độc lập tự do có nghĩa là mất cả đến mảnh đất chôn thây. Chi bộ đã bàn xong các việc lớn, nhưng mỗi chúng tôi thường nhìn ra chỗ sân khấu để tìm câu trả lới cho những băn khoăn còn lại.

Các vị khách đang nối nhau nói chuyện. Chị Bỉnh to lớn của Tam Trân đã lên huyện đội phó, nhắc phải làm địa đạo gấp hơn nữa. Anh trưởng ban kinh tế huyện nhắn rằng năm nay quân ta rất đông ắt phải ăn nhiều gấp ba bốn lần năm ngoái. Chị Tám Giàu thấy Tam Sa chưa chuẩn bị cho bà con giáp mặt lính Mỹ, nhiều người tưởng hễ Mỹ càn thì cả làng chạy xà đùa như hồi xưa chạy Tây.

Mấy đồng chí nữa từ tỉnh và huyện về cũng góp thêm nhiều ý kiến hay, từ lớp học trẻ em đến trái mìn chống tăng đều không thể thiếu. Cứ như vậy, quả núi công việc phình to lên mãi trước mắt chi bộ, trước năm đồng chí vừa được bầu vào chi ủy đang ngồi một dãy kia.

Anh Tư Luân chưa được nghỉ, lãnh phó bí thư chắc phải làm chủ tịch ủy ban tự quản. Năm Tuất to bè, đen trũi, bắp thịt cuồn cuộn vẫn chắc như xưa và lanh lợi hơn một ít. Cậu Năm Ri nheo nheo con mắt vảy cá, sẽ là một xã đội trưởng khá xông xáo. Cô Cang hay cười tủm tỉm một mình, không bớt cân nào, đã thạo cầm quân chính trị, lại ham các việc văn hoá xã hội. Tới Cô Hai Mẫn, bí thư mới, đăm chiêu nghe lời dặn và hí hoáy ghi sổ tay từng lúc, Mẫn của tôi đấy. Với mái tóc kẹp đuôi chồn thả trên lưng cái áo bà-ba hơi rộng - bận thế này, biết bao giờ Mẫn mới mặc vừa áo cũ nhỉ - lại thêm bàn cao

ghế thấp trông Mẫn nhỏ xíu như em học trò leo lên ngồi chỗ thầy. Cô gái vào cỡ trẻ nhất chi bộ đã được bầu với số phiếu cao nhất, hơn cả anh Luân. Đó là chuyện không dễ, tôi biết.

Một cuộc bầu, một bài học. Trước hết là bài học cho tôi.

Trong bộ đội chủ lực rất ít nữ. Chúng tôi lại hay đóng xa dân, đi đường rừng. Mỗi cô y tá hay văn công "trên về" bước vào xê mình thường mang theo một luồng gió thương nhớ. Anh lùi xùi vội đi mượn dao cạo râu, anh cộc cằn đâm ra mát nết, anh lười bỏ giờ nghỉ đi vác củi. Có lẽ không phải vì các cô có sức hấp dẫn gì lớn lắm - xin lỗi nhé - nhưng một cô có mặt đã gợi anh em nghĩ đến những người thân ở xa, từ bà mẹ cưng con đến đứa em gái xinh ngoan. Riêng tôi hay nhủ thầm: "Sức các cô làm những việc như vậy là quý rồi, chớ nên đòi hỏi hơn nữa".

Tôi quen nghĩ đến phụ nữ như bông hoa làm cảnh, như cây lúa nuôi người, không thay được chúng tôi là gỗ lim gỗ nghiến. Đấy nhé, khoa học cũng nhận là trai khỏe hơn gái. Về đức thì chẳng ai chịu kém ai, còn về tài cần xét kỹ xem: người đàn bà chịu mấy ngàn năm ngu dân nay nở mặt được đấy nhưng cũng phải từ từ chứ, chưa đi đã chạy thì chỉ có ngã đau.

Trên miền Nam dần hiện ra khắp nơi những cô tổ trưởng du kích, cô tiểu đội, cô thôn đội, cô xã đội. Đôi nơi đã có chị huyện đội, tỉnh đội. Tôi nghĩ: "Đúng phải khuyến khích riết đi!" Vào họp thi đua, tôi vỗ tay hoan hô chị em du kích rất hăng, sẵn sàng nhường những phần thưởng cao nhất cho họ, bởi họ cần được động viên hơn. Tôi thấy mình rộng rãi lắm. Lại còn đứng đắn nhã nhặn, rất quí các má các chị, không bao giờ ngắt lời một cô cán bộ ham nói cho hết cả tràng lý thuyết mới được học, chưa một lần cợt nhả với mấy cô văn công tỉnh đội mà anh Ba Tơ cố gán cho tôi. Tốt cả thôi.

Ấy vậy mà mỗi khi thay mặt xê mình đến làm việc với các xã đội, huyện đội, tôi cố tránh gặp cán bộ nữ. Đánh giặc phải có súng thép chứ không thể dùng súng gỗ của sân khấu. Tôi chào hỏi cô xã đội rất niềm nở, thổi phồng việc khiêng thương và đem cơm nước cho bộ đội đến mức cao nhất, còn sự đánh chác thì để dành bàn với anh xã đội. Cô xã đội dễ thương hơn anh xã đội lắm lắm, nhưng địch nó

sợ đạn chứ không sợ mắt sáng môi hồng, chuyện xương máu xin đừng trông vào may rủi. Đấy, nhường cô đi trực diện chửi giặc cho khoái, binh vận nữa, cày bừa cấy gặt tha hồ còn nhúng tay vào lãnh đạo và chỉ huy thì hãy khoan một chút... Kiểu lẩn tránh của tôi bấy lâu xem chừng trót lọt, chưa vấp nặng lần nào, có chăng cũng chỉ đôi lần bị hờn lẫy, chẳng chết ai.

Tảng lý sự rất vững của tôi gần đây long lở một ít, về đến Tam Sa mới bị rã vụn. Rã vì tôi hiểu Mẫn.

Khi yêu thì dễ quáng gà ưa thấy mây năm sắc hiện quanh người phàm, đúng vậy. Nhưng tôi đã đánh giá Mẫn từ khi chưa yêu, đang tỉnh như sáo và rất xét nét, công tác là công tác không được lơ mơ. Vả chăng tôi không định yêu một người đáng phục, trái lại, tôi nghĩ một cô gái hơn mình nhiều thì nên kính mà xa vậy. Trước khi vào đại hội, anh Bảy quai nón và Tư Luân kéo tôi ra hỏi thử Mẫn có đương nổi vai bí thư không, liệu chi bộ có bầu không. Tôi nói thẳng: Mẫn là cán bộ vững mọi mặt, nhưng e rằng làm việc trên huyện dễ hơn "cưỡi đầu voi" ở một xã sát Mỹ. Tuổi quá trẻ, mau nước mắt, lại là con gái, được đoàn viên và du kích rất tin, còn chi bộ có lẽ coi trọng vừa vừa thôi...

Chi bộ đã tự tay bỏ phiếu chọn Mẫn. Mừng nhất là anh Luân, ông chú bụng như vàng ròng ấy vẫn coi Mẫn là con gà nòi của mình. Lo nhất là Mẫn. Ngạc nhiên nhất hẳn là tôi.

Ngó em không dám ngó lâu, dù em ngồi giữa mọi luồng nhìn. Cả hai chúng tôi chăm chú nghe, nghĩ, ghi, nói, chỉ ngắm nhau khi có một lũ tàu bay sà thấp qua làng, đáp xuống Chu Lai hoặc rời Chu Lai đi miền Tây, ồn nhức óc trong một phút, phải ngừng mọi việc. Những lúc ấy mắt chúng tôi gặp nhau, gửi vội cho nhau mấy tiếng: hay thiệt hè, lạ chưa, sai to rồi, cái này phải nhớ kỹ. Và khi quay đi Mẫn chớm cười ở khoé miệng để nói tiếp: "Em yêu anh, vui quá". Mẫn đẹp rạng rỡ trong ánh sáng hồng từ đâu trong tim toả lên mắt, thấm cả ra má với môi. Tôi biết hạnh phúc của Mẫn không chỉ là tôi.

Đại hội chi bộ đối với một số đồng chí chỉ là cuộc họp không thể vắng mặt. Nó là ngày hội, ngày tết của những người như Mẫn.

Cũng như tôi và sớm hơn tôi nhiều, Mẫn đã vượt qua quãng đời làm chiến sĩ mới, trong đó cái hăng say đánh giặc có thể bù đắp cho những chỗ chưa biết. Làm cán bộ từng bước lãnh việc lớn hơn, Mẫn gặp trước mắt mình những ngã ba phải rẽ cho đúng, những con sóng lớn phải bẻ lái cho kịp, những cái gút tư tưởng phải gỡ cho khéo, tất cả cứ đổ xô tới trong cơn lốc của cuộc tiến công "vừa chạy vừa xếp hàng" này. Cái băn khoăn buổi đầu về sống và chết, sướng và khổ của riêng mình đã lùi ra sau, nhường chỗ cho những phút căng óc đến đau đớn để tìm cái đúng, tránh cái sai. Đưa đội du kích về bám dân phá ấp, Mẫn không nghĩ nhiều đến tính mạng mình, nhưng câu bè bỉu "mày thí anh em làm hại bà con" nó cứa vào tin đau như cật nứa. Ngậm miệng chịu đòn ngầm của thằng Ba Thấn, được thôi nhưng phải chăng là hèn yếu? Làm sao để chặn ảnh hưởng xấu của chú Liệp mà vẫn giữ được một cán bộ lâu năm, có năng lực? Tới những điều lớn hơn nữa: giữ chắc vùng Tứ Nhơn không lùi một bước có phải là quá liều, để Nhị Lộc ở mức vùng giằng co ít lâu nữa có phải là nhát sợ? Trong cái chân lý lớn của cách mạng, Mẫn phải tự tìm những chân lý nhỏ của từng việc, từng ngày, phải dám quyết định và gánh hết trách nhiệm đôi khi quá nặng...

Qua đại hội, Mẫn mừng ra mặt. Những ý nghĩ và việc làm của Mẫn hầu hết được nhận là đúng. Còn những cái sai mà Mẫn cố chống lâu nay, chi bộ đã kết luận dứt điểm. Được cử làm bí thư, Mẫn còn sợ nhưng không từ chối nữa. Lửa rừng đã đốt các thứ rêu rác, chi bộ Tam Sa hiện ra như một tảng đá đen bóng, sừng sững trụ chắc trên vành đai, làm chỗ dựa cho mấy ngàn đồng bào chống Mỹ. Mẫn tin ở khối đá chịu lửa ấy, tin mình, tin người yêu, bấy nhiêu tin vui góp lại làm nên hạnh phúc đang sủi men trong tim Mẫn.

Anh Bảy quai nón dự họp suốt hai ngày, gần như không mở miệng. Bây giờ anh mới bắt đầu nói thì ba tốp trực thăng từ miền núi về đã kêu rầm rấm qua đầu, phải đợi.

Cũng buồn cười, nghe gọi tên Bảy quai nón người ta dễ tưởng anh cao lớn phương phi lắm, khi gặp mới thấy khác hẳn: anh gầy, thấp, vai hơi khòm khòm, da mốc tuy mấy năm qua ít ở hầm, nói giọng trầm và hơi cà rà, chỉ có bộ râu quai nón rất rậm là xứng với

tên. Anh về làm việc với chi bộ Tam Sa đã năm lần, hay gặp hỏi riêng từng đồng chí và vào các ấp thăm đồng bào, kéo anh Tám Liệp cùng đi.

– Tôi xin thêm ít câu về cái đuôi còn nòng nọc...

Chi bộ xôn xao, cười, rồi lắng tai.

– Tôi nghĩ chi bộ ta cảnh cáo đồng chí Liệp và kéo dài hạn dự bị của đồng chí Quì là đúng .Không thể làm khác được. Giữa lúc bận việc tơi bời túi bụi mà chi bộ dành hẳn một buổi để phê phán đồng chí Liệp, rút ra bài học chung, quý lắm đó. Bây giờ đến phần của huyện. Mỗi lần gặp riêng huyện ủy, nhiều đồng chí phàn nàn ông bí thư cản mũi kỳ đà, ông chi ủy quanh năm vắng mặt, nhờ huyện cất chức hay rút đi nơi khác. Huyện cứ để nguyên. Gần đây, sau khi bị Ba Thấn chơi một vố phản chủ, đồng chí Liệp muốn xin về một ngành ở huyện hay ở tỉnh. Chúng tôi từ chối. Vì sao?

Một mảng bóng nào đó làm tối đôi mắt sắc và hay nheo mỗi khi anh đùa tưng tửng. Lúc này anh không đùa. Ai cũng biết anh với Tám Liệt là bạn cũ hồi đánh Pháp. Anh nói to hơn:

– Giữa lúc bà con Tam Sa gọi đồng chí Liệp là ông cách mạng kẹp dù, ông lộc bình xưa cần đem cất kho, giữa lúc các đồng chí khác phải lo xoa dịu những thắc mắc đối với ông chủ tịch thì đồng chí Liệp buộc tội tất cả. Một lần nghe đồng chí kêu Tư Luân với Hai Mẫn mưu giành quyền, làm đồng chí mất uy tín, tôi buộc lòng phải nói: “Anh còn uy tín đâu nữa mà mất! Dân ta theo Đảng đánh giặc hai chục năm ròng đâu có chịu cho ai làm quan làm giàu trên xương máu của mình!” sau mấy lần thức đêm khuyên nhủ, tôi biết chỉ có chi bộ Tam Sa mới giáo dục nổi đồng chí... Cắt chức, đồng chí sẽ kêu om là cấp trên mù quáng. Rút êm đi à? Đi đâu đồng chí cũng sẽ coi mình là ông chủ tịch Tam Sa đã nhiều năm đứng mũi chịu sào, lo kiếm địa vị, kéo bè cánh, kìm bước tiến chung không cho vượt mình. Những người còn ít nhiều tin ở đồng chí sẽ ngờ chi ủy hất cẳng nhau, huyện ủy không công bằng, và sẽ mang đủ các thứ bệnh đồng chí truyền lại. Không được! Không thể để đồng chí biến chất hơn nữa, làm người khác biến chất hơn nữa! Anh Liệp...

Anh Bảy thở hổn hển. Một luồng nắng qua mái nhà rọi chéo trên mang tai anh làm nổi một một sợi gân to, xoắn, làm trắng hẳn một mảng tóc hoa râm.

– Hai chục năm chẵn...anh với tôi gặp nhau hồi vác dao phay đi lấy phủ Tam Kỳ, cứ tiếc hoài không đụng lính Nhựt để chém cho đã. Rồi bày mưu tính kế với nhau đi bộ đội Nam tiến đánh Tây, bị thiếu cân thiếu thước cũng lăn vô đòi khám lại. Học lớp tự vệ ở phủ, có tay khố đỏ cũ vừa dạy vừa chửi, tụi mình phê thẳng, buộc phải sửa. Hồi đó anh ham giết giặc, vui, cương trực, anh ghét những ai theo cách mạng để kiếm chác phần mình, kêu là "tụi đi hôi của", đúng không? Bây giờ anh khác lắm rồi... Hôm qua anh nhận lỗi trước chi bộ mà không hứa gì hết. Tôi hiểu anh muốn đi cho khuất, bị kỷ luật rồi ngó mặt anh em bà con cũng dị[(2)]. Đừng, anh Tám à. Tụi mình đầu hai thứ tóc rồi, lăn lộn với phong trào đã lâu, đừng tự ái vặt nữa. Huyện ủy dặn tôi mà riêng tôi cũng tính vậy, nói anh cứ ở lại Tam Sa, giúp chi ủy mới lãnh đạo cho tốt, anh lỡ xả rác thì bây giờ phải dọn. Anh làm được vậy, bấy nhiêu đồng chí ngồi đây còn trọng anh hơn trước nữa kia. Tới đó, anh có đi công tác khác thì đồng chí đồng bào cũng trầm trồ nhắc miết anh, từ cái công đứng ra lập đội Tam Sa, tới tinh thần sửa lỗi của người cách mạng. Anh có hứa vậy không? Dám hứa không?

Từ nãy, anh Tám Liệp ngồi thu hình trong góc, cúi mặt. Câu hỏi ném tới gay gắt nhưng rõ là đẫm thương yêu, làm anh giật mình. Anh từ từ đứng dậy, chớp mắt, mắt anh sâu và thâm quầng. Anh ngó quanh một vòng. Không một nét giận hờn nào trên những khuôn mặt đang quay lại với anh. Khắc khoải đợi ở anh một câu trả lời bật ra từ đáy lòng. Núm cổ anh trồi lên hai lần trước khi anh máy môi, run run:

– Tôi... cảm ơn các đồng chí...

Anh nín lặng, ngó lại một lần nữa anh Bảy quai nón bạn cũ, anh Tư Luân đã đưa anh vào Đảng, Hai Mẫn con nuôi anh với vẻ xót xa hiện rõ trên mặt trẻ măng, Năm Ri và Chín Cang mà anh đã gạt đi không chịu đưa đơn xin kết nạp ra trước chi bộ, tất cả đều muốn anh trở lại là người bạn, người chú của họ. Anh tiếp, giọng chợt vững hơn:

– Mấy hôm nay tôi nghĩ nhiều, lộn xộn. Khi thì ăn năn thấy mình sai quá, khi lại trách các đồng chí nặng lời. Tôi cũng tính bỏ đi xa, đỡ mất mặt... Tối qua, họp xong đồng chí Luân với cháu...đồng chí Mẫn còn giữ tôi lại khuyên nhủ miết, ngại tôi nản, bỏ cuộc. Cảm ơn các đồng chí... Xã mình bước vô đánh Mỹ, tôi xin ở lại với chi bộ, lãnh bất cứ việc gì lập công chuộc tội. Tôi lỡ làm sai nói ẩu nhiều rồi, chắc các đồng chí khó tin, có điều...dù sa sút đến mấy tôi cũng không rời Đảng được đâu, mất Đảng thì đời tôi không còn gì nữa...

Anh muốn nói thêm nhưng cổ tắc nghẹn, chỉ lặng lẽ ngồi xuống. Bẵng đi mươi giây, tiếng vỗ tay bỗng bật ra, không rầm rộ như khi nghe thành tích nhưng kéo dài. Một kiểu vỗ tay trầm ngâm, hơi khác thường.

Anh Bảy khòm khòm bước lại tấm bản đồ khu vực Chu Lai vẽ to ghim trên phông, tìm khúc que cầm tay, quay lại:

– Bây giờ tới việc đánh Mỹ. Tôi xin báo cáo nhận định của tỉnh ủy về cái Chu Lai và chủ trương mới...

Pình!Pình!

Hai tiếng nổ bùng liên tiếp trên không, trầm và dội xa hơn tiếng pháo chụp, kéo theo một chuỗi rầm rầm rắc rắc của núi lở: một cặp phản lực xẹt xuống Chu Lai. Ngói nhảy rổn rảng. Tiếng ồn chưa dứt, một bàn tay nào đó bỗng đặt trên vai tôi, bóp mạnh. Tôi quay lại, suýt reo to.

Anh Ba Tơ!

Sau lưng anh nhô ra một bộ mặt vừa thật vừa tinh quái của chú Dé. Cả hai choàng dù kín người, bốc mùi mồ hôi nồng và khỏe của lính chủ lực, cười cái cười nháy nháy lấp lửng của cánh ta khi sắp ăn ngon một trận mà chưa tiện nói. Gặp những nụ cười kiểu đó, tôi không hỏi nhiều, chỉ đấm cho ít trái và trút hết chất tươi trong ba-lô ra cho anh em chén.

* * *

Vừa xong buổi lễ phát động chống Mỹ, tôi kéo anh Ba Tơ về nhà, không xem kịch hát. Anh Ba Tơ ghé qua H.68, ở đấy có một đoàn cán bộ sắp về vùng Chu Lai, anh muốn gặp riêng tôi nên bươn bả đi trước, qua sông Rù Rì bị tàu rà thổi cho một cặp rốc-két. Tôi rất

mừng khi biết xê mình sắp về đánh cái trận thử sức mà anh Điển dặn tôi chọn chỗ.

Đêm nay liên hoan to lắm. Xã đoàn thanh niên dám chưng tới bốn đèn măng-sông, đặt người cầm thùng thiếc đứng canh, nghe tiếng cốt sừng trâu báo động là chụp kín đèn. Ngót một ngàn bà con tới xem đều mang theo đệm rơm chống mảnh pháo, ban tổ chức đón ngoài cổng chia các khúc hào mà địch để lại khá nhiều. Tôi bỏ xem cũng tiếc, bởi Mẫn sẽ ca bài chòi, nhưng nóng hỏi xê mình quá, còn ngại đoàn H.68 về sẽ bận chúi mũi, đành nhịn.

Nhà mẹ Sáu có người. Để tránh nạn thì tháo giữ miệng, tôi đưa anh Ba sang nhà Mẫn, bộ đội về làng đến gặp xã đội là phải. Tôi nhấc cái nong thay cửa, thắp đèn, thu thú khi đóng vai ông chủ trong căn lều nghèo xác mà khó vào này.

Đến đây lần đầu, tôi thấy Mẫn hơi gàn. Ba chị em treo võng ngủ đâu chẳng được, nhà cửa mang trên lưng là gọn nhất, công đâu dựng chòi cho địch đốt uổng. Dần đà tôi mới hiểu. Dù nhỏ, rách, có khi suốt nửa tháng không ai về đỏ lửa, cái nhà vẫn là nơi đợi cha thờ mẹ, là cái tổ nhỏ cho ba chị em họp lại bảo ban nhau, không ra bầy trẻ lang thang vạ vật. Mẫn không nhờ, cũng cấm các em nhờ vả bà con trong xóm. Mẫn đã từng nói ngang tàng với chị Tám trong khi ngồi trên mái lợp nhà: “Lấy chồng để dựa à? Biết ai dựa ai! Bớt công tác một chút, em dám lãnh nuôi ba bốn trẻ mồ côi nữa cho coi. Chỗ dựa tinh thần là sao? Nhiều anh mới ra trận, hàm răng đánh bồ cạp lốp cốp, cứ níu em: là-là-làm sao chị Hai, cái nổ-nổ-nổ lực nó mạnh dữ ác vậy... Chị Hai phải vỗ lưng miết, các anh mới bớt sợ!”. Mẫn cười ngất.

Tôi nhen lửa nấu nước. Anh Ba Tơ pha chè núi nấu thành cao mang theo, bỏ ra một xấp thuốc Thượng nguyên lá vàng hươm. Tôi uống mê mẩn từng mẩu chuyện cóc nhảy của anh Ba.

Trung đoàn mình được danh hiệu trung đoàn thép. Mới học xong Lời kêu gọi của trung ương, ai nấy phừng phừng chực đánh Mỹ, xê thằng Long đốt lửa thách tàu bay Mỹ tới chọi nhau, nó không tới. Rẫy xê mình bị chất độc hai keo, cứu được phần lớn. Anh em tập bắn phản lực, bay ngang bắn đón đầu, biết bao nhiêu không, có khi

đón tới hai mươi sáu thân tàu bay! Thằng Xứng trúng bụng mảnh cối, có nhắn thăm mày, chôn Sa Huỳnh. Ủa, cái thằng, xê mình hốt gọn một xê lính dù ở Sa Huỳnh, được Chiến công hạng nhứt, không biết à? Chút xíu quên, Năm Cẩn gởi mày một lon tiêu, làm lương khô hay vợ ăn đẻ tùy mày, nó nói mày về Tam Kỳ lâu vậy chắc cưới vợ sắp có con rồi. Quân số bây giờ có thừa...

Qua khói thơm của điếu xì-gà gộc, anh ngắm bộ mặt ngạc nhiên của tôi. Chỉ vài tháng mà lắm cái mới quá sức. Anh còn để dành một cái mới nữa:

– Các ổng nhắc tao lên dê phó, mày lên xê trưởng. Phần tao mày biết đó, nắm một xê còn miệng hô tay vẫy được, lên cái anh tiểu đoàn sao nó to quá, ngó không trùm kêu không khắp, tao ngán. Thôi cũng đành. Tao chỉ băn khoăn cho mày. Họ tính rút mày về tham mưu, làm tác huấn hay quân báo gì đó, ưng không?

Anh lại kéo mấy hơi thuốc, thưởng thức cái vẻ bối rối mà tôi không muốn giấu. Anh biết tôi ngại về cơ quan, nhưng ít cãi giằng co khi bị điều.

– Trâu già chẳng nệ dao phay, tao lên trung đoàn bênh mày riết. Tao nói mày đổ máu con mắt ra xây dựng xê mình, nhớ từ cây tuyn gãy báng đến con cậu liên lạc bị còi xương, anh em tin mày, các ông xốc xới hàng cán bộ vậy lính nó kêu lắm. Số chỉ huy cứng có ít, các ông thấy ai đánh khá thì một hai rút về bàn giấy, tới khi nó lớ ngớ hỏng việc lại xách nó thả chỗ khác, hư hết người. Cái trung đoàn bộ phình to quá rồi, đơn vị cũng như người, hễ to bụng là đâm ỳ ạch, đưa bớt xuống cầm súng dài cho anh em nhờ. Tao nói ngang vậy các ông trung đoàn lại nghe lọt tai mới kỳ. Bây giờ tao còn nắm xê mình, mày về gấp để tao bàn giao. Vác ống dòm coi Mỹ hoài, chắc ngứa tay lắm hả?

Tôi nhấp chén nước chè thơm đắng, bâng khuâng khó nói. Được ở lại xê mình, ngon rồi, nhưng muốn ở thì phải làm trưởng phải thế chỗ anh Ba Tơ. Tôi thường lãnh trách nhiệm mới không mấy khi đắn đo, biết mình có sức gánh nổi. Lần này, tôi nghĩ ngay đến cái tủi hổ của người chỉ huy mỗi khi anh em trong đơn vị cố ý nhắc mãi những mặt giỏi mặt tốt của thủ trưởng cũ, để nhấn rằng người thay còn

kém xa. Tôi nhìn khuôn mặt đầy mụn cá và to ngang, biết còn lâu tôi mới theo kịp anh Ba Tơ. Gay lắm.

Tên thật anh là Nguyễn Ba. Để khỏi lẫn, đồng đội ghép cho anh vô số cái đuôi rất quấy: Ba Gai, Ba Lăng Nhăng, Ba Bị, Ba-ri-e, đủ trò, sau anh phải tự đặt là Ba Tơ. Dính lâu nhất là tên Ba Giấu cùng với cái tích buồn cười của nó.

Quãng đầu 63, anh đưa về Thăng Bình một bộ khung cán bộ rất mỏng để xây dựng đại đội. Anh dẫn quân luồn sâu xuống vùng biển, "huậy" gắt, rút thanh niên, quyên lúa, đánh giặc kiếm súng. Trên hỏi, lần nào anh cũng trả lời rất bí, chừng như chẳng làm ăn gì được. Sau đảo chính Diệm, trung đoàn rút C.215 về, chao ôi, cả một đại đội no quân số, có cả cối 60, đại liên! Trung đoàn đã biết trước nhưng kiểm tra mãi không nắm được con số đúng, nay anh mới hết giấu. Anh phân trần: "Tại các ông cứ hăm he rút sớm, mình phải giấu quân, giấu súng, giấu lúa, cũng là giấu cho cách mạng chớ đâu cho mình!". Nghe anh báo cáo mà ban chỉ huy trung đoàn cười bò ra, đặt cho anh là ông Ba Giấu, cử Năm Cẩn về làm chính trị viên, soát lại giàn cán bộ, cho học một đợt, và xê mình từ đó ngày càng ăn nên làm ra.

Chẳng nói gì nhiều, riêng cái tài bắn của anh đã đủ cho tôi học mọt xương. Anh không chỉ bắn giỏi, phải gọi anh là nghệ sĩ bắn. Với cây Côn 45 có hai nòng dự trữ, một bao đạn chọn đúng thứ đóng hộp năm chục viên và dán nhãn pistol, anh hay biểu diễn cho chúng tôi xem tất cả các kiểu bắn có thể nghĩ ra: bắn nhắm mắt, bắn ra sau lưng, bắn qua túi quần, bắn khi đang nhảy qua tường hay qua hào. Xem vết đạn trúng đích mà kinh, nhưng ngắm người bắn lại mê, tay anh dẻo và đẹp lạ. Khi xung phong, cây súng ngắn của anh được tính xấp xỉ một tiểu liên. Anh bắn thạo tất cả các loại súng thường gặp, cả cối 60 và ĐK.57. Bao nhiêu lần chúng tôi đã đuổi địch dưới làn đạn chỉ đường và mở đường của anh đại đội trưởng, hoặc reo ầm khi một trận mưa cối chợt xé nát cụm giặc chặn phía trước!

Còn nữa. Còn lúc xê mình đang đi đường rừng giữa căn cứ, bỗng nghe bộ phận dẫn đầu bắn lốp bốp, báo truyền gặp địch, rồi đạn to nhỏ từ phía trước ầm ầm đổ tới, rung cây chặt cành. Địch bao nhiêu quân, ở đâu, dàn cách sao, rình sẵn hay thình lình húc

nhau? Anh em tản rộng, nép sau các gốc cây, lên đạn, trong khi anh Ba Tơ đứng im đấy, mặt lì ra, miệng đếm lẩm nhẩm. Không thể bàn hay giục trong mấy chục giây rất nguy hiểm ấy, anh sẽ quyết định một mình, ăn vua thua chịu. Anh quay lại hét: “Thiêm, nắm bê Một đánh vỗ mặt, trụ chắc nghe! Các bê theo tôi!”. Tôi lao lên đầu vẫn tự hỏi: “Sao anh dám liều?”. Anh dẫn hai trung đội luồn rừng khá xa, dàn cẩn thận thốc vào đúng cái chỗ có bộ đàm gào và súng cối phọt đạn tùm lum, diệt bộ phận chỉ huy và đánh tan cánh quân giặc. Sau đó anh phải mất nhiều công giảng giải, chúng tôi mới hiểu anh nghe súng nổ thế nào mà nhận ra địch có một tiểu đoàn đụng ta trong khi xuyên núi, đang duỗi dài như rắn và nằm bắn bậy ra hai bên. “Tiểu liên nó cắc cắc trước, rồi súng trường, chặp lâu mới có trung liên, tiếp đại liên với cối, phải chưa? Súng bắn như xay lúa mà đạn bay về phía mình có ít, phải chưa? Không nghe cối tám mốt nó giã rung núi à? Hồi ở Hạ Lào mình với Tây lội rừng tông nhau miết..”. Tôi sẽ xử trí được như anh không?

Vẫn chưa hết. Những so sánh đáng sợ cứ níu nhau tuôn về.

Năm kia, sau một trận tập kích ban ngày, anh Ba cự té tát vào mặt tôi rằng tôi cho trung đội tiến quá chậm, tới chỗ chạy thẳng lưng được vẫn còn bò như rùa, để địch sẩy cả mớ.Tôi cãi không tiếc lời. Hai trung liên địch trên gò quạt xuống nóng rát cả lưng anh em, cho chạy lên để nướng lính à, ông nói ẩu vừa vừa chớ. Không ai chịu ai. Anh Ba kéo cả cuộc họp cán bộ ra chỗ đánh - cách hơn ba cây số- đặt hai trung liên ngay trên hai đống vỏ đạn của địch nhả ra, mời từng đồng chí nằm ngắm thử: đường tiến cũ của chúng tôi khá kín nhờ một múi gò che đỡ, đạn phải đi cao quá đầu. Anh còn thách tôi bắn trúng anh chạy thẳng lưng, hoặc tìm trên thân cây được một dấu đạn xuống dưới hai mét. Tôi thử đủ cách rồi chịu thua, xin nhận kỷ luật. Anh lại gắt lần nữa: “Cái thằng, mỗi lần đạp cứt một lần chặt chân đi à?”. Trong chiến đấu, những chuyện như vậy là cơm bữa, qua nửa tháng mọi người đã quên ráo, nhưng riêng tôi nhớ mãi để không bao giờ phạm lại.

“Anh em tin mày...”. Có lẽ anh em tin tôi ở vai trò đại đội phó đấy thôi. Cậu Sanh chính trị viên phó mất đi chưa có người thay, tôi gánh một phần việc của cậu nữa. Đúng là tôi lo việc quản trị được

khá, câu lạc bộ quay lên rôm rả, chịu khó dạy văn hoá, lên lớp các bài lý thuyết quân sự cũng xuôi chảy, từng lúc anh Ba Tơ nắm đơn vị không mắc lỗi gì nặng. Anh em tin ở giáo Thiêm, bầu Thiêm, tay Thiêm "lão binh tri súng" và "lão nông tri rẫy", được thôi. Nhưng tất cả bấy nhiêu hoa lá làm sao thay được cái gốc lõi là tài cầm quân đánh giặc?

Tôi nói thẳng mối lo ấy với anh Ba Tơ. Ngoài sân đình, tiếng đồng ca chợt im, hai chiếc trực thăng rọi đèn pha dọc đường. Một đang kéo qua, cái chổi sáng quét chéo xuống rung rung nhảy nhảy. Anh Ba Tơ châm điếu xì-gà mới, buông gọn:

– Mày coi ai khá, mách miệng đi, các ổng đưa về xê mình cho lẹ.

– Tôi có nắm cán bộ đâu mà biết!

– Vậy cấp trên nắm, thấy mày làm được, lo cái gì. Tao với Năm Cẩn sợ mày kiêu, không nói ra, vậy chớ bàn lẻ với nhau mày lên xê trưởng là đáng. Hồi đầu năm anh Đạt hỏi ý riêng tụi tao nên lấy ai thay thằng Long bị đạn qua phổi, tao bàn rút mày về phụ trách cái hai năm lăm, sau thằng Long ra viện còn đánh được, các ổng thôi. Mày rồi cứng hơn tao... Thiệt chớ. Tao quen đánh đường rừng kiểu chín năm, giờ chơi với ngụy còn được, sắp tới đánh Mỹ coi bộ tao lạc hậu nhiều bề Thiêm à. Thằng Mỹ lắm cái mới, anh em mình phải động não gắt mới ăn được nó, mà tao ít chữ nghĩa quá, đầu óc đặc sệt học không vô, chưa biết tính sao đây...

Anh không còn khuyên tôi nữa, mà đang nhắc lại một nỗi khổ kéo dài của đời anh, vào bộ đội mới thoát mù chữ. Suốt những năm tôi được học ở nhà trường kháng chiến, anh lặn lội đánh giặc ở Tây Nguyên, Hạ Lào, che chở cho lớp đàn em lớn lên trong vùng tự do. Tôi biết chỉ nên nghe, không nên bàn góp bằng những câu anh có thể nói hay hơn tôi.

– Cách nửa tháng tao đưa anh em đi săn tàu bay thử một buổi. Chỗ đèo Eo Gió, phản lực đi đánh miền núi cứ xẹt qua xẹt lại như nhem thèm. Anh em mới học lý thuyết bắn phản lực, ham lắm, tao cũng muốn tập chỉ huy. Một đại liên, hai trung liên, thêm một tổ yểm hộ ở đồi khác... Mày biết không, đón đầu bốn lần bắn trật cả bốn. Tao đổ mồ hôi hột đó Thiêm. Xạ thủ Ba Tơ mà đốt đạn lấy tiếng nổ,

nhục quá. Tao lắp riêng một băng Ba[(3)], hai viên thường một viên khói, đơm súng đợi. Bỏ tụi đi cao, lựa miết mới gặp mấy thằng Thần Sấm phóng tới, tao rẹt thằng gần nhứt. Cha mẹ ơi, đường đạn vuốt mây vuốt gió chớ đâu vuốt được đuôi nó, lọt đằng sau tới mười phân là ít! Còn may tao phục đường về, tụi nó hết xăng hết bom không quần dai, chỉ xịt đùng ít trái rốc-két... Đó, tao lên lớp cho anh em cứ nhắc miết: học yếu lĩnh mới phải rán bỏ tật cũ, bây giờ chính tao không sửa được cố tật bắn tàu bay cánh quạt, lâu năm quá rồi. Còn nhiều gay cấn nữa Thiêm à. Mày hơn tao ở cái hăng, cái mới, cái khoa học. Anh em giữ được mày ở lại xê mình, hỉ hả lắm. Tiểu đoàn trung đoàn thì quý mày đánh gan mà chăm học chăm làm. Mỗi lần tao tự do du kích hay là nổi khùng cãi bậy, các ổng lại giễu tao ngoài bốn mươi mà không chín chắn bằng đứa thanh niên...

– Chà, thủ trưởng lên cơn khiêm tốn quá ta!

Tôi đùa để cắt ngang cái đà tự vạch lỗi của anh Ba. Anh "hự" một tiếng bực dọc, rồi cười:

– Thì cũng nói cho thấu lý vậy, tao ở tiểu đoàn còn trị được mày chán chê... Trước tiên là tội phá sức. Mày đen thui, ốm nhom, coi thiệt ớn.

Anh đưa tôi cái gương con, càu nhàu:

– Về địa phương vậy đó, làm thì trăm việc tới tay, ăn thì đồng chí chịu khó thắt lưng buộc bụng. Đánh Mỹ bây giờ phải bôn tập từ xa, cõng năm chục ký chạy năm chục cây, mày theo sao nổi? Các cha mượn được người là vắt cho kiệt, hết xài được mới trả cái vỏ chanh. Tay nào bí thơ ở đây? Tư Luân chớ ai nữa! Để lát tao hỏi nó, quen cũ mà tao chẳng nể đâu.

Tôi nghĩ đến cảnh hai ông gia trưởng đụng nhau, cười xoà.

– Bí thơ là cô Hai Mẫn, thương lính lắm anh ơi!

– Úy, con nhỏ chút xíu mà... Chi ủy có nếp có tẻ là vừa, nâng đỡ kiểu đó sụn lưng con gái à! Mà thiệt, dạo chống lụt nó chú chú cháu cháu ngọt như chè hai, hồi nãy gặp tao nó hỏi mấy tiếng ấm ớ rồi lủi mất. Nó bắt chước tay Liệp làm phách cho oai hay sao chớ!

Chết không, anh cán bộ huyện đội Tam Kỳ năm xưa trở lại, lạ nước lạ cái quá đỗi. Tôi phân trần giùm Mẫn rất vội, sợ bất chợt cô em về bị anh nạt cho mất mặt, dần dà lái được câu chuyện sang hướng khác, đùa rằng ở đây các cô chưa chồng đạt tiêu chuẩn bốn tê - đủ sức tự túc và tiếp tế - còn đông lắm, phải cho các cậu "bộ đội phòng không" trong xê mình ở lại bám vành đai ít lâu, ai chứ cô bí thư chắc mừng hơn cả. Ấy cũng là mở đường để nói thật với anh câu chuyện của hai chúng tôi.

Vừa tới đó thì Mẫn bước lên thềm. Chú Dé và Út Hoà đi sau, cười rúc rích.

Trông Mẫn lạ hẳn đi. Mượn đâu được cái áo pô-pơ-lin trắng vẫn rộng hơn người, có lẽ sợ bẩn áo nên Mẫn cầm các-bin và nịt đạn trên tay. Tóc chải dầu dừa, tết hai bím thả trên ngực căng tròn, chắc hôm nay Mẫn không bó ngực nữa. Mẫn tươi ra nhiều, xinh, ừ mà xinh thật, vừa có cái vẻ thẹn thò muốn làm dạn của cô gái đôi mươi, vừa nghiêm nghiêm như bí thư bước vào cuộc họp, khác lắm.

Mẫn khép nép "chào chú", treo súng và nịt lên đầu con sẻ, vẫy ngay Út Hoà ra sân thì thào cái gì, rồi cả hai băng vườn qua nhà mẹ Sáu. Càng lạ nữa. Tôi đánh trống lảng, trêu chú Dé bằng mấy câu tiếng Co sai nát. Dé đã lên tiểu đội phó trinh sát nhưng vẫn trẻ con lắm, Út Hoà dễ thân là phải.

Chừng mười phút sau, Mẫn lễ mễ bê một nồi cháo vào, Hoà bưng cái mâm đầy thịt gà xé phay và gỏi mít non. À, à, một ai đó đi xem kịch đã báo cho Mẫn rằng anh Thiêm dẫn chú Ba Tơ tới nhà cô, đang đợi ở đấy. Mẫn nhờ mẹ Sáu về trước nấu giúp cháo gà, Mẫn xong phần việc của mình sẽ về mời chúng tôi. Còn cái dáng bẽn lẽn kia... thôi chết, hèn gì, Mẫn tưởng chú Ba Tơ thay mặt đơn vị đến hỏi Mẫn cho tôi! Có thể Mẫn hiểu lầm từ ban chiều nên giữ thế thủ và lẩn mặt, càng hiểu lầm vì chúng tôi đàng hoàng vào chiếm chỗ này như Mẫn đã làm dâu bộ đội trăm phần trăm!

Tôi gặp ngay đôi mắt Mẫn: thương, trách, nũng nịu một chút, và "em lì cho coi". Tôi lắc đầu, cười, nói luôn:

– Anh Ba về bàn phối hợp Mẫn à. Ảnh nhất định đòi tới nhà xã đội cho đỡ lộ bem, té ra trúng chầu cháo gà, ma cũ không thiêng

bằng ma mới đó nghen!

Anh Ba Tơ đã hết bực, cốc nhẹ vào trán Mẫn:

– Chồng con gì chưa, Mẫn? Tao mới nghe mày lãnh cái bí thơ, đang lo giùm đây, chắc con Hoà lấy chồng trước chị nó quá!

– Chú!

Chúng tôi không đợi mời, ăn như rồng cuốn. Mẫn rạng mặt như tất cả các bà chủ nhà của ít lòng nhiều, luôn tay múc cháo, nhắc chú Dé "ăn nữa đi em" bằng cái giọng rất chị Hai. Còn Út Hoà cứ trêu Dé và cười rũ: "Anh ăn chút chút, bằng nhau con gái!".

Mãi đến hôm qua tôi mới thật vỡ lẽ vì sao Mẫn sợ bị ép uổng. Tôi đi với anh Tư Luân coi khúc địa đạo đầu tiên xoi thông, hai đầu mối cưỡi lên nhau nhưng sửa dễ. Sau khi leo lên, tôi kể luôn tin sốt dẻo của chúng tôi. Anh đứng ngây ra, mắt chói nắng hấp háy. Mảng muội đèn dưới mũi cũng cựa quậy. Anh há mồm một lát mới bật ra tiếng cười khớ khớ, phát lưng tôi một cái:

– Thì mình gả nó cho lão lâu nay mà. Tưởng lão chê, hoá ra mắt tai lão còn tốt. Nghe nói các nước người ta họp con gái lại đấu xảo, thiệt không chẳng biết, có vậy mình dám gửi Hai Mẫn đi liền... Có điều, lão non tay ấn rồi. Thầy pháp sợ ma rồi. Nghề con gái, ưng muốn chết nó cũng phải làm điệu, ừ lập tức sợ người ta coi rẻ. Con Ba nhà mình đó, hẹn hò trót năm với thằng Liễn ở bộ đội tỉnh, tới khi cưới nó cũng than thở là anh Liễn bôn quá, là cha mẹ thương anh Liễn buộc nó lấy chồng, chớ nó tính chờ thống nhứt kia. Mình bày lão cứ cưới phứt, quyền ở lão chứ quyền gì nó, thương nhau cho đủ biên lai tồn căn đi. Lão để lâu sẽ sanh ra nay giận, mai hờn, mốt đòi đổi gác, rối óc mệt người lắm, bà con lại chê là mèo mả gặp gà đồng. Mình kiến nghị với lão một điều thôi: cưới xong lão cho nó ở đây gánh vác phong trào ít năm nữa. Lấy bán than thì phải lên ngàn chớ sao, ác cái chỗ mình kẹt cái khâu cán bộ quá, lão thấy rồi đấy... Nó sợ có con à? Tào lao. Coi bà Bỉnh Tam Trân đó, đẻ cứ đẻ, công tác vẫn cứ công tác. Chị Út Tịch anh hùng cỡ lớn đó. Cả làng Cá không nuôi dùm nó được vài đứa con sao? Cưới ào đi. Ngày xưa người ta đạp cửa vô buồng rồi cũng ăn đời ở kiếp với nhau, con đàn cháu đống. Hễ lão nhịn, con hùm đó dám bắt lão đợi đủ chục năm,

nó dựng vợ gả chồng cho em út xong hết mới cho lão cưới à!... Dễ thôi, lão yếu bóng vía cứ để mình đả cho nó thông. Mèo già thì chó cũng già, mi cầm duyên nó mi đà được chi! Lão nhắm tháng nào cưới được?

Tôi ngẩn người khi nghe những lời chí tình mà rất chói tai ấy. Chao, những lề thói cũ còn mạnh đến vậy ư? Tôi quên mất chùm dây leo của phong tục ngày xưa vây quanh người con gái, đã lỏng đi một chút phần nhưng ta bận đánh giặc liên miên chưa kịp dọn dứt gốc, ấy là chưa tính tới các thứ luật hôn nhân và gia đình của địch vun đắp thêm vào. Cái lý nó móc xích khá rõ. Mẫn thú nhận yêu tôi, coi như tôi đã bỏ miếng trầu vào ngõ nhà Mẫn rồi. Một miếng trầu cũng dâu nhà người, tôi xỏ mũi dắt đi càng sớm càng hay, cưới vợ thì cưới liền tay mà. Tôi sẽ bắt Mẫn về nhà tôi, thuyền theo lái gái theo chồng, lơ mơ thì vợ tôi tôi trị, không ai được xía miệng vô. Bỏ mẹ, sao cái quyền nắm dây cương của tôi lại to quá vậy? Ngay anh Luân quý Mẫn hơn ai hết,hễ bàn tới đạo vợ chồng cũng nhận ngay tôi là ông chủ, chỉ mong tôi rộng lượng cho Mẫn ở lại Tam Sa làm bí thư thêm ít lâu! Và cả Mẫn nữa, ngày mới quen còn khá ngang tàng, từ khi yêu tôi bỗng đâm sợ sệt, bởi chưa biết tôi sẽ thống trị Mẫn ra sao... Ở bộ đội, ở những nơi lứa trẻ tuổi sống chung với nhau đông đúc, chúng tôi được học về luyến ái quan mới, về bình đẳng giữa gái và trai. Còn trên mảnh đất hết lụt đến lửa này, từng ngày phải chọi với địch để sống còn, ai lại đi gợi những chuyện ấy cho thêm rắc rối sự đời!

Thế nhưng cuộc sống tự nó cũng thải bớt những cái lỗi thời. Từ ngày về Tam Sa, tôi chưa hề nghe nói tới một chỉ thị nào về cán bộ nữ, rốt cuộc chi ủy mới năm ngoái vẫn có hai cô rất trẻ, được bầu không phải vì cần "có nếp có tẻ" mà vì họ thực sự có bản lĩnh. Từ coi trọng cán bộ nữ về mặt chính trị tiến tới coi trọng người phụ nữ nói chung trong nếp sống nếp nghĩ hằng ngày, khoảng cách hình như không xa lắm. Có lẽ vì thế mà khi tôi khuyên anh Luân đừng vội đả thông Mẫn, anh ngẫm nghĩ rồi cười:

– Cũng phải. Con nhỏ không vừa đâu, ép nó, nó lý cho mình cứng họng liền. Ngựa hay thường có chứng, lão ráng trị cho khéo mà dùng, đừng bỏ uổng. Hồi nào bí tụi mình xúm vô giúp lão.

Nhớ câu chuyện hồi ấy, tôi ngắm Mẫn và buồn cười: ban nãy cô em định sa tiền hay đá hậu đấy? Bây giờ êm rồi. Mẫn ngồi trên góc chõng tre, trao từng bát cháo cho chúng tôi, mủm mỉm nghe chuyện dây kẽm gai căng giữa các ngọn tre chống trực thăng ở Tiên Phước và diều giấy cản đường phản lực ở Điện Bàn, thỉnh thoảng đôi mắt đen lại trùm lên tôi một vầng sáng biết ơn. Được đánh giặc, được yêu, Mẫn chỉ cần bấy nhiêu để vui trọn một đời không hết vui. Mỗi lần chúng tôi nhìn nhau qua khói cháo gà, lại thêm một giọt nữa gieo vào bình vui chung của hai đứa để dành. Rượu quý càng để lâu càng nồng men thôi.

– Cái thứ áo giáp đó Thiêm à, tao bắn thử rồi. Đạn Côn xa mười thước không lủng, còn A-ca, Xê-ca-xê đùi toác hết. Thứ đạn ít thuốc mà xuyên mạnh khiếp. Mẫn thử chưa?

– Cháu đã thấy đâu mà bắn,anh Thiêm?

Tôi lắc. Anh Ba Tơ cau mày:

– Gay đó. Mày bám địch riết rồi quên ta mất. Út Hoà coi đừng đi khoe nghen, địch nó biết chủ lực. Đóng cửa lại.

Chú Dé vác súng quấn kín trong tấm choàng nhựa, ai hỏi chú đáp tỉnh khô: “súng hư, mang đi sửa”. Chú tháo bọc, lấy ra một cây súng trường mới tinh hảo, hình vóc hơi giống cây mút-cơ-tông Pháp hồi xưa. Tim tôi đập gấp khi tôi đưa tay đỡ nó như bồng con, và thấy ngay nó đẹp, rất gọn, nặng vừa phải, cái lưỡi lê xếp mới nhìn đã ưng. Nghe khen hoài các kiểu súng của bộ đội miền Bắc, nay mới được cầm tay, tôi muốn hôn nó một cái. Giá trị ra sao chưa biết, vượt bao nhiêu đường đất vào được tới đây là quý lắm rồi. Mẫn đưa tay vuốt nòng súng, chớp chớp mắt.

Tiếp liền đó thói quen nghề nghiệp trỗi dậy. Tôi khám cây CKC với tất cả cái khó tính của người lính đã bắn qua mấy chục kiểu súng góp nhặt, từ Anh-đô cũ kỹ tới AR.15 của Mỹ mới ra lò, chỉ thua anh Ba tơ có thứ súng Nga hoàng dài thòng và trường Nhật cỡ đạn nhỏ xíu, có vỏ sắt bao kín khoá nòng. Biết ơn miền Bắc cho súng là một việc, đánh giá cây súng tốt hay xấu để dùng phải cách là việc khác. Anh Ba Tơ chỉ cho xem từng chi tiết nhỏ một, chúng tôi xúm hỏi mãi, thử mãi bắt mê, mỗi lúc một thêm hớn hở; cứ như tôi đến

tận xưởng đặt kiểu nhờ đúc dùm, và anh em thợ đã thêm vào đấy bao nhiêu cái hay cái mới mà tôi chưa từng gặp. Rốt cuộc, chính anh Ba phải giằng súng cất đi, hẹn hôm sau cho chúng tôi bắn thử, và thì thào bảo rằng xê mình còn nhiều thứ ngon nữa, cả súng chống tăng B.40 bắn chảy thép như đèn sáp.

Mẫn tròn mắt tròn môi:

– Cha mẹ ơi, xã cháu được một cây như chú nói đó, cháu lãnh giữ nó lập tức, coi thử xe sắt còn húc vô nữa hết!

– Lần lần rồi có chớ. Mỹ vô một ngàn súng mình cũng phải thêm đôi cây mới mới... Thôi đi ngủ!

Chỉ trong vài tiếng mà tôi mấy lần bị anh "giật gân sư" này làm cho nổi sốt. Hiểu thêm chút ít về Mỹ, lại chậm chân hơn xê mình một quãng xa rồi, đuổi sao cho kịp đây!

Đến sáng hôm sau, anh Ba Tơ mới ngạc nhiên. Quì trên mỏm đồi gần gò xoài, nơi Mẫn đưa tôi đến nhìn xuống đường nhựa dạo trước, anh xoay ống dòm một vòng xem những quân Mỹ đóng chi chít suốt từ An Hoà đến sông Trà Bồng, từ ven biển đến đường Một, với những chuỗi tàu lớn nhỏ đậu như lá bàng, lá tre sau lưng. Anh buột miệng kêu: "Gớm hè".

Anh chưa thấy một căn cứ nào to và dày đặc như thế.

Chú thích:

(1) Đ^2: tiếng lóng gọi địa đạo

(2) Ngượng

(3) Ký hiệu tắt cuả trung liên Mỹ Braoninh (BAR)

Chương 20

Thật tình, tôi ngậm miệng nhưng cũng sửng sốt không kém anh Ba Tơ. Chỉ sau hai ngày họp chi bộ, tôi chĩa ống dòm vào một căn cứ Mỹ đã đổi khác quá nhiều.

Hồi bật ra ngoài gò, tôi nhờ Năm Ri dẫn đi sờ cái Chu Lai mấy lượt, lại thường lên núi Chúa nhìn xuống: nó biến hình rất chậm, cũng mệt mề như đám lính ngụy xây nó. Tới khi chính mắt xem Mỹ đổ quân, đổ của vào ùn ùn, tôi vẫn không cho rằng chúng hối hả, có lẽ vì một giờ của tôi trong hố cát chỉ có thể dài bằng hoặc dài hơn một giờ của địch. Mãi hôm nay tôi mới nhận thấy kẻ thù trước mặt đang vội ghê gớm. Một bầy mối kéo tới chỗ lạ kiếm mồi đang cuống quít moi tổ, vừa xoi lò ngang ngách dọc dưới sâu vừa đùn lên những ụ đất phình nhanh. Ai đã làm nhà trên vùng đất mối đều nhớ cái nạn mối đắp hầm nổi từ chân cột chân vách leo lên, bẵng đi vài ngày quên soi đèn phủi mối là đủ cho con đường bằng đất sét rỗng ấy ngoi đến mái, và những cặp càng đen hoặc nâu bắt đầu xé gỗ trên kèo.

Không đâu như trên miền cát mênh mông này, các thứ đồ nghề ăn cướp của Mỹ được múa gậy vườn hoang thả giàn. Thằng lính tốt đen có thể say nắng ngã quay ra, mặc, lũ binh khí kỹ thuật cứ ngày đêm ầm ù. Chỉ riêng một khoản làm đồn cũng đủ thấy địch dám liều, dám tốn kém. Tụi công binh đáp trực thăng xuống đỉnh gò, đặt từng tấn chất nổ, sau vài giờ đã hớt gọn đi cái chỏm tròn trên đồi như ta chặt trái dừa uống nước. Tiếp bầy xe ủi đất vừa leo lên vừa mở luôn con đường trôn ốc cho ô-tô theo sau, trong vài ngày đã nạo phẳng một mảng cao nguyên đỏ hay xám. Đất san và nén tới đâu, bọn cần cẩu bay xách những lô-cốt bê-tông đúc sẵn thả xuống tới đấy, xe ben và xe cẩu đi xếp bao cát làm tường, lắp đều đặn những khung châu mai cũng đúc sẵn. Nằm trên chuồng chim của bà dì S.26, tôi đã xem tụi Mỹ xây đồn Gò Miếu theo kiểu ấy, và hôm nay nó hiện trong ống dòm như một con nhện núi khổng lồ nằm im giữa mạng

lưới kẽm gai xõa rộng gần tới chân gò. Các cụm quân đóng dã chiến, các bãi xe, bãi pháo quanh sân bay cũng vậy, mới đây chỉ có lều vải xanh và mấy vòng kẽm gai, ít đống bao cát, nay đã cộm hẳn lên với lô-cốt, tường thành, rào chen mìn, đường ô-tô. Chắn chắn cái phần bên trong thuốn sâu xuống đất còn công phu hơn nữa. Cứ theo cách nhìn của bác S.24 có bộ râu dài chống bắt lính, bầy giòi Mỹ đã nở ra lúc nhúc lắm rồi, nhưng mới có một số hoá ruồi xanh đi ném bom bên ngoài thôi.

Anh Ba Tơ mới ngạc nhiên vì thấy căn cứ Mỹ to, chưa thấy cái sức phình gấp của nó. Nghe tôi tả lại cái Chu Lai cách đây ba tuần, anh buông ống dòm, trầm ngâm:

– Chạy đua với Mỹ, chắc là mệt. Thằng Pháp ở Điện Biên ra sao mình không biết, chớ khu Năm mình đánh nó cũng động trời lắm, mà...

Anh khoát tay về phía trước thay cho một so sánh. Tôi cười:

– Anh bước vô cuộc chiến tranh thứ ba rồi nghen!

– Ờ mình tưởng hai cuộc là xong, té ra còn thêm keo nữa. Lần này chắc là sự bất quá tam. Tới khi Mỹ thua rồi, đố thằng đế quốc nào đụng độ với ông Việt Nam! Có điều... cậu báo cáo lên ông Điển cũng y như nói với mình hả?

– Chớ sao!

– Các ổng có quy cho cậu phục Mỹ, sợ Mỹ không?

Tôi ngẩn ra. Lại có chuyện vậy nữa kia? Anh Điển chỉ nhắc tôi phải nhìn tụi Mỹ bằng con mắt của người lính chiến, thấy cho hết cái dễ, cái khó để rồi đánh nó, không được hời hợt hay một chiều. Anh có chụp ngầm cho tôi cái mũ nào chăng, tôi không biết và cũng chưa cần biết, chỉ lo tìm hiểu tận ruột thằng Mỹ và nghĩ cách thắng nó. Tất nhiên tôi có thể nghĩ sai, nhìn lệch, nhưng từ đó đến chỗ sợ và phục Mỹ cũng xa bằng Chu Lai đến Ca-li-phoóc-nia!

Tôi vặn:

– Anh thấy tôi nói dựa cấp trên hồi nào chưa?

– Không. Mình quý cậu ở chỗ dám nghĩ, dám nói, dám làm, mà lại ít nóng mũi cãi bướng như mình. Nhưng mà...Năm Cẩn mới đụng

Sáu Bồng, hơi găng. Mình thấy già Cẩn nói đúng, nhảy vô...

Anh nhăn mặt như vừa uống dầu cá. Tôi biết cái kiểu "nhảy vô" của anh, rất thật bụng nhưng xốc xổ đổ tháo hệt con trâu nhảy vào lò chén. Bỗng dưng tôi nhận ra từ sáng đến giờ anh đổi cách xưng hô. Anh tránh lối mày tao suồng sã trước mặt cán bộ Tam Sa, hay muốn từ nay tôi nhớ rằng tôi gần ngang cấp với anh, không nên tự hạ mình nữa trước cái khoảng cách mười ba tuổi và cả một lần kháng chiến? Có thể cả hai. Tôi không hỏi, trước sau anh cũng tự nói ra thôi. Chúng tôi chưa hề giấu nhau chút gì.

Sáu Bồng ở quân khu mới về làm chính trị viên C.255. Chúng tôi gặp mấy lần, thấy cậu lanh lợi, vui, hăng, bị cái bệnh giải thích nhiều quá nên không có thì giờ nghe ai cả. Một lần nghe cậu giảng cho một nhóm chiến sỹ rằng Bô-li-vi là một nước ở Bắc Phi, rằng đại liên 30 là pháo tự động cỡ 30 ly, tôi đã ngắt ba bông râm bụt bó lại, tới bữa cơm mới đưa tặng cậu. Anh em cười ồ, cậu ta cũng cười, có lẽ không hiểu cái ý ba hoa.

Trong lớp tập huấn vừa rồi, nhân bàn về công tác tư tưởng, Bồng nói rất bốc:

– Mỹ đang đổ bộ ào ào, bộ máy tâm lý chiến của nó làm rùm beng về sức mạnh Huê Kỳ, bây giờ mà ta còn nhắc tới mặt mạnh của nó nữa là nối giáo cho giặc, bộ đội dễ hoang mang!

Năm Cẩn cứ lành lành:

– Cha, vậy nói sao ta?

– Phải nhấn miết cho anh em thuộc lòng rằng ta mạnh địch yếu. Thằng Mỹ đáng ghét, đáng khinh, đáng tởm, không đáng sợ chút nào hết.

– Chỗ đó mình đồng ý cái rốp! Rồi sao nữa?

– Gì mà sao?

– Giả dụ như... có nên nói trước đánh xe tăng khó hơn đánh xe lội nước, bắn phản lực khó hơn bắn tụi cánh quạt?

– Cái đó anh em tự giải quyết thôi. Tư tưởng thông, tự nhiên nảy ra biện pháp tốt.

– Đồng ý nữa. Đã quyết ắt sẽ biết! Có điều “anh em” là ai? Mình ở đại đội, ra trận cũng cầm tiểu liên, đeo thủ pháo như chiến sĩ, mình phải nghĩ chung với anh em, tìm cách đánh sao cho thắng chớ...

– Anh cứ nghĩ sa đà về kỹ thuật, võ khí thì chỉ có thua thôi! Người lính ra trận phải sôi máu căm thù, phải say khói súng, không được thoáng qua một chút lo lắng trước sắt thép của Mỹ, không được trù tính đường lui! Nghĩ à? Nghĩ cho lắm rồi nổi run lên, thấy toàn khó là khó, đâm bàn rùn chớ ích gì!

– Tới đây mình khác cậu rồi. Cái gan phải kèm cái khôn, diệt địch phải nhớ giữ mình, tinh thần phải cộng với tài năng...

– Anh bị tàu bay đại bác ám ảnh quá rồi đó!

– Mình ham diệt thứ đó lắm...

– Chung quy cũng là tư tưởng sợ Mỹ, là thiếu lòng tin!

Tới đấy cả tổ xúm vào tranh luận rất hăng. Mấy người ngả về ý Sáu Bồng. Ba Tơ xăn tay áo “nhảy vô” theo lối của anh:

– Mình dốt chữ, cho mình nói nôm thôi nghen... Bồng à, cậu tới xê mình động viên anh em thử coi đi. Lòng tin hả? Mình gặp nhiều lòng tin hay lắm. Hồi đánh Tây, có số ngụy ra trận mà tin đeo bùa khỏi chết, hay chết ba ngày sống lại. Tổng Diệm sai các cha tuyên úy dỗ lính rán giết cộng sản rồi Chúa cho lên thiên đàng. Tụi Mỹ chắc cũng vậy, thêm ít chai rượu nữa... Cậu muốn anh em tin kiểu đó chớ sao? Cứ nhét bông vô tai rồi đâm dạn súng à?

Cậu Long, đại đội trưởng của Bồng, bật cười ha hả:

– Hễ chưa tin như cậu thì ắt sợ Mỹ. Bàn tới các tình huống trắc trở tức là dao động. Kế hoạch rút lui chỉ nên để ban chỉ huy nắm thôi. Học quân sự chi cho mệt, hễ tin thắng là thắng thôi mà!

– Đó, thấy không? Công tác chánh trị trong quân đội má cậu làm như dạy trẻ vỡ lòng, ai chịu nghe!

Khi lan ra cả lớp, cuộc bàn cãi ấy được nâng cao hơn. Năm Cẩn vốn không ưa dài lời, đã lên hội trường với đề cương cầm tay, nói suốt một giờ về con người anh hùng cách mạng. Anh em vỗ tay muốn bật cả mái lá.

Anh Ba Tơ kể tới đó chép miệng:

– Mình quen tay Cẩn lâu, tới hôm đó mới biết hắn giỏi lý luận ghê.

– Bớt "xấu cái bụng" chưa?

– Còn đau hoài. Thầy thuốc đoán phải mổ dạ dày mới đỡ.

Anh lại nhấc ống dòm xem hòn núi Sàm, nơi tôi chọn để xê mình đánh cái trận thử sức. Câu chuyện còn thiếu khúc cuối vì pháo Chu Lai bắn lên núi Chúa cắt ngang. Tôi nhận ra khẩu 155 qua tiếng đạn hú trầm và rền, tiếng nổ rung đất khá mạnh. Hôm trước địch mới đưa vào loại 105. Chín giờ, có lẽ đoàn anh Điển đang qua sông Rù Rì. Sáng nay tôi chỉ đưa anh Ba Tơ đi "nếm mùi Mỹ" qua loa thôi, anh Điển tới sẽ làm việc kỹ.

Tôi đi gọi chú Dé ngồi gác mé dưới, cả ba kéo nhau về. Pháo vừa dứt, một chiếc Mô-hoóc hai động cơ cánh quạt bắt đầu làm xiếc. Nó rà sát sườn đồi, luồn lách qua các đèo yên ngựa, cái cần ăng-ten trắng dựng trên lưng nghiêng qua nghiêng lại như râu gián đánh hơi. Loại này địch dùng đã lâu, bà con hay gọi là tàu bay Úc, nhưng nó rà ngửi đất vùng gò sau lưng làng Cá cũng là một cái mới nữa. Đấy, cuộc chống Mỹ từng ngày từng giờ ném ra bao nhiêu dấu hỏi, làm sao tôi có thể lẩn tránh không tìm câu đáp?

Anh Ba Tơ lại nhăn mặt khi phải kể cái đoạn anh ít ưa nhất:

– Sáu Bồng nó nổi đoá, quay sang đả mình thiệt dữ. Cũng có chỗ trúng, như nó nói mình dốt, gia trưởng, ưa rượu, tức là ăn chơi trụy lạc, mình nhận hết. Bây giờ thêm cái dao động về chánh trị, bỏ giò đằng sau chực chạy, cái đó trật bậy rồi. Chắc cậu khó tin, mình không nóng mũi chút xíu nào hết mới kỳ, mà cứ chăm chăm nghĩ thêm lý lẽ để bàn cho nát nước thử coi, là bởi vấn đề nó nêu lên thiệt tới to. Chuyện xương máu không được xập xí xập ngầu[(1)]...

Tôi gật đầu. Tính anh đúng vậy, dễ cáu vì những cái không đâu, nhưng vào việc lớn thì rất bình tĩnh và vô tư.

– Cuối cùng ra sao?

– Ông Đạt lên sơ kết, cũng chẳng khác gì tài liệu đang học, chống hữu phòng "tả", tập phương pháp tư tưởng đúng... Tay Bồng

coi bộ còn hậm hực. Mình nghe đồn... mà thôi, đợi hồi nào biết chắc đã. Nó nói thẳng vậy là tốt, còn hơn mấy cậu cứ nghe lỏm ngậm tăm, hay là xì xào ngoài rìa.

Cái điều anh ngại không muốn hở ra vì ngại ghép cho đồng chí mình một động cơ xấu, tôi đã biết.

Hai cậu phái viên từ một trung đoàn khác về H.68 có hỏi Sáu Bồng được phục chức chưa. Bồng ít quen súng đạn nhưng nói khoác hơi nhiều. Sau trận đánh điểm cao 89 tít trong Khánh Hoà, cậu ta bị hạ một cấp và rút về khu vì bỏ quân mà chạy. Qua tám tháng, cậu được đưa về trung đoàn tôi lãnh chức cũ, có lẽ cấp trên thấy cậu hối lỗi, vả lại chỉ mất uy tín chứ chưa gây tai hại gì đáng kể, mũi phụ công bị cậu thả rơi vẫn thắng to.

Dễ nghĩ rằng Bồng muốn tỏ ra rất "tả" để bù lại cái hữu ở nơi khác, dũng cảm bằng miệng thường nhàn hơn bằng chân tay. Nhưng thôi, cũng như anh Ba Tơ, tôi không thích úp chảo gang cho những ai khác ý mình, tuy biết mười mươi rằng trong hàng ngũ ta còn một số tay "cách miệng" khôn róc mấu kiểu ấy. Dù sao những cán bộ mất chất chạy dài như Tám Liệp cũng gây khó nhiều hơn khi quân thù mạnh kéo tới, mặt chống hữu vẫn là chính, cấp trên dặn rất đúng. Hãy cứ tạm cho rằng Bồng hơi quá sốt sắng khi chuộc lỗi – như quả lắc đồng hồ - hoặc còn mang nếp nghĩ đơn giản và lòng tin ngây thơ, hoặc cáu tiết muốn ăn thua đủ một keo "được ăn cả, ngã về không"... Còn phải chờ xem.

Còn tôi...

Mới đêm qua đấy thôi. Sau chầu cháo gà, tôi đưa anh Ba Tơ với chú Dé về ngủ nhà mẹ Sáu. Tôi đấm lưng cho anh than đùa: "Một thân hai cuộc trường kỳ, hai mươi năm chẵn còn gì là xuân!". Cả nhà cười ồ. Được, chúng tôi còn khỏe, câu giỡn hóm ấy nhẹ như vết muỗi đốt. Gặp hồi xuống sức, nó sẽ là con ký sinh trùng sốt rét phá vỡ các hạt đỏ trong máu, quật nhào được những con người vạm vỡ mà đạn Mỹ không gặm nổi. Ai dám khoe mình được miễn dịch đối với các thứ vi trùng tư tưởng?

Đã tới bụi tre đầu làng bị pháo chặt gần trụi. Tự dưng óc tôi rẽ sang vụ anh Tám Liệp, từ đó nghĩ về đôi bàn tay thon mềm của

Mẫn, suốt mấy năm vừa đánh giặc vừa lần gỡ từng mối tơ, nay mới tạm xuôi. Bàn tay ấy đưa thuốc phòng bệnh cho tôi uống thì kí ninh vàng cũng hoá ngọt.

* * *

Dưới những vòng quần "chẹt người" của chiếc Mô-hoóc, đoàn cán bộ của H.68 chia nhiều nhóm băng qua đồng lớn Tam Trân, qua vùng gò hoang bây giờ loét lở những hố bom to, xuống làng Cá. Tất cả đều mặc bà ba đen, đội nón lá, bao và súng bỏ vào giỏ bội quảy trên vai, hệt bà con đi cắt lá bỏ chuồng trâu. Mười bốn người tất cả, đông khiếp!

Tôi mừng muốn reo. No dồn đói góp, hồi nào lặn lội một thân như con heo chiếc[(2)], bây giờ lu bù chất phái, chất nghiên! Mẫn với Ri đón đầu làng lo cuống lên: địa đạo đang lem nhem, lỡ địch càn lên, giấu đâu cho hết mấy "ông to"? Còn dân làng Cá thì tò mò nhưng giữ ý rất khéo, chỉ ngoắc tôi vào trong ngõ hỏi rỉ tai:

– Gần chưa Thiêm?

Tôi nháy một cái, lấp lửng nhưng tỏ ra ăn ý. Vậy là thoả mãn.

Anh Điển đi với nhóm gần cuối. Gánh còn trên vai, anh kéo luôn tôi tới một góc rào: "Về đây, mình tên là Châu, Hai Châu, nhớ nghen". Cùng đi chuyến này có hai anh trên khu về bàn việc lập Đảng ủy vành đai, một anh địch vận quân khu, một đại đội trưởng đặc công với bốn trinh sát, có cả anh Giai tham mưu phó của trung đoàn tôi nữa. Sướng quá đi mất. Anh Điển thắt nịt súng đeo bao xong, búng vào tai Mẫn:

– Cô bí thơ coi bộ rầu ghê ta. Đang đợi quân súng dài, thấy về cả một lô súng ngắn, bắn đâu giặc gãi đó...

– Chú!

– Khỏi lo đi. Tụi này bóc lột cô một buổi thôi, sau đó toả xuống Chu Lai hết, cô tử tế thì cho mượn một tổ du kích dẫn đường. Tôi để Tư Thiêm về gởi rể đất Tam Sa lâu nay, đòi trả công bấy nhiêu...

Mẫn bịt hai tai, kêu:

– Chịu thua chú rồi mà.

Năm Ri mượn xe đạp đi mời anh Bảy quai nón đang xem làng chiến đấu Nhơn Phước với Tư Luân. Con đường đất chạy thông bốn thôn Tứ Nhơn đã viền kín những hầm chông và hố chống tăng, người gánh và xe đạp khéo lái còn qua được.

Tôi bị tên khi vội đưa tin sốt dẻo về Mỹ: anh Điển và anh Giai vừa đi vùng Đông Bình Sơn về, suốt ba ngày lội vòng mặt nam của Chu Lai, còn xem du kích đánh bật một trung đội Mỹ đi tuần ven sông Trà Bồng. Nhưng anh Điển nói toạc ngay rằng cậu phái viên ở phía đó hiểu Mỹ qua đài nhiều hơn bằng tai nghe mắt thấy. Nghĩa là phần việc của tôi vẫn còn nặng, chưa rút ngay được để về nắm xê mình như anh Ba Tơ giục mãi.

Trong buổi họp chiều hôm ấy, anh Bảy báo cáo rất ngắn về các xã quanh Chu Lai. “Để dành thì giờ nghe cậu Thiêm nói chuyện Mỹ, tụi tôi dốt cái mục đó lắm”. Tôi căng tấm yếu đồ, cố trình bày thật gọn vẫn mất một tiếng rưỡi. Vừa dứt lời, câu hỏi từ bốn phía đã ném đến tới tấp, tôi ghi hối hả, ghi mãi, đếm lại những mười bảy câu tất cả! Trời xui đất khiến cách sao mà tôi được hai ngày nằm trong hố cát trước nhà ga tàu bay của Chu Lai, nếu không thì xin cứng lưỡi lập tức! Anh Điển cũng biết vậy, cười khà:

– Cậu trúng tủ rồi nghen! Có oán mình đai đi đai lại cái cụ thể nữa không?

Màu đất bãi biển mặt Đông sân bay? Cát trắng, đôi chỗ trắng xám, dưới các vạt dương liễu có lá rụng màu nâu đen... Tôi không biết thằng tướng Mỹ đã đến Chu Lai chưa, nhưng thấy một thằng đại tá ra vào cái hầm đánh số A7 trên yếu đồ đây. Biết chớ, nó đeo cấp hiệu con chim đại bàng mạ bạc trên cầu vai... Mặt đường băng nhiều bụi, có hai chiếc xe hút bụi rất to làm việc buổi trưa, khi máy bay ngớt lên xuống... Công sự pháo của nó để hở mặt lưng quay vào căn cứ, ấy là cách đây ba ngày, tới nay không biết đã thay đổi gì chưa...

Hỏi nữa và hỏi nữa. Bến cảng, cửa sông, đường ô-tô, đồn ngoại vi và quân đóng dã chiến. Có mấy chỗ tôi bí, vài lần phải lục sổ tay tìm hình vẽ hay con số, ngoài ra tôi cứ lật đều tập ảnh trong đầu, khỏi kiếm đâu xa. Anh Điển nhắc: “Cậu cho những chi tiết khó nắm

từ xa, hoặc ban đêm vào tận nơi vẫn khó thấy...". Từ lúc nào không rõ, một ngọn đèn măng sông được treo lên giữa nhà – chúng tôi họp trong nhà ngói của xã Chinh – ngồi trên những dãy ghế mà đại hội chi bộ để lại.

Khi tôi ngồi xuống lần thứ ba, anh Luân nói trịnh trọng:

– Đây mới là phần địch. Hồi nào các đồng chí muốn biết tình hình Tam Sa trong nửa năm qua, nhứt là cái khúc gần đây giành lại vùng bàn đạp Tứ Nhơn và dàn trận đón Mỹ ra sao, đồng chí Thiêm nắm rất chắc...

Tôi nóng bừng mặt, lắc đầu. Anh Bảy quai nón xởi lởi bồi luôn:

– Cũng tội. Cậu ta mới về Tam Sa, đụng càn lớn bật hết quân tướng ra ngoài gò, vậy là lăn lưng vô đánh thí xác, nắm du kích, mở lớp quân sự, chẳng kể khi đói khi đau. Tôi trách xã miết, xài cán bộ trên về vậy lỡ nướng mất thì sao, Tư Luân nói chi ủy còn có một người rưỡi, ông Điển biểu cứ để cậu ta làm tới đi cho được toàn diện, thôi đành... Nghĩ tức cười, khắp bà con Tam Sa ai cũng tưởng cậu Thiêm được cử về luôn đây, hồi sáng có chị tìm ủy ban kiện trâu ăn lúa, cả tổ đào hầm xúm bày tới ông Thiêm xử cho, ổng là phó chủ tịch hay xã đội trưởng gì đó!

Chung quanh cười rầm. Tôi muốn chui xuống đất. Biết rằng anh Bảy anh Luân lựa dịp này để khen tôi, cũng là khen chung cán bộ Quân giải phóng chịu khó giúp địa phương nhưng nếu các anh hiểu những lúc tôi sốt ruột định xốc ba-lô đi nơi khác... Rất may, anh Điển đã chấm dứt:

– Tạm đủ đó. Coi như kiếm chút vốn giắt lưng, tối nay xuống thăm Mỹ khỏi ngợ, còn phần chủ trương sắp tới sẽ có cuộc họp khác. Bàn cho đã ngán, để khi Mỹ nống ra mạnh không bỏ việc đi họp được đâu.

Bước ra ngoài, tôi chưng hửng thấy trời sẫm. Gần bảy giờ tối rồi, chỉ kịp ăn vội trước khi thọc xuống biển. Anh Ba Tơ bấm vai tôi, rỉ tai:

– Chết cậu nghen. Được việc kiểu đó, cầm chắc cậu về tham mưu, đừng trông trở lại xê mình.

Tôi giật thót. Nước đời, sao lắm nỗi trớ trêu! Đành bông phèng cho qua.

– Phận bèo bao quản nước sa…

– Gì?

– Không. Ri ơi, Ri, anh Ba đây chớ!

Năm Ri với anh Ba Tơ tách riêng một hướng, nắm kỹ cái đồn núi Sàm. Tôi dẫn các anh khác xuống vùng biển.

Mẫn đưa một tiểu đội du kích đi giúp chúng tôi đêm đầu. Hai tổ ở lại giữa hành lang qua đường nhựa, một tổ nữa theo bảo vệ. Số đông cán bộ sẽ về ngay trong đêm, chỉ còn bảy người nằm lại dưới ấy, rải ra ba nơi: tổ đặc công ở xóm năm nhà có chị S.12, anh Giai được gửi cho bác S.24 râu dài, anh Điển với tôi lên chuồng chim trong xóm chị S.22. Út Liềm với hai cô nữa đã xuống từ trưa dò đường, xếp chỗ. Cô Tươi và bà Dì S.26 sẽ đưa tin lên nếu cần. Bộ máy của chúng tôi đã khá trơn dầu, chạy đều.

Thấy Mẫn bần thần, tôi trêu:

– Chịu khó trả công lần này là dứt điểm, khỏi phải lùa bầy trâu trắng nữa, Mẫn à.

Mẫn cười gượng, vẫy tôi ra góc vườn tối. Mấy hôm nay chúng tôi không hở ra lúc nào để nói riêng với nhau. Được cái, nếu rủ nhau ra chỗ vắng một lát thì không ai ngờ tình ý gì cả, hai anh chị có khối việc mật để hội ý hội báo!

Mắt Mẫn long lanh dưới bóng cây dừa thấp đang dựa lưng:

– Em ở lại dưới đó... với anh.

– Đừng, Mẫn. Em phải lo trên này...

Mẫn nắm cánh tay tôi bóp mạnh, hơi gắt:

– Anh... anh liều quá. Chiều nay em mới biết anh vô nằm trong căn cứ. Sao anh giấu em? Anh không nói em hay? Sao?

Mấy tiếng cuối cùng, Mẫn quát qua kẽ răng, nghe rất lạ. Câu trách của Mẫn càng lạ: chính Mẫn cũng nằm trong ấp chiến lược như cơm bữa. Những ngón tay búp măng siết tôi đến đau, lay dữ. Tôi đứng sững, chưa tìm ra câu phân trần, Mẫn đã quàng tay ôm ghì tôi. Cả người Mẫn run bắn. Mẫn hổn hển nói khẽ bên tai tôi những lời đứt quãng, nóng như hơi lửa lò:

– Em không chịu nổi... thà em đỡ đạn cho anh... ngó theo hoài... thà em được đứa con cho đỡ nhớ... tại em...

Mẫn lả trong tay tôi.

Tôi phải khỏe, phải tỉnh cho cả hai trong cái lúc Mẫn đuối sức này. Rõ rồi. Đã căng và mệt liên miên, Mẫn còn thêm nỗi nhớ khắc khoải chưa quen chịu, từ khi yêu tôi. Mỗi phút yêu thương của Mẫn cứ phải kèm theo một cái tang hay một nỗi đau kéo dài, ít nhất cũng một mối lo, thật tội nghiệp. Cơn hốt hoảng ập tới giữa lúc không ngờ. Nếu vắng tôi, nó chỉ là mấy phút Mẫn đãng trí, rồi giật mình quay vào việc đang làm...

Tôi hôn Mẫn, dỗ thì thào rất lâu, không đầu không đuôi. Chỉ cần Mẫn hiểu tôi yêu, tôi sẽ về. Mẫn định bắt tôi đợi mười năm, lại không đợi tôi được ba ngày, thua chưa? Hồi nào ngại tôi đòi cưới, bây giờ mong có con?

Mẫn bịt miệng tôi, rồi lau mắt. Mưa nhỏ cũng đủ làm tan cơn dông. Mẫn cười nhẹ, xấu hổ:

– Em điên điên, anh hè? Đừng giễu thì em nói... Cái đêm em gặp lại anh, hiểu anh rồi, em như đứa bị hút hồn... Em sợ cưới thiệt đó, sợ lắm, rồi có khi em lại muốn... làm vợ anh.. ra vô em được ở miết bên anh, em quạt anh ngủ, em nấu cơm anh ăn, bà con kêu em là chị Thiêm, vui ghê, năm bảy ngày rồi anh đi bao lâu cũng được, em có cả mớ kỷ niệm chung hai đứa, mặc sức mà nhớ. Có được đứa con nữa... Em thích con trai hơn, giống anh, đi đâu em bồng nó theo, cũng như gần anh, thay thằng Hoàn...

Loáng cái, tôi thấy lại chị Tám Giàu đang kể tội đàn ông để khổ cho vợ, nhưng lại nghẹn lời khi nhắc tới đứa con bị sảy. Cả hai bận chị đều thật bụng.

Mẫn cũng rất thật khi yêu tôi và tránh tôi, khi sợ vướng con và ước có con. Một lòng sông chứa hai dòng nước xô đẩy.... Tôi chợt nhận ra cái nghị lực ghê gớm của những người khao khát yêu và được yêu như Mẫn, khi nén tình riêng xuống để dồn sức làm việc lớn. “Các anh gan lắm”, tôi thường nghe nói vậy. Có lẽ chúng tôi đơn giản mới đúng. Mẫn gan hơn nhiều khi dám ngoảnh mặt trước một người con trai mà Mẫn yêu đến mất ăn mất ngủ, chỉ vì lo chi ủy hết

người. Tránh sao khỏi một lúc bải hoải, chùng gân. Tôi phải tiếp sức cho Mẫn...

– Đừng cười em, nghen anh? Con gái vô duyên mà. Mẹ em hay bác Sáu nghe em kể lể với anh vầy đây, chắc chửi em là đứa trắc nết, nói với chồng, chồng còn khinh, huống gì trai mới thân... Lạ lắm, cái gì em cũng muốn anh biết chung, chuyện làng nước, chuyện riêng em, chẳng sót một chút. Ăn một đũa xôi, em cứ xắn đôi ra cho anh một nửa, rồi em ăn giùm phần anh, in thể con nít. Em nhớ hồi mới gặp anh, em tức anh lắm, sao bây giờ em ngợ miết, hình như em thương anh từ khi mới ngó thấy kia. Chẳng lẽ mới vài tháng gần đây mà em đã thương quá quắt vậy sao, đúng rồi, phải từ năm ngoái... Em hư lắm phải không? Nói đi anh...

– Anh yêu em gấp năm. Anh trọng em gấp mười.

– Thiệt chớ?

– Thiệt. Em tin anh, em mới nói hết.

Mẫn nhấc đầu khỏi ngực tôi, ngửng đôi mắt đen nhìn vào mắt tôi đăm đăm. Sau này tôi sống với Mẫn, hẳn không một lần có thể nói dối trót lọt trước đôi mắt này.

Có tiếng mấy người nói trong sân:

– Thiêm đâu rồi?

– Chắc đang ăn cơm. Tổ trinh sát cũng chưa xong.

– Nhảy thử vài cái coi... hai, ba!

– Pin sáng quá, thêm vài lớp nhựa đi...

Ba bốn đốm lửa thuốc lá rít vội, hừng đỏ, soi lên vành mũ tai bèo vài giây. Đèn pin bọc nhựa xanh loé thử nhiều lượt, mỗi lượt sẫm màu thêm một tí. Súng ngắn lên đạn rắc rắc, nhỏ thôi, còn các-bin kêu rất ồn, "róc, xoảng". Ai đó nhắc khoá cò, lấy nước đầy bi-đông.

Mẫn cười, giọng đã trở lại rất dịu:

– Tụi mình bỏ cơm tối. Để ém vô ăng-gô, đem theo. Anh lấy em, phải tập nhịn đói từ giờ cho quen, chịu không? Giỡn thôi, lỡ hết gạo em hớt thịt trên mình xào cho anh ăn liền, giống chị gì trong truyện thơ mẹ hay kể. Đời xưa làm nổi, em còn dám gấp mấy kia chớ, coi như địch nó tra hay trúng mảnh pháo, dễ ợt.

Tôi rùng mình. Mẫn không đùa đâu. Phải nghe tận tai, tôi mới biết một cô gái có thể yêu đến chừng mực nào, nếu ai nói lại chắc tôi không tin chút xíu. Mẫn rất dám nuôi tôi bằng thịt mình, nhưng cũng không ngần ngại xả cho tôi mươi viên đạn vào đầu nếu tôi nhảy sang phía thù, rõ lắm.

– Chị Tám cho ảnh đi tập kết một cái nhẫn vàng khắc tên, chụp hình với nhau nữa. Em chẳng có nhẫn, hồi nhỏ chụp một lần cũng bị lụt trôi mất hình. Em tính khi nào anh đi xa, em chặt cho anh một đốt ngón tay út, bên trái này nè, anh đem làm kỷ niệm. Cắt tóc dễ hơn, có điều anh lại nghĩ: "Hễ tóc nó ra dài như cũ, nó lại quên mình". Để khúc đốt cũng thừa...

Hết chịu nổi rồi. Mồ hôi vã lạnh hai thái dương. Tôi bóp vai Mẫn như kìm sắt:

– Em nghĩ bậy!

– Bậy đâu... úi, đau vai...

Mẫn cứ tỉnh rụi. Cái nguy là Mẫn nói sao làm vậy. Tôi gượng lắm mới buông được mấy tiếng:

– Ta đi hè, anh em đợi.

– Để em bới cơm...

Mẫn thoăn thoắt đi vào. Tôi dựa lưng vào gốc dừa, vuốt trán, thấy họng nhám, đau rát và đầu choáng váng như vừa bị bom xốc lên thả xuống.

Ai đó gọi Mẫn, và Mẫn reo: "Bốn chục! Quí lắm đây anh... Không cho, em ăn trộm. Lấy đạn trong bao chớ không chơi ác tháo trong băng đâu...". À, Mẫn được quà đạn các-bin. Cây vẫn ra hoa trên núi lửa.

* * *

Chuyến đi này cũng xuôi lọt.

Mỗi người một chuồng chim, ngày xem Mỹ, đêm ra trảng cát họp nhau đi sờ nắn căn cứ Chu Lai. Tổ trinh sát rất khoái cái hố giữa xương rồng của tôi, thay nhau vào đấy nằm phơi nắng, chỉ một cậu bị lính tuần đạp trúng bàn chân khi vượt rào biên, phải ném hai trái lựu đạn và rút, chỗ núp không lộ. Tôi kèm riết anh Điển, thường

nhắc rằng anh nặng kém ba chục cân đầy một tạ, chớ nên để đứa gầy như tôi phải vừa cõng chạy vừa bắn trả địch, khổ lắm. Anh Giai được bác S.24 cho ăn cá đến tận mũi, phải rời giàn ván một ngày để vào nằm buồng gói với cái nồi đất lót tro đậy vung, đêm lội trảng còn xoa dầu cù-là vào bụng nhiều lần. Tôi qua nhà chị S.22, mất cô bạn rắn rồng – má tôi bảo rắn rồng nhớ người không thua chó – bù lại được một chú mèo mướp rất lành, đợi tôi ngủ thiếp là leo lên nằm khoanh giữa ngực tôi như cái gối bông.

Giữa hè rồi, nắng càng trắng loá trên cát trắng, đứng trong bóng thò tay ra nắng cứ như nhúng vào nước ba sôi hai lạnh mà mẹ Sáu pha ngâm giống theo kinh nghiệm miền Bắc. Bà con các ấp bị bắt đắp đường mỗi trưa khiêng về năm bảy người say nắng. Đã có chỉ thị trên dặn vùng này tạm nín hơi cho địch khỏi sục, nhưng lác đác có những khúc rào ấp tự bốc cháy, ngay lính ngụy cũng đồn rum là "bà Hoả" đốt, còn tụi Mỹ cho rằng tre khô cọ nhau phát lửa là sự thường. Chị S.22 nheo đôi mắt xếch, nói xuê xoa: "Chị em họ mở thêm ít cửa ra vô cho dễ thôi mà". Chị Biền, chị Tám Giàu, chị S.22 có cả một lớp các chị như vậy làm gì các cô cán bộ trẻ chẳng mau lớn. Tuy rất nguyên tắc nhưng chị S.22 có chỗ yếu nặng: Hai Mẫn nhờ chị làm gì cũng được, cái lần từ chối nửa vời chị Tám và tôi ấy chính là bởi có mặt hai chúng tôi, chị muốn thử cho chắc. Nay có tin gì dính tới Tam Sa, chị vẫn cho người đạp xe lên làng Cá ăn giỗ gấp.

Bọn lính cổ da sục đều các ấp chiến lược từ bến vào sân bay. Chúng mộ được một số thông dịch đeo lon trung sĩ ngụy, nói tiếng Anh theo kiểu lúy câm bớp lúy ba bớp[(3)]. Tôi suýt phì cười khi nghe một tên kể chuyện Việt cộng với Mỹ trong nhà chị S.22. Tay Quả này ưa lấy le trước mặt hai cô em họ của chị - hai cô du kích bí mật đã dẫn tôi lên làng Cá chuyến trước – cố nói lấy nhanh:

– Vi-xi men líttơn, phai mêni. Vixi gơn líttơn, kiu mêni. Vi-xi oan gô in Su-lai, gô[(4)]

Bốn thằng Mỹ tròn mồm dựng mắt. Qua giọng kiêu hãnh của tay thông dịch, tôi cảm thấy hắn khoái làm cho Mỹ sợ người Việt, dù là người Việt ở phía bên kia, để bù lại những lúc hắn bị Mỹ coi rẻ. Tụi

Mỹ chẳng thèm giấu chút nào rằng chúng rất trọng Vi-xi, rất khinh đám quân ngụy ăn hại đái nát. Chị S.22 hứa sẽ nắm được trung sĩ Quả.

Vùng biển nhốn nháo với những tội ác đầu tiên của Mỹ ngay quanh nơi đóng quân. Liên tiếp đàn bà ở nhà vắng bị Mỹ hiếp, trong hai ấp đã biết được chín vụ, sự thật còn nhiều gấp mấy vì các cô gái trẻ xấu hổ không nói ra. Một lính hải thuyền đâm chết tên Mỹ hiếp vợ mình, xong biến mất, chắc sang ta.

Xóm Miếu trong ấp tôi ở - có cái miếu thờ ông cá voi chết dạt vào – nổi trống mõ kéo ra vây Mỹ sau khi một tên bắn gãy chân em nhỏ chăn trâu giữa ban ngày, chẳng có cớ gì. Cũng không rõ vì sao thằng Hary mới phát kẹo lấy lòng đấy, bỗng nổi cuồng xông vào nhà bà Chín đập nát hết các ghè mắm, châm lửa đốt nhà, đứng coi và cười rú đến đứt hơi. Sáu chiếc thuyền đang đánh cá ngoài cửa, tại sao cặp tàu đoan[(5)]lại xả súng bắn chìm chiếc thứ tư, gây ra cuộc đấu tranh lớn của dân chài? Bà con ta, cả tụi ngụy nữa, đều thấy giặc Mỹ là khó hiểu. Chúng nghĩ gì đằng sau cặp mắt đục lờ kia, khi xoa đầu trẻ và khi giết trẻ, khi cầm ảnh vợ khóc hu hu và khi cười sặc trước nhà cháy? Chị S.22 rất sốt ruột vì học tiếng Anh không vào, mãi chỉ nhớ được mấy tiếng nô Vi xi, chưa đủ hỏi chuyện bọn Mỹ. Bác S.24 hằm hằm: “muốn biết nước dừa chua ngọt, cứ vác rựa bửa đôi cái sọ dừa ra là mau nhứt!”. Cả hai đều có lý.

Buổi chiều ngày thứ ba chúng tôi xuống biển, trời kéo mây khói đèn vần vụ. Tôi ngồi ghi trên giàn ván, chợt nghe một tiếng mìn nổ phía Lộc Chánh, tiếp lựu đạn và súng nhỏ dậy lên, lúc khoan lúc nhặt. Du kích bí mật làm ăn ban ngày, cừ lắm. Lát sau, pháo Chu Lai nã lên đấy dồn dập. Tôi nhặt thêm được một nhận xét: nền mây thấp dội tiếng nổ đầu nòng trở xuống như cái trần nhà, pháo 105 bắn liều thấp mà ồn nhức tai, dễ lầm với 155. Rồi trời đổ mưa to. Tôi chợp mắt được một lát bù đêm trắng.

Một bàn tay bấm gọi tôi dậy. Khuôn mặt chữ điền rám nâu của chị S.22 nhô lên thì thào:

– Anh vô buồng có người gặp

Tôi đeo bao lưng trèo xuống. Chắc Mẫn cho Út Liềm đi đón chúng tôi, hành lang qua đường Một dạo này phải thay đổi luôn. Nhà trên đóng hết cửa, kín như cái hộp. Tôi đẩy cửa buồng trong tối om, thấy một bóng áo trắng ngồi trên giường.

– Liềm hả?

– Em đây.

Mẫn! Làm sao Mẫn xuống được ban ngày? Mà xuống để làm gì? Có lẽ biết tôi sắp gắt, Mẫn chặn luôn:

– Thằng Chinh con xuôi cẳng sáo rồi. Em bị thương chút xíu.

– Ồ...

– Không nghe tụi em đánh à?

Chị S.22 bưng vào cái chậu nhựa, giữa đặt ấm nước nóng. Tôi thắp cây đèn con, vặn nhỏ hạt đậu, tháo bao lấy các thứ cấp cứu. Mặt Mẫn đánh phấn dày, đôi lông mày nhỏ và nhợt hẳn, môi tô son hình trái tim, tóc bọc lưới, trông rất khác. Tôi hiểu ngay trận vừa rồi. Mẫn cười ngượng nghịu:

– Chị gác giùm, để anh Thiêm băng em. Ảnh có nghề y tá mà.

Chị S.22 cau đôi mày xếch, hất hàm. Mẫn cúi nhìn xuống, chụp ngay cái chăn sợi trên giường trùm kín người, hẳn vì Mẫn mặc ni-lông mỏng và dầm mưa ướt sũng, nãy giờ không để ý đến mình trong bóng tối. Tôi phớt, chỉ rảy thuốc tím bột vào ấm nước, rồi ghé đèn xem vết thương. Bắp chân trái của Mẫn bị đạn xé một đường thịt bằng hai đốt ngón tay, không nặng, bị cái máu ra nhiều vì để vậy mà chạy. Lần này tôi sẽ chỉnh mạnh cho coi. Tôi giội rửa, rắc bột xun-pha, băng kỹ để đi không tuột. Tôi tiêm luôn cho Mẫn một ống kháng sinh dầu mà bà dì S.26 đổi của Mỹ: mỗi ống thuốc có sẵn pít-tông và kim tiêm bọc cao-su, tiêm xong vứt cả, hai nải chuối được một hộp hai chục ống, kèm bộ phận đẩy thuốc bằng nhựa cứng dùng nhiều lần.

Thấy tôi lì lì, Mẫn cũng trùm chăn ngồi im xo, đến cuối mới rụt rè:

– Anh ra ngoài chút, em thay đồ ướt. Mấy giờ, anh?

– Năm rưỡi.

– Em lau mặt được rồi. Phấn ngứa kinh.

Lát sau tôi vào buồng. Mẫn mặc bộ bà ba đen của chị S.22 rộng phùng phình. Bộ ni-lông ướt và vấy máu túm gọn vào khăn tay, mặt Mẫn gần sạch phấn sáp. Mẫn kéo tôi ngồi bên:

– Anh đừng làm mặt giận nữa, em sợ... Em phải trả thù cho vợ chồng chị Biền chớ.

– Sao?

– Nó cắt cổ chị... lấy gan... mới sáng nay... ảnh cũng chết rồi...

Mẫn nuốt khan nước bọt, cắn môi. Tôi lạnh buốt sau gáy. Đốm đèn phình to bằng cái nón rồi co lại nhỏ tí, cứ vậy nhiều lần. Mẫn nói bên tai tôi mà tiếng nghe chơi vơi đâu xa lắm.

Huyện và xã đều biết trước sau địch cũng xúc dân Nhị Lộc xuống dưới sâu, nhốt vào ấp chiến lược, tạo bãi trắng dọc đường Một. Ta đã cho một loạt gia đình ở đấy dời lên vùng giải phóng, sắp xếp lại quân chìm. Sau khi được bí mật kết nạp vào Đảng, chị Biền đưa cả nhà xuống ở với mẹ đẻ, trong ấp Lộc Chánh, mượn cớ chồng ốm yếu chịu pháo không nổi. Hai vợ chồng sẽ để cho địch dồn, bám bà con mà hoạt động. Trong số ba đảng viên và năm đoàn viên được gài thêm vào Nhị Lộc như thế, một mình chị Biền bị lộ, tại sao?

Thằng Chinh con tra hai anh chị suốt ngày hôm qua trong đình Lộc Chánh, máu và những bãi bọt xà-phòng lênh láng đầy nhà. Anh Biền chết lúc xẩm tối trước mặt chị. Đêm, du kích Tam Sa thọc vào ấp hai lần không lọt, chỉ bắn nhau với bọn biệt kích nằm rải vòng ngoài, hạ ba tên. Sáng nay thằng Chinh con họp dân Lộc Chánh lại, nói:

– Chẳng chánh trị, chánh trọt gì cho rắc rối. Tuyên truyền hay như ông Nhu ông Diệm rồi cũng mặc sơ-mi gỗ. Đem cả thiên đàng địa ngục ra mà nhử mà doạ như mấy lão cố đạo, dân cứ theo cộng sản. Tôi chẻ hoe ít câu vầy đây. Đất này Mỹ mua rồi. Chống Mỹ thì chết sớm. Theo Mỹ còn sướng được ít lâu mới chết. Tôi lựa đĩa thịt nạc với chai bia, tôi theo Mỹ. Tôi bán nước cho Mỹ, Mỹ còn trả đô-la. Các người bán mạng cho cộng, cộng trả cái gì? Độc lập chánh nghĩa... ai có thứ đó, đưa tôi coi thử nó tròn méo ra sao mà các người chuộng dữ vậy? Nước với lửa đụng nhau đây nè. Mời bà con coi đứa theo Mỹ giết đứa chống Mỹ!

Hắn rút dao găm rạch bụng chị Biền, móc gan, lấy túi mật bỏ vào ve rượu. Chị Biền kêu: “Bác Hồ ơi, bà con ơi, trả thù cho tôi”, hắn đưa dao cắt đứt cổ họng chị. Đại đội biệt kích đơm súng gác quanh sân, cả chục đứa nôn thốc. Bà con hét lên, phá vòng lính chạy về nhà, chỉ còn vài đứa bắn doạ.

Tin lên làng Cá trước tiên, loang nhanh. Cả Tam Sa điếng người. Chi ủy đang bận đi mỗi người một thôn, Mẫn báo ngay: truy điệu, phát động căm thù, chặn luồng gió khủng khiếp, đánh gấp một đòn trị tội.

Thằng Chinh, tên đại đội trưởng biệt kích, thằng Khả công an quận thường đạp xe về vùng biển từ ba giờ chiều, đem theo vài đứa hộ vệ, chín giờ sáng mới lên Lộc Chánh. Đánh buổi sáng không lánh kịp, địch lùng suốt ngày khó thoát. Phải thọc xuống lập tức, chiều đánh, tối rút.

Bốn giờ sau khi chị Biền tắt thở, đoàn xe bọc sắt Mỹ tuần đường Một kéo qua. Bụi chưa tan hết, hai chiếc xe đạp chở bốn cô gái mặc lòe loẹt từ mé An Tân phóng về Lộc Chánh, rẽ theo con đường đất cạnh ấp, xuống biển. Bọn biệt kích lui vào bóng cây trốn nắng chỉ hỏi với ra mấy câu cợt nhả. Mẫn, Liềm, Rốt chị và Hồng B giấu xe, chôn mìn vùi mình dưới cát, dương liễu còi chỉ đủ che cái đầu nhô lên nhìn, không bớt nắng. Qua vài tiếng nữa, trái mìn 105 và một loạt lựu đạn xé nát chuỗi xe gắn máy và xe đạp từ Lộc Chánh đổ tới. Một tên biệt kích trụt đằng sau nhảy xuống xe, bắn bừa vài loạt rồi chạy. Hồng bị một viên xuyên vai. Mẫn cho Liềm và Rốt dìu Hồng rút sâu vào rừng dương, núp đợi tối.

Mẫn kẹp cây tom-xơn mới lấy, đi rà lại năm tên địch lăn lóc, bồi thêm mỗi đứa ác ôn vài viên giữa ngực cho chắc, nhưng không bắn tên hạ sĩ biệt kích què chân vì mìn: “Mày chưa đủ tiêu chuẩn, cho sống!”. Rồi Mẫn vác ba tiểu liên, khoác năm nịt đạn và súng ngắn, rẽ sang hướng khác. Tụi “nghĩa quân” ở ấp gần nhất ào tới. Mẫn núp trong bụi, kê hai tiểu liên trên hai cành cây, bóp cò cả hai tay, sợ lộ giọng con gái không dám hô đại đội trung đội gì cả. Quét ẩu vậy mà bốn đứa nhào mới kỳ. Phải chi trời sinh có ba tay để bắn ba súng một lần cho đã nư. Mẫn xả đạn túi bụi một hồi, lại vác súng chạy riết, trời thương cách sao đổ cho trận mưa dông mịt mù, che mắt địch và

xoá dấu. Giữa lúc mưa to nhất, Mẫn chôn các thứ, lột nón của bù nhìn giữ dưa, luồn qua một chỗ rào "bà Hoả đốt", vào lối chuồng heo chị S.22, cũng không ngờ tôi nằm ngủ dưới mái.

– Biết anh ở đây, chưa chắc em dám vô. Sợ anh thấy mồ...

Tôi không đủ can đảm để trách, chỉ năn nỉ:

– Em bây giờ làm bí thơ, phải tính lợi hại chớ.

– Tính kỹ rồi anh à. Đánh ban ngày, con gái mới đi lọt, mà Chín Cang nó mập quá chạy không thấu, Rốt chị biết đánh không biết chỉ huy, Út Liềm quen đường lại dốt quân sự. Rút lại, em phải nắm quân. Được cả mớ ác ôn...

– Giết ba đứa ác mà mất người lãnh đạo chủ chốt của xã, nên không?

Mẫn trầm ngâm một phút, rồi lắc đầu, nói chậm:

– So với tụi nó thì mạng em quí hơn. Có điều so với anh chị Biền, số bà con tụi nó giết đang cần trả thù, so luôn với cái lợi lâu dài cho phong trào sau khi khử tụi nó, mạng bốn đứa em không đáng kể đâu anh.

Tôi tắc họng pha trò:

– Suốt đời, chắc hai đứa mình trách nhau đánh ẩu!

* * *

Cơ sở vùng biển tiễn chúng tôi bằng một loạt tin khá nóng: lính ngụy dồn gạo vô ruột nghé, vợ lính đi chợ mua cá thịt làm lương khô và hương đèn về khấn ông bà, bọn tề bắt mỗi ấp ba trăm dân gói theo bốn ngày gạo mắm, đại đội Mỹ tuần đường chiều nay không thấy qua, thêm mười hai trực thăng xuống Chu Lai và ở luôn đấy. Địch sắp càn.

Tổ du kích của Rốt chị chẳng sao cả, tụi biệt kích ùa xuống chỉ đuổi theo hướng Mẫn rút. Út Liềm đàng hoàng vào ấp cô Tươi. Cô này cắt mẹ đi dò thử địch có giết hay bắt được ai không, dắt cậu Xáng lội mưa ra cõng Hồng B vào một khu "mả thiêng" rất rậm, cho uống sữa, băng, đợi tối lại cõng ra chỗ hẹn góp quân. Các cô gặp nhau, tất nhiên có rất nhiều ồ à ý ới và tí chút nước mắt, nhưng mọi việc đều trôi chảy.

Mười hai giờ đêm, chúng tôi về đến làng Cá.

Ba giờ hai mươi lăm, Ba Tâm chạy từ huyện xuống mang một thư hoả tốc mời anh Điển và tôi lên Tam Trân gặp anh Năm Đông. Anh Điển cho biết đó là tên mới của anh Tám Xuân, ủy viên Trung ương.

Bốn giờ kém mười chín, sáu cậu trinh sát của trung đoàn tôi về bám cái Núi Sàm, đưa một mẩu giấy do anh Năm Đông viết: "Cứ ở lại Cu-ba, đợi mình". Chúng tôi lo cuống lên, Tư Luân bứt tóc, tóc hớt trọc không bứt được. Năm Ri chạy rút du kích các thôn khác ngậm tăm kéo về làng Cá. Chín Cang báo các tổ du kích bí mật hôm nay nghỉ đào hầm, đi chôn mìn, sửa soạn đánh lớn.

Bốn giờ hai mươi bảy, anh Năm đến, chỉ đem hai cậu bảo vệ. Anh Điển với anh Luân đón, còn tất cả những ai đánh được đều ra bờ đai. Tôi tóm được Mẫn tập tễnh đi soát quân, bắt giam lại dưới hào, giữa anh Ba Tơ với tôi. Mẫn cười: "khi chẳng có mà coi, khi cả voi cả ngựa. Voi trắng, ngựa trắng hết thảy!". Tôi tính thử, trong làng Cá lúc này có thêm mười ba súng ngắn, chín tiểu liên và súng trường tự động. Khá mạnh đấy. Chơi một trận Ấp Bắc nho nhỏ được lắm.

Năm giờ kém mười lăm, pháo Chu Lai nổi gầm một loạt như sấm dậy. Tôi đứng tim trong vài giây. Đạn rền phía nam sân bay. Địch càn vùng Đông Bình Sơn.

Hú vía!

Mười phút sau, trừ các tổ du kích trực chiến, còn tất cả làng Cá và số "ngoại lai" đã trở lại công việc hằng ngày. Anh Năm đang ăn cơm trong nhà xã Chinh, thấy chúng tôi kéo vào, cười xoà:

– Mình biết nó không lên phía này mới đột kích các cha chớ! Kỳ này đang búi, mình xẹt ngang một ngày thôi, chuồn chuồn chấm nước cái đã... Đồng chí Thiêm đâu? À, đây. Mình đọc cái báo cáo cuối cùng của ông, có mấy chỗ muốn hỏi, ghi bên lề sẵn rồi. Ông coi lại, lát nữa trả lời. Nhơn tiện ông lướt qua lá thơ mình mới nhận, cho biết cảm tưởng luôn. Tám giờ ta gặp nhau, hè? Từ mười giờ tới tối, nhờ xã đội dắt mình đi coi Mỹ, thăm làng chiến đấu, được chớ?

Anh Năm nói giọng Quảng Ngãi pha một nửa Nam Bộ. So với dạo đến nói chuyện ở trường cán bộ trung đội, anh gầy và đen đi nhiều, tóc bạc rõ hơn ở hai thái dương, nhưng trông vẫn lanh, sắc. Tôi tưởng anh đến sẽ gọi hết chúng tôi lại, giảng cho tình hình và nhiệm vụ, ai dè anh chỉ hỏi, lại hỏi riêng từng nhóm. Mẫn ngồi bên anh Luân đợi làm việc trước, mồ hôi đọng mấy giọt to trên mũi như học trò vào thi miệng. Tôi cầm hai xấp giấy ra vườn mít, treo võng nằm đọc. Trực thăng từ Chu Lai đã bay đưa thoi phía nam, tiếng máy chỉ nhỏ lại rồi to lên, không đứt đoạn: càn rất gần vẫn cưỡi máy bay, Mỹ lắm.

Tôi mắc cái tật giống anh Ba Tơ là ngại gần cấp trên. Không phải vì sợ bị chỉnh, hay cho rằng mình khỏi cần học tập ở các anh, trái lại. Gần cấp trên có hai cái phiền khó nói. Một là dễ bị điều đi làm các việc linh tinh: trung đoàn đã nhiều lần rút tôi làm quân giới, chụp ảnh, lấy cung tù binh Mỹ, dịch tài liệu, anh Ba Tơ phải kiện thưa mãi mới bớt, cho đến đợt này tôi lại làm quân báo. Nghĩa là bị biến thành cán bộ ô-rê-ô-mi-xin, bệnh gì cũng chữa được một tí, không có thì giờ đi sâu vào nghề chính. Hai nữa, dễ bị anh em nghĩ rằng tôi chơi trội, cầu cạnh, ngoi lên theo đường tắt. Tôi rất ghét thói nịnh trên nạt dưới, không muốn ai hiểu lầm tôi như vậy. Tóm lại, tôi thấy cứ cánh ta ăn ở với nhau quanh năm là sướng nhất. Thế nhưng công việc cứ đẩy tôi đến chỗ phải gặp riêng các anh trên, biết làm sao.

Lần này, tôi thừ người ra sau khi đọc hai báo cáo.

Bản của tôi được anh Năm đọc kỹ, rất kỹ, ghi dấu chéo và gạch đít những chỗ quan trọng bằng bút bi đỏ. Có nhiều dấu hỏi và câu hỏi ngắn ngoài lề nữa. Điều làm tôi băn khoăn là tất cả những ngờ vực của anh Năm đều dồn vào mặt mạnh của Mỹ và khó khăn của ta. Còn các phần nói Mỹ yếu, khờ, nhát gan, những gợi ý của tôi về cách đánh, anh để y nguyên. Rất có thể anh đánh giá tôi là gờm Mỹ, hoặc gí mũi vào mảng đen trên bức tranh nên không thấy toàn cảnh màu tươi!

Lá thư của cậu Hải khác hẳn. Cậu này tôi chưa hề gặp, được cử về vùng Nam Chu Lai sau tôi. Tất cả những điều cậu viết đều có thật: Mỹ sợ trâu, sợ nắng, sợ thuốc độc, sợ chông, sợ bệnh, đủ hết. Nhưng chỉ có bấy nhiêu thôi, một bài báo giải quyết tư tưởng ngán

Mỹ, dù viết sống, dí dỏm, ghi rõ nguồn tin cho thêm chính xác, vẫn chưa phải một bản điều tra tốt của quân báo. Anh Năm ghi trên đầu: “Sao gởi anh Bảy và X.4”. Trên tám trang giấy mỏng viết tay, chỉ có một dấu chéo và một dấu hỏi. Anh Năm thích cách nhìn Mỹ thế này ư? Hay anh cho rằng lớp cán bộ thực hiện như cậu Hải và tôi nên đơn giản thì hơn, còn những gì phức tạp rắc rối hãy nhường cho cấp trên suy nghĩ, cân nhắc, bày cho mà làm?

Nếu quả đúng vậy, tôi sẽ nói trắng rằng tôi không đồng ý với anh Năm. Cùng lắm, tôi sẽ xin giữ ý kiến riêng trong khi chấp hành. Ai muốn qui cho tôi là bướng, kiêu, hỗn cũng đành chịu.

Tôi vào ngồi trước mặt anh Năm với ý định vuốt ngược lông, xoa trái khoáy như thế. Các anh Điển, Giai, Ba Tơ cũng dự nhưng ít bàn góp.

Ban đầu tôi trả lời từng câu hỏi một, cố giữ giọng tỉnh táo, gần như lạnh. Rồi không lạnh được nữa. Mỗi câu thốt ra ở đây được rút từ những ngày nặng ứ bao nhiêu rung cảm, hết đau xé ruột tới mừng ngây ngất. Có thể nào dửng dưng khi nhớ lại cháu Hoàn bị bay từng mảnh, các đồng chí du kích bị đạn xỉa vào lưng? Làm sao quên được những bà con tự đốt nhà mình soi bắt tù binh, những chị em chuyên đánh giữa rốn địch, những gia đình sẵn sàng chịu chết để giấu tôi trên giàn ván? Lựa lời giữ miệng sao được, khi hàng ngũ ta chưa sạch những người nắm đuôi phong trào kéo lùi lại như nhóm anh Tám Liệp, những người vừa “lạc quan tràn trề” bằng lưỡi đấy lại xoay ra dùng lưỡi để “than rằng, hỡi ôi” khi gặp khó? Tôi có thể sai lắm chứ. Tôi mới về đây hai tháng rưỡi, tầm hiểu biết chỉ là của một cán bộ đại đội, tuổi Đảng tuổi đời đều non. Mặc dù sạn còn lẫn vào thóc, dù chẳng có cái dại nào giống cái dại nào, tôi cũng đã từng cầm xẻng xúc thật lực vào cuộc sống ngổn ngộn, cố vác mỗi ngày một bao tải đầy căng mà đắp vào nghiệp lớn của chúng ta, tôi đã hiểu đồng bào đồng chí vành đai qua bấy nhiêu ngày đổ mồ hôi và máu. Tôi phải nói hết sự thật.

Từng lúc anh Năm ghi vài chữ trong sổ tay, cau mày nhìn tôi, mỉm cười, lại nhăn trán nghĩ. Tôi dứt đưa tay áo quệt mồ hôi trán, liếc đồng hồ: chao ôi, diễn thuyết tới bốn chục phút! Anh Năm nhắm mắt, bật cười khà, lại ngó thẳng mắt tôi, nói nhát gừng:

– Ông... hăng thiệt. Tốt. Chịu khó sục sạo, tìm tòi, nghĩ, hay lắm... Nè, ông nhắc miết là phải khách quan khi đánh giá Mỹ, tại sao?

– Vì tôi thấy cách đánh giá của đồng chí Hải... chưa khách quan.

– Mình cũng thấy vậy.

– Tại sao?

Tôi buột miệng hỏi trống không, như trong cuộc họp của xê mình.

Anh Năm cũng đáp như bạn bè trả lời nhau:

– Sao hè... tại mình theo chủ nghĩa duy vật biện chứng!

Tất cả cười ồ. Tôi cười theo, nóng mặt. Tôi đã mím môi căng gân, húc vào cánh cửa mở sẵn!

Chú thích:

(1) Chín bỏ làm mười

(2) Lợn độc, lợn đi rừng một mình

(3) Tiếng Pháp bồi: “nó như con bò, không phải con bò” để chỉ con cọp

(4) Tiếng Anh bồi: “Việt cộng ít người, đánh nhiều. Việt cộng ít súng, giết nhiều. Việt cộng muốn vào Chu Lai là vào”

(5) Tiếng đồng bào gọi tàu tuần tiễu nhỏ của địch, giống tàu của bọn thuế quan hồi Pháp thuộc

Chương 21

Bay khỏi thôn Nhơn Thọ một quãng, chiếc C.47 lừ lừ vòng lại.

Đít nó xì một luồng khói đen dài. Tôi nín thở, nhớ ngay mấy lần cứu độc ở vùng ven núi. Chú Dé vẫy vẫy, ném cho tôi cái bao nhựa trong lắp túi lọc không khí, treo bán nhiều ở các chợ vùng giải phóng. Địch muốn diệt ngay Tam Sa bằng hơi độc ư? Khó tin…Cái đuôi khói đứt rời, nở dần, loãng màu khói xám, hiện những chấm li ti như cặn bùn, rồi như hạt cát, càng xuống thấp càng trắng ra, hứng nắng nhấp nháy. À, truyền đơn. Bốn đám mây truyền đơn trùm lên các thôn Tứ Nhơn. Gió hây hẩy thổi, từng tí một vẫn lùa gần hết bấy nhiêu tấn giấy ra đồng. Lâu nay tụi nguỵ chỉ dùng L19., rải ban đêm "cho dân chúng dễ lượm", sáng ra mặt ruộng phủ trắng những lá bèo chữ nhật lạ mắt, trẻ em ra mương ỉa khỏi phải bứt sẵn lá mua mang theo.

Thằng C.47 quần hình bầu dục, dòm. Rồi nó lấy đường nhựa làm cữ, bay thấp hơn, đùn ra bốn luồng khói khác. Hình như cố ý sao đó, ngọn gió nồm bỗng dứt hẳn. Bầy bướm chết cứ vậy lúc lắc rụng xuống mặt đường đen, biến nó thành tấm vải rằn dệt ô nhỏ. Gay hơn nữa là súng dưới đất bắt đầu nổ lốp bốp khi nó sà lần hai. Nó vẽ thêm một số 8 do dự trước khi quay về Chu Lai. Chúa đã theo Việt Cộng rồi ư?

Tôi đang cười thằng tâm lý chiến, chú Dé bỗng gọi nhỏ mé trên:

– Mỹ lên, anh Thiêm!

– Gì?

Dé đưa tay chỉ phía núi Sàm. Tôi rút súng ngắn, lách bụi đi tới lom khom. Dé trao cho tôi cái ống dòm:

– Mỹ chỗ trắng kia, bằng nhau nhiều con kiến.

Cứ tưởng tụi thám báo sục lên trái đồi chúng tôi đang núp!

Một cánh quân khá đông từ Chu Lai đang băng trảng cát keo đến ấp cô Tươi. Chừng sáu trăm lính bộ. Mười sáu xe M.113, có bốn

chiếc phủ bạt đi cuối, chắc để chở đồ ăn uống và lượm tụi say nắng, chờ trực thăng đến bốc. Hành quân tuần tiễu sau lưng quân nguỵ thôi, mà Mỹ làm như cố chọc thủng vòng vây Việt An, dùng hat u mở đường, đội hình tản rộng, tiền vệ trắc vệ đủ hết. Có thể chúng lên tập trận, hay sẽ càn thẳng lên Nhị Lộc. Ấp cô Tươi có một tiểu đội du kích bí mật lâu nay ngứa ngáy vì bị khoanh vùng “chưa được đánh”', vừa rồi đã nhận lệnh sẵn sàng nổi dậy phá ấp. Chị S22, bác S24 và ngót hai chục cán bộ bí mật khác mạn Bắc Chu Lai đang nắm quân chìm, nao nức đợi giờ nổ lớn. Phía Bình Sơn cũng vậy. Căn cứ Chu Lai nằm lọt giữa một bãi mìn điện chôn rất kín, hai đầu dây nằm trong tay ta đang nhích dần tới khối pin.

Từ Tam Sa đổ xuống biển, hàng vạn người đang sốt ruột chung chung, chờ. Mới có ba người biết giờ đánh: Bí thư Tam Sa, cậu xê trưởng đặc công mới hăm mốt tuổi đang nằm trong xóm chị S22, và tôi. Sáng mai, trưa mai, tối mai, tin tối mật sẽ loang ra từng nấc, mười một giờ bốn mươi đêm mai sẽ bấm điện.

Cũng như ngọn đòn trả thù sau lụt, kế hoạch của tôi đưa lên bị vỡ vì quá chật. Nó phình lên thành một chiến dịch nhỏ. Đánh máy bay trong Chu Lai, đánh bến cảng, đánh sư bộ sư hai Nguỵ, cắt một loạt cầu trên đường Một, nhiều nữa. Riêng cái trận tốt lõi được giữ nguyên: C.125 sẽ diệt đại đội Mỹ đóng trên núi Sàm trong một cuộc đấu lê ban đêm.

Sau khi rà số quân địch quân ta như một tổ trọng tài khó tính, ban chỉ huy trung đoàn mới ghép cho xê mình ba mươi bảy chiến sĩ nữa để bù chỗ chênh lệch, nhưng không chịu thay những cậu đang sốt rét. “Bộ đội mình sức khoẻ vậy đó, súng ống vậy đó, không thêm bớt gì hết, dám một diệt một với Mỹ thì oánh! “. Cả đại đội hoan hô rầm một góc rừng, lao ngay vào tập đánh đêm. Tiểu đội trưởng Thuỳ tung ra thuật đánh xẻng – cậu ta hết đạn, đã giết năm nguỵ ở Việt An bằng cái xẻng đào hầm mài bén ngọt – gây được phong trào rất mạnh. Tháo mìn định hướng, chống ra-đa, né pháo sáng, lấy M.79 bắn lại địch ngay … tất cả phải luyện xong trong một tuần.

Anh Ba Tơ nhường tôi chỉ huy. Tôi thú thật là không đương nổi, chỉ xin phép theo giúp anh thôi. Xa anh em ba tháng, cả đi đường và ở Tam Sa, tôi đã tụt hậu kha khá rồi, phải cay đắng mà nhận vậy.

Trên bằng lòng. Xong trận này tôi sẽ về H.68 dự tổng kết năm bảy ngày, rồi trở lại nắm xê mình.

Sau khi tiễn anh Năm Đông tới sông Rù Rì - anh đi thăm làng Cá suốt trưa đến tối, cậu Ri nảy ra sáng kiến dẫn anh xem địa đạo thật nhiều, nói chuyện với bà con đào hầm, tránh được loạt pháo chiều gần trăm trái – anh Điển đã kể thật với tôi:

– Nhiều nơi muốn rút cậu lắm. Quân báo, địch vận đòi căng nhứt, rồi tới ông tác huấn, ông Giải phóng xã, cả Hát sáu tám nữa. Ông Năm biểu đừng, cứ để cậu ở đơn vị lợi hơn, nhưng phải thúc cậu học nhiều và giao việc nặng. Ổng thấy cậu nhìn thằng Mỹ được chiều sâu mà thiếu chiều rộng, dân Mỹ chống chiến tranh rầm rầm, cậu lại cho lính Mỹ ít chịu ảnh hưởng, ví dụ vậy.

– Tôi chưa thấy nét nào…

– Tất cả chúng ta đều chưa hiểu rõ kẻ thù mới, đang mò mẫm tìm cách nào đánh Mỹ ít tốn xương máu nhứt, thắng gọn nhứt. Võ đoán là dại. Tuy vậy, những quy luật chung vẫn không thay đổi. Cậu cứ vẽ một cái bảng giống như bảng Men-đe-lê-ếp trong hoá học, điền vô những nét về Mỹ đã nắm được, để rồi coi, trong các ô trắng sẽ lần lần ghi thêm: chống lệnh, chạy trốn, binh biến, đầu hàng!

Anh Điển vẫn là ông thầy năm xưa, sẵn sàng viết thư dài tám trang trả lời câu hỏi của một cậu học trò đã rời trường nhiều năm. Anh nói kín đáo, cũng đủ cho tôi hiểu rằng anh muốn rút tôi, còn anh Năm khuyên nên để tôi chiến đấu và mạnh dạn đề bạt. Mấy tháng qua anh khen tôi rất ít, đòi hỏi nhiều, nhưng đằng sau những câu văn điện tín giao thêm việc, tôi đọc thấy một ý lặp đi lặp lại: “Mình tin cậu nên mới giao”. Anh thương tôi kiểu ông cha nghiêm, và tôi thích thứ tình cảm gân guốc ấy.

Sở chỉ huy của anh Điển không đặt ở làng Cá, hòn đảo này dễ bị vây kín. Anh cắm nó trong một thung lũng rậm cây, lút giữa rặng núi chia đôi hai tỉnh Nam Ngãi, cận đường liên lạc giữa hai vùng Bắc và Nam Chu Lai. Trước khi chia tay, anh lại búng vào tai Mẫn:

–Thoát nạn lính cùi chỏ, nhớ làm gà ăn mừng nghen. Nội bấy nhiêu súng ngắn, cô thích có một cây Pê băm tám thôi!

Mẫn không mắc cỡ như tôi tưởng, nói bướng:

–Súng nào bắn giặc nhiều, cháu thương!

…Một cây trọng liên trên núi Sàm bỗng xổ đạn thông thốc xuống phía Nhơn Phước, tiếp mươi trái cối 106,7. Cô Cang vẫn gài du kích bắn tỉa phía đó, nay đã ngừng, có lẽ địch nã theo con cầy con cáo nào thôi…Không phải. Các cỡ súng Mỹ rộ lên một lát, rồi hai chiếc H.34 đến quần trên đồn.

Anh em trinh sát dồn cả lên chỗ quan sát, chuyền tay nhau cái ống dòm. Xem Mỹ tắm dưới trực thăng phun nước mấy lần rồi mà vẫn tò mò. Tôi phải buộc các cậu tản bớt vào các mương xói, phòng một trái M.79 rải bất tử. Tôi đã thấy cảnh ấy nhiều lần dưới Chu Lai, ghi thêm được một thời cơ nện cối vào Mỹ và hạ trực thăng treo đứng, kiểu tắm có vẻ sang đấy, thật ra rất chán, bởi trận mưa giả bị gió cánh quạt thổi xuống rất mạnh, ban đầu xốc bụi mù mịt, về cuối lại toé bùn lỏng, đứa nào tắm xong cũng vấy bùn tới đầu gối là ít. Cũng như cái nạn nhà lầu thiếu thang máy thôi: Mẹ Sáu tin rằng dân thành phố ở gác năm gác sáu là sướng nhất, ăn ngủ ỉa đái trên đầu người khác mà!

Chiếc trực thăng thứ hai hạ xuống thu quần áo đi giặt đã rời sân đồn. Đại đội Mỹ bên kia co hết vào chỗ mát, chỉ còn thấy những lô cốt loang lổ màu sẫm và những bao cát trên đen dưới xám sau mưa. Kẽm gai đọng nước nổi thành chuỗi đốm sáng li ti. Mấy cây sàm còn sót lại cũng sáng từng chùm lá. Một trái đồi to nằm ven đường Một, mé trên, được gọi nâng đỡ là núi. Những cây sàm mọc qua kẽ đá, thân vặn vẹo nhám nhúa, lá nhỏ và rất dày, bóng như nón mới quang dầu, đã bị xốc trụi hết. Trong mươi ngày, tụi Mỹ dựng xong trên núi Sàm một đồn khá to, bằng quân nguỵ bắt dân làm kỳ cạch ba tháng. Chúng sẽ bị diệt trong vòng nửa giờ.

Trưa đứng bóng rồi. Tôi luồn dưới bụi mua định ngủ một giấc, chú Dé lại xuống gọi:

– Anh Thiêm, du kích…

– Đâu?

– Du kích chị Mẫn đi đánh, chưa xong qua đường xe sắt.

Tôi chồm dậy, bươn nhanh lên lùm gai bờm rậm sau lưng Dé, đón ống dòm.

Một múi gò bên trái che mất làng Cá. Chỉ thấy hai bóng người cắm lá rậm đang men các bụi cây đi xuống. Cặp tàu rà vẫn xoay như đèn kéo quân, gác trên ấp cô Tươi, vòng quần mở rộng gần tới Lộc Chánh. Chiếc thứ nhất vừa quay đuôi, hai bóng kia phóng ngay qua đường nhựa, chạy khom giữa các vồng khoai đắp rất to cao của vùng cát, lại thụp vào một cụm lá tránh chiếc thứ hai sà tới. Đằng sau họ vài chục thước, có hai người nữa. Rồi hai nữa. A, đội du kích Tam Sa chiếm Lộc Chánh! Tôi hiểu. Bọn biệt kích ở đấy đã rút đi dẫn Mỹ, trong buổi sáng bỏ trống quãng đường Một và cái ấp chiến lược đang rào lại nham nhở. Tin lên làng Cá, du kích ập xuống ngay. Chiều nay, cánh quân Mỹ sẽ thình lình bốc trúng than lửa. Vào đất Tam Sa phải toé máu phòi ruột cho coi. Đánh giữa vùng cát phẳng, địch vây bốn mặt, thiếu hầm hố, chọn được buổi chiều là hay nhất.

Chộp ngay thời cơ như thế, dám tấn công vừa liều vừa khôn như thế, tôi biết chỉ có Mẫn nghĩ ra trước. Năm Ri chưa tới cỡ đó.

Tôi bò thằn lằn thật chậm đến một bụi sim đằng trước, thẳng hướng lỗ châu mai bên núi Sàm ngó qua. Chúng bắn có lúc chứ.

Thấy rõ làng Cá rồi. Từ ngõ nhà cũ chị Biền nay bỏ trống, du kích từng đôi chạy đến gần đường sắt, núp, vọt qua cái ta-luy đắp cao, núp, đi men bờ bụi tới sát đường ô tô, núp, xẹt ngang dải nhựa đen và các bãi khoai, núp, tuồn vào ấp Lộc Chánh. Hai người đứng nép chỗ góc vườn nhà chị Biền dưới cây mít bị pháo chặt ngọn, chỉ trỏ. Bóng cây giữa trưa đen đặc lại, khó nhận ra ai. Một người nhô ra nắng, cái báng cong trên súng loé tia nắng. Mẫn đi à? Mẫn cũng đeo vòng nguỵ trang rậm lá không xăn quần đến gối như mọi khi – giấu vết thương chưa lành – chạy theo một cặp gần cuối. Người thứ hai tập tễnh đi vào làng Cá. Anh Luân ở nhà.

Ngõ xóm đã vắng.

Các vườn cau trong làng Cá thưa hẳn sau những trận pháo từ trăm quả trở lên, đất đỏ pha vàng hiện lỗ chỗ. Mỗi ngôi nhà biến đi để lại trên nền cây xốp ấy một cái giếng sâu, thành giếng sém nâu và đáy đọng tro đen nếu là nhà cháy, thành xanh đáy vàng khi chủ nhà tự tay dỡ nó, lấy gỗ lát địa đạo và tre lá dựng cái lều nhỏ trong bụi rậm. Làng gần hết sạch mái nhà. Ống dòm của tôi soi chéo

xuống hòn đảo dài, chỉ gặp mảng ngói đen điểm trắng của mái đình cong võng, nhô lên đấy như người làm chứng già đứng kể tội giặc. Đường hầm dưới mười thước sâu đã thông hẳn. Bà con đang hối hả lắp cửa chống hơi độc, moi hố chống thả thuốc nổ, khuân xuống những chum vò chứa nước, gạo, than, mắm, dầu, cả sữa hộp và chõng buộc sào tre làm cáng cho người bị thương. Những người đào đất ngày đêm và chi chút lo cho cuộc sống trong lòng đất ấy, khi địch tràn vào sẽ ở lại bên trên giữ kín các miệng hầm, níu kéo không cho giặc phá làng. Cán bộ và du kích Tam Sa đã có thêm nhiều cây số rễ ngầm để bám chắc vành đai. Rễ chính có, rễ phụ còn mọc thêm mới, sẽ nối liền vùng Tứ Nhơn, vùng gò, xuyên qua đường Một…

Tôi bò trở về lùm gai bờm, lật mũ tai bèo ra lau mồ hôi mặt đầm đìa. Mồ hôi vã nhiều khi tôi xem Mẫn vọt qua ta-luy đường sắt. Mẫn với tôi năn nỉ nhau đừng liều, cũng chẳng đi tới đâu. Mẫn sẽ đáp gọn lỏn rằng bí thư cần có mặt trong trận chống Mỹ đầu tiên của Tam Sa, rằng ném sáng kiến ra cho người khác làm thì khác nào mồm miệng đỡ chân tay, rằng “anh như em, anh còn xách súng chạy lên trước nữa chớ!”. Hoà cả làng. Ngủ thôi.

Ba giờ chiều, anh em lay tôi dậy. Cánh quân Mỹ ra khỏi ấp cô Tươi, lên Lộc Chánh. Đại đội biệt kích áo quần đen dẫn đầu. Rất tiếc, anh em đang khao khát bắn lính Mỹ kia.

Tới cách bờ đai ấp một cây số, tụi nguỵ tách sang con đường đất bên cạnh, tuôn lên nằm dọc đường Một như mọi ngày, xem kiểu đi đủ biết chúng mù tịt về ta. Quân Mỹ tản rộng, theo sau lũ M.113 vào ấp. Sướng rồi.

Chiếc xe đầu sùng sục băng cát, xốc hai luồng bụi trắng như rẽ bọt hai bên xích, hệt tàu đít vuông vào bờ. Tôi chăm chú xem nó, một mình nó. Nó chồm chồm trèo qua các luống khoai, nghiến hai vệt đen trên bãi mè rộng. Tránh đường. Cách cổng vào ấp chừng trăm thước, nó dừng lại, dòm. Vào ấp do nguỵ giữ, nếu húc bừa hàng rào thì bọn “da màu” sẽ cười Mỹ nhát, và có thể cãi bay nếu Mỹ dẫm mìn, tụi ac-vin[(1)] là chúa đểu. Hẳn nó nghĩ vậy hoặc thằng chỉ huy đằng sau nhắc vậy, nên nó leo lên mặt đường, xịt một hơi khói đen cạnh sườn, tỏ ý chẳng sợ, rồi cho cặp xích loang loáng

ngoạm đất. Bầy xe ghép hình dẻ quạt, tiến theo. Lưng tôi lạnh dần. Cặp tàu rà xuống sát ngọn tre, nghiêng cánh xoay tròn. Mười bốn chiếc xe đầy lính tung bụi ùa tới, chĩa súng chơm chởm. Du kích không có súng chống tăng…Mìn? Mìn lớn đâu có đủ để chôn khắp các hướng. Anh Biền chuyên cưa bom đúc thủ pháo đã bị giết. Nếu có tôi trong cuộc, tôi sẽ…

Trái mìn nổ, không phì khói tròn mà phụt thẳng đứng, dựng cái lọng rất cao. Mìn lõm của Mỹ! Chiếc xe chồm như ngựa chứng, đổ nghiêng, bụi trùm kín nó. Chung quanh mấy chiếc đi gần bật lên những đốm lửa tung toé. Đòn phủ đầu khá lắm. Lựu đạn ném sai nhiều quá đấy Mẫn ơi! Súng trên xe bắn dữ. Hình như du kích thụp xuống hào tránh đạn. Đừng tránh Ri ơi, xe nó xóc mạnh, lính đang hoảng hồn thụp đầu, chồm lên mà đánh! Ri, kìa thằng Ri, coi đạn quạt vào lưng chừng cây tre đó, trúng trật gì, xốc tới mau! Tôi gầm nhỏ trong họng, rướn mãi tới. Cậu Lập nắm vai tôi kéo lại: “coi chừng nó thấy”. Nó nào nhỉ…Mày bỏ lỡ phút này, chết đó Ri…A, hay lắm! một bựng lửa khá to bùng giữa một khoang xe, cả khối sắt bốc cháy tức khắc, như khói đen biếc của dầu nhờn. Cát bay mù trời trước cổng ấp. Màn khói bụi vẫn đầy những tia lửa lằng nhằng. Của địch cả. Tôi suýt reo khi thấy chớp lửa to màu da cam của thủ pháo. Anh em luồn trong đám mây đặc ấy, nện tiếp. Rất khá, đừng xài đạn, để dành lát nữa, chỉ trái nổ thôi nghen Mẫn…

Làng Lộc Chánh đã ngập một nửa trong khói. Cối và phóng lựu M.79 của quân bộ ngoài trảng phóng vào như mưa đá. Nhiều đám cháy. Bốn chiếc trực thăng phản lực bay tới, quần do dự trên cao, chắc sợ trúng đạn cả đôi bên. Tôi xem mãi đến hoa mắt, phải trao ống dòm cho anh em, chợt thấy tim đập dữ và ngực đau, có lẽ tôi quên thở quá lâu. Các tiếng nổ nhập cục lại thành sấm đất, bây giờ tôi mới nghe. Tai còn vo vo bung bung. Người xem đá bóng lắm khi mệt hơn cầu thủ.

Cậu Lập thay tôi theo dõi trận đánh, hết ứ trong mũi lại ái đằng mồm. Tôi muốn gắt cho cậu ta im, sau chỉ hỏi:

– Tới đâu rồi?

– Nó phóng một loạt trái mù. Rút … Rút thiệt rồi.

– Mi-tăng[(2)] thôi, hay là…

– Xe quay đầu. Quân bộ cũng lui... Gut-bai Vi-xi[(3)]. Đường về Chu Lai còn xa lắm, co-ca-cô-lâ đã cạn từ lâu...

Tôi phì cười. Gần năm giờ, tụi Mỹ chuồn thôi. Pháo Chu Lai nổi gầm từng loạt. Giai đoạn thù vặt bắt đầu.

– Chắc đồng bào hỏi miết đâu rồi bộ đội.

Câu nói lơ lửng của chú Dé làm tôi nhói ruột. Thôi chết, lúc thường mang súng dài súng ngắn dạo khắp xóm, Mỹ lên đốt đuốc tìm không ra ông nào, tránh sao khỏi… Ai đó sẽ lên tiếng: “Cái tay Thiêm ăn cá uống bia lâu nay đó, đâu rồi ta”?. Ai khác cười mũi: “Hì, một tấc đến trời!”. Mẫn đỏ hai tai, nâng các-bin lên ngắm để khỏi nhìn quanh. Chẳng lẽ Mẫn kêu toáng: “Anh Thiêm đang theo dõi cái núi Sàm để tối mai khiêng chống chầu[(4)] về diệt, đừng nói bá láp!”'. Ừ mà cho đến nay tôi vẫn là phái viên của H.68 về bám Tam Sa, có gì khác trước đâu. Tam Sa đánh Mỹ lần đầu, cũng là trận chống Mỹ đầu tiên của khu vực Bắc Chu Lai, tôi đã để bao nhiêu kinh nghiệm vàng ngọc tuột khỏi tay! Rủi, rất chi là rủi, đành vớt vát thôi.

Trung đội trưởng Lập lãnh bộ phận này, nhưng vì tôi có mặt nên cậu cứ quên vai trò chỉ huy, nay xin trả lại cậu. Tôi chỉ mượn cây AK với hai trăm đạn, cây súng này làm tôi mừng sửng sốt khi bắn thử. Chú Dé đòi theo, tôi không chịu, chú xịu mặt ngay. Tiểu đội phó mà trẻ con vậy đó.

Tôi gặp Dé năm ngoái khi về chuẩn bị đánh đồn ở Trà Bồng. Chú dẫn tôi đi, đón tôi về. Tôi chưa thấy một ai có mắt, tai, mũi lạ lùng như Dé, tinh nhạy đến phát sợ, thua người chỉ cái miệng. Chú mến tôi, rồi mến xê mình, cứ nhất định “nhập ngũ anh Thiêm” thôi. Bao nhiêu lần chúng tôi đã trầm trồ với nhau: “Thằng nhỏ, đúng là trời sanh ra làm trinh sát!”. Cái đồi núi Sàm kia, chú đã vào ngoay ngoáy tới tận ruột nó tới bốn lần. Tôi hay chọc Dé là “khôn chợ dại nhà”, chọi với địch một ngàn mánh khoé mà ở với ta chỉ biết tít mắt cười hề hề. Cái cười ấy, cùng với bộ mặt bấm ra sữa và giọng Kinh chưa sõi đã giúp cho Dé được các mẹ cưng nhất trong xê mình.

Tôi về đến làng Cá lúc gần tối.

Đường làng đầy ngập những nhóm vừa đổi phiên địa đạo, lấm lem từ đầu đến chân. Hai người phủ bột đỏ, vác cuốc. Năm cô sàn sàn nhuộm bùn lỏng màu xám lợt. Một tốp nữa toàn đất sét vàng, trên khô dưới ướt. Giống nhau chỉ có bộ mặt vằn vèo muội đèn và bộ râu Hít-le đen kịt dưới lỗ mũi, tuy đã thắp dầu phụng cho đỡ khói. Bà con chỉ bàn thì thào – cách mạng miền Nam ai làm nấy biết, quen nếp rồi – mà cái khoái cứ xì qua giọng nói:

– Pim pim! Tránh xe ủi đất nghen!

– Chỗ đó rút tấm ván cầu, thằng nào nhảy xuống … éééo!

– Tò te là tum cốc...

– Nó tàu bay, mình tàu lặn, thử coi ai ăn ai!

Đội du kích chưa về. Nhiều cặp hát u thả đèn dù và bắn như xay lúa dọc đường Một. Tụi nguỵ áo đen suốt buổi chiều dạt về mạn bắc, nằm giữa trảng cát cho máy bay dễ nhận, không dám đến gần ông bạn Mỹ vụng như gấu mà rất đa nghi. Bây giờ pháo đang nện gắt vào chỗ trảng ấy. Tụi ác-vin chết mặc kệ, miễn là chặn được đường lui của Vi-xi, chắc tên chỉ huy Mỹ nghĩ vậy.

Tôi bám anh Luân đi xem suốt lòng địa đạo, soát lại các cửa đã nguỵ trang rất khéo, xong còn ăn cơm nhà mẹ Sáu và tắm một chầu, đội du kích mới về. Anh em vòng hình chữ U vào phía Nam tránh pháo và trực thăng. Tuy đã thắng được những cơn sốt dồn dập, lúc này tôi vẫn đâm bổ ra đón. Một khiêng lúc lắc, võng buộc vào cây tre. Một cái đầu băng trắng. Cậu Diêu, Mười Diêu ở Nhơn Lộc hi sinh. Đã cho khiêng thẳng về làng. Địch hả? Mấy người đếm, ít nhất mười bảy, nhiều nhất hăm lăm xác, số nhào trong xe chưa biết được. Từng khuôn mặt lấm, cười loé răng, diễu qua cái luồng sáng đèn dù xen kẽ với bóng cây lá, ném cho tôi một câu hối hả. Các cô được tản đi tắm giặt trước, cánh con trai khiêng thương và lo việc linh tinh. Phụ nữ làm bí thư có khác. Mẫn đi gần cuối, ấn luôn vào tay tôi một cái xắc cốt rộng và dẹt, nói như đang dở câu chuyện:

– Thầy Thiêm coi dùm đi. Nó rớt ra, cát lấp, bà con bới tìm súng mới đụng. Họp nhà xã Chinh, mười giờ…

Mẫn đi thẳng. Ngại tôi bắt bẻ, không muốn tôi thấy rách, bẩn, hay giấu một vết thương mới? Đố biết.

Năm Ri ẩy vào nhà xã Chinh hai tên trói ké, một đứng tuổi mặc bà ba đen, một trẻ mặc tây rất sang. Anh Luân thắp thêm ngọn đèn ve rượu bạc hà, soi lại hai bộ mặt tái xanh, gật đầu:

– Ngon rồi, bắt gọn không?

– Ụp xuống là tới thăm nhà lập tức. Thằng Hoè đang diện bảnh, dắt xe đi đón ông nội Huê Kỳ, bản đồ với thẻ công an chìm nhét trong quần lót. Thằng Cống làm heo, nấu xôi, để sẵn sáu két bia. Anh em đại liên một trận, dàn quân hơn tiếng đồng hồ Mỹ mới lên. Tài liệu chôn dưới chuồng heo, cả mớ vàng với tiền đây nữa.

Cậu ném ra gói giấy bạc một trăm mặt xanh mặt đỏ, và xâu nhẫn vàng chừng hai chục cái. Anh Luân xổ mớ thuốc rê xuống mặt bàn, lấy cái túi nhựa trong bỏ các thứ vào, thắt lại:

– Để giao Năm Tuất làm tiếp…Hỏi chưa?

– Rồi. Nó biết Mỹ sắp càn Tứ Nhơn, không biết ngày giờ.

Năm Tuất vào, "à" ngay một tiếng nhẹ nhõm. Vẫn rất củ mỉ, lớp lang, anh đọc cho hai tên điệp nghe giấy bắt của huyện. Thằng Cống buôn mắm. Thằng Hoè chích dạo[(5)], đã được bà con Lộc Chánh bám sát lâu nay. Thế nhưng chi uỷ không tin hai đứa này dò ra tông tích chị Biền. Ngay tôi là "cố vấn" đáng tin cậy cũng chỉ nghe Mẫn kể sau khi vợ chồng chị bị giết. Các đồng chí khác về vùng cát vẫn yên ổn.

Cũng chẳng phải thằng Chinh con "giết lầm hơn bỏ sót". Không, hắn ăn gan chị Biền, uống say, nói toáng rằng mụ này mới kết nạp, gan đảng viên nằm vùng béo hơn đảng viên nhảy núi là nhờ "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản", ở núi ăn lá thì gan dai nhách.

Vụ án chị Biền vẫn chưa tỏ. Tên địch giấu mặt nào đó đớp lấy một câu sơ hở như cá đớp bọt, lặn ngay, chưa mò ra.

Anh Tám Liệp đến sau, vẫn chững chạc trong bộ quân phục ka-ki, lẳng lặng đếm tiền, đếm vàng, rút giấy viết biên bản giúp Năm Tuất. Bàn tay anh có cái gì đó ngượng ngập khi đặt tờ giấy kín chữ trước mặt Mẫn: còn khi hỏi Tư Luân mấy việc gấp về kho lúa, anh có vẻ tự nhiên hơn. Anh chưa quen làm việc dưới quyền cô con nuôi. Cũng không quen chào chung một tiếng và rút êm để chi uỷ

họp. Mẫn ngước nhìn theo ông chú đi ra cửa, chớp chớp, mắt hình như kín đáo thở dài.

Tôi đã hiểu vì sao anh Bảy buộc Tám Liệp phải ở lại Tam Sa để dọn những chỗ xả rác. Những cán bộ lâu năm như anh Liệp, công rất nhiều, khi sai cũng không ít tội, nhưng họ khác xa lũ Ba Thấn, họ đủ tỉnh táo để bước lùi trước cái vực đen của sự phản bội. Chiếc xe bò ì ạch thật đấy, nhưng khi nó chuyển thì lại vững và khoẻ hơn xe đạp gấp mấy. Tám Liệp đã chuyển. Anh về ở hẳn Làng Cá, xóm Đuồi, trong mươi ngày đã sắp xếp gọn đống bòng bong kinh tế mà Năm Tuất suốt hai tháng ròng không gỡ nổi. Bây giờ anh đi từng xóm giải quyết nốt số ruộng công, tổ chức làm mùa tháng năm. Những tiếng trách và giễu xung quanh lặng bớt, nhưng khen thì chưa. Ở nơi hằng ngày động đất này, bà con coi người trên việc làm. Không ai rỗi hơi để nhắc hoài chuyện cũ, cũng chẳng tội gì mà đi bốc thơm một cán bộ đã bỏ dân khá lâu.

Từ nãy tôi thắp đèn riêng một góc, trải tấm nhựa trên nền sạch, soạn lại xắc-cốt Mỹ. Khi mới tới, Mẫn đặt trên bàn một nải chuối tiêu to, mời: “các chú ăn nếm đi để cháu ăn với, đói kinh”. Một kiểu mời rất nông dân. Đợi chú Liệp đi khuất, Mẫn mới dám bẻ chuối ăn, vừa nhai vừa đọc biên bản. Ký xong, Mẫn dặn:

–Anh Năm xin trên một phần tiền, mua sữa trứng gửi cho hai cậu bị thương, mua thuốc cho du kích nghen…Nhắc ai giải tụi nó, hễ cởi trói cho đi ỉa như thằng Ba Thấn thì vô trại cải tạo luôn do…Đứng lấy du kích, một tổ phụ nữ vác dao phay đủ rồi, mượn vài trái lựu. Anh cầm luôn cái tờ em lấy cung hoả tốc hồi trưa, đây. Khiêng thương hai cáng sáu người…Dạ, anh đi.

Mẫn bẻ mấy trái chuối đem lại cho tôi. Ngoài sân ai đó kêu to “tàu rà”. Ở vùng tàu bay dệt cửi trên đầu này, hai tiếng được rút gọn thành “tơra” ấy mới đáng coi như báo động. Đèn tắt phụt, trong xóm đèn lửa vẫn để nguyên. Tụi tàu rà thuộc làng đến độ ban đêm có thể nhận ra những đốm lửa khác thường và gọi pháo bắn. Tôi quờ tay cầm chuối, nắm cổ tay Mẫn. Mẫn ghé sát tôi, giọng hơi lẳng và đậm mùi chuối chín:

– Thấy tụi em đánh không?

– Thấy, giỏi một cây. Năm-bờ-oăn[(6)]. Băng chân…

– Rồi. Anh bớt nóng ruột chưa?

– Nóng chuyện khác thôi.

– Gì

– Lấy vợ!

Một loạt tiếng đập nồi đất trên không. Tôi buông tay Mẫn khi đèn chùm bật sáng, soi qua các cửa sổ đã tháo tháo hết cánh đưa xuống hầm. Một bóng người cao lớn nhô trước cửa chính, thở phì phò, chân tay quờ quạng như say rượu. Từ sau bóng lạ, tiếng Rốt chị dội tới:

– Chị Hai đâu? Có người hỏi chị Mẫn, hay anh Thiêm cũng được!

Mẫn ra cửa. Cặp tàu rà để nguyên đèn hiệu lượn trên làng. Cái bóng to ngồi thụp xuống thềm, lắp bắp:

– Tôi…Xáng đây…

Tôi nhận ra chồng cô S.16... Mấy luồng sáng trắng quét qua một bộ mặt đầy vết máu chảy trên da nhợt. Áo rách thành mớ dài treo trên cổ, cũng vấy máu. Xáng hổn hển:

– Mỹ vô … hiếp vợ tôi…không chịu, nó đâm chết…

– Trời, con Tươi bị! – Mẫn kêu rít răng.

– Tôi trốn trong buồng, nhảy ra cứu, không kịp, tôi bóp cổ, cắn, đâm…

– Anh có sao không?

– Gai cùng mình…chạy qua bãi xương rồng…đáng kiếp, đau đáng kiếp…

Tôi thấy một chùm gai xương rồng xóc gãy trên vai Xáng, so le như chòm râu lạ. Xáng giết được một Mỹ, thoát, núp nhiều chỗ, ban nãy mò lên lại bị mấy thằng biệt kích nguỵ chụp bắt ngoài ruộng, cách bìa làng Cá ba trăm thước phía Bắc, vật lộn nữa. Xáng chạy được, chỉ bị gai lún sâu thêm vào thịt, đau dựng tóc. Địch không bắn theo. Trinh sát hay quân vây?

Năm Ri cho người đi tuần và giao út Hoà cứu chữa cậu Xáng. Cậu lắc đầu nói mãi: “Tại tôi, tại tôi hết…”. Bị gai xương rồng, phải

tắm xà phòng thật sạch, lấy nhíp nhổ râu rứt từng cái một, các mũi gãy sâu thì để làm mủ mới nặn ra được. Tôi dặn nhỏ Út Hoà cho cậu uống một liều an thần. Mẫn ngồi vào bàn, tay chống cằm, nhắm mắt hồi lâu trong khi anh Luân nói cho Ri với Cang biết về cô Tươi.

Sau mấy phút choáng váng, tôi day chỗ bắp thịt rút đau trên má bên trái, cố dồn óc vào công việc. Tôi thắp đèn pin xem lại tấm bản đồ vùng Chu Lai trải rộng. Không có chữ hay dấu gì ghi trên ấy cả. Trong kẹp chỉ có giấy tờ linh tinh: Phiếu trả lương cho trung uý Rô-bớt S. No-ton, biên lai chuyển tiền, một số báo Sao và sọc, mấy cái thư, mươi thẻ kẹo cao su dài dẹt như quân bài tổ tôm xấp tư.

Tôi chợt thấy trên mặt nhựa cứng của chỗ đút bản đồ có chữ viết bằng bút chì mỡ đỏ. Chút nữa quên. Tôi gập tấm bản đồ thật đúng nếp cũ, khu vực càn hôm nay nằm trên cùng như trước. Nhét lại dưới lớp nhựa trong như kính. Những chữ đỏ nổi rõ ngay trên nền giấy xanh lá đầy các con số toạ độ và điểm cao.

Tên Mỹ ghi trên góc 26th – 3 pm.., khoanh tròn, kéo một đường vào Lộc Chánh. Đè luôn trên hình con cái quẫy của Nhơn Ái có đề 27th – 7 am. Hai mũi tên chĩa vào đấy. Mũi hướng đông có chữ ACars – Mar. Mũi từ bắc xuống đề ARVN. Trên gò Mù U còn thêm một cánh cung phòng ngự: Hel-Mar.

Tim tôi từ từ thắt lại. Tôi nghĩ một lát, cầm bản đồ tới đặt trên bàn cho chi uỷ xem. Anh Luân nâng kính dòm vào:

–Gì hè…Hăm bảy, tháng bảy âm. Nó cũng theo lịch âm ta hả?

Quân Mỹ đã đến Lộc Chánh chiều ngày hăm sáu, ba giờ, đúng kế hoạch. Sáng mai hăm bảy sẽ đánh vào làng Cá, tấn công hẳn hoi chứ không phải nghênh ngang đi tuần. Mũi đường Một lên có xe bọc sắt và lính thuỷ đánh bộ Mỹ. Mũi bắc giao cho quân nguỵ. Trực thăng sẽ đổ lính thuỷ đánh bộ xuống khoá gò Mù U. Còn vùng đồi hoang hẳn là giao cho máy bay và pháo nện vô tội vạ.

Năm Ri buột miệng:

– Mắt quá mắt thánh! Anh học hồi nào tài dữ vậy?

Anh Luân và Chín Cang cũng khen vùi. Mẫn im, mắt lóng lánh. Trong một phút, người nghe có thể tưởng đọc được tấm bản đồ còn quan trọng hơn đánh thắng trận càn ghi trên đó.

Tôi viết thư, giao Ba Tâm chạy đêm tới sở chỉ huy anh Điển trao cái kẹp. Mẫn đang tính lại số mìn với Ri, dặn với theo: “ở lại luôn đó nghe em, lỡ có hoả tốc…”. Tâm tảng lờ không nghe, phóng ngay. Chú ta là người của huyện kia mà.

Mẫn đằng hắng, nói nghiêm nhưng chỉ nhìn ngọn lửa:

– Chi uỷ họp nhận định về trận Lộc Chánh chiều nay, bàn cuộc chống càn sáng mai. Tôi mời đồng chí Thiêm dự, giúp chúng ta…

Tàu rà vẫn treo đèn dù trên vùng gò và đồng Tam Trân, sẽ thay nhau quần đến mai. Trực thăng rọi pha dọc đường nhựa phành phạch. Những luồng sáng lạ chạy không ngớt qua các lỗ hổng của nhà xã Chinh, tôi thoáng nghĩ tụi Mỹ soi pin tìm ác ôn. Chỉ có cối trên núi Sàm bắn ra chung quanh dàn pháo Chu Lai ngủ sớm để mai dậy sớm.

Hai giờ sáng, Ba Tâm ra bãi mìn mới đặt tìm tôi, đưa mấy dòng lổn nhổn chuyện buôn bán và cày cấy của anh Điển. Du kích Tam Sa phải cố chặn không cho Mỹ vào làng, nếu vào cũng không được đóng lại, để trận núi Sàm tối mai – tối nay đúng hơn – khỏi bị vướng đường tiến đường lui. Tôi sẽ ở lại giúp Tam Sa chống càn, kiếm kinh nghiệm luôn.

Nhất rồi còn gì!

Chú thích:

(1)Tiếng Mỹ gọi quân nguỵ, theo chữ viết tắt ARVN “quân đội Việt Nam cộng hoà”.

(2)Nghỉ giải lao giữa cuộc đấu

(3)Tạm biệt Việt Cộng!

(4)Đón bộ đội chủ lực

(5)Tiệm thuốc rong

(6)Số một, hạng nhất.

Chương 22

Sau một trận đơn giản, tôi có thể kể ngay từ đầu đến cuối những sự việc chính, công của anh em nổi nhất, cả một mớ râu ria thú vị ngoài lề nữa. Còn mới đánh xong một trận lắt léo, ác và kéo dài như cái ngày chống càn hôm nay, tôi lại nhớ rất ít. Nếu có ai chộp hỏi ngay, tôi chỉ có thể nói về mấy tình huống khó xử nhất, mà cũng kể lơ mơ thôi, thua cả người đứng ngoài xem. Lúc thân thể tôi đầy bùn, mồ hôi và những vết sây sát, cũng là lúc đầu tôi đang chất bộn những nét vơ vẩn không đâu, từ con sâu trên lá rơi lọt cổ áo đến thằng giặc chết sao cứ ngọ nguậy bàn chân phải tuột giày. Kỳ vậy đó.

Trong khi giao chiến, tất cả các giác quan đều mở hết máy, phóng lên óc hàng ngàn tia điện loang loáng, biến thành hàng trăm ý nghĩ xô đẩy nhau như những hạt điện từ xung quanh hạt nhân, tụ lại thành mươi cái quyết định nói ra mồm vào những lúc gay go. Cũng như anh Ba Tơ, tôi cho rằng người đại đội trưởng giỏi không nên hò hét nhiều, càng không nên quát tháo làm anh em cuống. Phải nhìn khắp, hiểu rõ địch và thấy hết ta, nghĩ kỹ, nhưng cũng phải biết để cho cán bộ trung đội tiểu đội tự tìm cách đánh tốt nhất, chỉ ra lệnh khi cần, và lúc đó cái lệnh phải mạnh như mười cân bộc phá. Tôi thường bám chỗ mũi nhọn của trận đánh, kìm mình lại để cán bộ cấp dưới cầm quân như không có tôi, nhắc khẽ để họ xử trí, có khi suốt một giờ chỉ một lần mở miệng to để phát lệnh xung phong, kéo cả đại đội lao tới. Chính vì vậy mà tôi mệt óc; bã người hơn ngày xưa làm anh đội viên súng dài, tuy chỉ vọt từ chỗ này qua chỗ khác như dạo xem, bắn mươi loạt hay ném vài trái lựu phụ với anh em. Khi đã hơi mụ đi, tôi vẫn đủ sức xoáy sâu vào cái phút đang diễn ra, vẫn lái đúng mũi khoan của xê mình thuốn vào ruột địch, còn những gì trước đấy và sau đấy thì nhoà nét dần, ngay cái xác tôi cũng biến đâu mất, có người nhắc tôi mới biết đang ngậm cơm trong mồm hay có một viên đạn vừa cứa đứt thịt đùi. Cũng may, chỉ sau một lần đi soát đơn vị, trao đổi với anh em, nghỉ một lát nữa càng hay, tôi đã đủ

tỉnh táo để dựng lại cuộc chiến đấu vừa qua trên đường lên gặp tiểu đoàn. Đấy mới là bức vẽ phác, về sau mới có thung lũng nối liền các đỉnh, và cây xanh hoa đỏ sẽ dần dà hiện đủ.

Mỹ càn vào làng Cá dữ thật!

Chiều qua chúng đi lớ ngớ, húc vào cái đình Lộc Chánh, bị sứt trán phải bỏ chạy. Hôm nay khác, chúng cố đóng đinh cho thủng vành đai của ta.

Giàn pháo Chu Lai băm vằm từ mờ sáng. Đội du kích dàn trong hào phải rút hết xuống địa đạo, chờ. Những chén mẻ đựng dầu phụng thả bấc được thắp nhỏ ngọn từ các hàm ếch nhỏ xắn vào lưng vách soi xuống từng bộ mặt đăm chiêu. Pháo nện như cả xóm cùng giã gạo chày từ trên đầu. Bà con đã gánh cát vun đống ngoài ruộng về đổ dầy trên nóc hầm nhà, đạn 155 không phá nổi. Người thoát đất, còn trâu buộc hầm cạn, còn nhà vườn… Cô Xuyến bật rên: “Cả ngàn trái”. Ai đó xuỵt, Năm Ri nhắc hà tiện đạn. Cô Rốt chị, xã đội phó mới được cử cách đây năm tiếng, sẽ nắm một tiểu chặn quân ngụy phía bắc đang vạch que bàn gì với các bạn, cười lúm đồng tiền trên má phính. Cậu Sung trung đội trưởng ngồi quãng giữa cái cầu thang chót vót trèo lên miệng, từng lúc gọi xuống: “Bớ ba quân, kíp mau mau thượng lộ!”, rồi lại xua tay khi loạt pháo mới rầm rầm trút xuống.

Tôi ngồi nghe pháo và xem Mẫn ngủ gật. Ước chừng mười hai cây 105, bốn cây 155. Không nhận ra được thứ 175 chưa quen nó. Ban chỉ huy chống càn đây: Ri xã đội trưởng, Mẫn chính trị viên, tôi cố vấn, thêm Ba Tâm chạy giấy và Út Hoà đeo túi thuốc nữa. Tất cả đều mệt lử và rất bốc sau trận Lộc Chánh. Còn Chín Cang nắm quân chính trị, anh Luân lo hậu cần nữa. Cái ngày Mẫn với tôi dắt nhau đi bắn tỉa mỗi đứa một phát đã lùi xa tít, tưởng đâu như trước đồng khởi. Riêng đội du kích xã bây giờ đã tới sáu chục người, gần năm chục súng.

Dựa vào vai cậu Giáp, cây trung liên Ba nhô cái đầu nòng chẻ tư hau háu: chị Bỉnh huyện đội phó đã trao nó cho xã đội giữa một ngàn người hò reo, trong lễ phát động chống Mỹ. Quanh năm vẫn thấy quân ngụy vác thứ này đi nghễu nghện, trông mà ngứa mắt,

nhưng đêm ấy ai cũng muốn sờ nắn cây súng. Rồi khen nhé. Du kích được thưởng trung liên là vinh dự lắm, mấy xã bên đâu được vậy. Kê tiểu liên trên thùng thiếc bắn mãi địch cũng nhận ra, quát tướng những cái lệnh đại đội bọc lưng hay tiểu đoàn xung phong riết rồi chúng cũng hết mắc mưu, chỉ có xả mấy loạt pằng pằng tụi nó mới sợ: "Chủ lực đó bây, chạy!". Vốn liếng khá rồi, mặc sức kiếm lời làm giàu. Thứ này lại sẵn đạn, chẳng như cái anh vanh cách[(1)] hai cò, nổ xong một băng là lo vác đi giấu. Đánh giỏi rồi súng gì cũng có. Mà… nè các cha, một trăm cái xấu không gì xấu bằng để mất "cây hoả lực" đó nghen, trung liên rớt vô tay địch thì cả xã mang nhục, chẳng riêng gì tụi bây đâu…

Bà con xúm bàn tới tấp vậy đó. Mẫn cũng lanh, nhân cái đà bốc chung ấy mà kêu gọi cô bác vót chông nhiều gấp đôi, rán tìm bom hư đạn thối làm thêm mìn. Chông mìn thật dày, giặc đừng hòng chồm lên cướp trung liên. Lừa cho tụi nó lọt giữa bãi chông mìn, xổ một băng, nó chạy toé ra, vãi xác khiêng không hết. Ngon như gỏi. Bà con hoan hô tơi bời khói lửa. Từ hôm ấy, chông gánh tới giao cho du kích không kịp đếm. Cây súng máy biến thành một cái gì tượng trưng cho sức lớn lên và sức kết chặt của du kích Tam Sa, to hơn giá trị thực của nó gấp năm mươi lần.

Năm Ri quay nhìn tôi, nói trống không:

– Lên được rồi hè…

Tôi cười, khoanh hai tay ra ý dứt khoát chỉ làm người xem. Mẫn ngấc đầu, dụi mắt:

– Bớt pháo, lên mau! Ai về chỗ nấy!

Anh em hối hả bươn tới cái cầu thang hình chữ chi. Dép cao su giẫm thình thình trên tấm phản lim bắc qua miệng hố chông lớn, dội lên các bực đất bịch bịch. Tôi liếc đồng hồ: sáu giờ kém mười, tức bảy giờ kém mười theo Sài Gòn. Tôi bấm đèn pin đi cuối cùng, thổi tắt các ngọn lửa trên vách, leo sau lưng Út Hoà, qua cửa. Khí trời mát và sáng dội ập vào mặt như một gàu nước giếng đầy ánh nắng. Tôi phải lim dim mắt khi đóng nắp, xoá dấu, khi mở mắt được hẳn thì mũi và họng đã thấy khét đắng, khói thuốc nổ còn đọng dày như

sương mù trên làng. Đạn pháo rít qua đầu, đánh vùng gò. Tiếng trực thăng đến gần. Tụi Mỹ càn đúng giờ hơn Ngụy nhiều.

Tôi đóng kỹ vai cố vấn suốt đợt chạm trán đầu tiên.

Tiếng pháo khạc đạn dưới kia bỗng tắt phụt như ai giật cầu dao điện. Bầy trực thăng đang bay xế phía nam né luồng đạn, rẽ ngoặt sang phải, tốp "xe tăng bay" dẫn đầu áo ào bắn xuống gò Mù U đã bị cào xới đỏ loét. Số mìn chúng tôi chôn ở đấy còn sót bao nhiêu chẳng biết. Tôi chưa gặp một thứ gì ồn tai nhức óc hơn một cuộc đổ bộ trực thăng với mấy chục máy bay xúm chùm hai tầng trên đầu, tầng dưới lại xối đạn như tưới nước. Nghe kỹ, vẫn tách ra được tiếng nổ nhát gừng của du kích bắn lên. Mặt ấy cầm chừng bấy nhiêu thôi. Mạn bắc, Rốt chị còn hăm he lấy cho được súng của tụi biệt kích ngụy. Nặng nhất là khúc lườn con cá này.

Mũ sắt nhô lấp ló trên ta-luy đường sắt, với năm bảy chỏm dưa hấu. Pằng! Năm Ri quay sang phải quát ngay: "Bắn bá láp, lộ hết!". Được!

Tôi luồn theo một nhánh hào phụ đã sụt lở nhiều khúc, cầm con dao chuối mới lượm được, giơ lên ngọ nguậy mấy lần rồi dựng im. Rắắắc! Rắắắc! Ba bốn họng súng máy quạt vội vào lưỡi dao. Đợi nó nảy một cái, tôi thu dao chạy khom về hào chính. Ri với Mẫn cúi xem ba vết đạn nhỏ bằng mút đũa, rất chụm, xuyên qua chỗ sắt giày đến hai li mà vẫn trơn mép, sắc như dấu kìm bấm trên vé xe lửa. Đạn AR.15. Ở Chu Lai, mới có tụi thám báo dùng loại này. Súng tốt, kỹ thuật khá nhưng đứa bắn không bình tĩnh, nã mãi mới trúng lưỡi dao cộng sản. Mẫn cau đôi mày rậm:

– Thám báo rình… chắc đợi xe lên trước. Giấu quân kỹ nghen Ri. Thủ pháo phủ đầu.

Ri gật, vỗ thắt lưng.

Mẫn giục hai em vào hầm chỉ huy, đợi đấy, cấm cãi nhau. Cũng tức cười, Mẫn đã sắp xếp cho Tâm với Hoà mỗi đứa đi một hướng, xa nơi nguy hiểm, rốt cục tới trận này không hẹn mà bộ ba lại dồn cục như cũ. Thêm tôi nữa là bốn. Cái gia đình nho nhỏ của Mẫn chỉ bấy nhiêu. Nếu trúng một trái pháo… Thôi, hơi đâu tính chuyện rủi. Tiếng xe đã nổi bên kia con đê rải đá củ đậu, rống to nhỏ không đều.

Quân Mỹ tiến chậm, quá chậm. Một trái mìn lớn nổ trên gò Mù U, tiếng trầm và đất rung tận đây, chắc được thịt. Ái chà, một trái nữa! Tụi lính H.34 nhảy xuống lớ ngớ coi như ngả rạ. Mẫn hít hà không ngớt.

Bảy giờ hai mươi. Trận địa của chúng tôi vẫn phải nằm chờ dưới L.19 bay cao và hát u rà thấp. Bốn chiếc đờn cò xếp hình chữ A, đầu chúc xuống nhưng vẫn bay ngang như bầy cá rô gặm rêu đáy suối, xăm đất túi bụi bằng rốc két xuyên sâu. Từng tràng tiếng đá hộc lăn xuôi mái tôn đập vào gáy chúng tôi. Đạn thuốn vào ruột đất, mấy giây sau mới nổ một tiếng ục xa lắc, con hào rung rinh lở vách, còn vết đạn chỉ là một cái hang chồn xoi chéo đút lọt thân che, rắc lác đác trong lòng những mảnh đuôi rốcket cong giống như mảnh bát vỡ, đất quanh miệng hơi cộm lên và nẻ chân chim. Tới vòng quần thứ hai, tụi trực thăng bắn dữ gấp mấy, kèm rôcket có thêm đại liên gài cò xối đạn như cả chục máy bay cùng chần áo trấn thủ. Lại một cậu phát cáu chĩa Ga-ran lên lảy ba phát liền, hụt, may không lộ. Mẫn lách hào đi rảo một vòng, nhắc anh em cố nín hơi. Bắp chân Mẫn có vệt đo đỏ: vết thương hôm nọ còn rỉ máu.

Bảy giờ ba mươi tám. Phía Rốt chị, súng nhỏ rộ lên cùng một lần, rất đanh. Ta bắn trước, nửa phút sau địch mới kịp bắn trả. Mẫn quay về phía tôi, nhoẻn cười:

– Rốt chị xài ngon rồi. Địch tới gần bìa tre mới cho nổ, mặc sức lấy súng. Con nhỏ ngoéo tay với em…

Khúc hào bỗng nhảy chồm lên như con trăn đang ngủ bị đạp lưng. Chúng tôi lăn nhào. Đất sụp chụp trên mình. Tôi vọt dậy ngay trong tiếng nổ xé tai. Gì vậy? Cả một đoạn taluy trước mặt bị hất lên trời, chới với, những tảng đất to từ trên không, từ từ rã vụn và rơi chìm vào bựng khói đen khổng lồ đang lộn tròn dâng lên. Hàng tạ, hàng tấn tô-lit. Nhiều đống thuốc nổ xếp cách quãng, bấm điện… Tôi túm vai Mẫn, hét:

– Dồn thủ pháo, chặn cửa mở, kia!

Bầy xe bên kia đường sắt rú ga như sấm đất, đang ùa tới mảng thành bị phá toác. Trước mặt chúng là một quãng ruộng cạn, không mìn, không hào, không chông rồi tới bìa xóm Giữa. Không ai ngờ

chúng sẽ thúc vào đúng chỗ sườn ba[(2)]của làng chiến đấu! Bãi mìn lớn chen nhiều hố chông được đặt bao quanh nơi con đường làng rộng băng qua đường sắt, ở đấy đất cứng và dốc lài dễ vượt nhất. Địch đã khiếp đường, tránh được bẫy.

Đá cục xoáy vù vù như ong chưa rơi hết. Mẫn gọi lanh lảnh đằng kia, vẫn bằng giọng hằng ngày không đổi:

– Tiểu Một, tiểu Một… Để tổ Bảy Thới ở lại giữ ngã tư, còn tất cả dồn về trung đội, về trung đội.

Tôi chạy tới xóm Giữa. Chân lún sâu vào đất xới. Một cành cây từ đâu sạt xuống, gõ đầu. Xe địch chưa ló ra. Chúng đâu dám xung phong dưới mưa đá củ đậu như ta. Nhưng trước sau chúng cũng sẽ tuôn tới. Lấy gì mà bịt đê vỡ? Đạn cối huýt còn reo réo, rơi đầu gành cuối bãi, cốt lấy tiếng nổ.

Loang loáng, tôi nghĩ tới cây ĐK.57 cóc gặm của xê mình với vài trái đạn ụp ùm. Biết ta có súng không giật, chúng chuồn ngay. Hay một cây M.79 mang cái tên "cối cá nhân" rất nát người. Hay một cái nòng cối 60, không chân không đế, dựng bắn ước chừng cũng được. Hay một túi lựu đạn phóng, chụp trên nòng trường Mát mà bắn như Lăngxơ patát Pháp, lắp thêm ống trên trường Anh đầu bằng, chắp đuôi tống đi bằng trường Mỹ. Bất cứ một thứ súng cầu vồng nào. Năm Ri ngoảnh lại nhìn tôi, mở to riêng con mắt vảy cá giữa mặt bết bụi:

– Chặn xe cách sao anh? Chỗ mình trống hoang vầy…

Tôi thở mấy hơi, gạt mồ hôi cay như tương ớt chảy vào mắt, không nói. Ri tiếp:

– Hay là xuống đê hai?

– Không được!

Mẫn tới sau lưng tôi bao giờ, ném hai tiếng cộc lóc như súng nổ cắc bụp. Thả địch vào làng là sự thường. Co cánh tay quân sự thì đấm luôn quả chính trị, có sao. Lần này không được. Hai giờ chiều nay, Năm Ri sẽ biết vì đâu. Mẫn đếm từng tiếng rõ:

– Nằm im đã, đợi nó tới bìa xóm, nhảy lên chiếm xe! Mỹ kia!

Sát hai mép lỗ hổng rộng hơn chục thước, hai cần ăng ten nhô lên, ngọ nguậy như râu gián từ hóc tủ thò ra. Hai cái đầu xe M.133 cùng rướn tới một lần, xanh bóng, trơn trùi trụi, tưởng chừng không có thứ gì xuyên nổi, đạn nào cũng trượt văng. Năm Ri bật chửi rất tục, cho truyền miệng gấp: “Núp kín, đánh gần”. Anh em lui bớt vào hàm ếch tránh trận mưa mới, lúc này là mưa phóng lựu M.79 từ đoàn xe sắt trút ra.

Chúng tiến chậm rì, lắc lư, xích cắn đất từng nấc một như lựa chọn chỗ mà bước giữa các hố bom, bắn vỡ đầu chúng rất dễ. Tôi thèm súng chống tăng đến điên người mất. Thằng lái đậy nắp chỗ ngồi, nhìn qua khe hẹp. Thằng bắn trọng liên bên phải đã chất thêm nhiều bao cát nhỏ vây quanh đầu, vỏ bao bằng nhựa trong hắt nắng loa loá, chỉ còn thấy họng súng xịt khói không ngớt. Phải nhận tụi Mỹ che mình kín ghê gớm sau một lần trót hở bị thua đau. Tám giờ lẻ bốn phút. Chúng đã bắn suốt một trăm hai mươi bốn phút trước khi thò đầu. Tôi chưa tìm ra chỗ khe giáp trên cái vỏ cua để luồn mũi gai vào.

Mẫn buột miệng:

– Úi trời!

Anh em kêu rú lao xao dọc hào, giương súng. Tôi gào:”Bắn xe bên tay mặt, bên phảảải” nhảy tới chụp cây trung liên trên tay Giáp, xả liên tiếp mấy loạt vào hàng mũ sắt ló trên chiếc M.113.

Ai đó vừa đâm bổ ra đánh xe. Ai? Một cái bóng to lớn, ôm khối gì đen trước ngực, đang chạy sấp ngửa dọc bờ cỏ dưới chân ta luy. Mẫn gọi lạc giọng: “Bắn! Bắn che anh Xáng, ngắm kỹ!”. Súng ta nổ suốt dọc con hào. Tôi rẹt một loạt nữa. Cái nòng to như khúc tre tươi kê trên thành xe văng ra sau cùng với mũ sắt, cây M.79 câm luôn. Bớt được một!

– Giáp, thay băng!

Tôi nghiêng bụng trung liên cho Giáp đâm băng bên dưới. Cậu Xáng,… cô Tươi mới bị giết, hiểu rồi… Tay đôi với thằng trọng liên nè. Tôi soi đường ngắm vào khoảng trong giữa những bao cát. Một chùm đạn, hai chùm, ngắm lại, ba chùm, bốn chùm, tao xăm mặt mày, tao chém gẫy súng mày! Cái ống tản nhiệt đầy lỗ chợt ngoáy

một cái, chổng ngược, dựng chếch lên trời, cứng khừ luôn như đợi bắn tàu bay. Bớt hai! Tôi vuốt mặt nhìn. Xáng đã tới cách xe mươi thước, trái mìn năm cân trong tay. Cậu lén lấy mìn hồi nào? Muốn đánh, sao không hỏi xin thủ pháo? Một mũ sắt nữa nhô trên thành xe, thò súng, tôi thúc cho mươi viên, nó thụp. Nhưng… thôi chết, nó tống lựu đạn! Thằng lái thấy nguy rồi. Chiếc xe giật lùi. Lùi là sai to, mắc kẹt, nhưng nó cuống. Lựu đạn ném ra đâu bảy tám trái, chỉ nổ hai, nhiều đứa quên rút chốt. Ngực tôi chợt bóp cứng, đẩy tiếng kêu vọt ra. Mẫn cũng rít đau đớn. Xáng ngã rồi! Cậu lăn xoài bên một cục khói lựu đạn vừa bùng, cách sườn xe ba thước!

– Giáp, thay băng!

Răng tôi tự nó nghiến két một cái. Coi tao trả thù đây, Mỹ nè!

Cái xác ngoài kia bỗng lật sấp, chồm dậy, chụp mìn bằng tay trái. Tay phải biến mất, chỉ còn một vòi máu. Máu từ cổ tuôn ồng ộc trên cái ngực trần hẳn còn gai góc chi chít. Xáng thét một tiếng gì không rõ, ép mìn vào ngực, lao cả thân vào sườn xe, phía trên xích.

Một búng lửa vàng óng, gần như trắng, hiện thay chỗ người chồng cô Tươi.

* * *

Dòng nhớ của tôi đứt quãng từ đấy, nhưng mỗi mảng còn đọng sắc hơn, sống hơn, hệt khúc suối mùa khô đầy ứ những cá quẫy.

Một lúc nào đó, trận địa vắng và im hẳn. Mẫn cho khiêng hai đồng chí bị thương xuống địa đạo, liếc ra chỗ xác xe đổ nghiêng, quệt mắt nhanh. Năm Ri cắt hai tổ rảo quanh xóm tìm hầm sụp. Tôi lầm bầm đi dọc bờ đai, cay đắng nghĩ rằng tụi Mỹ đã chọc trúng chỗ yếu nhất của làng Cá, sau đòn đổi mạng của cậu Xáng mới tạm lùi. Cũng chỉ còn lối đánh xáp lá cà của Mẫn… Các cô áo trắng lên khỏi hầm, gọi nhau ơi ới: “Tản cư ngược, chị Cang nói kia. Mau, tháo mũi trâu, còn gì đáng tiền xách theo”. Chín Cang núng nính leo qua những tre cau đổ ngang ngõ xóm, gọi hổn hển: “Nằm chặn đường cái đen, nhớ… kiện pháo phá làng…”

Một bàn tay bật hai nút bấm trên vỏ bi đông Mỹ tôi đeo sau lưng, rất thạo. À, mẹ Sáu. Mẹ mở nút vặn, cầm cái ấm nhôm to rót nước chè đặc đầy bi đông cho tôi, nhắc tôi ăn cơm nắm.

– Ta ở lại cơm nước cho tụi bây đánh. Nó vô, tao đấu sau cũng được.

– Đừng mẹ, tụi con đủ hết…

– Biết bây giỏi, mà có nước đồng nước sông mới dẫy chứ. Tao cứ rập rình ngó chừng sau lưng, sợ bây bị úp như dạo đó, trâu bốn chân còn trượt huống chi người hai cẳng!

Mẹ đi gấp, tìm người khác cần nước.

Rồi tới đợt hai. Ngắn thôi. Một xe tăng nhẹ dừng trên đỉnh dốc, chỗ ngã tư vào xóm Đình, bắn pháo 40 ly che đầu cho chiếc xe rà mìn lùn tịt bò xuống dọc đường làng. Hú hồn hú vía, tôi đã tự tay chôn trên cùng một trái mìn lõm M2.A3 nặng sáu mươi cân rưỡi, vỏ bìa và phễu thủy tinh, ra đa không ngửi được. Một cột đất và lửa thốc lên cao, chiếc xe cóc lộn hai vòng, phơi bụng giữa ruộng, bốc cháy như hàng mã. Chiếc tăng vừa rú ga đi tới mấy thước, lại giật lùi, biến mất. Chỉ kíp nắn gân nhau bấy nhiêu, tạm biệt!

Khi địch húc vào lần thứ ba, mặt trời đã gần đứng bóng. Tôi không ngờ tụi lính công tử bột có thể say máu đến vậy. Có lẽ thằng chỉ huy không dám bỏ lại hai xác xe và cả mớ xác lính.

Pháo Chu Lai dập túi bụi thêm nửa giờ. Một khúc taluy nữa bay tan hoang. Quân đổ bộ trên gò Mù U trực xông qua ruộng. Tụi ngụy áo đen bò dưới đại liên dệt lưới lửa. Súng nổ khắp nơi, đạn cheo chéo đan nhau trên làng. Quần lộn ẩu rồi.

Một chuỗi M.113 tuôn qua cửa mới phá, băng ruộng đâm vào chỗ đuôi con cá. Năm Ri chạy đón đầu, hét như sấm:

– Dậu, tổ Dậu lên! Đánh nó hộc cơm cho tao!

Hai tay hai thủ pháo, Dậu nhảy khỏi hào, ném trái đầu. Hụt! Dậu nép gốc dừa, chuyền trái sang phải, rướn lên. Một luồng lửa dài phóng tới như rắn vọt. Đuôi vừa đứt khỏi xe, đầu đã đập vào ngực Dậu, con rắn quấn quanh người. Súng phun lửa! Dậu nhào sấp, quằn quại giữa khói. Chiếc xe rẽ tới chà Dậu dưới xích. Một trái lựu từ dưới hào bay lên, đập giữa đầu xe, rơi nổ giữa hai xích. Nó cứ chạy, leo lên bực đất vào xóm, vẫn phùn phụt nhả lửa.

Tôi kẹp AK bổ tới, bị cậu Kính húc ngã ngửa. Cậu ta xách một túi thủ pháo, mặt trắng bệch, chồm qua chân tôi định chạy tiếp. Tôi quát: “Đưa bao đây!”. Kính ngó tôi bằng cặp mắt lạc tròng, thả cái túi, khom lưng chạy biến. Ba Tâm vừa theo kịp, chửi Kính một câu vuốt đuôi, hỏi vội:

– Em lên nghen?

– Rành không?

– Tập nhiều, chưa đánh thiệt. Chơi được mà.

Tôi gật. Hai chúng tôi luồn hào thật gấp. Qua bên Mẫn, tôi chỉ ném lại mấy tiếng: “Anh choảng đây!” . Tâm cung cúc xách túi chạy theo tôi, không nói. Người của huyện mà, được cử làm liên lạc riêng của anh Thiêm, ai cản nổi.

Đoàn xe sắt đã nghiến cây rắc rắc trong xóm Đuồi. Xe lội vườn khó thấy ta hơn. Tôi rướn cổ xem, hỏi Tâm:

– Em ném trúng đích không?

– Cũng như ném xoài…

– A, số dách.

Cái túi đựng sáu bánh thuốc bom độ ba lạng của du kích tự đúc, lắp ngòi nổ huyện cho, và bốn lựu đạn. Chúng tôi chọn chiếc xe đang phun lửa đốt nhà bà Chí, đón lõng ở rặng mít cuối vườn chè. Ném qua ngọn chè thấp đỡ ngại cành cây hất trái vào mặt mình. Tôi kê tiểu liên thật vững, đợi. Tâm nhai cái gì tóp tép trong miệng, nhăn răng cười khì khi tôi hỏi:

– Mít khô, anh ăn không? Em đói thấy bà…

Tôi nhìn bộ mặt tỉnh khô, biết chú nhỏ này chơi được thật. Cánh tay còn khẳng kheo ấy chỉ nên ném thật gần. Con voi phá rẫy đang đi tới, chếch qua bên phải tôi, tốt lắm. Lọt vào đây trông nó cao to gấp đôi khi xéo ruộng. Lửa bên sườn nó lại phụt, đốt cái chòi chứa bồ lúa và cày bừa nép dưới bụi tre. Tôi đợi thấy hết hông nó… Rồi!

Cây AK nổ giòn quá đi mất. Tôi rẹt một đường ngang vào dãy mũ sắt ló trên thành xe, nào lại gần nữa, vừa thấy một cục đen rơi tõm giữa lòng xe. Nổ! Trái sau cũng xoay tròn, đi y nguyên đường cũ… nổ!

Tôi kéo Tâm xách túi vọt xuống hào, rút. Chiếc xe cố chạy tới mươi thước nữa mới dừng, bốc lửa lằng ngoằng qua khói đen. Tôi đấm lưng Tâm một quả nặng.

– Tưởng mày chỉ biết ném xoài, Tâm ơi!

– Xe to hơn xoài, dễ ném mà!

Lát sau, chúng tôi đánh què một chiếc nữa. Khối TNT ném trượt rơi trước xe, nhưng thằng lái không thấy cứ chạy sấn tới. Nổ. Sợi xích vẫn chạy, nhưng chạy tuồn tuột xuống đất và dính dài luôn đấy, để hàng bánh sắt trơ khấc ra, càng quay càng trượt và lún. Chiếc re rống, xoay tròn tại chỗ như cọp bị bẫy kẹp chân. Một chiếc khác xồ tới bắn dữ, chúng tôi phải phới gấp, vừa chạy vừa cười rúc rích.

Vừa lúc ấy, Năm Ri dẫn một tổ luồn dưới địa đạo nhô sau lưng địch, đánh cháy một chiếc nữa. Chúng móc dây lôi nhau tháo chạy. Tôi với Tâm vòng đón đầu, lại gặp khúc cuối. Trái thủ pháo lọt thùng xe nhưng bị lép. Tâm đang vò đầu bứt tai thì bị một luồng lửa thổi tới, may xe xóc nên trượt lên cao, chỉ xém ít tóc. Tôi vớt vát một tràng AK khi nó leo lên bờ ruộng để hở lưng, hình như được vài thằng. Út Liềm từ đường nhựa chạy lên, nói địch rút thẳng về Chu Lai. Tôi cười khà, ngồi xuống, chợt thấy khát, ngứa khắp người, đói, buồn ngủ, chân tay mỏi rã, lại muốn chạy quanh làng Cá một vòng để hét tin thắng trận vào các miệng hầm và khoe thằng em “thiên tài ném xoài”.

Tới một lúc khác, bà con ùa lại xem cây AK, được dán ngay cái nhãn “trung liên cá nhân xã hội chủ nghĩa” rất dài. Ấy là sau khi tôi bắn bị thương chiếc tàu rà bay cao ba trăm thước, nó xì khói đuôi sóc, xà về Chu Lai. Mới qua năm bảy cửa miệng mà đã nổi ngay tiếng đồn súng này có chất nguyên tử, anh Thiêm bắn mấy xe sắt toác loác hết. Ai nghe cũng tin rắp rắp: súng phe mình, cỡ như anh Thiêm mới được xài còn phải nói! Tôi vội cải chính rằng diệt hai xe trong vườn chè là nhờ bom lép bà con đào được giao cho du kích nấu đúc thành bánh, người đánh lại là thằng nhỏ Ba Tâm hay chơi rông, còn anh chủ lực mang AK chỉ bày mưu và bắn che tí chút. Câu chuyện mới đến đây, ông thầy Mười chống gậy đi coi vườn đã kêu ồm ồm ngoài ngõ:

– Bớ người ta, đi khiêng thịt với tôi! Được con heo rừng nặng bốn đòn, khiêng té lên té xuống, tính bỏ giòi ăn hay sao á!

Mấy chục người đang xúm xít nổi reo ầm ầm, chạy đi coi xác Mỹ.

Giữa vạt chè bị xéo tơi bời, vết tích toé đi các hướng như những đường ray ở ga chính nào đó, một thằng Mỹ nằm úp mặt. Xem vết máu, tôi biết nó trúng đạn, nhảy hoảng ra khỏi xe, rúc đầu vào bụi rậm nằm im hoặc ngất đi, khi bò ra bầy ra đã chuồn mất tăm. Cái xác còn ấm, nặng ngót tạ, tóc nâu, mắt nâu. Tôi thu hết giấy tờ. Anh em vần nó tháo nịt đạn, giày đế sắt, áo giáp. Ông thầy Mười khuyên chém đầu nó cắm cọc bêu trước cổng làng như thời xưa, làm gương cho giặc sợ. Tư Luân nãy giờ thu xếp ba thương binh về huyện, chôn cất hai cậu Xáng và Dậu, tập tễnh chống gậy đến, can ngay. Mẹ Sáu lẳng lặng ôm tới một chiếc chiếu cũ chùm kín được hai phần ba thằng Mỹ. Mẹ nói chậm với cái xác:

– Mày còn sống thì dao phay dao chuối tao cũng a vô tao chặt. Mày chết rồi, thôi… Tao thương là thương bà mẹ đẻ ra mày, chưa nhờ đỡ gì mà phải mắm đùm cơm gói đi tìm mả con. Cho mày miếng đất góc rào đó, nằm cho ấm xương đợi mẹ mày tới nhận, kiếp sau còn làm người thì bỏ nghề ăn cướp đi nghen!

Đứt một quãng nhớ nữa, trong tôi, trăm thứ việc không tên sau mỗi trận. Mẹ Sáu giặt bộ áo quần rách và bết bùn, không cho tôi giặt. Tắm xong một chầu, đã treo võng giữa hai gốc mít, ngả lưng, tôi lại bật dậy. Đánh xong núi Sàm đêm nay, tôi sẽ rời làng Cá, có lẽ phải nhờ chi uỷ gửi bản nhận xét theo chứ không còn dịp quay lại. Nghỉ sao được trong những giờ cuối cùng này. Tôi cuốn võng, ra giúp anh em đặt mìn trên hai mảng taluy bị phá.

Một cây nào đó bị mảnh phạt, tới giờ mới đổ răng rắc. Bom chậm nổ trên gò Mù U. Còn tiếng rống kia là gì? Tôi ngửng đầu, băn khoăn. Bẵng đi nửa phút, lại nghe tiếng rắc, rống, nổ lần này mạnh hơn. Pháo rồi. Chiếc tàu rà lượn trên cao tít, chỉ chỗ. Trái thứ ba bay như phản lực xẹt sát đầu, tôi thoáng thấy lằn đen của nó đâm vào xóm Giữa, dựng cây nấm khói cao bằng bom. Đạn to đến nỗi mắt người trông được. Tiếng rền khạc đạn vẳng từ xa, từ biển khơi. Pháo hạm đội Bảy! Chừng một phút sau, cả chuỗi sét đánh rung

làng Cá. Ước tám họng pháo lớn. Hai trăm lẻ ba, hai trăm rưỡi, ba trăm? Chịu dốt về hải quân Mỹ.

Đường về các cửa địa đạo bị chặn. Năm Ri kéo tôi xuống hầm chỉ huy. Tôi ngồi phịch gần cửa, luồn tay gãi ngực, vai, bụng, không rõ bị kiến bò hay da tôi nổi gai. Cây AK nhìn tôi bằng miệng nòng đen như một con mắt hạt nhãn buồn, nó phải chịu ngậm câm. Tôi cũng bó tay. Có thể bắn rớt tàu bay, đút thuốc nổ vào họng pháo đất, phá xe tăng, đánh chìm tàu nhỏ, tụi chiến hạm dàn ngoài khơi kia làm sao mà diệt? Bom trút xuống còn có chừng. Lũ đạn khổng lồ không cần tránh né nhau, chẳng sợ chúng ta, cứ lăn xả tới như bầy sói điên trong khi chúng tôi đành giơ lưng chịu trận đòn huỷ diệt!

Cacbin kẹp nách, Mẫn chạy ào xuống hầm, suýt xô vào tôi.

– Vô trong đi anh, mảnh bay dữ ác! Năm Ri đâu?

– Gì đó chị Hai?

– Coi chừng nó càn chiều. Tụi mình trực luôn đây, mình chia hầm ra, đừng để sụp nhốt cả chùm. Mình cho bà con xuống đê hai núp tạm. Xếp ba trăm quân áo trắng rồi, ngớt pháo họ đi quận. Năm thôn kia Chín Cang cho xuất sớm, chắc qua khỏi cống trắng. Mẹ cha nó, pháo gì to quá chừng?

– Chưa to bằng họng đờn bà kêu kiện… Chị bám đây, tôi qua hầm bà Lạng.

Ri lách qua cửa, vọt lên hào. Tôi bước theo, bị Mẫn gọi giật:

– Đừng đi chung!

Tôi quay lại, cười. Mẫn bẽn lẽn vì quên nghĩ trong hầm chỉ còn hai đứa. Căn hầm bỗng chao nghiêng. Cây trần vập vào nhau bốp bốp. Đất bột trên đầu rơi xuống từng dải rộng và mỏng. Làn pháo đã lui đến bìa xóm. Mẫn nắm tay tôi, kéo vào trong đáy hầm:

– Ở đây với em… Mai anh đi, bữa nay còn lăn lộn đánh miết, tội quá…

Tôi ôm vai Mẫn, tránh dựa vào vách cho đỡ bị xô, chúng tôi ngồi nép vào nhau trên tấm ván kê nằm.

Bên ngoài, đá rơi từng tiếng nặng, mảnh sắt chém nhau chát ngắt. Dưới biển hình như có thêm vài chiếc tàu nữa vừa chĩa xong

những dãy nòng chụm răng bừa và bấm nút. Chuỗi nổ tống đạn bây giờ nhồi dính lại như xe rồ máy. Đạn réo đủ thứ tiếng kỳ quặc tôi chưa từng nghe, tuy đã quen phân biệt các cỡ pháo. Có ngựa hí, bò rống, sáo diều trầm, trâu bầy chạy gõ vó lốp bốp, còi xe lửa rít, có cả những cây gậy rạch mạnh xuống nước kêu rong róc. Trận pháo tách hẳn làm ba phần rời nhau: cái máy giết người chạy ầm ù tận khơi xa, một vườn bách thú treo lơ lửng trên mây, và cơn động đất phọt núi lửa làm cho làng Cá quằn quại. Những cơn giật bất lực của tôi đã tan: một lần nữa tôi quên trái đấm chính trị. Hàng vạn người ùa tới vây tỉnh đường hay quận đường, dễ sợ lắm chứ. Em tôi không quên…

Một trái rơi gần, bưng căn hầm sảy mạnh. Chân Mẫn bị đất sườn hầm ụp xuống lấp gần đến gối. Tôi đỡ cho Mẫn rút chân, moi dép, xé khăn buộc lại vết rách thịt cũ chưa lành, bỗng thấy thương Mẫn đến nghẹn thở. Sẽ tiếp nhiều cơn bão thép thế này, trong đó người yêu của tôi mềm mại như chồi tơ không có tôi đỡ bên mình, còn phải đứng trụ cho bao nhiêu bà con dựa. Mẫn vững lắm. Tôi vẫn chưa hiểu vì sao thân thể mảnh khảnh của Mẫn lại chứa nổi bấy nhiêu sức mạnh.

Lúc này Mẫn yếu hẳn. Tì cái trán lấm bụi vào cổ tôi, nhắm mắt một lát, Mẫn mới thì thào:

– Tập cho quen…

– Gì, em?

– Tập xa anh. Lỡ quen hơi bén tiếng rồi, vắng anh mấy ngày đầu chắc nhớ đứt ruột, em sợ… Phải chi em gan được như anh… Phải chi anh đừng cấm, em cắn đứt luôn ngón tay đây, đưa cho anh, để anh tin con nhỏ đó không tiếc gì với anh hết, anh thương đừng bỏ nó…

Tôi hôn mãi ngón tay út khét mùi thuốc súng của Mẫn. Tay Mẫn chai nhiều quá, đến nỗi cuối cái ngón búp măng nhỏ xíu cũng có một mảng cứng như sừng. Hở một giờ ra cuốc ruộng cũng hối hả mà.

Đạn pháo đã lùi một tí, rơi trên dưới nền đường sắt. Căn hầm chỉ còn lắc lư như khoang thuyền. Hai chúng tôi được bấy nhiêu phút thôi để yêu nhau trong khói bụi dày đặc.

– Em… cho em lên đi anh.

Mẫn gỡ tay tôi rất chậm, bước lên cửa hầm. Trong mỗi ngày đêm dài lắm trên vành đai, cái phần Mẫn dành cho hạnh phúc riêng – nghĩa là cho tôi- hẳn phải tính bằng phút trên đầu các ngón tay.

Tôi lên mặt đất, sau Mẫn một chút cho bà con đỡ thấy cặp kè như đôi sam.

Đã xế chiều, gió biển thổi nhẹ chỉ lùa thêm khói từ hàng rào lửa ven đường sắt vào làng làm rát cổ họng. Đường xóm, sân, nền nhà đã dỡ, tất cả những nơi in mòn dấu chân người đều không còn nguyên, hoặc xoáy những hố bằng vũng trâu đầm mùa hạn, hoặc phủ dày một lớp đất lổn nhổn trộn nhiều lá tươi. Mấy nhà bị thổi bay toé mỗi nơi một tấm tranh. Các vườn hư nặng. Những cành mít giòn gãy lìa vung vãi. Cau và tre bị chém ngang hông, thân gục nhưng ít chịu đứt rời khỏi gốc. Qua hơn một giờ xốc xới bằng pháo lớn, làng Cá mất thêm một người và hai trâu. Người chết là ông cụ Xíu có ba con cầm súng cho địch cả, một tình nguyện và hai bị bắt. Vẫn cái bi kịch quá quen của gia đình lính nguỵ. Bà con sắp khiêng cụ xuống quận.. Cặp trâu của cụ đứng gặm cỏ chỗ góc vườn như máy, một con ruột thòng gần đến đất, con kia cúi liếm cái chân gãy từng lúc, dường như cũng lây cái dáng cam chịu của ông già chỉ biết rên rỉ mà không dám mở miệng đòi lại một đứa con.

Bà con nối nhau leo qua miệng địa đạo, phủi, gọi nhau cười, chửi từng tràng. Quân áo trắng của Chín Cang coi bặm trợn[(3)]lắm, đợt này sẽ đánh dữ đây.

Qua ngõ nhà Mẫn, tôi dòm vào, thấy ngay dãy hàm ếch khoét vào bực đất sau nhà, là hầm tạm dành cho khách. Thôi, bay mất cái tổ nhỏ! Một hố pháo sâu ngót một sải xoáy đầu hè. Vạt chè giạt ra chung quanh, bị tuốt hết lá, như cái rá đan dở còn xoè nan. Căn nhà tranh xinh xinh bị bốc gọn, ném thốc vào các gốc mít, ép giúi giụi, bẹp gí nhưng không nát, Mẫn buộc khung nhà kỹ ghê. Trên mặt sân rải đất vụn ẩm có dấu dép hai người: Mẫn vào đến thềm rồi quay ra, Út Hoà sục kỹ thu các đồ vặt còn sót.

Mẹ Sáu đã dắt các con về xem nhà. Tôi rẽ rào sang, vừa nghe mẹ mắng con:

– Khóc thì khóc kha khá đi, lấy nước tưới mấy dây tiêu cho sống lại tao nhờ! Hay để tao dẫn xuống quận, níu thằng quận trưởng mà khóc đứng khóc ngồi!

Cô bé càng hu hu. Mẹ dịu giọng:

– Của đi thay người, nín con… anh mày kia nè!

Cả bầy năm đứa trẻ ùa ra đón tôi, rối rít kể tội Mỹ phá hết những dây tiêu xây tròn quanh thân cau, má đã chia mỗi đứa một gốc, lo bón hái mà may áo quần. Mẹ Sáu gạt tôi ra, không cho giúp dọn mảnh vườn bị phá.

– Rảnh rảnh, mày ghé qua nhà cho có cái hơi đàn ông, vậy được rồi, đừng rờ vô việc của tao. Ở lại cho mấy em nó vui một lát, ăn cơm rồi tao đi đấu pháo. Sẵn con nít đó, hồi nào mày với con Mẫn cưới, đẻ một đứa, cứ thả đây cho nó theo bầy dễ nuôi.

Tôi mắc cỡ, xốc con nhỏ Út Ngưng:

– Mẹ làm thầy bói, muốn đắt khách hơn bà thầy Lèo quá!

– Bói ứng gì, mày ngủ nhà tao, nhè tên con Mẫn kêu mớ hoài, bằng con Ngưng mớ thằng Hoàn chớ ít đâu. Cũng duyên phận cách sao, bao nhiêu anh ngấp nghé mà Hai Mẫn nó thương mày đành vậy.

– Chắc mẹ coi tướng…

– Ừ, coi con mắt nó ngó theo mày muốn cháy tóc đó.

Cơm xong đã bốn giờ chiều. Tôi tìm Năm Ri xem đội du kích được nghỉ chưa. Anh em cần ăn sớm để sẩm tối nhận việc mới. Tối nay đánh đồn, mai mốt còn chống càn dồn dập nữa, phải cố giữ sức.

Các họng pháo lớn đã im. Chỉ còn hai cây 155 của Chu Lai nện đều đều vào dải đất hoang kẹp giữa đường sắt và đường nhựa, đạn huýt sáo nghe rõ. Tôi bước tới bìa xóm, đứng trên miệng hào xem những bụi tre khói mọc và tan bên kia taluy, đoán tụi Mỹ bắn chặn đường quân ta đuổi theo. Nhất định thằng dưới đã cho thằng trên đeo kính phóng to: quân Mỹ vừa giao chiến với một trung đoàn chủ lực Vixi. Thế mới đỡ nhục. Lũ xe sắt bị hất khỏi làng Cá đời nào dám thú thật chỉ đụng những du kích mặc pygiama đen.

Lửa đỏ loè chụp giữa mặt tôi. Một đệm bông đang cháy đánh thốc vào người. Tôi văng lên, đạp chân chới với. Mặt đất đập cằm đau nhói. Cảm giác đau giữ tôi tỉnh. Tôi nhỏm ngực lên, bực mình và hơi xấu hổ. May, tôi chẳng sao cả. Sỏi rơi rào rào trên mình, lọt nhiều vào cổ áo, lại phải cởi ra giũ. Gì nổ vậy ta? Có ai trúng mảnh không nhỉ… Tôi chống tay ngồi dậy, xoay người dòm quanh, sợi dây nào thắng ngang lưng tôi đứt sật một cái. Bụng nổi ngứa, rồi ngứa rát, rồi nóng, khó chịu lắm. Ai áp vào đấy một túi chườm nước nóng sôi. Bên phải, một trái mìn nổ cách năm chục thước, hay là bom chậm. Tôi cúi nhìn bụng, chỉ thấy chập chờn vải phủ bụi. Cái túi chườm phình nhanh, trống hốc, nống lên đốt phổi. Không thở được. Tôi há miệng, đau quá không kêu được. Tôi nằm ngửa ra, lịm dần với một câu hỏi láy đi láy lại nhịp ba trong đầu: mìn, bom, pháo?

Thêm một tiếng nổ lạ nữa, đấy…

* * *

Tôi giương mắt nhìn kỹ, vẫn thấy đen kịt. Ai đấy nói không rõ giọng:

– Mình chết rồi.

Tôi nhắm mắt. Những mảng đỏ, vàng, trắng lượn lờ dưới mí, thứ ánh sáng của người mù. Hễ tôi mở mắt chúng lại biến hết. Cái chất đen đặc như xu xoa bọc kín tôi, mềm hơn vải liệm. Không một chấm sao, một tiếng dế, một hơi gió mà mỗi đêm bình thường đều có. Cố nghe, tôi bắt được tiếng ve kêu xa cùng tiếng ì ùm của biển động hay đến trong chiêm bao của người dân biển. Cái giọng mơ hồ ban nãy lại nhắc:

– Mình chết rồi, chôn rồi!

Tôi nghĩ một câu trả lời, chật vật như tập đánh máy chữ:

– Bậy, chết sao mở mắt được?

Cái máy gõ nhanh hơn:

– Chưa chết. bị sụp hầm thôi.

Tách một cái, nó nhảy lên gài chữ hoa, tuôn một tràng to tướng:

– Sụp hầm là cơm bữa. Nằm ỳ đó chịu thua à? Tồi!

Tôi lắc đầu thật mạnh. Một mũi dùi nung đỏ từ bụng tôi xóc lên ngực. Bị thương ở bụng là một, đâu nữa hè? Tôi nắm và mở hai bàn tay, động cái chân, thấy còn đủ cả. Bảnh rồi. Nhưng thằng tôi thứ hai đứng chìm trong bóng tối, bẻ bằng giọng của tôi đúng y:

– Nhớ thằng Hải trúng ruột không? Nó hấp hối suốt một ngày…

Có lý. Tôi nằm lơ mơ, đoán chất sống trong người tôi đang chảy qua chỗ ruột rách từng tí một. Hôm qua có thằng Thiêm qua lại, cười, bắn, bông lơn, cãi ồn. Hôm nay thằng Thiêm sắp lãnh sáu tấm gỗ đi ngủ, ngủ luôn không dậy. Uổng lắm chứ. Còn nhiều việc dở dang vất bừa ra đấy. Bao nhiêu người đang cần tới nó sẽ chưng hửng: cái thằng, chết hồi nào chẳng được, lại nhè khi búi xờm xờm… Tóm lại, tôi chưa thể chết. Đừng lầm lì và cam chịu như con trâu lòi ruột cuả ông cụ Xíu. Cưỡng lại đi. Cái chết vẽ trong sách chỉ có một bộ xương khoác áo đen, vác lưỡi hái cũ kỹ, bấy nhiêu chứ mấy, sức tôi chơi được ngon. Với lại tôi chẳng lạ gì nó. Bao lần nó nhét tôi vào buồng tối tráng phim, tắt hết đèn, tôi vẫn mò mẫm tìm ra công tắc điện.

Một luồng chớp trắng từ phía chân thốc lên mặt tôi, đọng lại, chói nhức mắt. Đằng sau nó bật tiếng Út Hoà mếu máo:

– Anh Thiêm tỉnh chưa anh Thiêm? Mở mắt đi anh! Mở đi!

Hoà cứ chĩa cái lõi sáng đèn pin đỏ lòm trên mí mắt tôi nhắm. Tôi bật cười, bị mũi dùi xoáy nhói.

Rọi vậy… không mở được…

Hoà quẹt lửa châm dầu phụng, chụp tay tôi, vừa khóc vừa kể cái gì líu ríu cả chuỗi. Rồi cùng một lần Hoà bắt tôi kẹp nhiệt, tiêm thuốc, nghe chuyện Hoà và nói thật kỹ trong người ra sao. Con nít mà. Tôi chỉ cười, rất mừng; Tôi thèm nắm một bàn tay sống, nghe tiếng sống rót vào tai, nhìn ánh lửa do người đốt. Cứ như dạo tôi lạc chín ngày đói meo trong rừng nguyên thủy, đã mừng reo khi gặp một đám rẫy lúa non của bà con Thượng, gặp dấu vết của con người bè bạn, còn các thứ tàu bay réo trên đầu thì chẳng khác voi rống cọp gầm.

– Mấy ảnh khiêng anh về, chu cha, ruột anh nó đùn trên bụng… bằng cái niêu mốt vậy đó, mũi miệng hộc máu đỏ lòm, em run quá…

Chị Mẫn biểu khiêng anh xuống đê hai liền, đỡ pháo to. Bà con kéo xuống thăm dữ quá, em đuổi lên hết, sợ anh ngột thở. Họ đi rồi em lại mất hồn, vắng ngắt, lỡ anh chết làm sao…

Hèn gì! Tôi nằm trong lòng đất, nơi không khí đen nhánh như mực tàu, những tiếng quen nghe dội xuống đây hoá ra huyền bí. Theo lời Út Hoà, tôi bị thương vì một thứ pháo lạ, "huýt tiếng ngắn ngủn như con chích chòe vậy thôi, nổ liền tay. Nó bắn năm sáu trái mình mới biết là pháo". Đúng, tôi mải nghe tiếng hú dài của cặp 155 ngắn nòng, không để ý. Có lẽ là pháo cực nhanh, bắn chen với pháo thường nên khó nhận ra. Cũng trị được thôi, phải sống mà đòi nợ. Mỗi giọt máu đổ ra, tôi quen tính lãi đắt lắm.

Cô bé tiêm xong sinh tố K cầm máu, lại thút thít. Tôi nắm bàn tay nhỏ:

– Lớn rồi, khóc xấu. Còn khóc là còn bị nửa tá. Ai lại bắt thương binh đi dỗ thầy thuốc…

– Ứ

– Anh còn mạnh ù… đó, khiếp chưa?

Út Hoà bị tôi bóp tay đau điếng, toét miệng cười. Hoà giống Mẫn như đúc, nên tôi càng dễ thấy chỗ khác nhau rất xa giữa người chị hai phải luôn mẫu mực và cô em út cười khóc tha hồ. Tôi bước vào cái gia đình mới này thật thoải mái. Hoà mến tôi từ đầu, bênh tôi chầm chập, doạ Mẫn: "Chị đổi gác anh Thiêm thì em cắt đứt chị!". Ba Tâm khó tính hơn, sau mấy trận gần đây mới chịu tôi đáng làm anh. Chòm xóm ưng bụng cả, chỉ có Út Liềm ghen rất dai: "Chị Hai bỏ rơi tụi này hết trơn".

– Chắc trên đó tối rồi. Anh nằm đây, em kêu người khiêng lên, mà đừng chơi ác chết ngỏm đi nghen!

…Tôi tỉnh dậy lần thứ hai. Trên mặt tôi là cái trần hầm lát cây có chen hai tấm câu đối gỗ sơn đỏ, khác vòm đất lồi lõm ban nãy. Hầm chỉ huy, Út Hoà đang súc ống tiêm, chắc mới tiêm dầu long não. Hình như tôi ngất khi anh em khiêng ngược các bậc dốc đứng, võng bị lắc mạnh.

Tôi cố nhớ ra mối băn khoăn nào đó đã bật lên giữa câu chuyện rối tinh của Út Hoà, chưa nói ra được. Tôi nghĩ một cách xộc xệch

khó khăn, như vặn ống khoá gỉ. Chán thật, cái đầu mụ mị… Nó chợt đến. Tôi mừng húm, gọi thành lời ngay cho nó khỏi biến mất:

– Ba Tơ!

Út Hoà quay phắt lại. Tôi chặn cơn lũ câu hỏi của cô bé:

– Mấy giờ, em?

– Đâu bảy giờ, bảy rưỡi. Tàu rà đang kêu ta hàng trên đầu kia.

– Nói chị Mẫn vô anh gặp, một mình chị thôi, mau!

Hoà leo lên con hào, réo om:

– Chị Hai, anh Thiêm biểu chị qua đây, gấp lắm, người khác đừng vô!

Cây đèn dầu lửa có tấm mo cau buộc trên bầu, che ánh lửa hắt ra cửa hầm. Từ trong khoảng tối ấy, Mẫn nhô ra gần như tức khắc. Mẫn lật mũ tai bèo, chụp trên đầu nòng cácbin, dựa súng vào vách: một cử chỉ rất thuộc. Rồi Mẫn vịn khung cửa, đứng nhìn tôi trân trân, một vết bùn chạy chéo qua cặp môi trắng nhợt.

– Lại đây anh nói nhỏ chút.

Một nét gì như khiếp hãi hiện trên mặt Mẫn. Mẫn rùng mình, đứng lặng vài tích tắc nữa, bước gấp đến cạnh tôi, quỳ một gối. Tay Mẫn vịn trên thành chõng tre, tôi cảm thấy giường rung. Mẫn ghé tai gần mặt tôi, thở gấp. Tôi ngạc nhiên:

– Em mới chạy đâu về?

– Không… đợi ngoài… anh nói đi.

– Đêm nay, núi Sàm, em nhớ kỹ chớ?

Mẫn gật, thở chậm hơn.

– Lo liệu được gì rồi, kể anh nghe.

Mẫn hít một hơi dài, nín một tí rồi mới nói, chưa hết hổn hển:

– Chi ủy bàn hồi trưa… Năm Ri đưa mười du kích đi đón ở sông Rù Rì. Em lãnh phá hai ấp vùng cát. Quân chánh trị giấu quanh quận đường sẵn rồi, mờ sáng ụp vô. Cây AK của anh, cậu Ri mang, đánh xong trả chú Ba Tơ. Dân công đủ số trăm hai.

Tôi cười khoan khoái. Đánh Mỹ cả ngày, tôi sợ Mẫn quên đi khiêng trống chầu, hay nhớ mà không kịp sắp đặt, lại giống mấy vị

cán bộ xã ưa "cho ý kiến" một tràng rồi xách gói đi biến, để bộ đội tự xoay sở từng tí vặt.

Mẫn nhìn xói vào mắt tôi, ngập ngừng:

– Anh… gì nữa không?

Trời đất, ra vậy đó. Tôi vô ý làm Mẫn đứng tim, bậy chưa. Khoả lấp bằng tiếng cười là gọn nhất.

– Còn khỏe lắm, chưa trối trăng gì đâu đồng chí ơi. Một tháng nằm viện là cùng. Có lên thăm người ta, nhớ gánh một đầu dừa một đầu mít, đèo trã cá kho với gói thuốc Cẩm Lệ to to để chia cho anh em.

– Anh… thiệt à?

– Chị bí thư đi thăm thương binh hay tặng cả bài xã luận, tụi này hô khẩu hiệu đáp từ hơi mệt. Anh thích cái kiểu vợ lính thăm chồng có gánh quảy theo.

Mẫn bật cười, hai má hồng lại. Vừa máy miệng định nói, Mẫn mím môi, nuốt vội cái gì đó ở cổ, chớp mắt lia lịa, đứng dậy đi ra cửa. Thò tay xách cây súng lên, Mẫn lại ngẩn ra như người mất hồn, từ từ buông nó xuống, thong thả quay vào thổi phụt ngọn đèn. Trong tối, Mẫn quàng hai tay ôm đầu tôi, hôn mãi trên trán, mắt, môi, cằm để cho nước mắt chảy nóng rực khắp mặt tôi. Lâu lắm Mẫn mới thốt được mấy câu nức nở:

– Cho em… khóc một chút… thấy anh tội quá mà… Anh đừng chết nghen anh… rán sống với em…

– Bỏ vô cối giã anh cũng sống. Cần ký cam đoan không nè?

– Em dại, độc miệng… thôi, em hết nói bậy rồi… tánh con gái nó vậy, em không mất tinh thần đâu, anh đừng cười…

Mẫn nín dần, rút cái khăn nhỏ lau mặt cho hai đứa.

– Đáng lẽ em theo anh về bệnh xá, ở với anh miết tới khi lành, chớ ai lại… Anh coi, việc như nước lụt vậy đó, em phải đi Lộc Chánh ngay bây giờ. Bữa sau ngớt càn em lên thăm anh, làm dâu bộ đội ít bữa. Anh đừng nhắc nhiều em nóng ruột, đi đâu vấp đó, thương để bụng thôi nghen…

– Để bụng, bụng rách nó rớt ra, làm sao?

– Quỷ sứ, người ta hết hồn mà ông giỡn hoài. Em đi đây.

Mẫn thắp lại ngọn đèn, ra cửa. Tôi thoáng thấy một vết sẫm trên cái băng trắng quấn quanh bắp chân rám nắng. Chợt lo vết thương Mẫn động mãi không lành, làm độc mất. Và đó là giọt nước làm tràn cái cốc bình tĩnh. Tôi phải cấu tay xuống giường đến đau các móng mới khỏi buột miệng kêu Mẫn, giữ Mẫn bên tôi một lát nữa, bởi còn cái gì đó cần nói lắm mà tôi chưa nghĩ ra, bởi hình như tôi chưa nhớ được khuôn mặt tuyệt vời vừa đi khuất.

* * *

Pháo chụp xòe lửa dai dẳng trên đồng Tam Trân và vùng gò, gần mười một giờ đêm mới trụt khỏi làng Cá. Chắc máy điện tử đã tính giúp tụi Mỹ giờ nào Vi xi sẽ đi tới đâu nếu đánh xuống Chu Lai, chúng cho làn đạn lùi bậc thang khá đều.

Anh em bà con đến thăm tôi suốt buổi tối, cả trăm người. Căn hầm biến thành một hành lang cho người thân diễu qua, ai cũng nói phải để tôi nghỉ nhưng ai cũng ghé vào. Tôi mở mắt, cười, chỉ thấy chập chờn những khuôn mặt quen sau lớp mùng trắng có nhiều vẩn mồ hóng chao qua chao lại.

Rồi cũng lên đường khi ngớt pháo. Con trâu trắng đổ xuống làm phiền bốn người: Út Hoà đeo túi thuốc theo, hai cậu khiêng võng cầm hai cây gậy to có nạng, cậu nữa gánh ba lô của tôi và không biết bao nhiêu đường sữa chuối trứng nếp của bà con đem cho. Con đường xe trâu qua vùng gò hoang đã bị đào bới gần nát, phải bỏ, nhưng nó nứt vỡ thành năm sáu lối mòn ngoằn ngoèo, nhỏ và kín hơn.

Tôi cố chống lại cơn buồn ngủ, hay cơn mê chẳng biết.

Hụt trận đêm nay rồi. Ba tháng lượm từng nét về quân Mỹ, mới nói qua loa với anh Ba Tơ, anh tham mưu phó trung đoàn, đến keo thử sức đầu tiên tôi lại lăn ra như một cậu giữ xe mật lên cơn sốt rét, để bộ đội nhịn đói và vác súng rỗng đi đánh. Cô đi lấy chồng thì chợ vẫn vui, anh em sẽ an ủi tôi vậy. Tôi cũng tự an ủi bằng cặp mắt mở, tìm những bóng đồng đội có thể gặp ngược đường. Nằm lắc lư trên võng tôi chỉ cần trông thấy những nét tròn nét thẳng của mũ tai bèo bên súng nối nhau lướt qua, nghe tiếng lích kích của lựu đạn gõ nhẹ

vào khoá nòng, ngửi mùi mồ hôi nồng của quân mình bôn tập. Tôi nghiện những thứ ấy. Được bấy nhiêu thôi thì tôi đã lành đi một nửa.

Đến sông Rù Rì, tôi kêu đau, đòi nghỉ một chút để may ra còn gặp xê mình. Anh em đặt đầu đòn khiêng trên cây nạng, kê éo vào hai thân cây. Chỗ mương nước cũ đây, bị bom phát quang hẳn đi, chắc còn những đám bông bạc ngày nọ. Tôi nhờ Út Hoà hái cho một bông. Hoà tưởng tôi thích, soi pin hái cho tôi cả một bó to tướng, tiếc ghê. Tôi sờ soạng ngắt một bông, nhét vào túi áo trái. Khi qua sông, tôi lén thả bó hoa đã mở dây, tin rằng chúng được trả về với nước sẽ hối hả tìm chỗ bám rễ, sẽ múa điệu múa ngàn năm của đôi ngón tay xòe.

Lại đi, tôi mệt lắm mà cứ phải tỉnh, đợi. Qua được nửa đồng lớn Tam Trân, trời chợt nổi chớp trắng liền liền đằng đông. Út Hoà kêu hoảng:

– Pháo biển bắn kia!

– Không, mình đánh…

Các thứ rađa và đèn soi mù hết, máy nghe và lính gác điếc hết, xê mình đã nổ đủ tràng bộc phá trước khi tụi Mỹ chụp súng.

Tôi níu hai mép võng rướn cổ vừa đủ sức chịu đau ở bụng, muốn há miệng hớp lấy những luồng đạn hoa cà hoa cải. Tôi thấy rõ vô cùng những lưỡi lê xã hội chủ nghĩa mạ trắng bạc xóc sần sật vào các bộ ngực lông xồm không kịp mặc áo giáp. A, còn những lưỡi xẻng mài sắc như mã tấu, những lưỡi lê các bị hình dao găm, những báng súng Garan M.1 to nặng, còn đế cối lởm chởm mấu nhọn và lưỡi rựa phát rẫy đã vẹt nửa thân, tất cả bấy nhiêu móng vuốt của mối thù ghê gớm đang vầm nát mặt Mỹ! Tôi đuối dần, vẫn xem… Rồi! Ba pháo hiệu đã dựng cần câu trên trời, hai đỏ một xanh.

Thắng trận!

Tôi thả đầu xuống võng, mắt nhoà không nhìn được nữa. Những câu trả lời. Chỉ trong ngày nay, tôi đã tóm được những đáp số nở ruột nở gan, trả bằng giá máu: du kích đủ sức thắng Mỹ càn, bộ đội còn đủ sức một ta diệt một Mỹ. Và cho riêng tôi nữa, một lời giải nho

nhỏ của bông hoa nép bên tim mà tôi hái dọc đường dài. Mẫn… Chết lúc này vô lý quá.

Tôi lả đi, vẫn tin mình sẽ sống.

Những người thân lại đi diễu qua thăm tôi, đến xen kẽ từ Quy Nhơn và làng Cá, từ Đắc Lắc rồi Đà Nẵng. Họ hiện trên nền trời rậm sao chòng trành hay dưới mí mắt tôi hồng màu nắng. Tôi chào hỏi rất vui, Thằng công an Ngụy đá vào cằm tôi ngày xưa cũng ló ra, tôi nắm họng nó, đấm…

Một giọng trầm nói buồn, tiếng Pháp:

– Mê sảng, sắp chết rồi.

Tiếp một giọng quen:

– Bạn tốt nhất của tôi đấy.

Tôi mở mắt một lát mới nhận ra Duy Hảo. Tại cậu ta gỡ kính để lau mặt hơi lâu, trông khác đi với hai mảng trắng nằm hai bên tinh mũi. Cạnh Hảo, ông thầy thuốc tóc hoa râm và gầy vẫn nói chen tiếng La tinh cả tràng, tôi chẳng hiểu gì. Sương đặc xuống nhanh. Hai người mờ nét dần, tan trong màn trắng, những câu lạ tai còn rì rầm một ít nữa rồi mới dứt.

Chú thích:

(1) Trung liên Pháp, kiểu 1924 – 1929

(2) Chỗ sườn cạnh nách, đâm xuyên vào đấy sẽ trúng tim.

(3) Hăng, khoẻ

Chương 23

Cái đốm lửa lắt lay dính lại trong tôi, sau nhiều ngày sốt dữ, nhiều lần mổ kéo dài, nhiều cơn mê cạn hơi thở, vẫn không tắt hẳn. Nó cháy đỏ lên dần.

Mấy người nói tôi thoát chết là sự quái lạ. Tôi khác, tôi biết tôi sẽ qua khỏi, chỉ ngạc nhiên vì các vết thương sao hay trở chứng quá, không chịu lành gấp. Bấy nhiêu thôi, chẳng có gì rùng rợn ly kì hết. Cho đến một buổi sáng, bác sĩ Lẫm- người nói tôi hấp hối, đã vá chỗ bụng rách và lỗ thủng ở ruột cho tôi với ý nghĩ còn nước còn tát – cùng với Duy Hảo ngồi lại bên giường tôi thật lâu, kể lại những bước xáp lá cà đánh lùi cái chết, tôi mới mang máng thấy có thể đi đứt như chơi. Lạ nhỉ. Tôi biết vậy nhưng cũng chẳng biết mừng hay hồi hộp gì cho cái mạng mình cả, chỉ dành tất cả xúc động để cảm ơn các đồng chí đã giúp tôi vượt cạn.

Sức khỏe quay về rất chậm. Từ trên đỉnh cao của Hòn Kẽm đá dừng, tôi đã rơi tõm xuống vực nước đen, ngoi ngóp được nhờ phao của thầy thuốc ném cho, bám tay vào bờ. Nay đến cái đận phải trèo ngược lên từng nấc một. Lắm lúc trồi lên tụt xuống như con cóc leo tường, một cơn biến chứng xoá đi vài tuần chạy chữa, phát ớn.

Tôi bị buộc phải lo cho con người mình, cá nhân mình một cách trăm phần trăm theo nghĩa đen. Cái xác phàm mà tôi tha hồ bắt dầm mưa dãi nắng, xách ném vào kẽm gai lộn mìn, vùi đất lại bới lên xài tiếp, bắt vác cả tạ mà cấm kêu, nay nó ườn ra đấy bắt tôi hầu hạ từng chút. Theo lệnh thầy thuốc, tôi cố nuốt thêm mấy muỗng nước cháo nuôi thân, rình nghe những luồng đau âm ỉ hay quằn quại ở bụng, xem chừng mấy chỗ thịt đùi và vai bị mảnh xé, thò tay đón mũi kim vào mạch, tự súc họng bằng nước muối, đưa mắt và mũi ra nhận những giọt thuốc nhất định vào những giờ nhất định. Cáu nhất là khi phải ỉa đái, đã đau thất kinh còn thêm xấu hổ, hộ lý lại toàn các cô trẻ mới phiền. Đành cố tập lỳ. Khi chân tay ngừng động đậy, tự nhiên sức sống trong tôi dồn cả vào đầu và tim. Tôi giống cái quạt

điện, cánh bị kẹt không quay được thì bầu máy cứ nóng lên mãi, biết làm sao.

Ngày lại ngày, tôi sống bằng cháo loãng và kỷ niệm. Bỏ mặc súc thịt mềm nhũn trên giường đấy, tôi bay về với bà con làng Cá. Các đồng chí khiêng thương từ Chu Lai lên thường nán lại bên tôi, kể đủ chuyện trên trời dưới đất, chung quy đều là chuyện ta thắng Mỹ thua, vành đai bị cấu xé rất dữ mà vẫn đứng vững. Một cậu trinh sát bị thương trong khi lội quanh Chu Lai với Mẫn là một ống thuốc bổ giúp tôi mau lành. Chỉ tiếc cậu ta ra viện quá nhanh. Tôi không nhắn tin cho Mẫn, sợ Mẫn nghe kể rằng tôi gầy giơ xương, xanh rờn, tóc trùm tai như đám con trai hippi cáu tiết với đời. Thôi, để tự tay viết thư cho Mẫn yên bụng hơn.

Nhớ chán lại nghĩ. Nằm dài mà nghĩ, ắt dễ nghĩ lăng nhăng. Biết là lăng nhăng mà vẫn nghĩ.

Cái ý "chết uổng lắm" hôm nào giữ tôi sống, nay lại mang một nghĩa khác đáng ngờ. Nói cho công bằng, nó không xui tôi làm cái gì quá tệ, như rời hàng ngũ chẳng hạn. Nó chỉ thì thầm nhắc tôi nhớ rằng hăm tám tuổi mới là non nửa cuộc đời thôi, không ai ép tôi lăn mãi vào chỗ bom đạn dày đặc nhất, tôi có thể đi nốt quãng đời cách mạng còn lại bằng những con đường dễ sống lâu hơn mà vẫn không mất đi chút vinh quang nào. Nếu tôi nhận việc ở tham mưu hay địch vận, xa tuyến lửa, ai dám đánh giá tôi thụt lùi? Tôi nghe nó, cười, coi như "ý kiến tham khảo".

Cùng với tiếng ti te bên trong, có những lời khuyên bên ngoài mà tôi biết là chí tình của ông bạn Duy Hảo và vài người quen mới nữa.

Vì tay nghề vững hơn, anh Lẫm tự tay mổ cho tôi, nhưng Duy Hảo là người chữa chính, mất nhiều đêm trắng bên tôi nhất. Lần đầu tôi thật tỉnh, cậu ta cởi băng che miệng, hất hàm:

– Chào Đê Đê Tê! Con người sát trùng suýt nữa bị trùng nó sát. Chịu khó nằm im ít lâu cho hạ hoả bớt, mày bốc quá rồi đó.

Cậu chẳng tha gì mà không giới thiệu tất cả chuỗi tên bố láo đã gán cho tôi: Đô Đốc Thiêm, Đạo Đức Thiêm, nhà ngôn ngữ học kiêm phó nháy kiêm thợ máy kiêm xích lô, nay là nhà cách mạng có nhãn hiệu trình toà. Tôi biết cậu muốn cho tôi khuây khoả và đúng là

những lời tán phét của cậu giúp tôi thêm vui trong những ngày quá dài không cựa quậy được. Anh chị em trong bệnh xá quen tôi nhanh, bên cạnh cái chăm lo chung đã có một chút mến riêng mà tôi cảm thấy được ngay, cũng nhờ có Hảo.

Hảo thường hỏi bệnh và bắt tôi trả lời bằng tiếng Anh, bí thì cho phép chen tiếng Pháp, bảo là cả hai cần cạo gỉ các ngoại ngữ để còn chọi với đế quốc lâu dài. Tôi không thích nhưng phải chiều cậu. May là chỉ có hai thương binh nặng hơn được xếp một buồng riêng; đồng chí kia đã khỏe, học tới lớp bốn mà biết năm thứ tiếng của các dân tộc Tây nguyên nên không thấy khó chịu khi chúng tôi nói với nhau. Trong câu chuyện của Hảo thường pha chút giấm chua giễu cợt:

– Cho mày cái mô tô, mày sẽ tháo lấy còi hay đèn pha chơi, còn vất hết. Mày dùng cuộc đời cũng vậy thôi.

– Mày hay khoe tánh mày ruột để ngoài da, đây là một bằng chứng.

– Tao tưởng các siêu nhân không bao giờ đi bằng vai người khác chớ.

Hằng ngày săn sóc tôi là Thu Yến, mới ra vùng giải phóng được vài tháng, còn nguyên mái tóc uốn sóng dài bỏ xõa và cái e thẹn hơi đỏm dáng của cô nữ sinh Đà Nẵng. Theo Hảo đi khám bệnh, Yến bưng khay thuốc đứng mé sau, im lặng giương đôi mắt bồ câu nghe chúng tôi đấu mép. Yến hay ở lại bên tôi hỏi chuyện rủ rỉ. Cô quý chung các anh bộ đội, nhưng coi thích riêng anh bộ đội có chữ nghĩa và gốc thành phố hơn. Ban đầu tôi hơi ngại anh em thương binh nghĩ khác, sau mới biết chính họ nhắc Yến ngồi trực chỗ tôi càng nhiều càng tốt, bởi tôi bị nặng nhất. Dần dần tôi quen với nụ cười hồng khi Yến băng cháo đến và nhại mấy tiếng Nhật nói giọng Pháp của cậu Hảo:

– Đôdô, ôtabênaxai!

– Arigatô[(1)]!

Và lát sau chúng tôi gật đầu chào nhau: Xayônara[(2)]. Tất cả đều tinh tế, nhẹ, êm ả.

Bệnh xá đóng trong làng Cẩm Tú khá giàu, mới giải phóng, chưa hề bị bom pháo. Tôi ở nhà tên quận phó đã đem vợ con chạy trốn. Sau bấy nhiêu năm hết ở rừng với ngủ hầm, bây giờ tôi được nuôi mập trong căn buồng quét vôi xanh nhạt, nằm trên giường tây có đệm và mùng tuyn, với một lô sữa trứng, chuối đặt trên cái bàn mặt đá vân, bên cây đèn dầu to phủ chao lụa hồng. Cách mạng miền Nam mà sang vậy đó. Nếu bớt đi tiếng máy bay ầm ù trên cao, thêm đèn điện, tôi dễ tưởng đang điều trị ở Sài Gòn hay Hà Nội. Và dáng người áo trắng, mái tóc uốn, lối đùa hơi kiểu cách của Thu Yến lại rất hợp màu hợp nét với khung cảnh trang nhã của căn buồng, càng tạo nên cái yên vắng vây quanh giường bệnh. Tôi chỉ còn nghe pháo đánh nóc hầm giữa giấc chiêm bao.

Mất một tháng rưỡi tôi mới đứng dậy được. Các vết thương khép miệng, kéo da non đỏ hỏn. Đồng chí cùng buồng đã ra từ lâu, thương binh còn ít nên Hảo xếp tôi ở một mình. Rảnh việc, anh chị phục vụ mỗi chiều hay đèo nhau xe đạp ra dãy quán dọc đường ô tô chơi, họp bà con nói chuyện phòng bệnh hay tập múa hát cho trẻ em trong làng. Yến ít đi đâu, hay đến buồng tôi hỏi về đời bộ đội, cô rất chăm nghe và dễ xúc động. Anh Hai của Yến là chính trị viên tiểu đoàn, về hoạt động quanh Đà Nẵng, đã đón Yến ra khi Đà Nẵng đang sùng sục vì những vụ lính Mỹ hiếp phụ nữ.

Bà con Đà Nẵng coi anh giải phóng quân như thần, Yến cũng vậy.

– Con Lan hay đi biểu tình với em, hai đứa quanh năm mặc áo cùng kiểu cùng màu, nó thề chính mắt nó nhìn thấy tàu ngầm bên ta nhô lên khi chạng vạng, cho xuồng cao su lắp máy chở mấy anh “mũ sụp” chạy vô Sơn Trà, biến mất. Đêm sau các anh đánh rụm mấy chục tàu bay ở Đà Nẵng.

Yến cười thẹn thò, mặt rất hồng bên cái chao đèn lụa.

Tôi đọc nghiến ngấu những tập Văn nghệ giải phóng và hai cuốn truyện mỏng, thèm quá. Sách báo đã ít, qua bao nhiêu lần dời chỗ lại mất dần hết, theo Hảo nói thì một số anh em ta vẫn khoái cái câu “lấy sách không phải là ăn cắp”. Yến mượn trong làng cho tôi được nửa bộ Thủy Hử, tôi ngoém hai ngày là hết, không biết các ông

tướng quen rượu rót bát to, thịt xắt miếng lớn ấy sẽ nổi dậy ra sao. Ăn không ngồi rồi quả là một cực hình. Tôi viết thư cả mớ, gửi má và em Hiền, gửi ba và anh Hai ngoài Bắc, xê mình, bạn gần bạn xa, gửi Mẫn ba lá rất dài. Tôi chưa ngồi được lâu, đi vài chục bước các vết thương đã đau nhức, thường đọc nằm, viết nằm nên mau mệt. Rốt cuộc món giải trí hàng ngày vẫn là những câu chuyện rủ rỉ của Yến trong giờ trực.

Thu Yến có khuôn mặt xinh xắn, da trắng xanh với những nét gì như gọt tỉa quá kỹ và hơi mỏng mảnh. Sống mãi trong thành phố bị chiếm đến mười tám tuổi mà Yến vẫn nết na, hiền và ngoan, có lẽ nhờ mẹ và các chị kèm riết. Đôi lúc còn những cái cũ chưa gột hết: ông tỉnh trưởng, bà Nhu, văn hiện sinh hay lắm, nghe nhạc dịu Sài Gòn có sao đâu. Nhưng vượt lên trên bấy nhiêu vặt vãnh, tôi nhận thấy Yến khao khát được lao vào cuộc sống lớn đang bày ra trước mắt. Con chim mới ra ràng, từ trong tổ nhảy lên được cành thoáng, đang đập cánh muốn bay cao bay xa. Yến hay lắc đầu bướng và hơi nũng:

– Các anh chị ở đây coi em như… con búp bê. Việc gì nặng nặng khó khó là gạt đi không cho em rờ tới, nói mày con nít làm nhiều khó lớn. Da mày bạch tạng chưa quen ăn chịu, để mày lo động viên các anh thương binh thôi.

Người hay ngăn nhất là Duy Hảo, tôi biết

Nhiều lần, tôi bắt gặp mình nhìn ra cửa đợi Yến đến. Tôi bắt đầu áy náy khi sờ cằm thấy nhám râu hay phải mặc bộ bà ba vá đụp nhiều chỗ. Khi soi gương, tôi không còn khó chịu vì nước da bụ sữa đã quay lại, lớp sạm phong trần bay mất. Lại còn thấy hay hay nữa, điển trai một chút đã sao, tôi đã tới ba mươi đâu. Tôi tự giễu mình đổi nết, đâm ra trai lơ và ham bề ngoài, nhưng giễu mà vẫn tha thứ cho những “tật xấu đáng yêu” ấy.

Hảo nói tôi khắc khổ, sớm già, có lẽ đúng chăng?

* * *

Cậu Sang, cán bộ của H.68 đến thăm tôi lần nữa với quà và thư anh Điển: “tính để cậu nằm cho yên ít lâu, nhưng đành phải tới rút ruột cậu một mớ…”. Kèm theo là mười sáu câu hỏi về Mỹ và kinh

nghiệm đánh Mỹ, tôi sẽ đọc và trả lời cho Sang ghi, coi như dự tổng kết từ xa.

Tuy Hảo không bằng lòng mấy, tôi vẫn nằm làm việc trong hai ngày liền. Càng nói càng bốc, có lúc tôi chồm dậy, cố thuyết phục Sang rằng tự làm mìn chống ra đa rất dễ, mà du kích cứ nghĩ dễ dùng ni lông gói mìn vỏ gang là địch không ngửi ra, bị mất cả lô rồi đó. Tôi hầm hè cãi nhau với ai đấy vắng mặt rằng chớ nên bị ám ảnh bởi giày đế sắt và áo giáp Mỹ mà bỏ chông. Chông sắt vẫn xuyên được phần da trên đế, chông tre chông cau sẽ xóc bụng và chân tay Mỹ khi chúng nhào sấp tránh đạn ta… Sang đi rồi. Tôi nằm soài đấy, mệt phờ nhưng nhẹ tênh tênh. Tôi còn có ích đấy chứ. Cái vốn hiểu Mỹ của tôi tuy nhỏ xíu nhưng vẫn được dùng, may lắm.

Tiếp đó, một anh địch vận của tỉnh mang đến cả chồng tài liệu Mỹ mới lấy được năn nỉ tôi dịch. Lần này Hảo cấm hẳn. Tôi nghĩ ra một mẹo: trước mặt Yến, tôi đưa bản hướng dẫn phòng bệnh của lính Mỹ nhờ Hảo dịch hộ. Cậu ta ngứa nghề, làm luôn, còn đi lấy từ điển Anh-Pháp và Pháp-Anh để tra kỹ. Từ hôm ấy, pho từ điển dày cộp nằm lại trên cái bàn mặt đá vân cùng những tập sách Mỹ không quan trọng mà anh kia bỏ lại. Hảo răn đe chán chẳng được, sau bắt tôi hứa chỉ làm việc vừa đủ óc khỏi gỉ.

Tôi chợt nhớ số giấy tờ lấy trong cái xác Mỹ bỏ lại giữa những vết xích xe. Giữa lúc tôi mê, anh em thay cái áo đẫm máu đem giặt… Tôi tìm ra cả xấp trong đáy ba lô. Thằng này chết vì hai viên AK của tôi trúng cổ, nó thò đầu hơi cao trên thành xe.

Lính Mỹ lắm giấy thật, chẳng bù với anh em mình… Tôi xem kỹ tấm thẻ căn cước dán nhựa cứng cả hai mặt, có dán ảnh chính diện chụp cái đầu cắt trọc với bảng đen đề tên bằng phấn kê dưới cổ, như tù đeo biển số. Hình như bọn cầm quyền muốn tập cho lính quen chịu nhục từ khi phát thẻ trở đi. Những dấu lăn tay gợi cảnh phu mộ bán xác đi tân thế giới. Con người không còn cha mẹ, không địa chỉ quê quán trên đời, biến thành con số dài thòng: SB.24943715. Thêm hai câu chữ xanh in theo chiều dọc, kẹp hai bên: Tài sản của chính phủ Huê Kỳ. Tôi muốn nghĩ tài sản ấy là tất cả thằng lính Risớt L. Cácxơn chứ không riêng tấm thẻ.

Tôi đọc lần lượt những mảnh bìa bằng cỡ sổ tay in chữ nhỏ. Có thẻ ăn, thẻ mua hàng, thẻ xem bói bằng chữ ký, thẻ ra vào trại, thẻ y tế, nhiều nữa. Tất cả những quy định và lời khuyên vặt đều in thành thẻ. Mới tinh, có lẽ chưa đọc lần nào, là cái thẻ dạy đường cư xử gồm sáu điều, mở đầu bằng việc bảo vệ lối sống Mỹ, chấm dứt với lòng tin ở chúa và ở nước Huê Kỳ. Thằng lính chẳng bỏ thì giờ xem những dòng lít nhít ấy, để lo tập nói toi xin đàu hang lợi hơn nhiều chứ.

Thằng Risớt này mới sang ta đã nhận nhiều thư. Cô Giâynơ gửi một lá thư tình đánh máy hơi gượng gạo, nhắc dài tới những tối nào đó lắm muỗi ngoài vườn nhà bà cụ N., cô này viết tắt và nhớ muỗi hẳn không chỉ vì mặc kiểu áo váy ít vải nhất. Kèm một chuỗi ảnh dính nhau, chụp rẻ tiền bằng máy tự động ăn xu đặt đầu chợ, của một cô gái vẽ đôi mắt quá dữ và có nhiều đường nhăn bao quanh miệng, trông sớm héo. Tới thằng em trai viết rằng ba say rượu và đánh con nặng tay hơn trước, hỏi anh đã nghe tiếng húppi[(3)]rùng rợn của Vi xi chưa? Và sáu thư liền liền của bà Bétty… Tôi đọc lướt, rồi đọc kỹ từng lá thư theo thứ tự ngày tháng.

Đây rồi, cái nét mà anh Năm Đông bảo rằng tôi đã coi nhẹ khi tìm hiểu lính Mỹ:

… Người ta bàn cãi khắp nơi, mỗi người một phách. Chú Étdy nói thời nào cũng có chiến tranh, tránh sao khỏi, xưa chú đánh Đức thì nay lứa con cháu đánh cộng sản thôi. Ông chủ cửa hàng của mẹ vui lắm, vỗ vai mẹ khen có đứa con anh hùng, các bạn mẹ đều nói ông có nhiều cổ phần trong ngành máy bay, sắp giàu to rồi. Ba con như người điên, uống say lại đập cốc, kêu trót dại lấy vợ đẻ con làm gì, đứa làm đĩ, đứa chết ở Triều Tiên, tới thằng Đicky[(4)]cũng mang bệnh giang mai và ma túy về nhà, sao không chết hết một lần cho rảnh. Mẹ chỉ biết khóc và cầu Chúa…

Đến một thư khác:

… Mẹ sợ lắm, mẹ không ngủ được. Tờ giấy đòi rút các con về nước mẹ để ngót tuần nay trong ngăn kéo mà không dám ký. Cái hội gì đấy tên dài lắm đã gọi điện cho mẹ hai lần, nhắc phải cứu con gấp. Chị Bácbara cũng đến khuyên mẹ một tối, chị là người ngoan

đạo và đáng kính nhưng bị mấy tờ báo trong bang gọi là cộng sản. Mẹ biết làm sao con ơi? Ba con thất nghiệp lâu quá rồi, nếu mẹ mất luôn chỗ bán hàng này nữa thì cả nhà chết đói mất. Mẹ đã phải bỏ xe trôlây, đi xe buýt vòng xa hơn, tránh qua nhà các chủ nợ, lão Lông Cừu Vàng đòi găng nhất và doạ đưa ra toà…

Lá tiếp theo không có gì hay. Đến lá mới nhất, có chữ thằng Ri-sớt ghi nhận hai ngày trước khi chết, bà Bétty viết hối hả giữa cơn sốt:

Thế là mẹ, như người ta nói, đã dấn thân rồi Đicky ạ. Chủ nhật vừa rồi mẹ đi biểu tình trên phố Loxơn và bạn bè tới năm ngàn người và người hàng phố còn đứng hoan hô nhiều lắm, họ giơ hai ngón tay chữ V và đưa ngón tay cái khen ngợi, chỉ có vài đứa bĩu môi thôi. Thì ra những người lương thiện đều chống cuộc chiến tranh của L.B.J. cả con ạ. Chúa thiêng liêng soi xét lòng mẹ, dù mẹ bị đuổi việc hay bị xem như cộng sản hay mẹ đang làm cộng sản thật đi nữa thì con mẹ sẽ không bị đày hoả ngục vì nhúng tay vào máu người vô tội mà thằng Đicky bé bỏng sẽ về với mẹ…

Tội nghiệp cho bà Bétty! Thằng Đicky đã nằm lại làng Cá, trong góc vườn mẹ Sáu, đợi bà. Hai viên đạn AK của tôi là cái dấu hết - một gạch, hai chấm hai bên - cho cuộc đời cướp biển còn rất ngắn của nó. Dù nó bị ép hay lầm lẫn, tội ác vẫn là tội ác, bản án cứ phải thi hành thôi.

Tôi ghi địa chỉ của bà: Bétty A. Cacxon, 1625 đại lộ Loxơn, thành Đantơn, bang Gioocgia.

Khi có dịp, tôi sẽ gửi thư an ủi một bà mẹ Mỹ đáng kính và đáng thương, còn bây giờ tôi phải lo giết thêm thật nhiều lính Mỹ chưa buông súng, dù biết có nhiều đứa giống thằng Đicky. Trước hết tôi phải thương những cháu Hoàn bị xé xác tìm không đủ xương thịt, thương tất cả những ai trên trái đất này đau khổ vì gót giày sắt của thằng Đicky đã đạp hay đang doạ đạp tới, tôi thương cả mẹ nó trọn đời long đong khốn khổ, nên càng cố bắn cho trúng nó. Tôi vẫn đo chiều dài của đời tôi không phải bằng năm tháng, mà bằng số lính Mỹ tôi sẽ bắn gục hay trói giải về. Bà hiểu không, hỡi bà mẹ Mỹ mà tôi rất muốn xoa dịu nỗi đau quằn quại?

Tôi buông xấp thư, nằm im nghe chỗ bụng rách đang ngứa vì kéo da non, nghĩ về lời nhận xét của anh Năm Đông. Rất đúng. Đài và báo ta nói nhiều về nhân dân Mỹ chống chiến tranh, tôi vẫn nghe và đọc đều. Khi ở thành, tôi cũng tìm xem không ít sách báo tiến bộ về nước Mỹ. Tại sao tôi lại cố dẹp đi những cảm tình đã có đối với người Mỹ? Tôi chưa lúc nào muốn "tỏ vẻ lập trường vững". Có lẽ chỉ vì tôi mắc cái bệnh "hẹp van tim". Tim tôi hẹp, không chứa nổi cùng một lần nỗi căm uất ghê gớm và lòng nhân đạo mênh mông của người cộng sản. Tôi chưa đủ sức cùng một lần thương chị Biền bị moi gan với bà Bétty bên kia trái đất.

Ngày xưa, tôi tìm đọc về nước Mỹ như một người trẻ tuổi tò mò muốn tìm hiểu một xứ rất trẻ, dù nó là cái bồ đựng chế giễu và khinh miệt của châu Âu thầy cũ, dù nó tự phơi thân làm trò cười cho thiên hạ trên những tờ quảng cáo phim: hình như trên đất Hoa Kỳ con trai chỉ lo bắn nhau bể sọ dừa, con gái chỉ biết cởi truồng, tên vua dầu lửa bụng phệ chỉ mút xì gà gộc, người da đen chỉ đứng hầu ngơ ngác, và cảnh sống quái gở ấy luôn luôn diễn ra trên cái phông đầy nhà tổ ong của đồng cỏ đang cháy. Tôi đã phải chọc thủng cái bức màn vừa đểu vừa ngu ấy để tìm đến những người Mỹ lương thiện. Tôi mến Giắc Lơndơn và Mác Tuâynơ, rồi gặp Hêminguê, sau mới khám phá ra cả cái kho tiểu thuyết lên án xã hội trước thế chiến hai. Tôi đau nỗi đau ngàn đời của người nô lệ da đen, khao khát được sống như Hariơt Tớpman và chết như Giôn Braonơ[(5)]. Tôi theo những người thất nghiệp bới rác kiếm ăn, lết từ bang này qua bang khác. Tôi cùng nổi dậy với dân thợ mỏ ở quận "Haclan đẫm máu". Đó, nước Mỹ thật, nước Mỹ của bà Betty đã xuống đường!

Anh Năm nói phải. Ta với địch cài răng lược nhau suốt từ Chu Lai đến Nữu Ước, tôi lại cứ muốn gạch một đường ranh giới thẳng băng theo kinh tuyến, gạt tất cả người Mỹ sang phía bên kia cho gọn, đâu được.

Tôi cười một mình, thiu thiu ngủ dần với những nét ngoằn ngoèo chạy dưới mi mắt.

* * *

Tôi được thư Mẫn vào một buổi trưa, sau bữa cơm.

Trống ngực tôi đập gấp khi cầm cái bì nhỏ có nét chữ tròn hin, người thon thả mà chữ lại giống cô Chín Cang mới kỳ, đề rõ trên đầu là Hai Mẫn. Ba thư của tôi đều gửi anh Tư Luân cho kín đáo một chút, cũng để anh hiểu tôi hơn. Còn Mẫn lại rất bạo, hay nhỉ.

Mở ra, tôi cụt hứng. Chỉ được mươi dòng ngoáy vội. Mẫn nói tới nay mới biết được số hòm thư của bệnh xá, thương nhớ lắm mà chưa đi thăm được, bận quá. Lá thư đầu tiên của Mẫn gửi tôi từ ngày quen nhau đấy, thăm người yêu vừa thoát chết đấy, chán không. Tôi buông mảnh giấy rách bụng từ sổ tay xé ra, thấy tủi không thể tả.

Lâu nay tôi háo hức đón hỏi tin vành đai Chu Lai, tin Tam Sa, xoáy vòng trôn ốc để hỏi tới cô bí thư. Tuy vắng đi những cơn nhớ sấm chớp ngày trước - có lẽ nằm lâu quá, tình yêu cũng mềm đi cùng với con người chăng - nhưng hình ảnh của Mẫn lại lắng sâu hơn, kết tinh hơn. Tôi sốt ruột đợi thư Mẫn với cái thu thú của trẻ con đợi trái ổi lồng chín cây, càng lâu càng ngon. Mãi Mẫn mới chịu ném cho tôi mấy chữ miễn cưỡng thế này: Em búi việc quá, mong anh thông cảm… Rốt cuộc Mẫn vẫn có lý. Có lý mà thiếu tình. Hay nếu chỉ có tình đồng chí đồng bào thì Mẫn yêu mấy chục triệu người chứ yêu riêng gì tôi mà thương với nhớ! Tôi giận Mẫn rồi.

Mẫn đổi lòng ư? Khó tin. Nhưng trận nào chẳng phải tính tới tình huống xấu nhất!

Câu chuyện của trung đội trưởng Lập hôm xưa, kể thì thào dưới bụi cây rậm gần đồi núi Sàm, vụt trở lại với tôi rõ từng lời:

Cậu yêu một cô ở quê, giúp cô nhiều. Lập đi bộ đội, hai người vẫn thư từ với nhau suốt ba năm đằm thắm. Năm ngoái cậu về phép thăm nhà, gặp lúc cô vừa trúng vào huyện ủy. Cậu lại dò dẫm tìm đến cơ quan huyện ở khá xa, phải qua vùng đang bị càn. Trạm giao liên không nhận vì giấy phép ghi là về xã, chẳng có công tác gì mà phải gặp huyện, cho cậu vào thì lộ địa điểm, mời ra trạm thì cán bộ huyện mắc họp cả. Lập cáu nhưng đành nằm đợi, viết thư nhờ cầm vào cho chị Liên Hoa. Sáng hôm sau trạm mới có người đi, đến trưa đồng chí kia trở về với một câu nhắn vội: anh chịu khó chờ, mai chị mới ra được. Lập cuốn võng, xốc ba lô đi biến, gửi thư cắt luôn.

Nghe chuyện, tôi chỉnh cậu một mẻ. Vợ thăm chồng chịu khó chờ được, chồng thăm vợ đợi chút đã sao. Lập cãi:

– Mới đầu cũng có nóng mũi thiệt. Qua cơn nóng, tôi cứ thấy cắt là phải. Tới hồi cô ta lên tỉnh lên khu còn búi gấp mười, tôi không đủ thì giờ đi tìm, rồi còn chầu chực, rồi biết đâu người ta chẳng xấu hổ vì thằng chồng cấp thấp. Về lâu về dài, chắc tôi phải lo hết heo gà cơm nước, vì công tác của cô ta bao giờ cũng quan trọng hơn, đưa lý ra là tôi cứng họng… Thôi, nồi méo úp vung méo!

– Phong kiến dữ ta!

– Anh lâm cảnh tôi mới biết. Mà lâu nay ta kêu gọi đàn ông đảm đang việc nhà cho vợ đi cứu nước lần nào chưa? Hay là tôi giải ngũ về giữ con?

Tôi cười ngất. Lập cho biết thêm cô Hoa đã gửi cho cậu bốn lá thư phân trần và trách móc. Tính cậu Lập bộc tuệch, dễ vui, đòi lìa cô Hoa Sen mà chẳng thấy vương tơ lòng chút nào.

Đến nay, tôi chợt nghĩ rằng Mẫn với tôi cũng có thể lâm vào cảnh ấy thật. Nếu cả hai đứa đều bận ngập đầu thì tình yêu cứ lặng lẽ phai mầu mỗi ngày một tí, héo dần tới khi chết khô. Tới đó, chúng tôi sẽ vất vả lắm mới viết được kín một trang giấy thăm hỏi, khi gặp nhau cũng chẳng có gì mà nói. Gượng gạo mãi cũng ngấy. Một đứa sẽ hỏi trước: “Hay là ta coi nhau như bạn?”. Chia tay xong, mỗi đứa bùi ngùi tiếng tiếc ít nhiều gì đó, lại nghĩ: “May là chưa cưới nhau, không thì chán chết”.

Chao ôi, chúng tôi mà chán nhau ư?

Tôi rùng mình. Một sợi gân nào đó bên thái dương bỗng rút mạnh, rất đau. Tôi nằm xuống giường, cảm thấy ngay nước mắt Mẫn đang tuôn lã chã trên mặt tôi, mặn và nóng rực. Mãi mãi sẽ không bao giờ có một cô gái nào yêu tôi mãnh liệt như Mẫn. Chỉ tình yêu dành cho mấy ngàn bà con mới đủ sức ngăn không cho Mẫn lên ở với tôi như gái nuôi chồng ốm. Hay là… hay là Mẫn bị thương, vẫn cố ở lỳ trên vành đai, gắng lắm mới ghi được bấy nhiêu chữ cho tôi khỏi lo?

Tôi chồm dậy, đưa tay quờ thắt lưng súng ngắn. Nằm ăn vạ đến bao giờ nữa.

Tay tôi run khi mở bao, xem lại súng. Cây P.38 trung thành đã sùi lên nhiều vết gỉ. Nó chỉ còn hơn chục viên đạn. Đạn chín ly bây giờ không kiếm ra, số cũ lép nhiều, mấy cậu quen khuyên tôi đút kho cho rảnh, tìm Côn 45 mà đeo. Phải chăng, cũng như nó, tôi đang gỉ ra, trở nên lỗi thời cũ kỹ, đi dần vào kho? Tôi thắt nịt vào bụng, bước ra cửa, lại phải tháo nịt ngay cho đỡ đau. Khi ngồi xuống giường, mồ hôi đã thấm ướt áo tuy trời mát. Tôi ngả lưng thở hổn hển một lát cho đỡ mệt, cơn nhức đầu kéo dài đến chiều.

Tôi chưa hiểu được những phút cuồng ấy vì đâu mà có. Chỉ biết rằng tôi không chịu nổi bốn bức tường vây quanh nữa. Tôi phải đi đâu đấy, làm cái gì đấy, không sẽ chết ngột mất. Người lính chiến trong tôi bất thần nổi loạn, đòi về đánh giặc và sống với xê mình. Còn chuyện tình duyên kia thì tới đâu hay đó. Tôi có thể trách Mẫn, nhưng không bao giờ quên được Mẫn.

* * *

Chiều nay, tôi được phép tập đi không quá một cây số, vào giờ tạnh máy bay.

Cắt tóc và tắm xong, tôi mặc bộ quân phục mới nhất đã lót dưới đệm cho thẳng nếp, đội cái mũ tai bèo đính dù ngụy trang, đến trước tủ gương lớn và sửng sốt khi thấy một ai khác trong gương. Một chàng lính cậu phốp pháp, rất là công tử bột, như đứa em trai cách tôi năm tuổi mới vào bộ đội, chưa qua tháng tân binh nào. Tôi ngượng, quay đi, vừa lúc Thu Yến bước qua cửa. Yến dừng ngay, nhìn tôi đăm đăm, trong cặp mắt bồ câu có cái ánh lạ mà tôi bắt gặp đôi lần nhưng không muốn – hay không dám - nhìn kỹ.

Tôi hỏi hơi vội:

– Yến đi đâu?

– Đi với anh. Lỡ anh lăn ra đường, em cõng về, khỏi cản trở giao thông.

Yến vỗ vào túi thuốc bên hông, cười nghịch ngợm.

Chung quanh vườn có tường cao vây kín. Lâu nay tôi mới lê đến cổng dòm ra. Yến kèm bên tôi, nhắc: “Chậm chậm thôi, anh”. Tôi chợt nhớ chưa lần nào được thong thả đi dạo bên Mẫn và nói chuyện bâng quơ, cóc nhảy mà trai gái hay nói với nhau.

– Tụi em đặt tên đường Thanh niên đó, anh. Bắt chước Hà Nội mà.

Chúng tôi đếm bước dọc con đường viền dừa chạy ven con sông nhỏ. Làng Cẩm Tú xứng với tên, đẹp lắm. Địch bị nhừ xương ở Việt An, rút một lèo bảy đồn to, trả cho ta thêm một mảng đồng bằng rất giàu này nữa, sáu vạn dân được giải phóng. Cẩm Tú nằm xa các trục đường ô tô và máy bay, suốt hai tháng qua mới bị vài trái pháo rớt tít ngoài ruộng. Nhà ngói nhiều, nhà tranh cũng cột kèo gỗ cả, cha mẹ đánh nài bằng bẹ chuối khô cho con leo cột nhà, tập hái dừa và đánh bóng cột luôn thể. Các nhà nghèo nhất đã bị địch bắt đi đinh điền, ai sót lại cũng không dám nghèo ra mặt với tụi hội đồng. Bây giờ bộ máy chính quyền và các đoàn thể đã lắp đủ, chạy đều, coi bộ trơn tru như hàng cột lim. Và lúc này, khi mặt trời sắp lặn, sau mây đỏ, những tiếng vui dần dần nổi lên trong các ngõ xóm. Máy bơm xình xịch gọi cấy ngoài kia, trẻ em reo đón mẹ về,gà tao tác tìm chuồng, lát nữa sẽ rộn thêm tiếng trẻ em tập hát và trống làng gọi người lớn đi học bình dân hay bàn việc ruộng đất.

– Nghỉ chút đã, anh.

Yến bước vào vệ cỏ rộng bên đường, định ngồi xuống một súc gỗ to. Tôi bật kêu:

– Chông!

Yến ngẩn ra, khi hiểu mới cười rũ, kể một hồi ra vẻ thạo:

– Chưa có chông mìn, anh ơi. Anh xã đội ghé chơi bệnh xá cứ than thở bà con ở đây phát miết mà động ít, cày cấy chăm mà đóng góp kém, học bình dân đông mà làm làng chiến đấu thì nhác. Họ còn sợ đánh to bị chết người cháy làng… Gớm, anh đi qua Điện Bàn, Duy Xuyên chông cắm tận nóc hầm kia, khiếp. Địch càn vô đây mặc sức mà ruồng. Bệnh xá mình về đóng, họ cứ kêu trước sau tàu bay cũng tới, tụi em phải đi phát thuốc, chích dạo, làm thân từng nhà…

Làng này được giải phóng bằng quân sự, số đông còn ngỡ ngàng chưa động. Tôi đã nghe nói vậy từ trước. Không sao, cứ phát mãi đi, đến một lúc nào đó tia điện mạnh sẽ biến mây thành nước. Đừng ca ngợi suông lớp vỏ láng bóng bên ngoài, cũng chớ cho rằng

nơi lạc hậu sẽ ở chót đuôi mãi. Lá cờ đầu còn nhiều năm tháng để chuyền tay, cô bé ơi.

Yến đang kể về một bà gặp ai cũng kêu ốm đau, xin thuốc để dành, vừa rồi bị ngộ độc gần chết, chữa xong bà mới đưa ra một bát to thuốc viên bỏ lộn lạo mấy chục thứ không nhãn không chữ: "Thuốc uống vô, không lành cái này cũng bổ cái khác chớ?". Tôi nghe lơ đãng, chợt nghĩ đến làng Cá bị giành đi giật lại, trầy vi tróc vảy chưa biết bao giờ mới dứt. Cũng là thôn giải phóng cả, sao cái làng Cẩm Tú này chưa mất và không muốn mất chút gì hết?

– Em chán, còn anh Hảo lại thích ở lại đây, sẵn chất tươi mà ít bom pháo… Anh Hảo khen anh có tài mà có chí ép xác quá. Thiệt vậy không anh?

Tôi cười trừ, nghĩ tiếp: cùng theo cách mạng cả, sao cô Yến này đi ngay vào chỗ êm ấm, còn Mẫn của tôi chưa hề được hưởng trọn một ngày vui riêng? Ừ, cứ vậy mà suy, tại sao dân tộc ta lại phải trả cái giá đắt chưa từng thấy để giành độc lập, thống nhất?

Duy Hảo hãm xe ngay chỗ chúng tôi, thả hai tay phanh tanh tách, bước xuống. Cậu hơi nghiêng đầu, nheo cặp mắt trông sâu hoắm sau kính cận, buông lửng bằng tiếng Anh:

– Rất bảnh trai. Và rất đẹp đôi.

Thu Yến học đệ nhị, kém sinh ngữ nên không nghe được gì, còn cậu Hảo tự cho mình là lịch thiệp lại cứ nói tràn những câu thế đấy. Hình như cậu cố ý chọc tức Yến. Anh em trong bệnh xá nói rằng Hảo rất chịu khó chiều Yến, nhưng Yến cứ lờ nên cậu trả đũa chơi. Tôi giả bộ không hiểu hết ý:

– Mày chỉ quen nhìn giống đười ươi thôi à?

– Thông minh đấy. Tao ngắm quái gì mày, chỉ chiêm ngưỡng một thành công lớn của nghề y. Người ta khiêng tới một con đười ươi lòi ruột, ốm nhom, đen thui, sắp phải chôn. Tao đã biến nó thành một con người mập, trắng, đẹp và nó bắt đầu nói bậy. Nó lại sắp nuốt mất con chim én sa vào tay nó…

Hảo cười to, rất thú khi tìm được cách chơi chữ mới: swallow là nuốt, cũng là chim én, là Yến. Tôi ngượng khi thấy Yến ngoảnh mặt

đi, hẳn rất khó chịu vì không hiểu Hảo cười ai. Tôi khoả lấp cho xong:

– Lo phần mày đi, tao có rồi.

– Ai?

– Một cô du kích dễ thương. Sẽ giới thiệu với mày. Con chim én vẫn bay tự do.

– Rất tiếc, cô ấy thân mày mà lạnh với tao. Tao không thích những bi kịch bộ ba, cũ rồi, nên tìm cách mới.

Một nhóm bà con xong buổi cấy về qua. Tôi suỵt Hảo im. Hảo ngả sang tiếng Việt khá kiểu cách, giọng và mặt tươi lên rõ:

– Kỷ niệm đúng một năm Duy Hảo bước vào đời chống Mỹ, chúc mừng người hùng Đô Đốc Thiêm tái xuất trận buổi đầu, xin mời hai bạn tối nay họp đồng hương Đà Nẵng.

Hảo mới nhận được một chuyến tiền nhà nữa, mười ngàn. Tôi biết cậu kiếm cớ để khao chúng tôi thôi. Hảo đạp xe ra quán với cái giỏ mây khá to, tự mua các thứ ăn nhậu, khoản ấy cậu rất sành.

– Ta xuống bờ sông chơi, anh.

Yến hay buông tiếng “anh” cuối câu, nũng nịu. Cô nữ sinh mười tám tuổi này, nói cho công bằng, đẹp và duyên dáng hơn Mẫn nhiều. Hảo vừa bảo cô ấy mến tôi, thì ra lâu nay tôi đoán chừng cũng không đến nỗi vơ vào. Có thể cô mến như người anh, người bạn trai, như anh bộ đội kể nhiều chuyện hay. Nên dừng ở đấy là vừa. Dù trách Mẫn thờ ơ, tôi vẫn biết đời tôi gắn liền với Mẫn như cây chò xanh một gốc hai thân. Không thể đùa bỡn với một người thứ ba, nhất là với một cô gái trong trắng và cả tin như Yến.

Đang bước trên những viên đá dẹt lát bãi sông- lại một con suối được đề bạt non- tôi bật kêu:

– Chà, bông bạc!

– Đâu, anh?

Tôi chỉ cho Yến xem một mảng bông bạc bằng cái nong, nhô từng cặp cánh hoa trên mặt nước. Yến ngồi xuống sát bờ, đưa tay ngắt một bông, lắc đầu:

– Xấu òm. Vườn đằng kia có nhiều hoa đẹp, để em xin về cắm bình.

– Người yêu tôi thích nhứt bông bạc. Cô ta khuyên tôi đừng bao giờ ngắt. Nó chỉ đẹp khi vùng vẫy giữa nước chảy xiết.

Yến ngồi im, nhìn bông hoa trên tay, quay lưng lại tôi khá lâu. Rồi Yến kéo ống quần lội luôn xuống sông vốc nước rửa mặt. Tội nghiệp. Tôi nhẹ người sau khi thốt ra được cái điều cần nói rành mạch nhưng phải rất êm.

Lau mặt xong Yến mới bước lên, mỉm cười, giọng hơi khản:

– Chắc chị ấy… đánh giặc giỏi lắm.

– Cô ta đánh nhiều trận tôi không hiểu nổi.

– Ghê thiệt! Chị… chị đẹp không anh?

– Đẹp theo kiểu một cô du kích. Như bông bạc kia.

Yến chợt buông một câu giễu, hơi lạ tai vì khác thói thường:

– Vậy anh làm sao ngắt về nhà được?

– Thì lội ra giữa dòng mà gặp nhau!

Đèn đã nhấp nháy trong xóm. Chúng tôi lặng lẽ về trên những đường mòn trắng mờ. Tôi hơi mệt sau chuyến đi thử sức đầu tiên, và hình như bước chân của Thu Yến cũng nằng nặng.

"Hội đồng hương Đà Nẵng" họp quanh một nồi bún Tàu[(6)] nấu thịt bò thơm lựng, mấy đĩa kẹo mè xửng, một chùm chai bia 33 và nước cam vàng. Ngoài ba chúng tôi còn có thêm cậu Hưỡn, thấp lùn và đen như than đá, chiến sĩ biệt động Đà Nẵng, vừa phải cưa tay trái. Hưỡn rất ít nói, chỉ cười tủm tỉm cả ngày, nhiều người tưởng cậu bị điếc. Cậu đang nhấp nhổm đợi liền da là về đơn vị đánh tiếp. Hưỡn ăn bún uống bia xong, lẳng lặng biến mất, có lẽ không thích lối nói lắt léo của Hảo. Còn lại ba đứa khề khà tán chuyện Đà Nẵng.

Trời đổ mưa. Cửa sổ lắp kính loe loé hình chữ nhật trắng. Những đêm thế này trên vành đai cực lắm. Trẻ em giãy khóc, không chịu ngủ dưới hầm lầy lội, các bà mẹ nhìn những chớp pháo đen lộn sòng và chớp trời mà lo thắt ruột. Mưa gõ mái lều ồn ào, nghe sao được tiếng đạn hú mà chồm lưng che mảnh cho con.

Tôi bần thần một lúc, rồi bị cuốn theo dòng kỷ niệm chung. Ngọn đèn bão đủ sáng để gợi ánh điện. Tiếng sáo của cậu tiếp phẩm ở nhà sau từng lúc nổi véo von, bay vào buồng như tấm lụa hoa màu tươi làm nền cho chuyện xưa. Căn buồng xanh chuyển mình rất êm, lắc lư, biến thành con thuyền ngược sông, đưa chúng tôi trở về thăm các bến quen đã phủ một lớp sương bạc. Ba người trẻ tuổi từ Đà Nẵng nối nhau ra đi, cùng nhớ một khúc phố, một mảnh bờ biển, một bà bán canh hến có tiếng rao ngọng líu. Nhớ lắm. Những gì lớn vởn hằng ngày tan đi, còn lại ba người bạn đường dài rất muốn thương nhau, đang thương nhau hồn hậu mà buông thả…

Sao thế nhỉ? Con sông chỉ có hai bờ, sao Đà Nẵng có nhiều bộ mặt đến thế? Sao mỗi đứa lại thấy Đà Nẵng từ một góc xa nhau đến thế? Tôi lại nghĩ rồi…

Đà Nẵng của Hảo hiện qua cửa sổ biệt thự và khung kính chiếc xe hơi Đôphin xinh xắn, có những dạ hội ồn nhạc pốp nhạc pít và đẫm thơm nước hoa Paris, có vị ngon của bánh xèo bà Trĩ hồi xưa đã mươi đồng một cái, có nhiều trai “chịu chơi” và gái “đợt sóng mới” ưa đón chàng sinh viên y khoa con nhà giàu hay mua vé máy bay từ Sài Gòn tót về chơi phố quê. Hảo ưa triết lý rằng làm cách mạng cứ làm, học cứ học, chơi cứ chơi, phải nếm cho hết mùi đời muôn vẻ. Nghe lời khuyên rất khẩn khoản của cha, Hảo bước theo cách mạng, thấy mình được việc chẳng thua ai. Hào hoa phong nhã vẫn đánh Mỹ tốt chứ.

Thu Yến biết một Đà Nẵng khác.

Đó là phòng thi đầy tiếng học trò nức nở trước một đề bài cố bắt trượt, những lời rầu rĩ của người cha giáo chức con đông thêm mà lương teo dần vì tiền mất giá, những mâm cơm cuối tháng phải úp vội lồng bàn khi có khách bước vào căn nhà chật, nhất là những hoàng hôn u uất đè nặng trên hồn người đang chết mòn. Đôi mắt bồ câu của Yến mở to nhìn chặng đường đằng trước, chỉ thấy bùn nhơ, đá lởm chởm, nhiều máu, rất nhiều hơi dịch bệnh bốc nồng, mà phần Yến chỉ có nước mắt. Mãi đến năm ngoái Yến mới liều xuống đường lần đầu với các cô bạn. Lập tức cái chất lửa vùi tro trong người Yến nổi dậy, Yến không ngờ nó mạnh đến vậy. Sau một buổi đầu óc quay cuồng, Yến về đến nhà trong bộ quần áo trắng lấm lem,

nón guốc mất hết, nhớ mang máng rằng mình giật được micro một lần và đá hai trái lựu đạn cay, hụt một. Trong chín ngày thanh niên học sinh làm chủ Đà Nẵng, Yến không biết mình ăn cơm ở đâu và gọi loa những gì đến nỗi mất tiếng. Thế rồi nhà Yến bị soát, Yến bị bắt giam một ngày. Thằng công an không đánh mà chỉ bẹo má: "Xinh quá ta, cho anh yêu một phát đi". Yến thù nó tím ruột. Rồi lại tiếp những ngày xám xịt sau khi bị đuổi học và ghi sổ đen, Yến lang thang tìm việc mà mắt phải ngó chừng lính Mỹ chẹt xe hay bóp ngực, giúp nhà thì một ngày chỉ mua nổi hai bó rau với một lọn củi cho mười người. Cứ thế đến khi anh Hai gọi cho ra.

Tới phần tôi… Tôi chưa đến nỗi ôm chiếu rách đi rải chân cầu, giữa đêm mưa chui cống rác tránh vây ráp như cậu Hưỡn ít lời, khi cậu còn là "dân lậu giấy" ở Đà Nẵng. Tôi thuộc các phố ở Đà Nẵng lắm bởi đã nhìn chúng qua cặp mắt xoay tròn vì đói, trong khi gò lưng đạp xích lô dưới nắng cháy nhựa đường. Tôi quen cả các đường lẻ ngóc ngách ít gặp cảnh sát thổi còi phạt vạ, đỡ đụng lũ xe nhà binh ưa húc nhào xích lô. Tôi nghe tiếng Đà Nẵng đêm đêm lách qua cửa đóng kín, vào căn bếp sáu thước vuông mà tôi thuê rất đắt, lấy chỗ phóng ảnh kiếm thêm tiền gửi má và em. Đó là tiếng khóc ti tỉ của chị trên gác vừa bị xe cây bịt bùng đến bắt mất anh chồng thợ điện, tiếng chửi sa sả của mụ chủ nhà - một tay buôn lậu cỡ bự được cảnh sát che chở nhờ khéo lót tiền và lót thân, tiếng cười sặc sụa dội từ ngôi nhà rực nêông bên cạnh một con hạm no mồi, tiếng ho khúc khắc của cô gái điếm lao phổi khuya về rón rén. Tôi cởi trần ngồi trước máy phóng, giao cái lưng ướt mồ hôi cho muỗi chích, từng lúc nảy người khi chuột cắn thử đầu ngón chân hay giật xé tờ giấy ảnh đã bị một con gián xập xòe đậu vào dưới luồng sáng, còn lũ gián từ lũ cống bên hè bò lên vai lên cổ thì mặc kệ chúng. Mãi sau này, ngay cả lúc sốt rét nằm run giữa rừng hay húp chén canh sắn không muối trừ bữa, tôi vẫn rùng mình khi nhớ lại mấy năm kiếm ăn ở Đà Nẵng, nơi tôi đã hiểu thấu đến tủy sống hai chữ bất công, nơi tôi học thù ghét mọi kiểu bất công trên đời.

Hồi ấy giặc đang mạnh. Trên tờ giấy ngâm vào thuốc hiện, từng mảnh đậm lợt nổi lên dần, mà những đau xót, căm uất, những cơn điên đòi bắn chém cắn xé trong tôi còn phải ứ mãi như hình ẩn chưa

gặp thuốc. An ủi chỉ đến từ nửa đêm trở đi, khi cuộn phim giấu kỹ được moi ra, rồi trang truyền đơn hay trang báo nổi chữ li ti trên giấy ảnh. Tôi đọc vội những lời cháy lửa của ta gửi cho ta dưới đèn an toàn lù mù, đó là những phút chói lọi nhất trong cái vòng tròn hăm bốn giờ quay mãi mà chưa thấy sáng. Tổ chức cấm tôi lộ mặt, tôi càng giống cái nồi hơi bị khoá mất xupap, rất dễ nổ. Những gì Thu Yến và các bạn làm gần đây như cơm bữa, dạo xưa là những cơn thèm dữ dội của tôi: đốt cái xe Mỹ vừa húc mình nhào, và bơm xích lô nện vào đầu tụi lính hở lính kín, nửa đêm cầm lựu đạn luồn tới bót cảnh sát hay tiệm rượu dành riêng cho Mỹ.

Tôi đã biết vì sao tôi tham gia gợi chuyện cậu Hưỡn lầm lì, vì sao Thu Yến thích gần tôi hơn. Hảo chưa hiểu. Đi song song với nhau trên hai bờ kênh lâu lắm rồi. Tôi quý Hảo, biết ơn Hảo hết lòng giữ cho tôi sống, càng phải bắc nhanh cái cầu để hai đứa tới sát bên nhau.

Trời mưa mỗi lúc một lớn. Chớp đánh khi xa khi gần. Gió hú. Tôi ngắm hai khuôn mặt tươi nở, cảm thấy hơi ấm của tình bạn đang bao quanh tôi, thấm vào từng ánh mắt, từng câu tâm tình thấp giọng. Phải đấy, bên ngoài dông tố càng to, chúng mình càng phải nhích lại gần nhau hơn, sao cho tình bạn rất đẹp của tuổi trẻ ngày càng thêm chất men thiêng của tình đồng chí.

* * *

Đêm sau, anh xã đội trưởng mời tôi đi gặp cán bộ và du kích. Thu Yến vẫn mang túi thuốc kèm tôi từng bước, qua chỗ khó lại đưa vai cho tôi vịn, rất ngoan. Anh em trầm trồ, tấm tắc, xuýt xoa khi nghe chuyện Tam Sa đánh Mỹ. Chính tôi cũng thấy lạ: khi đang ở trong cuộc, cái gì xảy ra cũng có vẻ bình thường, không thể khác; nay ôn lại mùa hè chống Mỹ trên vành đai, tôi mới nhận ra mỗi ngày và mỗi mái nhà ở làng Cá có một sức chứa kỳ diệu, bao nhiêu sự tích anh hùng vẫn đựng được hết.

Lá thư của Mẫn chọn đúng lúc này để đến với tôi. Trở về nhà, tôi thấy ngay cái phong bì nhỏ dán bằng báo cũ đặt trên giường với nét chữ tròn của Mẫn. Dày hơn thư trước. Miễn là Mẫn không gửi tài liệu địch cùng mấy chữ nhờ tôi dịch. .. Hai tờ giấy kép dứt từ giấy vở

trăm trang, viết kín, cả chung quanh những chỗ thủng bụng cũng lèn thêm được mấy dòng:

Anh Thiêm của em ơi!

Giặc Mỹ xúc gần hết hai thôn vùng cát rồi anh à. Mấy bữa nay em không nhắm mắt được chi cả, hễ nằm một lát lại đập tay xuống chiếu giận muốn kêu trời!!! Mình diệt xong cái núi Sàm thì sáng ra giặc Mỹ càn lên đông đen mà tụi em cản không thấu, nó đốt nhà đánh người rất thâm độc rồi ra lịnh không dời xuống biển thì nó thả hơi độc hủy diệt hết trơn, may phước tụi em rình diệt được một cánh hai mươi mốt tên nó mới chịu rút, bà con chưa đến nỗi phải ngậm hờn lìa quê! Từ đó giặc càn đổ đồng ba ngày hai trận, đóng thêm hai đồn trên vùng gò sau lưng ta…

Tôi hồi hộp chờ gặp những tin xấu nhất. Nhưng bốn thôn Tứ Nhơn vẫn trụ vững, bám chắc. Bà con Nhị Lộc lai rai kéo về được chừng một nửa, còn về tiếp. Du kích xã và thôn đã tăng gấp ba, súng gần đủ, "con số bao nhiêu anh biết rồi", cẩn thận đấy. Mạnh nhất là mảnh đất Cuba, nơi tôi gắn bó hơn cả. Mẹ Sáu bị đốt mất nửa số lúa giấu. Út Liềm có người anh trúng pháo gãy tay. Ông thầy Mười biến thành thầy địa, chuyên chống gậy đi coi thế đất đặt bãi chông mìn. Những người thân nhắc tới tôi luôn, ngóng tôi về thăm một chút để tin chắc tôi còn. Các đồng chí tiến bộ hết, "con số tăng gấp rưỡi mà cái chất thì vô cùng phấn khởi". Chú Tám Liệp rất xông xáo, hay nhắn thăm tôi, kể rằng trước kia ăn ở với tôi có lúc chẳng ra sao. Bây giờ Mẫn đang lo vụ cấy, máy bơm bị phá, trâu chết nhiều, người ra đồng dễ trúng đạn xỉa bốn bề, đấu gắt thì địch ngớt năm bảy ngày lại bắn nữa. Còn phải đưa bớt trẻ nhỏ ra xa vành đai, mở lớp học cho trẻ lớn. Còn việc chữa bệnh, đòi đi chợ, vót chông đúc mìn…

Một trăm cái lo, em chẳng lo gì bằng bà con mình ngán Mỹ. Đụng mấy trận đầu dữ quá nhiều người cũng ngán thiệt, bây giờ đỡ rồi anh à, các bà nói hồi xưa sợ cháy nhà hư vườn tao có hơi né né tụi nó, giờ nó phá sạch trơn rồi tao chẳng còn gì mà phải né, tao đánh thí xác cho đã nư. Mà giết một thằng Mỹ giá trị bằng mười thằng Ngụy, nghe nói Mỹ đóng cùng trái đất mà chẳng chết, tới nước mình mới chết, bà con hỉ hả lắm, em cũng mừng…

Tôi chưng hửng khi biết Mẫn mới nhận được ba lá thư của tôi hôm kia – nghĩa là cách đây bảy ngày. Thì ra anh Tư Luân lên Tam Lý uống thuốc bắc chữa khớp, tôi đề gửi cho anh nên thư chạy vòng mất, anh về thăm xã mới đưa tận tay cho Mẫn.

Ôi chao, chị Tám nạt em một trận hết hồn! Chị kêu chưa thấy đứa nào tệ như em, nói yêu anh mà thơ không ra thơ, người chẳng thấy người, anh có sao thì tội về em hết. Em nghe chị trách mà đứt ruột anh ơi, bụng em đâu đen bạc vậy. Đưa anh đi rồi em chống càn mà nhớ anh không nuốt nổi miếng cơm, tới khi Út Hoà về nói anh không nguy thì em mới như người sống lại. Việc búi quá mà em dốt nát, viết thơ xong thấy lạt lẽo quá em lại xé đốt, cứ lần lữa tính lên thăm anh mới tỏ hết nỗi lòng, dè đâu mắc lỗi với anh quá thể, thôi anh thương phần nào em nhờ phần nấy, lỡ rồi, em chỉ còn chịu lỗi với người yêu quý nhứt của đời em…

Đọc lần nữa, tôi nhận thấy thư Mẫn đoạn đầu và đoạn cuối viết bằng bút bi, khúc giữa bút máy. Đâu đến bảy tám lần nét chữ bỗng đậm hẳn lên, có khi giữa câu. Mẫn viết từng khúc như ghi nhật ký, giữa những đợt pháo cực nhanh thình lình nổ toé bên mình, và đố biết bao nhiêu chục người đã đâm bổ tới với tin hoả tốc hay một việc không tên nào đó, ngắt quãng những phút Mẫn dành cho tôi. Một trang giấy dính bùn lau chưa hết, chắc bom hắt qua miệng hầm…

Tôi tắt đèn, vẫn ngồi chống cùi trên bàn, hai tay ép là thư vào trán, buông mình vào cái yên tĩnh mênh mông đang toả khắp chung quanh và ngấm vào người tôi từng chút một.

Sáng ra, tôi bàn với Hảo khi cậu khám bệnh:

– Tao đỡ rồi. Cho tao nằm chung với anh em bị nhẹ nghen.

– Nhà thừa lu bù, mày ở đây giữ cái câu lạc bộ Đà Nẵng, tụi mình đấu hót cho vui. Chẳng ai so bì với đồng chí trọng thương đâu.

– Một mình một cõi, vắng quá…

Tôi biết mình chưa ra viện được. Chẳng nên sồn sồn đòi về đơn vị để rồi làm phiền anh em cõng gạo cho ăn, mang giúp ba lô khi đi đường, có lúc phải khiêng cả người, bỏ thương vương tội. Nhưng tôi cần nhích dần tới mặt trận, thở cái không khí cay nồng mà anh

em mang từ tuyến lửa về như cây bị rợp cần ngoi ra nắng, tự kiếm lấy màu xanh diệp lục để lớn lên.

Cuộc chiến đấu trên giường bệnh có mặt nguy hiểm riêng của nó.

Bị buộc phải hầu hạ cái thân xác quá lâu, tôi đã thắng các vết thương nhưng lại mắc một cái gì nữa na ná như tác dụng ngược của thuốc. Cảnh sống nhàn rỗi no đủ làm nhão bắp thịt; sự chiều chuộng của chung quanh và những "tính toán giùm" của Hảo gợi cho tôi nhiều đòi hỏi, so bì mà trước đây tôi không có. Tôi vẫn cưỡng lại chúng, không buông xuôi hẳn, nhưng sức chống đỡ ấy yếu và lộn xộn. Cặp mắt đã kéo màng ích kỷ, còn mỏng nhưng cũng đủ làm cho mọi thứ nhoà đi, lộn lạo, có khi đảo ngược. Rất may, tôi mới bị vài cơn quáng gà thôi, chưa nặng…

Độp một cái, bệnh xá được lệnh dời gấp. Máy bay Mỹ sắp đánh phá vùng này, chúng không để sót một góc ấm nào cả trên đất miền Nam.

Chú thích:

(1) Mời ngài xơi

- Cảm ơn

(2) Tạm biệt

(3) Tiếng thét xung trận của người Anh điêng, tức da đỏ (Whoppel)

(4) Gọi tắt và thân tên Risớt

(5) Herriet Tubman, đàn bà da đen và John Brown, đàn ông da trắng, đều nổi tiếng trong lịch sử đấu tranh giải phóng nô lệ da đen ở Mỹ.

(6) Miến

Chương 24

Phản lực đánh mỏ vàng Bông Miêu suốt năm ngày đêm qua.

Cứ con mắt nhà binh mà nhìn thì Bông Miêu phải là chỗ đầy nhóc Việt cộng: một khu mỏ lớn nằm sâu trong "vùng đỏ", sát núi, nhiều hầm lò ngóc ngách rất tiện tránh bom. Ảnh chụp từ máy bay cho thấy đường ô tô ra vào còn nguyên, nhiều nhà gạch nhô mái giữa cây rậm. Các bản "không đồ" chụp bằng tia cực đỏ đã ghi được nhiều chỗ tập trung kim loại dưới vòm lá kín. Hẳn Vi-xi đóng ở đây hàng sư đoàn, đặt các kho súng đạn, có thể đang đào quặng nấu vàng làm giầu nữa. Đáng ném mấy ngàn tấn chất nổ lắm!

Mỗi tờ mờ sáng, cặp tàu rà vè vè bay lên, hứng ánh mặt trời dưới cánh đỏ lòm như bết máu, tìm dấu mới, đợi tốp cường kích đầu tiên ào tới mới thổi rốc-két khói. Tụi trâu điên đổi ca nhau rất đều, không nghỉ trưa, gặp mưa to cũng thả bom áng chừng qua mây. Đêm, những chiếc C.47 hay C.130 cõng ra-đa quần chậm như diều giấy, đốt chớp ma-nhê-di chụp ảnh pình pình, từng lúc thả một loạt đèn dù cho phản lực đánh cầu may. Cái thung lũng hẹp đã loét đỏ và sạm đen gần hết, chúng vẫn làm tới nữa vì Việt cộng có những hoạt động khó hiểu cứ tăng dần. Sẩm tối ngày đầu, giữa lúc ít ngờ nhất, hàng chục súng máy từ mặt đất đã gần đen kịt chợt bắn lên như vòi phun, hạ tức khắc một F.4 và một C.47. Qua suốt đêm treo đèn, sáng sau tốp UH.1B câu về hai bộ xương sắt đã mất hết những bộ phận nào có thể tháo được. Rồi lại có những đống lửa do người đốt bỏ lại, một túp lều từ lòng đất mọc lên như trong thần thoại, đôi cái áo trắng phơi ngay bên miệng phễu. Tức chịu hết nổi! Tất cả số máy bay và bom dành cho vùng mới mất, tụi Mỹ tống cả vào Bông Miêu, chỉ đôi lần đánh lẻ dọc đường ô-tô lên Trà Mi, bắn nhà thờ An Lâu gãy đầu tượng Đức Mẹ, đuổi theo bầy trâu nhảy loạn ở Phước Hiệp.

Anh Ba Tơ với chú Dé đã đem cho tôi xem số giấy tờ lấy được trên ba cái xác Mỹ chưa bị cháy, hẹn gò làm quà một ăng-gô loại bảnh bằng vỏ đu-ra. Chính xê mình quật hai chiếc hôm nọ. Bây giờ

đang bận học, giao cho xê khác đến khu mỏ vàng bỏ hoang mà tập bắn cho đã thèm.

Tiểu đoàn tôi về cách bệnh xá mươi cây số, sắp đánh lớn. Anh Ba Tơ đi chuẩn bị trận mới. Anh rỉ tai làm tôi ngừng thở: “Hiệp Đức, Quế Sơn, dọn sạch hai quận một lần!”. Cha mẹ ơi, vậy mà tôi phải nằm đây đến thối lưng!

Thấy tôi bồn chồn quá, anh Ba nán lại với tôi một buổi để nói thật kỹ kinh nghiệm trận núi Sàm. Ở Tam Sa anh giục tôi về xê mình gấp, bây giờ anh dỗ tôi cứ chữa bệnh thật lành, “ở nhà” mọi việc toàn màu hồng cả. Anh tô hồng vụng nhưng tôi giả vờ tin cho anh vui, và không tin cũng chẳng ra viện được ngay. Chú Dé vừa được thêm một huân chương sau núi Sàm – chuỗi bộc phá ngon lành nổ từ hàng rào thứ nhất đến lô-cốt đầu cầu là do chú đánh - cứ lắc đầu quầy quậy:

– Cái bụng anh Thiêm xấu. Anh Thiêm làm cái bụng tốt tốt, về xê mình.

Đã bắt tay ra đi, anh Ba Tơ còn quay lại, rút đưa cho tôi một tập giấy in rô-nê-ô khá dày, ngập ngừng:

– Chắc thằng Giai cự tao… thôi, mày cứ giữ mà đọc kỹ, hồi nào trung đoàn cho người tới lấy thì đưa, đừng gởi giao liên. Mày nói cũng phải. Tụi mình không sợ địch mà sợ dốt, sợ phụ lòng anh em tin cậy. Rán học cho nó khuây nghen Thiêm.

Đó là ba bản kinh nghiệm rất quý. Một về bắn máy bay Mỹ, một về chống cơ giới và các binh khí kỹ thuật mới của Mỹ, hai xấp này chỉ đóng dấu mật. Hẳn cánh cán bộ đại đội rất dễ “cầm lầm” của nhau món này, chong đèn chép tay vội vàng trong vài đêm, khi trả thì đưa ngực chịu đấm mà trừ. Tập thứ ba là một bản báo cáo tối mật về quân đội Mỹ ở Đà Nẵng, Chu Lai, kèm theo những kinh nghiệm chống Mỹ đầu tiên và một loạt gợi ý cho cán bộ tự nghiên cứu thêm. Chủ biên là anh Điển, trong nhóm biên soạn tám người có cả tên tôi, chao, ông thầy cũ chu đáo lắm. Bản này đánh số 09, cái phiếu mượn tài liệu kẹp trên đầu cho biết anh Ba Tơ chỉ được giữ nó đến ngày mai. Ngót trăm trang mà cho mượn có năm ngày, hẳn là của hiếm, anh cứ giúi bừa cho tôi, thật tội.

Tôi đang ngốn vội như học trò sắp thi, anh Giai cho một cậu cầm thư đến, đồng ý để tôi giữ luôn cả ba bản. Riêng cái báo cáo tối mật, anh Điển có gửi phần tôi một bản riêng, trung đoàn sẽ lấy nó mà dùng. Anh Giai còn gửi biếu tôi một hộp đựng tài liệu mật bằng sắt tây, chứa sẵn một lạng thuốc nổ, khi lôi thôi sẽ giật nụ xòe và ném cho tan hết. Kỷ luật bảo mật ngày càng nghiêm. Có ông bảo vệ đã doạ tôi: “Chết mà mất tài liệu thì tao viết giấy cảnh cáo bỏ vào hòm mày, thương tiếc để sau!”.

Sáng nay, tôi treo võng giữa hai gốc cau, gần miệng hầm, nằm ngửa tập bắn máy bay. Vòng quần của tụi phản lực phá Bông Miêu mở đến tận cái xóm nghèo và thưa thớt này.

Khó tin tiếng rống nhức tai từ hẻm núi dội lên chính là do mấy con chim nhôm ấy phát ra. Tôi nhớ những chiều xê mình làm cỏ rẫy trên sườn núi, cả trăm người bỗng nổi hét ầm ầm khi một bầy vẹt thả xuôi cánh nhọn chực đáp xuống ăn bắp già, chúng hốt hoảng lao qua vòng vây tiếng dữ, bay trốn, và chúng tôi cười thả cửa. Hình như lúc này đất mình đang quát đuổi máy bay mới phải… Tôi nhắm mắt, mở ra, chộp ngay chiếc phản lực đang phóng tới, nhận thật nhanh nó là kiểu gì, bay bao nhiêu mét giây, độ cao, chiều dài của thân và sải cánh, tính gấp khoảng ngắm đón, hô thầm một lệnh bắn. Đơn giản và thú vị nhất là “ngắm giữa đầu, bắn!”, nhưng đâu phải lúc nào cũng được ăn ngon như vậy.

Đây nhé… Ép một trăm, hai trăm năm mươi mét giây, cao ba trăm, đòn mười bốn thân.. Chậm quá. Nó qua khỏi vật chuẩn, chúc đầu về phía mỏ, ụp-ùm. Đằng xa tiếng rốc-két vẳng lại. Tôi bực như vừa nổ súng vuốt đuôi, liếc xem lại tập giấy. Thuộc đấy mà chưa nhuyễn. Có thể bắn chiếc thứ hai hay vòng quần thứ hai, nhưng đường bay đã khác, chỗ núp lộ, bom sẽ rơi từ rất cao xuống trận địa ta. Ước sao tôi không bao giờ phải nghe tiếng “hừ” bực dọc của anh em xê mình sau khi bắt hụt, đọc trong mắt của các đồng chí bị thương một lời trách thầm lặng, ngậm miệng nghe bình cán bộ: “Anh Thiêm đánh gan, hoà mình được với anh em, có điều chỉ huy còn non…”

Tôi bắn nhẩm một loạt nữa, đỡ chậm, nhưng chưa trúng.

Có phải vì ba tôi khi xưa đã tát bốp vào mặt tôi khi khám cái bu-gi mà tôi vừa đánh sạch, thấy khe hở giữa hai điện cực bị rộng thêm một phần mười ly? Hay vì tôi nín thở cân đúng nửa gam brô-mua, lấc láo dòm từ cây kim đồng hồ đến cái nhiệt kế to chỉ từng phần tư độ trong khi tráng phim màu? Hay vì tôi quý anh em lắm, nên khi cần đổ mười giọt máu thì quyết không chịu đổ tới mười một? Dù sao, trong nếp suy nghĩ của tôi vẫn đầy những lo toan kiểu ấy, tôi cố tìm một sự tối ưu mà đôi người thấy là máy móc. Khi cần liều sẽ hay…

Yến bật cười bên tôi:

– Cúng ai mà khấn hoài vây, anh Thiêm?

Tôi quay lại, cười theo:

– À … Cúng ông Địa, xin ổng một miếng bụng đắp vô.

Từ nãy Yến lúi húi moi giúp tôi cái hầm cũ cho rông thêm, cần ngủ dưới ấy tôi cũng đỡ co đôi chân dài. Đi đò với ngủ hầm, cứ muốn chân tay có ốc tai hồng để tháo bớt ra cho đỡ cấn. Yến xúc từng xẻng đất hắt lên nắp, khá vụng, đất rơi xuống khăn trùm đầu từng vốc, hai bàn tay Yến xỏ trong túi vải thay găng.

– Anh đào bao nhiêu hầm mới hết đau tay, anh Thiêm?

– Chín mười tuổi tôi đã cuốc đất khoai.

– Dóc tướng!

– Thiệt. Hồi nào đỡ, tôi đi cày Yến coi.

– Cày đường nhựa trước Thiên thai ảnh viện…

Tôi thích chụp cho Yến một tấm ảnh màu giữa lúc này. Màu hoà hợp rất đẹp nhé. Râm bụt xanh có hoa đỏ, thân cau trắng, áo cỏ úa dính từng mảng đất nâu non, mặt hồng dưới khăn dù hoa. Trong ba lô của Yến có cái áo dài quần trắng giấu kỹ, nhưng tôi đã chụp quá nhiều giai nhân trong buồng khuê, xin đủ thôi. Còn các cô "đầm lô-can" mặc váy mini phơi đùi xoài tượng khảm xà cừ, áo hở nách bày cánh tay giống cửa tiệm đồng hồ, thì tôi ngấy đến trăm tuổi già chưa hết ngấy.

Câu lạc bộ Đã Nẵng từ căn buồng trang nhã dời về một nhà tranh nhỏ rất ấm tình người. Bà mẹ với cô em nhận nuôi anh thương binh nào bị năng nhất, thương tôi như người nhà. Cái thời rảnh rỗi ở

Cẩm Tú đã dứt, anh chị em nhân viên phải đào hầm, cõng gạo xa, cuốc ruộng cấy lúa tự túc theo lệnh mới. Hảo với Yến vất vả hơn nhưng thân nhau hơn, Hảo ngừng chơi nước thượng và Yến không lạnh mặt nữa. Cái tình bạn bộ ba của chúng tôi coi bộ sống lâu, còn cậu Hưỡn chỉ gần tôi mà tránh nhập bọn với "các anh chị học cao", tôi dỗ không chuyển. Phần tôi, sau hai đêm vịn cậu Hưỡn lê được mười ba cây số, đã bắt đầu tập mang ba lô đi bộ. Mức cao nhất tới nay là hai cây số với năm cân trên lưng, nịt súng đạn vẫn phải khoác vai chứ chưa thắt bụng.

Nắng đã lên cao. Tôi cuốn võng vào nhà nằm đọc cho đỡ chói mắt.

Tụi phản lực hôm nay cố đánh nát con đường ô tô từ mỏ chạy ra, sạt qua xóm thấp hơn. Hồi nhỏ xíu tôi đã nghe những tiếng hệt vậy. Tôi theo ba tôi vào chỗ sửa xe của hãng STACA, chơi tha thẩn rồi chui vào xó ga ra ngủ thiu thiu, trong tai vẫn ồn tiếng những thùng phuy rỗng lăn từ xe tải xuống theo cai cầu nghiêng, thúc mạnh vào thùng khác. Thằng cai Tây bắt gặp, đá vào hông đuổi tôi ra ngoài, phạt ba tôi một ngày lương…

– Anh Thiêm!

Tôi chưa kịp quay lại, đã biết Mẫn đến.

* * *

Đồng chí an ninh thôn thấy cần phân bua rất dài:

– Là tại chỉ chớ. Đang khi tàu bay bắn gần, chỉ đi tìm bệnh xá, tôi liếc xéo thấy cái gì như súng lục dưới áo, nghi liền. Coi giấy, chẳng được chữ nào là bệnh xá hết. Tôi nói không có đâu, chỉ cứ nói có. Tôi hỏi quen ai ở đó, chỉ nói bạn anh Thiêm thương binh. Tôi lắc: bạn không được, cha mẹ vợ con mới được, cơ quan cấm vô tràn lan, lộ điểm. Chỉ nói là em gái. Em, sao mặt mũi không giống, phỉnh tôi được à? Chị lại nói là vợ anh. Cha, cũng một người mà cả vợ, cả em cả bạn, chắc điệp rồi. Tôi vặn: chánh hiệu tôi là bạn anh Thiêm đây, tôi biết ảnh chưa có vợ, đừng nhận ba láp. Chỉ đứng khờ ra, cười ngỏn ngoẻn. Tôi hô du kích bắt. Chỉ cười, tháo súng đưa, còn dặn đừng táy máy nổ bậy. Giải về nhận mặt thử coi…

Mẫn đứng bên cửa ngó tôi, mắt long lanh, má đỏ ửng. Tôi ngây người nhìn Mẫn, quên cả mở miệng. Cậu an ninh chợt nghi lần nữa:

– Ủa, vợ sao anh không biết mặt?

Tôi bật cười ồ, đứng dậy:

– Đúng vợ tôi chớ. Vợ sắp cưới. Ông cứ yên chí lớn.

– Chẳng tin anh thì tin ai, có điều… tên gì anh nói thử?

– Mẫn. Phan Thị Mẫn. Thôi, xin cây súng.

Tôi đón cái nịt nhỏ đeo cây sung ngắn 7 ly 65 với hai cái băng ngoài, đón luôn bao lưng và mũ tai bèo của Mẫn. Cậu an ninh gật gù quay ra, còn kể bô bô câu chuyện bắt vợ anh Thiêm ngoài sân, thêm một lần ngoài ngõ. Lập tức bà con trong xóm và anh chị em trong bệnh xá kéo tới chơi, coi chị Thiêm ra sao mà đến cách ly kỳ vậy.

Chúng tôi chưa kịp nói với nhau câu nào đã tiếp khách ngay như một đôi tân hôn. Cũng rót nước, mời ngồi, trả lời một trăm câu hỏi săn đón. Mẫn rụt rè hơn cô cán bộ một tí, rất vừa. Tiếp tới bà mẹ và cô em đi cấy về, Mẫn xuống bếp nấu cơm, bà mẹ đuổi hai chị em đi tắm giặt với nhau để mẹ lo hết.

Hơn ba giờ sau nhà mới vắng hẳn. Hai đứa ngồi đối mặt nhau hai bên cái bàn như hội đàm, khay nước đặt ở giữa, rất ngoan. Mẫn trách ngay:

– Gớm, con mắt…

– Sao?

– Đông khách mà anh ngó em chằm chặp, mắc cỡ khiếp. Em tưởng mặt em dính đất hay lọ nồi, phải lén đi rửa.

– Tại anh nhớ quá. Không nói được, anh phải ngó thôi.

Mẫn từ từ cúi đầu, tay vo cái khăn, giọng rất buồn:

– Em sợ…

– Sợ gì?

– Đi dọc đường, em đoán chắc anh giận, có khi anh chẳng thèm hỏi tới. Trăm dâu đổ đầu tằm, em chịu trái với anh hết…

Suốt đời cô Hai này chỉ biết nghĩ tới người khác thôi ư? Bên cạnh cái gánh công tác trĩu vai, Mẫn phải lo cho cha mẹ, các em, con nuôi

nay đèo thêm mối lo người yêu chưa được săn sóc, sao Mẫn không tính tới mình một chút cho công bằng? Cái nếp vận cả vào thân ấy chưa dễ gì thay đổi. Hãy làm cho Mẫn tươi chút đã… Tôi nghiêng người tới trước:

– Anh hôn em nghen.

– Úi, người ta thấy!

– Vậy em cười một cái thiệt vui cho anh coi, trừ nợ… Hôn đây nè, cười không?

Mẫn lau mắt, cười gượng, nấc nhẹ trong cổ, lại cười rất xinh, cười dài:

– Chết với anh mất. Đêm em nằm cứ nhớ bao lần anh giỡn, em cười rúc rích, con Hoà kêu: "Chị Hai, mơ gì vậy?". Em phải nói chiêm bao thấy cái gì vui lắm, quên rồi. Tới hôm được ba lá thơ anh, em coi rồi cứ bắt hát một mình hoài, mừng quá mà.

– Vợ lính thăm chồng, cho cái gì chưa thấy bày ra?

Mẫn "à" một tiếng, tung tăng đi mở cái bao xi-ta trên giường. Hạnh phúc của Mẫn đấy, cái hạnh phúc được đem cho. Áo bà ba của Mẫn vá đắp một miếng trên vai phải, dây các-bin nhai áo rất khoẻ. Quà cả đống, lấy ra xong cái bao chỉ còn bằng cái túi dết. Chuối khô, mít khô ngào đường, chè nhỏ, sữa bột, đường, cá ngừ chà bông, chao ôi, mỗi người gửi một ít, của ngon làng Cá kéo lên đây hết còn gì!

Từ nãy tôi đã thấy Mẫn đổi khác nhiều, mặt và người đầy đặn hơn, da trắng hơn. Tại sao nhỉ? Tôi bươi tới gần, Mẫn hơi né người một chút.

– Ông tướng, đừng ẩu nghen. Bà con cười em chớ đâu có cười anh.

– Sao coi bộ em lên cân…

– Em quên chưa kể, em lên tỉnh học nửa tháng, mang các thứ theo mà không kịp ghé bệnh xá. Càng học càng mê, dốt khổ lắm anh ơi. Tỉnh nuôi sang ghê, nói cái gì quý nhứt phải dành cho vành đai, bắt em tiêm thuốc lu bù nữa. Chín rưỡi tối chưa ngủ thì y tá thổi đèn, kỳ không vậy, làm gì chẳng mập! Khi về em nói đi thăm anh,

các anh chị trong Đảng uỷ ưng hết, chị Tám Giàu biểu em ở lại thiệt lâu, chưa hết Mỹ đâu mà sợ mất phần. Chị còn dặn… thôi, để sau sau đã. Em ở đây với anh… ba ngày được không?

– Ồ!

Tôi thú quá. Mẫn tưởng tôi chê ít, năn nỉ:

– Anh nghĩ giùm, bây giờ em phải nắm du kích mười hai xã, ngợp quá, chưa biết cạy gỡ ra sao cho thấu..

Chị Tám với Mẫn được chỉ định vào Đảng uỷ khu vành đai diệt Mỹ Chu Lai mới lập. So với hồi làm bí thư xã thì đỡ búi việc hơn, các anh chị nói Mẫn là em gái út phải cho học nhiều. Khu này ngang huyện. Đồng chí huyện uỷ trẻ thật, càng trẻ măng ra sau nửa tháng được ngủ đẫy giấc, hồi ở Tam Sa tôi chưa bao giờ thấy Mẫn được ngủ đến bốn tiếng mỗi đêm ngày, có khi thức trắng băng đi cả tuần. Tôi bước tới nữa. Mẫn nép hẳn vào cột, rất hoảng:

– Kìa, đừng có điên điên…

– Không đâu, anh thấy em lạ lắm…

Mẫn ngạc nhiên, buông các gói quà đang tháo xem bị mốc hay không, quay lại. Lạ thật. Mẫn có đôi mắt đàn ông, bây giờ thêm đôi má phính tròn như trẻ em, cặp môi bậu và đỏ tươi rất con gái. Ba giới trên một khuôn mặt, sao đến giờ tôi mới nhận ra?

Chắc hẳn Mẫn quen với mặt mình, ít ngắm vuốt, không để ý đến những nét riêng ấy. Đứng trước tôi, Mẫn chỉ hiểu rằng mình đang được yêu. Một người con trai yêu Mẫn, còn nồng nàn gấp mấy cái độ Mẫn chờ đợi bấy nay. Tình yêu ấy tưởng chỉ còn trong câu hát đêm trăng thôi chứ, ngoài đời cũng có thật ư… Hơi men mạnh quá. Mẫn say. Mẫn đứng dựa cột, hai tay vịn vào phên như choáng váng sắp ngã, mỉm nửa miệng cười chung chung, mặt ngời lên vầng sáng hồng bên trong mà tôi hay thấy. Chúng tôi ngắm nhau đắm đuối, rất lâu. Rồi Mẫn chép miệng một cái, đi ra sân, ngó quanh, thoăn thoắt quay vào, sà luôn vào tay tôi:

– Tội nghiệp… anh hôn em đi.

Bầy phản lực vòng qua gần hơn. Dưới gầm cầu sắt có xe lửa chạy qua không ngớt, tôi hôn Mẫn cái hôn cháy rực có mùi mít chín

của làng Cá. Bàn tay Mẫn vuốt má tôi rất nhám. Lại cuốc ruộng đêm mãi. Tôi hôn những vết chai trong lòng bàn tay mềm. Rốc-két rít lên tiếng nghiến răng trên đầu.

* * *

Tôi sống hẳn với khu vành đai ba ngày, bên Mẫn. Mặt trời lặng lẽ đi vội từ biển về núi, còn các bữa cơm và giờ làm thuốc cứ đến lia lịa không để cho chúng tôi yên thân. Yên nghĩa là chuyện trò với nhau, chứ không phải ngồi một chỗ.

Sáng ra Mẫn thu quần áo chăn chiếu của thương binh đi giặt, về lại xắt chuối cho heo, nấu cám, quét dọn, nấu cơm trưa, đi hái rau chiều giúp chị nuôi, ngoảnh đi ngoảnh lại đã thấy chào tôi sang ngủ chung với Thu Yến. Ban đầu tôi cũng như mọi người can Mẫn đừng làm, nhưng thôi ngay sau khi Mẫn nhắc khẽ: "Anh đi với em". Tôi biến thành cái bóng của Mẫn rất "hợp pháp". Mẫn hỏi to: "Giặt chiếu chỗ nào, anh?", tôi khoác nịt súng vào vai đưa Mẫn ra tận con suối đá dưới chân đồi, bà mẹ biết tôi sẽ về chậm vì chưa đi được nhanh. Vào bếp, hai tay Mẫn vừa buông dầm lại cầm chèo, tôi ngồi trên cái võng gai nghe chuyện, ai thấy cũng khen chị Thiêm chăm làm và anh Thiêm quý vợ.

Mẫn thạo việc đến nỗi không cần nhìn xuống tay mà cái gì cũng xong gọn trơn. Lên ba đã bắt đầu giữ em, lên sáu biết "nồi cơm bắc xuống, nồi chè bắc lên", thêm vài tuổi nữa đã lo liệu "ruộng sâu cấy trước, ruộng gò cấy sau". Hồi ở làng Cá, phải qua nhiều ngày gần nhau tôi mới tin rằng Mẫn có thể vừa đạp chè hay vá áo vừa bàn kỹ một kế hoạch tác chiến. Tôi thì chịu, làm gì cũng hùng hục chúi mũi vào một việc thôi. Đông Tây kim cổ, các cô gái luôn luôn được ví như hoa chứ không ai so sánh với rau. Tôi rất thú khi biết bông bạc có thể luộc ăn được. Mẫn đấy, bông hoa nuôi sống người.

– Tiếng Mỹ, gì là bỏ súng xuống, em quên…

– Gân-đao-n!

– Đằng sau quay?

– Phây-xơ-pao, tơ-n! Em học nhiều chưa?

– Mới mươi tiếng. Tức cười, bữa đánh núi Sàm, bắt được hai Mỹ, các ảnh giao thằng Tâm nhà em giải về huyện đội. Nó trói cả hai cho

đi trước, nó đằng sau cầm lái, biết được có gâu là đi. Tới chỗ rẽ, nó kêu miết mà thằng Mĩ cứ trật đường, nó nổi vung chạy lên hét: “Mẹ cố tổ mày, tao biểu gâu bên tay mặt, mày cứ gâu tầm bậy là sao?” Sau nó tháo dây võng cột chằng hai đứa, dắt đi như cặp trâu.

Tôi cười đau bụng. Mẫn học nhẩm mấy từ mới, kêu thứ tiếng gì nói trẹo bản họng rồi ngừng tay xắt chuối cây trầm ngâm:

– Dỗ miết mà đám con gái nhất định không chịu bắt tù binh Mỹ. Biết ta cần thứ đó, vậy chớ chị em nhỏ con sức yếu, sợ nó đánh nhào giựt súng, sợ nó giải khó nuôi, mà cũng thù nó hiếp nữa. Để em tự bắt một thằng đem về cho chị em tin.

Mẫn nói như sắp tóm con heo sẩy chuồng. Mới hỏi vài lần, tối đến Mẫn đã thuộc lòng hơn chục khẩu lệnh, giọng khá đúng. Kiểu đó chắc Mẫn làm y như lời, hay hơn thế nữa.

– Anh biết chưa, nắm đầu được cái thằng điệp hại vợ chồng chị Biền rồi. Thằng Hờ, Mười Hờ, nhớ không? Anh nạt nó một lần đó!

Tôi “à” khoan khoái.

Nhớ chứ. Mặt hắn đen choắt, tóc gọng kính ngoặc tai. Xưa nhà hắn giàu sụ, hắn thua bạc mấy năm bán ruộng lần lần cho xã Chinh hết, xoay qua nghề mổ heo. Hắn chạy xuống vùng địch ở ít lâu lại về, kêu sợ bom đạn không bằng sợ đói. Hôm nhà bà Miện trúng pháo chết mất đứa con trai và con trâu mộng, tôi đến giúp chôn cất, gặp hắn quảy tới đôi rổ sảo, dao thớt, hòn đá mài dẹt. Bà Miện đang khóc con bên cái nhà bay nửa mái, hắn ngồi xuống tỉ tê: “Chỗ chòm xóm gặp hồi tang ma, tôi chẳng có gì giúp đỡ, chạy được ngàn bạc đây, bà cầm mà lo đám cho thằng nhỏ, tội nghiệp. Còn con trâu chết bỏ cũng uổng, bà để tôi xẻ, chắc gì được đủ một ngàn, thôi của đổ đi tôi cũng rán hốt về…”. Tôi nóng mũi lắm rồi, còn cố nén để tìm Năm Ri hỏi lại. Con trâu tám chín ngàn bạc, mổ ra bổ rẻ cũng được năm ngàn, hắn đưa một ngàn, bán chịu tới mùa lấy lúa, thu được không phải chỉ gấp năm! Tôi quay lại thì bà Miện đã cầm tiền, vẫn khóc nức nở. Mười Hờ đang trải lá chuối trên nong, nói oang oang: “Lúa mùa hay lúa chừ[(1)] cũng được, tiền thì không, xin thưa trước vậy cho khỏi mất công xách lên thả xuống!”. Tôi muốn đấm vào mặt

hắn, sau chỉ xạc một trận. Anh em du kích kéo tới xẻ giúp, thu tiền và lúa cho bà Miện gần đủ giá vốn.

Hắn làm điệp theo lối buôn chuyến, được món nào lãnh thưởng món ấy. Nhà hắn sát sau nhà chị Biền. Hằn rình nghe được câu chuyện chị Biền rỉ tai khuyên chồng xuống ở vùng cát, anh chồng bị đánh nhiều đâm nặng tai, lại nhất định đòi biết ngay, biết kỹ mới chịu rời làng.

Tam Sa lúc này tạm coi như tẩy sạch giun sán, nhưng thứ đó sẽ sinh thêm. Triều đại cha con xã Chinh đã dứt, bọn quận cử về thằng Huề làm đại diện kiêm cảnh sát trưởng, tên này vừa gửi thư thăm ủy ban Tam Sa vừa lo tìm vây cánh, để coi ra sao.

– Em trả lời nó rồi. Đổi nghề khác được ăn cơm chín, làm nghề này thì cơm cúng chẳng có mà ngửi hơi. Hung sùng như Chinh cha Chinh con cũng nhào đầu hết, bộ tướng thằng Huề như cò ma rúc xó đồn Mỹ, liệu hứng nổi mấy viên? Cứ tưởng nói tiếng Mỹ róc róc là thoát chết à?

Mẫn chửi một câu thật độc. Nói như xem thằng Huề bằng rác, nhưng rõ ràng Mẫn rất chú ý đến tên tề này.

Cuộc sống vành đai là vậy. Cái mới cứ đến từng giờ, bà con quen ngay với pháo cực nhanh và đạn lân tinh, với điệp viên của CiA và tề học trường Mỹ ra. Rời vành đai hai tháng rồi, tôi về đấy sẽ lạc đường lầm ngõ, nói toàn chuyện đời xưa, gặp đồng chí xã đội lại hỏi thăm “em vô du kích chưa?”. Giữa lòng những biến động nhanh đến chóng mặt ấy, cái lõi không đổi mà chỉ lớn lên vẫn là chất anh hùng trong mỗi con người. Những giọt sương đọng rải đây đó trên đá trên cỏ, trong đêm chỉ biết có mình, khi nắng lên đều mang giữa lòng một mặt trời đỏ như ngực người đeo huy hiệu Bác Hồ. Chúng mình nhận ra nhau và yêu nhau ngay cũng nhờ chấm lửa ấy trước hết, em nhỉ?

Chiều ngày cuối cùng Mẫn ở, anh Lẫm bệnh xá trưởng mới về. Anh có mái tóc đốm bạc, cách nói lựa chữ, những câu vui hơi ồn ào của người trí thức đứng tuổi muốn trẻ lại và gần anh em. Anh vừa học chung lớp với Mẫn, rất thú cô tổ trưởng nhỏ hơn con gái đầu lòng của anh. Tỉnh giữ anh lại bàn rút người đi lập một trạm phẫu tiền phương cho Chu Lai. Gặp Mẫn, anh mừng muốn reo:

– Trời đất, tôi tiếc hoài! Muốn nhờ chị về bệnh xá nói chuyện, thấy chị bận quá, không dám. Cái báo cáo điển hình của chị tôi ghi đủ hết, tính về kể lại, may có chị tới đây, xin một buổi thôi! Chị nắm lý lịch số anh em xin đi vành đai, hay là…

– Dạ không, cháu ở khu đội mà.

– Hà hà, tôi biết, các vị ở Chu Lai lựa kỹ là phải. Thăm dò ngay tại chỗ mới chắc. Tôi khuyên chị nhắm được ai cứ lấy luôn cho sớm.

Mẫn luống cuống rõ. Tôi đáp thay:

– Thăm người thôi, chưa muốn lấy người đâu anh ơi.

– Lấy ngay càng tốt chớ sao?

– Chị ta kêu chưa xứng đáng… Mặt trời mọc trong nhà, coi kìa… Úi, thương binh đang bị chà đạp giày xéo!

Mẫn vừa ấn mũi dép trên chân tôi, lủi biến. Anh Lẫm ngớ ra. Khi biết chuyện, anh vỗ đùi cười phá, nói tiếng Pháp:

– Tuyệt, trong lòng bản anh hùng ca có thêm một tình ca. Chúc mừng anh nhé!

Anh bàn với hai chúng tôi một điều khó xử.

Trên định tách năm người lập trạm phẫu. Bảy đồng chí đã nộp đơn xin ra tuyến lửa, trong đó có Thu Yến rất thiết tha đòi đi. Còn thiếu một bác sĩ. Tay nghề mổ xẻ của Duy Hảo hơi non nhưng rất quý ở một vùng ác liệt. Hảo được thực tập nhiều, sẽ mau lành nghề. Nhưng Hảo tỏ ý không muốn đến chỗ khó. “Bác sĩ chớ đâu phải nghề bảy đáp[(2)] mà mổ cho mau cho nhiều. Tôi cần thì giờ để nghiên cứu mấy vấn đề về các vết thương chiến tranh…”. Hảo nói lơ lửng vậy, không thấy nghiên cứu cái gì, lâu nay chỉ gặp những vết thương một hai ngày khiêng đi đường… Tôi là bạn Hảo, nếu có thể khuyên Hảo một chút thì hay. Mẫn kể chuyện vành đai sẽ giúp anh chị em nghĩ thêm.

Anh Lẫm bóp trán mãi mới tìm ra chữ đúng:

– Anh chị đừng hiểu lầm Hảo. Cậu ta bây giờ vẫn tốt, tốt trung bình, vừa phải. Trong ca anh Thiêm, cậu rất chịu khó. Nếu không đi Chu Lai, Hảo vẫn là một cán bộ có ích, không nên trách. Nhưng…

Anh nhảy sang tiếng Pháp, và tôi dịch cho Mẫn: “Trong cuộc sống, có cái tốt, cái tốt hơn, cái tốt nhất. Tinh tế là ở chỗ đó”

Chúng tôi nhận lời, cả hai, tuy đêm nay Mẫn định “giúp anh Thiêm tập đi” để ra suối ngắm trăng non với nhau.

“Chiến dịch không quân” đã dứt. Đèn măng sông cháy ri ri, sáng xanh. Mới báo tin khi chiều, cán bộ và du kích đã tới hai trăm, bà con kéo vào đình đông nghịt. Xã này đang bốc mạnh tuy vừa mới được giải phóng cùng một đợt với làng Cẩm Tú Khoảng sáu trăm người ngồi nghe chị Thiêm kể chuyện vành đai. Cùng một huyện Tam Kỳ cả, nhưng đó với đây có bao nhiêu khác lạ.

Tôi đã biết câu chuyện Mẫn kể.

Chỉ có một vốc của dòng thác lớn thôi. Tam Sa hoá thành làng S., làng Cá là thôn Một, tôi được gọi bằng cái tên dài “anh bộ đội chủ lực về giúp địa phương và điều nghiên cái Chu Lai”, còn Mẫn thì biến hẳn trong đám đông không tên. Cuộc sống ầm ào toả ánh cầu vồng dưới kia trở nên trần trụi, nó mất hẳn đi những vui buồn sướng khổ của người trong cuộc. Thế nhưng tại sao mắt người nghe cứ lặng lẽ sáng lên, long lanh ngấn nước, và tôi cũng kín đáo gẩy một giọt bên khoé?

Phải không, Mẫn ơi, em cố giữ giọng thường để tả cái chết của một bà già bị pháo chém trên mái đình lụt - mẹ của em, của đứa trẻ lên hai bị bay từng mảnh- con nuôi em, em đã xốc xới lên nỗi đau dồn sẵn trong mỗi người nghe từ khi biết đời đến nay? Em nhắc lại những keo địch hất ra, ta lăn xả vào, giành chính quyền từng xóm một. Hồi ấy có anh. Chúng mình đã tìm hạnh phúc thế đấy, cả dân tộc ta vật lộn giành sống cũng vậy, loài người đánh lấn đế quốc từng bụi tre một trên làng Cá của em, và bà con đây đang ứa những giọt nước mắt tự hào, đúng chứ?

Những trận “ăn ngon” tới rồi, mắt em lấp láy. Đôi mắt mới hai mươi mốt tuổi mà đã thấy hết một quãng lịch sử lớn nhiều thế kỷ. Em thấy tàu bay và lính Nhật ngay sau khi mới sinh, em xem cha đánh Pháp, em nhằm thẳng vào Mỹ để giết. Qua đôi mắt rất đen còn hay khóc, những ngàn năm trước đang cùng em nhìn giặc Mỹ, cùng làm nên cái tia chớp gan và khôn lạ lùng loé giữa đôi hàng mi dày

khi em sắp đánh một đòn chưa ai nghĩ ra. Em ngó anh, định hỏi gì… Hiểu rồi. Em kể hay đấy, bấy nhiêu bà con đang cười giàn giụa vì em… Không cần đâu Mẫn ơi, ai lại thắc mắc vì em tránh nêu tên, chỉ cần nghe em vuốt ve mấy tiếng "anh chủ lực" là anh nhận ra ngay chút hương riêng của tình yêu không lẫn được trong câu chuyện đánh Mỹ đầy khói thuốc nổ đêm nay.

* * *

– Ác mà đừng liệt, nhớ nghen anh.

– Đồng ý. Nè, dọc đường em coi chừng biệt kích với thám báo. Thử cây súng ngắn bắn ruồi chưa đó?

– Rồi. Em đi, anh…

Chúng tôi bắt tay nhau, cười. Như hai người lính chia đi đánh hai hướng.

Mẫn không quay đầu lại. Thu Yến đưa Mẫn tắt bờ ruộng đến đầu mối đường to, đỡ vòng xa. Tôi đứng bên ngõ trông theo. Từng mảng màu trên người Mẫn chìm dần vào nền xanh sẫm của xóm bên kia, chỉ còn hai bắp chân trắng động đậy, nhỏ dần.

Nhớ đôi mắt là sự thường, sao tôi nhớ mãi cặp chân người yêu? Hôm kia đưa Mẫn đi giặt suối, tôi để ý xem vết đạn cũ. Nó đã lành hẳn, sẹo thu nhỏ và nhợt màu, nhưng trên chân Mẫn lại thêm hơn chục nốt tròn màu đen, tím đỏ của vắt cắn. Hỏi mãi, Mẫn mới thú thực đã theo hai anh trinh sát đi băng rừng gần đồn Phước Lâm, đêm mưa lắm vắt, bùn phủ trơn không gỡ được. Là để thêm một ngày được ở với tôi… Bờ xóm sắp che khuất Mẫn. Hai đốm trắng dừng một phút, Mẫn nhìn lại mà không vẫy, rồi rẽ vào ngõ. Tôi đập nhẹ vào trán, xua một ý dại về những mảnh cối rạch đất khá dài khi bay ngang, mới chớm đã xóc đau trong ngực. Những bông bạc hai cánh đung đưa bám đất chắc lắm, đừng lo gở.

Chừng một giờ sau Yến mới về, mắt sưng đỏ. Tôi đang ngồi thừ ra nhìn xấp tài liệu mà không đọc được chữ nào, bị Yến gắt ngay, rất găng:

– Anh Thiêm tệ kinh!

– …

– Chị Mẫn yêu anh vậy, chị vừa đẹp vừa giỏi, mà anh… anh hất hủi chị…

– Ủa!

– Anh đi được mà không đưa chị. Ra tới khúc đường vắng, chị nổi khóc hu hu làm em khóc theo. Chị gởi cái gói cho anh. Em mở coi thử… Mua cho anh cái tranxittơ mà không dám đưa. Tính gặp anh làm lễ cưới, cũng thôi luôn. Tại anh hết đó!

Yến giẫm chân, bắt tôi thề suốt đời không phụ bạc chị Mẫn rồi mới chịu trao cái túi nhựa. Tôi thề ngay, chưa hiểu gì cả, chỉ biết rằng Mẫn cấm tôi tiễn, ắt không thể giận tôi.

Trong túi có một cái máy thu thanh Cơraonơ nhỏ bằng gói thuốc lá, kèm ống nghe và một tá pin con. Máy đựng trong túi màu xanh da trời thêu ba chữ đỏ "Tiếng người thương" và hai chữ M.T. lồng nhau. Lại một mảnh giấy thủng bụng nữa, chỉ có mấy dòng:

Em mua cho anh mất ngàn mốt thôi, là tiền bán chè khô mít khô, mấy chị em ưng hết, con Hoà còn trách em mua thứ rẻ quá. Em đưa tay sợ anh kỳ kèo, anh đừng lo bọn em thiếu thốn gì hết. Con Cang thêu tặng anh cái túi đó. Còn bức thơ kia anh coi cho vui, đừng giận con nhỏ tội nó lắm, nó yêu anh lắm lắm!

Tôi lướt vội qua lá thư của anh bí thư tỉnh ủy gửi bệnh xá, dặn nếu hai đồng chí Thiêm và Mẫn định cưới nhau thì nhờ bệnh xá hết lòng giúp, tổ chức hai bên không kịp đến…

Tôi chồm dậy. Không cưới thì thôi, tùy Mẫn. Phải đạp xe trả ngay cái máy bán dẫn. Chị em Mẫn ăn mặc ra sao tôi biết hết. Có cái gì vô lý trong cách yêu của Mẫn. Tôi đọc lại mảnh giấy, hơi khó, chắc người ốm dễ xúc động. Cuối cùng tôi hiểu rằng không thể trả. Tôi phải để Mẫn nhẹ chân đi về vùng lửa trong tấm áo màu gụ vá vai, cười một mình vì món quà cố giấu, nhẩm tiếng Mỹ, lau mắt nhớ tôi và phác qua một trận mới.

Con người Mẫn cứ như thế, biết làm sao!

* * *

Các thầy xúm khám tôi lần nữa, hẹn sẽ cho ra viện khi tôi mang được mười cân đi mười cây số, ước chừng phải mất thêm nửa

tháng. Tôi cố rút xuống mười ngày, viết luôn ba con số 10 dán lên cột. Mỗi ngày tập đi bốn tiếng chia hai lần, sáng sớm và chiều tà. Các giờ tự học, giúp dân xếp vào lúc nắng quá hay tối quá, thêm hẳn giờ sửa máy nữa. Xếp xong bảng thời gian ấy, tôi không còn thấy bệnh tật đâu cả.

Các buổi tập của tôi vui hơn trước nhiều. Tôi đi qua các vườn và leo đồi chè sau nhà, nghe ngóng sức căng của những thớ thịt mới liền lại như người thợ tiện cho tăng vòng quay tí nữa, tí nữa. Tôi bỏ máy thu thanh trong túi áo ngực, nhét lọt ống nghe vào một tai, nghe "tiếng người thương" suốt buổi này sang buổi khác mà vẫn trả lời được bà con qua lại. Những đợt hành quân hàng tuần hàng tháng dọc đường núi sẽ tươi gấp mấy. Cái máy chỉ có một băng, cũng đủ cho tôi nghe sóng 297 mét của Hà Nội và hai viên pin bằng ngón tay nuôi nó được gần tháng. Mẫn đã chọn trúng món quà tôi ưa nhất.

Còn cái nghề sửa chữa vặt thì tôi đã chọn ra từ trước.

Dạo mới đứng được, tôi nghe anh Lẫm gắt dữ một cậu y tá làm hỏng bộ dụng cụ khám mắt tai mũi họng rất quý. Quà tặng của Cộng hoà dân chủ Đức, không gửi về thành tu sửa được mới gay chứ. Tôi bảo Yến lấy cho xem. Máy tinh vi mà đơn giản: một tay cầm chứa pin, có thể lắp bảy tám cái đầu khác nhau với những gương và thấu kính nhỏ xíu, những bóng đèn soi tí tẹo thật xinh. Tháo sơ ra, tôi bật cười: pin chảy trong lòng ống làm gỉ chỗ chạm điện, vậy thôi. Mười lăm phút sau, Yến hí hửng mang trả anh Lẫm bộ đồ khám đã sống lại, rọi những luồng sáng bằng đầu đũa khá mạnh. Anh sửng sốt, cảm ơn tái tam tái tứ. Tôi cũng ngạc nhiên: một việc quá dễ vậy mà các ông bác sĩ không lần ra được.

Dần dà tôi đắt khách đến nỗi Hảo phải chặn bớt. Trong gánh đồ đạc linh tinh của bệnh xá, tôi moi ra một hộp dụng cụ sửa chữa nhỏ cũng của Đức. Nhờ có nó, bao nhiêu đèn pin bút máy, đồ dùng khác thoát kiếp bị gỉ và mối ăn. Vớ được một thùng pin bộ đàm của địch vất lại, tôi tháo vụn, ghép thành pin nghe đài cho bệnh xá và pin cầm đi đêm cho y tá trực, cái xóm nhỏ bỗng ồn lên và sáng lập lòe được vài tuần. Tiếng đồn sao không biết, xã bên cạnh cho cán bộ tới với một công văn nài nỉ tôi đi sửa giùm cái máy xát gạo ở chợ cây Đề, có xe đạp và mô tô đèo cẩn thận. Anh Lẫm nhất định lắc.

Đôi lúc tôi làm liều. Hảo khám tôi, tôi cũng khám và chữa cái đài Sôny ba băng mười bóng của cậu. Mò tướt mồ hôi cả buổi tôi mới tìm thấy một mối hàn bị rời nhưng vẫn chạm hờ. Hèn gì lúc nói lúc câm, thợ Tam Kỳ chém cả ngàn bạc mà vẫn chưa về đòi lại được. Hảo đeo máy cưỡi xe đi công tác một ngày, tối về mới nói: "Chịu mày rồi đó Thiêm". Tôi đã tìm được cách trả ơn kín đáo. Nhiều anh đưa tôi cả đồng hồ nhờ sửa, không chịu tin rằng tôi dốt, nghe nói thiếu dụng cụ họ mới gật đầu.

Tôi mang ba lô tập đi, tạt qua chỗ Hảo:

– Tối nay tiểu liên nhà tao, rảnh không?

– Đồng hương à?

– Mình mày thôi. Cho nghe chuyện tao nóng giòn.

Hảo đối với Mẫn vẫn giữ cái vẻ kính mà xa, rất ít tin rằng tôi yêu Mẫn thật. Không sao, tôi chỉ muốn mượn cớ để khuyên cậu ta đi Chu Lai. Ở Hảo đã có sẵn than hồng, tôi muốn góp một hơi thổi cháy lên ngọn lửa. Dù Hảo ưa khích bác bẻ vặn tôi hơn cả, tôi vẫn biết cậu coi trọng lời khuyên của tôi, cãi ngang cành bứa xong lại làm theo.

Sau bữa cơm, bà mẹ đi học chính sách ruộng đất, cô em tập múa. Tôi bắc sẵn nước sôi đợi Hảo. Cái tông đơ hỏng nằm đợi trên bàn, dưới chân cột thêm cái bếp dầu lửa Ai-đa bị tắc. Tôi mở đài, lơ đãng cầm tông đơ lên xem, và cơn ngứa nghề bốc nhanh lạ.

Gãy lò xo. Trước hết, vừa tháo vừa nhớ chỗ các chi tiết. Vẽ sơ cho chắc, kẻo khi lắp lại thừa ốc thừa vít. Các kiểu lò xo gãy trên đời, hãy tập hợp đây coi thử. Ruột gà thiếu, lá mía, díp… tạm tắt "tiếng người thương" đã, chịu khó em nhé, sửa máy gay hơn đạp chè, cho anh nghĩ.. Đẩy nhé. Gạt hai đầu. Nống lưng…

Duy Hảo lò dò vào. Tôi kêu:

– Ơrêka[(3)]!

– Lại một phát minh thuộc thế kỷ mười tám?

– Không, mới trong thế chiến thứ hai, của thợ hớt tóc Việt Nam.

Tôi vẽ ngay kiểu lò xo mà tôi trông thấy ngày xưa: một sợi dây thép cứng uốn ba vòng, hai đầu nống hai càng tôngđơ, rất gọn. Hảo

gật gù khen trong khi tôi đi pha chè làng Cá, bày các của ngon Mẫn đem lên, đã chia phần cho anh em bà con mỗi người một chút thơm thảo. Hảo đăm chiêu khá rõ từ khi anh Lẫm về, chắc lại cái vụ đi tuyến lửa.

Hảo lau kính, bỗng nhớ ra:

– Thằng Tốn phóng viên đem máy ảnh đi chụp, nửa chừng ống kính bị con nít rờ tay dầu phụng vô cả mớ rầu như cha chết. Nó nhắn hỏi mày lau giùm được không?

– Kiểu gì?

– Quên hỏi. Đâu như máy Nhật.

Các công thức pha chất rửa ống kính chạy qua đầu tôi lổn nhổn. Axêtôn khó kiếm. Xà phòng, cồn thì sẵn. Để xem lớp tráng chống phản quang màu gì, chịu cồn được không. Giấy quyến… Tôi ngẩn ra:

– Nó gặp mày lâu chưa?

– Hôm nàng mới tới, nó ghé đây. Thấy mày cuống quýt, tao biểu nó đừng phá đám, phải biết nhân đạo là gì.

– Hại tao rồi! Rửa một lát chớ mấy. Tao đang ước có cái máy chụp Mẫn, từ nhỏ tới lớn Mẫn chưa được tấm hình nào. Cha, bao giờ mới gặp lại!

Hảo nhìn tôi một cái nhìn dài sau những ngấn kính cong xếp lớp.

– Tưởng mày ghét những thứ phù phiếm của người trần. Thôi, mày giúp thằng Tốn, dặn nó về vành đai chụp Sêhêradát, gởi ảnh theo. Chắc không đẹp bằng mày bấm đâu, tao biết. Mà nè, mai kia nàng được phong anh hùng thì cả thế giới treo ảnh nàng đầu giường, riêng gì mày!

– Ăn chuối đi cho giọng hiền bớt!

– Kim tiêm không chích được tượng đá. Đúng, mày là đá nguyên khối. Con Nga đúc bằng thạch cao, đặt mày lên bể liền. Cỡ tao hay Thu Yến là gì hè, sành hay gốm?

– Lại lên một cơn triết lý.

– Tao đang cần triết. Có tin buồn: con Nga về ở Đà Nẵng rồi, đòi ly dị. Thằng kia chạy theo dỗ sướt mướt. Ba mẹ tao cãi nhau, nghe nói có sự tát tai và rách áo. Dễ hiểu thôi, tay kỹ sư chỉ lo đào mỏ, bòn tiền ăn chơi, mẹ tao gả ép cho con cái bằng rỗng. Rốt cuộc con Nga chịu dang dở. Gia đình tao bốn mạng chia hai phe, ăn riêng hai mâm. Cái buồn khóc đã gặp cái buồn cười. Cả nhà chỉ còn thằng Ái Trung biết cười…

Tôi nhấp chén nước rất lâu để tránh cái nhìn của Hảo rõ ý "tại mày". Nhưng Hảo không từ:

– Thu Yến rất hiểu những bi hài kịch kiểu đó. Mày thì không, mày chỉ biết có khổ đói lạnh hay nhục mất nước thôi, còn những cái đau tâm lý chỉ là chuyện vẽ vời của ba đứa ở không. Mày chê con Nga… đừng cãi, tao cận thị số bốn mà tinh mắt… chê nó thiếu lý tưởng, thiếu nghị lực. Đúng hết. Bây giờ mày biết nó làm gì không? Ăn rồi nó ẵm con gởi nhà bạn, kéo guốc đi biểu tình chống Mỹ. Nó khoe nó là "biểu tình viên chuyên nghiệp", nó đang truy lãnh cái phần xuống đường lâu nay phải nhịn, hạnh phúc của nó chỉ còn cách mạng là một, bé Trung là hai, đố ai biết nó nói thằng Trung nào… Mày phục chưa?

– Phục lăn!

Tôi nói rất thật. Hảo gật đầu thú vị. Cậu thương Nga lắm, thương nhất nhà. Chắc vì nhiều chỗ u ám nên Hảo không đưa tôi xem lá thư mới của Nga.

– Tao thèm cái đơn giản của mày, Thiêm ạ. Mày như hòn đạn. Súng chĩa thẳng hướng, bóp cò, mày cứ vậy mà bay tới đích, mưa gió không cản nổi, bụi đời không kịp bám, chẳng phải chọn ngã tư nào hết. Cũng tốt thôi. Mày tính ra viện rồi đi đâu?

– Về đơn vị. Dạo này ta đánh lớn…

– Biết mà. Một lần nữa tao khuyên mày nên giữ chừng mực. Dám nghe hết không?

– Rất muốn nghe. Nằm đây hai tháng tao cũng nghĩ chuyện đó, tính bàn với mày.

– Tao vẫn không hiểu tại sao mày cứ lao vô chỗ dễ chết nhứt, dễ què cụt nhứt, làm việc theo tốc độ lút số bốn chớ không chịu xuống

bớt ga cho đỡ hại máy? Mày là đứa nhiều tài tao mới tiếc. Đem năm sáu chục ký vàng đổi lấy một viên chì vài chục gờ ram, nên không? Nếu mày mơ lên tới cấp tướng, tao không nói gì, hay bị ép nhứt thiết phải ra trận thì coi như bất khả kháng. Cả hai ca đều không phải. Mày hẹn hết chiến tranh mày sẽ trả chức vụ, làm thợ máy nổ, còn chụp ảnh là nghề tay trái. Coi cái điệu mày ham máy, tao biết mày nói thiệt…

– Thiệt chớ!

– Ừ, vậy tự mày đang chống lại mày. Làm thợ giỏi phải có sức khỏe, phải học kỹ. Hiện giờ mày đang phá sức, đang chúi mũi học làm chỉ huy, lo chạy theo cái trước mắt. Chết thì gọn thôi, mày coi cái chết như lông hồng, rất đáng kính. Nhưng nếu về sau mày tàn phế, còn một tay với chút nghề học lỏm, mày sẽ làm gì cho hết cuộc đời dài? Đừng đập bàn nghen. Mày đã phá cữ cho tao vô chỗ thờ phượng rồi mà… Tới đó sức mày còn một nửa, đầu mày cùn học không vô, lại đụng toàn kỹ thuật tối tân, máy lạ, mày làm ăn sao cho thấu? Mày thuộc quyền một tay kỹ sư nào đó, như chồng con Nga học bên Âu Mỹ về, nó giao mười, mày rán hết cỡ mới làm được ba, bốn rồi năm. Nó sẽ lễ phép thưa với mày: “Thiệt tình, cháu coi chú như cha, chú hi sinh cho bọn cháu được học thành tài. Ác cái bây giờ phải bảo đảm năng suất chú à, mấy tháng qua chú bị hụt mức nhiều, ấy là thiệt hại cho dân cho nước chớ đâu phải hại cho cháu. Thôi để chú lãnh việc vừa sức hơn, chú thay ông gác cổng mới về hưu, cách mạng việc gì cũng vinh quang…”. Nó đuổi mày đó. Mày cứng họng chớ cãi gì nữa! Mày sẽ cay đắng bỏ nghề, trách mình hồi đó chẳng nghe lời thằng Hảo, lo việc chung chừng ba phần tư còn dành một góc cho tương lai của mình, có phải bây giờ… Chối tai lắm không?

– Chối, mà nghe kỹ. Mít khô ngào đường đây mày.

Hảo rất khoái trá với tràng diễn thuyết của mình, cười tủm tỉm, nhai mít. Tôi trầm ngâm nhìn cậu:

– Hình như mới có bên nguyên lên tiếng. Còn bên bị nữa.

– Mày cãi đi.

– Không, bên bị cũng là mày. Trong người mày có hai thằng Hảo kia mà, mới một đứa mở miệng…

– Ranh lắm. Phải, còn thằng Hảo cách mạng nữa, nó thua mày xa. Để nhường mày phát ngôn. Chè ngon ghê ta. Đậm, thơm mộc. Của nàng hả?

– Ừ. Thứ này vợ tao tự nhồi bằng tay, hái một đọt hai lá…

Hảo cười phì suýt sặc. Chẳng hiểu sao tôi chợt thấy rất khó chịu. Khi nghe giễu một người vắng mặt, tôi thường bực hơn chính mình bị đả trước mặt.

– Tao giả dại để mày tự nhiên với cô Mẫn, ai dè mày kịch luôn với tao. Hai đứa mày cưới nhau hồi nào lẹ vậy?

– Chưa, sắp.

– Từ cốc đến môi, đường xa lắm. Từ yêu đến cưới còn xa gấp triệu lần. Càng rõ là mày đơn giản. Mới mấy tháng trước, mày nói cô ấy là vợ người ta, nhớ chưa?

– Hồi đó mới quen. Bây giờ chắc như hai với hai là bốn.

– Nghĩa là không chắc gì cả, theo toán học mới. Mày… lỡ rồi phải cưới, hay công nhân ắt phải lấy nông dân để liên minh với nhau?

Đến lượt tôi cười. Ba tôi chưa hẳn đã căn vặn tôi kỹ như Hảo. Cũng hay, tôi càng dễ trả lời thẳng chứ sao.

– Mẫn với tao yêu nhau kinh khủng, đợi nhau suốt đời cũng được.

– Biết mà! Mày cực đoan đến từng sợi tóc. Mày đang mê đánh giặc, cô nào đánh giỏi mày mê luôn. Mày lẫn lộn giữa tình yêu và tình cảm cách mạng, giữa chọn vợ và chọn anh hùng. Cấm tự ái. Mày cũng biết Mẫn không đẹp, mới thoát mù chữ, ngoài cày cấy cô ta không biết nghề gì trong tay. Tới thời bình, một cô chỉ huy du kích khó lòng được phong làm sĩ quan chính quy. Cứ lấy nhau đi. Hai mươi năm sau tao đến thăm mày, sẽ thấy chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa - ấy là chân tay chúng mày còn đủ - trong nhà chẫn một chục tàu há miệng đang kéo còi muốn bay mái. Mày sẽ giơ hai tay lên trời: “Ôi, tình yêu lý tưởng!”

Tôi cười đau cả bụng. Cái thằng lưỡi nhọn khiếp không!

– Cho mày nghỉ ngơi một chút, chuối gần hết rồi.

– Tao mổ xẻ bấy nhiêu thôi. Đừng mở đầu bằng câu "chủ nghĩa cá nhân trầm trọng và có hệ thống". Nhớ là tao đang tính dùm chuyện mai hậu cho mày. Mày bay bằng cánh miết, tao thương mới chắp cho cặp chân.

– Cảm ơn. Để tao bắt chước mày triết lý thử coi…

Tôi vẫn giữ giọng bông lơn, nhưng Hảo biết là tôi không đùa, cũng như cậu nãy giờ không hề đùa.

– Những hạt và sóng vật chất quay tít trong vũ trụ, tới lúc nào đó tình cờ tụ lại trên hòn bi xoay gọi là trái đất, tạo nên một chấm bụi nhỏ xíu được đặt tên là thằng Thiêm. Thằng Thiêm hiện rồi biến chỉ trong một chớp loáng. Loài người đo kích thước và thời gian theo kiểu của mình, nói thằng Thiêm cao một mét sáu mươi chín, nặng sáu chục ký, sống sáu mươi năm. Thằng Thiêm tự hỏi: "Mình sanh ra để làm gì? Nếu chỉ cố ăn nhiều cho chấm bụi to thêm chút đỉnh, khéo lẩn tránh để kéo dài thêm một ly lai nào đó cái chớp loáng tồn tại phần mình, thì cần gì có mình trên đời? Trước khi tan biến vào mênh mông, mình phải làm lợi nhiều nhứt cho đồng loại, cho mai sau. Mình sẽ để lại một dấu vết có ích nào đó trên hòn bi chở mình". Nó nhìn, nghe, hỏi, nghĩ và kết luận rằng việc làm ích lợi nhứt lúc này là chống Mỹ, cứu nước, tiếp đó là chống bất công, nghèo khổ, dốt nát.

– Phi lộ cừ ghê ta

– Vừa thôi. Tại mày cứ nhấn rằng tao đơn giản, như người Pháp gọi thằng ngốc là thằng trí óc đơn giản…

– Ăn gian. Mày cố đọc giữa hai dòng chữ!

– Thôi được, tiếp. Có lẽ mày nghĩ: thằng Thiêm ấy à, cha nó làm thợ, nhà nó nghèo, nó vừa giữ trâu vừa theo học nhà trường kháng chiến, ôtômatich là nó yêu nước, thù giặc, nó theo cách mạng đắn đo gì nữa. Lầm to. Đứng trước sống và chết, sướng và khổ, người khờ nhứt cũng phải cân nhắc. Mỗi người có một cách chọn đường, mau hay chậm, nhẹ nhàng hay trầy trật, đúng hay sai. Hễ sai thì đã làm ngụy, làm tề điệp, luồn lách, trùm chăn, tùy mức. Mày với tao đã chọn con đường đúng là khổ chung rồi sướng chung với số đông bà

con. Mỗi đứa chúng ta đã được phóng lên do cái sức đẩy ban đầu của dân tộc, của cha anh. Như mày nói thì tao còn được thêm liều thuốc phóng của giai cấp nữa, đúng. Nhưng quyết định mỗi cuộc đời vẫn là sức bay của chính mình thôi Hảo à. Mày với tao không đứa nào là hòn đạn cả, bởi lúc nào cũng có thể trở nên anh hùng hay rớt xuống làm "chiến sĩ họ Đào", có thể lựa lái đường bay cho trúng đích hơn hay cố ý trượt ra ngoài. Nói chữ thì đó là tính năng động tự giác của người cách mạng, nghe hơi dài.

Duy Hảo ngó tôi trân trân. Lâu nay tôi ít cãi lý nên cậu tưởng tôi chỉ hứng là làm.

– Uống đậm nữa không?… Tới cái chừng mực làm cách mạng. Tìm chỗ khó hay chỗ dễ, trên đường rất xóc nên mở số bốn hay số một, số hai? Mày ngại tao chết, què, cảm ơn, tao cũng không thích vậy. Có điều tao nghĩ trong kháng chiến ai khỏe nên cầm súng đánh Mỹ, tao liệu sức đánh được nên cố xin ra trận. Cháy được năm năm ắt không phải lửa rơm. Mày chê tao dại à? Tao thích làm gì cũng tận sát bờ góc, vượt hẳn lên hàng đầu, đã theo cách mạng thì theo hết mình, đóng góp tới mức cao nhất, được vậy tao sướng lắm, hễ thậm thụt nửa vời thì chính tao là đứa buồn khổ trước. Mày coi, tao có quên phần tao đâu, tao rất khoái được hưởng cái hạnh phúc của sự tận hiến và những quý mến chung quanh mình. Đừng tưởng tao đánh giặc để kiếm chức, sau này may ra kiếm lương khá. Mỗi lần đề bạt tao lo ngay ngáy, mày thấy tao học ngày học đêm đó… Đến lượt tao khuyên mày. Mày góp công cứu tao sống, tao nhớ ơn mày… Chớ vội khiêm tốn, tao còn đập nữa mà. Tao thấy mày mới hết lòng chạy chữa cho riêng tao thôi, còn với các đồng chí khác thì mày một vừa hai phải. Anh em bệnh xá mến mày dễ dãi, vui tính nhưng lại yêu và phục anh Lẫm hay gắt hơn mày nhiều. Ngay cô chim én xinh xắn bưng khay thuốc đi bên mày miết, khi muốn tâm sự lại đến tìm tao, đúng chưa?

Tôi bắt chước các cô y tá vừa bơm thuốc vào mạch vừa xem nét mặt người được tiêm. Trán Hảo đỏ dần lên, cậu chỉ lặng lẽ rót nước vào chén. Chịu được.

– Mày giả bộ phớt đời, nhưng bên trong mày có mặc cảm, tao biết. Mày chơi tốt với mọi người, sao họ chỉ thân với mày vừa vừa?

Mày rất chiều Thu Yến, sao cô ấy lạnh mày? Vì mày cảm, nghĩ và sống theo lối trung bình. Anh em coi mày như người bạn giải trí, vài ngày một lần cười nở phổi với nhau, còn muốn học chuyên môn phải hỏi anh Lẫm là người say sưa yêu nghề, muốn hiểu bão táp chống Mỹ họ tìm tới anh em thương binh. Cùng đi trên đường dài, họ muốn gánh được thêm vài cân công tác, mà càng gánh nặng càng phải chạy mau chân, họ không thể kết bạn với anh chàng mang nhẹ đếm bước, có gặp nhau chăng chỉ khi đặt gánh nghỉ mươi phút xả hơi. Mày nói Thu Yến rất thông cảm với những buồn riêng của mày. Đúng. Nhưng sự thông cảm dừng ở đó thôi, còn cái mảng lý tưởng, hoài bão, còn những ước mơ đẹp và thiêng liêng nhứt trong hồn cô ấy thì mày không hiểu. Đem kể với mày để mày giễu cợt à? Tao tiếc lắm. Mày với Yến có thể đi xa hơn tình bạn nhiều.

Mặt Hảo đỏ gắt. Khó ngờ anh chàng đã từng gửi thư tán ba bốn cô một lần lại mắc cỡ như cậu học trò nhỏ bị ghép đôi. Bên trong lớp vỏ khinh bạc, một tình yêu trong trắng đang nở gấp, có lẽ rất mạnh. Hảo lắc đầu, cười gượng:

– Quỷ Cốc tiên sanh đã gieo quẻ…

– Bậy, sao lại bói? Yến rất muốn thân mày, dù chưa yêu. Cô em năn nỉ xin về vành đai, mong gặp mày tại đó, nhưng coi bộ thất vọng.

– Đã ngã ngũ gì đâu…

– Mày nên tình nguyện đi. Lớp trẻ tụi mình có nhiều câu hỏi lớn mà tuyến lửa mới trả lời nổi. Lẽ sống, nghề nghiệp, tình yêu, tình bạn… mày thử ít tháng coi. Cứu thêm được nhiều người thoát chết hay khỏi tàn phế đã đành, riêng mày sẽ đổi khác dữ lắm Hảo à.

– Nếu không bị cái gì cắt ngang…

– À, tao không đoán ẩu giùm ai. Phần tao đã tính kỹ rồi. Hồi nãy mày nhấn trúng một chỗ: tao không sợ chết mà sợ phải sống thừa. Có điều tao tin chắc tao không bao giờ thừa. Tao lòi ruột mà vẫn sửa ngon bộ đồ khám Đông Đức kia. Mất tay chân tao cũng xoay sở được, chẳng lo. Mà không phải chỉ kiếm ăn thôi đâu, tao còn sáng chế phát minh cho mày coi. Nếu có tay kỹ sư nào đuổi khéo tao như mày doạ đó, tao sẽ nói: “Chú chịu tàn tật để cháu được học, bây giờ

cháu dạy nghề lại cho chú đi, thêm một tay là quý". Hễ tao nằm dài kể công, hết trách lại đòi, thì tao đáng đuổi lắm. Còn nếu tay kia xì, trề hứ háy, nó sẽ rớt. Rốt cuộc, ta đoàn kết giúp nhau là hay nhứt. Chúng ta làm cách mạng đâu phải để nuôi mập một số đầu cơ chuyên nghề chạy chọt, lót ghế ngồi cao cho mấy tay rùa ăn giấy, thay thế bất công kiểu cũ bằng một bất công kiểu mới? Cô Mẫn của tao cũng góp sức hạ một tay con vua ở xã đó, tay này giờ tiến bộ nhiều…

– Gan vậy à?

– Không thì phong trào bị cản mũi, nằm ỳ… Chút nữa quên, còn cái khoản chục đứa con. Nhiều quá, quanh nồi cơm đặt vài cái máy xúc thôi!

– Chắc mày bực. Đang bay chín tầng mây, làm vệ tinh cho công chúa Arập…

– Bây giờ tao xuống đất. Hai đứa tao say mà rất tỉnh, không để cùn đời cạn điện đâu. Mày nhận xét Mẫn đúng cả, nhưng chưa thấy cái chất người. Mẫn thèm học ghê gớm, đang tự học riết. Mẫn làm nông rất giỏi, cũng là nghề chứ sao. Còn mặt mũi, chà, chín người mười ý, tạm coi như thuộc một trường phái riêng trong giới má hồng. Cái cốt lõi là Mẫn có sức vươn lên rất mạnh…

– Tất nhiên, anh hùng mà!

– Mày muốn tách riêng: anh hùng phần này của cô, gói cất đi, còn phần tình yêu này của tôi?

– Mày cần cả hai?

– Cả hai. Ở Mẫn, chất anh hùng quyện vô tình yêu rất rõ. Cho phép tao so sánh…

Tôi uống một chén nước để hãm đà. Không thể so với Mộng Nga được, bởi Hảo cố ghép Nga cho tôi, và Nga khác xưa nhiều rồi.

– Mày từng rủ hai cô thân nhất, Ánh Tuyết với … gì… Duyên Hương, cùng ra căn cứ. Ánh Tuyết khóc một dòng sông nước mắt. Cô Hương nói như thánh tướng rồi bận đi Đà Lạt nghỉ mát. Tất nhiên họ không ở lại Sài Gòn, Đà Nẵng để biểu tình như em gái mày! Chính mày đã đặt tên: một tình yêu còi xương, một duyên

phận buôn vàng Mỹ Ký. Thử điểm lại các cô mày thân, xem có ai dám đưa ngực che đạn cho mày, dám ăn đói mặc rách để sắm cho mày cái bán dẫn kia, dám lãnh nuôi một chồng hai con khi cần? Tất cả, Mẫn đều làm được gọn trơn. Nói riêng với mày, tao tin rồi Thu Yến sẽ như vậy. Mộng Nga qua nhiều cay đắng, cũng sẽ có chất anh hùng trong tình yêu mới, không chịu lấy một thằng đào mỏ nữa đâu.

Hảo thẫn thờ buông từng tiếng:

– Có nhiều cuộc đời phải bắt đầu lại từ đầu…

– Đừng bi, hết chiến tranh, Mẫn với tao cũng phải tập thích nghi gần như từ đầu. Tụi tao không lo. Thứ thép được luyện nhiều lửa rồi, đem đúc súng hay rèn lưỡi cày đều chịu ăn cả.

Chúng tôi nói với nhau những lời đốp chát ấy bằng cái giọng tưng tửng như bàn cách chữa tông đơ. Chưa biết câu chuyện càn khôn còn kéo dài tới đâu nữa nếu Thu Yến không vào bắt tôi tắt đèn đi ngủ. Tôi mời chuối khô, Yến ăn tự nhiên, cười tươi:

– Anh diễn thuyết cái gì nghe toàn Mẫn là Mẫn. Thiệt em chưa gặp ai còn trẻ mà dễ thương như chị. Trên cho em về Chu Lai rồi, nhứt định em làm đuôi theo chị riết.

– Theo cô Mẫn nhà tôi thì lu bù bom đạn!

Yến mở to đôi mắt bồ câu rất đẹp:

– Chớ sao nữa. Chị em dưới đó chịu được, em tập miết cũng chịu được, thua gì ai. Hồi mới xuống đường, nghe súng em sợ tái xanh, lát quen. Để rồi em tự tay bắn Mỹ anh coi.

Đợi Yến uống nước xong, Hảo mới đứng dậy bảo tôi:

– Viết thơ sẵn đi. Hôm nào tao xuống vành đai đưa tận tay cho Mẫn, khỏi sợ lạc.

Tôi thấy rõ Yến quay đi giấu nụ cười vui.

* * *

Tôi tập hành quân thêm hai ngày nữa. Chú Dé đi thâu đêm tới bệnh xá, chưa kịp nói đã mếu xệch miệng, rút đưa một mảnh giấy ướt mồ hôi.

Ta đã quét sạch địch trong quận Hiệp Đức, đang lùa vịt ào ào qua quận Quế Sơn. Anh Ba Tơ bị thương nặng, sau vài giờ thì chết, dặn gửi cho tôi chút kỉ niệm cũ. Trung đoàn gọi tôi về gấp, tạm thay anh làm tiểu đoàn phó D.210.

Tôi chống gậy dời bệnh xá lúc một giờ sáng, chú Dé mang giùm ba lô. Dừng nghỉ trong suối tinh mơ, tôi mới kịp mở gói quà của người anh lớn. Đó là một cái túi nhỏ dệt nhiều màu, những hình thêu vàng và bạc đã phai đục. Trong túi có một lá thư gần nát, chữ Lào loăn xoăn, mấy sợi bông trắng xen lẫn với tóc dài, một cái khăn nhỏ dính nhiều vết nâu nhạt, phải xem kỹ mới biết là máu lâu năm.

Chú thích:

(1) Lấy ngay bây giờ

(2) Đồ tể

(3) Tìm ra rồi! (tiếng reo của Acsimet)

Chương 25

Chuỗi đèn dù vừa úa màu một chút, chú Dé đã phóng gấp qua trảng cát. Dù ngụy trang bay xõa đằng sau như buồm.

Tôi hừ một tiếng lo lắng. Ban đêm máy bay khó thấy người, đành vậy, nhưng cái bóng đen hằn rất dài trên nền trắng kia, phình to gấp ba do tấm choàng phồng gió, vung vẩy lướt tới, thằng mù nhìn xuống cũng nhận ra: Đánh trên vùng cát, quên bóng mình là khốn ngay. Những đốm xanh đỏ vàng kết hình chữ thập lừ lừ xoay. Chiếc C.47 quay lại. Chú tiểu đội trưởng trinh sát thoắt biến mất. Tôi nép sau gốc dương, dòm mãi mới thấy một cái mu rùa nhỏ xíu úp sấp giữa mảng cỏ chông chông. Cậu Thắng cười phì, tôi cười theo. Đừng nói tụi Mỹ lớn xác, ngay chúng tôi cũng khó tin rằng cả người lẫn súng có thể khoanh tròn lại chỉ bằng cái thúng năm ang.

Máy bay qua khỏi đầu, Dé chồm dậy chạy tiếp dưới ánh sáng vàng bủng, ập vào chỗ chúng tôi, vừa lúc một chuỗi đèn mới lộp bộp xòe lửa trắng. Chú ngồi phịch trong bóng cây, thở như thụt bễ. Đại đội trưởng Thắng hỏi dồn. Chú lắc đầu, thả từng tiếng chật vật:

– Không… được đi…

Dé trông thấy tôi, mừng quá, nói luôn tiếng Co cho đỡ nghĩ:

– Lé ik hoi truốc né… Truốc hớ kơ xây. Gô gioi xê mình.

– Hú ơn Mỹ?

– Lé e[(1)].

Tôi dịch cho Thắng. Dé xốc súng, hơi lảo đảo, dẫn bộ đội rẽ sang phải rừng dương thấp gần sát chẫn sóng. Chú đưa trinh sát đi trước dò đường, vừa chạy một mạch bốn cây số về đón anh em. Sau một ngày chống đỗ bộ, trung đoàn đã rút hết. C.125 được cử ở lại phá thật nát những xác máy bay và xe sắt, lượm súng địch bỏ vung vãi. Tôi kèm cậu Thắng, rất khoái đi với xê mình.

Quá nửa đêm. Chiếc tàu chở máy bay phơi lưng phẳng giống cái hộp ngoài xa kia không thấy ánh sáng đèn, chắc đã cuốn gói. Ba tàu

chiến to còn đậu lại, điện lấm tấm năm bảy tầng, rọi pha quanh mình như nhện duỗi chân nhún nhún. Các cây pháo trên dưới hai trăm ly ngừng nổ, hôm nay chúng bắn đến chảy nòng. Còn lại hai chiếc gì như khu trục hạm mới đến mới đến thêm lúc chiều, đậu mé trong, vẫn giã cầm canh vào làng Vạn Tường. Một luồng lửa màu cam vọt chếch lên trời, một luồng khác đối xứng, lợt mà dài hơn, cũng loé trên mặt gương đục của biển. Trái đạn xẹt sợi đỏ dài, biến mất, rồi chớp trắng bật sau những bóng cây dương gẫy ngọn. Hầm tránh pháo của bà con trong làng vững lắm, cỡ đạn ấy chỉ đủ gãi bên ngoài.

Một cặp tàu đoan chạy rù rù lên phía bắc. Cặp nữa dừng cách chân sóng năm chục thước, xả đại liên vào mấy cái xác xe rải rác mà chúng tôi vừa đốt lại, cháy lửa ít khói nhiều. Hai M.113, một M.118, một tăng. Thứ tăng gì to gớm ghiếc, như chiếc tàu há miệng chạy lạc lên bờ, súng trên súng dưới quét ào ào, một mình nó đi làm nên cơn bão. Chúng tôi thúc dồn đạn lõm vào, nó liệt máy, câm dần. Đến khi chồng người leo lên vẫn trượt toanh toách. Một cậu vừa tới tháp pháo, bị nó xoay nòng gạt ngã xuống đất. Tôi với Thắng hè nhau xách bổng chú Dé ném lên đằng đuôi. Chú bám được, cạy nắp chơi luôn hai thủ pháo nửa cân vào ruột nó, đã hằm hằm rút trái thứ ba, tôi phải hét để dành. Soát lại, thấy tụi Mỹ trong xe bị hơi nổ lột sạch áo quần, xác xém từng chỗ, mềm nhũn. Bây giờ đạn Mỹ đang trượt trên vỏ thép của nó. Những viên đạn lửa lắp cách quãng đi thành tràng chấm dời như mũi kim máy may, thuốn vào đám cháy, vọt toé ra chung quanh, khá xa mới tắt.

Đại đội rút về phía nam. Tôi ngoái cổ lại xem hai chiếc tàu tuần rất là ăn quẩn cối xay kia, thấy thèm quá. Mò theo rặng dương đến gần, đặt cây 12 ly 7 mới lấy, chúng chưa kịp quay đuôi đã ăn ngay một trăm đạn vào bụng… Thôi đành, cứ nuôi đấy đợi dịp khác.

Trời sẫm, vắng sao. Mặt biển và trảng cát vẫn sáng gắt dưới đèn dù. Xê mình rải hàng dọc đi lẫn trong cây. Những bóng lạ không rõ hình người, gặp chỗ sáng bỗng hiện thành anh bộ đội vác bó súng hay thùng đạn to, loà xoà lá ngụy trang vẫn giữ dày. Dáng đi mỏi mệt và chắc chắn của người vừa thắng. Truyền khẽ những lệnh miệng bằng giọng khản và sẵn sàng cười. Vài tiếng gắt của một

trung đội trưởng nóng tính, nhưng rõ ra gắt yêu, vì cậu chiến sĩ hút thuốc lá vào bi đông vừa đi vừa hút kia đã hạ mười hai Mỹ trong ngày. Tôi thuộc nết xê mình, ngó sơ một vòng đã thấy ngay cái khí thế hăm hở mà kín đáo ấy. Nếu gặp một tiểu đoàn Mỹ chặn đường, những người đang bước uể oải trên cát lún, vừa đi vừa ngủ gật kia sẽ nảy lên như bị gí điện, bật lê nhào tới…

– Dừng lại, tản ra đợi. Thắng.

– Dừng lại…

Sáu chiếc UH.1B từ tàu mẹ ngoài khơi bay vào, một rọi đèn pha kèm một bắn. Còn gì nữa mà vớt vát cho mệt!

Tôi đứng trên trận địa của C.255. Anh Ba Tơ vẫn thường nhắc tới "xê thằng Long" bằng giọng kiêng nể: thua xê mình về khoa hạ máy bay, nhưng đánh xe thì vượt nhiều. Hôm nay, anh em 255 bẻ gãy hẳn một mũi đổ bộ của Mỹ. Chiếc tàu há mồm bị cháy đã được kéo về Chu Lai, chỉ cách mười lăm mười sáu cây số thôi. Còn lại hai cái xe M.118 chết ngập nửa thân không trục nổi, chiếc tàu đoan chìm ngoài xa hơn, nhô khúc cột nghiêng. Tôi đến bên Thắng, định nhắc cậu xem xê bạn mình đánh ngon, nhưng cậu đã tròn mắt khen trước:

– Anh coi, các chả ném pháo thủ như đánh đáo lỗ! Còn tay Nhự nữa, ăn chiếc tàu mất đâu có hai ba trái cối, nó ưa bắn không lắp chân. Xác Mỹ còn kia, anh Thiêm!

Ba cặp trực thăng dăng hàng ngang kéo tới rầm rộ, chưa tìm được gì. Ba luồng đèn pha xanh lè, rọi tới đâu đất lồi cao lên tới đó, bóng cây đổ dài và xoáy như kim giây đồng hồ. Một cái xác Mỹ vùi ngửa dưới cát chỉ cách tôi hơn một chục thước, hiện lên rõ như ban ngày với nửa đầu hơi ngoẹo, bàn tay, hai khúc chân từ gối trở xuống, một co một duỗi.

"Các G.i[(2)]! Ra khỏi căn cứ phải luôn luôn mở mắt dòm chừng, dù có con gái Việt Nam xinh đẹp đi gần.". Trại lính Mỹ dán đầy những áp phích nhắc vậy. Thằng Mỹ này mở to mắt nhìn lên. Bấy nhiêu thứ ánh sáng giả chỉ đủ làm cho nó hoa mắt, còn bầu trời trên cao kia vẫn đen và khép kín. Bọt trắng mỗi lần lên xuống đều nấn ná xoáy tròn chung quanh mặt nó, nước biển Đông chưa quen đón nhiều mồi

cá loại này, còn tò mò. Sẽ quen thôi. Sóng loang loáng ánh dầu mazut màu thép có nhiều vân, đẩy bập bều những hộp khẩu phần C, một trái táo, mấy lá thư, gói thuốc lá, nhiều mảnh ván từ tàu dạt vào. Thêm mấy con sứa nữa.

Chẳng phải vạ đi moi cát tìm súng dưới đèn dù đèn pha. Cũng không chôn xác được. Kệ nó.

Tôi đứng đợi, vẫn ngó tên Mỹ. Khi còn là nô lệ đào mỏ vàng bên kia biển lớn, nó chỉ là nạn nhân. Bước sang đây, có lẽ nó vẫn tưởng nó là nạn nhân, chưa biết tội mình lớn đến đâu. Nó đã làm tất cả những gì có thể làm để được sống sót. Nó cầu chúa, mua con heo gỗ và câu thần chú giữ mạng của một người lính thế chiến thứ hai bán lại bằng giá rất đắt, xem bói năm bảy lần và cố giết tất cả những người da vàng nào mà nó nghi có thể hại nó, cả trẻ em và bà già.

Bây giờ nó bị giết, Sư đoàn lính cổ da của nó đã rút, con thú bị thương chui vào hang Chu Lai liếm vít rồi. Trong đêm nay, con nước lên sẽ làm một trong ba việc: vùi nó sâu dưới cát, đưa nó ra cho cá ăn hoặc buông nó vào một dòng hải lưu nào đó, cho trôi mãi đến tận đâu không rõ, Úc hay Nhật, đày nó vào cảnh cô đơn khủng khiếp mà chỉ một xác chết mới chịu nổi. Bạn đường của nó hoạ chăng chỉ có mấy con sứa kia, mang trên lưng cái hình vẽ bốn nhánh mầu xanh lá - hình con bài tép chuyên báo điều may mắn cho người phương Tây - như một lời mỉa mai bám mãi lấy nó. Một đợt sóng lật ngửa ra, lại một dịp nó mở to cặp mắt hỏi trời cái câu vì sao đã lộn tròn trong đầu khi nó ngã nhào, giày đế sắt vừa đạp vài bước trên đất của ta. Nó không kịp hiểu lời đáp bằng chì bọc đồng đã vào giữa ngực.

Tôi bàn với Thắng:

– Chôn quách thằng kia hè!

Thắng liếc xéo tôi, gãi tai:

– Tụi nó không để mình chôn…

– Ta đào sẵn cái hố chỗ này, ngớt đèn ra lôi tuột nó vô, lấp luôn. Mau thôi mà.

Anh em mệt, đói, buồn ngủ, nhất là buồn ngủ. Hai đồng chí được giao đào hố lẳng lặng rút xẻng làm ngay. Hố khá sâu. Bầy trực thăng vừa đổ sang rọi làng phía tây Vạn Tường, thêm hai cậu nữa tự ý ra

giúp nhấc cái xác Mỹ vào, không kéo lê. Xách luôn được cây M.16 nằm lọt dưới hông nó. Mươi phút sau, từ cuối hàng quân có bốn cậu chạy lên theo. Bê Một đi đầu cười rúc rích:

– Mỹ to con, bắn dễ trúng mà chôn thiệt ớn.

– May nó có thứ trực thăng hốt xác…

– Xì, cái Chóp Chài năm ngoái nó hốt đâu, ném bom giết sạch tụi bị thương. Mất công mình băng từng đứa mệt đừ.

– Đồn ngụy, nó kể số gì.

– Để coi, đó rồi Mỹ hủy diệt Mỹ, biết đâu. Kẹo cao su đây này!

– Kẹo gì lại lạt nhách, bã là bã…

Lũ trực thăng bắt đầu xổ đạn. Ba cái chổi trắng, giờ thêm ba cái lược đỏ chải rất kỹ khoảng đồng từ Vạn Tường đến chân núi Phổ Tinh, nơi sáng nay trực thăng rụng nhiều nhất. Pháo lớn vẫn nã đều vào làng, tàu đoan bắn dọc bờ biển, tất cả đều tàn bạo và ngớ ngẩn, đều thiếu lòng tin đến cái độ tuyệt vọng.

* * *

Diệt đồn xong, chúng tôi có thể thấy hết chiến thắng phơi ngổn ngộn ra đấy trong vòng kẽm gai. Dứt một trận lớn như Vạn Tường lại khác, nỗi mừng đến chậm, kéo dài, to lên mãi, khám phá thêm mãi. Cả tháng sau, khi trung đoàn đã lên đường vào Bình Định, "tiếng người thương" rủ rỉ trong tai tôi vẫn còn đưa tin thêm về cái ngày chống càn không mấy ghê gớm kia. Té ra tụi Mỹ coi cú đổ bộ ấy là trận tấn công phối hợp hải lục không quân lớn nhất của Hoa Kỳ từ trân Ôkinaoa tới nay, và chịu nhận nó là thất bại nặng nhất của quân chủng lính thủy đánh bộ Mỹ từ xưa đến giờ. Một lần nữa, trung đoàn tôi tô đậm câu trả lời thắng được.

Quân ta chỉ việc toét miệng cười với nhau. Cứ như khi bắn rớt trực thăng, tưởng nó chở muối mè, lại lôi ra được một thằng tướng đeo đầy những sao! Thêm một Quân công giải phóng hạng nhất anh em càng nhẹ chân leo núi giữa mùa mưa. Mỗi đồng chí thường ít nói mình được bao lần khen thưởng, nhưng rất thích khoe lá cờ danh dự mà xê mình được tặng sau trận núi Sàm, hay những huân chương cỡ lớn gắn trên ngực con-người-trung-đoàn-thép.

– Mưa chơi chơi, các nơi mưa nữa!

– Ba lô nhúng nước không kịp phơi…

– Thôi mày, ướt còn cháy mất.

– Nhìn áng mây che mịt mù rợp trời[(3)], bài hát đó, coi như mưa là cái chắc!

– Dầm bấy nhiêu chưa đã ngán sao ông?

– Trời mưa có đất chịu, mình đi giữa hề gì!

Bước đi của mưa miền Trung dễ thấy.

Vào hè, khi khói đốt rẫy toả nâu xám trên các sườn núi, mưa còn ẩn đâu đó sau đỉnh cao, chỉ hé một vẩn mây đen và buông đôi tiếng sấm xa thúc giục. Mỗi xế chiều mây lan thêm một ít về đằng đông, đưa sấm đến gần. Những giọt đầu tiên rơi xuống to bằng hột bắp nhảy trên mặt đất nung khô như cơn mưa đá, xốc bụi mù, gọi lúa rẫy ngoi lên. Rồi những cơn mưa giông chiều vừa nhích về đồng bằng từng bước một, vừa lấn vào ngày và đêm: mưa bắt đầu sớm hơn, dứt chậm hơn. Cứ vậy từ tháng này qua tháng khác cho đến khi giáp vòng hai mươi bốn giờ mưa tròn trĩnh. Cái vòng mưa thành hình trong một ngày, biến đi, lại hiện ra suốt hai ngày, ba ngày. Bây giờ, cả miền Trung ngập trong mưa trắng mênh mông.

– Mưa gắt cho tàu bay rã cánh đi ông ơi!

– Mùa khô Mỹ chết khô, mùa ướt Mỹ chết… chết tươi, cũng được. Có bài báo tường mà thiếu cái tường, ôi chiến sĩ Vạn Tường!

– Cô giao liên thân mến ơi, nuôi vắt chẳng chịu nhốt, thả chạy cùng rừng vậy á?

– Ông trời vừa nắng vừa mưa, bầu trời…

– Giôn-xơn thắc mắc kiện thưa ông trời. Hay, ta hè?

Trong các căn cứ ven biển, quân Mỹ nhìn mùa mưa từ núi đi xuống bằng con mắt kinh khiếp. Thoát cái nắng giết người, rơi ngay vào chiến dịch nước. Thêm nước nữa trên cái xứ đã quá thừa thãi nước này, lạy chúa tôi… Đó là mùa của những hầm hào sục bùn lỏng tới gối, những cặp chân loét chảy máu trong giày ống, những chiếc cầu lặn xuống đáy sông sâu, những máy bay tiếp tế không tìm ra kẽ hở trên nền mây để thả dù, những phản lực cụp đuôi và xe

tăng phủ vải bạt, những bom thả lầm và pháo đấm lưng, những đạn cối bay và đồn rất kín giữa sấm chớp và gió hú, những lính cảm tử của Vixi đút ngòi thuốc nổ vào tận chỗ nằm, chao ôi! Quân Mỹ nằm chập chờn trong lô cốt ngập, chiêm bao thấy dãy núi trên kia lừ lừ bước xuống trong mưa, dễ sợ hơn cả những điều khải thị của thánh Giôn. Chúng tỉnh dậy, bốt gân dựng tóc, muốn gào lên một tiếng đứt hơi trong sự chờ đợi quá căng, chờ bị đánh. Khi bị đánh thật thì dễ chịu hơn nhiều, bộc phá hay lưỡi lê ném thẳng chúng từ giấc ngủ vào cõi chết, nhẹ bỗng.

Chúng tôi ra trận dưới mưa, thi gan chịu cực với Mỹ.

Tất cả đều giống tháng này năm ngoái, nhưng lụt nhẹ hơn. Chỉ một năm thôi ư? Một năm…

– Plâyme có gì mới không, Thiêm?

– Thơ mụ xã ở Mộ Đức đây, đứa nào coi bỏ ra điếu thuốc thẳng. Ôkê Xalem!

– Ghì khiếp lắm, Mỹ la trời.

– Chẳng thà cắt tóc đi tu, lấy vợ Mộ Đức…

– Êm cũ rích, đèn đỏ, cờ xanh, đuôi thằn lằn, lạc hậu một cây.

– Nó phải ném bom sát bờ kẽm gai, dữ dằn.

Đời người có năm dài và năm ngắn, có ngày sườn dốc và ngày chóp đỉnh. Tôi đã thêm một tuổi thật to, tuổi bản lề giữa hai cuộc chiến tranh liền nhau, ba trăm sáu mươi lăm ngày đầy ắp cái mới, mỗi tờ lịch của riêng tôi đều muốn được in chữ đỏ. Biết Mẫn cũng tròn một năm rồi. Để nhớ lần nổi cáu đầu tiên ấy, tôi đã gửi thư biếu Mẫn tám thằng Mỹ mà tôi tự tay bắn gục ở Vạn Tường.

Bầy cháu nội ngoại sẽ nghe tôi kể: “Ông gặp bà giữa hồi núi sụp rầm rầm, nước dâng như chưa hề ghi trong sử sách…”. Chúng cười khì, tưởng tôi mượn chuyện thời vua Hùng. Nếu nói ông thắng trận Vạn Tường, bà ở làng Cá mới được mấy ngày rảnh tay chống càn mà làm cỏ ruộng, lại có vẻ xếp đặt cho trẻ con dễ hiểu. Sự thật lắm khi khó tin hơn lời bịa. Đành vậy, lớn lên chúng sẽ biết, sẽ nhớ. Tôi phải giúp chúng nhớ. Đừng để những bông hoa mai sau tự rứt mình ra khỏi cây vì không muốn dính dáng với bầy rễ cắm vào bùn.

Mẫn hứa viết cho tôi ít nhất nửa tháng một lần, không sợ tôi chê dốt chữ nữa. Lá đầu tiên đã đến, chậm hai tháng. Nó đuổi vòng vèo theo tôi ra Quế Sơn, vào Vạn Tường, lên núi một quãng, lại rẽ hướng Bình Định. Một chuỗi thư trắng. Một đàn bồ câu nhỏ đang nối nhau bay tìm tôi theo con đường bùn xuyên rừng, có mồ hôi và máu vắt cắn chảy trên những dấu chân bấm sâu năm ngón, thêm những lỗ tròn chi chít của gậy chống nặng tay viền hai bên mép. Sẽ thoảng mùi mít chín trên tờ giấy từ vở rút ra, mang nét chữ tròn vo giống cô Cang sắn luộc, có đủ tin bà con chòm xóm, phần riêng Mẫn chỉ được riêng một câu thương nhớ cuối cùng. Chuyện xưa của ta vẫn đặt câu hay nhất ở cuối.

– Yoong Thiêm ơi!

– Gì đó?

– Lan nơi nau xang cau xúc pí, yoong Thiêm? Rơngót pơnay chắc![(4)]

Trung đội trưởng Bôn hay khích tôi học tiếng Gia Rai của cậu, lấy cớ rằng Bình Định với Gia Lai như môi với răng, tôi lại chỉ nói được một ít tiếng Co với tiếng Cà Tu, vậy là bạc bẽo. Tôi hiểu câu hỏi dò nửa đùa nửa thật ấy, vẫn giơ hai tay xin hàng.

– Cau pí xúc piai Gia Rai![(5)]

Đường này thẳng về quê cậu Bôn, nhưng chúng tôi sẽ dừng tại An Khê. Chưa được phép nói, Tôi cũng chưa biết chiến dịch sẽ mở rộng hướng núi hay biển, Bôn sẽ được gặp vợ hay tôi sẽ về gần Quy Nhơn, đón má tôi với Út Hiền ra thăm một chút.

Quân ngụy Nam Triều Tiên đóng chật cứng trong phố cảng, giá gạo củi tăng gấp ba bốn lần, thở sao nổi, còn chưa nói tới tụi ác ôn rồng xanh cọp trắng ấy phá phách đến chừng nào. Má tôi không bao giờ chịu làm những nghề vặt có dính líu tới địch, như giặt ủi, bán quà hay may vá vặt, má sẽ sống bằng gì và lấy gì nuôi Út Hiền hoạt đông? Hồi đầu năm, chị chủ tịch xã quê má đã rỉ tai rằng em gái tôi "còn nhỏ chút mà được tin cậy lắm", bởi một anh tỉnh ủy đã dặn sẵn sàng đón Út Hiền nếu bị lộ, không ở Quy Nhơn được nữa. Tới đó gia đình tôi sáu người sẽ ở đúng sáu nơi. Ba tôi sửa ô tô trên tuyến

lửa khu Tư, gửi thư nói anh Hai đi học tên lửa bên Liên Xô chứ không sang hải quân, chị Ba lấy chồng trong sông Cầu…

– Bê năm hai!

– Bê năm hai!

– Bê…

Lệnh báo động truyền gọn, vọt rất nhanh, mỗi tiểu đội chỉ nhắc một lần và lập tức tản rộng tìm chỗ núp. Hèn gì nãy giờ trời tạnh mà không thấy máy bay lảng vảng. Tôi đi gấp lên chỗ tiểu đoàn bộ. Anh Sáu Ngân tiểu đoàn trưởng, Năm Cẩn chính trị viên phó đang đứng bên bực đất hõm ven suối, chuyền tay nhau cái ống dòm chiến lợi phẩm:

– Thiêm ơi, cây sáng kiến nghĩ ra cách hạ tàu sừng trâu chưa?

Tôi cười, đón ống dòm:

– Đưa đặc công qua đảo Guam. Chiếm tàu bay Mỹ bay lên đánh. Không thì đợi anh Hai tôi khiêng tên lửa Liên Xô về!

Tít tắp trên chân trời nhô lên một sợi khói trắng, duỗi ra rất chậm, bốn năm phút sau mới tới gần. Đuôi to, đầu nhỏ, trên cùng có một chấm đen: một con sán xơ mít căng dài trên trời, các thức giun sán khác phải tránh hết. Nó vẫn nhoi lên. Đã thấy rõ sợi khói gồm bốn tao song song, phụt từ cánh một chiếc máy bay rất to, xương xẩu, duỗi cặp cánh gầy ra sau như con trâu sừng chéo. Gió thổi rất mạnh mà sợi khói đứng im, chỉ nở đuôi dần dần, kẻ một vĩ tuyến đâu hơn chục cây số trên cao. Tiếng máy rì rì rất nhỏ. Tôi xoay ống dòm, tìm. Sau chiếc dẫn đường, từng tốp ba chiếc một lừ đừ bò theo, cách quãng khá xa.

– Lệch sang trái rồi Mỹ ơi. Tụi tao ở đây kia mà!

– Cho đi nghen?

– Đợi chút, gần tới chỗ nghỉ…

Bà con quen gọi là tàu bảy đầu, bởi thấy một đầu giã, bốn cặp động cơ, hai thùng dầu phụ. Đúng ra là chín đầu. Năm Cẩn ưa truyện cổ, thường nhắc tới thứ “cửu đầu trùng” thời Tây Du sót lại sau trận đòn của Bát Tý Na Tra, vừa bay vừa nhổu máu trên biển Đông, truyện viết rõ rằng tới nay còn gặp. Một thứ bửu bối ném

thêm vào đất này chỉ đủ làm nảy một thần thoại mới. Đấy, hãy xem Vạn Tường hay làng Cá. Đàn chim dữ ỉa ra sấm sét bằng mười lần, mười cơn bão, cua sắt và chuồn chuồn sắt bay trên bò dưới, nhả ra đông như kiến những con quỷ đầu xanh trơn bóng, mình có vây cá, chân đen gót sắt, vừa đi vừa khạc tiếng nổ, thổi lửa, phun khói độc. Người Việt đánh tan hết. Trong những chuyện Thạch Sanh hay trường ca Đam San của thời hạt nhân này, có thể lấy tên cô Mẫn mau nước mắt, chú Dé chưa kịp lớn và vô vàn người khác.

Thảm bom bắt đầu rải ầm ầm mé bên trái, cách chúng tôi chừng sáu cây số núi. Tiểu đoàn đi tiếp.

* * *

Một quãng rừng vừa bị "tàu cánh dơi" B.57 chặt cây đổ lổng chổng hôm qua. Đến hai cây số rừng non trúng chất độc hoá học và napan nhiều lượt, nay đang đâm chồi mới, những búp lá nhỏ xíu mở rụt rè như mắt trẻ em trên thân cây xém. Rồi tiếp rừng đại ngàn, cây lớn cây con chen nhau ngoi lên trời, dây leo trườn đan võng, rất nhiều bụi đang rủ lá xù xì đuôi sóc hay buông cái ngọn khô giống một chuỗi cẳng cò chắp lại. Trung đoàn bộ đây rồi.

Ba chúng tôi chưa rẽ vào vội, đứng bên đường ngắm anh em đi cho sướng mắt, anh Cẩn với tôi còn phải cố nhớ mặt nhớ tên từng người. Tôi rất ngượng khi gọi lầm tên, mà các chiến sĩ mới lại giống nhau như đúc. Tuy đã chính thức làm tiểu đoàn phó nhưng tôi chưa thật nhập vai. Chà, cứ chơi vơi thế nào, "ngó không trùm kêu không khắp", anh Ba Tơ nói đúng. Và cái cảm giác gắn chặt với xê mình suốt mấy năm qua vẫn còn y, tôi chưa kịp quen với hai tiếng dê mình. Phải cố tập cho nhanh.

Năm Cẩn huých tôi, rỉ tai:

– Xê mình coi bặm trợn chưa kìa?

Tôi chỉ cười, gật, nhưng tim đập vội. Giữa chúng tôi có cái bí mật nho nhỏ ấy: thương xê mình hơn một chút, chút xíu thôi, không nói ra nhưng anh em đều cảm thấy, cũng như cảm thấy anh Ba Tơ còn đi chung đánh chung với cái đại đội mà anh khai sinh và gièn giũa. Cậu Thắng mới hăm bốn tuổi, khi nghe trên điều về C.125 đã hoảng tam tinh, nay cũng như tôi, quen dần. Hay nhỉ, quân ta cứ như đi

ngược thời gian, mỗi năm lại trẻ thêm một ít, lứa tuổi của tôi bây giờ trong hàng cán bộ được coi như cỡ trung bình. Những khuôn mặt thân diễu qua, cười, ném vội một câu làm quà:

– Gặp tiền trạm chưa, anh Thiêm?

– Anh Cẩn, thằng Hớn đòi đi, không cho khiêng đây nè…

– Còn thuốc cho điếu, Thiêm?

Đúng là xê mình bặm trợn. Vác nặng, mặc quần đùi áo lót chống gậy lội bùn mà vẫn rõ khí thế Vạn Tường. Tôi trả lời vội, giúi điếu thuốc, ném trả một câu vào lưng cậu vừa ghẹo. Cái bận rộn tíu tít này, vắng nó tôi nhớ kỳ cục lắm, như đứa trẻ nhớ nhà mẹ đông vui hay bà mẹ nhớ bầy con lộn quấy.

Ban chỉ huy trung đoàn ở một lán to lợp hai pông sô và hai tấm tăng. Mươi người ngồi xổm ăn cơm. Anh chính ủy ngoảnh ra, mép dính nhọ nồi;

– Hai trăm mười hả? Đợi chút, tụi mình đói mờ mắt. À, nè Thiêm, cái bụng thiệt tốt chưa?

– Số một Đông Dương!

– Ờ, lát có chuyện.

Tôi đã bỏ nhỏ trước, xin nắm một đại đội đánh mũi chính. Được xê mình càng hay. Chớ nên mừng vội, lỡ có lệnh biệt phái keo nữa thì sao.

Chúng tôi xuống suối rửa. Anh Ngân lập tức cởi áo quần, ném đá ùm ùm, hụp xuống mò cá trong hang. Năm Cẩn rửa những cành chè ngụy trang, đun nước bằng những viên cồn Xtécnô mà anh em vẫn quen gọi là xăng đặc. Cái nạn lầm phó mát với mìn dẻo, coi sôcôla là chất độc đã qua nhanh, lính mình biết bắn M.79, xoay mìn định hướng, cũng quen xơi các món lạ miệng của Mỹ, tất nhiên là phải thử kỹ. Tôi nhét ống nghe vào tai, lần tay đẩy núm vặn cái máy bán dẫn trong túi ngực, xong mới cởi quần dài để khâu vội đường chỉ đứt. Nhạc hùng một phút.

Mời các bạn nghe tiếp bài bút ký “Thăm vành đai diệt Mỹ Chu Lai” của Thu Duy, do thông tấn xã Giải phóng phát.

À, tin quê mới. Tên người tên đất viết tắt cả, biết ai là ai. Đâu như chuyện vùng Đông Bình Sơn. Ủa, mà… chị M. có đôi mắt đậm nét, cây cácbin liên thanh… ôi chao, Mẫn đây rồi! Tôi cuống quít xoay núm cho tiếng to thêm:

…Chiều đã ngả. Chị M. dẫn chúng tôi đi xem ngôi đình lớn đã bị giặc Mỹ dã man đặt mìn phá sập, cả cây đa cổ thụ cũng bị đánh mìn trốc gốc. Giữa quang cảnh tàn phá ấy, hình ảnh người nữ du kích vành đai nổi lên hết sức kiên cường. Cô gái hai mươi mốt tuổi này đã trưởng thành trong khói lửa, nay là người chỉ huy du kích đầy dũng cảm và mưu trí. Cây cácbin báng cong của chị đã diệt trên bảy chục tên giặc, cả Mỹ lần ngụy…

Mặt tôi nóng rực. Mẫn đến với tôi bằng con đường ít chờ đợi nhất. Thu Duy là cậu Duy Hảo với cô Thu Yến, chém chết không sai! Mẹ S. giựt lại cặp heo, có lẽ mẹ Sáu. Cô Út L. đưa truyền đơn cho lính Mỹ, em Liềm rồi. Bác N. là ai? Anh S nữa… Con nít thật, tôi nghe đài mà cứ đòi toàn chuyện người quen sao được. Đồng chí Ba T. ném thủ pháo diệt xe rất trúng đích, có đôi mắt giống chị, nay là tiểu đội trưởng du kích rồi, thằng Tâm khá lắm. Hảo ơi, kể nữa đi, lạy mày, mày nói chữ in ít chớ!

Trước khi sang xã khác, chúng tôi thóc mách hỏi chị M. về đời tư. Người yêu của chị là một anh bộ đội giải phóng nhiều tài đức, đã cùng chị chiến đấu và đổ máu để giành lại quê hương. Chị ngượng ngùng đáp: “vậy đó, ảnh với em như bông bạc giữa dòng…”

Thêm mấy câu chung chung nữa rồi nhạc nổi, “Các bạn vừa nghe xong…”Tôi ngẩn ra, cái quần đứt chỉ cầm tay, đợi đài chuyển qua buổi khác. Tôi hụt mất phần đầu của bài bút ký, gọi là nhắn tin cũng được, chỉ còn bần thần gỡ mấy con vắt no tròn trên chân.

– Mời các vị lên. Úi mẹ, thằng Ngân được ba cá niên!

– Dốt, hai niên, một vọp, một sốc đây nữa. Cho mày con sốc. Tối nay mặc sức húp canh chua nè Thiêm!

Chúng tôi kéo vào lán, bẻ lá lót đất nhão, đặt ba lô trên lá, cưỡi ba lô, lật sổ tay. Trung đoàn trưởng cao chạm mái nhà, vừa lau miệng vừa nói hối hả:

– Ta làm hè. Tham mưu cho biết quân số… Hoan hô. Bà con kịp nghe bản tin trưa nay chưa? Ta đánh hai trận khủng khiếp ở Chu Lai, Đà Nẵng tối qua. Đài mình mới nhắc tin phương tây sơ sơ. Điện của quân khu hồi chiều bảnh lắm, mộ trăm tàu bay trở lên, đang đợi thẩm tra. To nhứt cái anh Chu Lai, chà chà, cả đặc công cả cối, diệt phi công như sắp củi. Còn cánh Plâyme lập kỷ lục diệt tăng với xe thép toàn miền Nam rồi, ghì dữ dội, sư không vận Mỹ rún xương. Mình nghe, mình cứ đánh gậy trong bụng. Coi thử trung đoàn Vạn Tường làm ăn sao cho biết…

Anh ngây mặt nhìn chúng tôi như cố nhớ một cái gì, quờ tay tìm cái ba lô treo trên mấu cây, rút một chiếc đũa ngà voi, đập đập vào không khí, quay vào tấm bản đồ vẽ tay treo đứng.

– Tới lượt tội mình rồi… Hốt mảng này!

Anh gõ bộp đầu đũa.

Một cụm cứ điểm nằm trong nét khoanh đỏ đậm nhảy vọt vào mắt tôi, choán hết luồng nhìn. Có đến sáu bảy cái tam giác đen to nhỏ. Một quả bóng nào đó vỡ nhẹ trong ngực tôi, toả hơi ấm đến chân tay. Đánh to. Đánh rất to!

Đất Tây Sơn mà. Về chỗ có “cây đa khởi cổ, cây cầy xuất binh” của Nguyễn Huệ, chơi vậy mới đã. Từng tảng đá rêu phong sẽ ngửng đầu xem con cháu Bác Hồ đánh Mỹ, gật đầu khen giỏi. Trinh sát của ta đã sờ nắn mãi mớ ung nhọt kia, đánh dấu vết rạch bằng hai gạch chéo trên bản đồ. Các lưỡi dao đã gí tận nơi. Nhiều bàn tay muốn cầm dao.

Bắt gặp mắt tôi khẩn khoản, anh chính ủy cười, gật gật, xỉa một ngón tay. Tôi nổi rôm cả người. Được nắm mũi nhọn rồi! Hết biệt phái tới nằm viện, nay mới gọi là có chút đền bù chứ!

– Đà Nẵng, Chu Lai chưa gượng dậy ngay. Plâyme đang hút địch mạnh. Ta làm keo này được lợi nhiều bề, vậy chớ phải coi chừng nó rút lính thủy đánh bộ Mỹ ném lên chữa cháy, sư Ba nó còn đông…

Càng hay anh ơi. Cho tôi ích kỷ chút xíu, tôi đang muốn giết đỡ cho Mẫn một ít lính cổ da đây… Mà công bằng thôi. Đánh Chu Lai, chắc Mẫn lại kẹp cácbin đưa các anh đặc công lội trắng đêm trên cát và đời nào em tôi chịu vắng bóng trong đợt pháo hoa cuối cùng. Tôi

chia lửa cho Mẫn là phải, riêng tây gì đâu. Phải không em, Mẫn, dù anh đi khắp chân trời góc biển, mỗi lần ra trận chúng mình lại gặp nhau; có phải lúc này em đang quấn quít bên anh, em gần đến nỗi anh chỉ đẩy ngón tay đặt nên tim là nghe ngay tiếng người thương rủ rỉ trong tai, kể rằng quê ta thắng Mỹ rất ngon và hai đứa mình là bông bạc vẫy hai ngón giữa dòng?

10-1971

HẾT.

Chú thích:

(1) Đi đường này không được… Đường kia tốt. Tô dẫn xê mình

– Nhiều Mỹ không?

– Không có

(2) Tiếng dùng để gọi lính Mỹ.

(3) Bài hát của Lưu Hữu Phước

(4) Đường này đi đến nhà tôi được không, anh Thiêm? Nhớ vợ quá (Tiếng Gia Rai).

(5) Tôi không nói được tiếng Gia Rai!

LỜI NGƯỜI VIẾT

Cuối sách, tôi xin đề gửi lòng biết ơn không bờ bến tới đồng bào đồng chí ở Tam Kỳ và Bình Sơn – hai huyện bao quanh khu căn cứ Chu Lai – đã nuôi dạy và che chở cho tôi suốt những năm tôi công tác tại đấy.

Tôi cũng xin nhắc rằng tất cả những tên người, tên đất, tên sự kiện lịch sử trong tiểu thuyết này đều là mượn tạm hoặc do tôi đặt ra.

PhanTứ